www.thuvien247.net

QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN
VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN SỬ HỌC

# ĐẠI NAM NHẤT THỐNG CHÍ

## TẬP 3

NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HOÁ

www.thuvien247.net

QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN SỬ HỌC

Phiên dịch và chú giải

# ĐẠI NAM NHẤT THỐNG CHÍ

Tập 3
(Tái bản lần thứ hai)

Người dịch: PHẠM TRỌNG ĐIỀM
Người hiệu đính: ĐÀO DUY ANH

NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA
HUẾ - 2006

www.thuvien247.net

# ĐẠI NAM NHẤT THỐNG CHÍ

*QUYỂN IX*

## TỈNH BÌNH ĐỊNH

Đông tây cách nhau 135 dặm, nam bắc cách nhau 420 dặm, phía đông đến biển 36 dặm linh, phía tây đến Man động 99 dặm, phía nam đến địa giới huyện Đồng Xuân tỉnh Phú Yên 45 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Mộ Đức tỉnh Quảng Ngãi 154 dặm, phía tây nam đến Man động 48 dặm, phía tây bắc đến địa giới sơn man hơn 100 dặm, phía đông bắc đến biển giáp địa giới tỉnh Quảng Ngãi 137 dặm, phía đông nam đến địa giới tỉnh Phú Yên 40 dặm. Từ tỉnh lỵ đi về phía bắc đến Kinh 647 dặm.

### PHÂN DÃ

Theo thiên văn thuộc về khu vực sao Dực, sao Chẩn, về tinh thứ sao Thuần vũ.

### DỰNG ĐẶT VÀ DIÊN CÁCH

Xưa là đất Việt Thường Thị, đời Tần thuộc Tượng quận. Đời Hán, năm Nguyên Đỉnh thứ 6 (111

www.thuvien247.net

tr.C.N.) đặt huyện Tượng Lâm thuộc quận Nhật Nam. Đời Hậu Hán, vì cuộc loạn năm Sơ Bình[1], viên công tào huyện Tượng Lâm là Khu Liên giết viên huyện lệnh, tự xưng Lâm Ấp vương. Đời Tấn, đặt quận Nhật Nam, huyện Tượng Lâm chỉ là kị mi mà thôi. Đời Tuỳ, năm Đại Nghiệp thứ nhất (605) bình Lâm Ấp, đặt châu Xung, sau đổi làm quận Lâm Ấp, thống lãnh bốn huyện (Tượng Phố, Kim Sơn, Giao Giang và Nam Cực). Nhà Tuỳ bị loạn, đất nầy lại thuộc về Lâm Ấp.

Nhà Đường, năm Trinh Quán thứ 9 (635), lấy quận Lâm Ấp đặt Lâm Châu lãnh 3 huyện (Lâm Ấp, Kim Long và Hải Giới), đặt nhờ lị sở ở phía nam Hoan Châu, còn đất thì bị Lâm Ấp chiếm cứ đến cuối đời Trinh Nguyên (803) thì bỏ. Sau là đất hai thành Chà Bàn và Thi Nại của Chiêm Thành.

Nước ta đời Lê, năm Hồng Đức thứ nhất (1470) đánh được Chiêm Thành, mở đất đến núi Thạch Bi và chia đất nầy làm 3 huyện Bồng Sơn, Phù Li và Tuy Viễn, đặt phủ Hoài Nhân, lệ vào Quảng Nam thừa tuyên. Nhưng từ núi Cù Mông về nam vẫn là người Man người Lạo ở, chưa có thì giờ kinh lí đến.

Bản triều Thái Tổ Gia Dụ Hoàng Đế năm thứ 21 Mậu Dần (Lê Quang Hưng năm thứ nhất – 1578)

---

[1] Sửa là Vĩnh Hòa (137)

www.thuvien247.net

bổ Lương Văn Chính làm Tri huyện Tuy Viễn, để dẹp yên biên trấn và chiêu tập dân phiêu tán đến ở Cù Mông và Bà Đài (nay là Xuân Đài), lại khai khẩn ruộng hoang ở sông Đà Diễn. Năm Nhâm Dần Thái Tổ Gia Dụ Hoàng Đế thứ 45 (Lê Hoằng Định thứ 2-1602) đổi phủ Hoài Nhân làm phủ Qui Nhân (Nhơn), đặt các chức tuần phủ, khám lí, vẫn lệ vào dinh Quảng Nam. Năm Tân Hợi Thái Tổ Gia Dụ Hoàng Đế thứ 54 (Lê Hoằng Định thứ 11-1611), Chiêm Thành xâm phạm biên giới, sai Văn Phong (không rõ họ) đem quân đánh được, lấy đất này chia làm 2 huyện Đồng Xuân và Tuy Hoà, đặt phủ Phú Yên, cũng lệ vào dinh Quảng Nam, cho Văn Phong đóng giữ.

Năm Kỉ Tị, Hy Tông thứ 17 (Lê Đức Long thứ nhất-1629), Văn Phong cấu kết với Chiêm Thành làm phản, sai Phó tướng Nguyễn Vinh dẹp được, lập dinh Trấn Biên, (hồi đầu bản triều, đất giới thủ gọi là Trấn Biên), sau mở mang rộng thêm, dời Trấn Biên đến Phước Long, tức Biên Hoà bây giờ) sau gọi là dinh Phú Yên; đặt tuần phủ và quan lại để cai trị; lại chia lập 38 thuộc ở đất ven biên giới.

Năm Tân Mão, Thái Tông thứ 3 (1651), đổi phủ Qui Nhơn làm phủ Qui Ninh. Năm Nhâm Tuất, Thế Tông thứ 4 (1742), lại làm phủ Qui Nhơn.

Năm Quí Tị, Duệ Tông thứ 9 (1773), dân trong hạt là Nguyễn Văn Nhạc và Nguyễn Văn Huệ nổi

www.thuvien247.net

loạn cướp chiếm Qui Nhơn và Phú Yên. Nhạc tiếm xưng Trung ương hoàng đế, niên hiệu là Thái Đức, xây thêm thành cũ Chà Bàn của Chiêm Thành để ở gọi là *Hoàng đế thành*. Sau đó anh em Nhạc - Huệ không hoà thuận đánh lẫn nhau, Huệ bèn cắt chiếm từ Thăng Hoa, Điện Bàn về Bắc, tiếm xưng niên hiệu Quang Trung. Sau khi Văn Huệ chết, con là Quang Toản nối ngôi, tiếm xưng niên hiệu Cảnh Thịnh. Đến khi Nhạc chết, Toản sai đồ đảng giết Bảo là con Nhạc chiếm lấy đất.

Mùa thu năm Mậu Thân (1788), Thế Tổ Cao Hoàng Đế đánh lấy lại được Gia Định, hàng năm liên tiếp tiến đánh thành Qui Nhơn, nhưng chưa chiếm được. Mùa hè năm Kỉ Mùi (1799) lại tiến quân vây chiếm được thành Qui Nhơn, đổi tên là thành Bình Định, sai Chưởng Hậu quân là Võ Tánh và Lễ bộ Ngô Tòng Chu đóng giữ. Mùa xuân năm Canh Thân (1800), tướng giặc là bọn Trần Quang Diệu và Vũ Văn Dũng lại đem hết binh lực vây thành, quan quân bám sát giữ thành, rồi đại binh lực cứu viện, hơn một năm không giải vây được. Mùa xuân năm Tân Dậu (1801), quan quân phá được quân giặc ở cửa biển Thi Nại, bèn sai Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Hoàng Đức ở lại Qui Nhơn để cầm cự với giặc, còn xa giá thì tiến đánh Phú Xuân, lấy lại đô thành rồi sẽ cho quân vào cứu viện Qui Nhơn. Nhưng

www.thuvien247.net

trong thành hết lương, Võ Tánh và Ngô Tòng Chu đều tử tiết, tướng giặc là Trần Quang Diệu lại chiếm được thành. Quang Diệu được tin (quân Nguyễn) đã lấy lại đô thành, tự biết thế không giữ nổi, đến mùa xuân năm Nhâm Tuất (1802) bèn bỏ thành đi theo đường thượng đạo để trốn, sau bị quan quân bắt được. Năm ấy, đặt án phủ Qui Nhơn để trị dân, lại đặt các chức quan công đường dinh Bình Định gọi là lưu thủ, cai bạ và kí lục. Năm Gia Long thứ 9 (1809), đổi dinh làm trấn, năm thứ 10 đổi lưu thủ làm trấn thủ.

Năm Minh Mệnh thứ 7 (1826) đặt tri phủ Qui Nhơn, năm thứ 8 đổi cai bạ và kí lục làm hiệp trấn và tham hiệp. Năm thứ 12 đổi phủ Qui Nhơn làm phủ Hoài Nhơn. Năm thứ 13, chia địa hạt các tỉnh, đổi gọi là tỉnh Bình Định, đặt chức tổng đốc Phú - Bình thống hạt 2 tỉnh Bình Định và Phú Yên; quan văn thì đặt hai ti bố chính - án sát, quan võ thì đặt lãnh binh. Lại chia huyện Tuy Viễn làm 2 huyện Tuy Viễn và Tuy Phước, đặt phủ An Nhân. Lại bỏ huyện Phù Li chia làm 2 huyện Phù Cát và Phù Mĩ, vẫn lệ vào phủ Hoài Nhơn. Năm thứ 15, những đất từ Bình Định trở vào Nam đến Bình Thuận gọi là Tả Kì.

Năm Tự Đức thứ 5 (1851), bỏ phủ An Nhân, đem 2 huyện Tuy Viễn và Tuy Phước hợp làm 1, huyện Phù Cát và Phù Mĩ hợp làm 1, đều lệ vào phủ Hoài Nhơn. Năm thứ 6 hợp tỉnh Phú Yên vào

www.thuvien247.net

Bình Định làm 1, đặt đạo Phú Yên, giấy tờ sổ sách đều nêu lên đầu tên Bình Định tỉnh. Năm thứ 17 lại trở lại như cũ đặt lại đạo Phú Yên. Năm thứ 18 lại chia 2 huyện Tuy Viễn và Tuy Phước, phủ An Nhân kiêm lí huyện Tuy Viễn và thống hạt huyện Tuy Phước, phủ Hoài Nhơn kiêm lí huyện Bồng Sơn và thống hạt 2 huyện Phù Cát và Phù Mĩ. Nay lãnh 2 phủ 5 huyện.

*Phủ Hoài Nhơn:* Đông tây cách nhau 53 dặm linh, nam bắc cách nhau 156 dặm. Phía đông đến biển 26 dặm, phía tây giáp sơn man 27 dặm linh, phía nam giáp địa giới huyện Tuy Viễn phủ An Nhân 99 dặm, phía bắc giáp địa giới huyện Mộ Đức tỉnh Quảng Ngãi 57 dặm. Tên phủ hiện nay đặt từ đầu nhà Lê, đến đầu bản triều đổi làm phủ Qui Nhơn sau đổi thành Qui Ninh, rồi lại theo tên phủ là Qui Nhơn. Năm Minh Mệnh thứ 7 mới đặt tri phủ, kiêm lí huyện Phù Li và thống hạt hai huyện Bồng Sơn và Tuy Viễn. Năm thứ 13 chia địa phận huyện Phù Li làm 2 huyện Phù Mĩ và Phù Cát, bỏ tên huyện Phù Li, cho phủ kiêm lí huyện Phù Cát và thống hạt Phù Mĩ và Bồng Sơn. Năm Tự Đức thứ 8 đổi lại, phủ kiêm lí huyện Bồng Sơn và thống hạt Phù Mĩ và Phù Cát. Nay lãnh 3 huyện.

*Huyện Bồng Sơn:* phía đông đến biển, phía tây đến sơn man, phía nam đến địa giới huyện Phù Mĩ,

www.thuvien247.net

phía bắc đến địa giới huyện Mộ Đức tỉnh Quảng Ngãi. Nguyên là đất huyện Tượng Lâm đời Hán, sau mất vào Chiêm Thành. Đến đời Lê, Thánh Tông đánh Chiêm Thành chiếm lấy đất này và đặt tên huyện hiện nay. Bản triều vẫn theo như thế, lệ theo phủ Hoài Nhân thống hạt. Năm Tự Đức thứ 18 (1865) đổi do phủ kiêm lí. Nay lãnh 5 tổng, 166 xã thôn.

*Huyện Phù Cát*: phía đông đến biển, phía tây đến sơn man, phía nam đến địa giới huyện Tuy Viễn, phía bắc đến địa giới huyện Phù Mĩ. Nguyên là đất Chà Bàn của Chiêm Thành. Đến đời Lê, đánh Chiêm Thành chiếm lấy đất này đặt làm huyện Phù Li. Bản triều cũng theo như thế. Năm Minh Mệnh thứ 7, huyện do phủ kiêm lí; năm thứ 13, bỏ tên huyện Phù Li, chia thành 2 huyện Phù Cát và Phù Mĩ, huyện Phù Cát vẫn do phủ kiêm lí như cũ. Năm Tự Đức thứ 18 đổi do phủ thống hạt, đặt tri huyện. Nay lãnh 4 tổng, 127 xã thôn ấp.

*Huyện Phù Mĩ*: phía đông đến biển, phía tây đến sơn man, phía nam đến sông La Tinh huyện Phù Cát, phía bắc đến địa giới huyện Bồng Sơn. Nguyên là đất huyện Phù Li. Năm Minh Mệnh thứ 13 trích đặt huyện này. Năm Tự Đức thứ 5, bỏ tri huyện, công việc của huyện do phủ kiêm nhiếp, năm thứ 18, lại đặt tri huyện như cũ. Nay lãnh 4 tổng, 123 xã thôn.

www.thuvien247.net

*Phủ An Nhân*: ở cách tỉnh thành 15 dặm về phía tây. Đông tây cách nhau 153 dặm, nam bắc cách nhau 70 dặm, phía đông đến biển 60 dặm, phía tây đến sơn man 93 dặm, phía nam đến địa giới huyện Đồng Xuân đạo Phú Yên 18 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Phù Cát 22 dặm. Nguyên là đất huyện Tuy Viễn phủ Hoài Nhân, năm Minh Mệnh thứ 13 chia ra làm 2 huyện Tuy Viễn và Tuy Phước và đặt tên phủ hiện nay. Năm Tự Đức thứ 5 bỏ phủ, đem 2 huyện lệ cả vào phủ Hoài Nhân; năm thứ 18, lại đặt thành phủ. Nay lãnh 2 huyện.

*Huyện Tuy Viễn*[1]: ở phía tây tỉnh thành, phía đông đến biển, phía tây đến sơn man, phía nam đến địa giới huyện Tuy Phước, phía bắc đến địa giới huyện Phù Cát. Nguyên là đất Tượng Lâm đời Hán, sau bị mất về Chiêm Thành. Đời Lê, Thánh Tông đánh Chiêm Thành chiếm lấy đất này đặt tên hiện nay. Bản triều vẫn theo như thế, năm Minh Mệnh thứ 13, chia đất đặt làm 2 huyện Tuy Viễn và Tuy Phước. Huyện này do phủ An Nhân kiêm lí, lãnh 4 tổng, 111 xã thôn.

*Huyện Tuy Phước*: ở phía đông nam phủ; phía đông đến biển, phía tây đến địa giới huyện Tuy Viễn, phía nam đến địa giới huyện Đồng Xuân đạo

[1] Nay là huyện An Nhân

www.thuvien247.net

Phú Yên, phía bắc đến địa giới huyện Phù Cát. Nguyên là đất huyện Tuy Viễn, năm Minh Mệnh thứ 13 trích đặt huyện này, thuộc phủ An Nhân thống hạt. Năm Tự Đức thứ 5, bỏ tri huyện, công việc của huyện do tri huyện Tuy Viễn kiêm nhiếp và đổi lệ vào phủ Hoài Nhân. Năm thứ 18, lại đặt tri huyện và lệ vào phủ An Nhân. Nay lãnh 4 tổng 148 xã thôn, phường và ấp.

## HÌNH THẾ

Phía đông giáp biển, phía tây nắm các sơn động, phía bắc có đèo Bến Đá ngăn cản, phía nam có đèo Cù Mộng dốc hiểm; núi cao thì có Phước An và Chân Chàng; sông lớn thì Lại Dương và Tam Huyện; thượng du thì các bảo Trà Vận và Phương Kiệu đóng giữ; ven biển thì các trấn Thi Nại, Kim Bồng phòng ngự. Lại như ba thuộc (Thì Đôn, Thì Hoà và Thì Tu), ruộng đất màu mỡ rộng rãi, xưa gọi là "Tiểu Nông Nại", nhân dân đông, phẩm vật nhiều, thuyền xe tụ tập, buôn bán đông vui, trong ngoài sông núi bao vây, đánh hay giữ hai đường đều tiện, thật là đất xung yếu ở Tả Kì vậy.

## KHÍ HẬU

Đầu mùa xuân, khí trời ôn hoà, tháng 3 đã nóng như mùa hè, tháng 7 tháng 8 khí nóng vẫn chưa rút; khoảng thu sang đông thường có mưa dầm, mới thấy

www.thuvien247.net

hơi mát. Làm ruộng, ruộng cấy tháng 10, 11 thì gặt tháng 2, 3; ruộng cấy tháng 4, 5 thì gặt tháng 8, 9; duy ruộng cao thì sớm muộn phải trông vào trời mưa, có ruộng cấy tháng 6, tháng 7, gặt tháng 12, có ruộng cấy tháng 9, gặt tháng Giêng; cũng có năm mùa thu mưa nhiều, thì ruộng cao cấy sớm, ruộng trũng cấy muộn, mùa hè ít mưa, thì ruộng trũng cấy sớm, ruộng cao cấy muộn, hạng ruộng trũng lắm thì cấy vào tháng 2, gặt vào tháng 9. Vả thuỷ thế thuận tiện, lại sức người thêm vào, đập nước hoặc xe guồng đều dùng để tưới ruộng, năm nào không được mùa lớn cũng thu hoạch được trung bình. Nhà nông thường xem thì vật để định kỳ cày cấy (hằng năm, đến tiết mang chủng[1] xem chòm sao Mão, nếu phần trên sao Mão sáng tỏ, thì cày cấy vào thượng kỳ, phần giữa sao sáng tỏ, thì cày cấy vào trung kỳ, phần dưới sao sáng tỏ, thì cày cấy vào hạ kỳ. Trời đương nắng rát, nếu thấy sắc mây như hình vẩy tê tê, thì biết là sắp mưa, nếu thấy sắc mây như hình núi cỏ đã bừa, thì chia thành ba phần mà xem: nếu phần trên quả dài và lớn thì cày cấy vào thượng kì, phần giữa quả dài và lớn thì cày cấy vào trung kì, phần dưới quả dài và lớn thì cày cấy vào hạ kì. Địa thế nhiều núi nên hơi có lam chướng.

---

[1] *Mang chủng*: tên một khí tiết, nhằm ngày 6 hoặc 7 tháng 6 dương lịch, ta thường gọi là "mọc tua rua".

www.thuvien247.net

## PHONG TỤC

Học trò chăm học, nông dân siêng cày, dệt; tính tình trầm tĩnh, dũng cảm, thích việc nghĩa; buôn bán và kĩ nghệ chỉ được độ hai, ba phần mười; người học thức phần nhiều nho nhã trung hậu, người tiểu nhân thì phụ bạc xảo trá. Hằng năm, các tết Chính đán, Đoan dương, Tam nguyên và tháng Chạp tế lễ tổ tiên, thổ thần, táo quân và Phật. Các tiết lễ cũng gần giống tỉnh Quảng Nam. Gặp việc đám cưới hoặc đám tang, thì giúp đỡ lẫn nhau, duy việc hôn nhân thì hay tính tiền tài, nếu nhà trai không có tiền thì nhà gái bắt nhà trai viết văn khế cầm đợ 5, 3 sào ruộng đất để thế; người ta hay kí ngụ ở quê vợ quê mẹ, ít tụ tập theo gia tộc. Dân gian không có nhà thờ họ, việc tang ma rất đơn giản, cha mẹ chết chỉ để 4, 5 ngày hoặc mươi ngày là chôn, dù nhà giàu có cũng chỉ để nửa tháng mà thôi. Chôn cất thì nếu nhà có tư thổ thì táng chung một chỗ, nếu không có thì tìm chỗ đất trống ở vườn hoặc ở cạnh đường để táng, chỉ dùng hai đồng tiền xin âm dương mà thôi, không chọn đất tốt. Có lẽ họ chưa học cái nghĩa "chân chung truy viễn" (cẩn thận chôn người chết, truy nhớ người đời xa), cho nên phong tục chưa được thuần hậu. Đồ mặc, đồ dùng thì giản dị mộc mạc, không ưa văn hoa. Ngày rảnh việc, thì hay bày hát tuồng, đi lại thù tạc thì hay đòi tiền, đại khái hay lãng phí.

www.thuvien247.net

## THÀNH TRÌ

*Thành tỉnh Bình Định*: chu vi 603 trượng 8 thước, cao 1 trượng 1 thước, mở 3 cửa, hào rộng 7 trượng linh, sâu 6 thước 8 tấc, ở địa phận 2 thôn Kim Châu và An Nghĩa huyện Tuy Viễn. Đầu đời Gia Long nhân thành Chà Bàn cũ làm lị sở của dinh, năm Gia Long thứ 7 dời đến chỗ hiện nay, năm thứ 14 đắp bằng đất, năm thứ 16 xây bằng đá ong.

*Lị sở phủ Hoài Nhân*: ở thôn Liêm Bình huyện Bồng Sơn, trước lị sở huyện Bồng Sơn ở thôn Xuân Hội huyện Phù Cát, năm Tự Đức thứ 18 dời đến chỗ hiện nay và đổi làm lị sở của phủ.

*Lị sở huyện Phù Cát*: ở thôn Hoà Hội, trước kia lị sở phủ Hoài Nhân ở thôn Xuân Hội, năm Tự Đức thứ 18 dời đến chỗ hiện nay đổi làm lị sở của huyện.

*Lị sở huyện Phù Mỹ*: ở thôn Trà Quang; năm Tự Đức thứ 5, bỏ huyện, do phủ kiêm nhiếp, năm thứ 18 lại đặt.

*Lị sở phủ An Nhân*: ở thôn Mĩ Thịnh huyện Tuy Viễn, trước ở thôn Hoà Cư, năm Tự Đức thứ 5 bỏ, năm thứ 18 lại đặt và dời lị sở đến chỗ hiện nay.

*Lị sở huyện Tuy Phước*: ở thôn Hanh Quang, năm Tự Đức thứ 5 bỏ, năm thứ 18 lại đặt lại.

www.thuvien247.net

*Trường thi Bình Định*: ở huyện Tuy Viễn về phía tây nam tỉnh thành, chu vi 193 trượng, cao 4 thước 5 tấc, dựng từ năm Tự Đức thứ 4, xây bằng đá ong.

## TRƯỜNG HỌC

*Trường học tỉnh Bình Định*: ở thôn Liêm Trực huyện Tuy Phước, phía nam tỉnh thành. Đầu đời Gia Long ở thôn Kim Châu huyện Tuy Viễn, năm Thiệu Trị thứ 2 dời đến chỗ hiện nay.

*Trường học phủ Hoài Nhân*: ở thôn Liêm Bình huyện Bồng Sơn, phía tây lị sở của phủ, trước là trường học huyện Bồng Sơn, năm Tự Đức thứ 18 đổi làm trường học của phủ.

*Trường học huyện Phù Mĩ*: ở thôn Trà Quang, phía bắc lị sở của huyện, dựng từ năm Minh Mệnh thứ 13.

*Trường học huyện Phù Cát*: ở thôn Hội Xuân, trước là trường học của phủ Hoài Nhân, dựng từ năm Minh Mệnh thứ 2, đến năm Tự Đức thứ 18, đổi làm trường học của huyện.

*Trường học phủ An Nhân*: ở thôn Mỹ Thịnh huyện Tuy Viễn, phía tây lị sở của phủ. Trước kia trường học huyện Tuy Viễn ở thôn Hoà Cư, năm Minh Mệnh thứ 13 đổi làm trường học của phủ, năm Tự Đức thứ 18, dời đến chỗ hiện nay.

www.thuvien247.net

*Trường học huyện Tuy Phước*: ở thôn Minh Hanh, phía tây lị sở của huyện, dựng từ năm Minh Mệnh thứ 13.

## HỘ KHẨU

Năm Gia Long thứ 18, số đinh hơn 38.400 người, nay 57.349 người.

## THUẾ RUỘNG

Ruộng đất 107.705 mẫu, ngạch thuế là 79.850 hộc thóc, 123.698 quan tiền, 11 lạng 2 đồng 2 phân vàng, 4.898 lạng vàng.

## NÚI SÔNG

*Núi Phước An*: ở phía nam huyện Tuy Viễn, có tên nữa là Chủ Sơn, hình thế cao cả hùng vĩ, chu vi hơn trăm dặm, phía tây có gò Hiển, gò Bà, phía nam có gò Dầu, núi Chùa, núi Liên Sách, gần phía đông bắc có núi Canh Đạt. Năm Giáp Dần (1794) đầu đời trung hưng, Đông cung Cảnh đem quân từ thượng đạo đánh úp Chủ Sơn. Năm Canh Thân (1800), quân giặc giữ Chủ Sơn, Nguyễn Văn Thành đánh mãi không được, dò thám biết được rằng ở phía tây nam núi này có đường tắt có thể đánh úp mặt sau của giặc, bèn vẽ địa đồ và xin quân hội chiến, vua bèn sai bọn Tống Viết Phước và Lê Văn Duyệt đem quân tiến đến Thị Dã. Thành sai Duyệt

www.thuvien247.net

giữ bảo làm chính binh, tự mình đem kỳ binh theo đường tắt đi vượt khe Bột, qua trại Đèn, vòng ra mặt sau của giặc, tung lửa đốt trại sách, quân giặc vội vàng quay lại đánh, Duyệt liền chỉ huy binh sĩ tiến sát đến đồn giặc, hai mặt tả hữu đánh kẹp lại, quân giặc phải tan chạy, đó tức là núi này. Năm Tự Đức thứ 3, cho tên hiện nay và liệt vào điển thờ.

*Núi An Thượng*: ở phía tây nam huyện, thủ sở An Tượng ở đây. Chân núi có khe là chỗ phát nguyên của sông Tân Ngang. Phía nam núi có núi Đốc Thực, núi Thủ Đường. Phía tây bắc có núi Ngang, núi Chấp Vàng, núi Xà Cù, phía đông đều là rừng. Năm Nhâm Dần (1782) đầu đời trung hưng, quân giặc giữ núi An Tượng, Tống Viết Phước đem quân đến đèo Phú Quí đánh úp đồn giặc, liên tiếp nhổ được 4 bảo, tức là núi này. Núi Xà Cù có nhiều rắn lớn, người ta không dám vào núi lấy gỗ. Lại núi Trà Sa ở phía tây huyện, phía bắc núi có núi Trường Thị, lại có núi nhỏ, trên núi có tháp.

*Núi Kính Sơn*: ở thôn Phú Phong, phía tây nam huyện. Phía nam núi có cánh đồng lớn, bốn mặt đều là núi, các ngọn liên tiếp, như núi Kiền Kiền, núi Bạch Thạch, núi Càn Cương, núi Ca Xa, núi Trà Lăng, núi Hoắc Sơn, thủ sở Lộc Động ở phía tây bắc núi; lại có khe là chỗ phát nguyên của sông Tam Huyện.

www.thuvien247.net

*Núi Hợi Sơn*: ở thôn Phú Phong phía tây nam huyện, trên núi có hồ, chu vi chừng một dặm, bốn mùa không cạn nước; gần về phía nam có núi Ngang, phía đông bắc có núi Đốc, phía tây có núi Y, núi Ca Tấu.

*Núi Độc Nhũ*: có tên nữa là núi Độc Xỉ, ở thôn Phú Phong, phía tây nam huyện, gần về phía đông có khe Dương Thạch, phía đông nam có núi Nữ Tăng, núi Trĩ Đình, phía tây bắc có núi Dừa, sách người Man ở đây.

*Núi Trà Sơn*: ở thôn Trà Sơn, phía tây bắc huyện, gần về phía nam có gò Dương Long, trên gò có 3 toà tháp gỗ Chiêm Thành. Gần về phía bắc có núi Kỳ Tán, núi có hai khe là khe Trúc và khe Đăng, nước khe chảy qua phía tây bắc núi Trà Sơn theo núi chuyển về phía nam, chảy vào đầm Cá Sấu ở phía đông, rồi đổ vào hạ lưu nhánh phía bắc của sông Tam Huyện.

*Núi Lỗ Tây*: ở thôn Thượng Giang về phía tây bắc huyện, gần về phía nam có núi Miệt Sơn, phía tây bắc có núi Lỗ Dương, núi Thạch Sơn, núi Lý Văn. Lưng núi có đường đi đến đường An Khê, phía bắc đường có núi Bà, núi Dừa, núi Độc, núi Cái Đính. Lại ở thôn Định Chiêu về phía tây bắc huyện Tuy Viễn có núi Bình Sơn, núi Nhạc Sơn; lưng núi đều có đường đến An Khê.

www.thuvien247.net

*Núi Trụ Lĩnh*: ở thôn An khê, phía tây nam huyện, có tên nữa là Phong Sơn, hình thế cao dốc, kéo dài mấy trăm dặm. Gần về phía tây có núi Yêm Sơn, núi Cát Sơn, núi Đại Sơn, phía tây bắc có núi Vụ Sơn, phía tây núi Đại Sơn có rừng già, trong rừng có núi Mô Ô, phía bắc núi là bảo An Khê, ở đây có trường giao dịch. Nguồn gọi là nguồn Phương Kiệu, tức là chỗ khởi binh của Tây Sơn Nguyễn Văn Nhạc, Nguyễn Văn Huệ. Xét: Nhà Tây Sơn bắt đầu từ Nguyễn Văn Nhạc năm Mậu Tuất (1778), cuối cùng là Nguyễn Quang Toản năm Nhâm Tuất (1802) gồm 25 năm. Lại có núi Hình Hốt, là chỗ ở của sơn man, núi Chí Công, bốn phía đều rừng già.

*Núi Bản Sơn*: ở phía đông nam huyện, phía tây có đèo Lệ Thạch, lưng đèo có đường đi về phía nam đến thủ sở Hà Thanh. Phía bắc có bảo An Sơn, có núi Xích Thuỷ, núi Trà Lăng, núi Mã Kiều. Phía nam núi Mã Kiều có núi Trường Dã, trước có đồn thủ, dấu vết vẫn còn. Gần về phía đông có núi Vạn Bảo, phía nam có núi Nhuận Chi, núi Cái Đính và núi Đồng Hương.

*Núi Thị Dã*: ở phía tây nam huyện, về phía bắc núi là cánh đồng Đồng Thị, phía đông là truông Vàng Bạc theo đường núi về phía tây nam đến đèo Hà Thanh (tên cũ là Hà Kiều), phía tây là núi Lão Hương, phía tây nam là trấn Hà Nha (tục gọi sông

www.thuvien247.net

Canh Dã), ở đấy có miếu Chợ Đồn cũ; lại vòng quanh sang phía tây nam thì có sách người Man, phía nam có gò Hoắc, lại về phía nam là gò Mô, đến suối Lam Thuỷ tiếp giáp địa đầu tỉnh Phú Yên. Năm Nhâm Dần (1782), đầu đời trung hưng, Nguyễn Văn Thành từ Xuân Đài tiến quân đến Hà Nha. Giặc giữ đèo Lão Hương, Thành sai kì binh tiến ra đến Hà Kiêu, Nguyễn Đình Đắc và Lê Văn Chất chia quân thành hai nhánh tả hữu, Trương Tiến Bảo tiến theo đường giữa, Thành cùng Nguyễn Đức Xuyên đem quân tiếp ứng. Trương Tiến Bảo đốc quân đánh mặt trước của giặc hai cánh tả hữu đánh kẹp lại, giặc thua to bỏ chạy. Ấy là chỗ này.

*Núi Thuận Ninh*: ở thôn Thuận Ninh, phía tây bắc huyện, tục gọi đèo Tây Vong, chân núi có khe (tục gọi là sông Cá (?)), nước khe chảy về phía nam đến núi Phan Lê, đổ vào khe của sông Tam Huyện. Đầu đời Minh Mệnh đặt xe giã thuốc nổ ở đây. Lại có đường đi về phía bắc đến nguồn Thạch Bàn huyện Phù Cát, phía nam đến thôn Tiên Thuận, về phía đông núi có núi Kỳ Tán, phía tây nam có núi Ô Mộc (tục gọi là núi Cây Mun).

*Núi Cù Mông*: ở thôn Phú Tài, phía nam huyện Tuy Phước là chỗ giáp giới huyện Đồng Xuân đạo Phú Yên, núi gò trùng điệp, trạm Phú Bình đóng ở đây. Gần về phía tây có núi Ông Quị, về phía đông

www.thuvien247.net

có núi Tàm Thất, phía tây nam có núi Nhuệ Sơn, núi Tam Hùng, phía tây bắc có núi Mã Lộc, núi Hoa Lộc, phía đông bắc có núi Cốm, phía đông nam có núi Lò Gốm, đèo Cóc, đèo Cổ Ngựa. Năm Canh Thân (1800), đầu đời trung hưng, đại binh cứu viện Qui Nhơn, Hữu quân Nguyễn Hoàng Đức đóng quân ở núi Cù Mông để đánh giặc tức là núi này.

*Núi Phủ Sơn*: ở phía tây huyện, đỉnh núi có giếng cổ, nước ngọt có thể uống được, chân núi có hai vực Thâm Đô và Viên Trì; sông Vân Sơn vòng quanh ở phía nam; phía đông bắc là trại Bình Điền.

*Núi Hàm Long*: tục gọi núi Càn Úc, ở phía đông huyện và phía đông bắc sông Vân Sơn, có ngôi đền cổ gọi là đền Hàm Long. Năm Quí Sửu (1793) đầu đời trung hưng, đại binh tiến đánh Qui Nhân, quân giặc đắp đồn bảo để chống cự. Nhà vua bí mật sai Tôn Thất Hội và Nguyễn Văn Thành lẻn qua sông Kỳ Sơn đánh vào mặt sau của giặc, Vũ Văn Lượng đánh mặt trước núi, đốt trại của giặc, Lê Văn Duyệt đem quân đánh xông lên núi, giặc phải thua to tức là núi này.

*Núi Tàm Thất*: ở phía đông nam huyện và phía đông núi Cù Mông, một dãy núi chạy dài từ núi này chuyển sang đông bắc làm thành núi Hắc Khê, núi Bồ Trạch, nghẹo sang phía đông làm thành núi

www.thuvien247.net

Cấm, đến núi Khổ Sơn thì dừng lại chuyển sang đông nam làm thành núi Xuân Vân, núi Qui Hoà, đến bãi biển liền với núi Cổ Ngựa, bốn mặt đều rừng rú rất là hiểm trở.

*Núi Thù Lộ*: Ở phía tây nam huyện. Một dải núi liên tiếp nhau hàng hơn trăm dặm, gần đấy có gò Thỏ, phía tây bắc có núi Trà Sơn và nguồn An Tượng, phía bắc có đèo Phú Quí, phía tây nam có ba núi nhỏ và đèo Lá, lại có chằm Vàng Bạc. Tương truyền, thời xưa hàng năm cứ tháng Giêng dùng giấy vàng, giấy bạc làm lễ "khai sơn" rồi nhân dân mới được vào núi lấy gỗ, nên gọi là chằm Vàng Bạc.

*Núi Kì Sơn*: ở phía đông huyện; chỗ lõm ở lưng núi có đèo, phía tây đèo có hồ Quang, nên tục gọi là đèo Hồ Quang. Sang phía bắc đến đèo Cao, có khối đá như hình chim phượng, tục gọi núi Phượng Sơn, rừng cũng gọi là rừng Phượng Sơn. Cách chân núi ba mươi bước, có một cái hố, hình thế bằng phẳng, rộng ước vài ba mẫu, bên hố mọc ra một khối đá lớn giống hình con rùa, tục gọi là hồ Rùa. Từ đó đi xuống có hang đá, bên cạnh hang có hai khối đá, trẻ chăn trâu thường đến nện vào đá chơi đùa, tiếng vang ra, một bên như tiếng chuông và một bên như tiếng trống. Về phía bắc núi Phượng Sơn, lại nổi lên một ngọn núi, vòng quanh như hình bán nguyệt, tục gọi gò

www.thuvien247.net

Nguyệt, phía đông là thôn Lộc Hạ, có núi Ngư Cốt, tương truyền vị cao tăng đời Lý là Không Lộ ăn cá, xương cá tụ lại thành núi, nên gọi thế. Năm Nhâm Tuất đầu đời trung hưng, Nguyễn Văn Thành sai Nguyễn Đức Xuyên đánh giặc ở núi Kỳ Sơn, giết giặc rất nhiều, tướng giặc là Quang Diệu đem quân từ phía sau núi xông ra để vây, phó tướng tiền quân (nhà Nguyễn) là Nguyễn Huệ chết trận, Đức Xuyên phải rút lui để tự thủ. Sau đó, Nguyễn Văn Thành lại đem quân phá giặc ở núi này và đuổi đến Vườn Trầu, bèn sai các quân đắp đồn bao cố thủ để chặn mặt sau của giặc, giặc phải bỏ thành trốn tức là núi này.

*Núi Khối Sơn*: ở phía đông nam huyện, chân núi có hai toà tháp Chiêm Thành, phía tây nam có đầm Cầu Đá, thuỷ triều lên đến đầm này thì dừng; phía bắc có núi Cái Đính.

*Núi Hưng Thịnh*: ở thôn Hưng Thịnh, phía đông huyện và phía bắc Khối Sơn có tên nữa là núi Độc Lập, chân núi có đền Bao Trung, phía tây giáp Cầu Mới, phía bắc có rừng. Năm Tân Dậu (1801) đầu đời trung hưng sau khi quân ta đánh được Thi Nại, sai các tướng chia nhau đóng đồn và đắp luỹ đối diện với giặc, vua sắc rằng: Mỗi khi có động, ban ngày thì kéo cờ ở đỉnh núi, ban đem thì đốt lửa làm hiệu để tiện tiếp ứng, tức là núi này.

www.thuvien247.net

*Núi Mã Cảnh* (Cổ Ngựa): ở phía đông nam huyện nằm sát bãi biển, phía bắc gọi là đèo Tràng Châu và mõm Tràng Chử, ngoài biển có hòn Khố, hòn Đất và hòn Ngang. Phàm các núi ở địa phận phủ An Nhân không kì đỉnh núi lớn nhỏ, đứng nhìn núi này đều thấy như hình yên ngựa.

*Núi Sơn Triều*: ở phía tây huyện, một dãy núi liên tiếp hơn trăm dặm, phía bắc từ thôn Vạn Bảo kéo dài đến thôn Qui Hội chĩa ra một núi gọi là núi Thủ Lộ. Phía nam tiếp với núi Tặng Vinh, đèo Nha Giao và núi Lệ Thạch, phía đông tiếp với núi Quảng Tín, phía tây qua các thôn Trung Ái, Đông Viên, Thọ Lộc, phía đông bắc tiếp với đường trạm, có vực Sòng Kiều.

*Núi Quảng Tín*: ở thôn Quảng Tín phía tây huyện, phía đông tiếp với đường trạm, gần đấy có vực Phạm Hùng, phía nam đối với núi Phủ Sơn, phía bắc tiếp với núi Vạn Bảo.

*Núi Hương Sơn*: ở phía đông bắc huyện Bồng Sơn và phía đông đường trạm, nhân dân ở vòng quanh chân núi, phía nam núi có kho An Dụ (ở thôn An Dụ trước gọi là An Hoà), phía đông nam có đền Tứ Dương, trước mặt đền là sông An Hoà, chảy ra cửa biển An Dụ. Lại núi Hàn Tín ở phía tây bắc huyện và phía tây đường trạm, phía đông bắc có phường Đèn, phía nam có núi Ca Tán.

www.thuvien247.net

*Núi Đầu Voi*: ở phía nam huyện, phía tây nam sông Lại Dương và phía tây đường trạm, hình núi như đầu voi, nên gọi tên thế, phía tây nam là đèo Cựu Phủ, giáp địa giới huyện Phù Mĩ, phía tây bắc có núi Húc Mô, phía tây có đèo Duyên, tục gọi đèo Cây Gạo.

*Núi Hoàng Sơn*: ở phía đông nam huyện, về phía đông rớt ra làm các núi Thuỷ Cốc, Tân Sơn, Cẩm Sơn, Cẩm Nhung.

*Núi Độc Dã*: ở phía tây nam huyện, phía nam núi có núi Cong, núi Ong, phía tây bắc có núi Hang Đức, núi Chữ Nhất, lại bên kia đường về phía bắc có núi Hổ Lao, phía tây có núi Tranh Tẩu.

*Núi Trà Vinh*: có tên nữa là núi Đồng Khố, ở phía tây nam huyện, có người Man ở, có đồn thủ Đình Chí thuộc nguồn Ô Kim. Chân núi có khe từ trong núi ra, làm sông Đồng Khố, là chỗ phát nguyên của sông Lại Dương; phía nam núi là núi Tổng Vinh, sông Lỗ Đố.

*Núi Húc Mang*: ở phía tây nam huyện, phía nam sông Lại Dương và phía đông đường trạm, hình núi dăng dài, phía nam là núi Cồ Sơn, giáp địa giới huyện Phù Mĩ.

*Núi Kim Sơn*: ở phía tây nam huyện, sản vàng, nên gọi tên thế, có thuế kim hộ.

www.thuvien247.net

*Núi Chân Tràng*: ở phía tây bắc huyện Phù Mĩ, hình núi cao vót, là trấn sơn của huyện, về phía nam gần đèo La Hi, phía bắc tiếp núi Man Lăng. Lại núi Quang Nghiễm ở phía đông bắc huyện, thế núi rất cao, tục gọi là núi Cháp Chài.

*Núi Đá Đen*: ở phía tây bắc huyện, phía đông nam gần núi Thạch Cốc, phía nam liền với núi Đá Trắng và núi Đầu Voi.

*Núi Bàn Thạch*: ở phía đông bắc huyện, phía đông có núi Chim Bay, phía đông bắc có núi Lỗi Sơn, phía nam có núi Bào Tấu, núi Tượng Sơn, bên kia đường về phía đông có đầm nước ngọt.

*Núi Man Lăng*: ở phía tây bắc huyện, phía nam có núi Dương Sơn (có tên núi Thắng Tâu) phía tây bắc có núi Lò Rèn, núi Tăng Vinh, núi Kiều Sơn, núi Đồng Ô. Lại về phía tây là ấp An Tây, đầu thủ nguồn Trà Đanh, ở đây nguồn này có khe đổ vào sông Lại Dương.

*Núi Bích Kê*: ở phía bắc huyện, là chỗ đường trạm đi qua, khoảng năm Quí Tị, Duệ Tông thứ 9, Tây Sơn nổi loạn, Tiết chế Tôn Thất Hương đánh nhau với tướng giặc là Tập Đình và Lý Tài tử trận tại đây. Lại năm Nhâm Tuất đầu đời trung hưng bọn Lê Văn Duyệt và Lê Chất tiến quân đến núi này, bọn giặc được tin vỡ chạy, không ai dám chống.

www.thuvien247.net

*Núi Điệp Thạch*: ở phía tây nam huyện, nhiều núi la liệt, phía tây là núi Xích Thuỷ, phía đông là núi Bàn Thạch, có trường giao dịch ở đấy.

*Núi Bình Đầu*: ở phía đông nam huyện, phía nam gần núi Lò Gốm, phía bắc là núi Lao Sơn, núi Mông Sơn. Lại núi Thu Sĩ ở phía đông nam huyện, phía bắc núi cách sông Dương là núi Mậu Hương, núi Dự Sơn, núi Cấm Sơn, núi Bế Sơn, la liệt hai bên tả hữu. Núi Đại Thuận ở phía tây nam huyện, có tên nữa là Thổ Sơn, phía tây núi là núi Đèo Bòng, phía nam là núi Bao Bầu, núi Đẩu Thuỷ, phía bắc là núi Nhà Trà, núi Đồng Lâm, núi Long Sơn, núi Độc Sơn, núi Quỉ Sơn và núi La Hai.

*Núi Tham Hùng*: ở phía tây huyện, hình thế cao dốc, về phía nam gần núi Chữ Nhật, phía tây có núi Bát Sơn, núi Tuyên Sơn, lại phía tây có núi Hà Trạng là chỗ người Man ở.

*Núi Lạc Phượng*: có tên nữa là núi Khe Gà ở phía đông huyện gần sát bãi biển. Ngoài biển có hòn Rùa, hòn Đồn, phía bắc có núi Quá Phụ, phía tây là bãi cát. Lại núi Trà La ở phía tây bắc huyện, phía đông là núi Đồng Môn, phía tây là núi Thạch Cốc, phía nam là núi An Thạch, núi Nhung Sơn, núi Kim Đôi.

*Núi Bà*: ở phía đông nam huyện Phù Cát, có tên nữa là núi Phó Chinh. Thế núi cao dốc hùng vĩ,

www.thuvien247.net

đỉnh núi có phiến đá lớn, bằng phẳng như cái mâm, chân núi có khối đá đứng sừng, như hình người, người địa phương lập đền thờ, đảo vũ thường linh nghiệm. Phía tây có núi Thạch Quạng là chỗ đường trạm đi qua, phía đông là núi có núi Đạm Thuỷ, núi Tố Mộ, phía tây bắc có núi Lang Sơn, núi Canh Sơn, phía nam có núi Thạch Đà, phía đông nam có núi Thát Sơn, núi Thế Sơn.

*Núi Càn Dương*: ở phía đông nam huyện, chân núi có kho Càn Dương cũ, Tây Sơn Nguyễn Văn Nhạc lấy làm phủ mới ở thôn Trường Thịnh, hồ ao và luỹ cũ hãy còn dấu vết, phủ mới này cùng thành Qui Nhân hai bên làm thế nương tựa lẫn nhau. Năm Quí Sửu (1793) đầu đời trung hưng, quân ta tiến đánh, giặc dựa chỗ cao nổ súng, quân ta không chiếm được bảo. Lúc ấy có người Quảng Ngãi là Trần Công Hiến tự xin lẻn vào dinh giặc làm nội ứng, quân ta bèn hò reo tiến vào, Công Hiến xông pha ở trong giặc, quân giặc tán loạn, hạ được bảo giặc, ấy là chỗ này. Phía bắc núi có đèo Càn Dương, trên đèo có đường thông đến núi Thế Sơn, rừng Đan và núi Cùng Sơn, phía nam đèo có Đồn Sơn, núi Linh Phong, phía tây có núi Lương Quán.

*Núi Trà Lan*: ở phía nam huyện, phía tây đường trạm. Là chỗ phân giới giữa hai huyện Phù Cát và Tuy Viễn, về phía tây gần núi Bao Đông, có ngôi

www.thuvien247.net

miếu cổ. Lại về phía bắc là núi Tham Vinh, phía tây bắc là Đại Sơn Lâm, phía đông bắc là chằm Nước Đục, nước chằm từ thôn Hữu Hạnh chảy đến thôn Tân Hoà, rồi hợp với khe Trường, chảy qua đường trạm ở thôn Kiều An, làm sông Nha Đoài, lại chảy về phía đông qua hai thôn Châu Thành và Phú Thành, rồi đổ vào sông Cương.

*Núi Đại Điếm*: ở phía tây huyện, có người Man ở đây, phía đông có rừng Thuận Chính, nước suối ở trong rừng rất trong, có phiến đá lớn, mặt đá có dấu chân người to lớn, tương truyền đấy là vết chân của Thiền sư Không Lộ. Phía tây bắc có gò Nón, núi Khố Sơn, phía nam có núi Trứng Gà, núi Cát, sông Đồng Phú quanh ở phía tây.

*Núi Thiết Trụ*: ở phía nam huyện, tức là chỗ phân giới của hai huyện Phù Cát và Tuy Viễn, lại có tên là núi Ngọc Đàm và một tên nữa là núi Bà Lam.

*Núi Phúc Lộc*: ở phía đông nam huyện, trên núi có tháp cổ Chiêm Thành, phía đông có núi Ấu Trì.

*Núi Mộ Ô*: ở phía đông huyện, đỉnh núi có hai mũi nhọn như hình cái giá bút. Phía đông có núi Tượng Bì. Phía đông nam có núi Tiểu Đại (có tên nữa là núi Cô Sơn), phía đông bắc có thành Tây Sơn, dài ước 3, 4 trượng, trong thành có hồ, rộng lớn 2 trượng, trong hồ có cột đá nhô đầu ra ngoài

www.thuvien247.net

mặt nước chừng một thước, tương truyền do người Chiêm Thành dựng. Phía nam có gò đất, lại có sông Cảnh Hãn. Phía tây nam có hai cây tháp là tháp Con Gái và tháp Học Trò, nay đều đổ nát.

*Núi Hội Sơn*: ở phía tây bắc huyện, phía bắc giáp địa phận huyện Phù Mĩ, phía nam giáp địa phận huyện Tuy Viễn, phía bắc giáp địa phận huyện Bồng Sơn, chân núi có khe, là chỗ phát nguyên của sông La Tinh.

*Đèo Ngự Đạo*: ở phía tây bắc huyện Bồng Sơn, có tên nữa là núi Sa Lung có dấu vết luỹ cũ. Đầu đời trung hưng Thế Tổ đi đánh Tây Sơn, dừng chân ở đấy, nên gọi tên thế.

*Đèo Cung Quăng*: ở phía đông bắc huyện, là chỗ phân giới với huyện Mộ Đức tỉnh Quảng Ngãi. Năm Kỉ Mùi, đầu đời trung hưng, Tống Viết Phước theo vua đi đánh giặc, đóng ở đấy, quân giặc đi đường tắt từ núi Chông Xa toan đánh úp toán quân ta đêm qua khe nhỏ, chợt có một con nai chạy đến, tiền quân của giặc trông thấy hô lên: "nai! nai", quân đường sau hoảng hốt, truyền đi là "quân Đồng Nai!", giặc sợ chạy tan cả. Viết Phước biết tính tình giặc, sợ đêm, bèn tự đem vài trăm quân đánh xông vào quân giặc tan vỡ. Ấy là chỗ này.

*Đèo Bến Đá*: Thạch Tận ở phía bắc huyện, giáp địa giới huyện Mộ Đức tỉnh Quảng Ngãi. Năm

www.thuvien247.net

Nhâm Tuất đầu đời trung hưng Tả quân Lê Văn Duyệt cản phá tướng giặc là Từ Văn Chiêu ở Thạch Tân, tức là chỗ này. Phía đông đèo có chợ Thạch Tân, cách phía đông chừng một dặm có đền thờ Tống Quận Công. Năm Tân Dậu đầu đời trung hưng, Tống Viết Phước đem quân vào cứu Bình Định, đánh nhau với giặc ở hạng Giới bị chết trận, bộ khúc lập đền thờ nay vẫn còn.

*Đèo Phủ Cũ*: Cựu Phủ, ở phía nam huyện, giáp địa giới huyện Phù Mĩ, là chỗ đường trạm đi qua, sản nhiều chè.

*Đèo Hải Lương*: ở phía bắc huyện Phù Mĩ, chỗ đường trạm đi qua. Lại có đèo Ô Phi (Quạ bay) ở phía đông bắc huyện Phù Mĩ, đèo Thích ở phía đông nam huyện, chân đèo sát đến bãi biển.

*Đèo Hồ Châu*: ở phía đông huyện Phù Cát và phía đông bắc đầm Biển Cạn, giáp địa giới huyện Tuy Phước, tục gọi núi Cố Hỉ. Tương truyền trước có người đàn bà ở chân đèo tên là Cố Hỉ, nhà nuôi nhiều trâu, sau khi chết thả hết trâu vào rừng, cho nên đèo nay có nhiều trâu, vì thế gọi tên là Cố Hỉ. Thế núi cao, dốc chạy dài mấy chục dặm, trong núi có đầm Hương Mai, phía nam có luỹ cổ, giáp cửa biển Thi Nại, phía bắc là đèo Bãi Điệp, lại phía bắc là núi Hưng Lương, một dải cát dài vòng quanh chân núi, phía đông là bãi biển, ngoài biển có hòn Cả

www.thuvien247.net

(tục gọi hòn Cân). Năm Giáp Dần đầu đời trung hưng, thuyền ngự đóng ở cửa biển Thi Nại, sai Tôn Thất Hội đem quân đánh vào các bảo Hổ Ki và Mai Hương của giặc, liên tiếp phá tan được. Ấy là chỗ này.

*Đèo Phú Quí*: ở thôn Trung Ái, phía đông nam huyện Tuy Viễn và phía nam núi Thù Lộ. Chân đèo có cây đa cổ, dưới cây có mạch nước giếng chảy lan tràn, dù đại hạn lâu ngày cũng không hết, nước chảy xuống đầm Cỏ. Đầu đời trung hưng quân ta từng phá quân Tây Sơn ở đây, phía tây có đèo Bách Khâu, đèo Đa Đa, đều có đường đi đến An Khê.

*Đèo Nha Ngải*: ở thôn Tăng Vinh, phía tây nam huyện Tuy Phước, trên đèo có đường, phía tây bắc đi đến nguồn Lộc Động, phía đông bắc đi đến nguồn An Tượng; phía nam đi theo khe Vọt, ngoặt về phía đông đến thủ sở Hà Thanh, là đường đi lại sách Man, tất phải qua.

*Đèo Đá Mài*: Lệ Thạch ở thôn Tăng Vinh, phía tây nam huyện, phía bắc đèo Nha Ngải, trên đèo trước kia có đồn (tục gọi đồn Chong Chóng) nay bỏ. Phía tây có đường thông đến nguồn An Tượng, phía nam đi xuống khe Mông, thẳng đến thủ sở Hà Thanh.

*Gò Tam Tháp*: ở thôn Nhạn Tháp, phía bắc huyện có tháp cổ Chiêm Thành, nay tháp đổ thành gò, nên gọi tên thế.

www.thuvien247.net

*Gò Dương Long*: ở địa phận hai thôn Yên Chính và Vân Tường, về phía đông bắc huyện Tuy Phước, có ba toà tháp cổ Chiêm Thành, bốn mặt là dân cư, phía tây là núi Phan Lê.

*Gò Chùa*: ở thôn Đại An, phía bắc huyện, trước có chùa ở trên gò, nên gọi tên thế, bốn mặt gò là dân cư. Lại gò Gai, ở phía tây huyện, trên gò nhiều gai góc (tục gọi là rừng gai) nên gọi tên thế.

*Hòn San Hô*: ở hải phận huyện Tuy Phước, người địa phương hay lấy đá ở hòn này nung vôi. Phía đông thuộc thôn Hương Mai, phía nam thuộc thôn Hội Lộc, phía bắc là núi Eo Vượt, có vết chân lớn, tương truyền Không Lộ Thiền sư lên núi, nên có vết chân.

*Hòn Thanh Châu*: ở thôn Chính Thành, phía nam huyện, tục gọi núi Cù Lao, là trấn sơn của cửa biển Thi Nại, đầu đời Gia Long thuộc huyện Đồng Xuân đạo Phú Yên, đến giữa năm Minh Mệnh đổi lệ vào huyện Tuy Phước.

*Đá vọng phu*: ở phía đông nam huyện Phù Cát và phía bắc núi Càn Dương, trên núi có khối đá giống hình người đàn bà ẩm con, tay bên trái dắt một đứa con nữa, lưng dựa núi cao, mặt nhìn biển nam. Tương truyền xưa ở thôn Chính Thành có người đàn bà sinh được một trai một gái, đều còn bé. Một

www.thuvien247.net

hôm, trong nhà phơi thóc, gà hàng xóm đến ăn, người mẹ bảo con đuổi gà, đứa con trai lấy hòn đá ném gà, không ngờ ném lầm trúng vào đầu em gái. Mẹ giận đuổi đi, đứa con trai sợ trốn biệt, hơn 20 năm sau mới trở về, thì mẹ đã chết mà em gái cũng lưu lạc, tìm kiếm mãi không thấy. Nhân ngụ cư làm ăn ở thôn Chính Thành rồi lấy vợ người thôn Chính Mính, sinh được một trai một gái. Một hôm rỗi việc, vợ chồng ngồi bắt chấy cho nhau, chồng thấy đầu vợ có cái sẹo, bèn hỏi, vợ nói rõ nguyên thuỷ, chồng biết là mình lấy lầm phải em, hết nỗi hổ thẹn, bèn đáp thuyền sang phương Nam mà không trở về. Vợ nhớ mong, mới mang hai con bé lên núi trông chồng, trong lòng bi thương nên hoá thành đá.

*Ghềnh Hổ*: ở ngoài cửa biển Thi Nại, phía đông huyện Tuy Phước, trên ghềnh có pháo đài.

*Sông Lại Dương*: ở phía nam lị sở phủ Hoài Nhân, rộng 83 trượng, sông sâu nước trong, có hai nguồn: Một nguồn từ núi sách Man thuộc nguồn Trà Bình về phía tây bắc huyện Bồng Sơn, chảy về phía nam qua thủ sở bến Đốc Chính, đến thôn Thanh Lương, chuyển sang phía đông đến bến Trường Tân, (tục gọi bến Đồng Dài, rộng hơn 20 trượng), ở đây có đồn thủ Trường Tân có khe núi từ phía tây nam chảy vào, lại chảy về phía đông đến bến thôn Phú Văn; một nguồn từ khe núi trong sách Man về phía

www.thuvien247.net

tây nam huyện, chảy qua thôn Hội Đăng; các núi Tổng Vinh, Lỗ Đố và đồn thủ Đình Chí cũ, đến thôn Nhân Sơn, đến đây có ngòi Hạ Lý, Húc Tắc ở thôn Nghĩa Điền - phía nam ven núi chảy vào (tục gọi nước họp), lại chảy đến thôn Hương Sơn, ở đây có đồn thủ Thượng Lý, Ô Kim, thuộc thôn Nghĩa Điền, nước khe núi chảy qua thôn Bình Sơn, cùng nước Kim Sơn, Phú Hữu chảy từ phía đông hợp vào, lại chảy qua bến Đồng Khố thuộc thôn Hội Tỉnh, đến thôn Tân Thịnh, thì có nước khe núi Mạn Lăng (giáp địa giới huyện Phù Mĩ) chảy vào, lại chảy qua bến Mộc Bài, rồi ngoặt về phía đông qua thôn Trung Lương, đến thôn Phú Văn, lại chảy về phía đông qua bến Lại Dương thuộc thôn Trung An, thì chia thành hai nhánh: Một nhánh chảy về phía đông bắc 10 dặm qua địa phận thôn An Thái, lại chảy 6 dặm đến bến Tân Quan, làm sông Tân Quan, lại chảy 9 dặm rồi đổ vào cửa biển Kim Bồng; một nhánh chảy về phía đông, qua bến Lại Dương làm sông Lại Dương, rồi đổ vào cửa biển An Dụ. Năm Tự Đức thứ 3, liệt vào hàng sông lớn, chép trong điển thờ - *Xét:* Sông Tân Quan từ thôn An Thái (trước là An Quang) trở xuống, nay bồi đắp thành ruộng, chỉ còn đường cũ phỏng một trượng, nước sâu chừng một thước mà thôi, từ chợ Lộ Ân trở xuống hơi sâu hơn.

www.thuvien247.net

*Sông La Tinh*: ở huyện Phù Cát, sông rộng 16 trượng, nguồn từ phía đông nam núi Hội Sơn, qua hai ấp Yên Long và Hợp Long, lại chảy về phía đông 35 dặm đến ấp Xuân Hội, làm sông La Tinh. Đoạn chảy về đông qua ấp Chính Hội thì chia thành 2 nhánh: Một nhánh chảy về đông, một nhánh chảy về tây hơn 10 dặm, đến đầm Nước ngọt thì hợp nhau mà đổ vào cửa biển Đề Di.

*Sông Tam Huyện*: ở địa phận ba huyện Tuy Viễn, Tuy Phước và Phù Cát nên gọi tên thế. Có ba nguồn: Một nguồn từ núi Phong Sơn chảy về đông nam 66 dặm đến thôn Trinh Tường; một nguồn từ núi Kiền Kiền ở nguồn Lộc Động, chảy về đông bắc 16 dặm đến thôn Trinh Tường thì hợp nhau, lại chảy về phía đông 35 dặm đến thôn Hoà Phong thì chia làm hai nhánh, phía nam chảy về phía đông nam 2 dặm, qua thôn Phụ Ngọc huyện Tuy Viễn lại chia làm hai một dòng chảy về phía nam 20 dặm qua thôn Quang Châu ở phía tây nam tỉnh thành, gặp nước khe núi An Tượng (tục gọi nước Bầu Cách) chảy vào, rồi chảy ngoặt về phía đông 3 dặm, qua thôn Liêm Trực huyện Tuy Phước làm sông Tân An; một dòng chảy về phía bắc 17 dặm qua thôn An Nghĩa làm sông Lam Kiều, lại chảy 12 dặm qua thôn Biểu Chính huyện Tuy Phước. Nhánh phía bắc thì chảy về phía đông bắc 5 dặm đến thôn Tân Kiều

www.thuvien247.net

thì chia làm hai: Một dòng chảy về phía nam 11 dặm qua thôn Phương Minh làm sông Thạch Uyển, lại chảy 30 dặm đến thôn Đà Tài huyện Tuy Phước, một dòng chảy 8 dặm qua thôn Thuận Chính làm sông Gò Gang, lại chảy 2 dặm đến thôn Phú Thành huyện Phù Cát, gặp nước khe núi ở thôn Tham Vinh chảy vào, rồi chảy ngoặt sang phía đông đến thôn Nhân Lý. Bốn sông nói trên đều đổ vào đầm Biển Cạn và chảy xuống cửa biển Thi Nại.

*Sông Ba*: ở phía tây huyện Tuy Viễn, rộng 31 trượng 5 thước, nước nông mà trong, lòng sông nhiều đá, nguồn từ trong sách Man thốn An Khê, chảy về phía tây nam qua thôn An Khê, lại chảy vào sách Man, rồi chảy suốt đến sông Đà Diễn đạo Phú Yên.

*Sông Vân Sơn*: ở phía đông nam huyện Tuy Phước, phát nguyên từ phía tây núi Lão Hương, chảy sang phía đông nam, qua vực Thạch Trúc, suối Phèn, suối Khúc và khe Bùn đến thôn Quang Hiển, gọi là sông Quang Hiển, lại chảy quanh co sang phía đông qua khe Vọt, khe Đá, khe Xoài và thủ sở Hà Thanh, đến thôn Vân Hội (trước là Vân Sơn) gọi là sông Vân Sơn. Lại chảy về phía đông 2 dặm thì chia làm hai nhánh: Một nhánh chảy về phía đông bắc qua núi Càn Áo ở cửa sông Đục, đến thôn Phổ Trạch, rồi đổ xuống đầm Biển Cạn, đấy là chi lưu của sông Vân Sơn; một nhánh chảy về phía đông nam qua

www.thuvien247.net

núi Cấm Phú Xuân, có nước ao Bồ chảy vào, lại chảy về phía đông đến thôn Phú Hoà Đông gọi là sông Phú Hoà Đông, cũng đổ xuống đầm Biển Cạn.

*Khe Cây Sơn*: ở phía tây huyện Bồng Sơn, rộng 3 trượng, tục gọi là bến Hợp Thuỷ. Lại có khe An Sơn, tục gọi bến Thị Đức. Hai khe đều đổ xuống sông Lại Dương.

*Khe Nước Nóng*: ở trong rừng về phía nam huyện Phù Cát bề dọc 2 trượng, bề ngang chừng 1 trượng, lởm chởm nhiều đá, nước thường bốc hơi như nước sôi, chảy ra hơn 10 trượng khi nóng mới bớt dần, đến thôn Tân Hoà thì với chằm Nước Đục mà cùng chảy vào sông Nha Đoài.

*Đầm Cỏ*: ở chân đèo Phú Quí về phía bắc núi Thù Lộ huyện Tuy Phước, chu vi chừng trăm mẫu, hằng năm đến kỳ mưa lũ, nước trông mênh mông, thường nổi sóng to. Tương truyền là sóng thần.

*Đầm Tân Quan Đông Hải*: ở địa phương huyện Bồng Sơn. Lại có đầm Hải Đông và vũng An Dụ.

*Đầm Trà Ổ*: ở phía đông bắc huyện Phù Mĩ, chu vi 4.978 trượng linh, phía đông giáp bãi cát ra đến biển, phía đông nam đến núi Lỗi Sơn, phía bắc giáp cửa lạch Hà Ra, đến núi Thạch Cốc. Nước đầm phía nam từ đèo Hải Lương, phía bắc từ đèo Cựu Phủ đổ xuống, chảy ra cửa biển Hà Ra, quãng giữa

www.thuvien247.net

nổi vọt một hòn đảo, chu vi hơn 40 tầm, cao 5 trượng, cây cối um tùm, đền miếu nguy nga cũng là một nơi linh địa. Dân hai thôn Châu Giang và Trúc Võng đánh cá nộp thuế. Lại có lạch Hà Ra, phía đông giáp biển, phía tây giáp đầm Trà Ổ, phía nam giáp bãi cát và núi Thạch Cốc, có thủ sở ở đấy cửa lạch hẹp, bãi cát bồi lấp, mùa thu, mùa đông mưa nhiều nước ngập hai thôn, dân địa phương phải khai cửa lạch để tiêu nước ra biển. Lại có đầm Bình Hồ Hải Đông phía đông là biển, phía tây là bãi cát An Ấp, phía nam giáp Phường Mới, phía bắc giáp lạch Hà Ra.

*Đầm Nước Ngọt*: ở phía tây bắc huyện, chu vi 5.295 trượng linh, trên giáp sông La Tinh, dưới thông với cửa biển Đề Di, có thuế.

*Đầm Thuý Ki*: ở cửa biển Đề Di, về phía nam huyện, phía đông giáp biển, phía bắc đến hòn Rồng, giáp đầm Bình Hồ.

*Đầm Biển Cạn*: ở phía đông huyện Tuy Phước, chu vi hơn 9.500 trượng, nước đầm đổ vào cửa biển Thi Nại, trong đầm có núi nhỏ, tục gọi tháp Thầy Bói, phía tả là ghềnh Hổ, phía hữu là bãi Nhạn. Lại phía tả có vũng Tầu, ghềnh Triều, là bãi Sò, là mũi Cổ Rùa, phía bắc có thôn Hoàng Giản. Lại có đầm Cầu Đá, ở phía đông núi Khố Sơn thuộc thôn Xuân Giang, nước đổ vào sông Hưng Thịnh, chảy đến đầm Biển Cạn, đầm Tiểu Ki Hải Đông, thôn

www.thuvien247.net

Vân Xuân, đầm Hương Mai Hải Đông, và đầm Sen Hồ Hải Đông đều ở thôn Hương Mãi, đầm Hòn Xanh Hải Đông ở thôn Chính Thành.

*Vực Nghê Đá*: ở chân núi Bình Đầu thôn Vạn Lộc huyện Phù Mĩ, chiều dài hơn mười trượng, phía bắc do nước suối Khoai chảy vào rồi đổ ra sông La Tinh ở phía nam, bốn mùa không cạn, vì có nước khe các núi tụ về. Cạnh vực có phiến đá dài một trượng, bề ngang 5 thước, bề cao 9 thước, như hình con nghê, nên gọi thế.

*Hồ Giao*: ở phía tây chợ Bồ Đề, phía bắc huyện Bồng Sơn, trước gọi là hồ Ngọc Ngư, năm Minh Mệnh thứ 13 đổi tên gọi hiện nay.

*Giếng Vuông*: ở thôn Lạc Đức phía tây đường trạm, về phía tây huyện, vuông một trượng, bốn bờ xây đá, quanh năm không cạn, gặp năm hạn hán, nước giếng có thể tưới hơn chục mẫu ruộng, dân địa phương được nhờ.

*Suối Bộc Bố*: ở đèo Cân Dương phía đông huyện Phù Cát, phía bắc núi có suối, nước chảy về phía tây nam từ trên cao đổ xuống, bên dưới nước rất trong, đổ vào đầm Biển Cạn, năm hạn hán đảo vũ, lấy đá ném xuống suối, liền được ứng nghiệm.

*Nguồn Phương Kiệu 15 thác*: ở thượng lưu sông Tam Huyện, huyện Tuy Viễn: 1) Tà Ô, 2) Nước

www.thuvien247.net

Chảy, 3) Thuyền Kiên, 4) Danh Cố, 5) Cây Nại, 6) Ca Tố, 7) Cây Ngang, 8) Thác Sông, 9) Thác Miếu, 10) Thác Hán, 11) Cổ Ngựa, 12) Hô Hô, 13) Thác Trà, 14) Thác Trung, 15) Thác Trại. Trong đó thác Hán là hiểm hơn cả, phía nam là thôn Định Chiêu, phía bắc là thôn Vĩnh Thịnh, hai bên lòng sông đều có đá lớn, người đi thuyền cần phải đề phòng.

*Nguồn Lộc Động, 8 thác*: ở thượng lưu sông Tam Huyện, huyện Tuy Viễn: 1) Đá Trấy, 2) Thác Khô, 3) Thác Đốc, 4) Thác Ngang, 5) Thác Hư, 6) Thác Cát, 7) Thác Ngàn Củi, 8) Thác Thạch Thao.

## CỔ TÍCH

*Tháp cổ Chiêm Thành*: có 8 cái: 1) *Tháp Dương Long* ở thôn Vận Tường huyện Tuy Viễn, 2) *Tháp Đồng* ở thôn Thủ Lương, 3) *Tháp Cánh Tiên* ở thôn Nam An, 4) *Tháp Đôi* ở thôn Hưng Thịnh huyện Tuy Phước, 5) *Tháp Thanh Trúc* ở thôn Bình Lâm, 6) *Tháp Long Triều* ở thôn Xuân Mĩ, 7) *Tháp Thị Thiện* có 4 cái ở trên núi đất chỗ giáp giới bốn thôn Đại Lộc, Hoàng Kim, Vạn Bảo và Phong Niên, 8) *Tháp Phúc Lộc*, ở trên núi đất chỗ giáp giới hai thôn Phú Thành và Châu Thành huyện Phù Cát.

*Thành cũ Chà Bàn*: ở địa phận ba thôn Nam Định, Bắc Thuận và Bả Canh về phía đông bắc huyện Tuy Viễn. Xưa là quốc đô của Chiêm Thành,

www.thuvien247.net

chu vi 30 dặm, trong thành có tháp cổ có nghê đá, voi đá, đều của người Chiêm Thành. Tây Sơn Nguyễn Văn Nhạc chiếm cứ thành này, nhân nền cũ xây đá ong, tiếm xưng là *thành Hoàng Đế*. Năm Kỷ Mùi (1799) đầu đời trung hưng khi mới thu phục được đất này, đổi tên là thành Bình Định, năm Nhâm Tuất (1802) đổi làm trấn, sau dời đến lị sở hiện nay (tức là địa phận hai thôn Kim Châu và An Nghĩa thuộc huyện Tuy Viễn), bèn bỏ thành này, nay vẫn còn nền cũ. Trong thành có đền Chiêu Trung thờ Hoài Quốc công Võ Tánh và Ninh Hoà Quận công Ngô Tòng Chu.

*Thành cũ An Thành*: tục gọi thành Bắc[1] ở thôn An Thành, phía đông huyện Tuy Viễn, do người Chiêm Thành xây, nay đã đổ nát, dấu cũ vẫn còn.

*Thành cũ Phú Phong*: tục gọi thành Bách-Bích, ở trên núi thôn Phú Phong, phía tây huyện, nay đổ nát, dấu cũ vẫn còn, cũng có tên là thành Uất Trì.

## CỬA QUAN VÀ TẤN SỞ

*Nguồn Trà Vân*: ở lệch về phía tây bắc huyện Bồng Sơn, cách huyện hơn 60 dặm, giáp huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, thủ sở ở địa phận hai thôn

---

[1] Có sách chép là thành Cha vì hai chữ nặt chữ hơi giống nhau, nên có sách chép khác nhau như thế.

www.thuvien247.net

An Đổ và An Hội. Lại có các đồn Cổ Luỹ, Lão Thuộc, An Đổ, An Hội, Cẩn Hậu, Trường Sơn, Tân Bình, Phú Lương, Nhuận Phú (2 đồn), Thành Sơn, cả thảy 11 sở do dân canh giữ để đề phòng ác Man.

*Nguồn Trà Bình*: ở cách huyện hơn 70 dặm lệch về phía tây bắc, thủ sở ở địa phận thôn Hưng Nhân. Lại có các đồn Chí Đốc, Chí Chính, Trường Vân, 3 sở, do dân canh giữ nguồn này trước tên là Trà Đinh, đời Minh Mệnh đổi tên hiện nay.

*Nguồn Thạch Bàn*: ở cách huyện Phù Cát hơn 20 dặm về phía tây, thủ sở ở địa phận hai thôn Thạch Bàn và Hội Sơn. Lại có hai trường giao dịch ở Hà Vị.

*Nguồn Phương Kiệu*: ở cách huyện Tuy Viễn hơn 150 dặm về phía tây, thủ sở ở địa phận thôn An Khê, trước có trường giao dịch, lại có các đồn Trà Đình, Xuân Viên, Tam Giang, Hương Thuỷ, Trúc Lâm, Vụ Bản, Đài Tiền, 7 sở. *Xét*: thôn An Khê nguyên trước là trại của Tây Sơn, đất đai bằng phẳng và màu mỡ, ở phía trên sông Ba mấy dặm đã thuộc sách Man, từ sách Man đi vài ngày, lại có sông Đôn, nước đều chảy về phía nam, đổ vào sông Đà Diễn đạo Phú Yên; từ sông Đôn đi về phía tây 12 ngày đường đến sông Ba La, đổ vào sông Khung. Các đạo trưởng Tây Dương thường đến đây giảng đạo.

www.thuvien247.net

*Nguồn Lộc Động*: ở cách huyện hơn 50 dặm về phía tây, là chỗ phát nguyên của một chi sông Tam Huyện, thủ sở ở địa phận thôn Phú Phong, tên cũ là Đồng Heo, đời Minh Mệnh đổi tên hiện nay.

*Nguồn An Tượng*: ở cách huyện hơn 30 trượng về phía tây nam là chỗ phát nguyên của một chi sông Tân An, thủ sở ở địa phận thôn Thọ Lộc.

*Nguồn Hà Thanh*: ở cách huyện Tuy Phước hơn 100 dặm về phía tây nam, thủ sở ở địa phận hai thôn Quang Thuận và Canh Vân, trước gọi là nguồn Hà Kiêu, đời Minh Mệnh đổi tên hiện nay. Lại gần thủ sở đạo Hà Nha có bảo Thị Dã, bỏ từ năm Minh Mệnh thứ 7.

*Tấn Kim Bồng*: ở phía đông bắc huyện Bồng Sơn rộng 11 trượng, thuỷ triều lên sâu 3 thước, thuỷ triều xuống sâu 1 thước, thủ sở ở địa phận thôn Tứ Chính. Năm Kỷ Mùi đầu đời trung hưng, đại binh đánh Qui Nhân, sai Nguyễn Văn Trương đem binh thuyền tiến vào cửa biển Kim Bồng, để cắt đứt ngoại viện của giặc tức là chỗ này.

*Tấn An Dụ*: ở phía đông huyện, rộng 18 trượng, thuỷ triều lên sâu 5 thước 6 tấc, thủ triều xuống sâu 2 thước 4 tấc, thủ sở ở địa phận thôn Thịnh Xuân. Năm Quí Sửu, đầu đời trung hưng đại binh đánh Qui Nhân, nhà vua thân đem châu sư đóng ở cửa biển An

www.thuvien247.net

Dụ, sai Nguyễn Văn Thiện đánh các đồn Lại Dương và Bản Dương. Đô đốc giặc là Nguyễn Văn Thái đầu hàng. Năm Giáp Dần, đại binh đến Qui Nhân, Nguyễn Văn Trương đánh giặc ở cửa biển An Dụ, đánh được hơn 10 thuyền vận lương, ấy là chỗ này.

*Tấn Đề Di*: ở phía đông bắc huyện Phù Cát, rộng 11 trượng, thuỷ triều lên sâu 6 thước, thuỷ triều xuống sâu 4 thước, phía tây có đầm Nước ngọt, thuyền buôn thường đỗ ở đây, thủ sở ở địa phận thôn An Quang. Hồi đầu trung hưng, tướng giặc tên là Thuỵ đem 250 thuyền lương từ Bắc Hà vào đóng ở cửa biển Đề Di, bị Nguyễn Văn Trương chặn đánh, thu được rất nhiều thuyền lương, ấy là chỗ này.

*Tấn Thi Nại*: ở phía đông huyện Tuy Phước, rộng 197 trượng, thuỷ triều lên sâu 4 trượng 7 thước, thuỷ triều xuống sâu 4 trượng 4 thước, thủ sở ở địa phận thôn Bình Chính, có bảo đất, chu vi 48 trượng 4 thước, cao 6 thước, mở một cửa. Về phía đông cửa biển, có pháo đài Hổ Ki, chu vi 27 trượng, mở một cửa, có một kì đài và 12 lỗ súng, dựng từ năm Minh Mệnh thứ 7, đến năm Tự Đức thứ 18 sửa lại. Lại có mặt sau pháo đài Hổ Ki đắp luỹ trên gò Vũng Tàu dài 3 trượng, 4 lỗ súng; luỹ trên gò Kình Để, dài 3 trượng, 5 lỗ súng; phía trong bảo có nhà kho bằng ngói, chứa 3 vạn hộc lúa để phòng khi phải chở đi nơi khác, kho này dựng từ năm Minh Mệnh thứ 17.

www.thuvien247.net

*Xét*: Sử chép năm Thái Hoà thứ 4 (1446) đời Lê Nhân Tông, đánh Chiêm Thành, Bình chương Lê Thụ và Thiếu phó Lê Khắc Phục kéo quân đến các xứ Li Giang và Cổ Luỹ đánh tan được quân giặc. Thừa thắng hạ luôn thành Thi Nại, rồi tiến vây thành Chà Bàn, bắt được chúa Chiêm Thành là Bí Cai. Đời Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ hai (1471), đánh Chiêm Thành, tiến quân đánh Thi Nại, vây thành Chà Bàn bắt được chúa Chiêm Thành là Trà Toàn. Bản triều năm Nhâm Tý (1792) đầu đời trung hưng đại binh đánh Qui Nhân, nhà vua thân đem châu sư đóng ở cửa biển Thi Nại. Đô đốc giặc là Thành bỏ chạy, nhà vua đóng quân ở chợ Thi Nại, phủ dụ nhân dân rồi rút quân về. Năm Quí Sửu (1793) đại binh lại tiến đánh Qui Nhân, thuyền vua đóng ở cửa biển Thi Nại sai Võ Tánh đánh phá được bảo giặc ở chợ Thi Nại. Năm Kỷ Mùi (1799), thuyền vua đóng ở cửa biển Thi Nại, tiến quân hạ được thành Qui Nhân, sai Võ Tánh làm Lưu thủ. Năm Canh Thân (1800) tướng giặc là bọn Trần Quang Diệu và Vũ Văn Dũng đem đồ đảng vây thành, Dũng lấy 3 thuyền lớn và hơn trăm thuyền chiến chắn ngang cửa biển, lại lập bảo và đặt đại bác ở bãi Nhạn và núi Tam Toà về phía tả cửa biển để chống cự quân ta. Mùa xuân năm Tân Dậu, nhà vua sai Nguyễn Văn Trương dùng thuyền nhỏ

www.thuvien247.net

lẻn vào ghềnh Hổ đốt cháy đồn thuỷ của giặc, bọn Võ Di Nguy và Lê Văn Duyệt tiến sau, Di Nguy bị đại bác bắn chết, Văn Duyệt thúc quân xông thẳng vào cửa biển, lợi dụng sức gió, tung lửa đốt cháy thuyền giặc gần hết, ấy là cửa biển này.

*Tấn Phường Mới*: ở phía đông huyện Phù Mĩ, thủ sở ở địa phận xã Ô Phi, tục gọi vũng Độc Ki.

*Tấn Hà Ra*: cũng ở phía đông huyện Phù Mĩ, có thủ sở, nay bỏ.

*Tấn Nha Phiên*: ở phía đông huyện Phù Cát, tục gọi kẻ Thử, có thủ sở.

## NHÀ TRẠM

*Trạm Bình Đê*: ở thôn Lân Đê huyện Bồng Sơn, phía bắc đến trạm Ngãi Quán tỉnh Quảng Ngãi 33 dặm linh, phía nam đến trạm Bình Trung 33 dặm linh. Đầu đời Gia Long gọi là trạm Thạch Tân, năm Minh Mệnh thứ 3 đổi tên hiện nay.

*Trạm Bình Trung*: ở thôn Trung An, phía nam đến trạm Bình Dương 30 dặm linh, trước gọi là trạm Trung An, năm Minh Mệnh thứ 3 đổi tên hiện nay.

*Trạm Bình Dương*: ở thôn Dương Liễu, huyện Phù Mĩ, phía nam đến trạm Bình Sơn 33 dặm linh, trước gọi là trạm Cây Thị, năm Minh Mệnh thứ 3 đổi tên hiện nay.

www.thuvien247.net

*Trạm Bình Sơn*: ở thôn Đại Thịnh huyện Phù Mĩ, phía nam đến trạm Bình An, 31 dặm linh, trước gọi là trạm Thạch Quán, năm Minh Mệnh thứ 3 đổi tên hiện nay.

*Trạm Bình An*: ở thôn Kiều An huyện Phù Cát, phía nam đến trạm Bình Điền 30 dặm linh, trước tên là trạm Gò Gang, năm Minh Mệnh thứ 3 đổi tên hiện nay.

*Trạm Bình Điền*: ở thôn Mĩ Điền huyện Tuy Phước, phía nam đến trạm Bình Phú 30 dặm linh, trước gọi trạm Quán Gạo, năm Minh Mệnh thứ 3 đổi tên hiện nay.

*Trạm Bình Phú*: ở trên đèo Cù Mông thuộc địa phận xã Phú Yên, chỗ giáp giới hai huyện Tuy Phước và Đồng Xuân, phía nam đến trạm Phú Khê 24 dặm linh.

## CHỢ

*Chợ Lại Dương*: ở huyện Bồng Sơn. Lại có các chợ *Kim Thành, Long Giang, Hội Tỉnh, Kim Sơn, Hội Long, Đồng Tháp, Thiện Cương, Tứ Xuân, Ngọc Lâm, Phượng Du, Phủ Cũ*.

*Chợ Trà Quang*: ở huyện Phù Mĩ. Lại có các chợ *An Hoan, Thanh Xuân, Hà Ra, Vạn Xuân, Dương Liễu, Thiên Thành, Vạn An, Văn Tường, An Trinh,*

www.thuvien247.net

*Trực Đạo, Kiên Trinh, Chính Hội, Khánh Trường, An Lương, Xuân Cảnh, Tân Thành, Chính Trực, Phú Đức, Mạn Công, Trung Mạn.*

*Chợ Phù Li*: ở huyện Phù Cát. Lại có các chợ *Gò Gang, Chính Lộc, Phươn Phi, Càn Dương, Long Định, Vĩnh Trường, Hoà Hội, An Hành, Khánh Đức, Cảnh Triều, Xuân An.* Chợ Càn Dương, hồi đầu bản triều phủ lị Qui Nhân ở đấy, nay bỏ.

*Chợ An Thái*: ở huyện Tuy Viễn lại có các chợ *Thạch Yến, Lam Kiều, Huyện Cũ, Phủ Mới, Phúc Lộc, Hà Nhung, An Khê.*

*Chợ Vĩnh Thế*: ở huyện Tuy Phước. Lại có các chợ *Hanh Quang, Trung Tín, Bình Thịnh, Cẩm Thượng, Bình Định, Vân Hội.*

## ĐÒ CẦU

*Bến Lại Dương* ở huyện Bồng Sơn.

*Bến Phù Li*: ở huyện Phù Cát, có tên nữa là bến La Tinh. Lại có bến Gò Gang.

*Bến Tân An*: ở thôn Liêm Trực huyện Tuy Phước. Năm Ất Mùi đầu đời trung hưng, Võ Tánh phá giặc ở cầu Tân An (nay là bến đò) chém được đô đốc giặc là Nguyễn Thực, tức là chỗ này. Lại có bến Vân Sơn.

www.thuvien247.net

*Bến Thạch Yển*: ở hai thôn Phương Minh và Cẩm Văn huyện Tuy Viễn. Lại có các bến *An Thái*, *Kiên Mĩ*, *Ông Thuộc*, *Ông Thai*, *Bà Lự*, *Tam Tháp*, *Cù Lâm*, *An Thành*.

*Cầu Lộc Giang*: ở huyện Bồng Sơn. Lại có các cầu *Tân Thịnh*, *Kim Sơn*, *Phú Quyến*, *O Long*, *Tư Đức*, *Hội Long*, *Thiện Cương*, *An Hoà*, *Ngọc Bàn*, *Định Thiện*, *Yên Lương*, *Dương Liễu*, *Cự Tài*.

*Cầu Trường An*: ở huyện Phù Mĩ. Lại có các cầu *Khánh Trường*, *Xuân Hiên*, *An Quang*, *An Trinh*, *Trà Bình*, *Văn Trương* (đều là cầu gỗ), *Bình Long*, *Vạn Lộc*, *Đại Thịnh*, *Thịnh An*, *Bình Tân*, *Trà Bình*, *Tú Dương*, *Trà Quang*, *An Tiêu*, *Trà Kình*, *Chính Thuận*, *Phú Nhiêu*, *Văn Trường*, *Dương Liễu*, *Vạn Phú*, *Vạn An*, *Vạn Thái*, đều là cầu đá.

*Cầu Phú Thịnh*: ở huyện Phù Cát. Lại có các cầu *Khánh Phúc* (có tên nữa là cầu Ông Đốc), *Kiều An* (có tên nữa là cầu Nha Đoài), *Gò Gang*.

*Cầu Tân Nhuệ*: ở huyện Tuy Viễn. Lại có các cầu *Tràng Định*, *Thanh Liêm*, *Hoà Cư*, *An Nghĩa*, *Côn Sinh*, *Thập Tháp*, *Nhân Thuận*, *Cù Lao*, cầu *Chúc*, cầu *Bản*.

*Cầu Tân Hội*: ở chỗ hết nước của đầm Biển Cạn thuộc huyện Tuy Phước, tục gọi cầu đôi. Năm Quí Sửu (1793), đầu đời trung hưng, Võ Tánh phá

www.thuvien247.net

quân giặc. Năm Tân Dậu (1801) Lê Văn Duyệt đánh nhau với giặc bắt được Đô đốc giặc là Nguyễn Bá Phong, đều ở chỗ này. Lại có các cầu Vinh Thịnh, Hội Thuỷ, Kim Châu, Phong Niên, Dao Trì, Phú Hoà, Bình Thịnh, Phụ An, Liêm Trực, Vân Hội, Phú Thịnh.

## ĐÊ ĐẬP

*Đập Xuân An*: có tên nữa là đập Tiên Yên, ở thôn Châu Thành, huyện Phù Cát. Phía tây có đập *Cây Sung*, phía đông có đập *Tân Hoà*. Lại có đập *Thiển Hạt* ở thôn Trung Lý; *đập Đá* ở núi Mộ Ô thôn Lý Nhân do dân đinh hai huyện Phù Cát và Tuy Viễn đắp.

*Đập Văn Phong*: có tên nữa là đập Kiên Mĩ, ở thôn Trinh Tường, huyện Tuy Viễn; xưa gọi là đập Văn Phong là do họp người 7 thôn để đắp. Năm hạn hán, khi đảo vũ, cho người làm cho nước vọt lên như hình mở đập thì được mưa ngay. Lại có đập *Bằng Châu* ở thôn Bằng Châu, đập *Đông Tháp* ở thôn Thủ Hương, đập *Thốt* ở thôn Quan Quang.

*Đập Mĩ Hoà*: ở chỗ bến đò trước tỉnh thành Bình Định, thuộc huyện Tuy Phước có tên nữa là đập Thịnh Hoà. Lại ven sông Tam Huyện có các đập *Kỳ Bang*, *Cây Sung*, *Sầu Đâu*, *Bạn Cát*, *Giáo Đất*, *Trường Giang*, *Ngô Đồng*, *Gia Phù*; ven sông *Vân Sơn* có các

www.thuvien247.net

đập *Hiệp Sơn, Ma Na, Ký Lược, Lão Lự, Phủ Sinh, Văn Chiêm, Phổ Trạch, Ký Lục, Phú Xuân, Trung An.*

## ĐỀN MIẾU

*Đàn Xã Tắc*: ở thôn Hoà Cư huyện Tuy Viễn, phía tây tỉnh thành Bình Định. Dựng năm Minh Mệnh thứ 13.

*Đàn Tiên Nông*: ở thôn Liêm Trực huyện Tuy Phước, phía nam tỉnh thành. Dựng năm Minh Mệnh thứ 14.

*Đàn Sơn Xuyên*: ở thôn Liêm Trực huyện Tuy Phước, phía nam tỉnh thành. Dựng năm Minh Mệnh thứ 5.

*Văn Miếu*: ở huyện Phù Cát về phía bắc tỉnh thành. *Đền Khải Thánh* ở sau Văn Miếu. Dựng năm Gia Long thứ nhất.

*Miếu Hội Đồng*: ở thôn Vĩnh Lại, huyện Phù Cát, về phía bắc tỉnh thành. Dựng năm Gia Long thứ nhất.

*Miếu Thành Hoàng*: ở thôn Vĩnh Lại, phía đông miếu Hội Đồng. Dựng năm Gia Long thứ nhất.

*Đền Chiêu Trung*: ở thôn Nam Định, phía bắc huyện Tuy Viễn. Đầu đời trung hưng, Hoài Quốc công Võ Tánh và Ninh Hoà Quận công Ngô Tòng Chu chịu lưu trấn thành Bình Định. Tướng giặc là

www.thuvien247.net

bọn Trần Quang Diệu và Vũ Văn Dũng đem hết đồ đảng đến vây thành. Hơn một năm, hai ông bám thành cố giữ, sau đó, bí mật dâng biểu khuyên vua nhân giặc sơ hở, đánh lấy thành Phú Xuân. Nhà vua y theo. Bấy giờ trong thành hết lương, Ngô Tòng Chu uống thuốc độc chết. Võ Tánh tự thiêu ở lầu Bát Giác. Sau khi lấy lại thành Phú Xuân, đem quân quay vào cứu Bình Định thì hai ông đã tử tiết rồi. Liền dựng đền thờ ngay chỗ lầu Bát Giác gọi là đền lầu Bát Giác. Năm Tự Đức thứ 4, đổi tên hiện nay. Phía sau đền có mộ Võ Tánh, mộ người đội trưởng (không rõ tên) chết theo cũng ở đấy.

*Đền Bao Trung*: ở thôn Hưng Thịnh huyện Tuy Phước. Khoảng năm Canh Thân - Tân Dậu (1800 - 1801), quân vua tiến đánh Qui Nhân, Nghi Giang Quận công là Võ Di Nguy chết ở cửa biển Thi Nại, Bình Giang Quận công Tống Viết Phước chết ở sông Tân Quan. Sau khi đại định, lập đền thờ gọi là miếu công thần Hưng Thịnh. Năm Tự Đức thứ 4 đổi tên hiện nay.

*Đền Tứ Vị Thánh Nương*: ở hai thôn Thuận Nghi và Đăng Trường huyện Tuy Phước, lại có tên nữa là đền Hàm Rồng, thờ Tống Thái hậu (xem sự tích ở *Nạm Định tỉnh chí*).

*Đền Uy Minh Vương*: có tên nữa là đền thần núi Tam Toà, ở cửa biển Thi Nại. Thần họ Lý, huý

www.thuvien247.net

là Nhật Quang, là con thứ tám của Lý Thái Tông, được phong Uy Minh Vương, coi phủ Nghệ An, có chính tích tốt, nhân dân mến phục. Bấy giờ có bộ lạc ở Chiêm Thành làm phản, vua Chiêm Thành cầu viện, quân của vương đóng ở dưới núi Tam Toà, vua Chiêm Thành đón rước. Bộ lạc Chiêm Thành được tin, đều đến cửa quân sụp lạy và cam đoan xin theo lệnh vua Chiêm, không dám hai lòng. Vương đem quân về, người Chiêm Thành nhớ công đức, bèn lập đền thờ ở dưới núi Tam Toà. Lúc vua Lê Thánh Tông đi đánh Chiêm Thành, đóng quân ở cửa biên Thi Nại, cầu đảo thường được ứng nghiệm. Sau khi hạ được thành Chà Bàn, phong cho vương làm thần núi Tam Toà.

*Đền thần Thịnh Xuân*: ở phường Thịnh Xuân huyện Bồng Sơn. Thờ ba vị thần: Một là Tứ Dương thành phủ quân, hai là Dương Đà phủ quân, ba là Thế Tử Nhạc phủ quân. Tương truyền đều là người tử tiết, sau khi chết hiển linh. Đền thờ ở gần cửa biển An Dụ, bãi cát hai bên thường bồi lấp, khi có thuyền vận tải, cầu đảo thì cửa lạch liền được rộng sâu. Năm Minh Mệnh thứ 11, gặp kì vận tải, cửa biển bị cạn, quan địa phương đến cầu đảo, sáng hôm sau liền thấy mở ra cửa biển mới, thuyền lớn thuyền nhỏ ra vào rất là thuận tiện, sau vài ba ngày lại bồi lấp như cũ. Triều đình nghe tin sai sửa lễ kính tạ.

www.thuvien247.net

*Đền Cống Quận Công*: ở thôn Hi Văn huyện Bồng Sơn, thờ Cống Quận công Trần Đức Hoà.

*Đền Hoằng Quốc Công*: ở thôn Cự Tì huyện Bồng Sơn, thờ Khai Quốc công thần Đào Duy Từ.

*Đền Tráng Bang Hầu*: ở thôn Chính Hoà huyện Phù Cát. Thần người thôn này, họ Chu, huý là Tá An, đỗ Hương cống hồi đầu bản triều, làm quan đến chức Khám lí, được phong tước Tráng bang hầu, có công dẹp được người Man và mở mang lãnh thổ, sau khi chết, người trong thôn lập đền thờ.

*Đền Hoà Quận Công*: ở thôn Thái Định huyện Phù Cát. Thần người thôn này, họ Ngô, huý là Tòng Chu. Thần cùng Hoài Quốc công Võ Tánh giữ thành Qui Nhân, đều tử tiết. Năm Gia Long thứ 2, sai dựng đền riêng, cấp cho ruộng thờ và phu mộ, lại cho con được tập ấm để giữ việc tế tự.

*Văn Chỉ hàng huyện*: một ngôi ở thôn Hội An huyện Bồng Sơn, một ngôi ở thôn Vạn Thiện huyện Phù Mĩ và một ngôi ở thôn Trung Tính huyện Tuy Phước, đều dựng từ giữa đời Tự Đức.

## CHÙA QUÁN

*Chùa Thạch Cốc*: ở thôn Hội Khánh huyện Phù Mĩ (tục gọi xứ Đá Bạc), chu vi 19 thước linh, từ trước chùa đến cửa chính và từ cửa chính vào trong

www.thuvien247.net

chùa đều dài 3 trượng linh, cửa rộng 5 thước, cao 4 thước linh, có 15 cái bàn vuông, phía trong 3, phía hữu 5, phía tả 5 và tả hữu ngoài cửa mỗi bên 1 cái, đều có bực đá. Phía trên chùa có một lỗ thông ra sườn núi, phía dưới chùa có một lỗ thông đến chùa Bắc Hộ, phía tây nam là núi La Hi. Tương truyền năm hạn hán, nếu trên núi nghe như có tiếng xay lúa thì liền mưa, mưa lâu cũng thế.

*Chùa Linh Phong*: ở thôn Phương Phi huyện Phù Cát, lưng dựa vào núi cao, mặt trông ra đầm biển Biển Cạn, xung quanh có nước suối lượn quanh, phong cảnh cũng đẹp. Tương truyền xưa có chùa Dũng Tuyên, năm Nhâm Ngọ, Hiển Tông thứ 12 (tức năm Lê Chính Hoà thứ 23-1702) do thầy chùa là Lê Ban (tục gọi ông Núi) dựng; năm Quí Sửu Túc Tông thứ 9 (tức năm Lê Long Đức thứ 2-1733) sắc phong là Tĩnh Giác Thiện Trì Đại Lão Ông thiền sư, lại ban cho biển ngạch và câu đối, nay vẫn còn. Năm Minh Mệnh thứ 10 cho lấy bạc kho để trùng tu.

*Chùa Thập Tháp*: ở thôn Thuận Chính huyện Tuy Viễn, vì phía sau chùa có 10 ngọn tháp Chiêm Thành nên gọi tên thế, những tháp ấy nay đã đổ nát. Năm Quí Hợi, Thái Tông thứ 36 (Lê Chính Hoà thứ 4-1683), nhà sư Trung Quốc là Bích Hón Hoà thượng dựng. Năm Tân Mùi, Hiển Tông thứ nhất (Lê Chính Hoà thứ 12-1691) ban cho biển ngạch đề

www.thuvien247.net

Thập Tháp Di Đà tự và một câu đối, nay vẫn còn. Năm Minh Mệnh thứ nhất, sư chùa Thiên Mụ là Mật Hoằng Hoà thượng trùng tu. Chùa này cùng chùa Linh Phong đều nổi tiếng là nơi danh thắng.

*Chùa Mạn Sơn*: tục gọi chùa Ông Đá, ở thôn Nhạn Tháp huyện Tuy Viễn, về phía nam thành Chà Bàn. Trong chùa có hai tượng đá, đứng hai bên nhìn nhau trên viên đá vàng, mình cao hơn 6 thước, lưng rộng hơn 5 thước, một pho sơn son, một pho sơn then, thầy chùa chế áo xiêm, mũ đai bằng vải vẽ hình mây rồng mặc vào, trông như hình người còn sống. Tương truyền tượng ấy là tượng Phật của người Chiêm Thành. Cầu đảo thường ứng nghiệm.

*Chùa Long Khánh*: ở phía tây cửa biển Thi Nại, trong động cát, ở thôn Cẩm Thượng huyện Tuy Phước, mặt trông ra đầm Ngư Ki, do Hoà thượng Nguyễn Trinh Tường dựng từ năm Gia Long thứ 6.

## NHÂN VẬT

*Trần Đức Hoà*: người huyện Bồng Sơn, nhà thế phiệt, có quân công, làm quam đến Khám lí, tước Cống Quận công, trong phủ dụ nhân dân, ngoài cung cấp binh lương. Đầu bản triều, dự có công lao, chết phong phúc thần

*Đào Duy Từ*: người huyện Ngọc Sơn, trấn Thanh Hoa, là con người phường chèo Đào Tá Hán, lúc

www.thuvien247.net

nhỏ thông minh khác thường, rộng khắp sách kinh sử, rất tinh về học tượng vĩ thuật số. Đời Lê đi thi Hương, quan thường bác đi lấy cớ là con phường chèo, bèn quyết chí vào Nam, đến thôn Tùng Châu (nay là thôn Cự Tài) phủ Qui Nhân, ở chăn trâu cho một nhà giàu. Người nhà giàu lấy làm lạ nói với Khám lí Trần Đức Hoà, Đức Hoà rất mừng, bèn cho ở trong nhà và gả con gái cho. Duy Từ từng làm bài phú "Ngọa long cương"[1] để tỏ chí của mình. Năm Hy Tông thứ 11 (1623) Đức Hoà vào chầu, tiến cử Duy Từ, Hy Tông cho triệu vào trao chức Vệ uý Nội tán. Duy Từ khuyên Hy Tông đắp luỹ dài Động Hải để chống quân Trịnh (tục gọi luỹ Thầy), tức là Định Bắc trường thành bây giờ, lại lập các phép duyệt binh và thi sĩ tử, tiến cử Nguyễn Hữu Tiến làm tướng, giúp chính sự trong 8 năm, đứng đầu công thần Khai Quốc. Chết, tặng Thái thường Tự khanh Lộc Khê hầu; đầu đời Gia Long được thờ phụng ở Thái Miếu, năm thứ 9 được liệt thờ ở miếu Khai Quốc công thần; năm Minh Mệnh thứ 12 được truy tặng Đông Các Đại học sĩ Thái sư Hoằng Quốc Công.

*Nguyễn Hữu Tiến*: tiên tổ là người huyện Ngọc Sơn trấn Thanh Hoa, sau dời vào Nam, nhập tịch ở

---

[1] Ngọa long cương: chỗ ở của Gia Cát Lượng đời Hậu Hán. Duy Từ tự ví mình với Gia Cát Lượng.

www.thuvien247.net

huyện Bồng Sơn. Hữu Tiến là người trầm tĩnh, cương nghị, có chí lớn. Đào Duy Từ nhân nằm mộng thấy con hổ đen sinh cánh, bèn tiến cử Hữu Tiến, được trao chức Đội trưởng. Năm Mậu Tí, Thần Tông thứ 14 (1648) Hữu Tiến đánh úp quân Trịnh ở cửa biển Nhật Lệ, chém được hơn 10 người tướng, đem quân về đóng ở Võ Xá, gọi là đạo Lưu Đồn. Năm Ất Mùi, Thái Tông thứ 8 (1655) qua sông Gianh đánh lấy đất 7 huyện thuộc Nghệ An, rồi đem quân về. Chết vào năm Bính Ngọ, tặng Tiết chế Thuận Quốc Công. Đầu đời Gia Long thờ phụng ở Thái Miếu, đời Minh Mệnh được truy phong Anh Quốc công, thờ phụng ở Võ Miếu.

*Đặng Đức Siêu*: người huyện Bồng Sơn, đỗ Hương tiến, được bổ Hàn Lâm Viện. Đầu đời trung hưng lẻn vào Gia Định dâng sách lược bình Tây, được trao chức Tham mưu Trung dinh, có công. Sau khi đại định, lễ nghi và chế tác phần nhiều do tay Đức Siêu chế tác, làm đến Thượng thư Lễ bộ, sung việc dạy bảo hoàng thân, giúp ích rất nhiều vào việc bồi dưỡng hoàng tử. Chết tặng Tham chính. Đầu đời Minh Mệnh truy tặng Thiếu sư Hiệp biện Đại học sĩ. Đầu đời Tự Đức, liệt thờ ở miếu Trung hưng Công thần. Nhà Siêu theo đạo Gia tô. Siêu bỏ đạo đi học, đức hạnh và tiết tháo nổi tiếng, đứng đầu nhân vật bản triều. Con tên là Chiêm, làm quan đến Tổng đốc

www.thuvien247.net

Hải Dương, cháu là Nhuận sung Phò mã, anh là Huy, làm quan đến Đốc học, già hưu trí rồi chết ở nhà.

*Trần Văn Trí*: đầu đời trung hưng, có công theo đi Vọng Các, làm Cai cơ, thăng Khâm sai thuộc Nội Chưởng cơ rồi chết. Con là Trị, làm Cai đội, năm Minh Mệnh thứ 14 đánh thành Phan An chết trận, được liệt thờ ở đền Trung Nghĩa.

*Võ Văn Từ*: người huyện Bồng Sơn, làm Thị trung Vệ uý. Năm Minh Mệnh thứ 14, người thổ mục ở Tuyên Quang là Nùng Văn Vân nổi loạn. Từ được thăng Chưởng vệ, đi tham tán việc quân, cùng Tổng thống Tạ Quang Cự đánh giải vây cho Lạng Sơn, lấy lại thành Cao Bằng, được phong tước Gia bằng nam, sau thự chức Thống chế Trung dinh quân Thần sách. Năm thứ 18, vâng mệnh đi kiểm sát quan lại các tỉnh Hải Dương, Quảng Yên và Nam Định, rồi lại về Kinh. Chết năm Thiệu Trị thứ 2, tặng Đô thống, năm Tự Đức thứ 11 liệt thờ ở đền Hiền Lương.

*Nguyễn Văn Ký*: xuất thân từ hàng Giản binh, làm đến Quản cơ, sung quân thứ Gia Định, có công đánh giặc, được thăng Thuỷ sư Chưởng vệ, sau già hưu trí, rồi chết ở nhà.

*Nguyễn Văn Điểm*: người huyện Bồng Sơn, làm Tiền phong Vệ binh, năm Minh Mệnh thứ 15 theo đi đánh giặc ở Phan An, đêm đem quân đánh úp, bị

www.thuvien247.net

giặc bắt, bị tướng giặc là Chẩm hiếp Điểm phải nói láo để lừa quân giặc. Sáng hôm sau Chẩm họp đồng bọn hỏi Điểm, Điểm cứ nói thực và nói thêm rằng: "Thân này đã bị bắt, có sợ gì chết, cho nên nói thực để người trong thành đều tìm lấy đường sống". Lại nói " Thà rằng trái ý giặc mà chết, chẳng hơn theo giặc rồi cũng chết à!". Giặc nổi giận giết chết. Triều đình nghe tin truy tặng Cai đội.

*Phạm Văn Sĩ*: người huyện Phù Mĩ, trước theo Chu Văn Tiếp khởi nghĩa ở núi Trà Lang, quân vào cứu viện Gia Định. Sĩ làm tiên phong, đánh tướng giặc là Đỗ Nhàn Trập, lấy lại Sài Gòn. Năm Giáp Thìn theo xa giá đi Vọng Các, trở về được trao chức Tả quân Phó tướng. Chết được tặng Tả quân Phủ thự Phủ sư. Lại người cùng huyện là Trần Vĩnh Khoa làm Võ hùng Vệ uý, năm Canh Thân theo quân đánh giặc, chết được tặng Anh liệt Tướng quân. Hai người đều liệt thờ ở miếu Trung hưng Công thần. Lại có Cai cơ là Bùi Đức Ổn, Cai đội là Đặng Văn Hiền, Nguyễn Văn Gia và Trần Văn Huề, đầu đời trung hưng đều theo quân đánh giặc, chết trận, đều được liệt thờ ở ba miếu Biểu Trung, Hiển Trung và Tinh Trung.

*Nguyễn Văn Thịnh*: người thôn Trí Trạc huyện Phù Mĩ, đầu đời trung hưng có công, theo quân đánh giặc, chết trận, tặng Hiệu Thuận Công thần Trấn quốc Đại tướng quân.

www.thuvien247.net

*Lê Đình Lý*: người thôn Vạn Thái huyện Phù Mĩ, xuất thân từ hàng giản binh đời Gia Long, làm quan đến Hữu quân Đô thống Phủ chưởng Phủ sự. Năm Tự Đức thứ 11, Quảng Nam có biến động, Lý đem quân đi đánh giặc, bị thương mà chết.

*Ngô Tòng Chu*: người huyện Phù Cát, đầu đời trung hưng làm Lễ bộ, sau cùng Hậu quân Võ Tánh giữ thành Bình Định, bị vây, lương hết, bèn uống thuốc độc, chết được tặng Thái tử Thái sư trước Quận công. Đầu đời Minh Mệnh, truy tặng Ninh Hoà Quận công, thờ phụng ở Thế Miếu, lại liệt thờ ở miếu Trung hưng Công thần.

*Nguyễn Đức Huyên*: người huyện Phù Cát. Năm Bính Thìn, đầu đời trung hưng đem lòng qui thuận, được trao chức Thị thư viện, thăng dần Tham tri Công bộ. Đầu đời Minh Mệnh thăng Thượng thư, rồi chết. Năm Tự Đức thứ 11 được liệt thờ ở đền Hiền Lương.

*Nguyễn Văn Xuân*: đầu đời trung hưng, có công theo hầu làm Tín trực Vệ uý, sau theo Võ Tánh giữ thành Bình Định rồi chết, được tặng Chưởng cơ. Lại người cùng huyện là Hồ Văn Thiêm, làm Chánh trưởng chi quân Ngự lâm theo quân đi đánh Qui Nhân, mắc bệnh chết được tặng Chưởng cơ. Hai người đều được liệt thờ ở đền Chiêu Trung và miếu Trung hưng Công thần.

www.thuvien247.net

*Hoàng Chiến*: người huyện Tuy Viễn, đầu đời Gia Long sung quân ngũ, làm Cai đội, năm Thiệu Trị thứ 5 đánh phá xích sắt chắn sông mà dẹp được thành Trấn Tây, vì có công, được thăng dần đến Đô thống ở Hữu quân Đô thống phủ, chết năm Tự Đức thứ 10. Năm thứ 11 liệt thờ ở đền Hiền Lương.

*Đào Văn Long*: người huyện Tuy Viễn, đầu đời trung hưng làm Cai đội đạo Châu Đốc. Năm Giáp Dần theo quân đi đánh Qui Nhân, chết trận được tặng Cai cơ. Lại người cùng huyện là Võ Văn Động làm Cai đội trong chi Qui Nghĩa, năm Ất Mão theo đại binh đi cứu thành Diên Khánh và Dương Văn Phí làm Cai đội, theo đi đánh dẹp, đều chết trận, được tặng Cai cơ, liệt thờ ở hai đền Hiển Trung và Tinh Trung.

*Võ Văn Hiệu*: người thôn Kiên Lao huyện Tuy Viễn, đỗ đồng Tiến sĩ đời Thiệu Trị, làm Tri phủ Tuy Biên được dân yêu mến, việc lớn việc nhỏ trong hạt đều biết hết. Phủ lị gần chợ, thuyền buôn tụ tập, đêm thường khổ vì kẻ trộm. Hiệu bày kế bắt trộm. Năm Tự Đức thứ 2, xảy ra nạn đói và tật dịch, Hiệu thân hành chữa thuốc và chẩn cấp, cứu sống được nhiều người, triều đình nghe tin, thưởng cho bạc và lụa, sau triệu về triều trao chức Ngự sử, nhưng dân trong hạt xin giữ lại, bèn gia hàm Thị độc lãnh việc phủ. Năm thứ 5 đổi sang Tri phủ Ba Xuyên, vì có tang cha, xin từ chức, sau khi đoạn tang, lại lãnh việc ở phủ. Khi chết được

www.thuvien247.net

tặng Thị giảng Học sĩ. Hiệu là người am hiểu chính sự, biết rõ tình hình người Man, lại được dân yêu mến. Người ta đánh giá sánh với tuần lị đời xưa.

*Ngô Tòng Nho*: người thôn Thuận Nghĩa, huyện Tuy Viễn, đỗ đồng Tiến sĩ, đời Tự Đức bổ Tri phủ Tuy Biên, là người thanh liêm cần mẫn, được thưởng kim khánh, sau thăng chức Khởi cư chú trong Tập Hiền viện, nhưng chưa kịp nhận chức thì chết.

*Nguyễn Văn Hoằng*: người huyện Tuy Phước, đầu đời trung hưng, mộ quân cần vương. Theo Thế Tổ khôi phục được Sài Gòn, tiến quân đến Đồng Nai, khôi phục được Trấn Biên, lại đem quân bản bộ giữ Bình Thuận được thăng Chưởng cơ. Khi chết được tặng Quận công, liệt thờ ở đền Hiển Trung và miếu Trung hưng Công thần

*Nguyễn Nghi*: người huyện Tuy Phước, đầu đời trung hưng Nghi khởi nghĩa binh; giữ Bình Thuận, sau triệu về Gia Định, có công giúp dập, làm đến Lễ bộ. Chết được liệt thờ ở đền Hiển Trung và miếu Trung hưng Công thần.

*Trần Văn Cù*: người huyện Tuy Phước, đầu đời trung hưng có công theo đi Vọng Các, làm Vệ uý, theo đi đánh Qui Nhân, chết trận, tặng Chưởng dinh, liệt thờ ở hai đền Hiển Trung, Bao Trung và miếu Trung hưng Công thần.

www.thuvien247.net

*Phạm Văn Lý*: người huyện Tuy Phước, sau vào Nam nhập tịch ở Định Tường; đầu đời trung hưng, Lý đem lòng qui thuận, làm Chưởng cơ. Năm Minh Mệnh thứ 5, trao chức Thống quản Thập cơ Kính Tiệp trong Tiền quân, vì có công dẹp được nghịch Vành, thăng Tiền dinh Thống chế quân Thần sách; năm thứ 14 phong tước Quảng bá nam, rồi chết.

*Trần Quang Chung*: người huyện Tuy Phước, là con Chưởng cơ Trần Quan Giám, đỗ Cử nhân đời Minh Mệnh; làm đến Tuần phủ Hộ lý Hải Dương Tổng đốc. Năm Tự Đức thứ 7, triệu về Kinh, sung chức Hoàng thân Giáo đạo rồi chết

*Nguyễn Văn Xuân*: người huyện Phù Cát, làm Phó Lãnh binh Thái Nguyên; năm Minh Mệnh thứ 15, đem quân đánh nghịch Vân ở đồn Bắc Cạn, chết trận, được tặng Vệ uý.

Lại những người cùng huyện là Nguyễn Văn Truyền, Phó Vệ uý vệ Hậu Bảo, Nguyễn Văn Thuỵ, Phùng Tiến Lao, Cai đội Tượng quân, Trần Đắc Đăng, Chu Văn Sương, Lâm Tiến Luận, Cai đội Hậu quân Nguyễn Văn Thành, Thí sai Suất đội Mai Văn Xu, Thự Phó Vệ uý Tả vệ tỉnh Nam Định Lê Tô, Phó Vệ uý Trần Tú; người huyện Bồng Sơn là Lý Điển, Thuỷ sư Hiệp quản, người huyện Phù Mĩ là Đặng Văn Quyến, Quản cơ cơ Định Dũng, Trần Văn Thiều, Phó Quản cơ cơ Phú Tráng, Lê Công Bảo

www.thuvien247.net

Phó Vệ uý, Hoàng Văn Trường Phó Quản cơ, Đặng Văn Mâu, Lê Đình Sĩ, Đặng Tuấn Giả Suất đội; người huyện Tuy Viễn là Phạm Văn Phạt, Phan Công Nhân, Phó Vệ uý, Nguyễn Văn Vân Phó Lãnh binh, Nguyễn Văn Môn Cai đội, Vũ Mưu Suất đội, đều lần lượt chết trận, đều được liệt thờ ở đều Trung Nghĩa.

## LIỆT NỮ

*Nguyễn Thị Hảo*: không rõ quê quán, là vợ Tri bạ Phan Văn Hán, đầu đời trung hưng, thành Bình Định bị vây, Thị Hảo ở trong thành, Hoài Quốc công Võ Tánh sai thị đem tờ mật biểu đến hành tại Thi Nại, giữa đường bị giặc bắt. Giặc dùng đủ mọi cách để khảo tấn, thị nhất thiết không chịu nói, rồi gieo mình xuống sông tự tử.

*Nguyễn Thị Phiêu*: người huyện Bồng Sơn, có nhan sắc, năm 20 tuổi bị Trần Văn Thụ cưỡng hiếp, thị không nghe, Văn Thụ giận, bóp cổ cho chết, năm Minh Mệnh thứ nhất, được biểu dương.

*Trần Thị Quyền*: người huyện Bồng Sơn, có mẹ già. Nhà ở gần núi, một hôm thị cùng mẹ vào núi hái củi chợt gặp cọp, mẹ sợ quá ngã ra, thị cố sức đuổi cọp chạy và vực mẹ về nhà. Đêm nào mẹ ra ngoài thị cũng cầm dao theo đi, một đêm, mẹ vừa ra khỏi cửa có con cọp nhảy lại vồ, mẹ ngã, thị hết sức chém giết cọp. Người đến dạm hỏi, thị không

www.thuvien247.net

nhận lời, lấy cớ là không có người hầu nuôi mẹ; sau khi mẹ chết thị mới lấy chồng. Năm Tự Đức thứ nhất, được biểu dương.

*Bùi Thị Tâm*: người huyện Tuy Phước, bị người cùng làng là Võ Đăng Hy lẻn đến cưỡng hiếp, thị đóng cửa chửi mắng, tên Hy giận đâm chết. Năm Minh Mệnh thứ 16, được biểu dương

## THỔ SẢN

*Vàng* (có thuế), *sắt*: đều sản ở huyện Phù Cát.

*Lương*, *sa*, *nhiễu*, *lãnh thâm*, *lụa*, *vải*, *sại nam*: các thứ ấy đều sản ở huyện Tuy Viễn có hộ chuyên nghiệp.

*Ngô*, *hồ tiêu*: sơn phận các huyện đều có.

*Quả xoài*: ngon nhất là xoài ở ba huyện Phù Cát, Tuy Viễn, Tuy Phước, có lệ cống.

*Quả trà viên*: sản ở núi An Tượng huyện Tuy Viễn, hình dáng như quả sung, sắc xanh, vị ngọt, đời Minh Mệnh có lệ cống, nay bỏ.

*Mít*, *chuối tiêu*, *thạch lựu*, *cau*, *mạng cầu*, *dứa gai*, (thơm): các thứ ấy sản ở ba huyện Bồng Sơn, Phù Mĩ, Tuy Phước là ngon hơn cả.

*Bí*, *mướp*, *mướp đắng*, *dưa hấu*: các thứ ấy sản ở huyện Phù Mĩ là ngon hơn cả.

www.thuvien247.net

*Hoàng tinh*: sản ở hai huyện Bồng Sơn và Phù Mĩ.

*Đậu*: có các thứ đậu ván, đậu đen, đậu trắng, đậu đỏ, đậu lạc v.v... trồng nhiều nhất là ba huyện Bồng Sơn, Phù Mĩ và Tuy Phước.

Củ: có các thứ củ mài, củ từ, củ cải, v.v... trồng nhiều ở huyện Phù Cát.

*Mía*: phần nhiều trồng ở huyện Tuy Phước.

*Củ Nâu*: sản xuất ở nguồn An Tượng.

*Chè nam*: ngon nhất là chè ở hai huyện Bồng Sơn và Phù Cát.

*Lá vằng*: Chữ Hán là "cam khổ trà" tức qua lô, sản ở núi Hà Ra huyện Phù Cát, có lệ cống.

*Quả dừa*: phần nhiều trồng ở các bến huyện Bồng Sơn, người ta dùng để ép dầu, bện thừng, mối lợi rất rộng.

*Trúc*: có các thứ tre xanh, tre gai, tre đặc ruột, tre ống sáo và tre vàng v.v...

*Măng trúc*: ngon nhất là măng ở thôn An Khê.

*Cà chua*: phần nhiều sản ở huyện Tuy Viễn.

*Mây nước mây đá*: sơn phận các huyện đều có.

www.thuvien247.net

*Gỗ kiền kiền, trầm hương* (có thuế), *kì nam* (có thuế, mỗi người một năm 3 lạng): các thứ ấy, sơn phận các huyện đều có.

*Dầu dừa*: sản ở huyện Phù Mĩ.

*Nón*: nón lá non sản ở huyện Phù Cát, nón lá già sản ở huyện Tuy Phước.

*Phong đăng* (đuốc gió): sản ở nguồn Trà Bình, có thuế, mỗi năm nộp 650 cây.

*Mãn đường đăng*: ven núi đều có, có thuế, mỗi năm nộp 488 cây.

*Sáp ong*: có thuế, mỗi năm phải nộp như sau: nguồn Phương Kiệu 340 cân linh, nguồn Thạch Bàn 56 cân linh, nguồn Trà Bình 18 cân linh, sở Trường Tân 13 cân linh, nguồn Trà Vân 13 cân linh.

*Mật ong*: sản ở nguồn Thạch Bàn, có thuế, mỗi năm nộp 8 cân 10 lạng.

*Lộc nhung*: các núi nguồn đều có.

*Song thần, bột đậu*: đều sản ở huyện Tuy Viễn.

*Dầu phụng*: các huyện đều có.

*Thuốc lá*: ngon nhất là thuốc nguồn Hà Thanh.

*Diêm tiêu*: sản ở huyện Phù Mĩ.

www.thuvien247.net

*Yến sào*: sản ở các đảo ngoài biển, có thuế, hàng năm mỗi người phải nộp 10 cân

*Gà thiến*: các huyện đều có.

*Cá chình*: sông, đầm các huyện đều có, có lệ cống.

*Chim công*: sản ở hai huyện Bồng Sơn và Phù Mĩ.

*Ngựa*: các huyện đều có.

*Trâu, dê, gà, chó, lợn, cọp, voi, gấu, nai, hươu.*

*Cá mực*: sản ở huyện Phù Mĩ.

*Sứa*: sản ở hai huyện Phù Mĩ và Tuy Phước.

*Con dông*: sản ở các động cát ven biển.

*cá, vích, sam, sò.*

www.thuvien247.net

# ĐẠI NAM NHẤT THỐNG CHÍ

*QUYỂN X*

## ĐẠO PHÚ YÊN

Đông tây cách nhau 61 dặm, nam bắc cách nhau 172 dặm. Phía đông đến biển 16 dặm. Phía tây đến Man động 45 dặm. Phía nam đến đèo Đại Lĩnh thuộc huyện Quảng Phúc tỉnh Khánh Hoà 100 dặm. Phía bắc đến đèo Cù Mông thuộc huyện Tuy Phước tỉnh Bình Định 72 dặm. Từ lị sở của đạo đi về phía bắc đến kinh thành 731 dặm.

## PHÂN DÃ

Theo thiên văn thuộc khu vực sao Dực, sao Chẩn, về tinh thứ sao Thuần vĩ.

## DỰNG ĐẶT VÀ DIÊN CÁCH

Xưa là đất Việt Thường thị; đời Tần thuộc Tượng quận. Đời Hán là đất Lâm Ấp. Đời Tuỳ là quận Lâm Ấp. Đời Đường đổi làm châu Lâm, sau bị Chiêm Thành chiếm cứ, tức là đất Bà Đài và Đà Lãng.

www.thuvien247.net

Nước ta, Lê Thánh Tông đánh Chiêm Thành, chiếm lấy đất này đặt làm huyện Tuy Viễn, lấy núi Thạch Bi làm giới hạn nhưng từ Cù Mông về Nam còn thuộc về người Man, người Lạo.

Bản triều Thái Tổ Gia Dụ Hoàng Đế bắt đầu mở mang đất này, đặt phủ Phú Yên và với hai huyện Đồng Xuân và Tuy Hoà, lập dinh Trấn Biên, sau gọi là dinh Phú Yên. Năm Quí Tị (1773) bị Tây Sơn chiếm cứ. Năm Quí Sửu (1793) đời trung hưng thu phục lại.

Đầu đời Gia Long đổi làm trấn. Năm Minh Mệnh thứ 7 đặt tri phủ Phú Yên, năm thứ 12 đổi phủ Phú Yên làm phủ Tuy Yên, năm thứ 13 đổi trấn làm tỉnh. Năm Tự Đức thứ 6 đổi làm đạo, đặt quản đạo, năm thứ 12 đặt thêm tuyên phủ sứ, năm thứ 16 bỏ chức này, đặt một chánh quản đạo và một phó quản đạo. Lãnh 2 huyện.

*Huyện Đồng Xuân*: huyện phu quách của đạo, cách đạo thành 5 dặm, phía đông đến biển, phía tây đến động Man, phía nam đến địa giới huyện Tuy Hoà, phía bắc đến địa giới huyện Tuy Phước tỉnh Bình Định. Huyện đặt từ đầu bản triều, năm Minh Mệnh thứ 7 do phủ kiêm lí, năm Tự Đức thứ 6 do đạo kiêm lí, năm thứ 16 lại đặt tri huyện. Lãnh 3 tổng 109 xã, thôn, phường, giáp - *Xét*: Từ huyện lị đi về phía tây 20 dặm đến xã Phúc Đức, lại 2 dặm

www.thuvien247.net

đến thôn Phú Thành, lại 1 dặm đến thôn Cự Phú, lại đi 5 dặm đến thôn Vân Hoà, từ đây đi về phía tây suốt đến địa giới hai nước Thuỷ Xá và Hoả Xá, hai bên ven đường đều là trại sách người Man, núi khe hiểm trở, lại có nhiều nạn cọp.

*Huyện Tuy Hoà*: ở cách đạo thành 65 dặm về phía nam, phía đông đến biển, phía tây đến động Man, phía nam đến địa giới huyện Quảng Phúc tỉnh Khánh Hoà, phía bắc đến địa giới huyện Đồng Xuân. Huyện đặt từ đầu bản triều, năm Tự Đức thứ 6 do đạo kiêm lí, năm thứ 16 lại đặt tri huyện. Lãnh 4 tổng, 95 xã, thôn, phường, giáp. *Xét*: Từ huyện lị đi về phía tây 30 dặm đến thôn Thịnh Hội giáp xã Thạch Thành có đồn thủ, lại 50 dặm đến thôn Ngân Điền, lại 2 dặm đến thôn Củng Sơn, đồn thủ và trường giao dịch, lại 3 dặm đến thôn Chí Thản, 5 dặm đến phường Nhiễu Giang, lại 5 dặm đến phường Hượng Giang đi về phía nam đến các sách Man thuộc tỉnh Khánh Hoà, đường hiểm trở, nhiều nạn cọp.

## HÌNH THẾ

Phía đông giáp biển, phía tây dựa núi, phía bắc giáp tỉnh Bình Định, có đèo Cù Mông hiểm trở, phía nam giáp tỉnh Khánh Hoà, có đèo Đại Lĩnh cao dốc. Núi cao thì có Đại Lĩnh và Thạch Bi, sông lớn thì có Đà Diễn, ở thượng du có các đồn thủ

www.thuvien247.net

Thạch Lĩnh và Phước Sơn để vững biên phòng. Ven biển thì có các tấn Xuân Đài, Phú Sơn, Đà Nông và Đà Diễn để trấn mặt biển. Địa thế tuy nhỏ, nhưng dân cư đông đúc, cũng là một đất quan trọng vậy.

## KHÍ HẬU

Khí hậu cũng giống như tỉnh Bình Định, nhưng đất nhiều núi rừng, nên hơi có lam chướng. Trong một năm, thường nhiều gió nam, cũng thỉnh thoảng có bão.

## PHONG TỤC

Nghề nghiệp thường của nhân dân và lễ tiết trong một năm cũng gần giống như tỉnh Bình Định, duy chôn cất người chết hay làm mộ xây vôi, huyện Đồng Xuân thì mộ xây uynh nhiều tầng, trồng nhiều cây tùng cây thu, lễ tang làm to, hơi khác thế thôi. Còn như tục bắn trâu về tháng Giêng là tục người Man (các sách Man Rạch và Man Môn huyện Đồng Xuân hằng năm đến tháng Giêng, mỗi sách dắt một con trâu buộc vào cột lớn, họp dân Man sẵn sàng cung tên, đêm đến đốt đuôi lượn quanh cái cột, vừa hát vừa bắn, bao giờ trâu chết mới thôi, sau đó giết trâu uống rượu, vui chơi suốt tháng, để cầu được mùa, gọi là "lễ lượn cột"). Tháng Chạp khi thu hoạch xong, mỗi nhà đem ra một con lợn, họp ở nhà Man trưởng làm "lễ gội đầu"

www.thuvien247.net

## THÀNH TRÌ

*Thành đạo Phú Yên*: chu vi 333 trượng, cao 8 trượng linh, mở 4 cửa, ngoài thành có hào, ở thôn Long An huyện Đồng Xuân, thành đất, đắp từ năm Minh Mệnh thứ 19.

*Lị sở huyện Đồng Xuân*: ở thôn Hội Phú.

*Lị sở huyện Tuy Hoà*: ở xã Đôn Phước. Trước kia, ở xã Phú Thứ, năm Thiệu Trị thứ nhất dời đến đây dựng từ năm Tự Đức thứ 19.

## TRƯỜNG HỌC

*Trường học đạo Phú Yên*: ở thôn Long Yên huyện Đồng Xuân, đầu đời Gia Long ở xã Ngân Sơn, năm Tự Đức thứ 2, dời đến đây.

*Trường học huyện Tuy Hoà*: ở xã Đông Phước về phía đông huyện lị, dựng từ năm Thiệu Trị thứ 6.

## HỘ KHẨU

Năm Gia Long thứ 18, số đinh có 7.651 người, nay 10.465 người.

## THUẾ RUỘNG

Ruộng đất 27.963 mẫu linh, ngạch thuế là 14.620 hộc thóc, 13.786 quan tiền.

www.thuvien247.net

## NÚI SÔNG

*Đèo Cả*: Đại Lĩnh, ở phía đông nam huyện Tuy Hoà là chỗ phân giới giữa Phú Yên và Khánh Hoà, có trạm Phú Hoà. Mạch núi từ núi Chủ Sơn ở phía tây kéo đến phía đông sát biển, phía nam có khe lớn. Năm Ất Mão, đầu đời trung hưng, đại binh cứu viện thành Diên Khánh, sai Tống Viết Phước giữ đồn Đại Lĩnh, tức là đây. Năm Minh Mệnh thứ 17 khắc hình tượng vào Tuyên đỉnh. Năm Tự Đức thứ 3 liệt tên vào điển thờ - *Xét*: *Tân Đường thư Hoàn vương truyện*: cửa sông lớn ở phía nam châu Bôn Đà Lãng nước Lâm Ấp có núi Ngũ Đồng Trụ, phía tây núi đá trùng điệp, phía đông kề sát bờ biển. Đồng Trụ là do Mã Viện nhà Hán dựng. Cứ thế thì núi Ngũ Đồng Trụ có thể là núi Đại Lĩnh, nhưng xét *Mã Viện truyện*, thì Viện chưa từng đến núi này, người sau phụ hội ở đó thôi.

*Đèo Nhà Gắp* (?): ở phía nam huyện Tuy Hoà, nửa đèo phía nam thuộc địa phận Khánh Hoà, phía bắc là đèo Sầm Dương, có thủ sở. Năm Ất Mão, đầu đời trung hưng, tướng Tây Sơn là Trần Quang Diệu vây thành Diên Khánh, khi đại binh đến cứu viện, Quang Diệu giải vây, theo đèo Nhà Gắp về Qui Nhơn, tức là đèo này. Lại đèo Quán Cương ở phía bắc huyện có đường trạm, phía nam có đèo Cành Quít và đèo Húc Viện, phía tây nam huyện có thành Hồ.

www.thuvien247.net

*Núi Thạch Bi*: ở phía đông huyện Tuy Hoà. Duệ Tông năm Tân Mão (1771), sét đánh đá, núi đen đều biến thành trắng, xa trông như bia đá đứng sững, sắc như vôi đá, sai quan cầu đảo. Núi nhiều thú dữ, ít có người đến. Theo *Thuỷ lục trình kí* của Trần Công Hiến, núi này có một chi, đến bờ biển chia thành hai, cây cỏ và nước cũng chia làm hai, có một khối đá lớn, quay đầu về phía đông như hình người. Ngày trước vua Lê Thánh Tông đi đánh Chiêm Thành qua núi này, bùi ngùi than rằng: "Trời đất mở mang đã chia cảnh khổ, kẻ kia trái lòng trời, nên phải chịu vạ". Nhân khắc chữ ở trên đá - Theo *Địa dư chí* của Lê Quang Định, thì vua Lê Thánh Tông đi đánh Chiêm Thành mở đất đến đây, sai mài vách núi dựng bia đá để chia địa giới với Chiêm Thành, nên gọi là núi Thạch Bi. Nay vết chữ lờ mờ không nhận được, chỉ nghe khẩu truyền rằng chữ trên bia là: Chiêm Thành qua đây sẽ phải bại binh mất nước, An Nam qua đây binh tướng chết bị tan.

*Núi Thạch Thành*: ở phía tây huyện Tuy Hoà, có thủ sở. Năm Ất Mão, đầu đời trung hưng, đại binh cứu viện thành Diên Khánh, sai bọn đốc chiến Mai Tiến Vạn và Nguyễn Văn Nguyện giữ núi Thạch Thành để chặn đường tắt của giặc, tức là đây. Gần về phía bắc có đồn thủ Phước Sơn, là chỗ phát nguyên của sông Đà Diễn.

www.thuvien247.net

*Núi Chủ Sơn*: ở phía tây nam huyện Tuy Hoà, sóng rất cao, phía nam có núi Đồn Tàu, phía bắc giáp Man động. Lại núi Cảnh Vực ở phía đông nam huyện, núi Liên Trì ở phía đông bắc huyện. Chân núi này có hồ sen nên gọi tên thế.

*Núi Bảo Tháp*: ở phía đông huyện Tuy Hoà có tháp cổ nên gọi tên thế. Lại núi Cấm Sơn ở phía nam huyện, phía bắc liền núi Vân Hoà, phía nam liền núi Lỗ Trụ và đèo Húc Viện.

*Đèo Cục Kịch*: ở phía nam huyện Tuy Hoà, có tên nữa là đèo Gian Nan, là chỗ phân giới giữa Phú Yên và Khánh Hoà, đường núi hiểm trở, nên gọi tên thế. Năm Ất Mão, đầu đời trung hưng, đại binh cứu viện Diên Khánh, sai Tả chi Võ Văn Lượng đóng ở đèo Cục Kịch chặn đường về của giặc, tức là đèo này. Gần đèo có núi Uyên Chỉ là chỗ phát nguyên của sông Bàn Thạch.

*Núi Cù Mông*: ở phía tây huyện Đồng Xuân, là chỗ phân giới giữa Bình Định và Phú Yên, trên núi có trạm Bình Phú, phía tây có núi Nhuệ Sơn, phía nam có núi Hùng Sơn, phía bắc có núi Quị Sơn, phía đông có núi Quán Sơn. Đầu đời trung hưng, đại binh cứu viện Qui Nhơn. Hữu quân Nguyễn Hoàng Đức đóng quân ở đây. Lại đèo Phiêu cũng giáp địa giới Bình Định, có người Man ở. Núi Hổ

www.thuvien247.net

Sơn hay núi Phú Cốc ở phía tây huyện hình dáng như cọp nằm, nên gọi tên thế, phía tây có núi Thủ Huề, phía đông có núi Chung Sơn.

*Núi Mã Vụ*: ở phía bắc huyện Đồng Xuân, núi rất cao, sản nhiều chè. Lại núi Mỹ Yên ở phía tây huyện, về phía tây nam mọc ra 2 ngọn, một gọi là gò Đồn, một gọi là gò Chuông.

*Đèo đá*: Thạch Lãnh, ở phía tây huyện Đồng Xuân, trước kia có thủ sở, trường giạo dịch nguồn Hà Duy ở đấy, là chỗ phát nguyên của nhánh phía bắc sông La Hai. Năm Giáp Dần, đầu đời trung hưng, đại binh của Đông Cung Cảnh đánh Qui Nhơn, bộ binh từ Phú Yên đến đồn giặc ở Hà Nha, đi qua đây, bầy tôi đi theo có vịnh bài thơ rằng:

*Phú Yên điền địa trích,*
*Sơn dã biến tang ma.*
*Tránh lão cơ xuy mạch;*
*Hành nhân khát mãi qua.*
*Lâm sơn triều phóng mã;*
*Thuỷ thiển văn phù sa.*
*Lĩnh thụ ngưng giai khí.*
*Thời kinh đế tử xa.*
*(Phú Yên đồng ruộng hẹp.*
*Dân gai khắp nội gò.*

www.thuvien247.net

*Trẻ già đói luộc bắp,*
*Hành nhân khát mua dưa.*
*Rừng xưa chiều thả bè.*
*Khí tốt tụ cây núi,*
*Con vua lúc qua xe).*

*Xét*: Phú Yên sông nhỏ, nước cạn, thường dùng bè để chở hành khách.

*Núi Xuân Đài*: ở phía bắc huyện Đồng Xuân. Mạch núi từ núi Thạch Lãnh kéo xuống, núi gò liên tiếp, thôn xóm ở lẫn, chân núi có khe, trên khe nhiều cây xoài, hằng năm hái để tiến. Năm Ất Mùi (1775) Duệ Tông thứ 10, Tống Phước Hợp tiến đánh Qui Nhơn đóng quân ở đây. Lại có núi Tầm Hỉ, phía đông nam mọc ra một ngọn, tục gọi hòn Hương, đều là chỗ đường trạm đi qua.

*Núi Phú Khê*: ở phía bắc huyện Đồng Xuân, có trạm Phú Khê, về phía tây chừng vài dặm có núi Thạch Hãn, hai bên đường đá núi đứng sừng đối nhau, nên gọi tên thế.

*Núi Ôn Trì*: ở thôn Phú Thành, phía tây huyện Đồng Xuân, giáp nguồn Hà Duy, phía đông núi có tảng đá, tảng đá có lỗ, nhảy vọt ra nước nóng, tục gọi "lò rượu", bên cạnh có ao vuông rộng vài trượng, tục gọi "lò dầu", quanh năm không cạn nước, lại có miếu cổ, gặp đại hạn, cầu đảo ứng ngay.

www.thuvien247.net

*Núi Lương Sơn*: ở phía nam huyện Đồng Xuân, công thần Chu Văn Tiếp dựng cờ nghĩa ở đây. Gần đấy có núi Thạch Tượng. Lại núi Vân Hoà ở phía tây nam huyện là núi quê hương Chu Văn Tiếp, núi Yêu Mang ở phía nam huyện, phía nam núi này có núi Bà Sơn, phía đông có núi Trà Sơn, gần đấy có núi Phú Vinh và núi Long Sơn.

*Núi Mĩ Thăng*: ở phía đông huyện Đồng Xuân, nằm sát biển, núi nhiều bậc đá. Ngoài biển có hòn Tự Dự, gần đấy có núi Chấp Chông.

*Gò Yên Sơn*: ở phía tây bắc huyện Tuy Hoà, trên núi có khe, gọi là khe Đục, phía tây gần núi Thị Độc. Lại về phía tây nam có khe, gọi là khe Lò Nước nóng.

*Hòn Bàn Than*: ở phía bắc huyện Tuy Hoà, ở trong phá Cù Mông, chu vi 200 trượng, cao hơn mặt nước 9 trượng. Năm Canh Thân (1800), đầu đời trung hưng, Thế Tổ dừng chân ở đây, sau đại binh, dựng đền Biểu Trung.

*Hòn Nan*: theo sách *Thuỷ lục trình kí* của Trần Công Hiến, ngoài biển huyện Tuy Hoà có một quả núi, trên núi có một tảng đá có khắc một chữ "Nan" nên gọi là hòn Nan. Chữ ấy không rõ khắc từ đời nào.

*Ghềnh Bà Lớn*: ở phía đông bắc huyện Đồng Xuân, phía nam có Vũng Đèo, phía bắc có Vũng Trích.

www.thuvien247.net

*Sông Đà Diễn*: ở phía nam huyện Tuy Hoà, có tên nữa là sông Đà Lãng, phát nguyên từ trong Man động về phía tây núi Phước Sơn, chảy về phía đông làm sông Thạch Hãn (sông có nhiều đá ngăn cản, nên gọi thế) ngoặt về phía nam đến phía nam xã Thạch Thành có sông Hương Sơn, nguồn ra từ núi Bình Yên chảy về phía đông bắc chừng 2 dặm thì hợp vào; lại chuyển sang phía đông đến thôn Bảo Tháp có sông Bảo Tháp, nguồn ra từ núi Phú Cốc (có tên nữa là núi Bảo Tháp) chảy phía nam mà hợp vào, lại chảy về phía đông 96 dặm rồi đổ ra cửa biển Đà Diễn. Sông này rộng 133 trượng, trong sông có nhiều bãi, đầu đời Gia Long liệt vào điển thờ – *Xét*: *Tân Đường thư Hoàn vương truyện*: nước Lâm Ấp, phía nam từ châu Bôn Đà Lãng có lẽ là đây. Năm Ất Mão đầu đời trung hưng, Tả chi Võ Văn Lượng chém Đô đốc Phượng của giặc ở đây.

*Sông Bàn Thạch*: ở phía nam huyện Tuy Hoà, có hai nguồn: Một nguồn ra từ núi Phố Chiêm tỉnh Bình Thuận chảy về phía bắc hợp lưu với sông Dã Dương, quanh phía đông núi Hấp Hấp, chảy qua núi Ngọc Lâm và Uyên Chỉ, rồi ngoặt sang phía tây nam đến thôn Hội An; một nguồn ra từ núi Phú Mĩ, chảy về phía đông, ngoặt về phía bắc đến thôn Hội An thì hợp vào dòng trên (tục gọi ngã ba Hồi An), lại chảy về phía đông 35 dặm, rồi đổ ra Hồ Biển.

www.thuvien247.net

Sông này có nhiều cá sấu, thường làm hại dân. Năm Minh Mệnh thứ 5 có chiếu rằng bắt được cá sấu thì thưởng theo lệ bắt cọp - Xét: lời chua trong *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi thì sông Phan Định giáp địa giới phủ Hoài Nhân có ba đàn cá sấu, vẫy đuôi đánh vào thuyền thì sóng nổi tung lên. Lý Thường Kiệt đánh Chiêm Thành, đại binh đi đến sông này, qua sông không được, bèn phong làm "Hiệu thuận tam thần bá", bấy giờ ba con cá sấu nổi lên mặt nước để nghe lời tuyên phong, do đấy quân đi không bị trở ngại. Sông Phan Định ngờ là sông này.

*Sông Phú Ngân*: ở địa phận hai xã thôn Phú Mĩ và Ngân Sơn về phía đông huyện Đồng Xuân, một tên là sông Yên Mĩ, một tên là sông Da Mộc, có ba nguồn: Một nguồn từ trong Man Động chảy từ phía đông vào địa giới huyện; một nguồn từ phía đông bắc núi Vân Trúc và một nguồn từ phía đông nam núi Thạch Lãnh, đều chảy về phía tây huyện mà hợp nhau làm sông La Hai; lại chảy về phía đông đến xã Phú Mĩ làm sông Phú Ngân, có khe từ phía tây bắc núi Yên Sơn chảy vào; rồi chảy về phía nam chia thành ba nhánh: Một nhánh chảy về phía nam chừng 9 dặm đến đầm Hà Thanh, lại chảy 5 dặm rồi đổ vào phá Phú Sơn; một nhánh chảy về phía đông 9 dặm làm sông Sơn Trạ; một nhánh chảy về phía đông 9 dặm đến bến Bình Bá, rồi đổ ra cửa biển Xuân Đài.

www.thuvien247.net

*Sông Long Bình*: ở phía tây bắc huyện Đồng Xuân (tục gọi sông Cầu), phát nguyên từ núi Long Bình, chảy về phía đông 9 dặm, rồi đổ vào biển Vũng Lấm.

*Hồ Biển*: ở chân núi Thạch Bi, phía đông nam huyện Tuy Hoà, chu vi 112 trượng, trong hồ có nhiều cá sấu, tính hiền lành, người chài cá chở thuyền nan đi lại, có khi thuyền cỡi trên lưng cá sấu, mà cá vẫn không làm hại.

*Phá Cù Mông*: ở phía bắc huyện Đồng Xuân và phía đông núi Cù Mông, chu vi 90 dặm, bãi cát vây quanh, ở giữa có nhiều hòn đảo. Lại có đầm Cù Mông ở phía bắc huyện, là địa phận ba thôn Từ Luật, Hội Phú và Vĩnh Cửu, tục gọi là Vũng Mòi.

*Phá Xuân Đài*: ở phía bắc huyện Đồng Xuân, phía đông giáp biển, phía tây giáp cửa biển Vũng Lấm, phía bắc có vũng La, vũng Sứ và vũng Chào. Lại đầm Xuân Đài, có tên nữa là đầm Phòng Câu ở thôn Tiên Châu.

*Phá Phú Sơn*: ở phía đông huyện Đồng Xuân, phía tây nam có đầm Hà Thanh. Lại có cửa tấn Phú Sơn.

*Phá Vũng Lấm*: ở phía tây bắc huyện Đồng Xuân, phía đông có hòn Yến, phía bắc có núi Đồng Tranh.

*Phá Quán Chùa*: ở phía tây cửa tấn Vũng Lấm thuộc huyện Tuy Hoà, trong có một hòn đảo, tục gọi hòn Cong.

www.thuvien247.net

*Đầm Phú Long*: ở phía đông núi Long Sơn huyện Đồng Xuân. Lại có các đầm Cẩm Ngọc, Vũng Bầu, Thạch Than, Thắng Thuỷ, Ba Linh, Vân Phong (Hòn Khói), Tam Xuyên, Phước Đồng, Yến Sơn.

*Động Đông Yên*: ở phía đông huyện Tuy Hoà. Lại có các đầm Thanh Vân và Hội An.

*Bãi Khổng Tước*: ở thượng lưu sông Đà Diễn, trên bãi có chim công đỗ hàng đàn, nên gọi tên thế.

## CỔ TÍCH

*Thành cổ An Nghiệp*: ở phía bắc sông Đà Diễn, thuộc xã An Nghiệp huyện Tuy Hoà, chu vi 1400 trượng; tương truyền do người Chiêm Thành xây, tục gọi thành Hồ. Năm Mậu Dần (1578) đời Thái Tông bản triều, Quận công Lương Văn Chính đánh lấy được thành này. Nay vẫn còn nền cũ.

*Tháp cổ Chiêm Thành*: ở trên núi Bảo Tháp về phía đông huyện Tuy Hoà. Tương truyền, đây là mộ vợ vua Chiêm Thành, dưới tháp có miếu bà Chúa Sắt.

## CỬA QUAN VÀ TẤN SỞ

*Nguồn Hà Duy*: ở thôn Phú Thành, phía tây huyện Đồng Xuân. Nước từ hang núi chảy ra qua phía nam thành đạo, đổ ra cửa biển Xuân Đài. Ở nguồn có trường giao dịch, đặt một thủ ngự, phía bắc có đồn Thạch Lãnh ở xã Phước Đức, phía tây có đồn Kì Lộ

www.thuvien247.net

ở thôn Phú Thành, phía nam có đồn Trúc Vân ở thôn Hà Nguyên, đều đặt từ năm Minh Mệnh thứ 3.

*Nguồn Thạch Thành*: ở xã Thạch Thành phía tây huyện Tuy Hoà, có trường giao dịch và thủ sở ở đây; nước từ sông Ba chảy ra, qua phía nam huyện lị đổ ra tấn Đà Diễn.

*Tấn Cù Mông*: ở thôn Vĩnh Cửu phía bắc huyện Đồng Xuân; cửa tấn rộng 95 trượng, thủy triều lên sâu 4 trượng 5 thước; thuỷ triều xuống sâu 4 trượng, đầu đời Gia Long có tấn thủ, nay bỏ.

*Tấn Vũng Lấm*: ở hai thôn Phú Vĩnh và Tân Định, phía bắc huyện Đồng Xuân, cửa tấn rộng 380 trượng, thuỷ triều lên sâu 1 trượng 5 thước, thuỷ triều xuống sâu 1 trượng, đầu đời Gia Long, đặt tấn thủ, nay bỏ, hợp vào tấn Xuân Đài.

*Tấn Xuân Đài*: ở thôn Tiên Châu, phía đông huyện Đồng Xuân trước gọi là Bà Đài. Năm Minh Mệnh thứ nhất đổi tên hiện nay. Cửa tấn rộng 2 trượng, thuỷ triều lên sâu 1 trượng 2 thước, thuỷ triều xuống sâu 8 thước, có tấn thủ. Năm Giáp Dần đầu đời trung hưng Thế Tổ thân đi đánh thành Qui Nhơn, có dừng chân ở đây.

*Tấn Phú Sơn*: ở thôn Thịnh Lễ, phía đông huyện Đồng Xuân, tên cũ là cửa biển Mái Nhà, trong biển có hòn Mái Nhà nên gọi tên thế. Đời Minh Mệnh

www.thuvien247.net

đổi tên hiện nay. Cửa tấn rộng 48 trượng, thuỷ triều lên sâu 4 thước, thuỷ triều xuống sâu 2 thước 2 tấc, trước có tấn thủ, nay bỏ. Năm Minh Mệnh thứ 3, nước lụt vỡ thành lạch mới rộng 24 trượng, sâu 1 trượng 1 thước, cách lạch cũ 1.010 trượng linh.

*Tấn Đà Diễn*: ở thôn Đông Tác phía đông huyện Tuy Hoà, tên cũ là Đà Lãng, sau đổi tên hiện nay; rộng 40 trượng, lúc thuỷ triều lên sâu 5 thước 5 tấc, thuỷ triều xuống sâu 7 thước 8 tấc, có thủ sở.

*Tấn Đà Nông*: ở thôn Phú Lạc, phía đông nam huyện Tuy Hoà, rộng 12 trượng 8 thước, thuỷ triều lên sâu 4 thước 8 tấc, thuỷ triều xuống sâu 3 thước 5 tấc, trước có tấn thủ nay bỏ.

*Đồn Phước Sơn*: ở xã Củng Sơn phía nam huyện Tuy Hoà, đặt từ đời Minh Mệnh - *Xét*: Đồn Phước Sơn phía tây có một con đường đi đến sách Man Nam Bàn đi 6 ngày đến địa giới hai nước Thuỷ Xá và Hoả Xá.

*Bảo Phú Vĩnh*: ở trên núi Phú Vĩnh, phía bắc huyện Tuy Hoà.

## NHÀ TRẠM

*Trạm Phú Khê*: ở xã Bình Thịnh huyện Đồng Xuân, phía bắc đến trạm Bình Phú 24 dặm linh, phía nam đến trạm Phú Tân 29 dặm linh.

www.thuvien247.net

*Trạm Phú Tân*: ở thôn Phú Tân, phía nam đến trạm Phú Vinh 30 dặm linh.

*Trạm Phú Vinh*: ở xã Phú Vinh, phía nam đến trạm Phú Thịnh 30 dặm linh.

*Trạm Phú Thịnh*: ở xã Trường Thịnh huyện Tuy Hoà, phía nam đến trạm Phú Hoà 33 dặm linh.

*Trạm Phú Hoà*: ở trên đèo Đại Lãnh, chỗ giáp giới giữa Phú Yên và Khánh Hoà, phía nam đến trạm Hoà Mã 19 dặm.

## CHỢ

*Chợ Tuần*: ở thôn Tiên Châu huyện Đồng Xuân. Lại có các chợ *Hội An*, *Phước Đức*, *Sơn Triều*, *Quán Liễu*, *Vũng Lấm*, *Xuân Đài*, *Liên Trì*, *Màn Màn*.

*Chợ Phước Hậu*: ở xã Đông Phước, huyện Tuy Hoà. Lại có các chợ *Đà Diễn*, *Hoàng Lâm*, *Thạch Bàn*, *Phú Thứ*.

## ĐÒ VÀ CẦU

*Bến Phú Mĩ*: ở huyện Đồng Xuân. Lại có các bến *Giang Kiều*, *Triêu Thị* (tục gọi là bến *Chợ Mai*), *Thạch Hàn*, đều là chỗ đường quan đi qua.

*Cầu đá đường quan*: gồm 27 sở, xây từ đời Minh Mệnh.

www.thuvien247.net

*Cầu Phước Lí*: ở huyện Đồng Xuân. Lại có các cầu *Ngân Sơn, Mĩ Phú, Tuần Vũ, Chùa Hang, Sông Cầu.*

*Cầu Quang Đông*: ở huyện Tuy Hoà. Lại có các cầu *Dương Chương, Thạch An, Tra Giang, Bản Giang, Hảo Sơn.*

## ĐÊ ĐẬP

*Đê nhỏ Hộ Thành*: ở phía tả thành Phú Yên dài 192 trượng, đắp từ năm Minh Mệnh thứ 19.

*Đê Hương Lưu*: ở xã Hương Lưu, huyện Đồng Xuân, dài 70 trượng, đắp từ đời Gia Long.

*Đập Tam Giang*: có tên nữa là đập *Cây Liễu*, hằng năm đắp vào mùa xuân, mùa hè, đến mùa thu, mùa đông thì hỏng; dưới đập có bến đò.

*Đê Cao Xá*: ở xã Cao Xá huyện Tuy Hoà, dài 457 trượng, tương truyền, một người đàn bà ở tỉnh Khánh Hoà tên là Thị Trung đến đây bỏ của ra đắp. Lại có 6 sở cầu.

## ĐÀN MIẾU

*Đàn Xã Tắc*: ở thôn Phú Vinh, huyện Đồng Xuân, trước ở thôn Long Uyên, năm Tự Đức thứ 18 dời đến chỗ hiện nay.

www.thuvien247.net

*Đàn Tiên Nông*: ở xã Xuân Đài, phía tây thành đạo, đầu đời Gia Long ở thôn Long Uyên, năm Tự Đức thứ 18 dời đến chỗ hiện nay.

*Văn Miếu*: ở xã Ngân Sơn, huyện Đồng Xuân, đầu đời Gia Long ở xã Năng Tĩnh huyện Tuy Hoà, năm Minh Mệnh thứ 5 dời đến chỗ hiện nay.

*Miếu Hội đồng*, *Miếu Thành Hoàng*, đều ở xã Xuân Đài, huyện Đồng Xuân.

*Đền Biểu Trung*: ở cửa tấn Cù Mộng, thôn Vĩnh Cửu, phía bắc huyện Đồng Xuân thờ các tướng sĩ chết trận hoặc ốm chết hồi đầu trung hưng, hơn 500 người.

*Đền Lương Quận công*: ở phía đông núi Tượng Sơn, xã Định Phú, phía tây huyện Tuy Hoà, thờ Tham tướng dinh Trấn Biên là Lương Văn Chính, lấy người họ Lương xã ấy làm lệ phu (xem Nhân vật chí).

*Đền Thiên Y A Na diễn bà*: ở chân núi thôn Hảo Sơn, huyện Tuy Hoà (xem thêm *Khánh Hoà tỉnh chí*).

*Đền thần Bảo Tháp*: ở trên núi thôn Bảo Tháp, phía đông huyện Tuy Hoà, thờ thần Thiết Phi, tục gọi Chúa Sắt.

*Đền thần Định Phú*: ở phía đông núi Tượng Sơn xã Định Phú huyện Đồng Xuân tục gọi đền Sư Loan. Tương truyền, trước kia Loan làm đội trưởng, bộ hạ của Quận công Lương Văn Chính, khi chết

www.thuvien247.net

chôn ở đây, tỏ dấu anh linh, sau có quan điều khiển đem quân đánh giặc, qua đây đỗ lại, đêm mộng thấy một ông già tay cầm gậy trúc đến trước mặt chỉ bảo thế trận, hỏi danh hiệu thì tự xưng là Sư Loan, thức dậy, quan điều khiển ghi lấy lời chỉ bảo, đến lúc giao chiến bày trận theo như thế trận trong mộng, thắng trận to, khi khải hoàn lập đền thờ.

*Đền thần Ngân Sơn*: ở xã Ngân Sơn, phía nam huyện Đồng Xuân, thờ Minh Uy Phương Đường phu nhân. Tương truyền thần là con gái vua Lê Thánh Tông.

## CHÙA QUÁN

*Chùa Từ Quang*: ở xã Xuân Đài, phía bắc huyện Đồng Xuân đầu đời Gia Long Hòa thượng Diệu Nghiêm trụ trì ở đây.

*Chùa Bát Nhã*: ở trên núi Long Sơn thôn Mĩ Phú huyện Đồng Xuân.

*Chùa Kim Cương*: ở chân núi thôn Bảo Tháp, phía đông huyện Tuy Hòa.

*Chùa Hồ Sơn*: ở xã Năng Tĩnh, phía đông huyện Tuy Hòa.

## NHÂN VẬT

*Lương Văn Chính*: người huyện Tuy Hòa, đầu bản triều làm chỉ huy sứ, đánh được nước Chiêm

www.thuvien247.net

Thành thăng Phụ quốc Thượng Tướng quân, sau làm Tham tướng dinh Trấn Biên, có công chiêu tập dân phiêu tán tán khai khẩn ruộng hoang, chết tặng Quận công, phong phúc thần.

*Nguyễn Văn Đăng*: người huyện Tuy Hòa, đầu đời trung hưng, có công theo đi Vọng Các, làm Phó Vệ úy, chết tặng Chưởng cơ, thờ ở miếu Trung hưng Công thần.

*Nguyễn Văn Nguyện*: không rõ lai lịch. Năm Gia Long thứ nhất, giữ đồn Thạch Thành, có công kiềm chế giặc cướp, phủ dụ dân Đê, năm thứ 2 kiêm tấn thủ Đà Diễn, năm thứ 4, về kinh triều yết, sau lại trở về chức cũ. Khi chết được tặng Dương Vũ Công thần Trấn quốc Đại tướng quân.

*Chu Văn Tiếp*: người huyện Đồng Xuân, tiên tổ là người ở Phù Mĩ, sau dời vào Nam, nhập tịch huyện Đồng Xuân, có tài có sức. Tây Sơn cho người dụ, Tiếp không khuất phục, tụ họp dân chúng khởi nghĩa ở Lương Sơn, dựng cờ "Lương Sơn tá quốc" đi đường thượng đạo vào Gia Định, làm Đại Đô đốc. Sau bị bại, sang Xiêm La xin cứu viện, khi trở về đánh nhau với giặc, nhảy qua thuyền giặc nên bị hại, tặng Quận công, thờ phụng ở Thế Miếu, đời Minh Mệnh, truy tặng Lâm Thao Quận công.

www.thuvien247.net

*Nguyễn Long*: người huyện Đồng Xuân, có công theo đi Vọng Các, được trao chức Thượng Đạo Tướng quân, giữ đồn Yên Sơn, có công đánh giặc, thăng Chưởng dinh, tuổi già về hưu rồi chết.

*Mai Tiến Vạn*: người huyện Đồng Xuân, đầu đời trung hưng có công theo đi Vọng Các, thăng đến Chưởng cơ, sau ra làm Trấn thủ Bình Hòa, tuổi già về hưu, rồi chết. Em là Vĩnh và Vị cũng có công theo đi Vọng Các, Vĩnh làm đến Cai cơ, Vị làm đến Cai đội.

*Vũ Văn Tài*: tiên tổ là người huyện Bình Sơn tỉnh Quảng Ngãi, sau dời vào Nam, nhập tịch huyện Đồng Xuân. Đầu đời trung hưng có công theo đi Vọng Các, làm đến Vệ uý. Năm Tân Dậu theo Lê Văn Duyệt đánh giặc ở cánh đồng Bình Thịnh, chết trận, được tặng Chưởng cơ thờ ở miếu Trung hưng Công thần và hai đền Hiển Trung và Bao Trung.

*Nguyễn Văn Tuy*: người huyện Đồng Xuân, có công theo đi Vọng Các, làm đến Cai cơ chi Yên Võ ở thượng đạo. Năm Giáp Dần, theo đi đánh Qui Nhơn, đánh giặc ở cửa biển Thi Nại bị chết trận, được tặng Chưởng cơ, thờ ở miếu Trung hưng Công thần và đền Hiển Trung. Lại có Nguyễn Văn Sinh làm Cai đội, năm ấy cũng chết trận ở cửa biển Thi Nại, được tặng Cai cơ, thờ ở đền Tinh Trung.

www.thuvien247.net

*Nguyễn Văn Dương*: người huyện Đồng Xuân, đầu đời trung hưng, ở đội Thị Hậu thuộc Tiền quân, thường lẻn đến Qui Nhơn và Thuận Hoá thăm dò tình hình giặc, sau thăng đến Địch Vũ Vệ uý thuộc Nội Quân. Năm Giáp Dần đánh giặc ở cửa biển Thi Nại, bị chết trận, đầu đời Gia Long, tặng Dương Vũ công thần, Quang Tiến Trấn Quốc Đại Tướng quân. Lại người cùng huyện là Cai đội Nguyễn Văn Lương, Quản cơ (bị cách chức) Hoàng Văn Hoặc và Suất đội Nguyễn Trúc, đều lần lượt chết trận vào khoảng các đời Minh Mệnh và Tự Đức, đều được thờ ở đền Trung Nghĩa.

## HIẾU TỬ

*Nguyễn Văn Tựu*: người huyện Đồng Xuân rất hiếu, khi cha mẹ chết, làm lều ở mộ 3 năm. Năm Minh Mệnh thứ ba được biểu dương. Con là Thiệu, cũng nổi tiếng hiếu hạnh, đầu đời Thiệu Trị được biểu dương.

*Phạm Văn Thu*: người huyện Đồng Xuân, cha chết sớm, thờ mẹ rất hiếu. Khi mẹ chết, làm lều ở mộ 3 năm, mộ ở gần núi, đêm đến, cọp thường đi lại bên mộ, Thu không sờn lòng, mà cọp cũng không làm hại. Năm Tự Đức thứ nhất được biểu dương.

*Tô Thiện*: người huyện Đồng Xuân, thờ cha mẹ rất hiếu, lúc cha chết, làm lều ở mộ 3 năm, đội

www.thuvien247.net

đá xây mộ, lúc mẹ chết, lại làm lều ở mộ như trước; thương quá thành bệnh, người làng khuyên trở về, không nghe. Năm Tự Đức thứ 11, được biểu dương.

*Nguyễn Phác*: người huyện Đồng Xuân, thờ cha mẹ rất hiếu, cha mắc bệnh, thắp hương xin chết thay. Cha chết, làm lều ở mộ hầu hạ như khi còn sống; mộ ở gần núi nhiều cọp, nhưng không hề tránh; đoạn tang trở về nhà hết lòng phụng dưỡng mẹ. Năm Tự Đức thứ 19, được biểu dương.

*Lê Văn Trạch*: người huyện Tuy Hoà; khi cha mẹ chết làm lều ở mộ 3 năm, đoạn tang trở về nhà, cha bỗng mắc bệnh phong, không cử động được, Trạch ngày đêm thuốc thang không chút xao nhãng, cha chết, táng ở trong núi, có nhiều cọp, Trạch làm lều ở cạnh mộ không tránh. Năm Tự Đức thứ 19 được biểu dương.

## TĂNG

*Hứa Mật Sô*: người huyện Đồng Xuân, lúc 15 tuổi, xuất gia ở chùa Bát Nhã, hết lòng tu luyện, tết vỏ cây làm áo, khi lên núi, khi xuống sông, thường đi guốc gỗ, gần 40 năm ăn ngũ cốc. Năm Minh Mệnh thứ 20 vào Kinh, nhà vua khen người khổ hạnh, cho làm Tăng cương và hạ chiếu cho quan địa phương sửa lại chùa, năm Thiệu Trị thứ 2 lại vào Kinh, trụ trì chùa Diệu Đế.

www.thuvien247.net

## THỔ SẢN

*Quả xoài*: sản ở huyện Đồng Xuân ngon hơn cả, có lệ cống.

*Mực muội đèn*: sản ở huyện Tuy Hoà.

*Sáp ong*: có thuế, nguồn Thạch Thành mỗi năm 364 cân, nguồn Hà Duy 30 cân.

*Chiếu cù đu*: sản ở hai huyện Đồng Xuân và Tuy Hoà, có thuế, hằng năm mỗi người 3 đôi, người già ốm nộp một nửa.

*Mật ong*: có thuế, nguồn Thạch Thành mỗi năm 325 cân, nguồn Hà Duy 300 cân.

*Ngà voi*: xuất ở nguồn Hà Duy, có lệ cống, không có ngà voi, thì nộp thay bằng sáp ong.

*Bông*: nguồn Thạch Thành nộp thay bằng sáp ong 197 cân linh, tiết liệu nộp chăn nộp thay bằng sáp ong 35 cân linh, gạo thuế nộp thay bằng sáp ong 13 cân linh.

*Trầu không*: nguồn Thạch Thành nộp thay bằng sáp ong 1 cân 5 lạng linh, nguồn Hà Duy nộp thay bằng sáp ong 13 cân linh.

*Tộ hạp hương*: sản ở huyện Đồng Xuân, nhựa cây dùng làm thuốc chữa bệnh. Năm Minh Mệnh thứ 17 khắc hình tượng vào Anh đỉnh.

www.thuvien247.net

*Giáng hương, trầm hương, kỳ nam, sa nhân*: đều sản ở hai nguồn Hà Duy và Thạch Thành, có thuế.

*Gỗ trầm, gỗ ca na, gỗ lõi, gỗ dầu*: đều sản ở huyện Đồng Xuân.

*Mây, mây roi ngựa, mây rồng*: đều sản ở huyện Đồng Xuân, có thuế.

*Ngựa*: hai huyện đều có nhiều, trên đường phố đi hàng đàn, người buôn dùng để chở hàng hoá, nhà nông dùng cày thay trâu. Phụ nữ cũng biết cưỡi ngựa.

www.thuvien247.net

# ĐẠI NAM NHẤT THỐNG CHÍ

*QUYỂN XI*

## TỈNH KHÁNH HOÀ

Đông tây cách nhau 58 dặm, nam bắc cách nhau 272 dặm linh. Phía đông đến biển 21 dặm linh, phía tây đến Man động 37 dặm, phía nam đến địa giới tỉnh Bình Thuận 117 dặm, phía bắc đến địa giới tỉnh Bình Định 155 dặm, phía đông nam đến địa giới tỉnh Bình Thuận 89 dặm, phía tây nam đến Man động 71 dặm, phía đông bắc đến biển 91 dặm, phía tây bắc đến Man động 97 dặm; từ tỉnh lị đi về phía bắc đến Kinh 1.011 dặm.

### PHÂN DÃ

Theo thiên văn thuộc về khu vực sao Dực sao Chẩn, về tinh thứ sao Thuần vĩ.

### DỰNG ĐẶT VÀ DIÊN CÁCH

Xưa là nước ngoài cõi (khiếu ngoại) của Nhật Nam. *Hậu Hán thư* chép: các Man Di ở ngoài cõi Nhật Nam đều xưng là "Khiếu ngoại quốc". Sách

www.thuvien247.net

*Vân đài loại ngữ* của Lê Quí Đôn dẫn Tống Bạch (tác giả sách *Văn uyển anh hoa*) nói: Mã Viện nhà Hán đánh Giao Chỉ, đi về phía đông hơn 400 dặm, đến Lâm Ấp, lại đi về phía nam hơn 200 dặm, đến nước Tây Đồ Di. Viện dựng ba cột đồng ở địa giới Tượng Lâm, chia ranh giới với Tây Đồ Di[1]. Lại nói Tây Đồ Di sau bị Chiêm Thành gồm chiếm, sau là đất Chiêm Thành.

Nước ta đời Lê, năm Hồng Đức thứ nhất (1470) Thánh Tông thân đi đánh Chiêm Thành; phá thành Chà Bàn, bắt được chúa Chiêm, tướng nước ấy là Bố Trì Trì chạy đến Phan Lung, chiếm cứ đất này xưng là Chiêm Thành, giữ được một phần năm đất đai cũ, nhà Lê phong cho để triều cống. (Lời chú của Nguyễn Thư Hiên trong sách *Địa dư chí* của Nguyễn Trãi nói: Lê Thánh Tông đánh Chiêm Thành, mở đất đến núi Thạch Bi, đất bốn phủ Phan Định trở vào Nam là địa giới Chiêm Thành. Theo *Minh sử* thì vua Chiêm Thành có sớ nói rằng: từ xưa thổ địa nước ấy có 27 xứ, 4 phủ, 7 châu, 22 huyện, nay chỉ còn 4 xứ từ Bang Đô Lang đến Chân Lạp mà thôi. Bang Độ Lang, Phan Định, Phan Lung, ngờ là đất Phan Rang. Năm xứ ngờ là đất các xứ Phan Ri, Phan Thiết, Phan Rang, Phố Hài, Phố Châm).

---

[1] Đây là chuyện hoang đường.

www.thuvien247.net

Bản triều, năm Quí Tị Thái tông thứ 5 (Nguyễn Phúc Tần) (1653), vua Chiêm Thành là Bà Bật lấn biên giới, bản triều sai Cai cơ Hùng Lộc Hầu (không rõ tên họ) đi đánh. Người Chiêm hàng, do đấy chiếm lấy đất từ sông Phan Rang trở về phía đông đến địa giới Phú Yên, đặt 2 phủ (Thái Khang và Diên Ninh) và 5 huyện (Thái Khang lãnh 2 huyện Quảng Phúc và Tân Định, Diên Ninh lãnh 3 huyện Phúc Điền, Vĩnh Xương, Hoa Châu); lại đặt dinh Thái Khang. Năm Canh Ngọ Anh Tông thứ 3 (1690), đổi phủ Thái Khang làm phủ Bình Khang. Năm Nhâm Tuất Thế Tông thứ 4 (1742), đổi phủ Diên Ninh làm phủ Diên Khánh, lại đem đất 2 phủ Bình Khang và Diên Khánh đặt dinh Bình Khang. Năm Quí Tị Duệ Tông thứ 9 (1773) bị Tây Sơn chiếm cứ. Năm Quí Sửu (1783) Thế Tổ Cao Hoàng Đế lấy lại được đất này, lại gọi là dinh Bình Khang, đặt các chức lưu thủ, cai bạ và kí lục, lại đắp thành Diên Khánh, sai đại thần trấn thủ. Năm Gia Long thứ 2 đổi dinh Bình Khang làm dinh Bình Hoà, đổi phủ Bình Khang làm phủ Bình Hoà. Năm thứ 7, đổi dinh Bình Hoà làm trấn Bình Hoà. Năm Minh Mệnh thứ 12, đổi phủ Bình Hoà làm phủ Ninh Hoà. Năm thứ 13 chia tỉnh hạt gọi là tỉnh Khánh Hoà; đặt hai ti bố chánh, án sát, dưới quyền tuần phủ Thuận - Khánh, lại gồm huyện Hoa Châu vào huyện Phúc Điền. Nay lãnh 2 phủ, 4 huyện.

www.thuvien247.net

*Phủ Diên Khánh*: Phủ phụ quách, cách tỉnh thành 4 dặm về phía đông bắc; đông tây cách nhau 57 dặm, nam bắc cách nhau 163 dặm, phía đông đến biển 17 dặm, phía tây đến động Man 40 dặm, phía nam đến địa giới huyện An Phúc tỉnh Bình Thuận 117 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Tân Định phủ Ninh Hoà 46 dặm. Nguyên là đất của Chiêm Thành, bản triều mới mở mang đặt phủ Diên Ninh, sau đổi tên hiện nay, lệ vào dinh (Bình Khang); trước kia lãnh 3 huyện là Hoa Châu, Phúc Điền và Vĩnh Xương; năm Minh Mệnh thứ 7 mới đặt tri phủ, kiêm lí huyện Hoa Châu và thống hạt 2 huyện Phúc Điền và Vĩnh Xương; năm thứ 13, gồm huyện Hoa Châu vào huyện Phúc Điền, do phủ kiêm lí và thống hạt huyện Vĩnh Xương. Nay lãnh 2 huyện, 10 tổng, 90 xã thôn.

*Huyện Phước Điền*[1]: đông tây cách nhau 57 dặm, nam bắc cách nhau 54 dặm, phía đông đến biển 17 dặm, phía tây đến Man động 40 dặm, phía nam đến địa giới huyện Vĩnh Xương 8 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Tân Định phủ Ninh Hoà 46 dặm. Tên huyện đặt từ đầu bản triều; năm Minh Mệnh thứ 13 đem huyện Hoa Châu họp vào, do phủ kiêm lí. Nay lãnh 6 tổng, 49 xã và thôn.

---

[1] Sau là huyện Diên Khánh.

www.thuvien247.net

*Huyện Vĩnh Xương*: ở cách phủ 11 dặm về phía đông nam, đông tây cách nhau 42 dặm, nam bắc cách nhau 160 dặm; phía đông đến biển 17 dặm, phía tây đến Man Động 25 dặm, phía nam đến địa giới huyện An Phúc tỉnh Bình Thuận 111 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Phúc Điền 5 dặm. Nguyên trước do tri huyện Phúc Điền kiêm nhiếp, năm Minh Mệnh thứ 13 mới đặt tri huyện lệ vào phủ Diên Khánh. Nay lãnh 4 tổng, 49 xã và thôn.

*Phủ Ninh Hoà*: ở cách tỉnh thành 75 dặm về phía tây bắc; đông tây cách nhau 52 dặm, nam bắc cách nhau 113 dặm; phía đông đến biển 8 dặm, phía tây đến Man động 44 dặm, phía nam đến địa giới huyện Phúc Điền phủ Diên Khánh 22 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Tuy Hoà tỉnh Bình Định 91 dặm. Nguyên là đất Chiêm Thành, bản triều mới mở mang đặt phủ Thái Khang, sau đổi làm phủ Bình Khang. Năm Gia Long thứ 2 đổi làm phủ Bình Hoà, chưa đặt tri phủ, do quản đạo đồn Bình Hoà lãnh. Năm Minh Mệnh thứ nhất, bỏ quản đạo, đặt tri huyện; năm thứ 17 mới đặt tri phủ, kiêm lí huyện Quảng Phúc và thống hạt huyện Tân Định; năm thứ 12 đổi tên hiện nay. Nay lãnh 2 huyện, 7 tổng, 180 xã thôn.

www.thuvien247.net

*Huyện Quảng Phước*[1]: đông tây cách nhau 52 dặm, nam bắc cách nhau 97 dặm, phía đông đến biển 8 dặm, phía tây đến Man động 44 dặm, phía nam đến địa giới huyện Tân Định 6 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Tuy Viễn tỉnh Bình Định 91 dặm. Tên huyện đặt từ đầu bản triều. Đầu đời Gia Long lệ theo quản đạo Bình Hoà. Năm Minh Mệnh thứ nhất, bỏ quản đạo, đặt tri huyện Tân Định kiêm lí huyện Quảng Phúc; năm thứ 7 đổi do phủ Ninh Hoà kiêm lí. Nay lãnh 4 tổng, 106 xã thôn.

*Huyện Tân Định*: ở cách phủ Ninh Hoà 21 dặm về phía đông nam; đông tây cách nhau 27 dặm, nam bắc cách nhau 36 dặm, phía đông đến biển 20 dặm, phía tây đến Man động 7 dặm, phía nam đến địa giới huyện Phước Điền 21 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Quảng Phúc 15 dặm. Tên huyện đặt từ đầu bản triều, đầu đời Gia Long cho lệ vào quản đạo Bình Hoà. Năm Minh Mệnh thứ nhất bỏ chức quản đạo, đặt tri huyện Tân Định, kiêm lí công việc huyện Quảng Phúc, năm thứ 7 thuộc phủ kiêm lí, bỏ tri huyện; năm thứ 13 lại đặt tri huyện. Nay lãnh 3 tổng, 74 xã thôn.

## HÌNH THẾ

Phía đông giáp biển cả, phía tây nắm sơn man, phía nam liền Bình Thuận, phía bắc giáp Phú Yên.

---

[1] Đây là huyện Ninh Hòa.

www.thuvien247.net

Ba mặt núi bọc, một mặt sát biển, núi Đại An chắn ngang ở phía bắc, vụng Nha Trang quanh phía đông, phía tây nam núi gò trùng điệp, nhân địa lợi mà xây thành chốn hiểm trở do trời đặt. Núi cao thì có Tam Phong và Đại An, sông lớn thì có Vĩnh An và Phú Lộc, núi khe quanh quất, đường sá gập ghềnh. Các bảo Nha Tranh, Bình Nguyên khống chế sơn man, các tấn Cù Huân lớn nhỏ, phòng ngăn hải phỉ. Thật là đất hình thế trọng yếu ở một phương.

## KHÍ HẬU

Mùa đông, mùa xuân ấm áp, cuối xuân đã nóng như mùa hè. Tháng tư trở đi thường có mưa trận, mưa thì hơi mát. Cuối thu, đầu đông thì có mưa lụt, thỉnh thoảng có bão. Đất nhiều núi khe, ngăn trở, nên gió cũng tuỳ khí núi mà khác. Ninh Hoà thường nhiều gió nam, Diên Khánh thường nhiều gió đông. Đất đai cao ráo, nhân dân phần nhiều ở ven núi, lam chướng khá nặng. Thời vụ làm ruộng thì ruộng cấy tháng 11 thu hoạch tháng 3, ruộng cấy tháng 7 tháng 8 thì thu hoạch tháng 12.

## PHONG TỤC

Phong tục thuần hậu, tập quán quê mùa. Kẻ sĩ chất phác mà trầm tĩnh, nhân dân kiệm mà lành, quần áo dùng vải trắng, ít thích loè loẹt. Đường thuỷ dùng thuyền nan, đường bộ dùng xe trâu. Dân

www.thuvien247.net

ở ven biển làm nghề chài lưới, dân ở ven núi làm nghề cấy lúa, trồng dâu, chăn tằm dệt cửi. Cũng có người làm thợ, đi buôn, kỹ nghệ tầm thường, của cải không chứa lắm. Các tết Nguyên đán, Đoan dương, Tam nguyên... cũng giống như Bình Định. Lễ tiên tổ hoặc kỳ phúc, hay bày hát xướng; cũng có làm chay, nhưng phần nhiều đơn giản không chuộng xa hoa. Các việc đám cưới, đám ma hay giúp đỡ lẫn nhau. Đến như các dân Man ven núi, thì dân ở Đồng Hương, Đồng Nãi thuần phác dễ cai trị, dân ở Kha Tuân, Tham Lợi, bướng bỉnh khó dạy.

## THÀNH TRÌ

*Thành tỉnh Khánh Hoà*: chu vi 636 trượng 7 thước 4 tấc, cao 7 thước 5 tấc, mở 4 cửa, hào rộng 4 trượng, sâu 6 thước, xây bằng đất ở địa phận 2 xã Phú Mĩ và Phúc Thịnh huyện Phúc Điền. Trước kia lị sở của dinh ở địa phận xã Đa Phúc huyện Quảng Phúc, sau dời đến chỗ hiện nay, tức là thành Diên Khánh cũ - *Xét*: Thành Diên Khánh trước là thủ sở Nha Trang, năm Quí Sửu (1793) quân nhà vua tiến đánh Qui Nhơn, lúc trở về, xa giá dừng ở Diên Khánh, xem xét thế đất, sau nhân bảo cũ Hoa Bông đắp thành bằng đất. Thành mở 6 cửa, đều có nhà lầu, 4 góc thành có núi đất, ngoài thành đào hào, ngoài hào có trại; các cửa đều có cầu treo để qua hào, trước sau có núi sông bao bọc, thật là nơi thiên hiểm, nay bỏ

www.thuvien247.net

bớt 2 cửa. Pháo đài và núi đất vẫn còn, phía bắc thành dựa lưng vào sông cái, thường bị nước lũ xói vào, nên năm Minh Mệnh thứ 4 đắp đê chắn ngang sông, lại đào cừ để dẫn nước về phía bắc.

*Lị sở phủ Diên Khánh*: chu vi 50 trượng linh, rào bằng chông chà, ở ấp Phú Lộc Tây huyện Phước Điền do phủ kiêm lí, dựng từ năm Minh Mệnh thứ 18.

*Lị sở phủ Ninh Hoà*: chu vi 52 trượng linh, rào bằng chông chà, ở thôn Vĩnh Phúc huyện Quảng Phúc do phủ kiêm lí, nguyên trước, lị sở ở địa phận thôn Phúc Đa trong huyện, năm Minh Mệnh thứ 12 dời đến chỗ hiện nay.

*Lị sở huyện Vĩnh Xương*: chu vi 42 trượng, rào bằng chông chà, ở xã Phú Vinh trong huyện, dựng từ năm Minh Mệnh thứ 13.

*Lị sở huyện Tân Định*: chu vi 40 trượng linh, rào bằng chông chà, ở xã Thịnh Mĩ trong huyện, dựng từ năm Minh Mệnh thứ 12.

*Trường học phủ Diên Khánh*: ở xã Phú Ân ngoài cửa đông thành Khánh Hoà, trước ở ngoài cửa tây, năm Thiệu Trị thứ nhất dời đến chỗ hiện nay – *Xét*: năm Minh Mệnh thứ 4 đặt đốc học Bình Hoà, đến năm thứ 10 vì số học trò có ít, bỏ chức đốc học, đặt chức giáo thụ.

www.thuvien247.net

*Trường học huyện Vĩnh Xương*: dựng từ năm Minh Mệnh thứ 13, đến năm Thiệu Trị thứ 5, bỏ.

*Trường học phủ Ninh Hoà*: ở xã Vĩnh Phúc, phía tây lị sở của phủ, trước ở xã An Thành huyện Tân Định, năm Thiệu Trị thứ 5 dời đến chỗ hiện nay.

*Trường học huyện Tân Định*: dựng từ năm Minh Mệnh thứ 13, năm Thiệu Trị thứ 5, bỏ.

## HỘ KHẨU

Đời Gia Long, thì số đinh hộ 5.000 người, nay 8.563 người.

## TÔ RUỘNG

Ruộng đất 12.593 mẫu, ngạch thuế là 6.539 hộc thóc, 16.431 quan tiền, bạc 111 lạng.

## NÚI SÔNG

*Núi Tam Phong*: ở phía tây bắc huyện Quảng Phúc là chỗ giáp giới giữa hai tỉnh Khánh Hoà và Bình Định. Núi có 3 ngọn, cao chọc trời, tục gọi núi Ba Non, là trấn sơn của tỉnh. Khi trong nước gặp ân điển lớn, có lệ tứ tế.

*Núi Mã Cảnh*: (cổ ngựa): ở cách huyện 130 dặm về phía bắc, hình như cổ ngựa, nên gọi tên thế, phía đông kề đầm Thăng Ma, phía bắc liền

www.thuvien247.net

đèo Cả, phía đông sát bãi biển, phía nam liền vũng Hòn Khói, đường trạm đi qua (xem *Phú Yên tỉnh chí*).

*Núi Bàn Sơn*: tục gọi Mũi Lớn ở cách huyện 60 dặm về phía bắc, phía bắc liền núi Thạch Bi, phía tây liền Đại Lãnh, phía đông nam sát biển, thuyền buôn, tránh gió thường ẩn ở đấy.

*Núi Bồ Đà*: ở cách huyện 24 dặm về phía bắc, mạch núi này từ núi Tam Phong kéo đến, gò núi trùng điệp, đến đây nổi vọt lên một ngọn, thế rất cao dốc, phía đông lại mọc riêng ra một ngọn núi nhỏ gọi là núi Phan Lê, tục gọi Dốc Thị, nằm sát bãi biển, cây cối um tùm, đường quan đi ở trên, gập ghềnh khó đi.

*Núi Mĩ Ngọc*: ở cách huyện Quảng Phúc 20 dặm về phía tây bắc, bốn bên có núi mọc thành chùm, như chuỗi ngọc, phía đông gần với núi Độc Sơn.

*Núi Hoa Đăng*: ở cách huyện 5 dặm về phía nam, thế núi rất cao, chu vi vài ba mươi dặm, trên núi sản thứ mây hoa, nên gọi tên thế, phía đông sát bãi biển, phía tây chắn vũng Nha Phu.

*Núi Tân Lập*: ở cách huyện 11 dặm về phía đông bắc, ba mặt có đầm bao bọc gọi là đầm Trúc. Vũng Vân Phong ở phía đông núi, nên cũng gọi là núi Vân Phong (hòn Khói).

www.thuvien247.net

*Núi Phú Mĩ*: tục gọi núi Đồng Kè, ở cách huyện 103 dặm về phía tây bắc, hình thế cao vót chọc trời, nếu trên núi có mây mù thì buổi chiều thường có mưa, tục gọi "mưa Đồng Kè".

*Núi Hoa Sơn*: tục gọi núi Tô Hà, ở cách huyện 59 dặm về phía bắc, gió nồm phần nhiều từ núi này thổi ra, nên tục gọi "gió Tô Hà".

*Núi Phú Như*: tục gọi núi Ổ Gà ở cách huyện 64 dặm về phía bắc, cây cối um tùm, có nhiều cọp, người đi đường phải đề phòng, tục gọi "cọp Ổ Gà", tức là núi này.

*Núi Đại Đồng*: ở cách huyện 59 dặm về phía tây, chân núi có đồng rộng, xưa là chiến trường, nhiều người chết, khí kết thành ma, người ta qua đây không dám đi một mình, tục gọi "ma Đại Đồng", tức là núi này.

*Núi Tân Thuỷ*: ở cách huyện 70 dặm về phía đông nam, hai ngọn liền nhau, phía nam kề sát bãi biển.

*Núi Dục Mĩ*: ở cách huyện Tân Định 20 dặm về phía bắc, bốn bên đều là dân cư, bảo Bình Nguyên ở đấy; là chỗ phân giới giữa hai huyện Tân Định và Quảng Phúc.

*Núi Sầm Sơn*: ở cách huyện Tân Định 14 dặm về phía đông, cây cối um tùm, chân núi có một cánh đồng bằng, gần về phía đông nam có núi Cô Sơn.

www.thuvien247.net

*Núi Nguồn Ông*: ở cách huyện 34 dặm về phía đông, gò núi trùng điệp, cây cối um tùm; về phía nam đường trạm đi qua, gọi là đèo Tổng Nộ; về phía đông là núi Phúc Đồng, núi Tiên Ca, sát với bãi biển.

*Núi Đại Diền*: ở cách huyện Phước Điền 11 dặm về phía bắc, tục gọi núi Chủ Sơn, thế núi cao cả, chu vi hơn trăm dặm. Tương truyền đây là chỗ hiển linh của Thiên Y A Na-diễn-bà, cấm người vào núi hái củi, cây cối um tùm, thường có ánh sáng thiêng chiếu xuống. Năm Tự Đức thứ 3 đổi tên hiện nay và chép vào điển thờ.

*Núi Hương Na*: ở cách huyện 8 dặm về phía tây, thế núi cao cả, phía nam sát sông Cái, phía bắc gần đồng bằng.

*Núi Thị*: ở cách huyện 22 dặm về phía tây, thế núi cao vót, bốn mặt đều là ruộng, phía tây có hồ sen, phía nam gần núi An Lộc, lại phía nam có đường trạm đi qua.

*Núi Bà*: ở phía tây nam huyện Phước Điền, bốn mặt đá dựng như vách, chu vi hơn trăm dặm, trông như bức thành, trên có một cái hố, thường có ánh sáng thiêng chiếu xuống, gần đấy là ba sách man Tà Lai, Tà Trung, Tà Dật.

*Núi Cù Lao*: ở cách huyện Vĩnh Xương 28 dặm về phía đông, núi có 5 ngọn lớn nhỏ tiếp

www.thuvien247.net

nhau, ở phía tả cửa biển Cù Huân, phía đông sát bãi biển, trên núi có tháp cổ.

*Núi Giáng Hương*: có một tên nữa là núi Bộc Bố. Ở cách huyện 5 dặm về phía đông nam, một dải núi non liên tiếp, cây cối um tùm, có nhiều ác thú, phía tây núi có đường trạm đi qua, bên cạnh có đền thần núi; phía tây đường là sách Man, lại gần đấy có núi Diễn Sơn.

*Núi Hoàng Ngưu*: ở cách huyện 6 dặm về phía đông nam, thế núi cao vót, chu vi hơn trăm dặm, cây cối um tùm, phía bắc sát bãi biển; gần đấy có núi Điệp Sơn.

*Núi An Xuân*: ở cách huyện 50 dặm, thế núi rộng lớn, phía đông kề bãi cát, phía tây liền với núi Diêm Nại, phía bắc giáp trạm Hoà Du.

*Núi Hoà Quân*: ở phía tây sông Tam Độc (Ba Ngòi) cách huyện 91 dặm về phía nam.

*Núi Lữ Sơn*: ở cách huyện *Vĩnh Xương* 115 dặm về phía nam, thế núi cao vót, về phía tây núi non trùng điệp, là chỗ ở của người Man người Lạo, phía đông có đường trạm đi qua.

*Núi Bì Sơn*: ở cách huyện 122 dặm về phía nam là chỗ giáp giới giữa hai tỉnh Khánh Hoà và Bình Thuận; phía tây bắc có đường trạm đi qua, phía đông nam sát bãi biển.

www.thuvien247.net

*Núi Hợp Mĩ*: ở cách huyện 111 dặm về phía nam, trước gọi là núi An Mĩ, năm Tự Đức thứ 15 đổi tên hiện nay, vì núi này ở chỗ giáp giới hai hộ Khánh Hợp và Khánh Mĩ. Thế núi quanh co chạy dài phía bắc sát cửa biển Cam Linh, phía đông thì bãi cát và mỏm đá liên tiếp đến vài mươi dặm.

*Núi Thịnh Đức*: ở cách huyện 88 dặm về phía đông nam, trước gọi là núi Đông An, năm Tự Đức thứ 15 đổi tên hiện nay. Từ núi Hoàng Ngưu một dải liên tiếp đến bãi biển, rồi chạy dài về phía tây nam, ngăn che cửa biển Cam Linh, trong ruột núi động cát trùng điệp, dưới có một hồ nước rất trong, tục gọi là ao Tương; phía tây mọc lên một ngọn núi, nằm sát cửa biển, gọi là hòn Lang; phía nam cách cửa biển Cam Linh, mọc một ngọn núi nhỏ, gọi là hòn Tranh, có dân cư; phía đông nam lại mọc một đảo nhỏ gọi là hòn Khô; phía bắc là cửa Bé, ngoài cửa biển có hai đảo tiếp nhau, gọi là hòn Nội hòn Ngoại.

*Núi Kho*: ở cách huyện chừng 2 dặm về phía đông, vì phía đông nam có nền cũ kho Phúc An nên gọi tên thế. Phía bắc gần sông Ngư Trường. Năm Ất Mão (1795) đầu đời trung hưng, đại binh phá được quân tướng giặc Trần Quang Diệu ở bảo Khố Sơn, tức là núi này. Trên núi có đền Quan Công.

*Núi Tinh Trung*: ở cách huyện 10 dặm về phía đông, tục gọi núi Hà Ra, núi nhỏ và tròn, phía đông

www.thuvien247.net

bắc gần sông, dân chài hay tụ tập ở đây làm nghề đánh cá; vì chân núi có đền Tinh Trung nên gọi tên thế.

*Núi Du Lâm*: ở cách huyện 53 dặm về phía nam, phía đông sát bãi cát, phía tây núi rừng trùng điệp. Năm Ất Mão, đầu đời trung hưng, tướng giặc là Nguyễn Trung bị quân ta đánh bại, phải rút lui giữ Du Lâm, tức là chỗ này.

*Núi Cảnh Long*: ở phía bắc cửa bé Cù Huân, cách huyện 11 dặm về phía đông nam, thế núi cao lớn hiểm trở, phía nam gần sông, phía đông gần bãi biển.

*Núi Diễn Sơn*: ở cách huyện chừng 5 dặm về phía nam; trước kia nhiều cọp beo, người buôn bán không dám đi qua. Năm Đinh Tị (1797) đầu đời trung hưng, viên Án trấn Nguyễn Văn Thanh mật đảo bà chúa Ngọc rằng, nếu trừ được hổ hoạn thì lập đền thờ. Sau đó vài ngày quả bắt được con cọp dữ, bèn lập đền thờ, gọi là đền Diễn Sơn.

*Núi Lương Triều*: ở cách huyện 25 dặm về phía tây nam, nhiều ngọn liên tiếp nhau; phía tây là sách Man.

*Núi Vạn Xương*: ở cách huyện 32 dặm về phía tây nam, phía đông gần sông Ngư Trường, phía tây nhiều ngọn dựng đứng, cây cối um tùm.

www.thuvien247.net

*Đèo Eo Gió*: ở cách huyện Quảng Phúc hơn 100 dặm về phía bắc, hai bên sống núi giao nhau, cây cối xanh tốt, có gió thổi luôn, nên gọi tên thế.

*Đèo Thanh Hà*: tục gọi đèo Bánh Ít, ở cách huyện Quảng Phúc 6 dặm về phía nam, đường đèo có đá vướng chân, phía tây có đền thờ bà chúa Ngọc.

*Gò Thạch Luỹ*: ở cách huyện Quảng Phúc 29 dặm về phía nam, phía bắc gò thuộc địa phận xã An Thịnh Tây; phía nam gò thuộc địa phận xã Phú Lộc. Trước kia, người Thổ Man thấy gò này dựa núi sát biển, nhân đấy đắp luỹ, cho nên gọi là gò Thạch Luỹ. Gò liền với núi, tức đèo Ruột Tượng, đường quan ở trên, khấp khểnh khó đi, có nhiều ác thú.

*Hòn Thuý Sơn*: ở phía nam vũng Vân Phong (Hòn Khói), cách huyện 26 dặm về phía đông, chu vi 7.120 trượng. Mạch núi từ Đại Lãnh đến, có một đường long sa chừng 5 dặm từ núi Mã Cảnh chạy ngang đến bờ biển làm thành đê dài nổi vọt lên hòn thứ nhất là hòn Vĩnh An, phía tây kề vũng biển; lại chạy dài về phía nam, nổi lên hòn thứ hai là hòn Mát, hòn thứ ba là hòn Lớn, qua eo mà chuyển sang phía tây, chắn ngang vũng Vân Phong (Hòn Khói).

www.thuvien247.net

*Đèo Gió*: ở cách huyện 163 dặm về cực giới phía đông nam, là chỗ giáp giới giữa hai tỉnh Khánh Hoà và Bình Thuận, phía đông sát bãi cát, có đầm Găng, phía nam kề Hòn Tai và Mũi Cát.

*Hòn Lam Nguyên*: ở cách huyện hơn 20 dặm về phía đông nam, ở giữa biển, có dân cư, có nhiều hòn tiếp nhau, hòn Tầm, hòn Lớn, hòn Môn, hòn Ba La.

*Hòn Vân Phong*: ở cách huyện Quảng Phúc 28 dặm về phí đông bắc, tục gọi Hòn Khói, đầu đời trung hưng, thuyền nhà vua đến đóng ở Hòn Khói, tức là chỗ này. Năm Minh Mệnh thứ 6 đổi tên hiện nay.

*

* *

*Sông Tô Hà*: ở cách huyện Quảng Phúc 58 dặm về phía bắc, phát nguyên từ núi Phú Mĩ chảy về phía đông nam 40 dặm, qua đồn Bình Yên rồi chia thành hai nhánh: Một nhánh chảy về phía đông nam chừng 3 dặm, qua thôn Bình Yên; một nhánh chảy về phía đông bắc chừng 2 dặm, đến thôn Bình Yên thì hợp với nhánh trên, lại chảy sang phía đông chừng 10 dặm rồi đổ vào vũng Vân Phong.

*Sông Bình Sơn*: ở cách huyện 36 dặm về phía bắc, phát nguyên từ núi Thị Đố, chảy về phía đông

www.thuvien247.net

chừng 3 dặm thì chia thành hai nhánh: Một nhánh chảy về phía đông nam chừng 3 dặm; một nhánh chảy về phía đông chừng 2 dặm; đều đổ vào sông Đồng Tao rồi chảy ra biển.

*Sông Yên Lương*: ở cách huyện 36 dặm về phía bắc, phát nguyên từ nước ruộng thôn Tân Mĩ chảy về phía đông chừng 4 dặm, qua thôn Yên Lương thì chia làm hai nhánh: Một nhánh chảy về phía đông nam chừng một dặm; một nhánh chảy về phía đông bắc chừng 2 dặm, rồi đều đổ ra biển.

*Sông Ngọc Sơn*: ở cách huyện 10 dặm về phía nam, phát nguyên từ khe Luỹ, chảy về phía đông 40 dặm, qua thôn Tam Ích thì chảy chuyển sang phía nam chừng 2 dặm rồi đổ ra biển; lại một nhánh từ thôn Lâm Kiều chảy về phía đông thì chia thành hai: Một chi chảy vòng quanh 8 dặm đến sông Hà Linh về phía bắc; một chi chảy về phía nam chừng 4 dặm, thì hợp với sông Tam Ích rồi đổ ra vũng Nha Phu.

*Sông Vĩnh Phú*: ở cách huyện Tân Định chừng 2 dặm về phía bắc trước gọi là sông Vĩnh Yên, có 4 nguồn: Một nguồn từ núi Lam Sơn chảy về phía đông nam 11 dặm, đến xã Hương Cam; một nguồn từ trong động Hương chảy về phía đông nam 5 dặm cũng đến xã Hương Cam, hai dòng hợp lưu với nhau chảy sang phía đông 23 dặm đến thôn Vĩnh Phú; một nguồn từ

www.thuvien247.net

núi Bàn Thạch chảy về phía nam 33 dặm; một nguồn từ núi Đồng Hương chảy về phía nam 22 dặm, đều chảy vào thôn Vĩnh Phú rồi hợp với nhau. Bốn dòng hợp lại làm sông Vĩnh Phú, sau khi hợp nhau chảy chừng 4 dặm nữa lại chia làm hai nhánh: Một nhánh chảy về phía đông nam 7 dặm đến sông Hà Linh, rồi đổ vào vũng Nha Phu; một nhánh chảy về phía đông bắc chừng 4 dặm, qua xã Bình Yên, lại ngoặt về phía nam chừng 5 dặm, cũng đổ vào vũng Nha Phu.

*Sông Phú Nghĩa*: ở cách huyện Quảng Phúc 25 dặm về phía nam, phát nguyên từ núi Ong, chảy về phía đông chừng 3 dặm, qua thôn Thạch Luỹ rồi đổ ra biển.

*Sông Phú Lộc*: ở cách huyện Vĩnh Xương 100 trượng về phía bắc, có ba nguồn: Một nguồn từ ngã ba sông Cầu chảy về phía đông 21 dặm qua thôn Xuân Mĩ; một nguồn từ trong động Man, chảy về phía đông nam 28 dặm đến xã Xuân Mĩ thì hợp nhau, rồi chảy về phía đông 21 dặm làm sông Phú Lộc; một nguồn từ Thạch Bích chảy về phía đông bắc 27 dặm, rồi vào sông Phú Lộc, qua phía bắc tỉnh thành, lại chảy về phía đông 12 dặm, qua xã Phú Xuân, rồi chia thành ba nhánh: Một nhánh chảy về phía bắc chừng 12 dặm; một nhánh chảy về phía đông nam hơn 10 dặm, đều đổ ra cửa lớn Cù Huân; một nhánh từ thôn Hội An chảy chuyển sang phía nam

www.thuvien247.net

19 dặm đổ vào cửa bé Cù Huân, tục gọi sông Ngư Trường, tức là sông này.

*Sông Ba Ngòi* (Tam độc): ở cách huyện 85 dặm về phía nam phát nguyên từ trong động Man Bạch Cấn nguồn Bồng Lam, chảy về phía đông nam rồi chia thành ba nhánh: Một nhánh từ thôn Thượng Nguyên chảy về phía đông nam 11 dặm; một nhánh từ thôn Diêm Nại chảy về phía đông nam 4 dặm; một nhánh từ thôn Yên Đổ chảy về phía đông nam 4 dặm, đều đổ ra cửa biển Cam Linh.

*Sông Cạn*: ở cách huyện 96 dặm về phía nam, không có đầu nguồn, chỉ theo thuỷ triều lên xuống, nước sâu chừng một thước, hành khách thường lội qua, nên gọi tên thế.

*Vũng Nha Trang*: ở cách huyện Quảng Phúc chừng 20 dặm về phía đông nam, vũng rộng vài trăm dặm, có nhiều hòn đảo ngăn che, tàu thuyền hay đỗ, trên bờ có pháo đài Ninh Hải.

*Vũng Vân Phong*: ở cách huyện 27 dặm về phía đông bắc, chu vi hơn 200 dặm, nước mênh mông, bao mặt nhiều hòn đảo xây quanh, phía nam là hòn Mi, hòn Gà, hòn Lăng, hòn Lí, phía bắc là hòn Điệp, hòn Chim lớn, hòn Chim nhỏ, hòn Khô, hòn Độc, hòn Tranh, lại trong biển về phía nam vũng này có hòn Đỏ, có vũng Mĩ Giang.

www.thuvien247.net

*Vũng Nha Phu*: ở cách huyện Phúc Điền 36 dặm về phía đông, chu vi hơn 70 dặm, trong vũng có nhiều hòn đảo, gọi là hòn Trần Thị, hòn Tiên, hòn Thạch, hòn Kì, hòn Cù.

*Vũng Cam Linh*: ở cách huyện Vĩnh Xương 88 dặm về phía nam, chu vi 79 dặm linh, trong vũng có đá rạng.

*Đầm Găng*: tục gọi là vũng Gặng ở cách huyện 113 dặm về cực giới phía nam, chu vi 24 dặm linh.

*Đầm Thuỷ Triều*: ở cách huyện 40 dặm về phía nam. Bốn bên là bãi cát, nước đầm chảy về phía nam, đổ ra cửa biển Cam Linh. Lại có đầm Bản Châu.

*Đầm Đồi Mồi*: ở phía đông huyện Quảng Phúc, sát biển, sản đồi mồi, ở bờ biển có ghềnh đá, ngoài biển có đảo.

*Đầm Ô Rô*: ở phía đông bắc huyện, trong có hòn Cột.

Lại có các đầm: Thăng Ma, Bà Na, Độc Đảo.

*Đàm Thăng Ma, đầm Bà Na, đầm Độc Đảo* đều ở địa phận huyện Quảng Phúc.

*Khe Ồ Ồ*: ở phía tây bắc huyện Quảng Phúc, núi cao nguồn sâu, nước chảy cuồn cuộn, nước đập vào đá vang như tiếng chuông, chảy ngược lên đến khe Giang, xuôi xuống đến khe Khế, đổ ra cửa lạch Chử Châu.

www.thuvien247.net

*Khe Mít*: ở phía nam huyện Tân Định, thuỷ triều lên có nước mặn tràn vào, khe chảy ngược đến núi Phú Hoà, xuôi đến cửa lạch Phiếm Khê.

*Ao Phú Hội*: ở huyện Quảng Phúc, thuỷ triều lên có nước mặn tràn vào; trước kia có người trong thôn tên là Lục đắp bờ làm ao để nuôi tôm cá, nay bỏ.

*Ao Trung Yên*: ở huyện Quảng Phúc; trước kia có người trong xã tên là Lam đắp bờ làm ao để nuôi tôm cá, tục gọi "ao Cha Lam".

*Vũng Cá Sấu*: ở xã Tân An Đông huyện Quảng Phúc, trong khoảng cát sỏi giữa rừng, có một vũng nước quanh năm không cạn, tương truyền trước có cá sấu, nên gọi là "hang Cá Sấu", nay không có nữa, chỉ có nhiều hổ cọp.

*Khe An Thịnh*: ở huyện Tân Định, bên cạnh khe có nhiều gỗ trâm, mùa thu mùa đông lá gỗ rụng xuống khe, làm cho nước thành sắc vàng, uống nước này hay bị sốt rét.

*Ao Nước Nóng*: ở dưới chân núi thuộc địa phận xã Trung Yên huyện Phúc Điền, ao lầy, sắc nước vàng và nóng lắm.

*Sông Trường Châu năm thác*: tục gọi sông Cầu ở phía nam huyện Phúc Điền, giáp địa phận huyện

www.thuvien247.net

Vĩnh Xương, là chỗ phát nguyên của một nhánh sông Phú Lộc: 1) Đinh Bà, 2) Phủ Loan, 3) Thác Ngựa, 4) Thác Gòng, 5) Thác Tham Dự.

*Sông Xuân An sáu thác*: 1) Thác Rễ Cây, 2) Thác Thị Châu, 3) Thác Sơn, 4) Thác Đồi Măng, 5) Thác Cương Thổ, 6) Thác Lương.

## CỔ TÍCH

*Tháp Cổ Thiên Y*: ở xã Cù Lao thuộc huyện Vĩnh Xương, trên đỉnh núi có hai cây tháp, tháp phía tả cao 6 trượng, thờ tượng đá Thiên Y A Na Diễn Phi; tháp bên hữu cao 2 trượng thờ Bắc Hải Thái tử. Tương truyền Thiên Y tiên nữ, trước giáng sinh ở núi Đại Điền. Bấy giờ có hai vợ chồng già mà không có con, nhà ở cạnh núi, trồng dưa để sinh sống. Khi dưa chín, thường có người hái trộm, lấy làm lạ, một đêm rình xem, thì thấy một người con gái, tuổi chừng 13, 14, từ dưới bóng cây thong thả đi đến vườn dưa, cầm dưa đùa bỡn, ông già đến gần hỏi, thì chính là người thường hái dưa. Vì thương cô gái nhỏ tuổi, nên dẫn về nhà nuôi làm con. Cô gái phong tư thái độ dịu dàng, thật là người trời, vợ chồng ông già rất yêu quí. Một hôm mưa lũ đến, cô gái lấy đá làm núi non bộ chơi, ông già giận mắng, trong lúc đương buồn thì chợt thấy một cây già nam trôi đến, bèn thác mình vào cây ấy. Cây gỗ theo nước lũ trôi đến

www.thuvien247.net

Bắc Hải, người phương Bắc thấy gỗ thơm rất lạ, rủ nhau lấy về, nhưng gỗ nặng không sao nhấc được. Bấy giờ Thái tử tuổi trẻ kén vợ, nhưng trong nước không có ai vừa ý. Nghe tin về cây gỗ già nam, liền đến bãi biển, thân xuống nước kéo gỗ, vừa mó tay đến là nhấc được ngay đem về để ở điện các, Thái tử thường đến sờ mó mân mê. Chợt thấy dưới bóng trăng thoang thoảng mùi thơm, trông lờ mờ như có người đi đến; nhiều lần như thế, lấy làm rất lạ. Một hôm đêm khuya, Thái tử đi một mình rình xem, một hồi lâu lại thấy như lần trước, liền đi sát đến tận nơi, thì là một cô gái đẹp, vội vàng toan trốn, nhưng bị Thái tử giữ lại để hỏi, nên không trốn được. Bèn bày tỏ duyên do, Thái tử vừa sợ vừa mừng đem việc tâu lên vua. Vua lấy làm lạ, sai người bói thì thấy được quẻ tốt, bèn cho hai người thành hôn. Ở với nhau ít lâu, sinh một con trai đặt tên là Tri và một con gái đặt tên là Quí. Một hôm nhớ chỗ núi cũ, bèn đem hai con thác vào cây gỗ thơm, vượt biển sang phương Nam, đến thẳng bờ biển Cù Huân, tìm đến chỗ cũ thì ông bà đều mất đã lâu. Bèn khai khẩn thêm vườn tược và lập đền thờ; lại thấy dân miền núi còn chất phác không biết kế sinh nhai và phòng hoạn nạn, bèn đặt phương pháp, dựng phép tắc dạy cho nghề nghiệp. Lại lên núi Cù Lao tạc đá làm tượng rồi giữa ban ngày bay lên đi mất. Thái tử

www.thuvien247.net

ở Bắc Hải thấy vợ đi mất, cỡi thuyền đi tìm hỏi. Người trong thuyền đã tàn ngược với dân sở tại lại không tôn kính thần tượng, chợt sóng gió nổi lên thuyền bị đắm hoá thành một đống đá. Từ đó tỏ dấu anh linh, dân địa phương thờ làm thần bèn dựng ngôi đền nhỏ thờ con trai và con gái của Tiên Chúa, lại dựng một ngôi đền nhỏ thờ hai ông bà già, phía trước tháp lại dựng một bia đá nét chữ ngoằn ngoèo không hiểu. Đến nay hoa quả trong vườn người ta chỉ có thể hái ăn mà không có thể hái đem đi được. Gặp tuần tiết thì các loài thú rừng cá biển đều đến chầu. Người Chiêm Thành gọi là Thiên Y A Na Diễn Bà Chúa Ngọc Thánh bà. Đầu bản triều tặng là Hồng Nhân Phổ Tế linh ứng Thượng đẳng thần, lấy ba người dân Cù Lao làm phu thờ.

*Luỹ cũ Chiêm Thành*: ở xã Phú Thịnh huyện Vĩnh Xương có một đoạn luỹ Chiêm Thành tục gọi đồn Chiêm. Năm Minh Mệnh thứ 17 san bằng đi, nay vẫn còn vết cũ.

*Hành cung cũ Quán Chùa*: ở địa phận huyện Quảng Phúc dựng từ năm Nhâm Thân đầu đời trung hưng, để phòng xa giá đỗ lại, nay bỏ.

*Dinh cũ Bình Hoà*: ở xã Phúc Đa huyện Quảng Phúc trước khi có 3 toà công đường, nay bỏ, nền cũ vẫn còn.

www.thuvien247.net

## CỬA QUAN VÀ TẤN SỞ

*Bảo Bình Nguyên*: ở xã Dục Mĩ huyện Tân Định, không rõ dựng từ đời nào. Đặt một thủ ngự và một hiệp thủ cầm binh trú phòng để khống chế 7 sách thuế man ở Đồng Hương và Đồng Nãi; bên cạnh bảo có trường giao dịch, các người Man dùng voi ngựa chở hoá vật đến trao đổi với người Kinh mỗi năm một hai lần. Trước gọi là bảo Kì Vĩ (Đuôi Cờ) năm Minh Mệnh thứ nhất đổi tên hiện nay, năm thứ 7 dùng làm chỗ đày tội nhân.

*Bảo Bình An*: ở cách huyện 20 dặm về phía tây; phía nam là ngã ba sông Cầu, trước gọi là bảo Bình Hoà. Năm Minh Mệnh thứ nhất đổi tên hiện nay.

*Bảo Lâm Mộc*: ở cách huyện Vĩnh Xương 28 dặm về phía tây, giáp với hai sách Man Tham Lợi và Tham Tuân; lại về phía nam có bảo Diêm Nại (Nại Muối).

*Pháo đài Ninh Hải*: ở vũng Nha Trang, thuộc huyện Phúc Điền, dựng từ năm Minh Mệnh thứ 17.

*Hai nguồn Đồng Hương và Đồng Nãi*: ở cách huyện Tân Định 28 dặm về phía tây, gồm có 9 sách thuộc Man, hằng năm, cứ đến tháng Chạp thì chở sáp vàng đến nộp ở trường sở. Năm Minh Mệnh

www.thuvien247.net

thứ nhất mộ dân lập hai đội Giao Lâm và Binh Lam, để phòng ngự sơn man, năm thứ 8 đo viên thủ ngự Bình Nguyên quản nhiếp.

*Nguồn Nha Trang*: ở cách huyện Phước Điền 27 dặm về phía tây, gồm 54 sách thuộc Man, hằng năm mỗi mùa nộp thuế trầu không vào tháng cuối. Lại có người Đê thấp cũng nộp thuế như người Kinh.

*Tấn Nha Nhu*: ở cách huyện Phước Điền 41 dặm về phía đông, cửa lạch rộng 1.800 trượng, sâu 50 trượng phía tả là mỏm Điệp Thạch, phía hữu là mỏm Tiên Hạc, thủ sở đóng ở thôn Hà An, đặt một viên thủ ngự và một viên hiệp thủ để tuần phòng ngoài biển và hộ vệ tàu thuyền ra vào cửa lạch.

*Tấn cửa lớn Cù Huân*: ở cách huyện Vĩnh Xương 19 dặm về phía đông; cửa lạch rộng 1.009 trượng, thuỷ triều lên sâu 8 thước 5 tấc, thuỷ triều xuống sâu 7 thước, phía bắc lạch có một toà núi đá, phía nam có bãi trường sa, phía đông có các đảo, gọi là hòn Đỏ và hòn Ô; đặt một viên thủ ngự và một viên hiệp thủ.

*Tấn cửa bé Cù Huân*: ở cách huyện Vĩnh Xương 29 dặm về phía đông bắc, cửa lạch rộng 190 trượng, thuỷ triều lên sâu 6 thước, thuỷ triều xuống sâu 4 thước; ngoài cửa có hòn Lam Nguyên, hòn Tâm, hòn Ba La, hòn Lớn, hòn Môn, các đảo bao quanh, tàu

www.thuvien247.net

thuyền tụ tập, gió bắc thì tàu đỗ ở phía nam núi, gió tây nam thì đỗ ở phía bắc núi, đều được yên ổn. Hòn Lam Nguyên có dân cư, phố xá liên tiếp nhau, gần đó là thôn Trường Tây, tục gọi phố Đột, lưng dựa vào núi, mặt trông ra biển, mùa thu, mùa đông gió to tung cát không thể ở được, phải dời đến hòn Lam Nguyên đến mùa xuân, mùa hạ lại trở về.

*Tấn Cam Linh*: ở cách huyện 88 dặm về phía đông nam, cửa lạch rộng 400 thước, sâu 50 thước, phía tả có hòn Lang, phía hữu có mỏm Dừa, có thủ sở đặt một viên thủ ngự và một viên hiệp thủ; phía ngoài có hòn Tranh, chu vi 19 dặm, có dân cư.

*Tấn Vân Phong lớn*: ở cách huyện Quảng Phúc 2 dặm về phía đông bắc, cửa lạch rộng 1.100 trượng, sâu 12 trượng, đặt một viên thủ ngự và một viên hiệp thủ.

*Tấn Vân Phong nhỏ*: ở cách huyện 25 dặm về phía đông bắc, cửa lạch rộng 514 trượng, sâu 3 trượng, phía ngoài tấn lệch về phía đông có 4 viên đá hình như trâu nằm lềnh bềnh ở mặt nước.

## NHÀ TRẠM

*Trạm Phú Hoà*: ở trên đèo Đại Lãnh thuộc địa phận hai huyện Tuy Viễn, Quảng Phúc, nguyên là chỗ giáp giới giữa hai tỉnh Phú Yên và Khánh Hoà, nên gọi là trạm Phú Hoà, phía bắc đến trạm Phú

www.thuvien247.net

Thịnh đạo Phú Yên 23 dặm linh, phía nam đến trạm Hoà Mã 19 dặm linh. Đầu đời Gia Long đặt 60 lính trạm: 30 người của Phú Yên, 30 người của Khánh Hoà, chia thành 3 ban, mỗi ban 20 người; năm thứ 9 thêm số binh trạm lên đủ 100 người.

*Trạm Hoà Mã*: ở thôn Phúc Hải huyện Quảng Phúc, phía nam đến trạm Hoà Lãng 27 dặm linh. Đời Gia Long đặt 51 lính trạm, chia thành 3 ban, mỗi ban 17 người. (Các trạm dưới đây, số phu trạm cũng thế).

*Trạm Hoà Lãng*: ở thôn Triều Sơn huyện Quảng Phúc, phía nam đến trạm Hà Hoàng 29 dặm linh.

*Trạm Hà Hoàng*: ở thôn Xuân Sơn, huyện Quảng Phúc, phía nam đến trạm Hoà Mĩ 17 dặm linh.

*Trạm Hoà Mĩ*: ở xã Mĩ Thịnh huyện Tân Định, phía nam đến trạm Hoà Cát 24 dặm linh.

*Trạm Hoà Cát*: ở phía tây bắc thôn Lương Điền huyện Tân Định, phía nam đến trạm Hoà Thịnh 31 dặm linh.

*Trạm Hoà Thịnh*: ở xã Phúc Thịnh huyện Phúc Điền, phía nam đến trạm Hoà Tân 28 dặm linh.

*Trạm Hoà Tân*: ở xã Tân An huyện Vĩnh Xương, phía nam đến trạm Hoà Du 28 dặm linh.

www.thuvien247.net

*Trạm Hoà Du*: ở thôn Diêm Nại huyện Vĩnh Xương, phía nam đến trạm Hoà Quân 24 dặm linh.

*Trạm Hoà Quân*: ở xã Yên Đỗ thuộc huyện Vĩnh Xương, phía nam đến trạm Thuận Lai tỉnh Bình Thuận 43 dặm. Trước kia từ trạm Hoà Quân đến trạm Hoà Thuận giáp địa giới tỉnh Bình Thuận 24 dặm, tức trạm Hoà Thuận đến trạm Thuận Lai 19 dặm, đời Minh Mệnh dân trạm Hoà Thuận phiêu tán, mới đem trạm Hoà Thuận sát nhập hai trạm Hoà Quân và Thuận Lai, nên số đường trạm có phần dài.

## CHỢ VÀ QUÁN

*Chợ Yên Lương*: ở huyện Quảng Phúc, họp vào buổi sáng, hàng quán sầm uất.

*Chợ Yên Thành*: ở huyện Tân Định, tục gọi chợ Quán Mai.

*Chợ Yên Phú*: ở huyện Tân Định, tục gọi chợ Nại Tân.

*Chợ Vĩnh Yên*: ở huyện Tân Định, tục gọi chợ Tân.

*Chợ Mỹ Thịnh*: ở huyện Tân Định, tục gọi chợ Dinh, vì hồi đầu bản triều ba dinh Trấn Thủ, Cai Bạ và Kí Lục đóng ở đây, nên gọi tên thế.

*Chợ Đại Yên*: ở huyện Phúc Điền họp về buổi sáng, tục gọi quán Trúc.

www.thuvien247.net

*Chợ Phú Thịnh*: ở huyện Vĩnh Xương, tục gọi chợ Dinh, họp vào buổi sáng và buổi chiều, phố xá buôn bán có nhiều người Trung Quốc.

*Quán Phúc Yên*: ở huyện Quảng Phúc, bên cạnh quán có cái giếng gọi là giếng Bổng, nước rất trong quanh năm không cạn.

*Quán Chữ Châu*: ở huyện Quảng Phúc về phía nam đèo Đại Lãnh.

*Quán Lộc Dã*: ở xã Xuân Sơn huyện Quảng Phúc.

*Quán Phúc Hải*: ở huyện Quảng Phúc, trước kia có người trong thôn tên là Lão Lai dựng một cái quán ở đây, tục gọi quán Lão Lai.

*Quán Vạn Dã*: ở huyện Quảng Phúc, dân cư trù mật, làm nghề đánh cá, từ khi binh lửa, dân bị điêu tàn.

*Quán Hà Thanh*: ở huyện Quảng Phúc, tục gọi quán Lang.

*Quán Hoa Diệm*: ở huyện Tân Định.

*Quán Cót*: ở huyện Tân Định.

*Quán Yên Lộc*: ở huyện Phúc Điền, phía tây bắc gần núi rừng, phía đông nam có đồng ruộng.

www.thuvien247.net

## CẦU CỐNG

*Cầu Phúc Thành*: ở xã Yên Thành huyện Phúc Điền dài 2 trượng 5 thước, tục gọi cầu Thuần Thái.

*Cầu Minh Yên*: ở huyện Phúc Điền, dài 6 trượng 5 thước, tục gọi cầu Thị Hương vì trước kia có người trong thôn là Thị Hương bắc cầu này, nên gọi tên thế.

*Cầu Trường Lộc*: ở huyện Phúc Điền, dài 9 trượng, tục gọi cầu Hà Đầm Dư, gần cầu lại có cầu nữa dài 5 trượng.

*Cầu Hoa Phong*: ở huyện Phúc Điền, cầu này sau bị đổ, đặt thành bến đò.

*Cầu Phú Mĩ*: ở huyện Phúc Điền, đầm ở dưới cầu mọc nhiều cỏ bấc đèn.

*Cầu Yên Thịnh*: ở huyện Phúc Điền, dài 3 trượng 7 thước, đầu cầu có một cây dừa, người đi đường thường ngồi nghỉ dưới gốc cây.

*Cầu Nghê*: ở huyện Phúc Điền, dài 4 trượng 5 thước, hai đầu cầu khum khum như hình cầu vồng, nên gọi tên thế.

*Cầu Phú Lộc*: ở huyện Vĩnh Xương dài 18 trượng, phía nam cầu lại có cầu nữa dài 7 trượng 5 thước.

www.thuvien247.net

*Cầu Đại An*: ở huyện Vĩnh Xương, trên bờ đầm có đình, tục gọi đình Phao, cầu dài 4 trượng.

*Cầu Ba Ngòi*: ở huyện Vĩnh Xương, cầu thứ nhất dài 44 trượng 5 thước, cầu thứ hai dài 25 trượng, cầu thứ ba dài 33 trượng 5 thước.

*Cầu Phú Nghĩa*: ở huyện Quảng Phúc tục gọi cầu Tân, dài 7 thước.

*Cầu Vũ Cương*: ở huyện Quảng Phúc dài 7 trượng, tục gọi cầu Phao Dựa, vì chỗ này sản nhiều gỗ dựa, nên gọi tên thế.

*Cầu Vĩnh Yên*: ở huyện Quảng Phúc dài 9 trượng 5 thước, tục gọi cầu Kho.

*Cầu Triều Hải*: ở huyện Quảng Phúc dài 8 trượng; gần cầu có một cầu nữa gọi là cầu Tô Hà, chỗ này đến mùa đông thường có gió to tốc cả mái nhà.

*Cầu Trung An*: ở huyện Quảng Phúc dài 2 trượng ngày trước có người tên là Lam ở trong thôn đắp bờ làm ao xây đá chắn nước, để trống cho cá có lối ra vào, nhân đấy bắc cầu để tiện đi lại.

*Cầu Trường Lương*: ở huyện Quảng Phúc, dài 15 trượng.

*Cầu Thiều Giang*: ở huyện Quảng Phúc dài 12 trượng 5 thước.

www.thuvien247.net

*Cầu Xuân Mĩ*: ở huyện Quảng Phúc, dài 3 trượng 5 tấc, ngày trước dụ voi núi về đây tắm rửa, nên tục gọi cầu tắm voi.

*Cầu Tiên Đạo*: ở huyện Quảng Phúc dài 5 trượng 5 thước, ngày trước thuyền quân Tiền đạo đóng ở đây, bắc cầu này, nên gọi tên thế.

*Cầu Chính Đô*: phía bắc cầu thuộc địa phận thôn Vĩnh Yên, huyện Quảng Phúc, phía nam cầu thuộc địa phận thôn Bồng Thịnh huyện Tân Định, xưa có lệnh cấm dân đẵn các thứ cây dài, có người tên là Thị Yến tâu xin đẵn gỗ dài để bắc cầu, được chuẩn y, nhân đấy gọi là cầu Chính Đô dài 21 trượng.

*Cầu Giáng Hương*: ở huyện Tân Định vì trước kia ở đây có sản cây giáng hương nên gọi tên thế, dài 5 trượng.

*Cầu Thuận An*: ở huyện Tân Định dài 7 trượng, tục gọi cầu Thạch Yển.

*Cầu Mĩ Hoa*: ở huyện Tân Định, chỗ này thuỷ thổ vừa lầy lội và có chất mặn, tục gọi cầu Mấm, dài 1 trượng 5 thước.

*Cầu Bến Buôn*: ở huyện Tân Định, phía nam thuộc địa phận thôn Mĩ Yên Tây, dài 11 trượng 5 thước, có bến ở đầu chợ, thuyền buôn tụ họp, nên gọi tên thế.

www.thuvien247.net

*Cầu Đá Đường Quan*: bốn huyện trong tỉnh có 9 cầu.

## ĐỀN MIẾU

*Đàn Xã Tắc*: ở xã Trường Thịnh ngoài cửa tây tỉnh thành, thờ thần Xã Tắc bản tỉnh. Đàn có hai tầng: tầng thứ nhất, chu vi 16 trượng linh, cao 2 thước 5 tấc, tầng thứ hai, chu vi 41 trượng linh, cao 1 thước 3 tấc; dựng từ năm Minh Mệnh thứ 13.

*Đàn Tiên Nông*: ở xã Phú Ân, thờ thần Tiên Nông chu vi 3 trượng 5 thước, tầng trên cao 1 thước 4 tấc, tầng dưới cao 2 thước 4 tấc, dựng từ năm Minh Mệnh thứ 13; phía nam đàn có 3 mẫu tịch điền.

*Đàn Sơn Xuyên*: ở ngoài phía tây tỉnh thành, thờ thần Sơn Xuyên bản cảnh, dựng từ năm Tự Đức thứ 5.

*Văn Miếu*: ở phía tây bắc ngoài tỉnh thành, thuộc địa phận xã Phú Lộc, huyện Phúc Điền, thờ Tiên thánh sư Khổng Tử, có miếu chính và đền Khải Thánh lợp cỏ tranh; năm Tự Đức thứ 2 tu bổ lợp ngói và dựng thêm Tả vu và Hữu vu.

*Miếu Hội Đồng*: ở xã Phú Lộc huyện Phước Điền thờ các vị thần trong bản cảnh, dựng từ năm Gia Long thứ 15, lợp bằng tranh; năm Tự Đức thứ 2 tu bổ lợp ngói.

www.thuvien247.net

*Miếu Thành Hoàng*: ở xã Phú Lộc huyện Phước Điền, dựng từ năm Thiệu Trị thứ nhất, lợp ngói.

*Đền Thiên Y*: ở xã Cù Lao huyện Vĩnh Xương. Xem phần "Cổ tích" ở trên.

*Đền Tinh Trung*: ở núi Hà Ra thôn Vạn Thịnh huyện Vĩnh Xương, thờ những công thần đời trung hưng chết trận hoặc chết bệnh, gồm 350 người, dựng từ năm Ất Mão, đầu đời trung hưng, năm Thiệu Trị thứ nhất tu bổ, năm Tự Đức thứ 5 tu bổ lần thứ hai là lợp ngói.

*Đền Mã Cảnh*: ở trên núi Mã Cảnh huyện Tân Định, thờ 2 vị thần chúa Vàng và chúa Sắt.

*Đền Yên Lương*: ở phía tây chợ thuộc địa phận thôn Yên Lương, huyện Quảng Phúc, thờ 4 vị thần là Chúa Ngọc, Thái Giám. Thuỷ Long và Thành Hoàng.

*Đền Quá Quan*: ở xã Yên Lộc huyện Phước Điền thờ Chúa Ngọc, phía sau liền với núi, phía trước là đường quan. Trước kia sứ thần ở Thuận Thành và Chân Lạp sang triều cống, khi đi qua đây, phải vào bái yết rồi mới đi nên gọi tên thế.

## CHÙA QUÁN

*Chùa Kim Sơn*: ở thôn Ngọc Toả huyện Vĩnh Xương, xưa gọi là chùa Kim Sơn, không rõ dựng từ đời nào. Năm Canh Thân (1740) Thế Tông Hoàng

www.thuvien247.net

Đế thứ 3, sắc cho đổi tên là chùa Qui Tôn, lại ban cho biểu ngạch, phía tả biển khắc những chữ "Canh Thân niên, nguyệt tạo" và khắc hình ấn vuông chữ triện, trong có bốn chữ "Nguyệt quảng duy cần"[1], phía hữu biển khắc tám chữ "Quốc chúa Từ tế đạo nhân ngự đề", chỗ lạc khoản chạm con rồng nhỏ và khắc hình quả ấn tròn chữ triện, trong có 4 chữ "Hiệp nhất chủ nhân", lại có hình ấn vuông chữ triện khắc 7 chữ "Đại khối giả ngã dĩ văn chương"[2]. Năm Thiệu Trị thứ nhất, trở lại tên cũ, và chế biển cấp cho.

*Chùa Linh Sơn*: ở xã Xuân Sơn huyện Vĩnh Xương, trước gọi là chùa Liên Hoa, không rõ dựng từ đời nào. Bản triều đời Thế Tông Hoàng Đế có câu đối ngự chế vẫn còn.

*Chùa Kỳ Lân*: ở xã Đồng Thịnh huyện Tân Định, trước kia người vợ cả viên Cai bạ Cẩm Long Hầu bỏ của ra xây dựng, phía trước chùa có hai con kỳ lân bằng đá vôi, nên gọi tên thế.

## NHÂN VẬT

*Nguyễn Thoan*: người huyện Phước Điền, có công theo đi Vọng Các, làm đến Tổng binh Cai cơ,

---

(1) *Nghiệp quảng duy cần*: chữ *Kinh Thư*, nghĩa là muốn mở rộng cơ nghiệp thì phải siêng năng.

(2) *Đại khối giả ngã dĩ văng chương*: câu trong bài "Xuân dạ yến đào viên" (xem *Cổ văn*) nghĩa là trời giúp cho ta về văn chương.

www.thuvien247.net

quản dinh Hậu Thuỷ, sau thăng Lưu thủ dinh Bình Khánh, năm Kỉ Mùi, chết bệnh, được tặng Chưởng cơ, liệt thờ ở miếu Hiển Trung và miếu Trung hưng Công thần.

*Trần Văn Năng*: người huyện Tân Định, đầu đời trung hưng đánh giặc có công, làm đến Đô thống chế Hậu dinh quân Thần sách, lãnh Phó Tướng quân Chấn Vũ. Đời Minh Mệnh, thăng Tiền quân Đô thống Phủ chưởng Phủ sự, tước Lương Tài Hậu. Lúc Lê Văn Khôi làm phản, Văn Năng giữ ấn Bình Khấu Tướng quân, đem quân đi tiễu. Chợt có quân Xiêm sang xâm lấn, Văn Năng đem quân chống cự, đánh lui được quân Xiêm, thu phục Hà Tiên, tiến quân chiếm lấy Nam Vang, lại đánh tan được quân Xiêm. Về đến Bình Thuận thì mắc bệnh chết, được tặng Thái phó, gia phong Tân Thành Quận công, thuỵ là Trung Dũng.

*Nguyễn Xuân Thục*: người huyện Quảng Phúc, đầu đời trung hưng làm Tham luận hai vệ Trung kích và Tiền kích trong Hậu quân. Năm Gia Long thứ nhất làm Tham hiệp Nghệ An, sau chuyển sang chức Cai bạ Vĩnh Thanh, vì phạm tội phải giáng Thiêm sự, ít lâu sau được thăng Tham tri Binh bộ, rồi bổ ra Hiệp trấn Thanh Hoa. Năm Minh Mệnh thứ nhất, triệu về Kinh, sung Phó Sứ sơn lăng, chuyển sang chức Hữu Tham tri Hộ bộ, bổ ra giữ

www.thuvien247.net

công việc Hộ tào và Công tào ở Gia Định, sau triệu về Kinh, thăng chức Thượng thư Binh bộ, rồi sang Thượng thư Lễ bộ. Khi chết, nhà vua rất thương tiếc. Năm Tự Đức thứ 12 liệt thờ ở đền Hiền Lương.

*Giáp Văn Tài*: người huyện Tân Định, có công theo đi Vọng Các, từng làm Cai cơ, vì bệnh về hưu.

*Nguyễn Văn Đạt*: người huyện Tân Định, có công theo đi Vọng Các, từng làm Cai cơ.

*Nguyễn Văn Hoà*: người huyện Phước Điền, có công theo đi Vọng Các, làm đến Cai đội vệ Thống võ.

*Lê Văn Kiên*: người huyện Tân Định, có công theo đi Vọng Các, làm đến Cai đội.

## LIỆT NỮ

*Phan Thị Đốc*: người huyện Tân Định, lấy chồng là Lê Văn Thức người đồng hương, sinh một trai một gái. Khi chồng chết, quyết chí ở goá để phụng dưỡng cha mẹ chồng, sau có người cường hào bắt ép phải lấy, cha mẹ cũng khuyên cải giá, thị bèn cắt tóc để thề, bèn giữ được trọn tiết. Năm Minh Mệnh thứ 11 được biểu dương.

*Hoàng Thị Nghĩa*: người huyện Quảng Phúc, nhà nghèo, lúc thị 47 tuổi, một hôm cùng chồng

www.thuvien247.net

vào rừng hái củi, chồng bị cọp vồ, thị liền lấy dao chém chết cọp. Người ta khen là có nghĩa; năm Thiệu Trị thứ 4 được biểu dương.

## THỔ SẢN

*Trừu nam*: sản ở huyện Phước Điền, năm Minh Mệnh thứ 3 đặt hộ chuyên nghiệp, mỗi năm mỗi người nộp thuế 1 tấm.

*Nhiễu*: sản ở hai huyện Phước Điền và Tân Định.

*Lĩnh Thâm*: sản ở huyện Phước Điền.

*Lụa, vải*: huyện nào cũng có, duy dân Đê có thuế vải.

*Đồ gốm*: sản ở huyện Vĩnh Xương.

*Chiếu, vỏ gai*: đều sản ở huyện Phước Điền.

*Sáp ong, mật ong, dầu rái, dầu trám*: đều sản ở sơn man.

*Kì nam*: sản ở sơn man. Dân xã An Thành huyện Tân Định, hằng năm đi kiếm để nạp, năm nào không có kì nam phải nộp thay bằng trầm hương. *Xét* sách *Phủ biên tạp lục* của Lê Quí Đôn: kì nam sản xuất tự đầu núi các xã thuộc hai phủ Bình Khang và Diên Khánh là hạng tốt nhất, sản xuất tự Phú Yên và Qui Nhơn là thứ nhì. Hương ấy là do lõi cây gió kết thành. Gió có 3 loại: gió lưỡi trâu thì thành

www.thuvien247.net

khổ trầm, gió niệt thì thành trầm hương, gió bầu thì thành kì nam. Người ta thấy cây già lá vàng mà nhỏ, thân cây nổi nhiều u bướu, thì biết ngay là có hương, chặt bổ để lấy. Hồi đầu bản triều đặt đội An Sơn, hằng năm vào tháng 2 thì đi tìm kiếm, tháng 6 trở về, được nhiều ít không nhất định...

*Tô hạp hương*: sản ở sách Kha Tuân của sơn man.

*Trầm hương, ý dĩ, mã tiền tử, sa nhân, hồng hoa*: sơn man các huyện đều có.

*Gỗ sơn, gỗ giáng hương*: đều sản ở sơn man.

*Gỗ nam*: sản ở các huyện Quảng Phúc, Tân Định, tục gọi gỗ sao, gỗ có vân tròn, đen trắng lốm đốm như hình ngôi sao.

*Gỗ mun*: sản ở sơn phận huyện Phước Điền, sắc đen có thể giải độc, người ta thường dùng làm đũa và đồ vật.

*Mây hoa*: sản ở huyện Quảng Phúc, có sắc đen trắng xen nhau, thứ lớn thì đốt ngắn mà dày, thứ nhỏ thì đốt dài có thể dùng làm gậy và ghế ngồi.

*Lá buôn*: sản ở huyện Tân Định, cũng gọi là bối diệp, có thể dệt đệm buồm, sống lá bền rắn có thể dùng làm cánh cung.

*Chiếu, ống xuy đồng* đều sản ở huyện Tân Định.

www.thuvien247.net

*Con công, lông trĩ, nhung hươu, sừng tê, ngà voi, cọp, gấu, nai*: sơn phận các huyện đều có.

*Muối*: sản ở hai huyện Quảng Phúc và Tân Định.

*Yến sào*: sản ở các đảo ở hải phận Cù Huân, có thuế.

*Đá san hô*: sản ở thôn Lễ Cam, huyện Quảng Phúc.

*San hô đen*: tức đá hoa, người khéo tay hay dùng làm cán đao cán kiếm.

*Đồi mồi*: đọc biển đều có, duy đầm Đồi Mồi nhiều nhất. Năm Minh Mệnh thứ 18 khắc hình tượng vào Nhân đỉnh.

*Trai xà cừ*: sản ở bãi biển huyện Quảng Phúc.

*Cá, vích, ốc*: sông đầm các huyện đều có.

www.thuvien247.net

# ĐẠI NAM NHẤT THỐNG CHÍ

*QUYỂN XII*

## TỈNH BÌNH THUẬN

Đông tây cách nhau 425 dặm, nam bắc cách nhau 55 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Vĩnh Xương tỉnh Khánh Hoà 139 dặm, phía tây đến địa giới huyện Phúc Bình tỉnh Biên Hoà 286 dặm, phía nam đến biển 15 dặm linh, phía bắc đến động núi 39 dặm linh, phía đông nam đến ven biển tỉnh Khánh Hoà 261 dặm, phía đông bắc đến động Man 206 dặm, phía tây bắc đến động Man 273 dặm. Từ tỉnh thành đi về phía bắc đến Kinh thành 1.311 dặm.

### PHẦN DÃ

Theo thiên văn, thuộc khu vực sao Dực, sao Chẩn, về tinh thứ sao Thuần vĩ.

### DỰNG ĐẶT VÀ DIÊN CÁCH

Xưa là nước ngoài cõi của Nhật Nam, sau là đất Chiêm Thành. Nước ta Lê Thánh Tông sau khi

www.thuvien247.net

đã bình Chiêm Thành lấy đất ở biên cảnh phía nam nước ấy phong cho họ để làm nước triều cống.

Bản triều năm Nhâm Thân, Hiển Tông Hiếu Minh Hoàng Đế (Nguyễn Phúc Chu) thứ 2 (1692), vua Chiêm Thành là Bà Tranh phản, sai Chưởng cơ Nguyễn Hữu Kính đánh phá được, bắt Bà Tranh đem về, đổi nước ấy làm trấn Thuận Thành. Năm Đinh Sửu, Hiển Tông thứ 6 (1697), đặt phủ Bình Thuận, lấy đất ở phía tây Phan Rang làm hai huyện Yên Phúc và Hoà Đa lệ vào, lại đặt dinh Bình Thuận, cho trấn Thuận Thành lệ vào; đặt 4 đạo Phan Rang, Phan Thiết, Ma Li, Phố Hài, đặt mỗi đạo một chức quan văn và một chức quan võ, đều thuộc vào dinh, không đặt quan phủ huyện. Năm Quý Tị, Duệ Tông Hiếu Định Hoàng Đế (Nguyễn Phúc Thuần) thứ 9 (1773) đất ấy bị Tây Sơn chiếm. Năm Quí Sửu (1793), Thế Tổ Cao Hoàng Đế mới khôi phục được, vẫn đặt dinh Bình Thuận như cũ, đặt các chức lưu thủ, cai bạ và kí lục, trấn Thuận Thành cũng lệ vào như trước. Năm Gia Long thứ 7 đổi dinh làm trấn; năm thứ 19 đổi lưu thủ làm trấn thủ. Năm Minh Mệnh thứ 4 đổi phủ Bình Thuận kiêm lí huyện Yên Phước, bỏ đạo Phan Rang; năm thứ 6 đặt phủ lị ở đạo Phan Thiết, kiêm lí huyện Hoà Đa, bỏ ba đạo Phan Thiết, Ma Li và Phố Hài, huyện Yên Phước đặt tri huyện; năm thứ 8 đổi cai bạ, kí lục làm hiệp

www.thuvien247.net

trấn và tham hiệp; năm thứ 13 dân Thuận Thành tình nguyện bỏ thổ quan mà đặt lưu quan, bèn bỏ tên trấn Thuận Thành, sai quan đến tuỳ đất mà chia đặt làm hai phủ Ninh Thuận và Hàm Thuận, lại đặt thêm hai huyện Tuy Phong và Tuy Định. Năm ấy đổi trấn làm tỉnh, đặt tuần phủ Thuận Khánh coi cả hai tỉnh Bình Thuận và Khánh Hoà, lại đặt hai ti bố chánh và án sát, tuần phủ lãnh việc bố chánh. Năm Tự Đức thứ 7 đổi huyện Tuy Định làm huyện Tuy Lý. Lãnh 2 phủ 4 huyện.

*Phủ Hàm Thuận*: ở cách tỉnh thành 130 dặm về phía tây nam. Đông tây cách nhau 278 dặm, nam bắc cách nhau 45 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Tuy Phong phủ Ninh Thuận 120 dặm. Phía tây đến địa giới huyện Phúc Bình tỉnh Biên Hoà 158 dặm, phía nam đến biển 5 dặm, phía bắc đến động Man 40 dặm. Xưa là đất Chiêm Thành, đầu bản triều đặt phủ Bình Thuận, cũng đặt huyện Hoà Đa với ba đạo Phố Hài, Phan Thiết và Ma Li (nay là đất hai huyện Hoà Đa và Tuy Lý) cùng huyện Yên Phước với đạo Phan Rang (nay là đất hai huyện Yên Phước và Tuy Phong) lệ vào. Năm Minh Mệnh thứ 4 bắt đầu đặt tri phủ, tri huyện, bỏ các đạo; năm thứ 13 chia huyện Yên Phước, đặt phủ Ninh Thuận, đặt thêm huyện Tuy Phong lệ vào. Nay lãnh 2 huyện.

www.thuvien247.net

*Huyện Hoà Đa*[1]: ở phía đông bắc phủ; phía đông đến biển, giáp địa giới huyện Tuy Phong, phía tây đến địa giới huyện Tuy Lý, phía nam đến biển, phía bắc đến động Man. Nguyên là đất Chiêm Thành; bản triều mới đặt tên huyện; năm Minh Mệnh thứ 4 mới đặt tri huyện; năm thứ 6 thuộc phủ kiêm lí; năm thứ 13 trích đặt phủ Ninh Thuận, lấy từ sông Ròn về phía tây đến Phố Hài thuộc về bản huyện; năm 19 lại đặt tri huyện, thuộc phủ thống hạt, lãnh 12 tổng người Kinh và người Man, 280 xã lí sách - *Xét*: trong 12 tổng thuộc huyện có 8 tổng người Man đóng thuế vốn là đất trấn Thuận Thành: tổng Ninh Gia 12 sách, tổng Bố Tuân 14 sách, tổng Tú Trà 17 sách, tổng Dinh Văn 17 sách, tổng Trà Nang 17 sách, tổng Di Trang 19 sách, tổng Tinh Túc 19 sách, tổng Đăng Gia 7 sách.

*Huyện Tuy Lý*[2]: phía đông đến địa giới huyện Hoà Đa, phía tây đến địa giới huyện Phúc Bình tỉnh Biên Hoà, phía nam đến biển, phía bắc đến động Man. Nguyên là đất ba đạo Phố Hài, Phan Thiết, Ma Li huyện Hoà Đa, năm Minh Mệnh thứ 13 trích từ sông Phố Hài về phía tây đến địa giới tỉnh Biên Hoà mà đặt huyện Tuy Định và đặt tri huyện; năm

---

[1] Năm Đồng Khánh thứ 1 (1886) trích đặt thêm huyện thổ Hòa Đa.
[2] Năm Thành Thái thứ 13, trích đặt huyện Tính Linh.

www.thuvien247.net

thứ 19 bỏ tri huyện, thuộc phủ kiêm lí; năm Tự Đức thứ 7 đổi tên hiện nay. Lãnh 6 tổng vừa người Kinh vừa người Man, 86 xã thôn phường lí hộ ấp.

*Phủ Ninh Thuận*[1]: cách tỉnh thành 12 dặm về phía đông bắc. Đông tây cách nhau 136 dặm, nam bắc cách nhau 95 dặm, đông đến biển giáp địa giới huyện Vĩnh Xương tỉnh Khánh Hoà 6 dặm, tây đến địa giới huyện Hoà Đa phủ Hàm Thuận 129 dặm, nam đến biển 27 dặm, bắc đến địa giới huyện Vĩnh Xương tỉnh Khánh Hoà 68 dặm. Nguyên là đất phủ Hàm Thuận, năm Minh Mệnh thứ 13 trích đặt phủ này, lại chia đất huyện Yên Phước đặt hai huyện Yên Phước và Tuy Phong lệ vào. Lãnh 2 huyện.

*Huyện Yên Phước*[2]: phía đông đến biển, giáp địa giới huyện Vĩnh Xương tỉnh Khánh Hoà, phía tây đến địa giới huyện Tuy Phong, phía nam đến biển, phía bắc đến địa giới huyện Vĩnh Xương. Xưa là đất Chiêm Thành; đầu bản triều đặt huyện và đạo Phan Rang lệ vào phủ Bình Thuận, chưa đặt quan phủ huyện, lấy quan đạo để cai trị (huyện Hoà

---

[1] Năm Thành Thái thứ 13, trích đặt huyện Tính Linh.

[2] Năm Đồng Khánh thứ 4 (1886), trích đất thượng du huyện Yên Phước, đặt huyện thổ Yên Phước và huyện Man gồm 3 tổng. Năm Thành Thái thứ 13 (1901) đổi phủ Ninh Thuận, năm Đồng Khánh thứ 3 đã tách về Khánh Hòa, làm đạo Ninh Thuận gồm huyện Yên Phước, huyện thổ Yên Phước và huyện Man; huyện Tuy Phong vẫn thuộc về tỉnh Bình Thuận.

www.thuvien247.net

Đa cũng thế). Năm Minh Mệnh thứ 4 bỏ quản đạo, lấy đất cho phủ kiêm lí; năm thứ 6 đặt tri huyện thuộc phủ thống hạt; năm thứ 13 chia đất từ sông Ma Bố về phía tây làm huyện Tuy Phong, từ sông về phía đông thuộc huyện này, lệ phủ kiêm lí. Lãnh 7 tổng 79 xã thôn lí sách. *Xét*: Trong 7 tổng thuộc huyện có 3 tổng người Man đóng thuế vốn là đất trấn Thuận Thành: tổng Trà Dương 16 sách, tổng Ý Lâm 13 sách, tổng Tà Hoạ 10 sách.

*Huyện Tuy Phong*: ở phía tây nam phủ, phía đông đến địa giới huyện Yên Phước, phía tây đến địa giới huyện Hoà Đa, phía nam đến biển, phía bắc đến động Man. Nguyên là đất đạo Phan Rang huyện Yên Phước, năm Minh Mệnh thứ 13 trích từ sông Ma Bố về phía tây đến bờ phía bắc sông Ròn huyện Hoà Đa đặt huyện này. Lãnh 5 tổng 60 xã thôn lí sách - *Xét*: Trong 5 tổng thuộc huyện có 1 tổng người Man (Chàm) vốn là đất trấn Thuận Thành tức tổng La Bá 10 sách - *Lại xét*: hai chục sách người Man hoang (Mọi): 1) Phí Phi Nam, 2) Băng Dựng, 3) Giang Trang, 4) Phi Sân, 5) Bà Lộ, 6) Băng Trang, 7) Tầm Bạch, 8) Thẩm Luật, 9) Bàn Tam, 10) La Miên, 11) Năm Lọn, 12) Giằng Tre, 13) Băng Bí Tiểu, 14) Băng Bí Đại, 15) Lưu Sân, 16) Băng Trinh, 17) Năng Duy, 18) Phí Cố, 19) Chân Dựng, 20) Bà Chinh, đi 16 ngày mới đến, ở phía

www.thuvien247.net

tây bắc đất Man hoang có sông Dã Dương, sông sâu mà rộng, trong có nhiều cá sấu, phía nam không có người Kinh và người Man đóng thuế, thỉnh thoảng có đi lại buôn bán. Ở bờ phía bắc sông từ xưa đến nay chưa có ai đến. Năm Tự Đức thứ 19 phái người đi thăm dò sông Khung, nhưng vì người Man ấy sợ tránh không chịu dẫn đường nên phải trở về.

## HÌNH THẾ

Phía đông giáp tỉnh Khánh Hoà, phía tây giáp tỉnh Biên Hoà, dăng dài hơn 400 dặm, bắc ven núi, nam sát biển, địa thế chật hẹp. Danh sơn thì có núi Mũi Diên, núi Hương Ấn. Sông lớn thì có sông Mai Nương, sông Kì Xuyên, sông Phố Hài, sông Phan Thiết. Đường núi ngăn chặn có núi Ô Cam, đường biển hiểm yếu có vụng Mũi Diên. Phía tây bắc có núi Thị Linh, núi La Thô là đường người Man núi tất phải qua lại, đó là nơi xung yếu nên có đặt đồn để khống chế. Còn như thuyền chài cá, thuyền buôn bán qua lại tấp nập, cư dân trù mật, phố xá liền nhau, thì Phan Thiết cũng là một nơi đô hội nhỏ, mà Phan Rí là thứ hai.

## KHÍ HẬU

Khí trời nóng nực, khí đất khô ráo; mùa hạ mùa thu thì mưa nhiều; mùa đông, mùa xuân thì tạnh nhiều, nóng nhiều mà lạnh ít. Tháng 3, tháng 4 trở

www.thuvien247.net

đi thì nhiều gió nam, tháng 8, tháng 9 trở đi thì nhiều gió đông; gió thì tung cát tốc nhà bay bụi mù trời. Đất gần bãi biển, khí nóng hun hấp nên dễ sinh chứng sốt rét. Lại tháng 9 thường nhiều gió bão, cho nên ngạn ngữ nói: "Tháng Chín thì nín bán buôn", là bởi tháng ấy đi thuyền thường gặp bão. Làm ruộng thì một năm một vụ: cuối hạ, đầu thu thì mưa, nhà nông mới bắt đầu gieo trồng, đến mùa đông mới gặt.

## PHONG TỤC

Tục ưa chất phác, sĩ nông thì ít. Người ta hoặc cày, hoặc dệt, hoặc làm gỗ hoặc đi buôn, nghề nghiệp không nhất định. Người Kinh người Thổ ở lẫn, sự ưa thích phần nhiều khác nhau. Tính người lười nhác, kĩ nghệ bách công không tinh xảo mấy. Làm ruộng và đi buôn hay dùng xe trâu. Đất trồng lúa ít, người ở ven biển nhiều, buôn bán kiếm lời nên dần sinh gian dối. Các lễ tiết trong năm cùng là những việc mừng thăm qua lại đại khái cũng giống các tỉnh. Tục ưa xướng ca và hát tuồng; thậm chí đau ốm cầu đảo, chết rồi mãn tang cũng đặt tiệc ca, gọi là trả nợ quỉ thần. Đến như dân thổ (tục gọi là dân mới) thì quê mùa vụng về, chỉ chuyên cày ruộng. Ngày tết cùng việc tang tế thì có hai tục khác nhau, một là tục Ni, hai là tục Chàm (tục Ni thì cứ ba năm là một lần xê xích một tháng

www.thuvien247.net

một, như các năm Tí, Sửu, Dần lấy tháng 3 làm tết, thì các năm Mão, Thìn, Tị lấy tháng 4, các năm Ngọ, Mùi, Thân lấy tháng 5, các năm Dậu, Tuất, Hợi lấy tháng 6, hết vòng rồi trở lại; chết thì dùng thổ táng (chôn ở đất). Tục Chàm thì hàng năm cứ tháng 10, tức như tháng Giêng của người Kinh, là tết. Đến kì thì sắm đủ cỗ bàn cúng tổ tiên, hội khách khứa bạn bè, chết thì dùng hoả táng). Tục chuộng ma quỉ. Ốm thì không uống thuốc, chỉ việc cầu đảo. Hôn nhân thì con gái lấy con trai; sinh con cái thì đều theo mẹ, là bởi đàn bà là nội, đàn ông là ngoại. Chỉ có ba xã thôn Xuân Hội, Xuân Quang và Tuân Giáo, cùng gọi là người Thổ Kinh cựu, thì đàn ông mặc quần áo người Kinh, đàn bà mặc quần áo người Thổ, tang hôn tế tự đều đại khái giống tục người Kinh. Tương truyền là người Kinh Thuận Hoá đến đấy, lấy vợ người Thổ, lâu ngày sinh nở thành đông, cho nên dân đã đồng hoá. Ngoài ra dân Man các sách, ở dựa núi, gác nhà sàn, ngôn ngữ líu lo, ăn mặc quê lậu (ăn bằng tay, không dùng thìa đũa). Giá thú thì lấy khăn vải, xuyến thau làm sính lễ. Ngày tết thì lấy cỡi ngựa uống rượu làm vui. Không biết văn tự, thắt dây mà ghi. Tục rất hiền lành mộc mạc, cùng ở với nhau mà không hề trộm cắp của nhau. Tuy là người Man mà vẫn có tục trung hiếu.

www.thuvien247.net

## THÀNH TRÌ

*Tỉnh thành Bình Thuận*: thành đất, chu vi 250 trượng linh, mở 4 cửa, hào rộng 4 trượng, ở xã Xuân An huyện Hoà Đa. Đầu đời Gia Long ở xã Thanh Tu; năm Minh Mệnh thứ 18 dời đến địa phận 3 xã Đông An, Thuỵ Giang, Hoà An; năm Tự Đức thứ 12 dời đến chỗ hiện nay. Thành sát sông Xuân An; năm thứ 20 ngoài bốn cửa thành đều xây thành cong che cửa; lại ở phía hữu sông nhân núi đặt đồn Xích Thổ. Ở phía tả thì nhân thành cũ đặt hai bảo.

*Thành phủ Hàm Thuận*: thành đất, chu vi 72 trượng, mở 2 cửa, có hào, ở thôn Phú Tài huyện Tuy Lý. Trước ở thôn Xuân An huyện Hoà Đa; năm Minh Mệnh thứ 19 dời đến chỗ hiện nay.

*Lị sở huyện Hoà Đa*: ở thôn Xuân Hội; năm Tự Đức thứ 19 dời đến thôn Đông An; năm thứ 20 trở lại chỗ cũ.

*Thành phủ Ninh Thuận*: thành đất, chu vi 72 trượng; mở 2 cửa, có hào, ở thôn Kinh Dinh huyện Yên Phước, xây năm Minh Mệnh thứ 11.

*Lị sở huyện Tuy Phong*: ở thôn Vĩnh An; trước ở thôn Thái Hoà; năm Minh Mệnh thứ 16 dời đến chỗ hiện nay.

www.thuvien247.net

## TRƯỜNG HỌC

*Trường học phủ Bình Thuận*: ở phía tây tỉnh thành, thôn Xuân An huyện Hoà Đa.

*Trường học phủ Hàm Thuận*: ở phía đông phủ lị dựng năm Minh Mệnh thứ 4.

*Trường học huyện Hoà Đa*: ở thôn Hoà Đa, dựng năm Minh Mệnh thứ nhất.

*Trường học phủ Ninh Thuận*: ở phía đông phủ lị, dựng năm Minh Mệnh thứ 13.

## HỘ KHẨU

Năm Gia Long thứ 18, số đinh 9.200 người lính, nay là 13.163 người.

## THUẾ RUỘNG

Ruộng đất 39.724 mẫu linh; ngạch thuế là 32.400 hộc thóc, 38.300 quan tiền, 685 lạng bạc.

## NÚI SÔNG

*Núi Mũi Diên*: Diên Chuỷ, ở phía đông nam huyện Tuy Phong. Chân núi có 9 khúc hình như các ngón tay, nằm ngang trên bãi biển, chỗ ấy nước biển chia đường một đường chảy về bắc một đường chảy về nam, chảy rất xiết, thuyền ghe qua đấy phải cẩn thận. Phía nam có đầm Vũng Diên,

www.thuvien247.net

gặp gió nam thì thuyền có thể đỗ yên được. Năm Tự Đức thứ 13 liệt vào hàng danh sơn, ghi vào điển thờ.

*Núi Trà Na*: ở phía đông huyện, bên đường trạm trong có một đỉnh cao vọt, tả hữu có hai đỉnh như mũi gươm.

*Núi Ô Cam*: ở phía đông nam huyện, kề bãi biển. Đầu bản triều Chưởng cơ Tống Phước Hoà đánh nhau với Tây Sơn, đóng binh ở Ô Cam, tức là đây. Lại núi Trà Vân, núi La Bá, núi Cổ Sơn, núi Phú Điền, núi Thuận Long, núi Tân Chỉnh, núi Điện Sơn, núi Chu Đế, núi Húc Lam, núi Tà Bôn, núi Lương Giang, núi Xích Sa đều ở trong huyện.

*Núi Hoả Diệm*: ở phía bắc huyện một dãy núi liền, mùa xuân, mùa hạ nắng dữ, đá nứt toé lửa ra, bén vào cỏ mà cháy núi, ánh lửa đêm ngày không tắt nên gọi tên thế.

*Núi Lai Sơn*: ở phía tây huyện Yên Phước, núi không cao lắm, sản nhiều cây du lai nên gọi tên thế. Gần đấy có núi Ý Sơn, núi Tô Mân, núi Nhĩ Sơn, núi Trường Sơn, núi Ong, núi Chánh, núi Khánh Nhân, núi Khoan Dụ, núi Cà Cu ở phía bắc huyện. Phía bắc núi kề đầm Hương Cựu, gần đấy có núi Bình Thiện, núi Ni Cô, núi Bà Tu, núi Dư Khánh, núi Mậu Trường, núi Đốc Liệt.

www.thuvien247.net

*Núi Tà Trú*: ở phía tây huyện, trên dưới có khe tức là nguồn của sông Mai Nương, gần đấy có núi Thạm Lí, núi Quít, núi Nghĩa Lập, núi Văn Lâm, núi Ông Giá, núi Đá Trắng, núi Cà Đà.

*Núi Hương Ấn*: ở phía tây huyện Hoà Đa. Thế núi cao dốc, có hai cấp bàn đá, cấp thứ nhất thờ thần Dương Tu, cấp thứ hai thờ Dương Phu nhân. Dưới cấp thứ hai có ngấn in lõm vào đá như hình chân người, tục cho là dấu chân của phu nhân. Ở trước có phiến đá như hình cầu ao cá, dưới có đầm sâu và hang đá. Tương truyền là chỗ phu nhân nuôi cá. Phía hữu núi có tấm đá bằng cao chừng 4 trượng, mặt vuông mỗi bề 4 thước như hình bành voi. Năm hạn đảo vũ, nghe trong núi kêu ba tiếng thì chốc lát là trời mưa; gần đấy có núi Ích Sơn, núi La Sơn.

*Núi Ỷ La*: ở xã Ỷ La mặt sau tỉnh thành; mạch núi từ núi Hoả Diệm kéo đến, làm gối cho thành.

*Gò Xích Thổ*: ở thôn Xích Thổ phía nam tỉnh thành, mạch núi từ núi Lương Sơn đến, qua trước tỉnh thành đến thôn Xích Thổ làm cửa ngăn ở hạ lưu. Phàm thuyền đi biển, phía nam từ Vị Nê, phía bắc từ La Gàn, đều thấy buồm cột, bên núi có giếng Hàm Rồng, nước trong mà ngọt. Năm Tự Đức thứ 12 đắp đồn đất ở đấy.

www.thuvien247.net

*Núi Tỉnh Hàm*: ở phía đông huyện; phía bắc núi có đá lớn la liệt, tên là chùa Bàn Thạch.

*Núi Phiên Lê*: ở phía tây nam huyện, kề bãi biển, sản nhiều quả na nên gọi là Phiên Lê. Trước kia có đài phong hoả, nay bỏ. Gần đấy có núi Ba Mang, núi Tố Lý, núi Lỗ Phú, núi Mã Lăng, núi Hang Cạn, núi Long Sơn và núi Bàn Thạch.

*Núi Vị Nê*: ở phía tây nam huyện, giữa một dải động cát dăng ngang ở bãi biển nổi lên một núi, có ghềnh đá gọi là mũi (mũi Né), phía nam mũi có vũng biển, thuyền gặp gió có thể vào đậu. Phía đông có hòn đảo ở trong biển, tục gọi hòn Lao. Trên vũng có điếm canh. Gần đấy có núi Mụ Đặng, núi Tà Bông, núi Lô Tô, núi Giám Trạng, núi La Thô, núi Cà Tung, núi Thạch Khê, núi Tà Cu, núi Tiên Tỉnh, núi Đài Sơn.

*Núi Đàn Linh*: ở thượng đạo Phố Hài huyện Tuy Lý; về phía đông đỉnh núi dần dần thấp xuống. Đầu đời Minh Mệnh người Man Cam Tăng là Ta La Văn từng tu đảng ở đấy; phía nam có núi Dương Sơn, có đền thờ thần họ Dương ở Phố Chiêm.

*Núi Phố Chiêm*: cũng gọi là Phố Châm ở cực giới phía tây huyện; dưới núi bằng rộng, là xứ Phố Chiêm xưa; người Man Đê Ba Vò, trấn Thuận Thành ở đấy. Đầu đời trung hưng, Tù trưởng Toản

www.thuvien247.net

Phù cùng với Man Đê Ba Vò tụ họp cướp bóc, bị quan quân đánh phá, dân bèn phân tán ở hai xứ Bào Toà và Thị Linh, xứ Phố Chiêm bèn thành hoang phế.

*Núi Cẩm Kê*: ở phía nam huyện, phía nam núi kề bãi biển, dưới núi có đá lớn bò ra bờ nước, ngoài biển có hòn Khe Gà.

*Núi Long Thịnh*: ở thôn Long Thịnh về phía tây bắc huyện, có tên nữa là núi Tà Bôn, nổi vọt ở giữa bãi biển rất cao dốc, thuyền đi biển trông đấy làm chừng.

*Gò Thanh Hiếu*: ở phía đông huyện Yên Phước. Lại có gò Xích Thị sinh cây hồng đỏ. Gần đấy về phía bắc có gò Thái An, tục gọi là Lũng Lúa.

*Núi Thần Mẫu*: ở phía tây huyện Tuy Lý, là chỗ phân giới giữa tỉnh Bình Thuận và tỉnh Biên Hoà, phía tây nam là động cát, phía đông bắc là rừng rậm. Xem *Biên Hoà tỉnh chí*.

*Núi Vật Thăng*: ở phía nam huyện, phía đông đường trạm, phía tây đến Long Vĩnh, phía đông vũng La Gàn, hình núi cao vót, phía nam núi kề bãi biển. Bên tả có chùa đá của Phiên Vương, tương truyền Phiên Vương Thuận Thành cứ 7 năm một lần đến đấy trai giới tĩnh dưỡng xong thì ném gạo vào núi để cầu trường thọ.

www.thuvien247.net

*Ba động*: ở phía nam huyện, phía tây đường trạm, động đều là cát trắng, trông rộng bát ngát. Động thứ nhất cao 12 trượng 5 thước; động thứ hai cao 10 trượng; động thứ ba cao 7 trượng 5 thước; phía đông có hai cái hồ, lại có đền thờ thần Chúa động, động cát đột ngột, người ta qua lại mà cát không lún sụt, cũng là sự lạ.

*Đảo Thuận Tĩnh*: ở huyện Tuy Phong, ngoài biển nổi vọt một ngọn núi, thẳng đến bờ biển Phan Rí, dưới đảo là bãi cát, bốn mặt có người ở, gồm 11 thôn, hàng năm biệt nạp thuế vải, có thủ sở ở đấy, lấy thổ hào quản lãnh.

*Đảo Thiên Y*: tục gọi đảo Bà, ở huyện Tuy Lý, phía đông trạm Thuận Trình, nổi lên trên mặt nước ngoài biển chừng 30 trượng, trên có đền thờ tượng đá của Thiên Y Diễn Bà.

*Hòn Chông*: ở huyện Yên Phước, trong biển.

*Hòn Cau*: ở phía bắc cửa biển Long Vĩnh huyện Tuy Phong, cách bờ 15 dặm.

*Ghềnh Đá*: ở phía nam huyện Tuy Lý, là chỗ đường trạm đi qua, đá kề bãi biển, khi thuỷ triều lên thì sóng sát bờ khó đi.

*Ghềnh Trâu nằm*: ở phía nam huyện, đá nổi ở bãi biển như hình trâu nằm, nên gọi tên thế.

www.thuvien247.net

*Rừng Tang Du*: ở huyện Yên Phước, bằng phẳng. Lại có rừng Găng, nhiều cây găng, có voi cọp ở.

*Rừng Bò*: ở huyện Tuy Phong. Xưa người Thuận Thành thả bò ở đấy, nên gọi tên thế. Gần đấy có rừng Bàn Thạch, lại có tên là rừng Rã Cẳng, nước cạn, nước ngược, người đi rất khổ, nên gọi tên thế. Lại có rừng Vực Lữ, rừng Ma Bố nhiều ác thú, rừng Mới; phía tây bắc có núi Độc Sơn, trước có đội Hùng Hám để phòng bọn gian tế, nay bỏ. Phía nam có giếng nước ngọt.

*Rừng Bình Nhân*: ở huyện Hoà Đa, có voi cọp mà không hại người. Lại có rừng Long Bình, có tên nữa là rừng Chàm, cát sâu ngập mắt cá, rừng Nghi Trang ở phía tây bắc huyện, có đường đi về phía tây lên sông Dã Dương, đến gò Tà Cai Gia. Lại chia làm hai nhánh: Một nhánh từ phía tây bắc gò lên đến sông Chu Đế, trên sông có gò là chỗ đóng thủ sở, dân cư trù mật, đến gò Tà Lũng, thông với đất Man; một nhánh từ phía chính tây gò đến xứ La Ngư, có người Thổ ở, cũng có thủ sở, suốt đến Phan Rí Mĩ Dương.

*Rừng Khe Lớn*: ở huyện Tuy Lý, nhiều ác thú.

*

* *

*Sông Phan Rang*: có tên nữa là sông Mai Lang, ở phía bắc huyện Yên Phước, nguồn ra tự hai núi

www.thuvien247.net

Tham Lý và Tà Trú, chảy qua thôn Thịnh Mĩ, chảy về phía nam 14 dặm đến xã Đắc Nhân gọi là sông Mai Lung, lại 19 dặm đến thôn Phước Khánh. Có sông Ma Nãi, từ trong sách Man ra, chảy về phía bắc làm sông Cai Gia, chuyển về phía đông làm sông Tà Thang, lại chảy về phía nam làm sông Tà Na Sũng, chảy qua cầu thôn Tăng Lộc, gồm 32 dặm đến hợp vào, lại chảy 10 dặm đến rừng thôn An Hoà. Có sông Ma Bố từ thôn Đại Định chảy về phía đông bắc 37 dặm đến hợp vào lại chảy về phía nam 3 dặm mà đổ ra cửa biển Phan Rang. Đầu bản triều sông này là đường phân giới với nước Chiêm Thành, phía đông sông Phan Rang thuộc nước ta, phía tây sông Phan Rang thuộc Chiêm Thành.

*Sông Ròn*: ở phía nam huyện Tuy Phong; nguồn ra tự thôn Tăng Lộc, chảy về phía đông nam 7 dặm đến thôn Mĩ Xá, lại 1 dặm mà ra cửa Ròn.

*Sông Long Vĩnh*: ở phía đông nam huyện; nguồn ra từ khe Cạn thôn Dương Sơn, chảy về phía đông 10 dặm mà đổ ra cửa Long Vĩnh.

*Sông Phan Rí*: ở phía nam huyện Hoà Đa, nguồn ra từ động Man, chảy về phía đông nam chừng 3 dặm, qua sở Luỹ cũ làm sông Luỹ, lại chảy về phía đông qua sông Mã Lâu (tục gọi thác Đá Giăng) 28 dặm đến thôn Thương Thuỷ, lại 17 dặm

www.thuvien247.net

đến thôn Liêm Công có một nhánh ra tự sông Nghi Trang chảy về phía đông nam 24 dặm đến hợp vào, lại chảy 4 dặm đến xã Kì Xuyên làm sông Kì Xuyên, lại 3 dặm đổ ra cửa Phan Rí. *Xét*: Sông Luỹ, tương truyền rằng vua Chiêm Thành xây luỹ đất ở đấy từ sông bên tả đến sông bên hữu, dấu cũ hãy còn. Đầu đời Trung hưng, năm Kỉ Mão đại binh đánh quân Tây Sơn, Tôn thất Hội đóng binh ở sông Luỹ đánh phá Tư lệ giặc là Lê Trung ở đấy.

*Sông Phố Hài*: ở phía đông bắc huyện Tuy Lý, giáp địa giới huyện Hoà Đa, nguồn ra từ trong núi thôn Mĩ Sơn, chảy về phía đông nam 14 dặm đến thôn Tầm Hưng lại 30 dặm đến thôn Phú Long, có một nhánh từ trong núi Long Thịnh ở phía bắc chảy đến hợp vào, lại chảy 5 dặm đến thôn Thiện Mĩ, lại 3 dặm đến cầu Sơn Thuỷ, đổ ra cửa Phố Hài.

*Sông Phan Thiết*: ở phía tây huyện, nguồn ra từ trong động Man, chảy về phía đông qua xã Phú Hội (tục gọi sông Bào Lân), chảy về phía nam 9 dặm đến thôn Phú Tài. Có một nhánh từ bến Bình Tân đến cầu Minh Lâm chừng 6 dặm mà hợp vào; lại chảy về phía nam chừng 3 dặm đến thôn Đức Thắng, lại 2 dặm rồi đổ ra cửa Phan Thiết.

*Sông Ma Li*: ở phía tây nam huyện, có hai nguồn: Một nguồn từ núi Tiên Tỉnh, chạy về phía đông nam

www.thuvien247.net

27 dặm; một nguồn từ núi Tà Cu chảy về phía nam 19 dặm, đến bến Cốc Thụ thì hợp với nhau, lại chảy về phía nam đến phường Tân Quí, đổ ra cửa Ma Li.

*Sông Phố Chiêm*: ở cực giới phía tây bắc huyện; nguồn ra từ núi Phố Chiêm, chia làm hai nhánh: Một nhánh chảy về phía nam vào tỉnh Biên Hoà làm sông La Nha, chảy xuống sông Phúc Long; một nhánh chảy về phía bắc làm sông Dã Dương, qua phía đông núi Hấp Hấp.

*Sông La Di*: ở phía tây huyện, nguồn ra từ các khe trong động Man, đến xứ Bồn Bồn, chảy về phía nam 27 dặm mà đổ ra cửa La Di.

*Sông Phù Mi*: ở phía tây huyện; nguồn ra từ núi Phù Trì trong động Man, chảy về phía nam 64 dặm đến núi Phù Mi, chia làm hai nhánh: Một nhánh do trong rừng chằm chảy về phía đông 7 dặm; một nhánh do núi Thắng Hải chảy về phía nam 4 dặm, đều vào thôn Phù Mi mà đổ ra hai cửa Phù Mi thượng và hạ.

*Xét*: các sông trong tỉnh hạt nguồn không xa, nước không sâu, thuyền ghe đều đậu ở cửa tấn không thể ngược lên sông được.

*Khe Kiên Kiền*: ở huyện Yên Phước, nguồn ra từ núi Ba Tiêu, chảy về phía đông 5 dặm làm suối Du Lai, đổ vào đầm Làng Đăng. Thượng lưu có khe

www.thuvien247.net

cây Mã Tiền; lá rụng xuống khe, người uống thì hay mắc chứng to bụng; cũng gọi là *Khe Lai*.

*Khe Tà Lao*: ở thượng đạo Ma Li, huyện Tuy Lí; phía tây có khe Cấm, khe Yết, phía đông có khe Cát, đầm Gà, đầm Thôn, đầm Nô.

*Khe Nóng*: ở thượng đạo Ma Li; mùa xuân, mùa hạ nắng dữ thì nước khe bốc hơi nóng nên gọi tên thế; gần đấy có khe An, khe Lâm, khe Đằng.

*Hồ Trắng*: có hai hồ trên và dưới ở phía tây nam huyện Hoà Đa, phía tây Ba Động, hồ trên chu vi 8 dặm linh, hồ dưới chu vi 12 dặm linh, nước trong ngọt, bốn mùa không tăng không giảm. Phía tây bắc là động cát, phía tây nam là chân rừng, trên bờ có đền thần Chúa động. Tương truyền năm Tân Dậu có người phu trạm tên là Thư đệ công văn, bị cọp bắt, mấy ngày sau trong hồ có con cọp chết đuối, chính là con cọp bắt Thư hôm trước. Lại có người lái trâu tên là Phú đuổi trâu qua đền trên hồ thất lễ, bỗng trong đàn trâu có một con chạy xuống hồ, từ từ chìm xuống, chốc lát nổi lên mặt nước, kinh dị như thế đấy. Lại ở phía nam có ao thuyền đá, có phiến đá lớn như hình cái thuyền.

*Hồ Đá*: ở huyện Tuy Lý, nguồn ra từ chằm Nhâm. Mùa thu, mùa đông có lạch đổ ra biển, mùa xuân, mùa hạ bị cát lấp.

www.thuvien247.net

*Hồ Đăng*: nước mặn, có cá sấu, phía tây là khe Khế Sơn, phía bắc là khe Mây, đều đổ vào hồ.

*Đầm Hương Cựu*: ở huyện Yên Phước, đổ ra cửa biển Ma Văn.

*Đầm Dịch*: ở phía tây huyện Tuy Lý, từ cửa đầm ra biển hai bên bờ đều là chân rừng. Gần đấy có ao sen.

*Đầm Lạc Nghiệp*: đổ ra cửa biển Long Vĩnh. Gần đấy có đầm Chông.

*Đầm cá ngoài biển*: có 7 sở: 1) ở Ma Li, 2) ở Phan Phố, 3) ở Vị Nê, 4) ở Ròn, 5) ở La Gàn, 6) ở Long Vĩnh, 7) Văn Phan. Trước có thuế, nay bỏ.

*Vũng Tàu*: ở phía nam tấn Ma Văn huyện Yên Phước. Lại có vũng Diên ở huyện Hoà Đa, trước có thuế, nay thôi.

## CỔ TÍCH

*Thành cũ vua Chiêm*: ở xã Vĩnh An huyện Hoà Đa, chỗ ở của vua Chiêm Thành, trước có một khoảnh ao tro. Di tích vẫn còn.

*Trấn cũ Thuận Thành*: ở phía tây bắc huyện, chỗ ở của phiên vương Thuận Thành. *Xét*: Sử chép vua Lê Thánh Tông đánh dẹp Chiêm Thành, mở đất đến Thạch Bi, hậu duệ của Chiêm Thành còn

www.thuvien247.net

giữ đất ở phía tây sông Phan Rang, nhân lấy đất ấy phong cho họ. Bản triều đời Hiển Tông Hiếu Minh Hoàng Đế (Nguyễn Phúc Chu) năm Nhâm Thân (1692), Bà Tranh phản, sai tướng đánh dẹp, lấy hết đất, khu hoạch đất đai cho quốc vương cùng bộ lạc ở, đổi tên làm trấn Thuận Thành, phong cho con cháu quốc vương thế tập làm Thuận Thành vương, hàng năm cống phương vật làm phiên thuộc. Trong loạn Tây Sơn, Chưởng cơ Thuận Thành là Tá (không rõ họ) theo Tây Sơn đem hết của quí truyền ngôi của nước nộp cho giặc. Năm Mậu Thân Thế Tổ Cao Hoàng Đế thu phục Gia Định, nhiều lần dụ bảo, Tá sợ tội không dám ra, quân ta đi qua đất ấy nhiều lần bị hại. Năm Giáp Dần Tù trưởng Thuận Thành là Nguyễn Văn Hào dẫn đường cho quân đuổi bắt. Tá bị giết. Bèn bỏ hiệu Thuận Thành vương, cho Hào làm Chưởng cơ Lãnh chánh trấn Thuận Thành; Nguyễn Văn Chấn cũng được chức Chưởng cơ làm phó, giao cho chiêu tập nhân dân, hàng năm nộp thuế; lệ vào dinh Bình Thuận. Hào chết, cho Chấn làm Chánh trấn. Chấn chết, cho Vĩnh làm Trấn thủ. Vĩnh chết, cho Thừa làm Trấn thủ. Năm Minh Mệnh thứ 14, Thừa đem thổ dân tình nguyện bỏ thổ quan đặt lưu quan, cho chức quản cơ theo tỉnh làm việc quan, đốc thuế thổ dân các tổng và 103 sách man Tra nương. Năm thứ 15, Thừa gian thông với nghịch

www.thuvien247.net

Ức, việc lộ, bị giết, dân Thổ và dân Man đều lệ vào các huyện. Việc thờ tự vua Chiêm Thành bèn dứt.

*Tháp cổ Chiêm Thành*: Cả thảy năm tháp: 1) Tháp Đắc Nhân ở thôn Đắc Nhân huyện Yên Phước, do Phiên vương Lở dựng; 2) Tháp Hậu Sinh ở thôn Hậu Sinh, do Phiên vương Mê dựng, 3) Tháp Bình Nghĩa ở thôn Bình Nghĩa do Phiên vương Thông dựng; 4) Tháp Tuy Tĩnh ở thôn Tuy Tĩnh huyện Tuy Phong, do Phiên vương Xấp dựng; 5) Tháp Bảo Sơn ở trên đỉnh núi thôn Bảo Sơn huyện Tuy Lý, không rõ vua nào dựng. Các tháp ấy nay đều còn.

*Luỹ cổ Cổ Tỉnh*: ở huyện Tuy Lý, dài 645 trượng, xưa bọn giặc man Dương Bào Lầy, Diệp Mã Lăng làm loạn, Lưu thủ Cường Uy Hầu (không rõ họ tên) đắp luỹ này, đánh dẹp được, dấu cũ hãy còn.

*Giếng bỏ của Phiên vương*: ở thôn Tăng Phú huyện Hoà Đa. Tương truyền Phiên vương Bà Tranh đi xem nước thuỷ triều ở biển từng nghỉ ở đây, đào giếng để uống cho đỡ khát, tục gọi là giếng vua.

## CỬA QUAN VÀ TẤN SỞ

*Bảo Thị Linh*: ở phía tây bắc huyện Tuy Lý dưới núi Phố Chiêm, đất bốn mặt đều núi, ở giữa bằng phẳng ước hơn vạn mẫu, có hai thôn Tính Linh và Tân An ở. Năm Tự Đức thứ 10, Phan Trung

www.thuvien247.net

cử nghĩa binh đóng ở đồn Giao Hoan để chống giặc Tây Dương tức là đấy.

*Bảo Đàn Linh*: ở núi Đàn Linh thượng đạo Phố Hài phía tây bắc huyện. Năm Minh Mệnh thứ 4, man Cam Tăng ở trấn Thuận Thành làm phản đốt bảo, trấn thủ Nguyễn Văn Vĩnh đánh dẹp được, sửa bảo rồi về. Lại thủ Đàn Lâm cũng ở thượng đạo Phố Hài này bỏ.

*Hai bảo Thành cũ*: ở địa phận hai thôn Đông An và Thuỵ Giang huyện Hoà Đa; tỉnh thành cũ năm Tự Đức thứ 12 bỏ làm bảo, bảo trước chu vi 130 trượng, bảo sau 110 trượng, một cửa, có hào. Bảo trước do quan lãnh binh ở, bảo sau là huyện lị huyện Hoà Đa. Cách sông Đối Xiên có đồn Xích Thổ ở thôn Xích Thổ.

*Bảy trường trầu không đầu núi*: Cả thảy bảy sở: 1) Trường trầu không Thượng hạ hàng, đặt năm Minh Mệnh thứ nhất; 2) Trường Phan Rí; 3) Trường Giang Niên; 4) Trường Húc Lam; 5) Trường Mai Nương; 6) Trường Thị Ni; 7) Trường Xích Hậu, đều đặt năm thứ 19 đánh thuế.

*Tấn Ma Vằn*: ở phía đông nam huyện Yên Phước rộng 35 trượng, thuỷ triều lên sâu 1 trượng 5 thước thuỷ triều xuống sâu 1 trượng, có thủ sở.

*Tấn Phan Rang*: ở phía nam huyện, rộng 5 trượng thuỷ triều lên sâu 4 thước, thuỷ triều xuống

www.thuvien247.net

sâu 1 thước. Phía đông và phía bắc cũng có thủ sở. Phan Rí Xưa có ngạn ngữ: "Cơm 9 trượng, thuỷ triều lên sâu 1 trượng, thuỷ triều xuống sâu 5 thước, có tên là vũng Cà Ná, trên có đầm Chó đổ ra cửa Tấn có thủ sở.

*Tấn Vũng Dâm*: ở phía đông nam huyện, rộng 9 trượng, thuỷ triều lên sâu 7 thước, thuỷ triều xuống sâu 5 thước 5 tấc.

*Tấn Long Vĩnh*: ở phía đông nam huyện, rộng 1 trượng 5 thước; thuỷ triều lên cao 4 thước, thuỷ triều xuống sâu 2 thước.

*Tấn Phan Rí*: ở phía nam huyện Hoà Đa, trước rộng 5 trượng, năm Tự Đức thứ 5 lụt vỡ bãi cát, nay rộng 75 trượng, thuỷ triều lên sâu 7 trượng, thuỷ triều xuống sâu 3 trượng, hai bờ dân cư trù mật, người ta gọi là đất cá mắm, có thủ sở ở bờ phía bắc. Năm Quí Sửu đầu đời trung hưng Tôn Thất Hội đánh bảo Phan Rí, Đô đốc giặc là Hồ Văn Chư lui về Mai Nương. Hội đuổi đánh, giặc theo thượng đạo Tham Lô trốn đi tức là chỗ này.

*Tấn Phố hài*: ở phía đông huyện Tuy Lý, rộng 60 trượng 5 thước, thuỷ triều lên sâu 5 thước, thuỷ triều xuống sâu ba thước. Trước quản đạo Phố Hài

www.thuvien247.net

ở đấy, nay bỏ; đặt một thủ ngự, một hiệp thủ. (Các tấn có thủ sở đều như thế).

*Tấn Phan Thiết*: ở phía nam huyện, rộng 21 trượng, thuỷ triều lên sâu 1 trượng, thuỷ triều xuống sâu 7 thước. Ngoài biển hòn Lao (Cô dữ); phía tây tấn là lị sở đạo Phan Thiết cũ, nay bỏ đặt thủ sở. Bản triều đầu đời trung hưng đánh đồn binh của đảng Tây Sơn ở đấy.

*Tấn Ma Li*: ở phía tây huyện, phía bắc cửa biển có cửa Cạn, lại có đầm tên là đầm Ma Li, có thuế; trước đặt trạm và thủ sở, nay bỏ, chỉ đặt xúch hậu mà thôi. Đầu đời trung hưng đại binh đánh đồn của đảng Tây Sơn ở đấy. Ở ngoài cửa biển có ghềnh đá, gọi là mũi Ma Li.

*Tấn La Di*: ở phía tây huyện, rộng 20 trượng, thuỷ triều lên sâu 1 trượng, thuỷ triều xuống sâu 5 thước. Phía đông cửa tấn cách bờ ba dặm có đảo Bà (đảo Thiên Y).

*Tấn Phù Mi*: ở phía tây huyện, có hai cửa trên và dưới.

## NHÀ TRẠM

*Trạm Thuận Lại*: ở thôn Nhân Sơn huyện Yên Phước, phía bắc đến trạm Hoà Luân tỉnh Khánh Hoà 43 dặm linh, phía nam đến trạm Thuận Mai 20 dặm linh.

www.thuvien247.net

*Trạm Thuận Mai*: ở chợ Mai Nương và Đắc Nhân, phía tây đến trạm Thuận Trinh 27 dặm linh.

*Trạm Thuận Trinh*: ở thôn Đại Định, phía tây trạm Thuận Nương 29 dặm linh.

*Trạm Thuận Nương*: ở thôn Cam Tỉnh huyện Tuy Phong, phía tây đến trạm Thuận Hải 25 dặm linh, trạm ấy có núi Ô Cam bãi biển rất hiểm.

*Trạm Thuận Hảo*: ở thôn Vĩnh Hảo, phía tây đến trạm Thuận Võng 21 dặm linh.

*Trạm Thuận Võng*: ở xã Cao Hậu, phía tây đến trạm Thuận Phú 22 dặm linh. Xét phía tây trạm Thuận Võng có đường đến tổng La Bá người thuộc man, về huyện Tuy Phong.

*Trạm Thuận Phú*: ở thôn Ninh Phú huyện Hoà Đa, phía tây đến trạm Thuận Đồng 36 dặm. Từ trạm đến tỉnh thành 335 trượng linh, từ tỉnh thành đến trạm Thuận Động 6.207 trượng 5 thước.

*Trạm Thuận Động*: ở thôn Bình Nhân, phía tây đến trạm Thuận Cương 31 dặm linh. Trạm này có đường do rừng Bình Nhân lên đến trường Trầu không.

*Trạm Thuận Cương*: ở thôn Long Sơn, phía tây đến trạm Thuận Tỉnh 23 dặm linh.

*Trạm Thuận Tỉnh*: ở thôn Lạc Nghiệp, phía tây đến trạm Thuận Phiên 28 dặm linh.

www.thuvien247.net

*Trạm Thuận Phiên*: ở thôn Tân Phú huyện Tuy Lý, phía tây đến trạm Thuận Lý 25 dặm linh.

*Trạm Thuận Lý*: ở xã Toàn Thịnh, phía tây đến trạm Thuận Lâm 26 dặm linh.

*Trạm Thuận Lâm*: ở thôn Văn Kê, phía tây đến trạm Thuận Trình 27 dặm linh.

*Trạm Thuận Trình*: ở thôn Tân Hoàng, phía tây đến trạm Thuận Phúc 25 dặm linh.

*Trạm Thuận Phúc*: ở phường Phúc Lộc, phía tây đến trạm Thuận Phương 35 dặm linh, trước là trạm Thuận Dung, đổi từ năm Thiệu Trị thứ nhất.

*Trạm Thuận Phương*: ở thôn Phúc Lộc, phía tây đến trạm Thuận Biên 25 dặm linh.

## CHỢ

*Chợ Mai Nương*: ở phía tả trạm Mai Nương huyện Yên Phước. Lại có các chợ *Thị Nị*, *Kinh Dinh*, *Phan Nương*. Chợ *Kinh Dinh* năm Ất Mão đầu đời trung hưng Chưởng cơ Nguyễn Văn Đắc đánh giặc, cướp chợ Mai Nương đóng binh ở đấy.

*Chợ Ngân Giang*: ở thôn Ngân Giang, huyện Hoà Đa. Lại có các chợ *Cam Hải*, *Liêm Công*, *Tăng Long*.

*Chợ Long Hương*: ở huyện Tuy Phong. Lại có chợ *Vĩnh Giang*

www.thuvien247.net

*Chợ Phố Hài*: ở huyện Tuy Lý. Lại có các chợ *Tân Hội, Long Khê*.

## ĐÒ CẦU

*Bến Mai Nương*: ở huyện Yên Phước. Lại có bến *Trà La*.

*Bến Kì Xuyên*: ở phía bắc tỉnh thành, huyện Hoà Đa. Lại có bến *Thị Bảo*, nay là bến *Giao Đông*

*Cầu Vĩnh Hảo*: ở huyện Tuy Phong. Lại có cầu *Phú Mĩ*.

*Cầu Thanh Tu*: ở huyện Hoà Đa. Lại có các cầu *Thanh Phúc* và *Liêm Công*.

*Cầu Tân Phú*: ở huyện Tuy Lý, lại có các *cầu Đức Thắng, Sơn Thuỷ, La Giang, Đông Phái, Tân Quí, Phước Hải, Phù Mi*.

## ĐÊ ĐẬP

*Đập Mai Nương*: ở xã Đắc Nhân huyện Yên Phước do dân Kinh và dân Thổ đắp để tưới ruộng.

*Đập Nha Trinh*: từ huyện lị đến cầu Giao Đông, để tưới ruộng.

*Đập Đồng Mới*: ở thôn Mã Lăng, phía tây bắc huyện Hoà Đa. Tương truyền do người Chiêm Thành đắp, sau hễ đắp lại sụt, năm Tự Đức thứ 19 sửa lại.

www.thuvien247.net

## ĐỀN MIẾU

*Đàn Xã Tắc*: ở phía tây tỉnh thành, thôn Thuỷ Tú, huyện Hoà Đa, dựng năm Minh Mệnh thứ 19.

*Đàn Tiên Nông*: ở phía bắc tỉnh thành, thôn Đông An, dựng năm Minh Mệnh thứ 19.

*Đàn Sơn Xuyên*: ở ngoài quách phía tây tỉnh thành, dựng năm Tự Đức thứ 5.

*Văn Miếu*: ở phía tây tỉnh thành, địa phận hai thôn Bình Thuỷ và Lạc Sơn, dựng năm Minh Mệnh thứ 7.

*Miếu Hội Đồng*: ở phía bắc tỉnh thành, thôn Thuỷ Tú, trước ở phía nam sông Phan Rí, dựng năm Minh Mệnh thứ 8.

*Miếu vua Chiêm Thành*: ở phía tây bắc tỉnh thành thôn Xuân Hội, dựng năm Minh Mệnh thứ 14.

*Miếu Thành Hoàng*: ở phía tây nam tỉnh thành, thôn Long Lễ, dựng năm Thiệu Trị thứ 2.

*Đền Thiên Y A Na Diễn Bà*: ở thôn Vĩnh An huyện Hoà Đa, thờ Thiên Y A Na Diễn Bà chúa Ngọc; sau tượng thần có 5 hòn đá nhỏ, một hòn dài 1 thước 9 tấc, tròn 1 thước 8 tấc, một hòn dài 1 thước 2 tấc, tròn 1 thước 9 tấc, một hòn dài 6 tấc, tròn 1 thước 2 tấc, một hòn dài 6 thước, tròn 1 thước 8 tấc,

www.thuvien247.net

một hòn dài 5 tấc, tròn 1 thước 8 tấc. Tương truyền 5 hòn đá ấy là chỗ giáng hương, không biết tự đâu bay đến, người Thổ từng muốn lấy mà không được, trải lâu năm thành đá. Lại có một phiến đá xanh có hai chữ "Thiên Y" người Thổ thấy linh dị bèn lập đền thờ. Đầu đời Gia Long đặt một viên tự thừa.

*Miếu Thần Nông*: ở thôn Bình Thuỷ, thờ ba vị Viêm Đế, Hoàng Đế và Hậu Tắc tục gọi là miếu Thần Nông. Đầu đời Gia Long đặt chức tự thừa.

*Miếu Nam Hải*: ở phía tây núi Vị Nê thôn Thạch Long, thờ thần Nam Hải (Long Vương). Năm Ất Mão đầu đời trung hưng, Thế Tổ đến chơi đền, tặng một đôi tán. Trước đền là động cát, trước kia có đài phong hoả, nay bỏ.

*Đền Thiên Hậu*: ở ngoài quách của tỉnh thành; trước mặt nhìn ra sông, phía bắc sông có gò cát đổ; do người Thanh dựng để thờ thần Thiên Hậu. Thần người Bồ Điền tỉnh Phúc Kiến (Trung Quốc) họ Lâm, về dòng Cửu Mục công, con gái thứ hai của Ôn Công, năm 8 tuổi học tiên, 16 tuổi luyện đơn thành chín chuyển (cửu chuyển), gọi mưa, gọi gió ứng ngay. Đời Tống có người đi biển, gặp bão thuyền gần đắm, bỗng giữa trời hiện ra một người tự nói ta là con gái Ôn Công xuống để cứu giúp. Chốc lát gió yên, thuyền được vô sự. Việc tâu lên,

www.thuvien247.net

nhà Tống phong làm Phu nhân, nhà Minh phong làm Thiên phi, nhà Thanh phong làm Thiên hậu. Hàng năm cứ ngày rằm tháng 7 thì mở hội, người đến xem rất đông.

*Đền Thần Bạch Hổ*: ở trên hồ Trắng ở Ba Động, thôn Vĩnh An.

*Đền Thần Ô Cam*: ở trên núi Ô Cam huyện Tuy Phong, thờ phu nhân Cố Hỉ rất thiêng.

*Đền Quan Công*: ở huyện Tuy Lý.

*Đền Thần Dương Tu*: ở huyện Hoà Đa, tục gọi là đền Dương Tu, đền có tượng đá. Đất ấy có trăm con trâu không tăng, không giảm, qua lại trên bãi biển, tính rất hiền lành, không dữ như trâu núi. Tương truyền là trâu của thần, người săn bắn không dám phạm đến.

*Đền Bái Cương Hầu*: ở thôn Nhân Sơn. Đầu bản triều, có viên Cai cơ Phong Bái Cương Hầu có công dẹp yên người Man, chết được phong làm phúc thần.

*Đền Thần Thiện Mĩ*: ở thôn Thiện Mĩ. Đầu đời trung hưng có người tên là Tài Nhị Lan họp đảng để ứng nghĩa ở núi Trà Bang, lấy tiền đồng kết làm áo giáp, mặt giáp ra trận, đánh đâu được đó. Sau bị giặc giết, hiển linh ở đây, dân địa phương lập đền thờ.

www.thuvien247.net

*Đền Ca Hoạch*: ở huyện Hoà Đa. Ca Hoạch Bát là đầu mục sách Man hoang La Uyển ở Bình Thuận. Năm Minh Mệnh thứ 15 quan quân tiến đánh thì người ấy đi theo dẫn đường cho quan quân, bắt chém được đầu sỏ nghịch. Đến khi quan quân rút về thì dư đảng nghịch là Tuân Lí lại họp người Mạn úp bắt Ca Hoạch Bát, doạ dẫm trăm cách, Bát vẫn không theo, mắng mà nói: "Ta đã là bầy tôi của vua trời thì sao lại theo nghịch đảng!". Bèn đập đầu vào gốc cây thông mà chết. Việc tâu lên, vua hạ chiếu dựng đền thờ và hậu cấp cho gia đình. Lại có thơ ngự chế của vua khắc vào bia đá.

## CHÙA QUÁN

*Chùa Bảo Sơn*: ở trên núi Bảo Sơn địa phận ba thôn Thiện Chính, An Hải và Xuân Hoà; sau chùa có hai cái tháp cổ (tục gọi chùa Tháp). Đầu đời trung hưng Thế Tổ đến chơi, cho tên hiện nay; có biển ngạch.

## NHÂN VẬT

*Nguyễn Đăng Hựu*: người huyện Hoà Đa, có học thuật, biết binh pháp. Đầu đời trung hưng làm cai cơ, sau đổi sang văn chức, làm kí lục Phiên Trấn, trải thăng đến Thượng thư Binh bộ, già về hưu. Đầu đời Minh Mệnh Tri phủ Bình Thuận là Tô Trân đến yết kiến, hỏi về thuật trị dân, Hựu nói "Người yêu

www.thuvien247.net

trâu thì phải đập lằng[1], người yêu dân thì phải trị bọn lại dịch". Khi 80 tuổi, gặp lễ mừng lục tuần của Tuyên Nhân Hoàng Thái hậu, đến Kinh mừng thọ, nhân ở lại rồi chết, vua tặng Hiệp biện Đại học sĩ.

*Vũ Văn Lân*: đầu đời trung hưng, có công theo đi Vọng Các, làm Khâm sai thuộc nội Chưởng cơ, hành chức Trấn phủ Bình Thuận, rồi chết.

*Nguyễn Văn Tại*: đầu đời trung hưng theo đi đánh giặc có công, làm Phó Chưởng chi Tráng vũ Tiền chi, Khâm sai Cai cơ. Năm Canh Thân theo đi đánh Qui Nhơn, ốm chết, được tặng Chưởng cơ, thờ ở đền Biểu Trung.

*Phan Tiến Tuấn*: người huyện Tuy Lý; đầu đời trung hưng làm Hàn Lâm viện, đổi đi đạo Phố Hài. Đời Gia Long ra làm Tham hiệp Nghệ An, rồi chết.

*Đặng Đức Thuật*: không rõ quê quán, ngụ ở huyện Yên Phước dạy học trò. Năm Mậu Thận đầu đời trung hưng đại binh thu phục Gia Định, Thuật cầm gậy đến yết kiến, được trao chức Giám nghị. Thuật tính thẳng thắn, gặp việc dám nói, vua thường ưu đãi. Sau tòng chinh chết ở giữa đường, khi Thuật ở Gia Định, bọn Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhân Tĩnh, Lê Quang Định và Nguyễn Hương nghe tiếng về thơ, đều thờ làm thầy,

---

[1] Lằng: Ruồi trâu.

www.thuvien247.net

thi học ở Gia Định thịnh lên là bắt đầu từ đấy. Nguyễn Hương nguyên là là người Bình Thuận, đầu đời trung hưng làm Hàn Lâm viện thị thư, rất có tiếng văn học, duy tính lười biếng, bỏ quan về nhà; rồi chết.

*Nguyễn Nhược Sơn*: người huyện Yên Phước; đầu đời Minh Mệnh được trao chức Hàn Lâm viện điển bạ, trải làm đến Bố chánh Thanh Hoá, có tội bị cách, rồi được khởi phục, thăng Thị giảng Học sĩ, lại bị cách, rồi được khởi phục chức chủ sự. Đầu đời Tự Đức, trải thăng đến Án sát Nghệ An, lại bị biến, rồi chết. Ông là người thông minh, lại có khí khái tự do, trải làm quan ở trong ở ngoài hơn hai chục năm, hoạn đồ vất vả mà người ta đều yêu tính hào phóng

*Bùi Tăng Huy*: đậu Hương cống ở Gia Định, khoa Kỉ Mão đời Gia Long. Đầu đời Minh Mệnh làm Phủ doãn Thừa Thiên, bị cách, rồi được khởi phục, thăng dần đến Bố chánh Cao Bằng. Năm Minh Mệnh thứ 14 nghịch Vân làm phản, vây tỉnh thành, ngoại viện bị tuyệt, Huy cùng với Án sát là Phạm Đình Trạc và Lãnh binh Lạng Sơn là Phạm Văn Lược đều tử tiết cùng một ngày, tặng Tham tri Lễ bộ, thờ ở đền Tam Trung.

## HIẾU TỬ

*Nguyễn Văn Liễu*: tám tuổi mồ côi cha, thờ mẹ có hiếu, mẹ chết, làm lều ở mộ 3 năm, người ta khen là hiếu. Năm Minh Mệnh thứ 8 được biểu dương.

www.thuvien247.net

## THỔ SẢN

*Vải trắng*: có thuế, mỗi năm mỗi người nộp 4 tấm, người già và người ốm nộp một nửa.

*Sắt chín*: có thuế, đồng niên thu 600 cân linh.

*Sáp ong*: có thuế, đồng niên thu 159 cân linh.

*Kì nam*: có thuế, hương hộ mỗi người cả năm nộp 1 cân 8 lạng.

*Trầm hương*: ba loại kể trên đều sản tự các sách man Thuận Thành.

*Cát lồi* có tên là lỗ sa, xuất tự hai huyện Yên Phước và Tuy Phong; có thuế, đồng niên thu 170 cân.

*Dầu ráu, dầu trám*: đều sản ở sơn phận các huyện.

*Quả nhãn*: núi cát các huyện sản rất nhiều, sản ở huyện Tuy Lý ngon nhất.

*Gỗ cẩm văn*: sản ở sơn phận huyện Hoà Đa.

*Gỗ mun*: núi ở huyện Tuy Lý rất nhiều.

*Cỏ san hô*: sinh ở bên đường, cành và thân như cây xương rồng, lá như hình xương sườn. Đất ấy có cỏ gai (tục gọi là gai tầm dã), gai đâm vào da thì dần dần sưng và loét ra, lấy lá cỏ san hô giã mà bôi vào thì lành ngay. Giã tỏi mà bôi cũng lành.

www.thuvien247.net

*Cỏ bôn bôn*: lá như lá cải. Đất ấy có loại rắn độc bằng ngón tay út, lưng có vằn, tục gọi là rắn cùng ma, cắn người thì độc phát khiến người ta ngủ rồi chết, lấy lá bôn bôn giã mà đắp thì lành.

*Đệm trắng*: có thuế, mỗi người 15 bó.

*Thuận sâm*: tức là sâm Bình Thuận, núi cát các huyện đều có.

*Tầm gửi cây dâu*: tang kí sinh, cây dâu ở nhà người ta trong các huyện rất nhiều.

*Ý dĩ*: các huyện đều có.

*Mây rồng, mây trắng*: sơn phận các huyện đều có.

*Muối*: có thuế, mỗi mẫu mỗi năm nộp 7 phương, chiết nộp 2 tiền rưỡi.

*Ngà voi*: có thuế, mỗi năm 415 cân.

*Sừng tê*: có thuế, mỗi năm 18 cân.

*Trâu rừng*: huyện Tuy Lý rất nhiều.

*Anh vũ, chim công*: các huyện đều có.

*Yến sào*: có thuế, mỗi người một năm10 lạng.

*Nước mắm*: có thuế, mỗi người mỗi năm 8 vò, người già người ốm nộp một nửa.

*Mắm ươp, mắm mòi, mắm cá thu*: ba loại kể trên có thuế, mỗi người mỗi năm 1 vò.

www.thuvien247.net

*Cá voi*: tương truyền ngày mùng 2 tháng 2 năm Nhâm Ngọ, người thôn Sơn Hải huyện Yên Phước thấy một đoạn xương cá voi, một cái thùng gỗ thông, từ ngoài bến trôi vào, người trong thôn cùng nhau khiêng cái xương ấy bỏ vào thùng, muốn tìm đất để chôn thì khiêng không thấy động đậy, rồi bỗng linh cá voi phụ vào người mà nói rằng: "ta ở đây thôi, không nên chôn chỗ khác". Người trong thôn cho là thần, bèn chôn ở đấy và lập đền thờ. Đền ở phía nam đầm thôn ấy, có tượng đất, sau tượng có quan tài sơn son, có hiệu là "Nam hải cự tộc ngọc lân chi thần", cầu đảo rất nghiệm.

*Đồi mồi, xà cừ, ốc tai voi, sò, tôm hùm, cá mực, bóng cá, vây cá, dầu cá*: hải phận các huyện đều có.

*Lúa, ngô, đậu, trái cây.*

*Ngựa, trâu, bò, dê, chó, lợn, hươu, nai, voi, cọp, gấu, tê.*

www.thuvien247.net

# ĐẠI NAM NHẤT THỐNG CHÍ

## *QUYỂN XIII*

## TỈNH HÀ NỘI

Đông tây cách nhau 25 dặm, nam bắc cách nhau 129 dặm. Phía đông đến sông Nhị đối ngạn với địa giới huyện Gia Lâm tỉnh Bắc Ninh 1 dặm. Phía tây đến địa giới huyện Đan Phượng tỉnh Sơn Tây 24 dặm. Phía nam đến sông Thanh Quyết đối ngạn địa giới huyện Gia Viễn tỉnh Ninh Bình 124 dặm. Phía bắc đến sông Nhị đối ngạn với địa giới huyện Gia Lâm tỉnh Bắc Ninh 8 dặm. Phía đông nam đến địa giới huyện Gia Viễn tỉnh Ninh Bình 130 dặm. Phía tây nam đến địa giới huyện Mĩ Lương tỉnh Sơn Tây 66 dặm. Phía đông bắc đến sông Nhị đối ngạn với địa giới huyện Đông Ngàn tỉnh Bắc Ninh 3 dặm. Phía tây bắc đến sông Nhị đối ngạn với địa giới huyện Yên Lãng tỉnh Sơn Tây 14 dặm. Từ tỉnh lị đi về phía nam đến Kinh 1.104 dặm.

www.thuvien247.net

## PHÂN DÃ

Theo thiên văn thuộc về khu vực sao Dực, sao Chẩn, về tinh thứ sao Thuần vĩ. (Theo sự suy trắc năm Minh Mệnh thứ 18, cao nhất là 20 độ 33 phân 30 sao, lệch về phía tây 1 độ 30 phân).

## DỰNG ĐẶT VÀ DIÊN CÁCH

Đời Hùng Vương xưa là bộ Giao Chỉ; đời Tần thuộc nước của An Dương Vương; đời Hán là bộ Giao Chỉ; đời Tuỳ là quận Giao Chỉ; đời Đường là An Nam đô hộ phủ, bấy giờ mới đắp thành Đại La.

Nước ta nhà Đinh đầu đời Thái Bình gọi là đạo; nhà Tiền Lê, đầu đời Ứng Thiên gọi là lộ.

Nhà Lý đầu đời Thuận Thiên làm Đô Thành, lại gọi là Nam Kinh, thành gọi là Thăng Long (trước gọi là Long Thành), phủ gọi là Ứng Thiên (Lý Thái Tổ dựng kinh đô ở thành Đại La, thấy rồng vàng hiện ở trước thuyền ngự, nhân đấy đặt tên thành là Thăng Long và đặt tên đất là phủ Ứng Thiên).

Nhà Trần đầu đời Thiệu Bảo đổi là Trung Kinh.

Thời thuộc Minh làm trị sở của ba ti phủ Giao Châu và gọi là thành Đông Quan. (*Đại Thanh nhất thống chí* chép: phủ Giao Châu lãnh 5 châu là Phúc Yên, Uy Man, Lị Nhân, Từ Liêm và Tam

www.thuvien247.net

Đái. 13 huyện là Đông Quan, Từ Liên, Thạch Thất, Phù Lưu, Thanh Đàm, Thanh Oai, Ứng Bình, Bình Lục, Lị Nhân, Yên Lãng, Yên Lạc, Phù Ninh và Lập Thạch) (2 châu Từ Liêm và Tam Đái, 5 huyện Thạch Thất, Yên Lãng, Yên Lạc, Phù Ninh và Lập Thạch nay đều thuộc tỉnh Sơn Tây). (*Thiên hạ quận quốc lợi bệnh thư* của Cố Đình Lâm chép: năm Minh Vĩnh Lạc thứ 5 mới đặt phủ Giao Châu lãnh 2 huyện Đông Quan và Từ Liêm; châu Phúc Yên (trước là Thượng Phúc) lãnh 3 huyện Bảo Phúc (trước là Thượng Phúc), Phù Lưu và Thanh Đàm (trước là Long Đàm); châu Uy Man lãnh 4 huyện Sơn Định (trước là Sơn Minh), Thanh Oai, Ứng Bình (trước là Ứng Thiên) và Thái Đường; châu Lị Nhân lãnh 6 huyện Thanh Liêm, Bình Lục, Cổ Bảng, Cổ Giả, Cổ Lễ và Lị Nhân. Như thế số châu huyện gồm 5 châu và 23 huyện; năm thứ 6, đem đất các huyện Bảo Phúc, Sơn Định và Thanh Liêm họp vào bản châu. Năm thứ 13 đem đất huyện Thái Đường hợp vào châu Uy Man, đất huyện Cổ Lễ hợp vào châu Lị Nhân; năm thứ 17, đem đất huyện Thanh Đàm thuộc châu Phúc Yên hợp vào huyện Đông Quan, đất huyện Phù Lưu hợp vào châu Phúc Yên, đất huyện Thanh Oai hợp vào châu Uy Man, đất huyện Lị Nhân hợp vào châu Lị Nhân.

www.thuvien247.net

Năm Thuận Thiên thứ 3, đổi Đông Quan làm Đông Kinh, lại gọi là Trung Đô. Đời Quang Thuận đặt phủ phụ quách của Kinh thành, đổi phủ Ứng Thiên làm Phụng Thiên, lãnh 2 huyện Quảng Đức và Phụng Thiên. Từ đời Hiển Tông trở đi gọi là Đông Đô (đời Lê Hiển Tông gọi là Thanh Hoá là Tây Đô, nên gọi thành Thăng Long là Đông Đô). Tây Sơn gọi là Bắc Thành.

Bản triều năm Gia Long thứ nhất, đặt Bắc Thành tổng trấn lãnh 11 trấn, trong ấy có năm nội trấn là Sơn Nam Thượng, Sơn Nam Hạ, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương và sáu ngoại trấn là Tuyên Quang, Hưng Hoá, Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên và Quảng Yên. Năm Minh Mệnh thứ 12 bỏ Bắc Thành tổng trấn, chia tỉnh hạt, đem huyện Từ Liêm thuộc tỉnh Sơn Tây đổi lệ vào phủ Hoài Đức, lại lấy 3 phủ Ứng Hoà, Lý Nhân và Thường Tín thuộc Sơn Nam đặt riêng làm tỉnh Hà Nội và đặt chức tổng đốc Hà - Ninh coi cả hai tỉnh Hà Nội và Ninh Bình. Ở Hà Nội đặt hai ti bố chính và án sát. Năm thứ 13 đặt thêm phân phủ Ứng Hoà và Lý Nhân; năm thứ 15 gọi là Bắc Kì (gọi chung cả 13 tỉnh). Năm Tự Đức thứ 5, bỏ phân phủ, lại bỏ bớt quan lại, huyện Thọ Xương, kiêm nhiếp Vĩnh Thuận, huyện Thanh Liêm kiêm nhiếp Bình Lục, huyện Hoài An do phủ Ứng Hoà kiêm

www.thuvien247.net

nhiếp huyện Duy Tiên do phủ Lý Nhân kiêm nhiếp. Nay lãnh 4 phủ 15 huyện[1].

*Phủ Hoài Đức*: ở cách tỉnh thành 7 dặm về phía tây. Đông tây cách nhau 19 dặm, nam bắc cách nhau 40 dặm, phía đông đến sông Nhị đối ngạn với địa giới huyện Gia Lâm tỉnh Bắc Ninh 9 dặm, phía tây đến địa giới các huyện Đan Phượng và Yên Sơn tỉnh Sơn Tây 10 dặm, phía nam đến địa giới huyện Thanh Trì, phủ Thường Tín, phía bắc đến sông Nhị đối ngạn với địa giới huyện Đông Ngàn tỉnh Bắc Ninh và địa giới huyện Yên Lãng tỉnh Sơn Tây 9 dặm. Nguyên là đất huyện Long Biên đời Hán, nhà Tống tách đặt huyện Tống Bình, nhà Nam Tề làm quận Tống Bình, gồm 3 huyện là Quốc Xương, Nghĩa Hoài và Tuy Ninh. Nhà Tuỳ bỏ tên quận, đổi làm châu Tống Bình. Nhà Đường, năm Vũ Đức thứ 4 đem 2 huyện Tống Bình và Bình Đạo thuộc Giao Châu đặt làm châu Tống, lại tách đặt 2 huyện Hoằng Giáo và Nam Định. Năm thứ 5, tách huyện Nam Định thuộc châu Tống đặt lại huyện Giao Chỉ và đặt huyện Hoài Đức, đầu đời Đại Lịch dời quận trị đến huyện Tống Bình, đắp

[1] Năm 1888, thực dân Pháp lấy Hà Nội, làm nhượng địa, đổi hai huyện Thọ Xương và Vĩnh Thuận làm huyện Hoàn Long, đổi tên tỉnh Hà Nội là Hà Đông, dời tỉnh lỵ đến xứ Cầu Đơ. Năm 1890 tách phủ Lí Nhân ra đặt làm tỉnh Hà Nam; năm 1909 tách châu Lạc Thủy của tỉnh Hòa Bình cho vào tỉnh Hà Nam.

www.thuvien247.net

thành Đại La. Nhà Lý gọi là thành Thăng Long. Thời thuộc Minh là trị sở của phủ Giao Châu. Nhà Lê, đời Vĩnh Thuận gọi là phủ Phụng Thiên, lãnh 2 huyện Vĩnh Xương và Quảng Đức, đặt các chức Phủ Doãn và Thiếu Doãn. Bản triều, năm Gia Long thứ 4 đổi tên hiện nay, đặt chức tuyên phủ sứ và án phủ sứ, lệ thuộc Bắc Thành, năm Minh Mệnh thứ 8 đổi đặt tri phủ; năm thứ 12, đem huyện Từ Liêm thuộc phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây cho lệ vào. Nay lãnh 3 huyện.

*Huyện Thọ Xương*[1]: huyện lị ở liền tỉnh thành, cách phủ Hoài Đức 9 dặm về phía đông nam. Đông tây cách nhau 2 dặm, nam bắc cách nhau 9 dặm. Phía đông đến sông Nhị đối ngạn với địa giới huyện Gia Lâm tỉnh Bắc Ninh 1 dặm, phía tây đến địa giới huyện Vĩnh Thuận 1 dặm, phía nam đến địa giới huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 6 dặm, phía bắc đến sông Nhị đối ngạn với địa giới huyện Đông Ngàn tỉnh Bắc Ninh 3 dặm, nguyên là đất huyện Long Biên đời Hán; Hiếu Tông nhà Tống[2] mới tách

---

[1] Nay là đất nội thành Hà Nội.

[2] Nhà Tống chép ở đây phải là nhà Tống (420-477) thời Nam Bắc Triều (Trung Quốc), nhưng các vua nhà Tống thời nay không có ông vua nào miếu hiệu là "Hiếu Tông" cả, còn nhà Tống do Khuông Dận sáng lập ra, có ông vua miếu hiệu là Hiếu Tông (1163-1189), ngang với triều Anh Tông và Cao Tông nhà Lý nước ta, nhưng không có lẽ gì nhà Tống thời nay lại có quyền đặt huyện và quận Tống Bình. Vậy chữ "Hiếu Tông" là chép lầm

www.thuvien247.net

ra đặt huyện Tống Bình, sau lại đặt làm quận Tống Bình. Thời thuộc Minh là huyện Đông Quan; đời Lê Quang Thuận gọi là huyện Vĩnh Xương sau đổi tên hiện nay. Đầu đời Gia Long do phủ Hoài Đức kiêm lí. Năm Minh Mệnh thứ 12 mới đặt tri huyện, đổi do phủ Hoài Đức thống hạt. Nay lãnh 8 tổng, 115 thôn phường.

*Huyện Vĩnh Thuận*[1]: huyện lị ở liền tỉnh thành, cách phủ Hoài Đức 6 dặm về phía đông. Đông tây cách nhau 5 dặm, nam bắc cách nhau 10 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Thọ Xương 1 dặm, phía tây đến địa giới huyện Từ Liêm 4 dặm, phía nam đến địa giới huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 6 dặm, phía bắc đến sông Nhị đối ngạn với huyện Đông Ngàn và huyện Gia Lâm tỉnh Bắc Ninh 3 dặm. Nguyên là đất huyện Long Biên đời Hán. Từ nhà Tống về sau thuộc huyện Tống Bình, thời thuộc Minh là huyện Đông Quan. Đời Quang Thuận nhà Lê gọi là Quảng Đức. Năm Gia Long thứ 4 đổi tên hiện nay và do phủ Hoài Đức kiêm lí; năm Minh Mệnh thứ 12 mới đặt tri huyện; năm Tự Đức thứ 4 bỏ tri huyện, do huyện Thọ Xương kiêm nhiếp. Nay lãnh 5 tổng, 40 thôn phường, trang trại. Huyện lị ở xã Khán Xuân, nay bỏ.

---

[1] Nay là đất nội thành Hà Nội.

www.thuvien247.net

*Huyện Từ Liêm*[1]: đông tây cách nhau 11 dặm, nam bắc cách nhau 14 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Vĩnh Thuận 1 dặm. Phía tây đến địa giới huyện Đan Phượng tỉnh Sơn Tây 10 dặm. Phía nam đến địa giới huyện Thanh Trì phủ Thường Tín 5 dặm. Phía bắc đến sông Nhị đối ngạn với địa giới huyện Đông Ngàn tỉnh Bắc Ninh và địa giới huyện Yên Lãng tỉnh Sơn Tây 9 dặm. Nguyên là đất huyện Luy Lâu đời Hán. Đời Tuỳ đổi làm huyện Giao Chỉ. Đời Đường năm Vũ Đức thứ 4 tách đặt châu Từ Liêm, (vì có sông Từ và sông Liêm). Thời thuộc Minh huyện Từ Liêm, thuộc phủ Giao Châu. Đời Lê Quang Thuận thuộc phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây. Bản triều, đầu đời Gia Long cũng theo như thế, năm Minh Mệnh thứ 12 đổi do phủ Hoài Đức kiêm lí. Nay lãnh 13 tổng, 87 xã thôn sở. Huyện lị trước ở xã Ngải Cầu, nay bỏ.

*Phủ Thường Tín*: ở cách tỉnh thành 31 dặm về phía nam. Đông tây cách nhau 20 dặm, nam bắc cách nhau 50 dặm. Phía đông đến sông Nhị đối ngạn với địa giới huyện Gia Lâm tỉnh Bắc Ninh và địa giới huyện Đông Yên thuộc tỉnh Hưng Yên 10 dặm, phía tây đến địa giới huyện Thanh Oai phủ Ứng Hoà 10 dặm, phía nam đến địa giới huyện Duy Tiên

---

[1] Nay cũng là huyện Từ Liêm.

www.thuvien247.net

phủ Lý Nhân 32 dặm, phía bắc đến địa giới các huyện Thọ Xương và Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức 22 dặm. Nguyên là đất quận Giao Chỉ đời Hán, từ đời Trần trở về trước là châu Thượng Phúc. Thời thuộc Minh là châu Phúc Yên, lãnh 3 huyện. Đời Lê Quang Thuận đặt tên phủ hiện nay, thuộc thừa tuyên Sơn Nam, vẫn lãnh 3 huyện. Năm Cảnh Hưng thứ 2 thuộc lộ Sơn Nam; đời Tây Sơn thuộc trấn Sơn Nam thượng. Bản triều đầu đời Gia Long vẫn theo như thế; năm Minh Mệnh thứ 3 thuộc trấn Sơn Nam; năm thứ 12 đổi lệ tỉnh Hà Nội. Nay lãnh 3 huyện.

*Huyện Thượng Phúc*[1]: đông tây cách nhau 20 dặm, nam bắc cách nhau 23 dặm. Phía đông đến sông Nhị đối ngạn với địa giới huyện Đông Yên tỉnh Hưng Yên 10 dặm, phía tây đến địa giới hai huyện Sơn Minh và Thanh Oai phủ Ứng Hoà 10 dặm, phía nam đến địa giới huyện Phú Xuyên 19 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Thanh Trì 4 dặm. Xưa là châu Thượng Phúc. Thời thuộc Minh đổi làm huyện Bảo Phúc thuộc châu Phúc Yên, lệ vào phủ Giao Châu. Đời Lê Quang Thuận đổi tên hiện nay, lệ vào phủ Thường Tín. Bản triều vẫn theo như thế, nhưng do phủ kiêm lí. Nay lãnh 12 tổng, 82 xã thôn.

---

[1] Nay là huyện Thường Tín.

www.thuvien247.net

*Huyện Thanh Trì*: ở cách phủ 12 dặm về phía bắc, đông tây cách nhau 12 dặm, nam bắc cách nhau 21 dặm. Phía đông đến sông Nhị đối ngạn với địa giới 2 huyện Gia Lâm và Văn Giang tỉnh Bắc Ninh và địa giới huyện Đông Yên tỉnh Hưng Yên 6 dặm, phía tây đến địa giới huyện Thanh Oai phủ Ứng Hoà 6 dặm, phía nam đến địa giới huyện Thượng Phúc 8 dặm, phía bắc đến địa giới 3 huyện Thọ Xương, Vĩnh Thuận và Từ Liêm phủ Hoài Đức 13 dặm. Xưa là châu Long Đàm, lệ vào phủ Giao Châu. Đời Lê Quang Thuận là huyện Long Đàm lệ vào phủ Thường Tín, sau đời trung hưng, vì tránh huý[1] đổi làm Thanh Trì, sau lại đổi chữ *thanh* là trong làm chữ *thanh* là xanh. Bản triều vẫn theo như thế. Nay lãnh 12 tổng, 100 xã thôn phường châu.

*Huyện Phú Xuyên*: ở cách phủ 26 dặm về phía nam. Đông tây cách nhau 15 dặm, nam bắc cách nhau 14 dặm. Phía đông đến sông Nhị đối ngạn với địa giới huyện Kim Động tỉnh Hưng Yên 10 dặm, phía tây đến địa giới huyện Sơn Minh phủ Ứng Hoà 5 dặm, phía nam đến địa giới hai huyện Nam Xang và Duy Tiên phủ Lý Nhân 6 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Thượng Phúc 8 dặm. Xưa là đất huyện Phù Lưu. Thời thuộc Minh do châu Phúc Yên lãnh,

---

[1] Vua Lê Thế Tông (1573 – 1599) nhà Lê, húy là Duy Đàm

www.thuvien247.net

lệ vào phủ Giao Châu. Đời Lê Quang Thuận là huyện Phù Vân, đổi lệ vào phủ Thường Tín. Đời Quang Thiệu đổi làm Phú Nguyên, nhà Mạc đổi tên hiện nay[1]. Nay lãnh 11 tổng, 82 xã thôn.

*Phủ Ứng Hoà*: ở cách tỉnh thành 56 dặm về phía tây nam. Đông tây cách nhau 74 dặm, nam bắc cách nhau 83 dặm. Phía đông đến địa giới hai huyện Thượng Phúc và Phú Xuyên phủ Thường Tín 32 dặm, phía tây đến địa giới huyện Mĩ Lương tỉnh Sơn Tây 42 dặm, phía nam đến địa giới hai huyện Kim Bảng và Duy Tiên phủ Lý Nhân 50 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức 33 dặm. Nguyên là đất quận Giao Chỉ đời Hán. Đời Lý là phủ Ứng Thiên, sau đổi làm huyện. Thời thuộc nhà Minh đổi làm Ứng Bình thuộc châu Uy Man lệ vào phủ Giao Châu. Đời Lê Quang Thuận lại đặt làm phủ Ứng Thiên, thuộc Sơn Nam thừa tuyên, lãnh 4 huyện. Năm Cảnh Hưng thứ 2, thuộc Sơn Nam thượng lộ. Đời Tây Sơn thuộc Sơn Nam thượng trấn. Bản triều đầu đời Gia Long vẫn theo như thế; năm thứ 14 đổi tên hiện nay. Năm Minh Mệnh thứ 3, thuộc trấn Sơn Nam; năm thứ 12 đổi thuộc tỉnh Hà Nội; năm thứ 13 tách lấy hai huyện Chương Đức và Thanh Oai đặt làm phân phủ. Năm Tự Đức thứ 5 bỏ phân phủ, lại lãnh 4 huyện.

---

[1] Vì huý Mạc Phúc Nguyên (1546 - 1561) nên đổi *Nguyên* làm *Xuyên*

www.thuvien247.net

*Huyện Sơn Minh*[1]: đông tây cách nhau 14 dặm, nam bắc cách nhau 16 dặm. Phía đông đến địa giới hai huyện Thượng Phúc và Phú Xuyên phủ Thường Tín 12 dặm, phía tây đến địa giới hai huyện Hoài An và Chương Đức 13 dặm. Nguyên là huyện Sơn Minh, thời thuộc Minh đổi làm Sơn Định, thuộc châu Uy Man, lệ vào phủ Giao Châu. Đời Lê Quang Thuận lại theo tên cũ, do phủ Ứng Hoà kiêm lí. Bản triều vẫn theo như thế. Nay lãnh 8 tổng, 75 xã thôn.

*Huyện Hoài An*[2]: ở cách phủ 7 dặm về phía nam; đông tây cách nhau 19 dặm, nam bắc cách nhau 26 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Sơn Minh 5 dặm, phía tây đến địa giới huyện Mĩ Lương tỉnh Sơn Tây 14 dặm, phía nam đến địa giới huyện Kim Bảng phủ Lý Nhân 26 dặm, phía bắc đến địa giới hai huyện Sơn Minh và Chương Đức 6 dặm. Thời thuộc Minh là đất hai huyện Phù Lưu và Thái Đường, nay xét các xã trong hạt huyện có tên hai xã Phù Lưu và Thái Đường. Đời Lê Quang Thuận mới đặt tên huyện này, do phủ thống hạt. Bản triều vẫn theo như thế, năm Tự Đức thứ 4, bỏ tri huyện, do phủ kiêm nhiếp. Nay lãnh 4 tổng, 50 xã thôn phường sở. Lị sở trước ở xã Đặng Xá, nay bỏ.

---

[1] Nay là huyện Ứng Hòa

[2] Là đất huyện Ứng Hòa và huyện Mĩ Đức ngày nay.

www.thuvien247.net

*Huyện Chương Đức*[1]: ở cách phủ 14 dặm về phía đông nam; đông tây cách nhau 22 dặm, nam bắc cách nhau 78 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Thanh Oai 7 dặm, phía tây đến địa giới huyện Mĩ Lương tỉnh Sơn Tây 15 dặm, phía nam đến địa giới huyện Hoài An và địa giới huyện Gia Viễn tỉnh Ninh Bình 56 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Yên Sơn 22 dặm. Đặt từ đời Lê Quang Thuận, lệ vào phủ Ứng Hoà. Bản triều vẫn theo như thế; năm Minh Mệnh thứ 13, đặt làm phân phủ, năm Tự Đức thứ 5 bỏ phân phủ, đặt tri huyện vẫn do phủ Ứng Hoà thống hạt. Nay quản lãnh 9 tổng, 69 xã thôn trại sở.

*Huyện Thanh Oai*: ở cách phủ 17 dặm về phía đông bắc; đông tây cách nhau 11 dặm, nam bắc cách nhau 33 dặm. Phía đông đến địa giới hai huyện Thượng Phúc và Thanh Trì phủ Thường Tín 7 dặm, phía tây đến địa giới huyện Chương Đức 4 dặm, phía nam đến địa giới huyện Sơn Minh 20 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Từ Liêm 13 dặm. Có lẽ là đất Đỗ Động xưa, tên Thanh Oai mới có từ đời Lý (Lý Cao Tông, năm Trị Bình Long Ứng thứ 3 gọi là Hương Thanh Oai[2] sau là huyện); thời thuộc Minh,

---

(1) Nay là huyện Chương Đức.

(2) *Đại Việt sử kí toàn thư* (quyển IV tờ 25) chép năm Trị Bình Long Ứng thứ 3, người Man ở núi Tản Viên thuộc châu Quốc Oai đánh phá hương Thanh Oai, quân chúng rất đông.

www.thuvien247.net

huyện này thuộc châu Uy Man, lệ phủ Giao Châu. Đời Lê Quang Thuận cho lệ vào phủ Ứng Hoà, sau lại đổi chữ *thanh* làm chữ *thanh*. Bản triều vẫn theo như thế. Nay quản lãnh 12 tổng, 93 xã thôn trang.

*Phủ Lý Nhân*: ở cách tỉnh thành 90 dặm về phía đông nam, đông tây cách nhau 56 dặm, nam bắc cách nhau 77 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Thượng Nguyên tỉnh Nam Định 9 dặm, phía tây đến địa giới huyện Chương Đức 47 dặm. Phía nam đến bến Doan Vĩ đối ngạn với địa giới huyện Gia Viễn tỉnh Ninh Bình 40 dặm. Phía bắc đến địa giới huyện Phú Xuyên phủ Thường Tín 37 dặm. Đời Hán là đất quận Giao Chỉ. Từ đời Trần về trước là châu Lị (Lợi) Nhân. Thời thuộc Minh lệ vào phủ Giao Châu, lãnh 6 huyện; đời Lê Quang Thuận gọi là Lị Nhân và thăng làm phủ, thuộc Sơn Nam thừa tuyên lãnh 5 huyện. Năm Cảnh Hưng thứ 2 thuộc Sơn Nam thượng lộ. Đời Tây Sơn cho thuộc Sơn Nam thượng trấn. Bản triều đầu đời Gia Long cũng theo như thế; năm Minh Mệnh thứ 3 đổi tên hiện nay và cho thuộc trấn Sơn Nam; năm thứ 12 đổi lệ vào tỉnh Hà Nội; năm thứ 13 trích lấy hai huyện Nam Xang và Bình Lục đặt làm phân phủ; năm Tự Đức thứ 5 bỏ phân phủ, lại lãnh 5 huyện.

*Huyện Kim Bảng*: đông tây cách nhau 20 dặm, nam bắc cách nhau 22 dặm. Phía đông đến địa giới

www.thuvien247.net

hai huyện Duy Tiên và Thanh Liêm 3 dặm, phía tây đến địa giới huyện Chương Đức phủ Ứng Hoà và địa giới huyện Yên Hoá tỉnh Ninh Bình 7 dặm, phía nam đến địa giới huyện Thanh Liêm 3 dặm, phía bắc đến địa giới hai huyện Sơn Minh và Hoài An phủ Ứng Hoà 10 dặm. Từ đời Trần trở về trước gọi là Cảo Bảng. Thời thuộc Minh do châu Lị Nhân lãnh, lệ vào phủ Giao Châu. Đời Lê Quang Thuận đổi tên hiện nay và cho lệ vào phủ Lý Nhân. Đời Tây Sơn đổi làm lị sở của Sơn Nam thượng trấn. Bản triều đầu đời Gia Long vẫn theo như thế; năm Minh Mệnh thứ 13 đổi do phủ kiêm lí. Nay lãnh 6 tổng, 57 thôn trang sở.

*Huyện Duy Tiên*: ở cách phủ 13 dặm về phía đông bắc, đông tây cách nhau 13 dặm, nam bắc cách nhau 22 dặm. Tính từ huyện thành cũ là xã Ninh Lão, thì phía đông đến địa giới huyện Nam Xang 9 dặm, phía tây đến địa giới huyện Kim Bảng 4 dặm, phía nam đến địa giới hai huyện Kim Bảng và Bình Lục 11 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Phú Xuyên phủ Thường Tín 11 dặm. Mới đặt từ đời Lê Quang Thuận, gọi là huyện Duy Tân, lệ vào phủ Lý Nhân, sau đời trung hưng, vì tránh tên huý[1] đổi tên hiện nay. Bản triều vẫn theo như thế. Trước do phủ Lý

[1] Lê Kính Tông (1600 - 1619) húy là Duy Tân.

www.thuvien247.net

Nhân thống hạt, năm Tự Đức thứ 5 bỏ tri huyện do phủ kiêm nhiếp. Nay lãnh 6 tổng, 60 xã thôn trang. Lị sở cũ trước ở xã Ninh Lão, năm Minh Mệnh thứ 18, đóng nhờ ở phủ thành, nay bỏ.

*Huyện Thanh Liêm*: ở cách phủ 7 dặm về phía nam; đông tây cách nhau 26 dặm, nam bắc cách nhau 30 dặm. Tính từ huyện thành cũ là xã Hương Ngãi thì phía đông đến địa giới huyện Bình Lục 13 dặm, phía tây đến địa giới huyện Kim Bảng và sơn phận huyện Gia Viễn tỉnh Ninh Bình 13 dặm, phía nam đến giang phận huyện Gia Viễn và địa giới huyện Ý Yên tỉnh Nam Định 25 dặm, phía bắc đến địa giới hai huyện Kim Bảng và Duy Tiên 5 dặm. Từ đời nhà Trần về trước gọi là Thanh Liêm. Thời thuộc Minh do châu Lị Nhân lãnh, lệ vào phủ Giao Châu. Đời Lê Quang Thuận đổi làm Thanh Liêm, lệ vào phủ Lý Nhân. Bản triều vẫn theo như thế, năm Tự Đức thứ 5 bỏ tri huyện, do huyện Bình Lục kiêm nhiếp. Nay lãnh 8 tổng, 63 xã thôn trang. Lị sở trước ở xã Hương Ngãi, năm Minh Mệnh thứ 20, đóng nhờ ở phủ thành, nay bỏ.

*Huyện Nam Xang*[1]: ở cách phủ 50 dặm về phía đông nam. Đông tây cách nhau 22 dặm, nam bắc

[1] Bản *Nhất thống chí* của Thư viện khoa học Trung ương chép sót huyện này. Nay là huyện Lý Nhân

www.thuvien247.net

cách nhau 17 dặm. Phía đông đến sông Nhị đối ngạn với địa giới hai huyện Kim Động và Tiên Lữ tỉnh Hưng Yên 8 dặm, phía tây vượt sông đến địa giới hai huyện Duy Tiên và Bình Lục 14 dặm, phía nam đến sông Nhị đối ngạn với địa giới hai huyện Thượng Nguyên và Mĩ Lộc tỉnh Nam Định 14 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Phú Xuyên phủ Thường Tín 3 dặm. Nguyên là huyện Lị Nhân. Đời Lê Quang Thuận làm huyện Nam Xang. Trước do phân phủ kiêm lí, nay đặt tri huyện.

*Huyện Bình Lục*: ở cách phủ 23 dặm về phía tây nam. Đông tây cách nhau 8 dặm, nam bắc cách nhau 28 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Nam Xang 5 dặm, phía tây đến địa giới huyện Thanh Liêm 3 dặm, phía nam đến địa giới huyện Ý Yên tỉnh Nam Định 16 dặm; phía bắc đến sông Châu đối ngạn địa giới hai huyện Nam Xang và Duy Tiên 12 dặm. Từ đời Trần về trước vẫn có tên huyện. Thời thuộc Minh, do châu Lị quản lãnh, lệ vào phủ Giao Châu. Đời Lê Quang Thuận, đổi lệ vào phủ Lý Nhân. Đời Tây Sơn đổi tên là Ninh Lục. Bản triều đầu đời Gia Long lại theo tên cũ; năm thứ 7, do phủ kiêm lí; năm Minh Mệnh thứ 13 đặt tri huyện, sau đặt riêng làm phân phủ; năm Tự Đức thứ 5 bỏ phân phủ, do phủ Lý Nhân kiêm nhiếp. Nay lãnh 4 tổng, 37 xã thôn

www.thuvien247.net

## HÌNH THẾ

Địa thế ở giữa các tỉnh Bắc Kì, các dãy núi ở phía tây nam kéo đến đây mở ra rộng rãi, đất màu đồng phẳng, sông Nhị bao bọc phía tả sông Hát vòng quanh phía hữu, mặt nam suốt đến Ninh Bình, Nam Định, mặt tây thông đến Sơn Tây, Hưng Hoá, Tuyên Quang, mặt bắc giáp Bắc Ninh, mặt đông giáp Hưng Yên, đường thuỷ, đường bộ trôi về. Tỉnh thành nương vào sông, bốn mặt là đồng nội, có thể khống chế các hạt khác, các triều đại trước đất này là đô hội nổi tiếng, trải sáu bảy trăm năm nay tinh khí núi sông đã phát tiết hết mà đến nay vẫn còn là nơi quan khổn hùng tráng

## KHÍ HẬU

Tháng Giêng mưa nhỏ, hơi rét, còn nhiều gió đông, tháng 2 tháng 3 khí hậu trở dần thành điều hoà và nắng ấm. Tháng 4, tháng 5 thường nóng nực, sau tiết tiểu mãn[1] nước sông Nhị to dần, ngày thượng phục[2] mưa nhiều, ngày trung phục và mạt phục[3] nước lũ đổ về, việc đê điều rất là quan hệ.

---

[1] Tiểu mãn: tiết nhằm giữa tháng 4 âm lịch, phỏng ngày 21 - 22 tháng 5 dương lịch.

[2] và [3] Sau tiết hạ chí (phỏng 21, 22 tháng 6 dương lịch), ngày nào gặp ngày "Canh" lần thứ ba là ngày thượng phục, gặp ngày "Canh" lần thứ tư là ngày trung phục; sau tiết lập thu (phỏng ngày 8, 9 tháng 8 dương lịch) ngày nào gặp ngày "Canh" lần đầu là ngày mạt phục. Theo thuyết ngũ hành xưa, thì "Canh" thuộc loài kim, mà kim sinh thủy, nên nước to.

www.thuvien247.net

Thượng tuần tháng 7 (nhằm các ngày 3, 7 và 8) mưa nhiều, tục gọi "mưa ngâu"; ngày 9 tháng 9, nếu có mưa thì được mùa, không mưa thì mất mùa (câu ca dao: mồng chín tháng chín có mưa, sắm sửa cày bừa chăm việc ruộng nương; mồng chín tháng chín không mưa, bán cả cày bừa bỏ cả ruộng nương). Đến tiết sương giáng[1] thì nước lũ hết, gió đông bắc giá rét, có sương như muối (tục gọi sương muối) thì cây cỏ bị thương tổn nhiều. Đại thể khí hậu trong một năm hè thu nhiều mưa, đông xuân nhiều nắng, lúa cấy hai mùa, ruộng cao cấy vào những tháng hè, thu hoạch vào mùa đông, ruộng trũng, cấy vào những tháng mùa đông, thu hoạch vào mùa hè, từ tháng Giêng đến tháng 8 đều có thể chăn tằm được.

## PHONG TỤC

Nhân dân đều có nghề chuyên, nhiều nhất là nghề làm ruộng. Đàn ông chăm học, phụ nữ siêng dệt may, công nghệ tinh khéo. Thành thị là nơi tụ họp công thương, có lẫn cả người nước Thanh, tập tục thích xa hoa, dân thôn quê tần tiện chất phác. Những tháng làm ruộng, đàn ông hay uống chè, uống rượu ở quán hàng, việc cày cấy đều về tay phụ nữ. Các tiết Nguyên đán, cúng tế thần thánh và tổ tông, tiết Đoan dương

---

[1] Trong tháng 10 âm lịch vào ngày 23, 24 tháng 10 dương lịch.

www.thuvien247.net

bẻ ngải làm thuốc; ba tháng mùa xuân mở hội vào đám; tiết Trung thu thắp đèn chơi trăng; tháng Mười cúng cơm mới; tháng Chạp họp người trong họ đi tảo mộ. Việc tang tế phần nhiều xa xỉ quá mức, đua nhau làm cỗ bàn để khoa trương (có cái bánh bề ngang hàng thước). Người có việc mời làng nếu rượu thịt không đầy đủ thì bị trách móc chê bai.

## THÀNH TRÌ

Đời Lý gọi là thành Thăng Long, mở cửa Đại Hưng, tức là đình Quảng Minh ngày nay, phía bắc là cửa Đông Hoa tức là cầu Đông Thị ngày nay, phía tây là cửa Quảng Đức tức là đường Giảng Võ ngày nay, còn cửa Diệu Đức ở phía bắc thì nay bị lở xuống sông. (*Xét*: Thành Thăng Long dựng từ năm Thuận Thiên thứ nhất (1010) đời Lý, đến năm Gia Long thứ 2 (1803) sửa lại, gồm 794 năm).

*Thành tỉnh Hà Nội*: chu vi 432 trượng linh, cao 1 trượng 1 thước 2 tấc; hào rộng trên dưới 4 trượng, mở 5 cửa, ở địa phận hai huyện Thọ Xương và Vĩnh Thuận. Từ đời nhà Lê về trước kinh đô đều đặt ở đây; lại có tên là thành Phụng Thiên, ở trong thành Đại La. Thành lâu năm sụt đổ, đến đời Tây Sơn, theo nền cũ đắp thành quanh từ cửa Đông Hoa đến cửa Đại Hưng. Bản triều đầu đời Gia Long lấy làm lị sở của Bắc Thành. Năm thứ 3, triều thần bàn rằng

www.thuvien247.net

thể chế xây thành của Tây Sơn không hợp qui cũ, tâu xin sửa đổi. Năm thứ 4, sai quan đốc sức việc xây đắp, trong thành dựng kì đài và hành cung với hai điện chính, một tả vu, một hữu vu; mặt sau dựng ba toà nội điện, sau điện dựng lầu Tinh Bắc, quanh nội điện đều xây tường gạch; lại đằng trước chính điện xây một đường ống bằng đá thẳng đến Đoan Môn, có biển bằng đá khắc hai chữ "Đoan môn", đấy là di tích từ đời Lý; ngoài cửa dựng nhà bia, xây kì đài, qui mô rộng lớn. Năm Minh Mệnh thứ 12, chia tỉnh hạt, lấy thành này làm thành tỉnh Hà Nội; năm thứ 16; cho rằng thân thành quá cao, giảm bớt đi 1 thước 8 tấc. Các đời Gia Long, Minh Mệnh, Thiệu Trị dùng thành này làm sở bang giao.

*Thành phủ Hoài Đức*: thành đất, chu vi 203 trượng 0 thước 2 tấc, cao 7 thước 2 tấc, hào rộng 2 trượng 5 thước; mở 3 cửa, ở địa phận xã Dịch Vọng huyện Từ Liêm. Trước ở thôn Tiên Thị huyện Thọ Xương, bản triều năm Minh Mệnh thứ 14 mới dời đến chỗ hiện nay.

*Lị sở huyện Thọ Xương*: ở thôn Tiên Thị, tổng Thuận Mĩ. Trước huyện lị đóng nhờ ở phía đông nam ngoài tỉnh thành, bản triều năm Thiệu Trị thứ 2 mới dời đến chỗ hiện nay.

*Thành phủ Thường Tín*: thành đất, chu vi 203 trượng 2 thước, cao 7 thước 2 tấc; hào rộng 3 trượng

www.thuvien247.net

mở 3 cửa, ở địa phận xã Vân Trai huyện Thượng Phúc. Trước ở xã La Phù, bản triều năm Gia Long thứ 7 dời đến xã Hà Hồi, năm Minh Mệnh thứ 13 dời đến chỗ hiện nay.

*Lị sở huyện Thanh Trì*: ở xã Phù Liệt, trước ở xã Quỳnh Đôi, sau dời đến xã Đông Phù Liệt, bản triều đời Gia Long mới dời đến chỗ hiện nay.

*Lị sở huyện Phú Xuyên*: ở xã Mĩ Lâm trước ở xã Nam Phú, bản triều đời Gia Long mới dời đến chỗ hiện nay.

*Thành phủ Ứng Hoà*: thành đất, chu vi 372 trượng, cao 7 thước 2 tấc; hào rộng 2 trượng 2 thước, mở 3 cửa; ở địa phận xã Phương Đình huyện Sơn Minh, đắp năm Minh Mệnh thứ 11.

*Lị sở huyện Chương Đức*: ở xã Hoàn Xá, trước ở xã Quảng Bị, năm Thiệu Trị thứ nhất mới dời đến chỗ hiện nay.

*Lị sở huyện Thanh Oai*: ở xã Bảo Đà, trước ở địa phận các xã Thượng Thanh và Ninh Dương, năm Gia Long thứ 17 mới dời đến chỗ hiện nay.

*Thành phủ Lý Nhân*: thành đất, chu vi 327 trượng, cao 7 thước 2 tấc; hào rộng 5 trượng, mở 3 cửa; ở địa phận xã Châu Cầu, huyện Kim Bảng. Trước là thành của trấn Sơn Nam Thượng; đắp năm Gia Long thứ 3, đến năm Minh Mệnh thứ 13 dựng

www.thuvien247.net

làm thành phủ, sau lại đem huyện lị Thanh Liêm và Duy Tiên cùng đóng ở đây.

*Thành huyện Nam Xang*: thành đất, chu vi 286 trượng 0 thước 6 tấc, cao 7 thước 2 tấc; hào rộng 1 trượng 5 thước, mở 3 cửa, ở địa phận 2 xã Nga Khê và Nga Thượng, trước ở xã Chi Long; năm Minh Mệnh thứ 10 mới dời đến chỗ hiện nay.

*Thành huyện Bình Lục*: thành đất, chu vi 271 trượng 6 thước, cao 7 thước 2 tấc; hào rộng 4 trượng; mở 3 cửa, hai bên xây gạch; ở địa phận xã Cổ Tho. Trước ở xã Yên Dương, năm Gia Long thứ 3 do phủ Lý Nhân kiêm lí mới dời đến chỗ hiện nay. Năm Minh Mệnh thứ 6 đắp thêm, năm thứ 13 thay đổi, đem huyện Kim Bảng do phủ kiêm lí và dời phủ lị Lý Nhân đến trấn Sơn Nam Thượng; đem thành này làm thành huyện Bình Lục, nay vẫn theo như thế.

*Trường thi Hà Nội*: ở phía tây nam tỉnh thành, xung quanh xây tường gạch, chu vi 182 trượng 1 thước, bên trong gồm 21 toà đường viện, dựng năm Thiệu Trị thứ 5.

## TRƯỜNG HỌC

*Trường học tỉnh Hà Nội*: ở phía tây trong tỉnh thành, trước ở phía tả cửa Văn Miếu, năm Minh Mệnh thứ 17 mới dời đến chỗ hiện nay.

www.thuvien247.net

*Trường học phủ Hoài Đức*: ở phía tây bắc trong phủ thành; trước ở phía tả cửa Văn Miếu, cùng chỗ với trường học của tỉnh, năm Minh Mệnh thứ 21 mới dời đến chỗ hiện nay.

*Trường học phủ Thường Tín*: ở xã Hà Hồi phía đông ngoài phủ thành, dựng năm Minh Mệnh thứ 6.

*Trường học huyện Thanh Trì*: ở xã Phù Liệt phía tây huyện lị, dựng năm Minh Mệnh thứ 6.

*Trường học huyện Phú Xuyên*: ở xã Mĩ Lâm, phía đông bắc huyện lị, dựng năm Minh Mệnh thứ 15.

*Trường học phủ Ứng Hoà*: ở xã Phương Đình, phía nam phủ thành, dựng năm Minh Mệnh thứ 11.

*Trường học huyện Chương Đức*: ở xã Hoàng Xá, phía nam huyện lị, trước ở xã Quảng Bị, năm Minh Mệnh thứ 13 mới dời đến chỗ hiện nay.

*Trường học huyện Thanh Oai*: ở xã Bảo Bà, dựng năm Minh Mệnh thứ 15.

*Trường học phủ Lý Nhân*: ở lệch về phía đông trong phủ thành. *Xét*: Từ khi huyện lị của hai huyện Duy Tiên và Thanh Liêm dời đến đóng chung ở phủ thành Lý Nhân, thì chức huấn đạo hai huyện này đều bỏ, mà viên giáo thụ ở phủ kiêm giữ việc dạy học, cho nên bỏ trường học của hai huyện.

www.thuvien247.net

*Trường học huyện Nam Xang*: ở phía bắc trong huyện thành; trước ở địa phận xã Nga Thượng, năm Minh Mệnh thứ 15 mới dời đến chỗ hiện nay.

*Trường học huyện Bình Lục*: ở phía tây trong huyện thành, trước ở phía nam ngoài huyện thành, năm thứ 17 mới dời đến chỗ hiện nay.

## HỘ KHẨU

Đời Minh Mệnh, số đinh 52.335 người, nay 60.257

## THUẾ RUỘNG

Ruộng đất 393.066 mẫu, ngạch thuế hộc thóc 245.650. 202.995 quan tiền, 1.276 lạng bạc.

Theo sổ năm Đinh Dậu[1] ruộng đất tỉnh Hà Nội 275.380 mẫu, tỉnh Hà Na 157.229 mẫu.

## NÚI SÔNG

*Núi Nùng*: ở trong tỉnh thành, có tên nữa là núi Long Đỗ, Lý Thái Tổ đóng kinh đô, dựng chính điện ở trên núi. Đời Lê gọi là điện Kính Thiên. Bản triều đặt làm hành cung, vẫn gọi theo tên cũ. Năm Thiệu Trị thứ 3 đổi gọi là điện Long Thiên (điện đình ở núi Nùng có xây bệ rồng cao 9 bậc, tả hữu

[1] Đinh Dậu, tức năm Thành Thái thứ 9 (1897).

www.thuvien247.net

có hai con rồng, dài hơn 1 trượng, chế từ đời Lý). Tương truyền, đời Lê Thống Nguyên nhà Mạc cướp quyền, khi Mạc Đăng Dung theo từng bậc bước lên bệ, bị con rồng cắn xé áo long cổn, Dung tức giận, sai người lấy búa bổ vào rồng, nay vết sứt vẫn còn.

*Núi Khán Sơn*: ở lệch về phía tây bắc trong tỉnh thành, chu vi hơn 30 trượng. Đời Lê, Thuần Hoàng Đế thường lên núi này xem duyệt binh giảng võ, nên gọi tên núi là Khán Sơn.

*Núi Tam Sơn*: ở bên cạnh cửa bắc trong tỉnh thành, núi có 3 ngọn nên gọi tên thế, chu vi hơn 30 trượng. Tương truyền núi này là chẩm của núi Nùng.

*Núi Ninh Sơn*: ở xã Ninh Sơn, cách huyện Chương Đức 79 dặm về phía bắc, trông ra sông Hát, đời Lê dựng hành cung ở trên núi làm nơi tuần du.

*Núi Chúc Sơn*: ở xã Chúc Sơn phía tây nam Ninh Sơn. Một dải từ núi Tản Viên tỉnh Sơn Tây kéo đến, qua địa phận huyện Mĩ Lương đến huyện Chương Đức nổi lên Chúc Sơn, lại ven theo địa phận các huyện Chương Đức, Hoài An, Kim Bảng, Thanh Liêm tiếp đến địa giới Ninh Bình.

*Núi Tượng Sơn*: ở cách huyện Chương Đức 19 dặm về phía tây nam, do đất bằng nổi vọt lên, trông ra sông Hát cùng các núi thuộc huyện Hoài An đứng đối nhau cách sông, phong cảnh cũng đẹp.

www.thuvien247.net

*Núi Bạch Tuyết*: ở thôn Đường An xã Yên Vĩ cách huyện Hoài An 13 dặm về phía nam. Chung quanh khe núi, một ngọn nổi vọt lên. Dưới núi có hai phiến đá đứng sát nhau như hình cánh cửa; bên giữa có đường đi, vua Lê đến chơi đây có khắc ba chữ "Bạch tuyết môn", trước mặt có cái bầu bằng đá rộng chừng một mẫu, nước khe núi chảy ra rất trong, tương truyền là nơi tắm của vua Lê. Gần đấy có hành cung gọi là "Bảo đài động khẩu" nay vẫn còn nền cũ. Sườn núi khắc ba chữ "Bạch tuyết sơn". Theo đường này đi lên thì có động khắc ba chữ lớn "Ngọc long động" trong động có thạch nhũ, to chừng một ôm, dài 10 trượng, trắng xoá như tuyết, gọi là "cây trường tuyết", gõ vào thấy thành thanh âm.

*Núi Hương Tích*: ở xã Yên Vĩ Thượng cách huyện Hoài An 10 dặm về phía nam. Từ Vân Sơn đi về phía tây, ngược dòng suối dài theo ven núi, buộc thuyền ở chân núi, lên bộ đi chừng nửa dặm đường đến chùa Thiên Trù (chùa Chờ) nghỉ ngơi. Từ đây đi lên, qua khe Giải Oan và đèo Mơ (trong núi có nơi bằng phẳng, rộng chừng 40 mẫu, có những cây mơ già cong queo như hình rồng leo, cây nào cũng đẹp) lên Vân Song, vượt Tam Điệp, đường đi phải vịn vào đá rất hiểm trở mới đến được cửa chùa Hương Tích. Chùa có động, có chuông đồng, trống đồng treo vào vách đá. Cửa động, có khắc 5 chữ

www.thuvien247.net

lớn "Nam thiên đệ nhất động" có ghi niên hiệu là "Hồng Đức niên gian". Động rộng có thể chứa được dăm trăm người, nhũ đá đều có màu sắc, chỗ cao chỗ lõm, trông như hình rồng rắn, hoặc giá sách, giá áo v.v... Có phiến đá nhẵn như đá mài rộng chừng 1 trượng, nổi vọt lên một hòn đá trông như tượng Phật. Bên cạnh tượng lại có phiến đá đứng sững, người ta gọi là "cây đèn". Nhũ đá tua tủa, gõ vào đều thành thanh âm, giọt nước rỏ xuống, làm thành chỗ trũng đọng nước, múc không bao giờ hết, tục gọi "giếng Tiên". Cảnh sắc núi này thanh nhã, hơn cả các núi trong tỉnh Hà Nội.

*Núi Hình Bồng*: ở phía nam huyện Hoài An và bên cạnh núi Hương Tích, sông nước bao bọc, núi dựng thành vách ở hai bên bờ, thạch nhũ tủa xuống như ngọc, phong cảnh như tranh vẽ.

*Núi Tiên*: ở cách huyện Hoài An 11 dặm về phía nam, trông ra sông, đá xếp như bình như tán, phong cảnh thanh nhã.

*Núi Bát Cảnh*: ở xã Quang Trác cách huyện Kim Bảng 19 dặm về phía tây bắc. Có 99 ngọn quanh co mấy dặm, núi non cao dốc, một dòng nước quanh co 8 ngọn núi có tiếng là: Thắng Lãm, Vân Mộng, Tượng Sơn, Bồng Sơn, Bà Sơn, Cao Sơn, Linh Sơn và Tam Giáo. Trên núi có chùa Vân Mộng và

www.thuvien247.net

chùa Thắng Lãm. Cổ nhân thấy non nước ở đây giống Tiêu Tương (Trung Quốc), nên gọi là núi Tiêu Tương, cũng gọi núi Bát Cảnh. Đời Lê dựng hành cung phòng khi vua du ngoạn. Bên cạnh núi đều là đồng sâu, một chỗ gọi là "thuỷ sông" có hố đá như hình cái giếng, sâu không biết cùng.

*Núi Tam Tinh*: ở địa giới huyện Kim Bảng, một dải núi đá liên tiếp, quãng giữa nối một ngọn hơi cao, sườn núi có ba phiến đá trắng, hình tròn, đêm thanh vắng thường thấy ánh sáng như ánh sao, nên gọi là núi Tam Tinh. Nay một phiến ánh sáng hơi mờ đi, tương truyền chúa Trịnh sai thợ đục phiến đá này nhưng không đục được, bèn sai lấy lửa để hun.

*Núi Quyển Sơn*: ở cách huyện Kim Bảng 9 dặm về phía tây nam, về vào hữu ngạn sông Châu Giang. Núi rất cao, sản nhiều cỏ thi; bên dưới có hang rùa, khi trời tạnh nắng, rùa kéo ra hàng đàn bên cạnh núi.

*Núi Long Đội*: ở xã Đọi Sơn phía đông nam huyện Duy Tiên. Lê Đại Hành Hoàng đế cày tịch điền ở đây bắt được một lọ vàng cốm, nên gọi là "kim điền". Đời Lý, vua Nhân Tông dựng chùa và bảo tháp Diên Linh, có bài kí khắc bia, văn tự dùng toàn lời nhà Phật. Cuối đời Trần, người Minh phá

www.thuvien247.net

chùa tháp và đánh đổ bia, đến đời Lê mới dựng lại, Thánh Tông để đề thơ, có câu:

*Lý triều quái đản bi không tại.*
*Minh tặc hung tàn tự dĩ canh.*
*Lộ thiểu nhãn tung đài giáp lục.*
*Sơn đa xuân vũ hiểu ngân thanh.*
(*Triều Lý hoang đường, bia vẫn đấy.*
*Giặc Minh hung bạo chùa đã thay.*
*Đường người đi ít làn rêu biếc;*
*Núi lắm mưa xuân ngấn sáng xanh*).

Dưới chân núi có chín ngọn suối, lại có huyệt đá, gọi là huyệt "Hàm rồng", cửa huyệt thờ tượng đồng Cao Vương. Gần đấy có Điệp Sơn, cũng gọi là núi Kim Ngưu, hình núi trông như con trâu nằm, trên núi có chùa, đằng trước trông ra sông, phong cảnh cũng đẹp.

*Núi Thiên Kiện*: ở cách huyện Thanh Liêm 12 dặm về phía đông, lại có tên là núi Địa Cận, hình núi như bàn tay ngửa; trong núi có hơn trăm mẫu đất bằng, bốn mặt vách đá đứng sững. Đời Trần dựng hành cung ở đây để phòng vua đi du ngoạn. Về sau, vì Chiêm Thành thường sang cướp bóc, Phế Đế[1] sai quân dân chuyên chở tiền kho cất giấu trong

---

[1] *Phế Đế*: tức đế Nghiễn (1377 -1388).

www.thuvien247.net

núi này. Đến lúc Thuận Tông lên ngôi, sai thợ đá đục núi để lấy tiền, núi bị lở, cửa động bị tắc, nên phải bỏ không đục nữa.

*Núi Nam Công*: ở phía hữu sông Châu thuộc huyện Thanh Liêm, phía tây và phía bắc liền nhau, có ngọn Đầu Voi và ngọn Cánh Phượng.

*Núi Hiểm Lộng*: tục gọi là Kẽm Trống, ở trên sông Hát, bờ bên tả là địa phận xã Động Xuyên huyện Thanh Liêm, bờ bên hữu là địa phận xã Yên Quyết tỉnh Ninh Bình, hai ngọn núi giao tiếp nhau, hình thế rất đẹp.

*Núi Lão Sơn*: ở cách huyện Bình Lục 10 dặm về phía nam, có tên nữa là núi Nguyệt Thường, hình dáng như cái lọng tròn, cao ngang với các núi thuộc huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định, chân núi có chùa cổ, cây thông già mọc thành hàng; bên cạnh sông có giếng Tiên.

*Núi Tùng Sơn*: ở phía tây nam huyện Bình Lục, trên núi nhiều cây thông, đỉnh núi có giếng đá, gọi là giếng Tiên; bên cạnh có phiến đá lớn gọi là bàn cờ Tiên; sườn núi có chùa gọi là chùa Vọng Tiên, cũng là phong cảnh đẹp. Lại có núi Hạc Sơn, sườn núi có chùa thờ Sơn Thần.

*Núi Bảo Áng*: ở phía tây nam huyện Bình Lục, đỉnh núi bằng phẳng, Đinh Tiên Hoàng dựng hành cung ở đây, nền cũ vẫn còn. Gần đấy có núi Lập

www.thuvien247.net

Kiếm, lại có núi Tranh, sản giống trúc hoa, bên cạnh núi có đền, tương truyền là chỗ táng Lê Lộ, ông tổ tam đại của Lê Đại Hành

*

* *

*Sông Nhị*: ở cách tỉnh thành Hà Nội chừng nửa dặm về phía đông bắc; do nước sông Lô, sông Chảy tỉnh Tuyên Quang; sông Thao, sông Đà tỉnh Hưng Hoá và sông Đáy tỉnh Sơn Tây, các dòng nước ấy tụ hội ở ngã ba sông Bạch Hạc tỉnh Sơn Tây chảy về phía đông nam vào địa phận huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức, chảy về phía đông bắc dọc theo các huyện Vĩnh Thuận, Thọ Xương, Thanh Trì, Thượng Phúc, Phú Xuyên, gồm 157 dặm, đến xã Yên Lệnh (tục gọi ngã ba Lềnh), thì chia thành hai chi: Một chi chảy về phía tây nam dọc theo các huyện Nam Xang, Bình Lục, Duy Tiên và huyện Thượng Nguyên tỉnh Nam Định, qua ngã ba sông Bộc, sông Ninh gồm 61 dặm, đến địa phận xã Trà Tự; một chi chảy về phía đông, theo địa phận huyện Nam Xang và các huyện Tiên Lữ, Hưng Nhân, Duyên Hà tỉnh Hưng Yên, chảy qua ngã ba Luộc gồm 41 dặm, đến địa phận xã Trà Tự, rồi lại hợp lưu làm một[1], tục gọi ngã ba Vàng, chảy

[1] Các tác giả *Nhất thống chí* lầm, khúc sông này cũng chỉ một dòng, song chỗ đầu có bãi sông khiến người ta có ảo tưởng là sông chia làm hai nhánh.

www.thuvien247.net

vào địa phận tỉnh Nam Định, rồi đổ ra biển. Chi lưu sông Nhị: về phía tây nam thì có hai sông nhỏ là Hát Môn và Tô Lịch, chảy qua địa phận các huyện Từ Liêm, Thanh Oai, Chương Đức, Sơn Minh, Hoài An, Kim Bảng, Duy Tiên, Thanh Liêm, chia ra nhiều nhánh chảy vào sáu cửa biển thuộc tỉnh Ninh Bình và tỉnh Nam Định; về phía đông bắc, thì có các sông nhỏ là Nguyệt Đức, Thiên Đức, Ngũ Huyện Khê, Hàm Long và Nghĩa Trụ, chảy qua địa phận các tỉnh Bắc Ninh, Hưng Yên và Hải Dương, rồi đổ ra năm cửa biển thuộc tỉnh Hải Dương.

Theo *An Nam chí* của Cao Hùng Trưng thì sông Phú Lương, thượng lưu từ sông Lam Thương tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), phía đông bắc là địa giới ti tuyên Uy Xa Lý, phía tây nam là địa giới phủ Lâm Yên, chảy vào lãnh thổ Giao Chỉ ở thác Liên Hoa, chảy về phía đông qua châu Văn Bàn, lại về phía bắc qua huyện Lâm Thao gọi là sông Thao, lại về phía đông đến lãnh thổ Hưng Hoá hợp lưu với sông Bạch Hạc, đến đây lại có nước sông Đà chảy đến gọi là ngã ba Bạch Hạc, lại về phía đông qua phía nam châu Tam Đái đến phía bắc phủ thành Giao Châu, lại về phía đông nam qua địa phận các phủ Thuận An, Thượng Hồng, Hạ Hồng mà chảy suốt ra biển. Theo *Đại Thanh nhất thống chí* thì sông Phú Lương, ở địa phận huyện Đông Quan phủ Giao

www.thuvien247.net

Châu, có một tên nữa là sông Lô, thượng lưu giáp sông Bạch Hạc châu Tam Đái, chảy qua phía đông phủ thành, thông đến sông Đại Hoàng thuộc huyện Lị Nhân, rồi đổ ra biển. Lại xét về tên Nhị Hà thì Hoàng Phúc nước Minh đắp thành Đại La, thấy nước sông chảy vòng quanh như hình cái vòng tai, bèn đặt tên này. Năm Minh Mệnh thứ 17, khắc hình tượng sông vào Tuyên đỉnh. Năm Thiệu Trị thứ 2 dựng bia đá ở bến sông xã Lâm Hạ huyện Gia Lâm tỉnh Bắc Ninh. Năm Tự Đức thứ 3 liệt vào hàng sông lớn, chép vào điển thờ.

*Sông Tô Lịch:* ở phía đông tỉnh thành, là phân lưu của sông Nhị, chảy theo phía bắc tỉnh thành, vào cửa cống thôn Hương Bài tổng Đồng Xuân huyện Thọ Xương, chuyển sang phía tây qua huyện Vĩnh Thuận, đến xã Nghĩa Đô ở phía đông huyện Từ Liêm và các tổng Khương Đình, Quang Liệt, Cổ Điển, Ninh Xá huyện Thanh Trì, quanh co gồm 60 dặm, đến xã Hà Liễu mà vào sông Nhuệ. Sông này mùa đông, mùa xuân nông cạn, mùa hè, mùa thu nước lớn, phải đi bằng thuyền. Theo *Lĩnh nam trích quái* thì xưa Cao Biền thấy một người tóc bạc, diện mạo kì dị, từ sông này đi lên. Biền hỏi thì người ấy xưng là họ Tô tên Lịch, nói xong, liền biến đi. Biền biết là "giang thần", nhây đấy đặt tên sông là "Tô Lịch". Cuối đời Trần, quân Minh

www.thuvien247.net

xâm lấn, đổi tên sông là Tô Giang[1]. Đời Lê lại gọi theo tên cũ; năm Bảo Thái thứ 6, nhà Lê đổi làm sông Địa Bảo.

*Sông Hát*: ở cách tỉnh thành 9 dặm về phía tây nam, là phân lưu của sông Nhị (xem *Sơn Tây tỉnh chí*). Nước sông từ bãi Yên Trung huyện Đan Phượng tỉnh Sơn Tây chảy về phía tây nam huyện Từ Liêm thuộc tỉnh hạt, chảy qua huyện Thanh Oai đến xã Phù Yên huyện Chương Đức thì gặp nước sông Bùi ở phía tây chảy đến, rồi chảy qua huyện Sơn Minh, đến xã Đục Khê huyện Hoài An thì có sông Thường Vệ, lại chảy từ đây qua các tổng Tiên Xá và Đội Sơn, rồi lại đổ vào sông Nhị, quanh co 232 dặm, thượng lưu có thể đi thuyền được trong khoảng mùa hè, mùa thu, còn mùa đông, mùa xuân thì nước cạn.

*Sông Bùi*: ở phía bắc huyện Chương Đức, có tên nữa là sông Yên Duyệt, nguồn từ núi Tản Viên chảy xuống (tức là hạ lưu của sông Tích Giang, xem *Sơn Tây tỉnh chí*) qua xã Yên Duyệt huyện Tùng Thiện đến huyện Mĩ Lương, rồi chảy vào phía tây bắc huyện lị Chương Đức thuộc tỉnh hạt, gồm 15 dặm đến xã Phù Yên thì hợp lưu với sông Hát.

---

[1] *Việt sử thông giám cương mục* (Tiền biên quyển IV) chép là sông Lai Tô.

www.thuvien247.net

*Sông Thường Vệ*: ở cách huyện Hoài An 10 dặm về phía tây, nguồn từ khe núi thuộc huyện Mĩ Lương tỉnh Sơn Tây chảy xuống huyện Chương Đức, rồi chảy về phía nam qua phía tây nam huyện hạt 49 dặm, đến xã Đục Khê thì hợp lưu với sông Hát.

*Sông Châu Cầu*: ở huyện Kim Bảng, nước từ dòng bên tả sông Hát chảy qua xã Châu Cần, có một chi từ phân lưu sông Nhị chảy qua sông Mông đến đây hợp với nhau, lại chuyển sang phía tây bắc chảy qua địa phận tỉnh Ninh Bình rồi đổ vào sông Thanh Quyết.

*Sông Sa Giang*: ở địa phận xã Vĩnh Sơn huyện Kim Bảng, có một chi là Sa Giang, chảy khuất khúc từ phía đông nam qua xã Phù Khê, chuyển sang phía nam đến Châu Cầu, rồi chia ra một chi làm sông Châu Cầu, còn chi chính thì chảy về phía nam qua phía tây huyện Thanh Liêm, quanh co trong tỉnh hạt 242 dặm đến xã Đoan Vĩ vào địa phận tỉnh Ninh Bình làm sông Thanh Quyết, rồi đổ ra cửa biển Nam Định. Năm Bảo Thái thứ 6 đổi tên làm Vân Bảo[1].

*Sông Nhuệ*: ở cách tỉnh thành 34 dặm, có thuyết nói: vì ngọn nguồn nhọn, nên gọi là Nhuệ Giang.

---

[1] *Việt sử thông giám cương mục* (quyển XXXVI) chép: đổi sông Hát làm sông Vân Bảo.

www.thuvien247.net

Nguồn từ phía đông nam đầm Bát Long xã Hạ Mỗ huyện Từ Liêm, chảy vào địa phận huyện Thanh Oai. Phía đông đến xã Hà Liễu huyện Thanh Trì, ở đây có sông Tô Lịch chảy đến, chảy ngoặt sang phía nam qua địa phận xã Tả Nhai huyện Thượng Phúc. Một chi phía đông hợp lưu với sông Kim Ngưu, còn chi chính thì chảy về phía nam vào địa phận xã Thịnh Đức huyện Phú Xuyên lại hợp lưu với sông Kim Ngưu, chảy suốt đến ngã ba Lương rồi hợp với Sa Giang, lại chuyển sang phía nam đến địa phận tổng Trác Bút huyện Nam Xang thì chia làm hai chi: Một chi chảy về phía đông bắc, chuyển đông nam, qua địa phận các tổng Mộc Hoàn và Chuyên Nghiệp huyện Phú Xuyên rồi đổ vào sông Nhị; một chi chảy về phía đông rồi chuyển sang phía nam qua địa phận huyện Duy Tiên, tục gọi ngã ba Vàng, lại chảy về phía đông qua xã Thái Đường huyện Sơn Minh, ở đây có kênh Phương Đình chảy đến, tục gọi ngã ba Sa, lại chảy chuyển sang phía đông, qua địa phận xã Đường Xuyên (tục gọi ngã ba Lương) huyện Phú Xuyên. Sông này vào quãng mùa hè, mùa thu có thể đi thuyền, mùa đông, mùa xuân thì cạn.

*Ngã ba Bộc*: ở địa giới huyện Bình Lục, nguyên là chi lưu của sông Nhị; từ xã Yên Lãnh chảy xuống đến ngã ba Vàng.

www.thuvien247.net

*Sông Kim Ngưu*: ở phía bắc huyện Thanh Trì. Xưa thông với Tây Hồ, sau bị bồi lấp dần, nay nước sông từ địa phận trại Yên Lãnh huyện Vĩnh Thuận chảy xuống cầu đá, qua địa phận các huyện Thọ Xương, Thanh Trì, Thượng Phúc, Phú Xuyên quanh co hơn 80 dặm, rồi hợp với sông Nhuệ. Tương đấy gọi tên sông.

*Ngã ba Mạnh*: có tên nữa là Long Xuyên, ở cách huyện Nam Xang 16 dặm về phía nam, là phân chi của sông Nhị, phía hữu chảy vào địa phận các tổng Trần Xá thuộc huyện hạt; chảy qua địa phận các tổng Ngu Nhuế và An Lý, đến xã Mạnh Khê đổ vào sông Cái, tục gọi ngã ba Mạnh. Sau đắp đê lấp mất thượng lưu, hạ lưu thì đặt cống.

*Khe Bình Lục*: ở phía đông nam huyện Bình Lục, nguồn từ sông Châu Cầu chia ra một chi chảy vào phía đông nam xã Triệu Xá huyện Thanh Liêm, qua phía đông huyện Thanh Liêm và phía tây nam huyện Bình Lục, quanh co hơn 30 dặm như hình rắn bò, rồi đổ vào địa giới huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

*Khe huyện Thanh Liêm*: ở phía đông nam huyện Thanh Liêm, nguồn từ địa phận tổng Kỉ Cầu chảy

www.thuvien247.net

qua các tổng Mĩ Xá, Động Xá, quanh co hơn 20 dặm; phía nam chảy vào địa giới huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

*Sông Lương*: ở địa phận huyện Duy Tiên, có 2 nguồn: Một từ sông Hát chảy vào cửa sông Ngoại Độ; một từ sông Nhuệ chảy lại, qua địa phận xã Đôn Lương (tục gọi sông Lương), đến cửa sông Mang xã Mang Sơn rồi chảy vào sông Cái, lại chạy qua Phạm Giang phát nguyên từ địa phận xã An Xá huyện Thanh Liêm chảy qua đê Kỉ Cầu, quanh co hơn 20 dặm, qua địa phận các tổng Hương Ngãi, Động Xá và Mĩ Xá, rồi vào sông Sát (tục gọi ngã ba Sát) huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

*Tây Hồ*: ở phía tây tỉnh thành; thuộc huyện Vĩnh Thuận, chu vi 21 dặm, nước sâu từ 1 thước đến 1 trượng, xưa gọi là Lãng Bạc, sông Nhị bao bọc ở phía bắc, sông Tô Lịch vòng quanh ở phía nam; nước hồ trong suốt như gương tức là chỗ mà Mã Viện nhà Hán nói là trông thấy chim diều đương bay trên không sà xuống nước. Đời Đường Hàm Thông, Cao Biền đi khắp nơi tìm đất tốt phương nam nhận chỗ này là kiểu đất "phượng hoàng ẩm thuỷ". Lại truyền rằng có trâu vàng từ núi Lạn Kha xổng ra, đến ẩn ở hồ này. Lý Thánh Tông dựng hành cung ở đấy, gọi tên là Dâm Đàm. Nhà Lê đổi tên là Tây Hồ thường trồng sen ở hồ để ngoạn

www.thuvien247.net

thưởng trong khi ngữ ở Li cung. Đời Cảnh Hưng nước hồ tự nhiên đổi sắc, hơi tanh xông sặc sụa, sau đó ở phía đông hồ, đêm đêm thường thấy có một con trâu ăn cỏ, nếu người đến gần thì trâu liền chạy xuống hồ. Một đêm sấm sét mưa gió, đến sáng thì có vết chân trâu từ trong hồ ra đến sông Nhị thì mất, sau không thấy trâu nữa. Nay bờ hồ dân cư đông đúc, chùa quán khang trang là thắng địa để chơi dạo thưởng thức.

*Hồ Tú Uyên*: ở ngoài cửa tây nam tỉnh thành, xưa gọi là phường Bích Câu, trong hồ có chùa cổ. Trước có người học trò tên là Tú Uyên gặp tiên nữ ở đây, vì thế mà đặt tên hồ. Tương truyền, ngày trước có người học học trò tên là Tú Uyên làm nhà học ở gò Kim Qui, gặp tiên nữ tên là Giáng Kiều ở đây, kết duyên vợ chồng, tiên nữ trao cho bí quyết tu tiên, sau đắc đạo thành tiên, vợ chồng đều bay lên trời, sau người ta lập đền thờ ngay chỗ nhà ở.

*Hồ Hoàn Kiếm*: ở ngoài cửa đông nam tỉnh thành. Tương truyền Lê Thái Tổ đi thuyền chơi hồ, có con rùa nổi lên, nhà vua lấy kiếm chỉ rùa, rùa liền ngậm bảo kiếm lặn xuống nước. Lại có thuyết nói trước kia, Thái Tổ bắt được thần kiếm và thần tỉ, bèn dấy quân đánh giặc Minh, sau truyền làm thế bảo, đến hôm Lê Thánh Tông băng thì thần kiếm thần tỉ đều mất, sau người ta thấy đầu thanh kiếm

www.thuvien247.net

nổi ở trong hồ, chốc lát lại biến mất, nên nhân đấy đặt tên hồ. Sau dùng hồ này làm chỗ duyệt thuỷ quân, nên cũng gọi là hồ Thuỷ Quân. Đời Vĩnh Hựu (1735-1740) dựng cung Khánh Thuỵ, đắp các núi Đào Tai và Ngọc Bội để tượng trưng Võ Công, sau đắp ngăn hồ làm hai, phía bắc là Tả Vọng hồ, phía nam là Hữu Vọng hồ, có thuế thuỷ lợi. Trong hồ có gò đất, dựng chùa Ngọc Sơn, đằng trước chùa thờ Văn Xương đế quân, đằng sau chùa thờ Quan Công có bi kí.

*Hồ Bảy Mẫu*: ở cách huyện Thọ Xương 1 dặm về phía đông nam, nhà Lê dùng hồ này làm chỗ duyệt thuỷ quân. Nay trong hồ có miếu cổ.

*Hồ Trúc Bạch*: ở thôn Yên Ninh huyện Vĩnh Thuận, phía bắc tỉnh thành, chu vi 4 dặm, có thuế thuỷ lợi. Trong hồ có núi đất, trên núi có chùa Châu Long.

*Hồ Hàng Đào*: ở địa phận huyện Thọ Xương, có thuế thuỷ lợi. Nay bị bồi lấp.

*Đầm Thịnh Liệt*: ở xã Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì nhiều cá rô, tục gọi đầm Sét.

*Đầm Linh Đường*: ở địa phận huyện Thanh Trì, đầm bọc quanh xã Linh Đường, chu vi 12 dặm, hình như trăng lưỡi liềm, nước hồ trong suốt như gương, nên cũng gọi tên là hồ Nguyệt Kính, hồ nhiều hoa sen hạt rất tốt, nên lại gọi là đầm Sen. Có thuế thuỷ lợi.

www.thuvien247.net

*Đầm Phương Trung*: ở phía tây bắc huyện Thanh Oai, chu vi 7 dặm.

*Đầm Phù Lạc*: ở phía tây bắc huyện Thanh Oai, chu vi 10 dặm.

## CỔ TÍCH

*Thành Đại La*: Trương Bá Nghi đắp năm Đường Đại Hữu thứ 2, sau Triệu Xương và Trương Nghi đắp thêm, đời Ý Tông Cao Biền lại đắp thêm, quanh co 1.982 trượng, có 55 sở vọng lâu, 6 cửa ống, lâu năm đổ lở, không rõ ở chỗ nào. Nay phía ngoài tỉnh thành có luỹ tre bao bọc bốn mặt, hai huyện Thọ Xương và Vĩnh Thuận có 12 cửa ô là xây đắp vào năm Kỉ Tị, Cảnh Hưng thứ 10, không phải là dấu cũ thành Đại La của Cao Biền.

*Bãi Tự Nhiên*: ở địa phận huyện Thượng Phúc, bãi nổi giữa sông, trước là đất của huyện Đông Yên tỉnh Hưng Yên, bản triều năm Minh Mệnh thứ 17, mới đổi lệ vào huyện Thượng Phúc.

*Bãi Quần Thần*: ở địa phận huyện Từ Liêm, là chỗ Lý Nam Đế và Triệu Quang Phục chia địa giới giảng hoà với nhau, nay là địa phận hai xã Thượng Cát và Hạ Cát.

*Thành cổ Ô Diên*: ở địa phận huyện Từ Liêm, sau khi Lý Nam Đế giảng hoà với Triệu Quang

www.thuvien247.net

Phục, dời đến ở đây. Lúc Triệu Quang Phục lên ngôi, cũng đóng ở đây. Nhà Đường, năm Vũ Đức thứ 4, đặt làm huyện Ô Diên nay là xã Hạ Mỗ.

*Thành cổ Đỗ Sứ quân*: ở địa phận huyện Thanh Oai. Sử chép thì sứ quân Đỗ Cảnh Thạc chiếm cứ Đỗ Đông Giang, nay ở địa phận xã Bảo Đà, vẫn còn nền thành cũ.

*Đàn Nam Giao nhà Lý*: ở địa phận huyện Thọ Xương, phía nam tỉnh thành, đo nhà Lý xây đắp để làm chỗ tế trời, nhà Lê đời Quang Thuận sửa lại, chính điện 3 gian, hai bên đông vu, tây vu mỗi bên đều 7 gian, có các toà điện Canh Y (nơi thay áo), Trai cung, nhà bếp, nhà kho, bên trong, bên ngoài xây tường, quanh cùng 3 gian nghi môn. Đời Quang Hưng, dựng thêm điện Chiêu Sự. Đời Cảnh Trị sửa lại. Qui chế thì bốn góc có cột đá, cột rường xà bẩy đều chạm rồng phượng, sơn son thiếp vàng, Hồ Sĩ Dương soạn bài kí. Bản triều đầu đời Gia Long dỡ lấy gạch đá để xây thành, chỉ còn đền chính ở phường Thịnh An (có sách chép là phường Lương Giang). Năm Tự Đức thứ 11, đều bị hoả tai.

*Đàn Xã Tắc nhà Lý*: ở địa phận huyện Vĩnh Thuận về phía tây nam tỉnh thành, đắp từ năm Lý Thiên Cảm Thánh Vũ thứ 5 (1048) nay còn nền cũ ở thôn Thịnh Hào.

www.thuvien247.net

*Đàn Tiên Nông và đài Quan Canh*: ở địa phận Thanh Trì, do Lê Thánh Tông xây dựng, nay còn nền cũ ở phường Bạch Mai huyện Thọ Xương.

*Đình Quảng Văn*: ở ngoài cửa Đại Hưng. *Sử chép*: đình này dựng từ năm Lệ Hồng Đức thứ 22 để làm chỗ niêm yết chính lệnh. Bùi Xương Trạch làm bài kí. Đời Gia Long đổi tên là đình Quảng Minh. Lại sử chép đời Lý Thần Tông có làm lễ nghinh xuân ở đình Quảng Văn, nay chưa rõ ở chỗ nào.

*Nhà Cung Hoàng*: ở địa phận huyện Thanh Trì, Chu Văn An dựng nhà dạy học ở đây, sau người trong huyện lập đền thờ tại ngay nền cũ, tức là chỗ gò đất cao ở xã Cung Hoàng bây giờ.

*Bến cổ Chương Dương*: ở địa phận huyện Thượng Phúc. *Sử* chép: Ngô Xương Văn đem đất này phong cho Dương Tam Kha làm đất ăn lộc. Bến này đối ngạn với xã Hàm Tử thuộc huyện Đông Yên, tỉnh Hưng Yên, tức là chỗ mà Trần Nhật Duật đánh tan quân của Toa Đô nhà Nguyên. Trần Quang Khải - thượng tướng nhà Trần có bài thơ rằng:

*Đoạt sáo Chương Dương độ*
*Cầm Hồ Hàm Tử quan.*
*Thái Bình tu trí lực.*
*Vạn cổ cựu giang san.*
(*Chương Dương cướp giáo giặc*

www.thuvien247.net

*Hàm Tử bắt quân Nguyên.*
*Thái Bình cần gắng sức,*
*Non sông cũ vạn niên).*

*Ninh Kiều*: sử chép năm Minh Tuyên Đức thứ nhất (1426), Vương Thông đem quân sang lấn, tướng của Lê Thái Tổ nhà Lê là bọn Lê Triện, Lê Bí đặt quân mai phục đánh ở Ninh Kiều phá quân Minh. Lại theo *An Nam chí* của Cao Hùng Trưng thì Ninh Kiều ở phía tây phủ Giao Châu, tức là địa giới sông Bùi huyện Chương Đức bây giờ.

*Đẩu thành quân Ngô*: ở địa phận huyện Thanh Oai. Cuối đời Hồ, quân Minh xâm lược, bị chết dịch rất nhiều, bèn đắp đất làm đẩu thành để lường số quân. Nay còn nền thành cũ ở xã Bảo Đà.

*Thành nhà Hồ*: ở địa phận hai xã Kiện Khê và Vũ Xá huyện Thanh Oai. Chỗ này xung quanh núi đá đứng như tường, trong đó một chỗ rộng chừng hơn bảy tám mươi mẫu, khá bằng phẳng, ở giữa có nền đá, tương truyền là nền cũ thành nhà Hồ.

*Kho cũ Đặng Xá*: ở địa phận huyện Kim Bảng. Đời Lê, Thị Đình là người xã Đặng Xá, nhà giàu, tiến cúng một ngàn mẫu ruộng, vua Lê cho lập kho ở đây thu thóc tô chứa vào. Người ta gọi là "Kho Thị Đình", nay vẫn còn nền cũ.

www.thuvien247.net

*Xứ Diễn Võ*: theo *An Nam chí* của Cao Hùng Trưng thì xứ Diễn Võ ở phía tay nam thành Đông Quan, ngoài phủ thành Giao Châu, chu vi phỏng 12 dặm, trong có tướng đàn, phía bắc tướng đàn có 3 gian đình Diễn Võ, bên ngoài đình, có thành bằng đất, kéo dài từ đông sang tây ước 50 dặm, mặt đông giáp góc đông nam phủ thành, mặt tây giáp góc tây nam phủ thành, bên trong có 12 dinh của tổng binh quan và trấn bị quán quân, quanh mỗi dinh xây tường, đều mở 4 cửa đông, tây, nam, bắc, gọi chung là ngoại dinh, đều do Trương Phụ xây dựng.

*Thăng Long bát cảnh*: đời Lê, người nước Thanh đề vịnh tám cảnh là:

1. Ngự lâu quan đào (lầu ngự xem sóng).

2. Khán Sơn tịch chiếu (nắng chiều chiếu vào Khán Sơn).

3. Thanh Trì vấn tân (thăm bến Thanh Trì).

4. Bồ đề viễn diễu (bồ đề xa trông)

5. Báo Thiên hiểu chung (chuông sớm chùa Báo Thiên).

6. Bạch Mã sấn thị (họp chợ ở Bạch Mã).

7. Nhị Hà hải phàm (buồm biển ở sông Nhị).

8. Lãng Bạc ngư ca (tiếng hát người chài ở hồ Lãng Bạc).

www.thuvien247.net

## CỬA QUAN VÀ TẤN SỞ

*Cửa quan Châu Cầu*: ở bờ phía tây sông Châu Giang huyện Kim Bảng, cách thành phủ Lý Nhân 1 dặm, là nhánh của cửa Mễ Sở tỉnh Hưng Yên.

*Bảo Đoan Vĩ* : ở giáp đường trạm thuộc địa phận huyện Thanh Liêm, cách lị sở cũ của huyện 20 dặm về phía nam, trước đặt một đội binh phòng thủ, năm Thiệu Trị thứ 6 giữ lại 30 tên

*Bảo Hạ Mỗ*: ở địa phận huyện Từ Liêm, cách tỉnh thành 8 dặm về phía tây, năm Tự Đức thứ 4 bỏ.

*Bảo Khả Phong*: trước là Hoa Phong, đời Thiệu Trị đổi tên hiện nay, ở giáp sơn phận huyện Kim Bảng, năm Tự Đức thứ 4 bỏ.

## NHÀ TRẠM

*Trạm Hà Trung*: ở thôn Văn Trung huyện Thọ Xương, phía bắc đến trạm Bắc Liêm 39 dặm, phía tây đến trạm Sơn Xá 37 dặm, phía nam đến trạm Hà Mai 6 dặm.

*Trạm Hà Mai*: ở xã Phương Liệt (có sách chép Hoàng Mai) huyện Thanh Trì, phía nam đến trạm Hà Hồi 26 dặm.

*Trạm Hà Hồi*: ở xã Hà Hồi, huyện Thượng Phúc, phía nam đến trạm Hà An 28 dặm.

www.thuvien247.net

*Trạm Hà Yên*: ở xã Yên Khoái, huyện Phú Xuyên, phía nam đến trạm Hà Cầu 23 dặm linh.

*Trạm Hà Cầu*: ở xã Châu Cầu, huyện Kim Bảng, phía nam đến trạm Hà Phú 27 dặm linh.

*Trạm Hà Phú*: ở xã Yên Phú huyện Kim Bảng, phía nam đến trạm Ninh Đa 29 dặm.

*Trạm Hà Xuyên*: ở xã Đội Xuyên huyện Nam Xang, phía bắc đến tỉnh thành Hưng Yên 16 dặm, phía nam đến trạm Nam Hoàng tỉnh Nam Định 32 dặm.

## CHỢ VÀ PHỐ

*Phố Hà Khẩu*: ở địa phận huyện Thọ Xương (các phố sau cũng thế), nhà buôn nước ta cùng người Thanh ở lẫn lộn, bày hàng bán các thứ như sách vở, hoá vật, dược liệu phương Bắc, có tên nữa là Hàng Buồm.

*Phố Việt Đông*: chỗ ở cũ chỗ ở mới của khách hộ Minh Hương, là kho tích trữ hàng hoá.

*Phố Hàng Mã*: bán đồ mã, chữ gọi là phố Trừng Thanh.

*Phố Hàng Mắm*.

*Phố Báo Thiên*: bán vải thâm và dù xanh.

*Phố Nam Hoa*: có tên nữa là Hàng Bè, gần phố có chợ, họp về buổi chiều, dân cư hai bên bán thứ thùng bằng tre để gánh nước.

www.thuvien247.net

*Phố Hàng Bồ*: chữ Hán gọi là phố Xuân Yên.

*Phố Vàng Bạc*: buôn bán các hàng vàng bạc châu báu, phố này trước thuộc phường Đông Các, sau Đông Các đổi làm Đông Thọ, thôn Dũng Hãn thuộc phường này tức là thôn Dũng Thọ ngày nay.

*Phố Hàng Giày*: bán giày dép, chữ Hán là phố Tố Tịch.

*Phố Mã Mây*: bán song, mây và sắt.

*Phố Đồng Lạc*: bán yếm và y phục phụ nữ.

*Phố Thái Cực*: nhuộm màu hồng lạt để bán, có tên nữa là phố Hàng Đào. *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi nói: "Hàng Đào nhuộm màu đỏ", nay đổi là phường Đại Lợi

*Phố Đông Hà*: bán chiếu trơn, có tên nữa là Hàng Bát.

*Phố Phúc Kiến*: bán đồ đồng.

*Phường Phục Cổ*: đúc đồ thiếc để bán.

*Phố Hàng Lam*: chữ Hán gọi là phố Yên Trung.

*Phố Đồng Xuân.*

*Phố Thanh Hà.*

*Phố Hàng Gai*: chữ Hán gọi là phố Phục Cổ.

*Phố Hàng Đãy.*

www.thuvien247.net

*Phố Hàng Chè.*

*Xét*: Hà Nội là kinh đô xưa, nguyên trước có 36 phố phường, nay ở quanh phía đông nam tỉnh thành gồm 21 phố, nhà ngói như bát úp, tụ họp các mặt hàng, nhân vật cũng phồn thịnh.

*Đình Quảng Minh*: ở phía nam tỉnh thành; phố xá đông đúc, có nhiều hành khách tạm trú.

*Chợ Mới*: ở phía đông tỉnh thành; mỗi tháng sáu phiên, nhiều người họp chợ, buôn bán đủ các mặt hàng, là một chợ lớn trong tỉnh.

*Chợ Đông Thành*: ở huyện Thọ Xương.

*Chợ Đông Kiều*: ở huyện Thọ Xương.

*Chợ Yên Thọ*: ở huyện Vĩnh Thuận.

*Chợ Đình Ngang*: ở huyện Thọ Xương.

*Chợ Đông Ngạc*: ở huyện Từ Liêm.

*Chợ Cửa Nam*: ở huyện Thọ Xương.

*Chợ Phù Diễn*: ở huyện Từ Liêm.

*Chợ Yên Thái*: ở huyện Vĩnh Thuận.

*Chợ Vân Lâm*: ở huyện Kim Bảng.

*Chợ Dịch Vọng*: ở huyện Từ Liêm.

*Chợ Quế Sơn*: ở huyện Thanh Oai.

www.thuvien247.net

*Chợ Châu Cầu*: ở huyện Kim Bảng.

*Chợ Đoan Vĩ*: ở huyện Thanh Liêm.

*Chợ Võ Xá*: ở huyện Thanh Liêm.

*Chợ Phú Thứ*: ở huyện Duy Tiên.

*Chợ Bảo Đà*: ở huyện Thanh Oai.

*Chợ Hào Châu*: ở huyện Nam Xang.

*Chợ Phú Đa*: ở huyện Nam Xang.

*Chợ Nội*: ở huyện Bình Lục.

*Chợ Cước*: ở huyện Bình Lục.

*Chợ Lâm*: ở huyện Phú Xuyên.

*Chợ Sổ*: ở huyện Phú Xuyên (bán nhiều rượu và thuốc viên).

*Chợ Văn Tự*: ở huyện Thượng Phúc (có cầu).

*Chợ Hà Hồi*: ở huyện Thượng Phúc (tục gọi chợ Gồi)

*Chợ Bình Vọng*: ở huyện Thượng Phúc, phố xá đông đúc, là một chợ lớn trong phủ Thường Tín. Tục gọi chợ Bằng.

*Chợ Duyên Trường*: ở huyện Thanh Trì. Đời Lê có đặt nhà trạm ở đây.

*Chợ Am*: ở huyện Thanh Trì, chợ giáp với cầu Thọ Am.

www.thuvien247.net

*Chợ Văn Điển*: ở huyện Thanh Trì.

*Chợ Vân Đình*: ở huyện Sơn Minh (gần chợ có cầu)

*Chợ Phương Đình*: ở huyện Sơn Minh mỗi tháng 6 phiên, phố xá đông đúc.

*Chợ Đặng Xá*: ở huyện Hoài An.

*Chợ Hoà Xá*: ở huyện Hoài An.

*Chợ Cao Bộ*: ở huyện Thanh Oai.

## CẦU ĐÒ

*Cầu đá cửa Đông*: ở huyện Thọ Xương, về phía đông tỉnh thành, bắc qua sông Tô Lịch (Bảy cầu ở dưới cũng bắc qua sông này).

*Cầu Yên Quyết*: tục gọi cầu Giấy, dài 3 trượng, trên cầu có nhà lợp ngói ở huyện Từ Liêm.

*Cầu Nhân Mục*: ở huyện Thanh Trì. Lê Triện, tướng của Lê Thái Tổ, đánh nhau với quân Minh, bắt được đồ ti nhà Minh là Vi Lượng ở chỗ này.

*Cầu Định Công*: ở huyện Thanh Trì.

*Cầu Quỳnh Đô*: ở huyện Thanh Trì, cầu bắc bằng gạch.

*Cầu Thọ Am*: ở huyện Thanh Trì.

*Cầu Yên Phú*: ở đường quan thuộc huyện Thanh Trì.

www.thuvien247.net

*Cầu Nhị Khê*: ở huyện Thượng Phúc.

*Cầu Thịnh Liệt*: ở đường quan cũ thuộc địa phận huyện Thanh Trì, bắc qua sông Kim Ngưu (Bốn cầu ở dưới cũng bắc qua sông này).

*Cầu đá Đông Phù Liệt*: ở huyện Thanh Trì.

*Cầu Đại Lộ*: ở huyện Thanh Trì.

*Cầu Phương Quế*: ở huyện Thanh Trì.

*Cầu Văn Tự*: ở huyện Thượng Phúc, trên cầu có nhà lợp ngói.

*Cầu Phương Canh*: ở huyện Từ Liêm, bắc qua sông Nhuệ (21 cầu ở dưới cũng bắc qua sông này).

*Cầu Đại Mỗ*: ở huyện Từ Liêm.

*Cầu Phú Diễn*: ở huyện Từ Liêm.

*Cầu Thanh Oai*: ở huyện Thanh Oai.

*Cầu Cầu Đơ*: ở huyện Thanh Oai, trên cầu có nhà lợp ngói.

*Cầu Quảng Lai*: ở huyện Thanh Oai.

*Cầu Hà Liễu*: ở huyện Thanh Trì

*Cầu Tam Xá*: ở huyện Thượng Phúc.

*Cầu Phượng Dực*: ở huyện Thượng Phúc.

*Cầu Đường Hoàng*: ở huyện Phú Xuyên.

www.thuvien247.net

*Cầu Thịnh Liệt*: ở đường quan thuộc huyện Thanh Trì.

*Cầu Tiên*: ở đường quan thuộc huyện Thanh Trì, cầu xây bằng gạch, bắc qua cửa đầm Linh Đường.

*Cầu Vân Đình*: ở huyện Sơn Minh.

*Cầu Gừng*: ở đường quan thuộc huyện Kim Bảng,

*Cầu Lưu Xá*: ở huyện Kim Bảng

*Cầu Yên Lạc*: ở huyện Kim Bảng.

*Cầu Kỉ*: ở đường quan thuộc huyện Thanh Liêm.

*Cầu Đông Xá*: ở huyện Thanh Liêm, gần cầu có chợ.

*Cầu Ô Mễ*: ở huyện Bình Lục.

*Cầu Thạch Bích*: ở huyện Thanh Oai.

*Cầu Cổ Thọ*: ở huyện Bình Lục.

*Cầu La Sơn*: ở huyện Bình Lục.

*Đò sông Nhị*: phần sông thuộc tỉnh hạt dài 259 dặm, gồm 20 bến đò: 1) *Hạ Trì*, 2) *Thuỵ Hương*, 3) *Trù Mộc*, 4) *Nguyên Khiết*, 5) *Ngoại Ô*, 6) *Tràng Thanh*, 7) *Trung Liệt*, 8) *Tây Long*, 9) *Thanh Trì*, 10) *Tranh Khúc*, 11) *Thâm Xuyên*, 12) *Cẩm Cơ*, 13) *Duyên Trạng*, 14) *An Bảo*, 15) *Từ Đường*, 16) *Tường Lân*, 17) *Hào Châu*, 18) *Phù Sa*, 19) *Vĩnh Trụ*, 20) *Trà Tự*.

www.thuvien247.net

*Sông Hát*: phần sông thuộc tỉnh hạt dài 243 dặm, có 24 bến đò: 1) *Hương Quan*, 2) *Sơn Ninh, 3) Đồng Hoàng, 4) Lam Điền, 5) Bảo Từ, 6) Mi Sơn, 7) Cổ Hào, 8) Mỗ Xá*, 9) *Ngã Ba Thế*, 10) *Vĩnh Lộc*, 11) *Phượng Đình*, 12) *Tế Tiêu*, 13) *Hà Xá*, 14) *Khả Phong*, 15) *Thuỵ Lôi*, 16) *Vân Châu*, 17) *Quyển Sơn*, 18) *Phù Khê*, 19) *Lại Xá*, 20) *Vũ Đô*, 21) *Nham Kênh*, 22) *Tri Lễ*, 23) *Trung Hiếu*, 24) *Đoan Vĩ*.

*Sông Châu*: phần sông ở địa phận phủ Lý Nhân, dài 24 đặm, có 5 bến đò: 1) *Châu Cầu*, 2) *Triệu Xá*, 3) *Quang Ấm*, 4) *Lê Xá*, 5) *Dưỡng Mông*.

*Đò Ô Mễ*: ở sông Bộc.

*Đò Thường Vệ*: ở xã Thường Vệ.

*Đò sông Bùi*: có 2 bến, đều gọi là bến đò Hoàng Xá.

*Đò Bài Lễ*: ở hạ lưu sông Sa, đầu đời Gia Long bắc cầu, sau cầu bị đổ mới chở đò qua sông.

*Đò Điệp Sơn*: ở hạ lưu sông Nhuệ.

*Đò Yên Khoái*: ở hạ lưu sông Nhuệ.

*Đò dọc sông Châu*: ở phía tây phủ thành Lý Nhân, đi từ sông Hát thuận dòng đến bến đò Thanh Quyết thuộc tỉnh Ninh Bình, rồi lên đi bộ.

*Đò dọc Thịnh Liệt*: ở bến Kim Ngưu thuộc huyện Thanh Trì, đi từ bến này đến bến Tương Trúc,

www.thuvien247.net

rồi lên đi bộ, về mùa hạ, mùa thu, nước sông lên to, có thể đi đò suốt đến bến Vạn Điểm thuộc huyện Thượng Phúc.

*Đò đọc Cẩm Cơ*: ở bờ sông Nhị về phía đông nam huyện Thanh Trì. Từ bến đò này đi xuôi dòng xuống các bến Hào Châu và Hương Dương thuộc tỉnh Hưng Yên rồi lên đi bộ.

## ĐÊ ĐẬP

*Đê sông Nhị*: ở phía đông bắc tỉnh thành, chạy dài về phía nam trải qua 7 huyện, dài 10.475 trượng. Huyện Từ Liêm trước đắp 4.050 trượng, đời Gia Long đắp 100 trượng, đời Minh Mệnh đắp 1.350 trượng. Huyện Vĩnh Thuận 945 trượng; huyện Thọ Xương 270 trượng, đều là đê đắp từ trước. Huyện Thanh Trì trước đắp 4.050 trượng, đời Gia Long đắp 1.080 trượng. Huyện Thượng Phúc trước đắp 2.700 trượng, đời Gia Long đắp 675 trượng, đời Minh Mệnh đắp 540 trượng. Huyện Phú Xuyên trước đắp 3.645 trượng, đời Gia Long đắp 405 trượng. Huyện Nam Xang trước đắp 8.910 trượng, đời Gia Long đắp 1.350 trượng, đời Minh Mệnh đắp 405 trượng.

*Đê sông Hát*: ở phía tây bắc tỉnh thành, rồi chuyển sang phía đông nam, đi qua 7 huyện, dài 31.001 trượng. Huyện Từ Liêm 2.025 trượng, đều đắp từ trước. Huyện Thanh Oai trước đắp 4.725

www.thuvien247.net

trượng, đời Gia Long đắp 270 trượng. Huyện Chương Đức trước đắp 6.460 trượng, đời Gia Long đắp 135 trượng, đời Minh Mệnh đắp 405 trượng. Huyện Sơn Minh trước đắp 4.725 trượng, đời Gia Long đắp 135 trượng. Huyện Hoài An trước đắp 3.240 trượng, đời Gia Long đắp 86 trượng. Huyện Kim Bảng đắp 4.725 trượng. Huyện Thanh Liêm đắp 4.050 trượng, đều là đê đắp từ trước.

*Đê sông Châu*: ở phía bắc phủ thành Lý Nhân rồi chuyển sang phía đông, qua hai bờ sông thuộc các huyện Kim Bảng, Duy Tiên, Thanh Liêm và Bình Lục, đến xã Dưỡng Mông; về bờ phía đông nam thì chuyển sang phía nam đến xã An Bài, giáp thôn Nhân Trại xã Hưng Công huyện Thượng Nguyên tỉnh Nam Định, dài 5.805 trượng[1]: huyện Kim Bảng 540 trượng, huyện Duy Tiên hai bờ 2.295 trượng, huyện Thanh Liêm 1.405 trượng, huyện Bình Lục 1.485 trượng.

*Cống Khê Ối*: ở xã Khê Ối huyện Kim Bảng, làm năm Gia Long thứ 11.

*Cống Khê Đà*: ở 2 xã Mạnh Khê và Cao Đà huyện Nam Xang, làm năm Gia Long thứ 15.

*Cống Đỗ Xá*: ở xã Đỗ Xá huyện Duy Tiên, làm năm Gia Long thứ 15.

---

[1] Con số này không hợp với số của các huyện kê ở dưới.

www.thuvien247.net

## LĂNG MỘ

*Lăng Lê Chiêu Tông*: ở xã Quỳnh Đô huyện Thanh Trì. Bản triều năm Minh Mệnh thứ 21 sửa đắp và lập bia, bia khắc chữ "Lê Chiêu Tông Hoàng Đế lăng".

*Mộ tổ Lê Đại Hành*: ở bên miếu xã Ninh Thái huyện Thanh Liêm. *Sử* Việt sử tiêu án) của Ngô Thì Sĩ chép: Lê Đại Hành người xã Bảo Thái huyện Thanh Liêm (Bảo Thái tức xã Ninh Thái).

*Mộ Lý Ông Trọng*: ở xã Thuỵ Hương huyện Từ Liêm.

*Mộ Chu Văn Trinh*: ở xã Quang Liệt huyện Thanh Trì.

## ĐỀN MIẾU

*Đàn Xã Tắc*: ở phía tây trong tỉnh thành, đắp năm Minh Mệnh thứ 20.

*Đàn Tiên Nông*: ở Sở Tịch điền về phía tây nam trong tỉnh thành, đắp năm Minh Mệnh thứ 20.

*Đàn Sơn Xuyên*: ở phía tây nam ngoài tỉnh thành đắp năm Tự Đức thứ 6.

*Văn Miếu*: ở thôn Minh Giám huyện Thọ Xương về phía tây nam tỉnh thành, dựng từ đời Lý Thánh Tông, tô tượng thánh Khổng Tử cùng tứ phối,

www.thuvien247.net

vẽ tượng thập triết và thất thập nhị hiền để thờ. Đằng sau miếu đặt nhà Quốc Tử giám để làm nơi sĩ tử học tập. Đến đời Trần, đời Lê cũng viết theo như thế. Hai bên tả hữu dựng bia đề tên tiến sĩ các triều. Bản triều, đầu đời Gia Long đặt làm Văn Miếu Bắc Thành, đổi đặt bài vị, lại dựng thêm các khuê văn ở phía trong nghi môn. Nay là Văn Miếu của tỉnh. *Đền Khải Thánh*: ở sau Văn Miếu, nguyên là nơi dựng Quốc Tử giám ở đời Trần, đời Lê. Đầu đời Gia Long đổi làm đền.

*Miếu Hội Đồng*: ở thôn Khán Xuân huyện Vĩnh Thuận, về phía tây tỉnh thành, dựng năm Thiệu Trị thứ nhất.

*Miếu Đinh Tiên Hoàng*: ở xã Ninh Thái huyện Thanh Liêm. Xã Ứng Liêm thuộc huyện này và xã Thường Vệ thuộc huyện Hoài An cũng có miếu. Đinh Tiên Hoàng bắt đầu dấy quân ở Hoa Lư, đến đóng quân ở Thường Vệ.

*Miếu Lê Đại Hành*: ở xã Ninh Thái huyện Thanh Liêm. Xã Ứng Liêm thuộc huyện này và xã Tả Thanh Oai thuộc huyện Thanh Oai cũng có miếu thờ.

*Miếu Lý Thánh Tông*: ở thôn Chuế Lưu xã Đông Lỗ huyện Sơn Minh.

*Miếu Triệu Việt Vương*: ở xã Yên Trạch huyện Nam Xang. Vương họ Triệu, tự là Quang Phục,

www.thuvien247.net

người quận Chu Diên, làm Tả Tướng quân dưới triều Lý Nam Đế, khi quân nhà Lương sang xâm lược, Nam Đế sai vương chống cự, vương đem quân đến đầm Dạ Trạch, chém được tướng Dương Sàn, dẹp được giặc nhà Lương, tự lập làm Nam Việt vương. Lúc đầu đóng đô ở Long Biên, sau dời đến Vũ Ninh. Nhiều lần được các triều phong tặng.

*Đền Phùng Vương*: ở phường Thịnh Cuông huyện Vĩnh Thuận. Vương họ Phùng, tên Hưng, người xã Đường Lâm (xem *Sơn Tây tỉnh chí*).

*Đền Lý Ông Trọng*: có tên nữa là đền thần Khang Hy ở xã Thuỵ Hương huyện Từ Liêm. (Sự tích xem phần "Nhân Vật chí"). Triệu Xương nhà Đường làm Đô hộ Giao Châu, đêm mộng thấy cùng thần giảng luận nghĩa sách Xuân thu và Tả truyện, vì thế, Triệu Xương bèn tìm hỏi chỗ nhà cũ của thần, lập đền thờ. Đến lúc Cao Biền đi đánh Nam Chiếu, thần thường hiển linh giúp sức, do đấy, sửa sang lại đền miếu chạm gỗ làm tượng, gọi là đền Lý Hiệu uý; trước đền nhằm vào chỗ dòng nước sông Nhị xói mạnh, thế mà không vỡ lở bao giờ. Các triều đều có phong tặng.

*Đền Sóc thiên vương*: ở xã Minh Tảo huyện Từ Liêm, hiệu thần là Tì Sa thiên vương. Đời Thiên Phúc nhà Tiền Lê, Khuông Việt Thái sư mộng thấy thần, bèn khắc tượng và lập đền thờ ở núi Vệ Linh hương

www.thuvien247.net

Bình Lỗ; đến lúc quân Tống sang xâm lược, vua sai người đến đền cầu đảo, khi quân hai bên giáp trận, thì chợt thấy một người xoã tóc trợn mắt từ sóng nước nhảy lên, do đấy quân Tống sợ hãi tan vỡ. Nhà vua bèn sai sửa sang đền miếu thêm nguy nga. Đến đời Lý, muốn cho việc cầu đảo được thuận tiện, bèn lập đền ở hương Minh Tảo thuộc Tây Hồ và phong làm thượng đẳng thần. Các triều đều có gia phong. Có thuyết nói, thần tức là Đổng Thiên Vương.

*Đền Uy Linh thuỷ thần*: ở phía bắc bờ Trúc Bạch phường Yên Phụ huyện Vĩnh Thuận; lưng tựa vào phía tây thành Đại La, trông ra sông Nhị. Tương truyền thần cùng đồ đệ chia nhau làm thần ở Nhật Chiêu, Quảng Bố, Tây Hồ và Yên Phụ. Đời Lê Vĩnh Thọ, nước sông Nhị vỡ vào Yên Phụ, quan quân không sao giữ nổi, sau cầu đảo thần mới khỏi được thuỷ hoạn, từ đấy hàng năm lấy thuế hồ 30 quan tiền cấp cho để cung ứng việc thờ tự.

*Đền Sơn thần Đồng Cổ*: ở trên bờ sông Tô Lịch thôn Yên Thái đông, huyện Vĩnh Thuận (sự tích xem *Thanh Hoá tỉnh chí*).

*Đền Chiêu Ứng*: ở phường Yên Thái huyện Vĩnh Thuận. Theo *Lĩnh nam trích quái* thì vua Lý Nhân Tông bị đau mắt, cho người đến bói ở nhà sư núi Vân Mộng (tại xã Quang Trác huyện Kim Bảng)

www.thuvien247.net

nhà sư đoán rằng, vì dòng nước ở phường Kiền Tuất xói vào nên mắt vua bị đau. Bấy giờ có người họ Vũ tên Phục, hai vợ chồng liều mình tự nhảy xuống chỗ sông Tô Lịch và Thiên Phù hợp lưu, để ngăn thuỷ hoạn, do đấy nhà vua khỏi bệnh, bèn lập đền thờ, phong làm Chiêu Ứng tôn thần. Sau quyến thuộc của thần dời đến ở phường Tích Ma (tức phường Yên Thái) để giữ việc thờ tự. Nay họ Vũ ở phường Yên Thái đều là dòng dõi của thần. Về vị trí sông Thiên Phù, thì *Trích quái* cho là ở khoảng hai huyện Quảng Đức và Từ Liêm, nguồn từ sông Lô chảy vào sông Tô Lịch, nhưng nay bị bồi lấp không biết ở đâu.

*Đền thần Linh Lang*: ở trại Thủ Lệ huyện Vĩnh Thuận. Tương truyền thần là con vua Lý Thái Tông, hoá thân và hiển linh ở đây, nhân đấy lập đền thờ. *Xét*: chỗ này có bãi sông dài 435 trượng; rộng 43 trượng, nước rất trong, mọc nhiều ấu và sen, có tên nữa là hồ Linh Lang, đền ở phía bắc hồ, thường tỏ linh ứng.

*Đền Bạch Mã*: ở phường Hà Khẩu huyện Thọ Xương. Theo *Việt điện u linh tập*, thì đời Đường Hàm Thông, Cao Biền đắp thành Đại La, một hôm ra chơi ngoài cửa đông, chợt thấy trong chỗ mây mù tối tăm, có người kì dị mặc áo hoa, cưỡi rồng đỏ, cầm giản điệp màu vàng, theo mây bay lượn, Biền

www.thuvien247.net

kinh sợ, muốn dùng bùa để trấn yểm, đêm thấy thần báo mộng rằng: "Ta là tinh anh ở Long Đỗ, nghe biết ông đắp thành, nên đến đây hội ngộ, việc gì mà phải trấn yểm". Biền lấy làm kì quái, bèn chôn vàng đồng và bùa để yểm, thì ngay đêm hôm ấy nổi cơn mưa và sấm sét dữ dội. Đến sáng ra xem, thì thấy vàng đồng và bùa đều tan nát thành cát bụi. Biền sợ hãi, lập đền thờ ngay tại chỗ ấy và phong làm thần Long Đỗ. Đến đời Lý Thái Tổ dời kinh đô đến Thăng Long, vì đô thành hễ đắp lại lở, sai người đến đền cầu đảo, chợt thấy con ngựa trắng đi từ trong đền ra, qua thành một vòng, đi đến đâu có dấu vết ngựa đi để đắp thành, thì thành không lở nữa, bèn thờ làm Thành hoàng Thăng Long. Các triều sau cũng theo đấy phong làm Quảng Lợi bạch mã tối linh thượng đẳng thần.

*Đền Cao Sơn*: ở phường Kim Liên huyện Thọ Xương. Thần là con Lạc Long Quân, một người trong 50 người theo cha lên núi, tức là vị thứ hai ở bên tả trong đền Tản Viên. Nguyên trước đền ở Thanh Hoá, khi Tương Dực đế đấy quân, thường đến đền cầu đảo, sau khi bình được nội loạn, bèn lập đàn tràng ở hành cung Thăng Long làm lễ tạ, sau khi lễ xong, liền lập đền thờ ở đây, lại sai bầy tôi là Lê Tung soạn văn bia khắc vào đá, đến nay vẫn còn.

www.thuvien247.net

*Đền Quí Minh*: ở phường Đông Hà huyện Thọ Xương. Thần là con Lạc Long Quân, một người trong 50 người theo cha lên núi, tức là vị thứ ba ở bên hữu trong đền Tản Viên. Nay xã Kim Giang huyện Sơn Lang, xã Dư Xá huyện Hoài An và xã Đường Xuyên huyện Phú Xuyên đều có đền thờ.

*Đền Phạm Thái uý*: ở thôn Ngự Sử huyện Thọ Xương. Thần họ Phạm tên Cự Lạng, người huyện Chí Linh phủ Nam Sách tỉnh Hải Dương, làm Thái uý dưới triều Lê Đại Hành, đến đời Thống Thuỵ nhà Lý, vì phủ Đô Hộ có nhiều hình ngục đáng ngờ, quan sĩ sư không sao kết án được, nhà vua muốn lập đền thờ ở trong nhà ngục, mong thần hiển hiện anh linh để trừng trị bọn gian ác, bèn trai giới cầu Thượng đế. Đến đêm nhà vua thấy sứ giả mặc áo đỏ báo mộng rằng: "Thượng đế sắc phong Phạm Cự Lạng làm chủ ngục trong phủ Đô Hộ nước An Nam". Lúc tỉnh dậy, liền sai lập đền thờ ở phía tây Kinh thành, phong là "chủ ngục chi thần".

*Đền Trung Liệt*: ở thôn Cổ Tân huyện Thọ Xương, dựng từ đời Chính Hoà thờ Quan Công, cho Quan Bình, Chu Xương phối hưởng, lại thờ phụng Lê Lai là công thần chết vì quốc nạn hồi Lê sơ.

*Đền Ngọc Sơn*: ở trên núi đất trong hồ Tả Vọng huyện Thọ Xương, đền có hai toà, phía sau thờ Quan

www.thuvien247.net

Công, phía trước thờ Văn Xương đế quân, có bia ghi sự tích. Ngọn núi đất chừng 40 trượng, tương truyền là chỗ đài câu cá thời Lê mạt.

*Đền Hoả thần*: ở thôn Yên Nội huyện Thọ Xương. Đời Minh Mệnh, quan tỉnh tâu xin xây dựng, thờ thần Ngũ hiển hoa quang, nhà nào bị hoả hoạn, đến đền này cầu đảo, thì lửa sẽ tắt. Năm Thiệu Trị thứ nhất sửa lại.

*Đền thần Hữu Vĩnh*: ở xã Hữu Vĩnh huyện Hoài An. Tương truyền, thần là con Kinh Dương Vương, tên là Quảng Xung. Đời Lê, thuyền vua qua sông Hữu Vĩnh, tự nhiên phù sa nổi vọt lên, thuyền không thể đi qua được, vua sai quan cầu đảo, đường thuỷ liền được lưu thông, bèn sắc phong làm Nam Thiên thượng đẳng thần, lại ban cho áo triều bào và tế khí để thờ.

*Đền Chu Văn Trinh*: ở xã Cung Hoàng huyện Thanh Trì. Đời Gia Long cấp cho dân phu để giữ đền; năm Tự Đức thứ 3 phong làm thượng đẳng thần, hàng năm cứ mùa xuân, mùa thu, văn thân trong huyện họp để tế.

*Đền thần Hiển Khánh*: ở xã Hoằng Liệt huyện Thanh Trì. Tương truyền đời Đại Khánh, Chu Văn Trinh dạy học ở xã Cung Hoàng, có một người học trò tuấn tú đến xin học, ngôn ngữ cử chỉ khác hẳn

www.thuvien247.net

người thường, ông lấy làm ngờ, dò xem người ấy ở đâu, một hôm ông dậy sớm, trông ra xa thấy người ấy ở dưới nước đi lên. Bấy giờ đại hạn đã lâu, các địa phương cầu đảo đều không ứng nghiệm, ông bèn đem thực tình nói với người ấy. Người ấy trước còn thoái thác, sau thấy ông thành tâm khẩn cầu, mới nói: "Thời trời hạn hán, nên tôi mới tranh thủ được thì giờ rỗi đi chơi, hiện nay tứ hải, tam hà, cửu giang, tứ độc cùng khe cừ ở các địa phương đều có lệnh cấm, chỉ có một chút nước trong cái nghiên, thì làm sao mà tưới khắp được mọi chỗ? Nhưng đã có lời dạy bảo của thầy, tôi sẽ xin chút giải nỗi khổ khô khan cho dân một tổng". Đêm hôm ấy trời im lặng không sấm chớp, chỉ thấy mây nổi lưng chừng trời, một trận mưa ào ào xuống, nước đều đen như mực, sáng sớm ra xem, thì trong vòng năm xã bảy thôn nước mưa chan chứa, lúa mạ nhờ đấy mà sống lại. Sau đó người ấy từ biệt. Ông đem việc này nói cho mọi người biết cho nên xã Hoằng Liệt lập đền thờ ở bên đầm. Các triều vua sắc phong làm thượng đẳng thần.

*Đền Trưng nữ vương*: nguyên trước ở xã Đồng Nhân huyện Thanh Trì. Tương truyền, Trưng vương mất ở sông Nhị, sau hoá thành hai pho tượng đá, ngồi giữa dòng nước, thường có ánh sáng toả ra, rất anh linh. Năm Đại Định thứ 3 triều Lý Anh Tông,

www.thuvien247.net

gặp đại hạn, đến đền cầu đảo liền được ứng nghiệm, bèn lập đền thờ ở trên bờ sông. Sau vì nước sông chảy xói bị lở, dân địa phương mới dời đền đến thôn Hương Viên huyện Thọ Xương. Lại có đền thờ ở thôn Nam Mẫu, huyện Chương Đức.

*Đền thần núi Tản Viên*: ở xã Phúc Am huyện Thanh Trì (sự tích xem *Sơn Tây tỉnh chí*).

*Đền thần Bộ Đầu*: ở xã Bộ Đầu huyện Thượng Phúc. Theo *Công dư tiệp kí* thì thần là người xã này. Một hôm, người mẹ bị con giao long làm hại, thần lấy chân đá chết con giao long, phút chốc hoá đi, người địa phương lập đền thờ. Đầu đời Lê sửa lại đền, tạc tượng thần cao 3 trượng 6 thước, lưng to mấy quầng, hai chân đạp lên đầu con giao long, tám viên tượng kim cương đứng hai bên tả hữu, phong làm Đổng Sóc Huyền Thiên Đại Thánh Thần. Hàng năm, tháng 9 là đại hội tế thần.

*Đền thần Đông Hải*: ở xã Mộc Hoàn huyện Phú Xuyên (sự tích xem *Hải Dương tỉnh chí*).

*Đền Sĩ vương*: ở xã Già Cầu huyện Phú Xuyên (sự tích xem *Bắc Ninh tỉnh chí*).

*Đền Lê Văn Trinh*: ở xã Mộc Hoàn huyện Phú Xuyên. Thần họ Lê tên là Trọng Thứ, người xã Duyên Hà, là thân phụ Bảng nhãn Lê Quí Đôn, đỗ tiến sĩ triều Lê, làm đến Thượng thư Hình bộ, về

www.thuvien247.net

hưu trí, một hôm đi thuyền qua bến Mộc Hoàn thấy người trong xã đều nói, đêm trước thấy nhân thần báo mộng rằng ngày mai có thần bản thổ đi qua sông này, rồi họ đem đủ nghi trượng rước ông vào trong đền. Sau khi chết, người xã lập đền thờ.

*Đền thần Trung Thành*: ở xã Đa Chất huyện Phú Xuyên. Tương truyền, thần Trung Thành tức là thuỷ thần ở ngã ba Bạch Hạc (sự tích xem *Sơn Tây tỉnh chí*). Đời Lý Thái Tông cầu đảo thường linh ứng, được tặng 2 chữ "Trung Thành". Nay các xã Bất Nạo, Đường Xuyên, Lương Xá, Thần Qui, Yên Khoái, Văn Trai thuộc bản huyện và các xã Đông Lỗ, Thanh Hội thuộc huyện Sơn Minh đều có đền thờ.

*Đền thần Quảng Bác*: ở xã Thịnh Đức huyện Phú Xuyên. Tương truyền, thần Quảng Bác tức là thuỷ thần ngã ba Sa. Khi vua Lê Thần Tông đi đánh giặc, sai quan cầu đảo, thần hiển linh giúp sức, khi dẹp tan giặc kéo quân về, bèn dựng đền thờ. Các triều có phong tặng.

*Đền nữ thần Nguyệt Nga*: ở thôn Hương Lâm xã Hương Lâm huyện Phú Xuyên. Tương truyền, thần là tiên trên trời, hiển linh ở ngã ba sông Châu Lương xã này, nhân đấy lập đền thờ. Khi vua Lê Thánh Tông đi tuần qua đây, chợt gặp gió to, cầu đảo thì gió liền tắt, bèn phong làm thượng đẳng

www.thuvien247.net

thần. Các triều đều có phong tặng. Nay xã Mĩ Lâm huyện Phú Xuyên và xã Lạc Tràng huyện Kim Bảng cùng thờ.

*Đền Mị Ê phu nhân*: ở hai xã Lý Nhân và Lam Cầu huyện Nam Xang. Phu nhân là vợ Sa Đẩu quốc vương Chiêm Thành. Vua Lý Thái Tông đi đánh Chiêm Thành giết Sa Đẩu, phu nhân bị bắt. Khi khải hoàn, vua Lý đi thuyền đến hành điện phủ Lý Nhân, cho triệu phu nhân đến hầu, phu nhân rất lấy làm phẫn uất, liền bí mật quấn chăn vào mình, nhảy xuống sông tự tử. Nhà vua khen là trinh tiết, phong làm Hiệp chính hựu thiện phu nhân. Sau dân địa phương thường nghe có tiếng khóc ở bên sông, mới lập đền thờ. Các triều đều có phong tặng.

## CHÙA QUÁN

*Chùa Hoằng Ân*: ở phường Quảng Bố huyện Vĩnh Thuận. Năm Lê Vĩnh Tộ thứ 10, công chúa Ngọc Tú là vợ Trịnh Tráng dựng, gọi là chùa Long Ân. Năm Minh Mệnh thứ 2, đổi làm Sùng Ân; năm Thiệu Trị thứ nhất đổi làm Hoằng Ân, cấp cho 200 quan tiền, lại sai bầy tôi soạn văn bia để ghi sự tích.

*Chùa Trấn Bắc*: nguyên tên là chùa Trấn Quốc, ở bên cạnh hồ Tây, thuộc phường Yên Phụ huyện Vĩnh Thuận, dựng từ đời Lê Hoằng Định, đến đời Vĩnh Tộ sửa lại, qui chế rộng rãi, phong cảnh cũng

www.thuvien247.net

đẹp. Trạng nguyên Nguyễn Xuân Chính có làm bài bia, đến nay vẫn còn. Bản triều năm Minh Mệnh thứ 2, ban cho 20 lạng bạc; năm Thiệu Trị thứ 2, ngự giá đến xem, ban cho một đồng tiền vàng hạng lớn là 200 quan tiền, lại cho đổi đề biển ngạch là "Chùa Trấn Bắc".

*Chùa Một Cột* (chùa Nhất trụ): ở xã Thanh Bản huyện Vĩnh Thuận. Chỗ ấy có một cái hồ vuông, trong hồ có một cột đá, cao chừng 1 trượng, vòng thân 9 thước, trên đầu cột có một toà chùa ngói, như hoa sen nở trên mặt nước. *Sử* chép vua Lý Thái Tông mộng thấy phật Quan Âm ngồi trên đài hoa sen, dắt vua lên đài. Thức dậy nói với bầy tôi, có người cho là triệu chứng không tốt. Có nhà sư Thiền Tuệ khuyên vua dựng chùa trên cột đá ở giữa hồ, làm đài sen Quan Âm ở trên như thấy trong mộng, rồi cho tăng đồ diễu quanh mà tụng kinh để cầu thêm thọ. Vì thế mà gọi là chùa Diêu Hựu. Đời Lý Nhân Tông năm Long Phù Nguyên Hoá thứ 5 sửa lại, xây tháp chót sắt trắng, vét hồ Linh Chiểu, ngoài hồ xây hành lang vẽ, ngoài hành lang đào ao gọi là Bích Trì và bắc cầu vòng để qua. Trước sân dựng bảo tháp. Mỗi tháng ngày sóc vọng và ngày mồng 8 tháng 4, vua đến đặt nghi thức cầu đảo và tắm Phật, hàng năm làm lệ thường. Lại đúc chuông lớn, chuông đúc xong đánh không kêu, bèn bỏ ở ruộng

www.thuvien247.net

rùa (qui điền) của chùa (ruộng thấp, sản nhiều rùa nên gọi thế) gọi là Chuông Qui Điền sau Vương Thông nhà Minh bị Lê Thái Tổ vây trong thành Đông Quan, hết quân khí, đã phá chuông để đúc súng đạn.

*Chùa Địa Linh*: ở phường Tây Hồ huyện Vĩnh Thuận, dựng năm Lê Vĩnh Thọ thứ 4, bản triều năm Minh Mệnh thứ 4 cho 30 lạng bạc.

*Chùa Chiêu Thiền*: ở trại Yên Lãng huyện Vĩnh Thuận là chỗ Từ Đạo Hạnh tu luyện thường ngày. Nay trong chùa thờ Từ Đạo Hạnh, lại thờ Lý Thần Tông. Chùa có hòm gỗ chứa sách Phạn bằng lá đồng là di tích xưa.

*Chùa Dục Khánh*: ở thôn Huy Văn huyện Thọ Xương, truyền rằng Quang Thục Hoàng hậu nhà Lê sinh Lê Thánh Tông ở đấy, sau làm chùa trên đất ấy.

*Chùa Báo Thiên*: ở thôn Tiên Thị huyện Thọ Xương. Xưa gọi phường Báo Thiên, do Lý Thánh Tông dựng; lại xây bảo tháp Đại Thắng Tư Thiên, cao mấy chục trượng, gồm ba tầng, phát 12.000 cân đồng để đúc chuông lớn. Đến đời Nhuận Hồ đỉnh tháp đổ, an phủ sứ Đông Đô vì không báo tai biến. Cuối đời Lê, Tây Sơn cho dỡ lấy gạch ngói để làm việc xây dựng, mỗi hòn gạch đều có in niên

www.thuvien247.net

hiệu triều Lý. Chùa hiện nay là do nguyên Tổng đốc Tôn Thất Bật theo chùa cũ mà sửa lại. Những đá xanh còn lại có hình hoa sen là đá mặt tháp có hình bát giác là bệ của tháp, đều là vật xưa cả.

*Chùa Quán Sứ*: ở thôn An Tập huyện Thọ Xương. Đời xưa sứ các nước Chiêm Thành, Vạn Tượng, Nam Chưởng đến cống đều ở đấy. Vì tục các nước đều thờ Phật, cho nên làm chùa cho họ ở, nhân đấy gọi tên chùa.

*Chùa Liên Trì*: ở thôn Cựu Lâu huyện Thọ Xương là chỗ cũ của lầu Ngũ Long đời Lê. Bản triều đầu đời Thiệu Trị, Hà - Ninh Tổng đốc Nguyễn Đăng Giai dựng chùa rất rộng đẹp, tám mặt đào cừ trồng sen cho nên gọi là chùa Liên Trì.

*Chùa Hương Tích*: ở núi Hương Tích huyện Hoài An. Tương truyền rằng Bồ Tát Quan Âm sang phương Nam trụ trì ở đấy (xem phần "Sơn xuyên chí").

*Chùa Tuyết Sơn*: ở trên núi Tuyết Sơn huyện Hoài An. Có tượng Phật bằng đá (xem phần "Sơn xuyên chí").

*Chùa Vân Mộng, chùa Thắng Lãm*: đều ở núi Bát Cảnh, huyện Kim Bảng.

*Chùa Bồ Tát*: ở xã Quang Trúc huyện Kim Bảng, tục gọi là chùa Ông, dân địa phương cầu tự

www.thuvien247.net

thường được linh nghiệm. Vua Lê đến thăm, cho biển ngạch đề chữ "Bảo ngã tử tôn", nay vẫn còn. Các triều đều có phong tặng.

*Chùa Đại Bi*: ở hai xã Bối Khê, Thanh Khê huyện Thanh Oai, thờ Thiện Truyền Chân Nhân. Theo *Lĩnh nam trích quái*, Chân Nhân họ Nguyễn, tự là Bình An, người xứ Bối Khê, từ trẻ xuất gia tu hành, trụ trì ở chùa xã nhà, lớn lên đến ở chùa Quảng Giáo xứ Sơn Tây; lại trở về quê dựng chùa Đại Bi, sau khi mất, hai xã ấy tô tượng để thờ. Các triều đều có sắc phong.

*Chùa Pháp vân, Pháp vũ, Pháp lôi, Pháp điện*: ở hai xã Văn Giáp và Gia Phúc huyện Thượng Phúc (xem *Bắc Ninh tỉnh chí*).

*Quán Chân vũ*: ở phường Thuỵ Chương huyện Vĩnh Thuận, thờ Trấn Thiên Chân Vũ đại đế, dựng đời Lê Vĩnh Trị, đúc tượng đồng cao 8 thước 2 tấc, chu vi 8 thước 7 tấc, nặng 6.600 cân, rất linh ứng. Nguyên tên là quán Trấn Vũ. Bản triều năm Minh Mệnh thứ 2, vua Bắc tuần cho 50 lạng bạc; năm thứ 21 đổi tên hiện nay, sai quan đến tế, tặng một áo nhung vàng. Năm Thiệu Trị thứ 2, nhà vua Bắc tuần đến thăm, cho một đồng kim tiền lớn, tặng một cái áo nhung vàng, lại cấp cho một biển đồng khắc một bài thơ và một đôi câu đối thêu.

www.thuvien247.net

*Quán Huyền Vũ*: ở phường Đồng Xuân huyện Thọ Xương, thờ Huyền Thiên Đế Quân. Dựng đời Lê, năm Thiệu Trị thứ 7 sửa lại, có bia đá vẫn còn.

*Hội quán Việt Đông*: ở phường Hà Khẩu huyện Thọ Xương. Năm Gia Long thứ 2 những người khách Minh Hương quyên tiền xây dựng để thờ Quan Công Đại đế.

## NHÂN VẬT

*ĐỜI TẦN*

*Lý Ông Trọng*: người xã Thuỵ Hương huyện Từ Liêm, làm Tư lệ Hiệu uý của nhà Tần. Thuỷ Hoàng sai đem binh đi giữ Lâm Thao, uy danh lừng lẫy đối với người Hung Nô. Đến khi già về làng Thuỷ Hoàng cho là Dị nhân, đúc đồng làm tượng đặt tại cửa Tư Mã ở Hàm Dương, người Hung Nô cho là Quan hiệu uý sống không dám xâm phạm.

*ĐỜI LÝ*

*Lý Thường Kiệt*: người phường Thái Hoà thành Thăng Long. Tự thiến mình, sung chức Hoàng môn chi hậu, nhiều mưu lược, có tài làm tướng, trải thờ ba triều, đánh bại quân Tống, dẹp yên quân Chiêm, công nghiệp rất lớn. Chết được tặng Việt quốc công. Bản triều năm Minh Mệnh thứ 4, cho tòng tự ở miếu Lịch đại đế vương.

www.thuvien247.net

*ĐỜI TRẦN*

*Chu Văn An*: người xã Quang Liệt huyện Thanh Trì, tính cứng thẳng trong sạch, không cầu danh lợi. Ở nhà đọc sách, học thuật tinh thuần, học trò nhiều người thành danh. Vua Trần Minh Tông vì đạo học mà mời ra làm Tư nghiệp Quốc tử giám, dạy thái tử học. Vua Dụ Tông chính sự trễ nải, bầy tôi nhiều người không giữ phép, ông dâng sớ xin chém bảy người nịnh thần. Sớ vào không được trả lời, ông treo mũ về vườn, sang ở núi Chí Linh, tự hiệu là Tiều Ẩn. Trước tác có sách *Tứ thư thuyết ước* và sách *Tiều ẩn thi tập*. Chết cho thuỵ là Văn Trinh, tòng tự ở Văn Miếu. Bản triều cũng theo như thế (xem *Hải Dương tỉnh chí*).

*Trần Bình Trọng*: người xã Bảo Thái huyện Thanh Liêm, dòng dõi Lê Đại Hành, nhà Trần cho quốc tính phong Bảo Nghĩa công, đánh nhau với quân Nguyên bị bắt, không chịu khuất, người Minh dụ sẽ phong vương ở Trung Quốc, ông nói: "Ta thà làm ma nước Nam, chứ không thèm làm vương đất Bắc", rồi bị giết.

*ĐỜI LÊ*

*Lý Tử Tấn*: người xã Triều Đông, huyện Thượng Phúc, học vấn rộng khắp, đậu Thái học sinh đời Hồ. Theo Lê Thái Tổ, vua khen là học nhiều,

www.thuvien247.net

sai giữ việc văn thư. Trải thờ các đời Lê Thái Tông, Lê Nhân Tông, làm đến Hàn Lâm viện Học sĩ. Ông có *Chiết trai văn tập*[1].

*Nguyễn Trãi*: người xã Nhuỵ Khuê, huyện Thượng Phúc, nổi tiếng ở đời về văn chương. Kinh sử bách gia, cùng lược thao binh thư, không gì là không thông suốt. Đậu Thái học sinh đời Hồ. Theo Lê Thái Tổ, dự bàn mưu lược nơi màn trướng, phàm từ lệnh đều tự tay ông soạn. Vì có công được phong Quan phục hầu và được cho quốc tính. Đến đời Thái Tông, vì việc ám muội của Nguyễn Thị Lộ mà bị giết. Thánh Tông thương là oan, truy tặng Tế Văn Hầu. Bản triều năm Gia Long thứ nhất, liệt vào hàng công thần khai quốc nhà Lê bậc thứ nhất, miễn lao dịch cho một người dòng dõi để giữ việc thờ tự, cho hai người trong họ làm sái phu.

*Phan Phu Tiên*: người xã Đông Ngạc huyện Từ Liêm, năm Thuận Thiên thứ hai đậu khoa Minh Kinh, làm đến Tri Sử quán soạn sách *Sử kí tục biên*, có *Việt âm thi tập* lưu hành.

*Nguyễn Trực*: người xã Bối Khê, huyện Thanh Oai, nhà ở thôn Nghĩa Bang, huyện Yên Sơn. Năm Đại Bảo thứ ba đỗ Trung nguyên, tức là Trạng nguyên

---

[1] Có sách chép là *Chuyết am tập*.

www.thuvien247.net

đầu tiên của triều Lê, làm đến Hàn Lâm thừa chỉ. Hoạ thơ lưu biệt của sứ Minh 50 vận, làm vẻ vang cho quốc thể. Lê Nhân Tông từng sai hoạ công vẽ tượng của ông đặt ở bên cạnh để tỏ là không quên. Lê Thánh Tông sai đem *Thiên nam dư hạ tập* đến tận nhà cho ông điểm bình. Trước tác có *Xư liêu thi tập*.

*Nguyễn Như Đổ*: người xã Đại Lan huyện Thanh Trì. Nhà ở xã Tứ Dương huyện Thượng Phúc, 19 tuổi đậu Hội nguyên đời Đại Bảo, thi Điện đậu Bảng nhãn; ba lần phụng mệnh đi sứ sang Bắc Quốc; làm quan đến Thượng thư Lại bộ, trải thờ 8 triều, thọ 102 tuổi.

*Ngô Sĩ Liên*: người xã Chúc Sơn huyện Thượng Đức, đậu Tiến sĩ khoa Nhâm Tuất đời Đại Bảo, làm đến Thị lang kiêm Quốc sử quán tu soạn, hiệu chính sách *Đại Việt sử ký* thêm vào phần *Ngoại kỉ*; thọ 99 tuổi.

*Lê Tung*: người xã An Cừ huyện Thanh Liêm, đậu Chánh Tiến sĩ khoa Giáp Thìn, đời Hồng Đức, được cho quốc tính, đổi tên làm Tung; làm đến Thượng thư Lễ bộ, coi việc Kinh diên, làm bài *Việt giám tổng luận*.

*Dương Trực Nguyên*: người xã Thượng Phúc, huyện Thượng Phúc; đậu Chánh Tiến sĩ đời Hồng Đức, dự Tao Đàn, làm đến Tả Thị lang Lễ bộ. Khi Tương Dực đế khởi binh tự Thanh Hoá biếm bức

www.thuvien247.net

Đông Đô thì Uy Mục đế sai ông làm Tán lí đem cấm binh đi chống cự, chết trận, được tặng Đô Ngự sử.

*Lê Sạn*: người xã Vạn Phúc huyện Thanh Trì, đậu Bảng nhãn đời Cảnh Thống. Trần Cao hãm kinh thành, Chiêu Tông tự Tây Đô chia binh tiến đánh, sai ông làm đề sát Sơn Nam, tiến vây cửa Đại Hưng, lấy lại Kinh sư. Làm đến thượng thư Hộ bộ, rồi trí sĩ.

*Bùi Bỉnh Uyên*: người xã Định Công huyện Thanh Trì; học rộng, văn hay, thi hương trúng tam trường. Đầu đời Thuận Bình, đem cả họ vào Thanh Hoá, tham dự giúp việc binh cơ, lấy lại Kinh thành được phong công thần. Làm đến Thượng thư Binh bộ, tước Văn Phong hầu, thọ 95 tuổi, tặng Tiên Quận công. Bình sinh thanh liêm thẳng thắn, không mưu sản nghiệp, khi chết nhà không có của dư, mà phúc ấm dồi dào, con cháu quí hiển, là một họ lớn ở tỉnh Hà Nội.

*Nguyễn Hữu Liêu*: người xã Tây Đàm huyện Từ Liêm, đời Lê Quang Hưng, cầm quân làm tiên phong, đánh chạy Mạc Mậu Hợp, thu phục thành Đông Kinh, phong Phụ quốc công thần. Liêu là người thông minh quyết đoán, đánh là phải thắng, mang lại chất phác giữ lễ, đời khen là lương tướng. Khi chết được tặng Phu nghĩa công thần. Bản triều năm Gia Long thứ nhất liệt vào hàng công thần trung hưng nhà Lê bậc thứ nhất, miễn lao dịch cho một người dòng dõi để giữ việc thờ tự, cho 2 người trong họ làm sái phu.

www.thuvien247.net

*Đặng Huấn*: người xã Lương Xá huyện Chương Đức, theo Lê Bá Li đi đánh dẹp; từng trải hàng trận, có công giúp Lê diệt Mạc, làm đến Tả Đô đốc, tước Nghĩa Quận công. Bản triều liệt vào hàng công thần trung hưng nhà Lê bậc thứ nhất, miễn lao dịch cho một người dòng dõi để giữ việc thờ tự, cho 2 người trong họ làm sái phu.

*Nguyễn Đình Trụ*: người xã Nguyệt Ánh huyện Thanh Trì, đỗ Tiến sĩ Hội nguyên đời Thịnh Đức, làm đến cấp Sự trung Lại khoa; ham khuyến dụ bọn hậu tiến, tác thành nhiều người có mấy nghìn môn sinh, thi đậu rất nhiều; làm mực thước trong rừng nho, người ta xưng là tôn sư. Chết 77 tuổi.

*Đặng Đình Tướng*: người xã Lương Xá huyện Chương Đức, là chắt của công thần trung hưng Đặng Huấn, đậu đồng Tiến sĩ đời Cảnh Trị, làm đến Tả Thị lang Lại bộ, đổi sung hàng võ làm Đô đốc, ra làm trấn thủ Sơn Tây, bắt giặc yên dân; tham dự triều chính, hiểu thuộc điển cố, 80 tuổi mới hưu trí, người ta xưng là Quốc lão tiên. Thọ 87 tuổi, tặng đại tư không, phong phúc thần.

*Nguyễn Quí Đức*: người xã Đại Mỗ, huyện Từ Liêm, đậu Thám hoa đời Vĩnh Trị, làm đến Thượng thư Binh bộ, Liêm Quận công. Làm chính sự thì vụ cấm việc phiền hà, rộng tha việc trốn thiếu, bớt nhẹ lực dịch, nhân dân đều thờ, 71 tuổi thì hưu trí.

www.thuvien247.net

*Ngô Đình Thạc*: người xã Tả Thanh Oai huyện Thanh Oai, đậu đồng Tiến sĩ đời Chính Hoà, làm đến Thượng thư Lễ bộ. Ra trấn giữ Lạng Sơn, phiên tù là bọn Toản Cơ vây Đoàn thành, trong thành binh ít, có người khuyên chạy, Thạc nói: "Chức vụ của ta là giữ đất, phải sống chết với thành này". Thành bị hãm, khi ông chết, được tặng Thái phó.

*Ngô Thì Sĩ*: người xã Thanh Oai, huyện Thanh Oai, học rộng văn hay, đậu Chánh Tiến sĩ đời Cảnh Hưng, làm đến Thiêm đô Ngự sử. Làm sách *Việt sử tiêu án*, từ Hồng Bàng đến triều Trần; có nhiều phát minh. Sau ra trấn Lạng Sơn, chiêu tập dân lưu vong khai khẩn ruộng hoang, tự mình trông nom cày cấy, khuyến khích thổ dân, trong ba năm giặc cướp im hơi, trong cõi yên ổn, chết tại chức, nay có đền thờ ở động Nhị Thanh tỉnh ấy.

*Lý Trần Quán*: người xã Vân Canh huyện Từ Liêm, đậu đồng Tiến sĩ đời Cảnh Hưng; tính rất hiếu, để tang cha mẹ làm lều ở bên mộ 3 năm; làm quan đến Tri lại phiên. Cuối đời Lê chết vì việc nghĩa, gia tặng Quận công.

*Lê Trọng Thường*: người xã Bình Vọng huyện Thượng Phúc, đậu đồng Tiến sĩ khoa Nhâm Thìn đời Cảnh Hưng; làm đến Tham chính Kinh Bắc. Trong loạn Tây Sơn, cự chiến ở xã Liên Đường

www.thuvien247.net

huyện Gia Lâm, thế yếu không địch nổi, cùng con là Đình Định bị giặc bắt, giặc dụ hàng không chịu khuất, đều bị hại.

*Bùi Huy Bích*: người xã Định Công huyện Thanh Trì, nhà ở Thịnh Liệt, đậu Chánh Tiến sĩ đời Cảnh Hưng, làm đến Thị lang Lại bộ hành tham tụng. Nhà Lê mất, ẩn cư không ra. Bản triều đầu đời Gia Long dời vào kinh yết kiến, ban cho hậu rồi cho về. Có các tập *Văn tuyển* và *Thi tuyển* lưu hành.

*Nguyễn Huy Túc*: người xã Kim Lũ huyện Thanh Trì, là con Thái phó Nguyễn Công Án, đậu Hương cống đời Lê. Đầu đời Chiêu Thống làm Đốc trấn Cao Bằng; loạn Tây Sơn, cùng Trường Phái hầu Lê Quýnh rước Lê Thái hậu và nguyên tử sang nương tựa nước Thanh để xin binh; đến khi viện binh đến, vua Chiêu Thống lấy lại được nước, thăng Binh bộ Thị lang Đồng bình Chương sự. Nhà Lê mất, không chịu nhục.

*ĐỜI NGUYỄN*

*Đặng Trần Thường*: người xã Lương Xá huyện Chương Đức, gặp loạn Tây Sơn, cùng người đồng quận là Nguyễn Bá Xuyến theo Nguyễn Đình Đắc vào Gia Định ứng nghĩa, ứng đối xứng ý vua, có công trù hoạch, làm đến Thượng thư Binh bộ, sau bị tội.

www.thuvien247.net

*Nguyễn Bá Xuyến*: người huyện Thanh Oai, gặp loạn Tây Sơn, cùng với Đặng Trần Thường vào Gia Định ứng nghĩa, được sai về Bắc Hà chiêu dụ hào kiệt khiến họ khởi binh để chia thế giặc. Khi trở vào Nam, được trao chức Chánh vệ, theo Nguyễn Văn Thành đi đánh giặc. Năm Gia Long thứ nhất, đại binh tiến đánh lấy Bắc Thành, được trao chức Khâm sai Chưởng cơ lãnh An phủ sứ phủ Phụng Thiên (nay là phủ Hoài Đức), rồi thăng Trấn thủ Sơn Nam Thượng, lại đổi trấn thủ Cao Bằng. Sau bị tội cách chức. Bá Xuyến là người dũng cảm, từng kịch chiến với giặc, bị súng bắn cụt cánh tay phải. Đến khi ở Phụng Thiên, dựng một gian nhà làm chỗ nghỉ ngơi, xin Phạm Quí Thích đặt tên. Quí Thích đặt tên là "Thận độc đường"[1]. Xuyến cười bảo người ta rằng: "Phạm tiên sinh nói ta đó". Bèn viết làm biển ngạch.

*Trần Đăng Viên*: người xã Dũng Thọ huyện Thọ Xương. Tổ quê ở huyện Thuỵ Nguyên xứ Thanh Hoá, đời Lê mạt, Viên mới dời nhà đến Thăng Long. Làm quan nhà Lê được bổ nhập thị. Nhà Lê mất, họp chúng cự chiến với giặc ở địa phận Cổ Bi, thế yếu không địch nổi, quân vỡ. Đến khi bản triều khôi phục Gia Định, sai Nguyễn Đình Đắc chiêu dụ hào

---

[1] Thận độc: Trận trọng cả khi ở một mình, lại có nghĩa giễu cợt là cẩn thận giữ một cánh tay, vì Xuyến bị cụt một tay.

www.thuvien247.net

mục Bắc Hà, Viên vâng mệnh, trước đến Tuyên Quang họp các thổ mục dấy binh để chia thế giặc. Đến khi dẹp yên, yết kiến ở hành tại Thăng Long, được cho theo quan tổng trấn sai phái, bổ chức bình luận. Năm Gia Long thứ 7, đem binh giữ đồn Bắc Cạn ở Tuyên Quang, đảng giặc Dương Văn Cúc hơn nghìn người đến vây, Viên hết sức đánh, giữ được ba ngày đêm. Nhưng viện binh của trấn không đến, đồn bị hãm, Viên bị chết. Việc tâu lên, được tặng Tráng liệt Tướng quân thiết kị uý An Nhân hầu.

*Trịnh Hiến*: người huyện Vĩnh Lộc, trấn Thanh Hoa, nhà ở Thượng Phúc. Cuối đời Lê làm tri phủ, theo vua Chiêu Thống sang nước Thanh, người Thanh bắt ép cạo tóc, rốt cuộc không chịu khuất. Ở lại Yên Kinh 16 năm. Bản triều năm Gia Long thứ 3, người Thanh đưa về nước được triệu vào yết kiến, trao chức Thị trung Học sĩ trải làm đến Tham tri Binh bộ, làm việc Hình tào Bắc Thành; năm Minh Mệnh thứ nhất, sung việc sứ ở cửa quan rồi chết, ban cho 200 quan tiền.

*Lý Gia Hiến*: người xã Thuỵ Lôi, huyện Kim Bảng, đậu Hương cống đời Cảnh Hưng. Loạn Tây Sơn, đem vua Chiêu Thống sang nước Thanh, người Thanh bắt ép cạo tóc, không chịu khuất. Bản triều năm Gia Long thứ 3, rước quan tài vua Chiêu Thống về nước, được triệu vào yết kiến, trao cho chức

www.thuvien247.net

Thị trung Học sĩ, rồi thăng Kí lục dinh Quảng Đức; lại điều ra Bắc Thành trông nom công việc các mỏ, rồi chết.

*Hà Tôn Quyền*: người xã Cát Động huyện Thanh Oai, đậu Tiến sĩ Hội nguyên khoa Nhâm Ngọ năm Minh Mệnh thứ 3, làm đến Tham tri Lại bộ, ở Cơ mật Nội các trước sau hơn 10 năm. Khi chết được tặng Thượng thư Lại bộ.

*Hoàng Tế Mĩ*: người xã Đông Ngạc huyện Từ Liêm, nguyên quán huyện Gia Bình tỉnh Bắc Ninh, đậu Chánh Tiến sĩ Hội nguyên khoa Bính Tuất đời Minh Mệnh, làm đến Tham tri Binh bộ, giỏi việc lại trị, đầu đời Tự Đức sung chức Kinh diên Nhật giảng quan. Khi chết được tặng thượng thư Lễ bộ.

## BỒ DI[1]

*ĐỜI LÝ*

*Tô Hiến Thành*: triều Lý Anh Tông làm Thái sư phụ chính, khi Anh Tông gần băng, nhận di chiếu lập Cao Tông. Thái hậu muốn lập Thái tử cũ là Long Xưởng, hối lộ cho vợ Thành là Lữ Thị. Thị khuyên Thành; Thành nói: "Ta là đại thần chịu mệnh kí thác mà lại ăn hối lộ để đổi mệnh, còn mặt mũi nào thấy tiên đế ở dưới đất nữa!". Thái

[1] Thêm phần còn sót.

www.thuvien247.net

hậu nói trăm cách cũng không nghe. Đến đời Trần Nghệ Tông sai vẽ tranh Chu Công giúp Thành vương, Hoắc Quang giúp Chiêu đế, Khổng Minh giúp Hậu chúa, Tô Hiến Thành giúp Cao Tông làm tranh Tứ phụ để cho Lê Quí Ly.

*Mục Thận*: người huyện Vĩnh Thuận, làm nghề đánh cá. Lý Nhân Tông chơi Dâm Đàm (Hồ Tây), đi thuyền nhỏ xem đánh cá, bỗng mây mù nổi lên, trông mù tối nghe có tiếng thuyền đến, tiếng chèo rầm rập. Vua lấy qua ném thì chốc lát mây tan, thấy trong thuyền ấy có con cọp, mọi người sợ thất sắc, nói việc nguy lắm. Thận lấy lưới quăng úp lên mình con cọp, thì cọp chính là thái sư Lê Văn Thịnh. Vua thưởng cho quan tước và tiền của, cho đất Tây Hồ làm thực ấp. Làm quan đến Thái uý. Nay bên hồ có đền thờ.

*Nguyễn Duy Đôn*: người huyện Sơn Minh, từ nhỏ thông minh, đậu Tiến sĩ đệ nhị giáp đời Vĩnh Thịnh; năm Mậu Thân lại đậu Đình nguyên khoa thi Đông các. Làm quan đến Tả Thị lang Binh bộ. Khi chết được tặng Chưởng thư Công bộ, tước Hầu.

*Mai Chính Nghĩa*: sau đổi làm Trọng Tương, là con Mai Danh Châu, đậu Tiến sĩ khoa Bính Thìn đời Vĩnh Hựu, làm đến Hàn Lâm Hiệu lí. Được gia đình giáo dục, nổi tiếng văn học.

www.thuvien247.net

*Nguyễn Quốc Trinh*: người huyện Thanh Trì, 21 tuổi đậu Giải nguyên, 25 tuổi đậu Trạng nguyên; làm đến Hữu Thị lang Hình bộ; vâng mệnh đi sứ sang Bắc quốc. Xin sáu năm cống luôn hai kỳ, vua Thanh chuẩn cho. Bấy giờ vua Thanh cấp cho sứ nước ta và sứ Triều Tiên mỗi người một cái bàn, dài rộng chỉ chừng 2 thước, bảo viết tên một trăm người hiền có tiếng. Sứ Triều Tiên ngồi suốt ngày viết chữ rất nhỏ. Trinh thì luôn tay viết "Khổng môn thất thập nhị hiền. Vân đài nhị thập bát tướng" (72 người hiền trong Khổng môn, 28 tướng nghi ở Vân Đài) dâng lên. Vua Thanh khen là tài và nhanh. Khi về, thăng Tả Thị lang Lại bộ. Trinh tính cương trực. Bấy giờ Trịnh Dương Vương (Trịnh Tạc) muốn tiếm ngôi, xây đài Thụ Thiện ở Đô thành, dẫn Trinh đến hỏi thử. Trinh nói: "Nhân Tâm thiên hạ không vui đâu". Vương giận nói: "Thiên hạ rộng, một người làm sao biết được?". Trinh đáp: "Thiên hạ là Trinh, lòng Trinh không vui thì biết lòng thiên hạ". Đêm ấy sét đánh đài tan nát, việc bèn thôi. Bấy giờ quân Tam phủ kiêu hỗn, Trinh cùng Phạm Công Trứ hết lòng nghĩ cách ức chế, quân Tam phủ đốt nhà Phạm Công Trứ, Trinh dõng dạc ra đàn áp, bèn bị giết. Khi xong việc, giết ba tên thủ xướng để tế, tặng Trinh hàm Binh bộ Thượng thư Trì Quận công, tiết nghĩa công thần, cấp cho 95 mẫu ruộng tế; lục dụng con cháu.

www.thuvien247.net

*Đào Quang Nhiên*: người huyện Thanh Oai, đời Gia Tông tòng chinh có công, ra trấn Nghệ An kiêm châu Bố Chính, Phó Tướng thống suất Tả Khuông quân dinh, là bậc danh tướng sau Trung hưng. Làm đến Thiếu uý, tước Dương Quận công, là người có tháo thủ, độ lượng khoan hậu. Chết tặng Thái tể, phong phúc thần (xem *Cổ kim danh tiết lục*).

*Nguyễn Đình Cẩm*: trước tên Miên, người huyện Từ Liêm, năm Ất Dậu theo vua Chiêu Thống sang nước Thanh. Bản triều năm Gia Long thứ 3, rước quan tài vua Chiêu Thống về nước; năm Tự Đức được thờ ở đền Lê tiết nghĩa, cho thuỵ là Trung Mẫn.

*Nguyễn Trọng Diệu*: người huyện Thanh Trì, làm tổng binh sứ. Năm Bính Ngọ cùng với Hoàng Phùng Cơ chống giặc Tây Sơn ở sông Vị Hoàng, lui đến giang phận sông Thuý Ái, quân Lê bại, Diệu hăng hái đứng trên mũi thuyền lực chiến mà chết.

## LIỆT NỮ

*ĐỜI TRẦN*

*Lê Thị Ta*: người phường Tây Nhai ở phía hữu tỉnh thành. Chồng là Phạm Khoá đi sứ sang nước Nguyên ốm chết, thị nghe tin, thương nghĩ suốt ba ngày không ăn rồi chết. Việc tâu lên, vua Trần Anh Tông cho bạc và lụa để biểu dương.

www.thuvien247.net

*ĐỜI NGUYỄN*

*Lê Thị Bản*: người xã Hoàng Phúc huyện Thượng Phúc, vợ Tạ Bá Khôi, 17 tuổi lấy chồng, mới được 4 tháng thì chồng chết, thị thờ cha mẹ chồng, sống nuôi chết chôn theo lễ, ở goá giữ tiết, chung thuỷ không sai, năm Minh Mệnh thứ 11 được biểu dương.

*Nguyễn Thị Quyên*: người xã Linh Đường huyện Thanh Trì, vợ Bùi Bình Thuần, lấy chồng được một năm thì chồng chết, không có con, mới 24 tuổi. Cha chồng là cố Tham tụng Bùi Huy Bích bảo thị về nhà để thử xem chị thế nào, thị bèn lấy dao cắt tóc thề rằng: nếu không thờ chồng giữ tiết trọn đời thì sẽ như tóc này. Từ đó chỉ nương tựa nhà chồng. Năm Thiệu Trị thứ nhất được biểu dương.

*Nguyễn Thị Tư*: người xã Phương Liệt huyện Thanh Trì, vợ Nguyễn Mậu Du, 21 tuổi chồng chết, không có con, hết tang, mẹ thị gọi về bắt cải giá, thị không chịu về. Ngày kị chồng, thị đau chướng bụng, cha mẹ chồng mời thầy thuốc, thị xin đừng chữa để được chết cùng ngày với chồng. Cả nhà nghi ngờ là thị uống thuốc độc, tức thì tẩy nước rau muống mài phấn chì vào cho uống, bèn mửa ra rồi tỉnh. Tìm thì quả thấy có vết thạch tín trong bãi mửa. Từ đó vẫn ở nhà chồng, không đổi tiết. Năm Thiệu Trị thứ nhất được biểu dương.

www.thuvien247.net

## TĂNG

*ĐỜI LÝ*

*Từ Lộ*: tự là Đạo Hạnh, người trại Yên Lãng huyện Thanh Trì, tu ở chùa Phật Tích huyện Yên Sơn, là cao tăng đời ấy (sự tích xem *Sơn Tây tỉnh chí*, Yên Lãng sau thuộc huyện Vĩnh Thuận).

*Viên Chiếu thiền sư*: người huyện Thanh Trì, rất thông minh, học nhiều. Nghiên cứu thiền tôn, một hôm đương nhập định thì thấy Văn Thù bồ tát cầm dao mổ bụng rửa ruột cho rồi bôi thuốc. Từ đấy những điều trong lòng học được đều như hẹn trước từ xưa.

## THỔ SẢN

*Gạo tẻ*: gạo di, gạo thơm, gạo dự, gạo hoa khế, gạo trĩ, gạo hương, gạo sài đường, gạo cánh trắng.

*Gạo nếp*: gạo nếp hoa vàng, gạo nếp răng ngựa, gạo nếp vằn, gạo nếp rồng, gạo nếp cau, gạo nếp vải.

*Kê đuôi chồn, ngô.*

*Tơ, bông, lụa trắng.*

*Trừu nam, là*: phần nhiều sản ở huyện Từ Liêm.

*Lãnh hoa*: sản ở các xã Yên Thái, Trích Sài.

*Sại nam*: ở La Khê và Ngải Cầu có thuế.

www.thuvien247.net

*The hoa*: ở hai xã Bất Nạo và Cao Lãm.

*The mình băng*[1]: ở hai xã Minh Thuỵ và xã Phúc Hâm huyện Thượng Phúc.

*Sa hoa nhỏ.*

*Nón lá, dầu nước, diêm tiêu.*

*Giấy sắc, các hạng giấy*: sản ở hai xã Yên Thái và Trích Sài.

*Quạt tre, ngói, nồi đất.*

*Chè*: các xã Bài Lỗ huyện Kim Bảng, đều có, sản ở huyện Chương Đức tốt nhất.

*Mật mía*: xã Hà Châu huyện Từ Liêm, các xã Mộc Hoàn, An Hoà, Lãnh Trì, Từ Đường, An Hội, Tường Lân huyện Phú Xuyên đều có nấu.

*Đường đen.*

*Muối.*

*Bánh phục linh*: phố Hàng Đường và phường Đồng Xuân huyện Thọ Xương.

*Cốm dẹp*: ở xã Dịch Vọng tốt nhất tục gọi cốm Vòng.

*Cốm trộn đường*: sản ở huyện Chương Đức.

*Quai thao.*

---

[1] The mình băng là the mình có hoa lấm tấm.

www.thuvien247.net

# ĐẠI NAM NHẤT THỐNG CHÍ

## *QUYỂN XIV*

## TỈNH NINH BÌNH

Đông tây cách nhau 68 dặm, nam bắc cách nhau 57 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Đại An tỉnh Nam Định 26 dặm, phía tây đến địa giới huyện Thạch Thành tỉnh Thanh Hoá 42 dặm, phía nam đến địa giới hai huyện Tống Sơn và Nga Sơn tỉnh Thanh Hoá 35 dặm, phía bắc đến địa giới hai huyện Thanh Liêm và Chương Đức tỉnh Hà Nội 22 dặm, phía đông nam đến cửa biển Chính Đại huyện Tống Sơn 38 dặm, phía tây nam đến địa giới huyện Tống Sơn 29 dặm, phía đông bắc đến địa giới hai huyện Phong Doanh và Ý Yên tỉnh Nam Định 2 dặm, phía tây bắc đến địa giới huyện Mĩ Lương tỉnh Sơn Tây và địa giới châu Đà Bắc tỉnh Hưng Hoá 174 dặm, từ lị sở tỉnh đi về nam đến Kinh thành 944 dặm.

### PHÂN DÃ

Theo thiên văn, thuộc khu vực sao Dực, sao Chẩn, về tinh thứ sao Thuần vĩ (theo sự suy trắc

www.thuvien247.net

năm Minh Mệnh 18, cao nhất 19 độ 49 phân 40 dây, lệch về phía tây 29 phân 30 dây).

## DỰNG ĐẶT VÀ DIÊN CÁCH

Đời Tần thuộc Tượng Quận. Đời Hán thuộc quận Giao Chỉ, từ đời Ngô, đời Tấn về sau thuộc châu Giao, cuối đời Lương là châu Trường Yên. Nước ta nhà Đinh đóng Kinh đô ở Hoa Lư tức là đất này (Đinh Tiên Hoàng, người động Hoa Lư châu Đại Hoàng[1], trước ở trong động, sau khi lên ngôi vua, đóng đô ở địa phận các xã Trường Yên Thượng và Trường Yên Hạ, gọi là thành Hoa Lư).

Đời Tiền Lê cũng gọi là châu Trường Yên. Đời Lý gọi là phủ Trường Yên, sau lại gọi châu Đại Hoàng. Đầu đời Trần là lộ Trường Yên, sau đổi làm trấn; năm Quang Thái thứ 10, đổi trấn Trường Yên làm trấn Thiên Quang.

Thời thuộc Minh lại gọi là châu Trường Yên (*Đại Thanh nhất thống chí* chép: Phủ Kiến Bình lãnh 1 châu là Trường Yên và 6 huyện là Ý Yên, Đại Loan, Yên Bản, Vọng Doanh, Yên Ninh và Lê Bình. *Thiên hạ quận quốc lợi bệnh thư* chép: năm Minh Vĩnh Lạc thứ 5, đem châu Trường Yên lệ vào phủ

---

[1] Theo *Việt sử thông giám cương mục*, thì Đại Hoàng tức huyện Gia Viễn tỉnh Ninh Bình ngày nay.

www.thuvien247.net

Kiến Bình lãnh 4 huyện là Uy Viễn, Yên Mô, Yên Ninh và Lê Bình; năm thứ 6 gồm huyện Uy Viễn vào châu Trường Yên, năm thứ 13, gồm huyện Yên Mô vào Yên Ninh, năm thứ 17 gồm huyện Lê Bình vào châu Trường Yên.

Đầu đời Lê vẫn theo như đời Trần trước. Đời Thiệu Bình chia làm hai phủ Trường Yên và Thiên Quan, lãnh 6 huyện (phủ Trường Yên lãnh 3 huyện là Gia Viễn, Yên Khang và Yên Mô; phủ Thiên Quan quản lãnh 3 huyện là Phụng Hoá, Ninh Hoá và Lạc Thổ) lệ vào Thanh Hoa. Đời Hồng Đức đổi lệ vào Sơn Nam thừa tuyên.

Nhà Mạc cướp ngôi đem 2 phủ này làm Thanh Hoa ngoại trấn (lúc ấy nhà Mạc chiếm từ núi Tam Điệp trở ra bắc để chống cự với nhà Lê; nhà Lê bắt đầu trung hưng đóng đô ở Thanh Hoa, 2 phủ này ở phía tây bắc núi Tam Điệp làm Thanh Hoa ngoại trấn, nhân đấy từ phủ Trường Yên trở ra ngoài bắc gọi là Đông Việt, trở vào trong nam gọi là Tây Việt, tên gọi Thanh Hoa nội và Thanh Hoa ngoại bắt đầu từ đây), sau khi nhà Lê diệt nhà Mạc, lại đem 2 phủ này lệ vào Thanh Hoa gọi là ngoại trấn.

Bản triều, đầu đời Gia Long cũng theo như thế, Thanh Hoa ngoại trấn lãnh 2 phủ là Trường Yên và Thiên Quan, 6 huyện là Yên Mô, Yên Khang, Gia

www.thuvien247.net

Viễn, Yên Hoá, Phụng Hoá và Lạc Thổ. Năm Gia Long thứ 5, đổi Thanh Hoa ngoại trấn làm đạo Thanh Bình, đặt một quản đạo và một tham hiệp, vẫn lệ thuộc trấn Thanh Hoa. Năm Minh Mệnh thứ 2 đổi tên phủ Trường Yên làm phủ Yên Khánh; năm thứ 3 đổi tên đạo Thanh Bình làm đạo Ninh Bình, năm thứ 10, đổi làm trấn Ninh Bình, đặt trấn thủ, hiệp trấn và tham hiệp, năm ấy đặt thêm huyện Kim Sơn; năm thứ 12 đổi trấn làm tỉnh đặt hai ti bố chính và án sát, giao cho tuần phủ kiêm giữ công việc bố chính, thuộc quản hạt tổng độc Hà - Ninh; năm thứ 17 mới đặt lưu quan thay cho thổ quan ở các huyện thuộc phủ Thiên Quan. Nay lãnh 2 phủ 7 huyện.

*Phủ Yên Khánh*: ở cách tỉnh thành 1 dặm về phía tây bắc, đông tây cách nhau 53 dặm, nam bắc cách nhau 42 dặm. Phía đông đến hạ lưu sông Non Nước đối ngạn với địa giới huyện Đại An tỉnh Nam Định 30 dặm, phía tây đến địa giới huyện Phụng Hoá phủ Nho Quan 20 dặm, phía nam đến núi Tam Điệp giáp địa giới huyện Tống Sơn tỉnh Thanh Hoá 20 dặm, phía bắc đến sông Thanh Quyết đối ngạn với địa giới huyện Thanh Liêm tỉnh Hà Nội 22 dặm. Xưa là đất bộ Giao Chỉ, đời Lý là phủ Trường Yên, đời Trần gọi là lộ, sau lại gọi là trấn, thời thuộc Minh gọi là châu, lãnh 4 huyện, lệ vào phủ Kiến Bình. Đời Lê Quang Thuận lại đặt làm phủ, lãnh 3 huyện,

www.thuvien247.net

lệ vào thừa tuyên Sơn Nam; sau khi trung hưng đổi lệ vào Thanh Hoa. Bản triều đầu đời Gia Long cũng theo như thế, lại đặt thêm huyện Kim Sơn lệ vào phủ, nay lãnh 4 huyện. Từ trước chưa đặt phủ nha, năm Minh Mệnh thứ 13 mới đặt trị phủ, lại tách lấy 2 huyện Yên Mô và Kim Sơn đặt làm phân phủ. Năm Tự Đức thứ 5 bỏ phân phủ, nay lãnh 4 huyện.

*Huyện Yên Khánh*: ở liền tỉnh thành Ninh Bình. Đông tây cách nhau 38 dặm, nam bắc cách nhau 21 dặm. Phía đông đến sông Non Nước đối ngạn với địa giới huyện Đại An tỉnh Nam Định 30 dặm, phía tây đến địa giới huyện Gia Viễn 8 dặm, phía nam đến địa giới huyện Yên Mô 15 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Gia Viễn và địa giới huyện Phong Doanh tỉnh Nam Định 6 dặm. Từ đời Trần về trước gọi là Yên Ninh, thời thuộc Minh, do châu Trường Yên lãnh, lệ vào phủ Kiến Bình. Đời Lê Quang Thuận, đổi lệ vào phủ Trường Yên. Sau trung hưng đổi tên là Yên Khang. Bản triều, năm Gia Long thứ 2 đổi tên hiện nay. Trước lãnh 10 tổng, 63 xã thôn phường trang vạn, do phủ kiêm lí. Năm Minh Mệnh thứ 20, chia xã Bồng Hải làm 9 xã, đặt thêm một tổng. Nay lãnh 11 tổng, 71 xã thôn phường vạn.

*Huyện Gia Viễn*: ở cách phủ 7 dặm về phía bắc. Đông tây cách nhau 32 dặm, nam bắc cách nhau 21 dặm. Phía đông đến sông Đài đối ngạn với

www.thuvien247.net

địa giới 2 huyện Ý Yên và Phong Doanh tỉnh Nam Định 2 dặm, phía tây đến địa giới hai huyện Yên Hoá và Phụng Hoá phủ Nho Quan 30 dặm, phía nam đến địa giới huyện Yên Khánh 4 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Thanh Liêm tỉnh Hà Nội 70 dặm. Từ đời Trần trở về trước là đất 2 huyện Lê Gia và Uy Viễn. Thời thuộc Minh đổi Lê Gia làm Lê Bình cùng với huyện Uy Viễn đều lệ vào châu Trường Yên, do phủ Kiến Bình thống lãnh (nay hạt Gia Viễn còn có tên xã Lê Xá và Uy Viễn). Đời Lê Quang Thuận, đổi tên hiện nay, lệ bản phủ. Bản triều vẫn theo như thế. Nay lãnh 12 tổng, 92 xã, thôn, trang phường trại.

*Huyện Yên Mô*: ở cách phủ 12 dặm về phía nam. Đông tây cách nhau 35 dặm, nam bắc cách nhau 30 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Kim Sơn 9 dặm, phía tây đến địa giới huyện Phụng Hoá 26 dặm, phía nam đến địa giới hai huyện Nga Sơn và Tống Sơn tỉnh Thanh Hoá 18 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Yên Khánh 12 dặm. Nguyên là đất Mô Độ đời xưa, thời thuộc Minh đổi tên hiện nay, lệ châu Trường Yên thuộc phủ Kiến Bình. Đời Lê Quang Thuận đổi lệ bản phủ. Bản triều cũng theo như thế; năm Minh Mệnh thứ 13 do phân phủ kiêm lí; năm Tự Đức thứ 5 bỏ phân phủ, lại đặt tri huyện. Nguyên trước có 8 tổng, năm Tự Đức thứ 19, trích

www.thuvien247.net

lấy tổng Thần Phù thuộc huyện Nga Sơn tỉnh Thanh Hoá cho lệ vào huyện này. Nay lãnh 9 tổng, 72 xã thôn trang phường ấp trại.

*Huyện Kim Sơn*: ở cách phủ 17 dặm về phía đông nam. Đông tây cách nhau 14 dặm, nam bắc cách nhau 36 dặm. Phía đông đến biển 8 dặm, phía tây đến địa giới huyện Yên Mô 6 dặm, phía nam đến địa giới huyện Tống Sơn tỉnh Thanh Hoá 19 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Yên Khánh 17 dặm. Trước là ruộng hoang ven biển ở phía đông nam huyện Yên Mô, năm Minh Mệnh thứ 10, Nguyễn Công Trứ làm doanh điền sứ phụng mệnh đo đạc khu vực này lập thành một huyện; năm thứ 13 đổi lệ vào phân phủ, năm Tự Đức thứ 5, bỏ phân phủ do huyện Yên Mô kiêm nhiếp, năm thứ 10 lại đặt tri huyện. Nay lãnh 7 tổng, 63 ấp lí giáp trại.

*Phủ Nho Quan*: nguyên tên là Thiên Quan, năm Tự Đức thứ 15, đổi tên hiện nay. Ở cách tỉnh thành 20 dặm về phía tây. Đông tây cách nhau 59 dặm, nam bắc cách nhau 86 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Gia Viễn phủ Yên Khánh 8 dặm, phía tây đến địa giới 2 huyện Cẩm Thuỷ và Quảng Địa phủ Quảng Hoá tỉnh Thanh Hoá 57 dặm, phía nam đến địa giới huyện Tống Sơn phủ Hà Trung tỉnh Thanh Hoá 41 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Mĩ Lương phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây 45 dặm. Nguyên xưa là

www.thuvien247.net

đất Man, thuộc phủ Trường Yên. Đời Trần gọi là trấn Thiên Quan, đời Lê Quang Thuận đặt riêng làm 1 phủ khác với phủ Trường Yên. Nguyên trước kiêm lí 3 huyện do thổ quan cai trị. Bản triều, đầu đời Gia Long cũng theo như thế; năm Minh Mệnh thứ 17 mới đặt lưu quan. Lãnh 3 huyện.

*Huyện Phụng Hoá*[1]: đông tây cách nhau 20 dặm, nam bắc cách nhau 72 dặm. Phía đông đến địa giới 2 huyện Yên Hoá và Gia Viễn 4 dặm, phía tây đến địa giới huyện Lạc Yên và địa giới huyện Thạch Thành tỉnh Thanh Hoá 16 dặm, phía nam đến địa giới huyện Yên Mô và địa giới huyện Tống Sơn tỉnh Thanh Hoá 30 dặm, phía bắc đến địa giới 2 huyện Yên Hoá và Lạc Yên 43 dặm. Nguyên là đất phủ Trường Yên. Đời Lê Quang Thuận tách ra đặt làm huyện lệ vào phủ Thiên Quan, họ Quách họ Đinh là thổ tù nối đời quản trị. Bản triều đầu đời Gia Long cũng theo như thế; năm Minh Mệnh thứ 17, bỏ thổ tù thế tập, do phủ kiêm lí; năm thứ 18, thổ phỉ gây loạn, quan quân dẹp yên, bèn tước bỏ tên xã Sơn Âm, đổi tên là ấp Yên Cư. Nay lãnh 4 tổng, 29 xã thôn trại.

*Huyện Yên Hoá*: ở cách phủ 13 dặm về phía đông nam. Đông tây cách nhau 42 dặm, nam bắc

---

[1] Nay là huyện Nho Quan.

www.thuvien247.net

cách nhau 73 dặm. Phía đông đến địa giới 2 huyện Chương Đức và Thanh Liêm tỉnh Hà Nội 9 dặm, phía tây đến địa giới huyện Phụng Hoá 33 dặm, phía nam đến địa giới 2 huyện Phụng Hoá và Gia Viễn 33 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Mĩ Lương tỉnh Sơn Tây 40 dặm. Nguyên là đất phủ Trường Yên. Đời Lê Quang Thuận đặt làm huyện Ninh Hoá. Sau trung hưng, vì tránh huý[1] nên đổi tên hiện nay nguyên do phủ kiêm nhiếp, họ Đinh họ Quách là thổ tù chia nhau quản trị. Bản triều đầu đời Gia Long cũng theo như thế; năm Minh Mệnh thứ 17 mới đặt hữu quan, năm Tự Đức thứ 5, bỏ tri huyện, do phủ kiêm nhiếp; năm thứ 9, lại đặt tri huyện. Nay lãnh 4 tổng, 22 xã thôn trang.

*Huyện Yên Lạc*[2]: ở cách phủ 57 dặm về phía tây bắc. Đông tây cách nhau 103 dặm, nam bắc cách nhau 65 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Phụng Hoá 20 dặm, phía tây đến địa giới châu Đà Bắc tỉnh Hưng Hoá 52 dặm, phía nam đến địa giới 2 huyện Cẩm Thuỷ và Quảng Địa tỉnh Thanh Hoá 25 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Thanh Thuỷ tỉnh Hưng Hoá 40 dặm. Nguyên là đất phủ Trường Yên, đời Lê Quang Thuận đặt làm huyện Lạc Thổ, do

---

[1] *Chữ Ninh* là tên Lê Trang Tông (1533 – 1548).

[2] Nay tương đương với huyện Lạc Sơn tỉnh Hòa Bình.

www.thuvien247.net

phủ kiêm nhiếp, họ Quách là thổ tù nối đời quản trị. Bản triều đầu đời Gia Long cũng theo như thế, năm Minh Mệnh thứ 17 đổi tên hiện nay, mới đặt lưu quan; năm Tự Đức thứ 9, bỏ tri huyện, do phủ kiêm nhiếp. Nay lãnh 4 tổng, 50 xã thôn.

## HÌNH THẾ

Phía đông nam đến biển, phía tây bắc dựa núi, địa hình, một nửa hiểm trở và một nửa bằng phẳng; danh sơn có núi Hộ Thành, núi Địch Lộng; đại giang có sông Thanh Quyết, sông Thần Phù. Phủ Yên Khánh tiếp giáp Hà Nội và Nam Định, đường thuỷ và đường bộ sát liền nhau. Cầu chợ Vân Sàng, thuyền xe tụ tập, có tiếng là phồn thịnh. Phía nam đi vào Thanh Hoá thì có núi Tam Điệp, con đường đi lại phải qua, thật là cổ họng giữa nam bắc. Phủ Nho Quan ở về thượng du, giáp giới bốn tỉnh Thanh Hoá, Hà Nội, Sơn Tây và Hưng Hoá, rừng núi um tùm, đường sá hiểm trở, chiếm một vị trí rất xung yếu. Sông Thanh Quyết thuộc huyện Gia Viễn là nơi phân giới giữa Hà Nội và Nam Định. Từ đây qua Gián Khẩu lên ven núi, chuyển xuống các sườn ven sông, đi thẳng vào địa phận hai huyện Yên Khánh và Nho Quan; núi hang liên tiếp; sang phía tây, tiếp giáp địa phận Sơn Tây và Hà Nội; khi nhà Lê đánh nhà Mạc tất phải hành quân qua đường này.

www.thuvien247.net

## KHÍ HẬU

Khí hậu cũng như Hà Nội. Phủ Yên Khánh ở gần biển, nên ngày 20 tháng 9 và mồng 5 tháng 10 hàng năm, tất có mây mù và mưa nhỏ, giống rươi ứng thời tiết mà ra nên tục gọi là mưa rươi. Phủ Nho Quan ở miền thượng du, cũng có khí lam chướng.

## PHONG TỤC

Trường Yên là Kinh đô đầu tiên của nước ta trong khi kiến quốc, Phúc Thành (Trương Thăng Phủ[1]) như núi cao, sao sáng của nho lưu; sĩ phu thì chuộng khí tiết, nhân dân chăm làm và tằn tiện. Bốn huyện thuộc phủ Yên Khánh phong tục ưa văn nhã; ba huyện thuộc phủ Nho Quan, một nửa là người Man, Lạo, những đầu mục thường tranh nhau làm tù trưởng, có khi thù hằn giết lẫn nhau. Từ sau khi đặt lưu quan thay cho thổ quan (về việc bầu cử tổng lí cũng theo phong tục người Kinh), tập tục đã thay đổi dần, hai huyện Phụng Hoá, Yên Hoá cũng dần có chút văn học. Nhân dân vùng ven biển, có người theo đạo Gia tô, lệnh cấm dẫu nghiêm mà chưa sao đổi hết được.

---

[1] Trương Thăng Phủ: tên tự của Trương Hán Siêu. Vì Trương là người xã Phúc Thành (nay đổi Phúc Am), nên dùng tên xã để gọi thay tên thực. Văn chương học nghiệp của Trương nổi tiếng ở đời trần.

www.thuvien247.net

## THÀNH TRÌ

*Thành tỉnh Ninh Bình*: chu vi 393 trượng 9 thước, cao 9 thước, mở 3 cửa, phía trước mặt và phía tả đều đào hào rộng 4 trượng, sâu 8 thước, phía sau và phía hữu lấy sông làm hào. Nữ tường ở núi Hộ Thành chu vi 13 trượng, 8 thước 8 tấc, bề cao hoặc 2 thước 9 tấc, hoặc 2 thước 7 tấc, ở địa phận xã Đại Đăng huyện Yên Khánh, đắp từ năm Minh Mệnh thứ 5.

*Lị sở phủ Yên Khánh*: luỹ tre, chu vi 66 trượng, ở xã Phúc Yên, huyện Yên Khánh. Trước ở xã Thiện Trạo, sau dời đến chỗ hiện nay.

*Lị sở huyện Gia Viễn*: luỹ tre, chu vi 58 trượng 4 thước, ở thôn Đái Nhân. Trước ở xã Tri Hối, bản triều năm Gia Long thứ nhất, dời đến chỗ hiện nay.

*Lị sở huyện Yên Mô*: luỹ đất, chu vi 38 trượng, ở xã Quảng Phúc. Trước ở xã Tiên Hưng, bản triều năm Gia Long thứ nhất, dời đến xã Lạn Khê, năm Minh Mệnh thứ nhất dời đến chỗ hiện nay.

*Thành phủ Nho Quan*: ở xã Lãng Phong huyện Phụng Hoá. Nguyên luỹ tre, năm Gia Long thứ 7 đắp luỹ đất, chu vi 78 trượng, cao 4 thước 5 tấc, hào rộng 5 thước, sâu 1 thước. Trong thành có đại bác và các kho đạn thuốc và lương thực.

www.thuvien247.net

*Lị sở huyện Kim Sơn* phủ Yên Khánh: luỹ tre, chu vi 67 trượng 9 thước, ở xã Qui Hậu.

*Lị sở huyện Yên Hoá*: luỹ tre, chu vi 62 trượng, ở xã Kiến Phong.

*Lị sở huyện Lạc Yên*: ở xã Vụ Bản, đặt từ năm Minh Mệnh thứ 21.

## TRƯỜNG HỌC

*Trường học tỉnh Ninh Bình*: ở phía tây bắc tỉnh thành, địa phận xã Phúc Am, dựng từ đời Minh Mệnh.

*Trường học phủ Nho Quan*: ở phía đông bắc phủ thành, địa phận xã Lãng Phong, năm Minh Mệnh thứ 21 bỏ chức giáo thụ phủ Yên Khánh, dời nhà học đến đây và bắt đầu đặt chức giáo thụ.

*Trường học huyện Yên Mô*: ở phía đông trị sở huyện, địa phận xã Quảng Phúc.

*Trường học huyện Gia Viễn*: ở phía đông trị sở huyện, địa phận xã Đái Nhân.

*Trường học huyện Kim Sơn*: ở phía tây trị sở huyện, mới đặt thêm từ năm Tự Đức thứ 12.

## HỘ KHẨU

Năm Gia Long thứ 18, số đinh 9.100, hiện nay 31.092 người.

www.thuvien247.net

## THUẾ RUỘNG

Trước ruộng đất 132.855 mẫu, ngạch thuế 99.404 hộc thóc, 58.339 quan tiền, 7 lạng bạc. Hiện nay ruộng đất 145.629 mẫu linh, ngạch thuế 103.394 hộc thóc, 35.208 quan tiền.

## NÚI SÔNG

*Núi Hộ Thành*: ở phía bắc tỉnh thành, một nửa kề ngã ba sông, một nửa vào trong thành, đời xưa gọi là núi Non Nước, Trương Hán Siêu nhà Trần đổi tên là núi Dục Thuý. Vì thích phong cảnh đẹp đẽ, lúc tuổi già ông về ở đây.

Đời Lý bắt đầu dựng tháp, đến đời Trần, một vị sơn tăng sửa sang lại, có làm bài kí (xem phần "cổ tích").

Đời Lê dựng hành cung ở đây, Lê Thánh Tông lên chơi núi đề thơ khắc vào đá.

Núi này từ trước đến nay, rất nhiều người đề vịnh, dấu vết vẫn còn. Phía bắc núi, có động ở gần nước, trong động đặt đền thờ Tam phủ. Sườn núi có một tảng đá gần dòng nước, có khắc ba chữ lớn "Hám giao đình". Phía tây nam núi có đền thờ thần Sơn Tinh và Thuỷ Tinh. Trên đỉnh núi trước có chùa Non Nước, bản triều, đời Gia Long, người địa phương dời chùa đến núi Cánh Diều. Năm Minh

www.thuvien247.net

Mệnh thứ 2, vua đi Bắc tuần, lên núi xem, sai dựng lầu ở trên núi. Năm Thiệu Trị thứ 2 vua đi Bắc tuần lên xem, cho đổi tên là núi Hộ Thành, tức tên hiện nay, lại xây đắp nữ tường và dựng xưởng súng ở trên núi, nhà vua có làm bài thơ khắc vào đá và dựng nhà bia ở sườn núi.

*Núi Động Sơn*: có tên nữa là núi Hồi Hạc, ở về góc tây bắc tỉnh thành, gần núi Hộ Thành, chân núi về phía tây có chùa, lưng núi có động, trong động nứt ra một đường, người có thể đi qua được, vách đá khắc chữ "*Xảo*" to chừng một thước, nét bút đẹp cứng, từ đấy lên đến động Thiên Quang, có khắc ba chữ *Thiên Quang động*, trên có một tháp đá nhỏ, 4 tầng; đường vào động có một chỗ lóm xuống, nước mưa đọng lại, tục gọi "giếng trời". Phía nam trên ngọn núi có di tích chùa Linh Quang, từ đấy trở lên đến đỉnh núi, gõ vào các phiến đá đều thành thanh âm; phía bắc ngọn núi có chỗ lóm xuống nước mưa tụ lại gọi là "giếng Tiên"; cách đấy vài ba bước, có một chỗ hơi bằng phẳng: Bản triều, năm Minh Mệnh thứ 12, phụng mệnh dựng phương đình nhỏ ở chỗ này; lại di chuyển xuống phía đông bắc có một chỗ bằng phẳng, tục gọi "chợ Tiên"; chân núi về phía đông có một vụng nước, sâu trên dưới 3 thước, nước trong suốt đáy, năm Thiệu Trị thứ 2, vua đi Bắc tuần lên xem xét, rất thích, bảo các quan

www.thuvien247.net

có chỗ như cái vò nước; riêng có một cái huyệt, sâu thẳm không cùng, không ai dám vào; ngoài cửa động có chùa, tức chùa Cổ Am. Năm Minh Mệnh thứ 2, vua đi Bắc tuần lên xem núi, đến năm Minh Mệnh thứ 3, ban cho 4 pho tượng Phật bằng đồng thếp vàng, và 50 lạng bạc; năm Thiệu Trị thứ 2 vua đi Bắc tuần, hạ lệnh cho viên giám thành vẽ bản đồ dâng tiến và ban cho 100 quan tiền.

*Núi Kiệm Lộng*: ở cách huyện Gia Viễn 19 dặm về phía bắc, trông ra sông Hát, đối ngạn với sơn phận xã Đông Xuyên thuộc huyện Thanh Liêm. Hai núi giáp nhau, nước chảy ở giữa, tục gọi là "Kẽm Trống". Lê Thánh Tông có bài thơ khắc vào đá, nên lại gọi là núi "Đề Thơ". Năm Đức Long thứ 2 đời Lê Thần Tông, trong sử chép: "Đá ở núi Kiệm Lộng huyện Gia Viện bị lở sụt", tức là núi này.

*Động Hoa Lư*: ở cách huyện Gia Viễn 33 dặm về phía tây bắc, ở địa phận các xã Uy Viễn, Uy Tế và Đại Hữu, bốn mặt núi đá la liệt, ở giữa có một khu đất bằng ước hai mẫu, có khe nhỏ, từ trong động chảy ra chảy qua địa phận các thôn Tri Hối và Sào Lọng, cũng gọi là khu Sào Lọng, nước đổ vào hạ lưu sông Hoàng Giang tức là chỗ Đinh Tiên Hoàng nương náu buổi đầu. Nay trong động có miếu cổ. Nay cửa động có khắc ba chữ lớn *Hoa Lư Động*. Không rõ khắc từ đời nào.

www.thuvien247.net

*Núi Thổ Tích*: ở cách huyện Gia Viễn 32 dặm về phía tây, sườn núi có động, động lại chia làm hai, động trước có khe hở ánh sáng thấu suốt, động sau rất sâu, khi vào tất phải dùng đuốc, phần này rộng rãi, có thể chứa được vài trăm người, thạch nhũ kết tụ, sắc óng ánh đáng yêu.

*Động Xuyên Thuỷ*: tục gọi Hang Luồn, ở cách huyện Gia Viễn 10 dặm về phía tây, gò đá nằm ngang, dưới có nước chảy qua, thuyền bè có thể lưu thông được, phong cảnh đẹp đẽ; bên cạnh động có một ngọn núi nhỏ, giống hình người, tục gọi "núi Trạng Nguyên"; đối diện có một ngọn, phiến đá chồng chất, trông như hình giá để sách, tục gọi "núi Hòm sách".

*Núi Mã Yên*: ở cách huyện Gia Viễn 12 dặm về phía tây, trông như hình yên ngựa, nên gọi tên thế. Trên núi có lăng vua Đinh.

*Núi Quai Điếu*: ở cách huyện Gia Viễn 12 dặm về phía tây, tức là núi Kim Kê, một dãy liên tiếp, cũng theo hình dáng mà gọi tên. Dưới chân núi có lăng vua Lê Đại Hành.

*Núi Đa Giá*: ở cách huyện Gia Viễn 3 dặm về phía bắc. Núi cao hiểm vắng, nhiều hang hóc. Sau đời Lê trung hưng, cạnh núi có bọn dân ác ở xã Đa Giá Thượng cùng nhau lập khoán ước riêng, đặt điếm tuần, giết hại hành khách, vất xác vào hang

www.thuvien247.net

mà lấy của, trải hơn 20 năm, làm tai hại cho khách qua đường. Đến năm Chính Hoà thứ 15 (1694) triều Lê Hy Tông, sai Thạc Quận công Lê Thì Hải[1] đến nơi tra xét trừng trị, giết hơn 50 người vào hạng thủ ác và xử lưu 246 người, lại tước bỏ tên xã, nay chỉ còn xã Đa Giá Hạ mà thôi.

*Núi Bái Lĩnh*: ở phía tây huyện Gia Viễn, ở địa phận các xã Phúc Lại, Sinh Dược, Mộc Hoàn, Xuân Trì, Lê Xá và Khoáng Trang thuộc các huyện Phụng Hoá và Gia Viễn, một dải núi đất liền với sơn phận Chi Phong và Trường Yên bên cạnh. Đỉnh núi có đền thần Cao Sơn.

*Núi Đông Khê*: ở cách huyện Gia Viễn 25 dặm về phía tây, gần với các núi Sơn Dược và Sinh Dược về phía đông một dải quanh co chạy dài đến núi Long Triều phỏng hơn 10 dặm.

*Núi Long Triều*: ở cách huyện Gia Viễn 10 dặm, lại có tên nữa là núi Đại Vân, dưới chân núi có miếu thờ vua nhà Đinh và nhà (Tiền) Lê.

*Núi Đại Hữu*: ở cách huyện Gia Viễn 23 dặm về phía tây bắc, phía tả núi có núi Bồ Đình và núi Chân Mĩ, sát liền bờ sông.

---

[1] Lê Thì Hải: con Lê Thì Hiến, người xã Phú Hào, huyện Lôi Dương, trấn Thanh Hoa. Chữ *Hải* có sách chép là *Hối*

www.thuvien247.net

*Núi Bích Động*: ở địa phận xã Đam Khê huyện Yên Mô, trong núi có động, nhũ đá tua tủa ngắn dài, soi đuốc thấy lóng lánh như pha lê. Ngoài cửa động có hai núi nhỏ đứng sững gọi là núi Tam Quan, người ta tất phải do núi này mới vào được trong động. Đời Lê Vĩnh Thịnh (1705-1719), có hai nhà sư là sư Trí Kiên, và sư Trí Thể dựng ba ngôi chùa thượng, trung, hạ ở trong động, có khắc hai chữ "Bích động" vào vách đá, nay vẫn còn.

*Núi Thiện Dưỡng*: ở xã Thiện Dưỡng, núi cao chót vót, hình thế tròn trặn đĩnh đạc, lên cao trông xa thì thấy các ngọn núi khác đều nhỏ. Núi này, sắc đá xanh biếc, dùng làm nghiên mực, trơn mịn đáng yêu.

*Núi Hải Nham*: ở xã Hải Nham trong núi có đông nước chảy xuyên qua, thuyền có thể đi được đến địa phận xã An Bạc phủ Nho Quan, động này vừa khuất khúc vừa âm u, đốt đuốc đi phỏng nửa trống canh, cửa động có một pho tượng đá, tục gọi "hang Phật". *An Nam chí* chép núi Vũ Lâm ở địa phận huyện Yên Ninh, tức là núi này.

*Núi Đàm Khánh*: ở cách huyện Yên Mô 16 dặm về phía tây, mạch núi từ phủ Nho Quan kéo đến, rừng rú lũng gò xen lẫn, đến địa phận tổng Đàm Khánh tức là chỗ giáp giới hai huyện Yên

www.thuvien247.net

Mô và Phụng Hoá. Hai bên núi đá liên tiếp bám chặt lấy nhau như một cái cầu bằng đá, có đường cái đi ở giữa, đá trắng lởm chởm, trông như hình đầu cá xương cá vậy. *Dư địa chí* của Lê Quang Định gọi là xứ "lỗ đó", tục truyền cửa đó của Thiền sư Không Lộ tức là chỗ này. Thơ của Ngô Thì Sĩ có câu: "Đoạn tục quần sơn nhãn giới khoan, Ngư đồng thiên khống Cửu Chân gian" (Núi non đứt nối khoan tầm mắt; Đó có trời đơm chặn Cửu Chân). Từ đây mà đi, núi non liên tiếp trùng điệp, qua địa phận tổng Bạch Bát đến các thôn Ngọc Lâm và Nhân Phẩm thuộc tổng Thần Phù. Lúc Lê trung hưng thường đánh quân Mạc là đây.

*Núi Ngọc Thỏ*: ở cách huyện Yên Mô 11 dặm về phía nam, trong núi có lỗ xuyên ngang, người có thể đi qua được, trên đỉnh có một viên đá bò nhoài ra bên sông, trông như hình con thỏ, cho nên gọi là núi Ngọc Thỏ. Khi nhà Lê trung hưng, thấy núi ở gần kênh, cho khắc ba chữ "Ngọc thỏ cảng" ở sườn núi.

*Núi Bảng*: ở cách huyện Yên Mô 8 dặm về phía nam, hình núi như cái bảng, nên gọi tên thế. Núi khá cao, người đi ngoài biển thường trông vào để làm tiêu chí, cho nên lại có tên là Vọng Sơn; bên cạnh có ngọn núi nhỏ, gọi là Mạo Sơn. Sông Trinh Giang chảy phía tây núi, sông Càn Giang quanh ở phía đông, tức là cửa biển Yên Mô thuộc châu Trường Yên xưa.

www.thuvien247.net

*Núi Xa Triệt*: ở xã Thiên Trì, hình thế thành sáu sống núi, như hình bánh xe; lại có tên là núi Càn Nhai; đứng trên cao để trông, thì các ngọn núi đều kéo về mặt nam, duy núi này đứng sững ở giữa, đột ngột đĩnh đạc; dưới chân núi là thái ấp của Lê Niệm[1], công thần nhà Lê, người địa phương truy niệm thờ tự, có khắc bia ở sườn núi.

*Núi Phượng Sơn*: ở cách xã Quảng Nạp 9 dặm về phía tây, bên tả và bên hữu với hai ngọn núi Trinh Nữ xã Hải Nạp.

*Núi Mã Yên*: ở cách huyện Yên Mô 60 dặm về phía tây nam, gần phía tả và phía hữu có các động núi Yên Diên và Hoằng Trạch, nước ở các động núi này đổ xuống, làm thành chằm Mã Yên.

*Núi Đái Sơn*: ở cách huyện Yên Mô 11 dặm về phía tây, mạch núi từ phủ Nho Quan kéo xuống, đến địa phận xã Đái Sơn nổi bật lên mấy ngọn, đằng trước có nước hai sông Quang Hiển và Thuý Độ hợp lưu phía đông nam núi có văn từ phủ Yên Khánh.

*Núi Cối Sơn*: ở xã Lãng Phong, huyện Phụng Hoá, trong núi có hang, cửa hang có đền thờ thần

---

[1] Lê Niệm: người huyện Thụy Nguyên xứ Thanh Hoa làm quan nhập nội đô đốc dưới triều Lê Thánh Tông, vì có công đi đánh Chiêm Thành; được Thánh Tông cho 300 hộ làm thái ấp.

www.thuvien247.net

Giao Long, gặp năm đại hạn phải cầu đảo, thì trẻ con trai vào hang, gõ đá đập nước, liền được ứng nghiệm.

*Núi Trúc Sơn*: ở trại Yên Cư, hình thế cũng như Cối Sơn, chân núi có đầm, gọi là ao bèo, bùn ao này sắc xanh khác thường.

Xét: núi hang tỉnh Ninh Bình, mà có thể làm nổi mây mưa được, chỉ có Cối Sơn và Trúc Sơn thuộc huyện Phụng Hoá và núi Ba Đãng thuộc địa giới tỉnh Sơn Tây mà thôi. Núi Ba Đãng ở địa phận huyện Mĩ Lương tỉnh Sơn Tây, tiếp giáp địa giới huyện Yên Lạc, có tên nữa là núi Thạch An, núi rất cao lớn, nhân dân địa phương ở quanh chân núi, trên núi có vụng nước sâu là chỗ ở của thần Giao Long, mỗi khi đảo vũ, thường được ứng nghiệm. Lại có ba thác nước, các sông thuộc các tỉnh Sơn Tây, Hưng Hoá, Thanh Hoa và Ninh Bình phát nguyên ở đây.

*Núi Chân Lại*: ở cách huyện Phụng Hoá 24 dặm về phía tây bắc, phía bắc gần các núi Hiệu Lũng và Thượng Lũng. Sông Lãng Phong phát nguyên từ đây.

*Núi Mã Thiên*: ở cách huyện Phụng Hoá 19 dặm về phía nam, lại có tên nữa là núi Vua Đinh. Tương truyền Đinh Tiên Hoàng lúc còn bé, đem anh em mục đồng bày trò tập trận ở đây, sau người ta nhân chỗ này lập miếu thờ.

www.thuvien247.net

*Núi Sơn Âm*: ở cách huyện Phụng Hoá 37 dặm về phía bắc, nước khe chảy quanh dưới núi, núi non la liệt, đường leo khuất khúc, rừng rú um tùm, rất là hiểm trở. Năm Minh Mệnh thứ 18, thổ phỉ là Quách Tất Công và Quách Tất Cự, dựa vào đây để làm sào huyệt, sau đại binh dẹp tan được.

*Núi Mã Hương*: ở phía tây nam huyện Yên Hoá, chu vi 46 dặm, vòng quanh các xã Cố Đế, Xích Thổ, Yên Đội và Chi Nê, hình thế rộng lớn, núi Mã Hương ở xã Yên Đội là cao hơn cả.

*Núi Tam Động*: ở cách huyện Yên Hoá 8 dặm về phía nam gần sát bờ sông, có ba động đá: một là động Nham Hao (nay gọi động Ngọc Cao), ở địa phận xã Phục Cổ, rộng chừng 9 trượng, dưới động có nước khe chảy thông đến ao cá ở đằng sau động, ao rộng một sào, nước rất trong, bên cạnh có đền thờ Tam Phủ, trên đỉnh có một pho tượng đá, người địa phương gọi là Phật Cao Sơn; hai là động Quang, ở địa phận hai xã Phục Cổ và Hiền Quan, chỗ đi vào mở thành hai cửa giữa rộng 8 trượng, có đá sỏi tròn trĩnh nhỏ bé như hình viên thuốc, người địa phương dùng để chữa bệnh, cũng có công hiệu; lại có một đường nước khe, chảy quanh co từ động Nham Hao suốt đến động Bạch; ba là động Bạch, ở địa phận xã Hiền Quan, trong động rộng rãi hơn 10 trượng, đường đi từ động Quang vào, hai bên chập chồng lớp đá, phần nhiều

www.thuvien247.net

thành hình muông thú, đằng sau có thạch nhũ rủ xuống sâm si; một dải nước khe quanh co từ động Nham Hao chảy đến, sắc nước trong suốt đáng yêu.

*Núi Thạch Bi*: ở cách huyện Lạc Yên 68 dặm về phía tây bắc, núi non trùng điệp quanh co chạy dài, dải núi bên tả dài 16 dặm, ven theo bờ sông Cầm Bàn đến tả ngạn sông Đà thuộc tỉnh Hưng Hoá, dải bên hữu dài 13 dặm, cũng theo ven sông đến hữu ngạn sông Đà, ở giữa la liệt núi đất, khe suối quanh co, thế rất hiểm trở. Năm Minh Mệnh thứ 19, phỉ cừ là bọn Đinh Thế Đức và Đinh Thế Đội tụ tập ở đây.

*Núi Ngọc Lâu*: ở cách huyện Lạc Yên 7 dặm về phía tây nam, thế núi cao vót, chân núi đều là đá, đỉnh núi có khoảng đất bằng ước 200 mẫu, có dân ở, trồng trọt khoai, đậu, lúa và ngô. *Sử* chép: năm Tân Dậu, Cảnh Hưng thứ 2 (1741), Lê Duy Mật chiếm cứ Thanh Hoa, dựng dinh luỹ ở núi Ngọc Lâu, tức là chỗ này.

*Núi Long Sơn*: ở cách huyện Lạc Yên 40 dặm về phía tây, núi chạy quanh co chừng 50 dặm, dưới chân núi về phía tây và phía bắc đều có đường đi suốt đến Hưng Hoá.

*Núi Tức Tranh*: ở cách huyện Lạc Yên 15 dặm về phía bắc, nhân dân làm nhà ở chân núi, ba mặt đông, tây và nam có đường đi quanh, ở giữa mở

www.thuvien247.net

hai đường tắt, thông với huyện Thanh Xuyên tỉnh Hưng Hoá và huyện Mĩ Lương tỉnh Sơn Tây.

*Núi Bình Hiểm*: ở cách huyện Lạc Yên 4 dặm về phía tây; tiếp giáp với địa phận huyện Phụng Hoá, huyện Yên Hoá và huyện Mĩ Lương tỉnh Sơn Tây một dải núi chu vi 40 dặm, có đường thông đến địa phận tỉnh Sơn Tây.

*Đèo Vũ Lao*: ở cách huyện Lạc Yên 4 dặm về phía đông nam, phía bắc liền với đèo Vụ Bản, có đường rẽ quanh chân núi về phía đông nam; lại có khe nước, tức là chỗ phát nguyên của một chi lưu sông Yên Giang.

*Đèo Mụ*: ở cách huyện Lạc Yên 35 dặm về phía tây; một dải chạy dài, tiếp giáp với địa phận sách Cổ Lũng huyện Cẩm Thuỷ tỉnh Thanh Hoá và địa phận Mai Châu tỉnh Hưng Hoá, trong có một ngọn núi gọi là Đầu Voi.

*Đèo Yên*: ở trên bờ sông Yên Giang, cách huyện Lạc Yên 14 dặm về phía nam, có đường đến địa giới huyện Quảng Địa tỉnh Thanh Hoá.

*

* *

*Sông Thanh Quyết*: ở cách huyện Gia Viễn 18 dặm về phía bắc. Sông này còn có hai tên nữa

www.thuvien247.net

là sông Thiên Phái và sông Bô Cô. *Sử* chép: Đặng Tất đánh bại quân Minh ở bến Bô Cô, tức là sông này. Nước sông này từ hạ lưu sông Hát tỉnh Hà Nội, chảy qua núi Kẽm Trống vào địa phận huyện Gia Viễn, qua động Hoa Lư, chảy về phía đông bắc 13 dặm hợp với sông Hoàng Long, rồi chảy về phía đông nam, làm sông Gián Khẩu; đến đây lại chia làm hai chi: Một chi chảy về phía đông nam, làm sông Hoàng Giang, chảy đến ngã ba Vũ Lâm, lại chia ra một chi, làm sông Non Nước chảy vào sông Vân Sàng; một chi chảy tắt qua phía bắc tỉnh thành, chuyển sang phía đông 34 dặm đến ngã ba Bồng Hải, lại chảy về phía nam 36 dặm, suốt đến cửa Liệu.

*Kênh động Xuyên Thuỷ*: ở cách huyện Gia Viễn 10 dặm về phía tây, là chi phái riêng của sông Hoàng Long chảy vào địa phận xã Trường Yên Hạ, hai bên bờ núi cao chót vót, nước trong động chảy luồn qua khe núi, một dòng nước chảy quanh địa phận các xã Kì Vĩ, Giá Phú và Giá Hộ, chuyển sang phía tây nam 25 dặm, đến ngã ba Phúc thuộc huyện Yên Khánh, rồi hợp với sông Vân Sàng.

*Sông Cầm Bàn*: ở cách huyện Lạc Yên 56 dặm về phía tây bắc, phát nguyên từ khe núi thuộc tổng Lạc Thiện chảy về phía tây bắc 23 dặm, rồi đổ vào sông Đà tỉnh Hưng Hoá.

www.thuvien247.net

*Sông Yên*: ở cách huyện lị Lạc Yên 80 trượng về phía tây bắc, có ba nguồn: Một từ địa phận xã Phu Vinh tổng Lạc Thiện; một từ địa phận xã Qui Hậu tổng Lạc Nghiệp và một từ địa phận xã Quí Hoà tổng Lạc Đạo, hợp lưu với nhau chảy vào địa phận các xã Vũ Lao và Tức Mặc tổng Lạc Thành, rồi chuyển về phía tây nam chảy qua địa phận các xã Tân Nghĩa, Hoài Ân và Hiếu Nghĩa 31 dặm, đổ vào sông Hoàng Giang thuộc huyện Quảng Địa tỉnh Thanh Hoá.

*Sông Kiến Phong*: ở cách huyện Yên Hoá 1 dặm về phía đông nam. Phía trên từ địa phận huyện chuyển đến núi Tam Khê, nước các khe trong núi chảy về phía nam, làm thành sông Cánh Viên, đến phía tây núi Mã Hương thì tách dòng chảy về phía bắc, lại chuyển sang phía đông nam 23 dặm đến đồn Ninh Cường, rồi chảy về phía nam 20 dặm đến bến đò ngang Xích Thổ 12 dặm chảy qua địa phận làng Bầu đến bến đò ngang Kiến Phong, lại chảy 2 dặm đến ngã ba Viên Đăng thuộc huyện Gia Viễn rồi hợp với sông Lãng Phong, lại chuyển sang phía đông bắc 6 dặm làm sông Đại Hữu (xưa là Đại Hoàng), lại chảy 10 dặm, tất qua động Hoa Lư làm sông Hoàng Long. Xưa Đinh Tiên Hoàng lúc còn bé bị người chú đuổi đánh chạy đến bờ sông này, đương muốn lội qua, chợt có hai rồng vàng ôm đỡ, đến khi thống nhất

www.thuvien247.net

được nước, nhân đấy đặt tên sông. Lại chảy 8 dặm đến ngã ba Gián Khẩu, hợp với sông Thanh Quyết.

*Sông Lãng Phong*: ở cách phủ lị Nho Quan 50 trượng về phía đông bắc. Phát nguyên từ khe xã Chân Lại tổng Yên Lạc, chảy tắt qua phủ thành 17 dặm về phía đông bắc, đến ngã ba Đồng Đinh thuộc xã Yên Chỉ huyện Gia Viễn, thì chia làm hai chi: Một chi chuyển sang phía đông bắc 12 dặm đến Lạc Khoái, đến ngã ba Viên Đăng rồi hợp với sông Kiến Phong, lại chuyển sang phía đông bắc đổ vào ngã ba Lạc Khoái; một chi chuyển sang phía đông, chảy vòng quanh địa phận các xã Vân Cái, Lỗi Sơn, Đồng Địa, Bái Ân, Yên Sơn, Ngọc Động và Trà Lĩnh thuộc huyện Gia Viễn, suốt 38 dặm đến ngã ba Yên Khoái, lại chảy 8 dặm về phía đông rồi hợp với sông Thanh Quyết.

*Sông Tranh*: ở địa phận huyện Gia Viễn, là phân phái sông Hoàng Long chảy sang phía đông ngang với xứ Tranh, phía nam núi Thần Thiệu, phân lưu mà chảy về phía nam, qua địa phận các xã Trung Trữ, Quán Vinh, Áng Ngũ, Giá Phú và Giá Hộ, rồi chuyển sang phía nam đến địa phận xã Cổ Loan thì chảy vào sông Vân Sàng.

*Ngã ba Gián Khẩu*: một ngã từ sông Sinh Quyết chảy lại; một ngã từ ngã ba Đồng Đinh chảy lại, hợp với nhau đổ xuống ngã ba Non Nước.

www.thuvien247.net

*Ngã ba Non Nước*: phía trên tiếp với Gián Khẩu sông Thanh Quyết, một ngã chảy qua các xã thuộc các tổng Yên Vệ và Bồng Hải rồi đổ vào cửa Liêu thuộc tỉnh Nam Định, một ngã chảy vào sông Vân Sàng.

*Sông Vân Sàng*: ở phía nam huyện Yên Khánh, nước sông từ ngã ba Non Nước chảy qua ngã ba Vũ Lâm (tục gọi kênh Khát), ngã ba Yên Đăng và ngã ba Yên Phú thuộc huyện Yên Khánh lại chảy qua ngã ba Liên Trì thuộc huyện Yên Mô đến địa phận xã Trinh Nữ gọi là sông Trinh Nữ, đến ngã ba Hổ, lại chảy qua núi Ngọc Thỏ, gọi là kênh Ngọc Thỏ, đến ngã ba Bồ Xuyên đổ vào cửa sông Thần Phù (trước là cửa biển Thần Phù), đấy là chi lưu tắt. Còn từ sông Bạch Hổ (tức hạ lưu sông Trinh Nữ), chảy về phía đông nam đổ vào địa phận thôn Càn, gọi là sông Càn (trước là cửa Càn), đấy là phân lưu.

*Ngã ba Vũ Lâm*: ở địa phận xã Vũ Lâm, từ ngã ba Vũ Lâm chảy xuống hợp vào sông Vân Sàng.

*Ngã ba Yên Đăng*: ở địa phận xã Yên Đăng, từ động Xuyên Thuỷ thuộc huyện Gia Viễn, chảy qua sông Tranh Giang, rồi hợp vào sông Vân Sàng. Sông này đến đây thì phân chi chảy qua ngã ba Mạc thuộc huyện Yên Mô, qua ngã ba Đặc Chính huyện Kim Sơn, đổ vào ngã ba Liên Trì sông Đài thuộc tỉnh

www.thuvien247.net

Nam Định. Từ chỗ hợp lưu ở địa phận các xã Đàm Khánh, Trà Tu, Vân Sưu và Hải Nạp huyện Yên Mô chảy qua sông Trinh Nữ đổ xuống các sông Hổ Hà và Thần Phù. Ngã ba Hổ Hà và Thần Phù ở địa phận hai xã Bồ Xuyên và Tiên Hưng từ sông Trinh Nữ chảy về phía đông vào sông Càn, chảy qua sông Tuy Lộc, Lý Ân làm thành ngã ba rồi đổ ra biển.

*Ngã ba Bồ Xuyên*: từ sông Hổ Hà qua Ngọc Thỏ đến đây, một chi đổ vào sông Thần Phù, một chi chảy qua sông Đằng xã Trường Khê, rồi hợp lưu cũng đổ vào sông Thần Phù. Hạ lưu sông này hiện nay bị cát lấp.

*Sông Lý Ân*: thượng lưu giáp với sở tuần Càn Giang chảy qua địa phận huyện Kim Sơn, đổ thẳng vào sông Đài.

*Khe Đàm Giang*: ở địa phận tổng Đàm Khánh huyện Yên Mô, từ kênh Quang Hiển chảy qua cầu Lý Nhân, chảy qua địa phận các xã Đàm Khánh, Trà Tu, Vân Sưu, Lạn Khê và Liên Trì, đổ vào sông Trinh Nữ; lại có một đường từ địa phận các xã Trà Tu và Vân Sưu chảy qua địa phận các xã Bình Hào, Quảng Nạp, Bạch Liên, Trinh Nữ, ra sông Hổ Hà rồi đổ vào sông Càn. Đường khe này bị cát bồi lâu năm, nhân dân phần nhiều khai thác thành ruộng, hiện nay vẫn còn dấu khe.

www.thuvien247.net

*Sông Hoạch* (Vạc): năm Tự Đức thứ 11 (1858), nha Đê Chính hội đồng với quan tỉnh Ninh Bình mới đào từ địa phận xã Yên Phú huyện Yên Khánh qua địa phận các xã Bì Dương, Yên Liêu và Yên Ninh, lại qua địa phận các xã Khương Thượng và Thổ Mật thuộc huyện Yên Mô đến ấp Đặc Chính huyện Kim Sơn, đổ vào sông Đài, có bia ghi chép về việc đào sông. *Xét*: Yên Phú ngày trước là xã Yên Bạc, tục gọi bến Bạc, nay gọi là sông Hoạch (Vạc), đấy là do thanh âm biến chuyển.

*Kênh Lẫm*: ở địa phận các xã Thần Phù, Phù Sa và Ngọc Lâm huyện Yên Mô, nguyên trước kênh này thông với sông Hổ Hà, Hồ Quí Ly tải đá lấp đi, nay thành đất bằng, chỉ còn cái đầm, tục gọi đầm Lẫm. Bài thơ qua biển Thần Phù của Lê Thánh Tông có câu: "Chương Hoàng[1] trọng tái điền hà thạch", nghĩa là Chương Hoàng tải đá khó nhọc để lấp sông, tức là chỗ này.

*Kênh Quang Hiển*: ở phía tây Huyện Yên Mô, phát nguyên từ khe núi phủ Nho Quan, chảy xuống khe Hợp Miễn và khe Làng Ca đến địa phận xã Quang Hiển thì chia làm hai đường: Một đường chảy về phía đông qua cầu Lý Nhân thông với chằm Đàm Độ (nay bị nông cạn); một đường chảy về phía bắc

[1] Chương Hoàng: Hồ Quí Ly tự xưng hiệu là "Quốc tổ chương hoàng".

www.thuvien247.net

qua địa phận các xã Thiện Dưỡng và Đam Khê thuộc tổng Lạn Khê, hợp với sông Văn Lâm (tức ngã ba Văn Lâm), rồi chảy quanh co 25 dặm đổ vào sông Vân Sàng.

## CỔ TÍCH

*Đô cũ nhà Đinh, nhà Lê*: ở xã Trường Yên Thượng và Trường Yên Hạ, về phía tây bắc huyện Gia Viễn, có nội thành và ngoại thành, có cửa xây bằng đá, lại có các danh hiệu: cầu Đông, cầu Đền, cầu Muống, Tràng Tiền, chùa Tháp, chùa Nhất Trụ v.v... nền cũ vẫn còn. Khi Lý Thái Tổ dời đô đến Thăng Long đều dùng theo các danh hiệu ấy. *Xét*: *Sử* chép: Đinh Tiên Hoàng năm thứ nhất (968) dựng cung điện ở đô thành mới: Lê Đại Hành năm Thiên Phúc thứ 5 (984) dựng điện Bách Tuế thiên bảo ở núi Đại Vân, cột điện đều trang sức bằng vàng, bạc, điện này dùng làm nơi thị triều, phía đông gọi là điện Phong Lưu, phía tây gọi là điện Tử Hoa, phía tả gọi là điện Bồng Lai, phía hữu gọi là điện Cực Lạc. Lại dựng lầu Đại Vân, liền với điện Trường Xuân làm nơi ngự tẩm. Bên cạnh điện Trường Xuân lại dựng đền Long Lộc lợp ngói bằng bạc, lại dựng riêng điện Kiến Nguyên, để vua ra chơi xem đèn. Như thế thì lúc bắt đầu xây dựng cũng rất hoa lệ, nay những nơi ấy đều là thôn xóm của dân, chỉ còn một cái cột đá, lớn 2 quầng, cao 1 trượng, bốn bên

www.thuvien247.net

có ngấn chữ lờ mờ không nhận rõ được, có lẽ là di tích của chùa Nhất Trụ. Lại cầu Dền ở dưới núi xã Trường Yên, trên núi có đền thờ vua Đinh và vua Lê, dưới đền là cầu, hai bên bờ sông là dân cư, lâu ngày cầu đổ nát, năm Lê Quang Hưng thứ 21 (1598), Mĩ quận công Bùi Văn Khê sửa lại. Nay cầu bị đổ.

*Thành cũ nhà Hồ*: ở địa phận xã Quảng Công, huyện Yên Mô, do Hồ Quí Ly xây đắp, nền cũ vẫn còn.

*Thành Cổ Lộng*: ở địa phận huyện Gia Viễn, địa giới huyện Kim Bảng tỉnh Hà Nội, xây đắp từ đời Minh Vĩnh Lạc, Giản Định đế nhà Trần đánh phá quân Minh ở bến Bô Cô, Mộc Thạnh phải chạy vào thành này, nay vẫn còn nền cũ. Nhân dân địa phương trồng trọt khoai đậu, lúc cày bừa thường nhặt được kiếm cũ.

*Trấn cũ Vân Sàng*: ở phía tây bắc tỉnh lị hiện nay, tức là trị sở Thanh Hoa ngoại trấn đời Lê. Có thuyết nói là ở xã Thiện Trạo, tức là dinh Thuỷ Sư đời Đinh, cho nên gọi tên là Đồn Thuỷ, ở địa phận hai xã Trầm Hương và Bích Đào, nhân đấy sau làm trị sở của trấn, rồi lại dùng làm trị sở huyện Yên Khánh. *Xét*: tên gọi "Vân Sàng", tục truyền là cái giường mây nước giao hợp, vì Dương Hậu (hậu phi của Đinh Tiên Hoàng) đặt giường ở trên

www.thuvien247.net

sông để đón Lê Hoàn, khi Lê Hoàn đế đến, có sắc mây hiển hiện nên gọi là "Vân Sàng".

*Dinh cũ Ngọc Lâu*: ở địa phận huyện Lạc Yên, do Lê Duy Mật dựng từ năm Cảnh Hưng thứ 2 (1741).

*Kho cũ Dục Thuý*: năm Quí Tị, Cảnh Hưng thứ 34 (1773), Kiều Nhạc hầu Nguyễn Lệ làm đồn điền sứ ở Trường Yên, mộ dân làm ruộng, nên dựng kho ở đây để chứa thóc.

*Tháp cũ Dục Thuý*: ở xã Đại Đăng huyện Yên Khánh dựng từ đời Quảng Hữu (1085-1091) nhà Lý, sau bỏ. Đến các đời Khai Hựu và Thiệu Phong (1329-1357), nhà Trần, sơn tăng là Trí Nhu sửa lại, gọi là tháp Linh Tế, Trương Hán Siêu làm bài kí khắc vào đá, nay vẫn còn. Bài kí chép trong *Hoàng Việt văn tuyển*.

*Long viên*: ở xã Đề Cốc, nhà mẹ Đinh Tiên Hoàng ở đấy, tức chỗ ở cũ của Đinh Tiên Hoàng lúc còn ẩn náu, nền nhà cũ này vẫn còn nên gọi là "Long viên", trước mặt trông ra sông, có cầu Ngự, cầu Phanh bên tả vườn có gò bằng phẳng, tức là chỗ bày trận cờ lau.

## CỬA QUAN VÀ TẤN SỞ

*Bảo Ninh Cương*: ở cách huyện Yên Hoá 24 dặm về phía đông nam, nguyên là đồn Chi Nê, năm

www.thuvien247.net

Minh Mệnh thứ 17 (1836) mới đổi tên hiện nay, có lính canh giữ.

*Bảo Yên Lại*: ở địa phận huyện Phụng Hoá, do dân địa phương canh giữ.

*Bảo Lý Nhân*: ở cách huyện Yên Mô 26 dặm về phía tây, trước kia nhà Lê cũng đặt bảo ở đây.

*Bảo Yên Lạc*: ở huyện Phụng Hoá, do dân địa phương canh giữ.

*Bảo Phù Liễn*: ở huyện Lạc Yên, do dân địa phương canh giữ.

*Bảo Phong Phú*: ở huyện Lạc Yên. *Xét*: Đường núi về thượng du tỉnh Ninh Bình, từ lâm phận hai huyện Thạch Thành và Quảng Địa thuộc tỉnh Thanh Hoá qua Đèo Ngang Phố Cát đến xã Yên Lại suốt đến địa phận Lạc Yên thuộc tỉnh hạt. Đi theo địa phận tổng Lạc Thiện huyện ấy chia ra ba con đường: một đường thông đến châu Đà Bắc, một đường thông đến Mai Châu và một đường thông đến Mộc Châu, đều thuộc tỉnh Hưng Hoá. Lại địa phận tổng Lạc Nghiệp huyện ấy có hai con đường: một đường từ địa phận tổng ấy đến tổng Qui Hậu thông với xã Mĩ Lương và xã Ngọc Mĩ tổng Cao Phong đến huyện Thạch Thất, đều thuộc tỉnh Sơn Tây; một đường từ xã Quí Hoà tổng ấy thông với xã Vĩnh Đồng tổng Kim Bôi huyện Mĩ Lương. Lại có một đường từ

www.thuvien247.net

huyện Quảng Địa tỉnh Thanh Hoá đến xã Ngọc Lâu huyện Lạc Yên thông đến Mai Châu, đời Lê hành quân thường theo con đường này.

*Bảo ngã tự Bình Hải*: ở cách huyện Kim Sơn 8 dặm về phía đông, giáp cửa Liêu tỉnh Nam Định, biền binh đóng giữ bảo này đều do tỉnh Nam Định liệu lí, duy lúc có việc sai phái thì bắt cả dân ấp Dục Đức phụ biện.

## NHÀ TRẠM

*Trạm Ninh Đa*: ở xã La Bản huyện Gia Viễn, phía bắc đến trạm Hà Phú 29 dặm, phía đông đến trạm Nam Đội 24 dặm, phía nam đến trạm Ninh Điếm 29 dặm.

*Trạm Ninh Dư*: ở xã Lý Nhân huyện Yên Mô, phía nam đến trạm Thanh Cao 22 dặm.

## CHỢ VÀ QUÁN

*Chợ Vân Sàng*: ở phía tây bắc tỉnh thành thuộc huyện Yên Khánh, chợ ở sát bờ sông, nhà cửa nối liền nhau, thuyền buôn tụ tập đông đúc.

*Chợ Dương Vũ*: ở phía nam huyện Yên Khánh, liền đường quan.

*Chợ Sinh*: ở xã Phú Hậu tổng Bồng Hải, phía đông huyện Yên Khánh.

www.thuvien247.net

*Chợ Trạo*: ở xã Thiện Trạo, bờ sông bán nhiều chiếu.

*Chợ Yên Ninh, chợ Yên Nha*: đều thuộc huyện Yên Khánh.

*Chợ Huyện*: ở xã Đa Giá huyện Gia Viễn.

*Chợ Bồ Đề*: ở cạnh đường cái quan.

*Chợ Cam Giá, chợ La Mai, chợ Sơn Quyết*: đều thuộc huyện Gia Viễn.

*Chợ Liên Trì*: ở huyện Yên Mô, tục gọi chợ Phủ.

*Chợ Quảng Phúc*: ở huyện lị Yên Mô hiện nay.

*Chợ Bút*: ở xã Khôi Trì - *Chợ Yên Mô, chợ Thổ Mật, chợ Phúc Lạc.*

*Chợ Kênh*: ở xã Bồ Xuyên.

*Chợ Đằng*: ở thôn Hạ xã Trường Khê.

*Chợ Phủ, chợ Kênh Đào, chợ Thần Phù, chợ Nộn Khê*: đều thuộc huyện Yên Mô.

*Chợ Qui Hậu*: ở huyện lị Kim Sơn.

*Chợ Hồi Thuần, chợ Đồng Đắc, chợ Trì Chính, chợ Tuy Lộc*: đều ở huyện Kim Sơn.

*Chợ Lãng Phong*: ở huyện Phụng Hoá, gần phủ lị Nho Quan.

*Chợ Cối*: ở huyện Phụng Hoá.

*Chợ Kiến Phong, chợ Mĩ*: đều ở huyện Yên Hoá.

www.thuvien247.net

*Quán Yên Đăng*: ở phía nam huyện Yên Khánh.

*Quán Đông Trung*: ở phía nam huyện Yên Mô; tục gọi quán Quan.

*Quán Cổ Du*: ở phía tây huyện Yên Mô.

*Quán Lý Nhân*: ở phía tây huyện Yên Mô.

## ĐÒ CẦU

*Bến Non Nước*: ở huyện Yên Khánh, đối ngạn với huyện Phong Doanh tỉnh Nam Định. *Minh Sử* chép: sông Tam Thuỷ, tức là chỗ này.

*Bến Bồng Hải, bến Tiên Yên*: đều ở huyện Yên Khánh.

*Bến Gián Khẩu, bến Sinh Quyết*: đối ngạn với huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nội.

*Bến La Hộ*: đối ngạn với huyện Phong Doanh tỉnh Nam Định.

*Bến Đại Hữu, bến Mây, bến Hoàng Long*: đều thuộc huyện Gia Viễn.

*Bến Kim Trì, bến Phù Sa*: đều thuộc huyện Yên Mô.

*Bến Lãng Phong*: thuộc huyện Phụng Hoá.

*Bến Kiến Phong, bến Khả Luật, bến Hương Thị*: đều ở huyện Yên Hoá.

www.thuvien247.net

*Cầu Át Lỗ*: ở địa phận 2 xã Át Lỗ và Yên Đăng thuộc huyện Yên Khánh, hai xã giáp nhau do con đường quan, tục gọi cầu Yên.

*Cầu Phúc Đăng*: ở phía tây tỉnh thành, chỗ đối ngạn hai xã Phúc Am và Đại Đăng, trước kia bắc bằng gỗ kè, tục gọi cầu Kè, năm Tự Đức thứ 3 (1850) đổi bắc bằng gỗ lim, trên cầu có mái ngói, bia đề là "cầu Phúc Đăng".

*Cầu Lim*: ở đường quan phía nam tỉnh thành, chỗ đối ngạn hai xã Đại Yên và Yên Đăng, nguyên tên là cầu Vân Sàng, sau bắc bằng gỗ lim, nên đổi gọi tên hiện nay.

*Cầu Giền*: ở dưới núi xã Trường Yên, dân cư ở hai bên bờ sông, trên núi có miếu thờ vua Đinh và Lê, cầu này nay bắc bằng tre.

*Cầu Đại Vương*: ở xã Liên Trì huyện Yên Mô, có thuyết gọi "cầu Đãi Vương", có người giải nghĩa rằng: cầu này bắc để đón (đãi) vua Trần, lại có người giải nghĩa là đón vua Lê, cho nên gọi tên là "cầu Đãi Vương", nhưng căn cứ vào ba chữ "Đại Vương Kiều" đục rõ ràng trên bia dựng ở đầu cầu, thì chữ "đãi" là do truyền văn sai lầm. Cầu này lại gọi là cầu Phủ, vì nhân chợ mà gọi tên cầu.

*Cầu Lý Nhân, cầu Yên Sư, cầu Hội Tàng*: đều ở huyện Yên Mô.

www.thuvien247.net

*Cầu Yên Thị, cầu Hải Tân*: đều ở huyện Phụng Hoá.

*Cống đá Lý Nhân*: ở huyện Yên Mô, xây đầu đời Minh Mệnh.

*Cống đá La Hộ*: ở huyện Gia Viễn, xây đầu đời Minh Mệnh.

## ĐÊ ĐẬP

*Đê Hồng Ân*: ở phía đông nam hai huyện Kim Sơn và Yên Mô, đắp từ năm Minh Mệnh thứ 11 (1830) ở bên ngoài đê cũ, cho làm đê tư. Đến năm thứ 19 lại bồi trúc: một đoạn dài 2.970 trượng, mặt rộng 4 thước, chân rộng 1 trượng, cao 4 thước; một đoạn dài 405 trượng, mặt rộng 3 thước, chân rộng 7 thước, cao 2 thước, để ngăn nước mặn.

*Đê cũ Hồng Đức*[1]: ở địa phận huyện Yên Mô; đắp từ năm Hồng Đức thứ 2 (1471), từ bờ phía bắc đến bờ phía nam cửa Càn đắp đê đá; từ bờ phía bắc

---

[1] *Việt sử thông giám cương mục* không nói rõ đê này đắp từ năm nào, còn về chi tiết, thì sách này và *Việt sử thông giám cương mục* chép có một vài chỗ khác nhau, vậy chép ra đây để tiện tham khảo: "Huyện Yên Mô tỉnh Ninh Bình, có đê đắp bằng đá từ phía bắc cửa biển Thần Phù đến bờ phía nam cửa Càn; đê đắp bằng đất, từ xã Khôi Trì huyện Yên Mô, đến bờ phía nam xã Bồng Hải huyện Yên Khánh. Tương truyền đắp từ đời Lê Thánh Tông, để ngăn nước mặn, nhân đấy gọi là "đê Hồng Đức". Đê ấy bây giờ đã bỏ".

www.thuvien247.net

cửa Thần Phù đến bờ phía nam sông Bồng Hải đắp đê đất, để ngăn nước mặn, gọi là đê Hồng Đức, nay vẫn còn.

## LĂNG MỘ

*Lăng Đinh Tiên Hoàng:* ở núi Mã Yên xã Trường Yên thượng, huyện Gia Viễn. Năm Minh Mệnh thứ 21 (1840), sửa đắp và dựng bia.

*Lăng lê Đại Hành:* ở phía bắc chân núi Quai Điếu thuộc địa phận xã Trường Yên Hạ; phía tây huyện Gia Viễn. Năm Minh Mệnh thứ 20 (1840), sửa đắp và dựng bia.

*Mộ Trương Hán Siêu:* ở thôn Phúc Am, huyện Yên Khánh.

## ĐỀN MIẾU

*Đàn Xã Tắc*: ở phía tây bắc tỉnh thành, dựng năm Minh Mệnh thứ 14.

*Đàn Tiên Nông*: ở phía đông tỉnh thành, dựng năm Minh Mệnh thứ 14.

*Đàn Sơn Xuyên*: ở phía tây nam ngoài tỉnh thành dựng năm Tự Đức thứ 6.

*Văn Miếu*: ở phía tây bắc tỉnh thành, năm Minh Mệnh thứ 16 nhân Văn Miếu cũ của phủ Yên Khánh sửa lại. Đền Khải Thánh ở phía bắc Văn Miếu.

www.thuvien247.net

*Miếu Hội Đồng*: ở phía tây tỉnh thành, dựng năm Minh Mệnh thứ 15.

*Miếu Thành Hoàng*: ở phía tây tỉnh thành, dựng từ năm Thiệu Trị thứ nhất.

*Miếu Đinh Tiên Hoàng*: ở địa phận xã Trường Yên Hạ, dưới núi Long Triều thuộc huyện Gia Viễn. Năm Minh Mệnh thứ 4 sửa lại.

*Miếu Lê Đại Hành*: ở địa phận xã Trường Yên Hạ, dưới núi Đại Vân[1]. Năm Minh Mệnh thứ 4 liệt thờ vào miếu Lịch đại đế vương, còn miếu sở tại thì cấp sắc cho dân địa phương phụng thờ, năm thứ 18 cấp cho 500 quan tiền để tu bổ.

*Miếu Trần Thái Tông*: ở hai xã Yên Mô và Trường Khê tổng Khánh Vũ, đều có miếu thờ.

*Miếu hai vua Giản Định và Trùng Quang nhà Trần*: ở thôn La Phù xã Bồ Xuyên huyện Yên Mô. Tương truyền lăng mộ hai vua cũng ở đây, nay họ Trần người thôn ấy phụng thờ.

*Miếu Triệu Việt Vương*: ở xã Tiên Yên huyện Yên Khánh và xã Quảng Từ huyện Yên Mô đều có miếu thờ.

---

(1) Tức núi Long Triều.

www.thuvien247.net

*Đền thần Cao Sơn*: ở huyện Phụng Hoá. Công thần nhà Lê là bọn Nguyễn Văn Lang, Nguyễn Hoằng Dụ và Nguyễn Văn Lữ đem quân từ thượng đạo qua đây thấy núi rừng rậm rạp bao la, có cái vực, chừng một mẫu nước rất trong, sâu không biết đáy, trên núi có đền, một viên đá đứng sừng, có chữ đề "Cao Sơn Đại vương". *Phụng xét*: Cao Sơn thần là một trong hàng 50 con của Lạc Long Quân theo mẹ về núi, vị thần thứ hai thờ ở phía tả đền Tản Viên tỉnh Sơn Tây.

*Đền Thái sư nhà Trần*: ở xã Trà Tu huyện Yên Mô, thần là Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật.

*Đền Trương Hán Siêu*: ở thôn Phúc Am huyện Yên Khánh do Nguyễn Bá Thản nguyên Án sát dựng năm Minh Mệnh thứ 15.

*Đền Lương Quận công*: ở xã Đàm Khánh huyện Yên Mô.

*Đền thần An Quốc*: ở xã Đa Giá huyện Gia Viễn, đền thờ Thiên Thần, đằng sau đền có núi nhỏ, núi có động, tượng thần đứng ở cửa động, tay cầm thanh bảo kiếm, chân đạp lên con rùa, rắn, cả tổng thờ, cầu đảo thường được linh ứng.

*Đền Triệu Ẩu*: ở huyện Yên Hoá. Theo *Việt sử ngoại kỉ* thì thần là con gái huyện Ninh Hoá quận Cửu Chân. Ninh Hoá tức là Yên Hoá ngày nay. Có

www.thuvien247.net

thuyết nói thần là người huyện Yên Định (Sự tích xem *Thanh Hoá tỉnh chí*).

*Đền Nam Hải tứ vị*: ở địa phận huyện Yên Mô (Sự tích xem *Nghệ An tỉnh chí*).

*Đền Liễu Hạnh Công chúa*: ở xã Lý Nhân huyện Yên Mô. (Sự tích xem *Nam Định tỉnh chí*).

*Đền thần Quảng Uyên*: ở xã Chi Phong huyện Yên Khánh. Thần là tiết phụ Nguyễn Thị Niên (Sự tích xem phần "Liệt nữ").

*Đền Nguyễn Giác Hải*: ở xã Yên Vệ huyện Yên Khánh, thần họ Nguyễn, huý là Quốc Y, hiệu là Giác Hải, người huyện Giao Thuỷ xứ Sơn Nam, sinh vào thời Lý Thái Tông, lúc bé theo cha làm nghề đánh cá, sau mẹ đem về ở Yên Vệ, kết bạn với Nguyễn Minh Không, sang Tây Trúc học đạo Phật, trở về huyện Giao Thuỷ, trụ trì chùa Nghiêm Quang. Sau về chùa Phúc Long huyện Yên Lạc, một năm gặp đại hạn, nhà sư lấy giấy dán vào cái giỏ bằng tre, ra sông xách nước tưới vào ruộng thành vũng bàn chân, nước ở vũng ấy chảy ra bốn phía, nước chảy đến đâu đều thành khe ngòi, nhân dân được nhờ,

*Đền Nguyễn Minh Không*: hai xã Đàm Xá và Điềm Xá, cùng thờ. Thần là người xã Điềm Xá, họ Nguyễn, tên tự là Chí Thành. *Xét*: *Ngoại truyện*

www.thuvien247.net

chép Chí Thành đi học, lĩnh hội được tâm ấn của Từ Đạo Hạnh, lấy hiệu là Minh Không Thiền sư, trụ trì chùa Quốc Thanh, đời Hội Tường Đại Khánh (1110 -1119) triều Lý Nhân Tông, Từ Đạo Hạnh sắp mất, dặn lại Minh Không rằng: "Sau này thầy ở ngôi vua, khó trốn được nợ trần, cần được đệ tử cứu chữa", sau Lý Thần Tông mắc bệnh, hoá thành hình cọp, bấy giờ đồng dao có câu rằng: "Dục Y Lý cửu trùng, tu cầu Nguyễn Minh Không", nghĩa là muốn chữa bệnh vua nhà Lý, phải tìm Nguyễn Minh Không. Khi mời đến, nhà sư nói về tiền nhân cho nhà vua nghe, vua tỉnh ngộ. Minh Không bèn nấu vạc dầu sôi rồi vốc dầu vào bàn tay vẩy khắp thân thể vua. Nhà vua khỏi bệnh, phong làm quốc sư, cho ăn lộc mấy trăm hộ. Đến năm Đại Định thứ 2 (1141) triều Lý Anh Tông, nhà sư mất, hưởng thọ 76 tuổi, người địa phương lập đền thờ. Trước đền có cây đèn bằng đá, cao phỏng một thước, tương truyền đấy là cây đèn nhà sư dùng để tụng kinh. Nay các chùa ở Giao Thuỷ và Phả Lại đều tô tượng phụng thờ.

*Đền Áp Lãng Chân Nhân*: ở thôn Nhân Phẩm, tổng Thần Phù huyện Yên Mô, cả tổng cùng thờ thần họ La, tên huý là Viên. Theo lời chua trong *Minh lương thi tập* thì Viên là người xã Nhuệ Trại huyện Thuần Kênh (nay là huyện Hậu Lộc), là một

www.thuvien247.net

đạo sĩ thời Hùng Vương. Khi vương đi đánh phương Nam, đến cửa biển bị gió ngăn trở đến hơn một tháng, vương bèn trai giới, rồi sai Viên cỡi thuyền đi trước, do đấy biển không nổi sóng. Khi trở về, Viên mất ở dọc đường, vương hạ chiếu phong là Áp Lãng Chân Nhân, lập đền ở phía nam cửa biển Thần Phù, cho số quân mà Viên đã thống suất khi trước ở lại đấy phụng thờ, tức là các thôn Nhân Phẩm, Phù Sa và Anh Tuỵ thuộc tổng Thần Phù bây giờ. Đời Lê Quang Hưng (1578-1599), quan quân đi đánh nhà Mạc, qua đây gặp sóng gió, chợt thấy một ông già đầu tóc bạc, chèo chiếc thuyền nhỏ, thuyền đi đến đâu, sóng gió im đi đến đấy, có lẽ là do thần hiển linh giúp sức, vì thế nhà vua cho thôn Nhân Phẩm được thu tiền đò ngang để phụng thờ.

## CHÙA QUÁN

*Chùa Động Sơn*: ở trong tỉnh thành về phía tây chân núi Động Sơn, nhân động làm chùa, khắc ngay ba tượng Phật vào vách đá để thờ.

*Chùa cổ Linh Quang*: ở trên núi Động Sơn, trong động có thể trải được một tấm chiếu, đằng trước có cửa tròn, bên ngoài có cửa hình bán nguyệt, trông ra ngã ba sông, nay vẫn còn dấu.

*Chùa Non Nước*: ở chân núi phía bắc xã Cánh Diều huyện Yên Khánh, chùa trước ở núi Hộ Thành,

www.thuvien247.net

sau dời đến đây, cũng nhân tên cũ, bia khắc ba chữ "Sơn Thuỷ Tự". Mặt trước trông ra hồ bán nguyệt, gần đấy có đình vuông, bên cạnh có giếng đá nước rất trong, năm Minh Mệnh thứ 2 khi vua Bắc tuần, sai lấy nước giếng này dâng ngự dụng, nay gọi là giếng Ngự. Chùa này cảnh đẹp thiên nhiên, là danh lam trong hạt. Quan tỉnh là Ngô Kim Lân và Tôn Thất Tĩnh kế tiếp nhau sửa chữa, dựng ba ngôi chùa Thượng, Trung, Hạ; đỉnh núi xây đài, gọi là đài Vân Tiên.

*Chùa Cổ Am*: ở phía tây động Nham Sơn, xã Địch Lộng huyện Gia Viễn, nhân núi làm chùa, năm Minh Mệnh thứ 2, khi vua Bắc tuần lên núi xem, năm thứ 3 phụng mệnh ban cho bốn tượng Phật bằng đồng mạ vàng và 15 lạng bạc; năm Thiệu Trị thứ 2, vua Bắc tuần, sai viên giám thành vẽ bản đồ này tiến lãm và ban cho 100 quan tiền.

*Chùa Bích Động*: ở xã Đam Khê huyện Yên Mô, núi Bích Động có ba ngôi chùa; hai ngôi chùa Thượng và chùa Trung đều nhân động núi để làm chùa, còn ngôi ngùa Hạ thì do nhân công, hai nhà sư Trí Kiên và Trí Thể xây dựng, cũng là nơi danh thắng.

*Chùa Tam Động*: ở các xã Phục Cổ và Hiền Quan huyện Yên Hoá. Tam Động là động Ngọc Cao, động Quang và động Bạch. Năm Tự Đức thứ nhất dân sở tại sửa lại ba ngôi chùa, có dựng bia, chùa này là danh lam trong huyện.

www.thuvien247.net

## NHÂN VẬT

*ĐỜI ĐINH*

*Đinh Công Trứ*: tức thân phụ Đinh Tiên Hoàng, là nha tướng của Dương Đình Nghệ, làm thứ sử châu Hoan.

*Nguyễn Bạc*: người huyện Gia Viễn cùng ấp và cùng tuổi với Đinh Tiên Hoàng. Lúc còn bé, Nguyễn Bạc cùng bọn Đinh Điền, Lưu Cơ và Trịnh Tú, bốn người suy tôn Tiên Hoàng làm chủ, thường hầu hạ thân cận. Khi Đinh Tiên Hoàng lánh đi chỗ nào thì Nguyễn Bạc đem lẵng cơm hầu nước đi theo, cùng Đinh Tiên Hoàng kết nghĩa Đào viên[1]. Sau dấy quân dẹp được mười hai sứ quân, là người công đầu, được phong tước Định Quốc công. Đến lúc Lê Hoàn âm mưu chiếm ngôi, Nguyễn Bạc dấy quân đánh, không thành và bị hại.

*Đinh Điền*: người cùng hương và cùng họ với Đinh Tiên Hoàng, theo Tiên Hoàng dẹp mười hai sứ quân có công lớn. Lúc Lê Hoàn tự xưng phó vương, Điền giữ nghĩa không chịu khuất phục, cùng Định Quốc công Nguyễn Bạc dấy quân đánh, đánh nhau ở Tây Đô, không thành công và bị chết. Sau

---

[1] Đào viên: lấy điển Lưu Bị, Quan Vũ và Trương Phi đời Tam Quốc kết nghĩa làm anh em ở dưới cây đào.

www.thuvien247.net

nhà Lý nhà Trần phong làm phúc thần, nhân dân nhiều nơi lập đền thờ.

*Lưu Cơ*: người cùng ấp và cùng tuổi với Đinh Tiên Hoàng, làm quan đến Đô hộ phủ Sĩ sư.

*Trịnh Tú*: cũng như Lưu Cơ.

*ĐỜI TRẦN*

*Trương Hán Siêu*: người xã Phúc Am (trước là Phúc Thành) huyện Yên Khánh, tên là Thăng Phủ. Sử chép: Trương Hán Siêu trải thờ bốn triều vua nhà Trần là Anh Tông, Minh Tông, Hiến Tông, Dụ Tông, làm đến Giám nghị Đại phu Tham tri chính sự, lúc Chiêm Thành làm phản, Hán Siêu thống lãnh quân Thần Sách trấn thủ Hoá Châu, sau mắc bệnh trở về, rồi chết, được tặng Thái phó. Ông là người cứng rắn giỏi văn chương chính sự, vua thường gọi là thầy mà không gọi tên; trứ thuật khá nhiều, thường bài bác đạo dị đoan. Trần Nghệ Tông cho phụng thờ ở Văn Miếu; năm Minh Mệnh thứ 4 cho phụng thờ ở miếu Lịch đại đế vương.

*ĐỜI LÊ*

*Trịnh Lỗi*: người thôn Khương Lại, xã Sơn Dược huyện Gia Viễn. Theo *Thông sử* của Lê Quí Đôn, thì Lỗi theo Lê Thái Tổ đánh dẹp có công, được cho quốc tính, chức Thiếu uý, sau khi đại định phong

www.thuvien247.net

Thượng đình hầu, nhập nội Đại hành khiển Tả bộc xạ, chết được tặng Phụ quốc Thượng Tướng quân, đời Hồng Đức truy tặng Thái uý, tước Thọ Quốc công.

*Nguyễn Thể*: người huyện Yên Mô; lúc nhà Mạc tiếm ngôi, Thể nghe tin Triệu Tổ ta dấy quân ở Thanh Hoa, hưởng ứng theo ngay; làm tiền đạo cho quân nhà vua, lập được công to, làm đến Trung Quân Đô đốc, tước Lương Quận công. Lúc Phạm Kháng[1] nổi loạn chiếm cứ Đam Khê, đem thổ quan và thổ lính dẹp tan được; làm công thần trung hưng của nhà Lê, sau được phong phúc thần.

*Phạm Quỳnh*: người xã Dương Vũ huyện Yên Mô, có sức khoẻ và kế mưu. Lúc Trang Tông lên ngôi, Phạm Quỳnh cùng Nguyễn Thể vào hành tại Yên Trường xin theo, từng đặt kế lôi phục phá quân Mạc. Vì có công, được phong tiền khu Phó tướng, Hữu đô đốc Chưởng phủ sư, tước Lan Quận công.

*Tạ Nghi*: trước tên là Nghĩa, người huyện Yên Khánh. Đời Lê Quang Thiệu, Trần Cao làm phản, Nghi thống lãnh quân thuỷ bộ chống cự; đời Thống

---

[1] Phạm Kháng: *Việt sử thông giám cương mục* và *Đại Việt sử kí toàn thư* đều chép Phạm Hàng, Phạm Hàng người huyện Đại An trấn Sơn Nam, năm Quang Hưng thứ 19 (1596) tự xưng Thiên Nam Chiêu Thảo Đô Nguyên soái, chiếm cứ núi Đam Khê huyện Yên Mô chống nhau với nhà Lê.

www.thuvien247.net

Nguyên truy tặng công thần, phong tước Trung uý hầu. Sau phong làm phúc thần ở xã Bồ Xuyên huyện Yên Mô.

*Bùi Thời Trung, Bùi Khắc Kiệm*: người huyện Gia Viễn, là con Bùi Văn Khuê và Nguyễn Thị Niên. Khuê là dõng tướng nhà Mạc, phong Sơn Quận công, Thời Trung phong Lễ Quận công, Khắc Kiệm phong Nghi Quận công, sau qui thuận nhà Lê, lập công, Văn Khuê đổi phong Nghĩa quận công, Thời Trung đổi phong Lễ Quận công, Khắc Kiệm đổi phong Nghi Quận công. Khuê bị Phan Ngạn giết, Nguyễn Thị Niên báo thù cho chồng, rồi nhảy xuống sông tự tử. Thời Trung làm tướng đạo Sơn Nam, sau đi tu, em là Khắc Kiệm lãnh thay đạo quân Hiệu Vệ, cùng cha và anh được thờ phụng ở miếu Trường Yên, mà đền Chi Phong lại có thờ cả người em út là Vị Quận công.

*Tạ Niên*: trước tên là Nhân, người huyện Yên Khánh, về dòng dõi Tạ Nghĩa và là con Tạ Tuy (Thái uý Tuy Quốc công). Niên theo quan quân đánh dẹp, lập được công to, trận đánh ở Giao Thuỷ, hết sức bỏ mình, được tặng Kiên Nghĩa công thần, đặc tiến Phụ quốc Thượng Tướng quân Nam quân Tham đốc phủ Thắng Quận công. Đời Hoằng Định (1600-1618) cấp cho 300 mẫu ruộng tự điền và 3 mẫu ruộng thủ mộ ở xã An Xuyên, để cho con cháu phụng thờ, nay gọi là Giáp Tạ.

www.thuvien247.net

*Vũ Cự*: người huyện Gia Viễn, đời Chính Hoà (1680-1705), thời Hy Tông, phong Tán Trị công thần Phụ quốc Quận công, chuẩn cho thu thuế ruộng công ruộng tư xã ấy để sung hương hoả.

*Phạm Xuân*: người huyện Yên Khánh, đỗ Hương cống năm Long Đức thứ 4 (1735), đời Vĩnh Hựu (1735-1740), giặc Ngân Già trấn Sơn Nam nổi dậy chiếm cứ phố Đà Ninh, quan quân tiến đánh, giặc đem toàn quân ra chống cự, Xuân đem con em đi theo đường tắt đốt phố Đà Ninh, rồi quay lại ứng cứu quan quân, quan quân thừa thắng phối hợp đánh phá tan giặc, dẹp yên huyện Nam Chân, bàn công phong tước và ban cho bảo kiếm. Trải làm đến Thừa chính sứ. Đời Cảnh Hưng (1740-1786), có công giữ và dẹp giặc, được trao chức Đô thống binh sư, chết tặng Oanh liệt Đại Tướng quân, thuỵ là Trung Mẫn. Nay dòng dõi đời nào cũng có người đỗ làm quan.

*Hoàng Trọng Cung*: người huyện Yên Khánh, đỗ Hương cống khoa Quí Hợi (1743) đời Cảnh Hưng, vào chầu nội điện, phong tước Thời Trung tử, lại vâng lệnh chỉ cùng Tể tướng Nguyễn Lệ biên soạn *Sử kí*, làm đến Hiển trung Đại phu, Tán trị Thừa chính sứ Ti hữu Tham nghị xứ Tuyên Quang, tiếng tăm lừng lẫy, cùng Tham nghị Nguyễn Tử Dự xã Giá Hộ, Thừa chính Nguyễn

www.thuvien247.net

Đoan Tước xã Phúc Am, Thị độc Ninh Thấu xã Khôi Trì, Hiến phó sứ Nguyễn Đình Chí xã Bồ Xuyên, Thiêm sự Trịnh Xuân xã An Liêu và Tham chính Phạm Kiêm Huyền xã Thiên Trì, được gọi là "Trường Yên thất hào".

*Phạm Đạo*: trước là Phạm Công Đạo người huyện Gia Viễn, đỗ Hương cống, hơn 10 năm không ra làm quan, sau bổ tri huyện, mới được 10 ngày thì Nguỵ Tây nổi, đem con em chống cự, không địch nổi, phải lánh ở trong núi rừng. Tây Sơn bắt giam gia quyến và lùng tìm rất gắt, Đạo vẫn không chịu khuất, rồi chết.

*ĐỜI NGUYỄN*

*Quách Công Chuyên*: người huyện Lạc Yên, làm phòng Ngự sử, sung Chánh quản hiệu cơ Ninh Hùng, năm Minh Mệnh thứ 14 (1833), đánh giặc ở phủ Nho Quan, bị giết trận, được tặng Quản cơ; năm Tự Đức thứ 11 (1858) liệt thờ ở đền Trung Nghĩa.

*Vũ Duy Thanh*: người huyện Yên Khánh, năm Tự Đức thứ 4 (1851) đặc ân mở chế khoa, đỗ Bác học Hoành từ đệ nhất giáp đệ nhị danh Bảng nhãn Cát sĩ cập đệ, mũ áo ân điển, ngang với Trạng nguyên khoa Tiến sĩ. Nước ta mở khoa Cát sĩ bắt đầu từ đây. Thanh làm đến Tế tửu.

www.thuvien247.net

## LIỆT NỮ

*Triệu Ẩu*: Xem *Thanh Hoá tỉnh chí.*

*ĐỜI LÊ*

*Nguyễn Thị Niên*: con gái thứ ba của Nguyễn Quyện và là vợ Nghĩa Quận công Bùi Văn Khuê. Khuê bị Phan Ngạn giết, Thị Niên đem thi thể chồng về chôn, khóc bảo quân sĩ của chồng rằng: "Người nào cố sức báo ơn giết được Phan Ngạn, sẽ có trọng thưởng". Bèn đánh nhau với Phan Ngạn, giết được Ngạn ở Hoàng Giang. *Xét*: *Dã chí* chép: Thị Niên để tang chồng, khi xong tang, tự gieo mình xuống sông xã Chi Phong (làng của Bùi Văn Khuê), dân xã lập đền thờ.

*ĐỜI NGUYỄN*

*Phạm Thị Tôm*: người huyện Yên Mô, năm Lê Thận Đức thứ nhất (1600), Thái Tổ Gia Dụ Hoàng Đế ta đem tướng sĩ thuyền ghe sở bộ thuộc theo đường biển vào Thuận Hoá. Quân Trịnh đuổi theo, thuỷ quân chèo thuyền gấp rút, quai chèo bị đứt, lúc ấy Thị Tôm theo hầu, nhân có một mớ tơ sống, thị liền dâng để buộc chèo. Về đến nơi thị chết, Gia Dụ Hoàng Đế khen là có công, truy tặng Thị Giá phu nhân, lập đền thờ Dinh Cát. Dinh Cát nay thuộc Quảng Trị.

www.thuvien247.net

*Đinh Thị Phức*: người huyện Yên Khánh, về nhà chồng từ năm 15 tuổi, được 3 năm chồng chết, đứa con trai cũng chết theo, thị thề không cải giá. Năm Tự Đức thứ 11, ban cho chữ "Hoàn tiết khả gia" (Trọn tiết đáng khen), lại thưởng cho bạc sa và biển vàng để khuyến khích người tiết phụ.

*Phạm Thị Xuyên*: trước tên là Xuyến, người xã Phụng Công huyện Yên Khánh, là vợ Nguyễn Tín cùng làng và là mẹ Giám sinh Nguyễn Ái. Thị nhà giàu, người đẹp, biết chữ từ thuở nhỏ, năm 19 tuổi goá chồng, thờ mẹ chồng nuôi con, thân thể nhem nhuốc, áo quần rách rưới, tự thề giữ tiết đến chết. Khi con là Ái chết, thành tuyệt tự, thị thương khóc quá thành mù. Vợ Nguyễn Ái cũng kiên trinh khắc khổ, hiếu kính phụng thờ mẹ chồng, người làng thương mến, quan tỉnh đề đạt, năm Tự Đức thứ 10 được biểu dương.

*Nguyễn Thị Trinh*: người xã Yên Khê, huyện Yên Khánh, là vợ Hà Văn Giám người cùng làng. Lúc Văn Giám chết, thị chưa có con, để tang chồng giữ hết lễ, khi hết tang thị tự tử, táng phụ ở bên cạnh mộ chồng. Năm Tự Đức thứ 18, người làng lập mộ chí và để ruộng sung việc thờ tự.

## TĂNG

*Nguyễn Minh Không*: người xã Điềm Xá, huyện Gia Viễn, họ Nguyễn, tự là Chí Thành, trụ trì chùa

www.thuvien247.net

Quốc Thanh, pháp hiệu là Minh Không Thiền sư (Sự tích xem phần "Đền miếu").

## THỔ SẢN

*Chiếu trơn*: ở các huyện Yên Khánh và Kim Sơn, nhưng chỉ có chiếu làng Thiện Trạo là tốt hơn cả. Có lệ đánh thuế.

*Cỏ thi*: ở núi Bạch Bát huyện Yên Mô.

*Dây mây*: có các thứ mây nước, mây vân, mây núi, ở phủ Nho Quan.

*Tre hoa*: ở huyện Yên Hoá.

*Cói*: dệt làm chiếu, ven biển đều có.

*Gỗ hoàng nhung, gỗ xuyên ti, gỗ đạo na, gỗ hoàng thị, gỗ chiêm tự, gỗ tích lác, gỗ trám, gỗ tang thái*: đều ở huyện Phụng Hoá.

*Bông, vải, mật mía, chè, sa nhân, củ mài*: đều ở huyện Lạc Yên.

*Mắm rươi*: tên chữ là đại hoả trùng, cũng có tên là hoả càn trùng, ven biển đều có, song mắm rươi làng Yên Vệ là ngon nhất, có lệ thượng tiến.

www.thuvien247.net

# ĐẠI NAM NHẤT THỐNG CHÍ

*QUYỂN XV*

## TỈNH HƯNG YÊN

Đông tây cách nhau 43 dặm, nam bắc cách nhau 39 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Quỳnh Côi tỉnh Nam Định 41 dặm, phía tây đến sông Nhị đối ngạn với địa giới hai huyện Nam Xang và Phú Xuyên tỉnh Hà Nội 2 dặm, phía nam đến sông Nhị đối ngạn với địa giới huyện Nam Xang 1 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Đường Hào tỉnh Hải Dương 38 dặm. Phía đông nam đến địa giới huyện Thư Trì tỉnh Nam Định 31 dặm, phía đông bắc đến địa giới huyện Thanh Miện tỉnh Hải Dương 31 dặm, phía tây nam đến sông Nhị đối ngạn với địa giới huyện Nam Xang 2 dặm, phía tây bắc đến địa giới huyện Văn Giang tỉnh Bắc Ninh và địa giới huyện Thanh Trì tỉnh Hà Nội 56 dặm. Từ tỉnh lị đi về phía nam đến Kinh Thành 1.139 dặm.

### PHÂN DÃ

Theo thiên văn, thuộc khu vực sao Dực sao Chẩn về tinh thứ sao Thuần vĩ.

www.thuvien247.net

## DỰNG ĐẶT VÀ DIÊN CÁCH

Nguyên là đất hai lộ Sơn Nam Thượng và Sơn Nam Hạ. Đời Hán thuộc quận Giao Chỉ có lẽ là đất huyện Chu Diên. Đời Lương đặt quận Vũ Bình, đời Tuỳ bỏ. Đầu đời Đường đặt làm châu Diên, lại đặt hai huyện Cao Lăng và An Định lệ vào châu Diên. Đầu đời Trinh Quán bỏ châu Diên đem hai huyện gồm làm huyện Chu Diên thuộc châu Giao.

Nước ta đầu đời Ngô[1] là châu Đằng. Đời tiền Lê đổi làm phủ Thái Bình. Đời Lý (Cao Tông) làm châu Đằng châu Khoái. Đời Trần là lộ Long Hưng và lộ Khoái. Thời thuộc Minh là địa phận hai phủ Trấn Man và Kiến Xương. Đầu đời Lê Thuận Thiên thuộc Nam đạo[2]. Đầu đời Quang Thuận thuộc Thiên Trường thừa tuyên. Đời Hồng Đức thuộc Sơn Nam thừa tuyên. Nhà Mạc đổi thuộc Hải Dương. Nhà Lê, đầu đời Quang Hưng đổi lại như cũ. Năm Cảnh Hưng thứ 2, chia Sơn Nam làm hai lộ: Khoái Châu thuộc Thượng lộ, Tiên Hưng thuộc Hạ lộ, đặt chức trấn thủ. Cuối đời Lê đổi làm hai trấn Sơn Nam Thượng và Sơn Nam Hạ.

---

[1] Tức đời Ngô Quyền.

[2] Năm Thuận Thiên thứ nhất (1428) Lê Thái Tổ chia nước làm 5 đạo. Năm đạo gồm các lộ Khoái Châu, Lị Nhân, Tân Hưng, Kiến Xương, và Thiên Trường.

www.thuvien247.net

Bản triều đầu đời Gia Long cũng theo như thế, đặt các chức trấn thủ, hiệp trấn và tham hiệp. Năm Minh Mệnh thứ 3, đổi Sơn Nam Thượng làm trấn Sơn Nam, Sơn Nam Hạ làm trấn Nam Định; năm thứ 12 chia tỉnh hạt, tách 5 huyện (Đông Yên, Kim Động, Phù Cừ, Thiên Thi, Tiên Lữ) thuộc phủ Khoái Châu trấn Sơn Nam và 3 huyện (Thần Khê, Duyên Hà và Hưng Nhân) thuộc phủ Tiên Hưng trấn Nam Định, đặt làm tỉnh Hưng Yên, đặt một tuần phủ lãnh việc bố chính và án sát ở dưới quyền tổng đốc Định - Yên; năm thứ 13, tách hai huyện Phù Cừ và Tiên Lữ thuộc phủ Khoái Châu đặt phân phủ Khoái Châu. Năm Tự Đức thứ 4, bỏ huyện Phù Cừ gồm vào phủ Khoái Châu, lại tách huyện Tiên Lữ đổi lệ vào phủ Tiên Hưng. Nay lãnh 2 phủ và 8 huyện.

*Phủ Khoái Châu*: ở cách tỉnh thành 38 dặm về phía tây bắc. Đông tây cách nhau 32 dặm, nam bắc cách nhau 31 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Đường Hào tỉnh Hải Dương 23 dặm, phía tây đến sông Nhị đối ngạn với địa giới huyện Thượng Phúc tỉnh Hà Nội 9 dặm, phía nam đến sông Nhị đối ngạn với địa giới huyện Phú Xuyên 16 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Văn Giang tỉnh Bắc Ninh 15 dặm. Xưa là đất Chu Diên. Đời Lý gọi là châu Khoái. Đời Trần gọi là lộ Khoái; năm Trùng Hưng thứ 5, Trần Nhân Tông đem đất này cho

www.thuvien247.net

Nguyễn Khoái làm thang mộc ấp[1]; sau lại đổi làm đạo Khoái, thuộc phủ Kiến Xương. Đời Lê đổi tên hiện nay. Đời Mạc đổi lệ trấn Hải Dương. Đời Lê Quang Hưng lại theo như cũ. Đời Cảnh Hưng thuộc lệ Sơn Nam Thượng lãnh 5 huyện. Bản triều cũng theo như thế, năm Minh Mệnh thứ 3, tách lấy 2 huyện Phù Cừ và Tiên Lữ đặt phân phủ Khoái Châu. Năm Tự Đức thứ 4, bỏ huyện Phù Cừ, vẫn lệ vào phủ, lại tách huyện Tiên Lữ đổi lệ phủ Tiên Hưng. Nay lãnh 4 huyện.

*Huyện Đông Yên*: đông tây cách nhau 17 dặm, nam bắc cách nhau 26 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Thiên Thi 9 dặm, phía tây đến sông Nhị đối ngạn với địa giới huyện Thượng Phúc tỉnh Hà Nội 8 dặm, phía nam đến địa giới huyện Kim Động 12 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Văn Giang tỉnh Bắc Ninh 14 dặm. Đời Hán là đất Chu Diên, đời Đường thuộc châu Diên, đời Trần gọi là huyện Đông Kết, thời thuộc Minh vẫn theo như cũ. Đời Lê Hồng Đức đổi tên hiện nay. Bản triều cũng theo như thế; trước do phủ thống hạt, năm Gia Long thứ 9 đổi do phủ kiêm lí. Nay lãnh 10 tổng, 79 xã thôn.

---

[1] Thang mộc: Nghĩa đen là tắm gội. Đời xưa vua chúa phong cho bầy tôi một khu đất để lấy hoa lợi đất ấy chi dùng mà giữ mình cho được thanh khiết, gọi là thang mộc ấp.

www.thuvien247.net

*Huyện Kim Động*: ở cách phủ 32 dặm về phía đông nam. Đông tây cách nhau 4 dặm, nam bắc cách nhau 20 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Tiên Lữ 3 dặm, phía tây đến sông Nhị đối ngạn với địa giới huyện Phú Xuyên tỉnh Hà Nội 18 dặm. Đời Hán là đất quận Giao Chỉ. Đời Ngô (nước ta) là châu Đằng. *Sử* chép đời Trần là huyện Vĩnh Động, đời Lê Quang Thuận là huyện Kim Động. Sứ quân Phạm Bạch Hổ chiếm cứ châu Đằng, tức là đất này; bản triều cũng theo như thế; trước do phủ kiêm lí; năm Gia Long thứ 9 đổi do phủ thống hạt. Nay lãnh 8 tổng, 60 xã thôn.

*Huyện Phù Cừ*: cách tỉnh thành 44 dặm về phía đông nam. Đông tây cách nhau 10 dặm, nam bắc cách nhau 16 dặm, phía đông đến địa giới huyện Thanh Miện tỉnh Hải Dương 5 dặm, phía tây đến địa giới huyện Tiên Lữ 5 dặm, phía nam đến địa giới huyện Duyên Hà 6 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Thiên Thi và địa giới huyện Thanh Miện tỉnh Hải Dương 10 dặm. Đời Hán là đất quận Giao Chỉ. Đời Trần là huyện Phù Dụng. Thời thuộc Minh vẫn theo tên cũ. Hồi đầu đời Lê cũng theo như thế. Nhà Mạc đổi làm huyện Phù Hoa. Đời Lê trung hưng lại theo tên cũ. Năm Minh Mệnh thứ 13 đặt làm phân phủ kiêm lí. Năm Thiệu Trị thứ 2 đổi hiện nay. Năm Tự Đức thứ 4, bỏ phân phủ, đặt tri huyện, kiêm nhiếp cả huyện Thiên Thi, vẫn do phủ thống hạt. Nay lãnh 14 tổng, 107 xã thôn.

www.thuvien247.net

*Huyện Thiên Thi*: ở cách phủ 26 dặm về phía đông nam. Đông tây cách nhau 20 dặm, nam bắc cách nhau 18 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Thanh Miện tỉnh Hải Dương 15 dặm, phía tây đến địa giới huyện Kim Động 5 dặm, phía nam đến địa giới huyện Tiên Lữ 8 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Đường Hào[1] tỉnh Hải Dương 10 dặm. Đời Hán là đất quận Giao Chỉ. Đời Lý, đời Trần là huyện Thiên Thi. Thời thuộc Minh đổi làm Thi Hoá. Đời Lê lại lấy tên cũ. Bản triều cũng theo như thế, năm Tự Đức thứ 4, bỏ tri huyện do huyện Phù Cừ kiêm nhiếp. Nay lãnh 8 tổng, 61 xã thôn. Huyện lị trước ở xã Mão Cầu, nay bỏ.

*Phủ Tiên Hưng*: ở cách tỉnh thành 41 dặm về phía đông nam. Đông tây cách nhau 35 dặm, nam bắc cách nhau 20 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Đông Quan[2] thuộc tỉnh Nam Định 15 dặm, phía tây đến sông Nhị đối ngạn với địa giới Nam Xang[3] tỉnh Hà Nội 21 dặm, phía nam đến địa giới huyện Thư Trì[4] tỉnh Nam Định 5 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Quỳnh Côi[5] tỉnh Nam Định 15 dặm. Đời Hán là đất quận Giao Chỉ, nguyên là hương Đa Cương; đời Trần là huyện Long Hưng; thời thuộc

---

[1] Đường Hào sau là Mỹ Hào tỉnh Hưng Yên.

[2], [4], [5] Đông Quan, Thư Trì, Quỳnh Côi sau đều thuộc tỉnh Thái Bình.

[3] Nam Xang: sau là huyện Lý Nhân tỉnh Hà Nam.

www.thuvien247.net

Minh là huyện Trấn Man; đời Lê Hồng Đức là huyện Tân Hưng; nhà Mạc đổi thuộc trấn Hải Dương, đời Lê trung hưng lại theo tên cũ, sau đổi tên hiện nay (là Tiên Hưng[1]); nguyên thuộc lộ Sơn Nam Hạ, sau là trấn Sơn Nam Hạ. Bản triều đời Gia Long cũng theo như thế; năm Minh Mệnh thứ 12, trích lấy 3 huyện Thần Khê, Duyên Hà và Hưng Nhân vẫn thuộc phủ, lệ vào tỉnh hạt (Hưng Yên); năm Tự Đức thứ 4, lại đem huyện Tiên Lữ lệ thuộc vào. Nay lãnh 4 huyện.

*Huyện Thần Khê*: đông tây cách nhau 22 dặm, nam bắc cách nhau 20 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Đông Quan tỉnh Nam Định 14 dặm, phía tây đến địa giới huyện Duyên Hà 8 dặm, phía nam đến địa giới huyện Thư Trì tỉnh Nam Định 5 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Quỳnh Côi tỉnh Nam Định 15 dặm. Trước là đất hương Đa Cương, từ đời Trần về sau đặt tên hiện nay, các triều sau vẫn theo như thế, bản triều, do phủ kiêm lí. Nay lãnh 8 tổng, 46 xã thôn trang.

*Huyện Duyên Hà*: ở cách phủ 8 dặm về phía đông nam. Đông tây cách nhau 19 dặm, nam bắc cách nhau 22 dặm. Phía đông đến địa giới huyện

---

[1] Vì kiêng tên húy Lê Kính Tông (1600 – 1619) nên đổi chữ *tân* làm chữ *tiên*.

www.thuvien247.net

Thần Khê 5 dặm, phía tây đến sông Nhị đối ngạn với địa giới huyện Nam Xang tỉnh Hà Nội 14 dặm, phía nam đến địa giới huyện Thư Trì tỉnh Nam Định 5 dặm, phía bắc đến sông Nông giáp địa giới huyện Phù Cừ và địa giới huyện Thanh Miện tỉnh Hải Dương 17 dặm. Đời Hán là đất quận Giao Chỉ. Từ đời Lý đời Trần trở về sau đặt tên hiện nay. Bản triều cũng theo như thế. Nay lãnh 12 tổng, 114 xã thôn.

*Huyện Hưng Nhân*: ở cách phủ 20 dặm về phía tây bắc. Đông tây cách nhau 15 dặm, nam bắc cách nhau 16 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Duyên Hà 8 dặm, phía tây đến sông Nhị đối ngạn với địa giới huyện Nam Xang tỉnh Hà Nội 7 dặm, phía nam đến địa giới huyện Duyên Hà 6 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Tiên Lữ 10 dặm. Đời Hán là đất quận Giao Chỉ, đời Trần là huyện Ngự Thiên, thời thuộc Minh đổi là huyện Tân Hoá, đời Lê lại theo tên cũ. Bản triều, đầu đời Gia Long vẫn theo như thế, năm Gia Long thứ 7 đổi tên hiện nay. Năm Tự Đức thứ 4, bỏ tri huyện, do huyện Duyên Hà kiêm nhiếp. Nay lãnh 6 tổng, gồm 56 xã thôn. Huyện lị ở xã Phúc Hải.

*Huyện Tiên Lữ*: ở cách phủ 3 dặm về phía tây bắc. Đông tây cách nhau 22 dặm, nam bắc cách nhau 17 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Phù Cừ 17 dặm, phía tây đến địa giới huyện Kim Động 5

www.thuvien247.net

dặm, phía nam đến sông Luộc giáp địa giới huyện Hưng Nhân 8 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Thiên Thi 9 dặm. Đời Hán là đất quận Giao Chỉ, đời Đường làm huyện Cao Lăng, thuộc châu Diên. Thời thuộc Minh đổi làm Tiên Lữ, thuộc phủ Khoái Châu, đời Lê Hồng Đức, gọi là Tiên Lữ, nhà Mạc gọi là Tiên Hoa, đời Lê trung hưng lại theo tên cũ. Bản triều cũng theo như thế; năm Minh Mệnh thứ 13, đặt làm phân phủ Khoái Châu; năm thứ 18 trích lấy 5 xã thôn thuộc tổng Phương Trà huyện Nam Xang tỉnh Hà Nội lệ vào phân phủ này; năm Tự Đức thứ 4 bỏ phân phủ, đổi lệ vào phủ Tiên Hưng. Nay lãnh 8 tổng, 55 xã thôn.

## HÌNH THẾ

Phía đông giáp tỉnh Nam Định, phía bắc giáp tỉnh Bắc Ninh, hai phía tây và nam đều tiếp giáp tỉnh Hà Nội. Sông Đằng[1], sông Luộc bọc quanh. Thế đất bằng phẳng, đường sá thông suốt bốn mặt, không có núi khe hiểm trở. Huyện Đông Yên tiếp giáp tỉnh Bắc Ninh, phía tây suốt đến Hà Nội, phía đông xuống đến Hải Dương, các ngả đường tất đi qua, cũng là nơi xung yếu. Ruộng đất màu mỡ, bờ cõi liền lạc. Tỉnh này lại là một khu vực phòng ngự.

---

[1] Sông Đằng: tức một đoạn của sông Nhị, thuộc địa phận xã Xích Đằng, sở tại tỉnh lị.

www.thuvien247.net

## KHÍ HẬU

Khí hậu giống như Hà Nội. Việc nông thì nhiều ruộng cấy lúa chiêm, ít ruộng cấy lúa mùa, cũng giống như Nam Định. Tháng Giêng, tháng 2 có mưa nhỏ, nóng lạnh xen nhau. Tháng 3, khí hậu ấm dần; những ngày 4 ngày 8 tháng 4 thường có mưa rào, tiện cho việc làm ruộng. Sau tiết tiểu mãn[1] và trước tiết sương giáng[2], mưa rào từng trận nước sông đầy đẫy. Khoảng tháng 4 tháng 5, là thì trứng cá nổi theo bọt nước (mấy tháng này, trứng cá bám vào bọt nước, thuận dòng trôi xuống, nhân dân các huyện ven sông dùng vó dày vớt lấy, họ cứ xem hình trạng bọt nước mà phân biệt loại cá, không bao giờ lẫn lộn; đem trứng cá về ao nuôi cho lớn, rồi bán cá giống, được lợi khá nhiều). Tháng 7, tháng 8 bắt đầu có gió mát, là tiết lúa mùa xanh tốt (tục ngữ có câu: "Tháng 8 gió mát, lúa mùa ngát đồng"); tháng 9 tháng 10, thường có mưa to gió lớn. Là triệu chứng nước rươi (tục gọi là "đại hoả trùng"; hay "hoả cắn trùng", hàng năm, cứ tháng chín 20, tháng mười mồng 5, mưa to gió lớn là ngày nước rươi, nhà nông thường lấy câu ấy

[1] Tiết tiểu mãn: vào giữa tháng 4 âm lịch, phỏng 21, 22 tháng 5 dương lịch.

[2] Tiết sương giáng: vào giữa tháng 9 âm lịch, phỏng 23, 24 tháng 10 dương lịch.

www.thuvien247.net

mà chiêm nghiệm) tháng 11 rét buốt, nông dân xông pha giá rét cố sức làm ruộng, do đấy mà tay chân bị cóng (tục ngữ có câu: "Bà khoe da con bà tốt, đến tháng mười một bà biết con bà"). Tháng 12, đêm trừ tịch, người ta thường xem đêm sáng hay tối để chiêm nghiệm về mùa mùa tằm. Tiết làm ruộng, ruộng vụ mùa cấy vào tháng 6, tháng 11 thu hoạch; ruộng vụ chiêm, cấy vào tháng 12, tháng 5 thu hoạch. Thế đất chỗ cao chỗ trũng khác nhau, nếu không gặp hạn lụt thì thường được mùa (các hạt Đông Yên, Thiên Thi, Kim Động, Phù Cừ, Thần Khê địa thế hơi cao, các hạt Hưng Nhân, Duyên Hà, Tiên Lữ địa thế phần nhiều trũng thấp). Hai huyện Duyên Hà và Thần Khê lúa má tốt hơn cả. Đồng ruộng màu mỡ, khe ngòi chằng chịt, tiện nơi tháo nước ra, lấy nước vào. Tục ngữ có câu: "Có thực con mẹ, con cha, thì sinh ở đất Duyên Hà, Thần Khê".

## PHONG TỤC

Kẻ sĩ gắng học, nhà nông chăm cày, ưa tiết kiệm, tránh xa xỉ, cũng giống như phong tục Nam Định. Dân huyện Hưng Nhân gián hoặc có người điêu toa ngang ngạnh; trai huyện Kim Động phần nhiều lười biếng chơi bời. Đấy cũng do tập tục xui nên như thế.

www.thuvien247.net

thước, cao 1 trượng 7 thước; mở 4 cửa; hào rộng 8 trượng 3 thước, sâu 4 thước; ở địa phận các xã Nhân Dục, Yên Vũ, Hương Cái, Hương Điền huyện Kim Động, thành đắp năm Minh Mệnh thứ 12, đến năm thứ 15 và 18 lại xây bằng gạch.

*Thành phủ Khoái Châu*: thành đất chu vi 266 trượng, cao 7 thước, mở 3 cửa; hào rộng 3 trượng, ở xã Đoan Vĩ huyện Đông Yên; trước kia thành ở xã Đằng Man huyện Kim Động, năm Gia Long thứ 13 dời đến xã Trương Xá huyện Đông Yên; năm Minh Mệnh thứ 11 dời đến chỗ hiện nay.

*Lị sở huyện Kim Động*: ở xã Đằng Man, năm Minh Mệnh thứ 17, vì nước lụt nên dời đến xã Xích Đằng; năm Tự Đức thứ nhất, lại dời về chỗ cũ.

*Lị sở huyện Phù Cừ*: ở xã Đình Cao, năm Minh Mệnh thứ 13 đổi làm phân phủ; năm Tự Đức thứ 4, bỏ phân phủ, lại làm lị sở của huyện.

*Thành phủ Tiên Hưng*: chu vi 130 trượng, cao 7 thước, mở 3 cửa, hào rộng 3 trượng; ở địa phận 2 xã Cổ Quán và Lộ Xá huyện Thần Khê, trước kia ở xã Duyên Nông, huyện Duyên Hà; năm Minh Mệnh thứ 17 dời đến chỗ hiện nay.

www.thuvien247.net

*Lị sở huyện Duyên Hà*: ở xã Yên Xá; trước ở xã Duyên Nông, sau dời đến xã Lập Bái; năm Gia Long thứ 18 dời đến xã Hiến Nạp; năm Tự Đức thứ 4 dời đến chỗ hiện nay.

*Lị sở huyện Tiên Lữ*: ở xã Đào Đặng, năm Minh Mệnh thứ 7, vì nước lụt dời đến xã Nễ Châu; năm Tự Đức thứ nhất lại dời về chỗ cũ.

## TRƯỜNG HỌC

*Trường học tỉnh Hưng Yên*: ở xã Xích Đằng, về phía tây bắc tỉnh thành, dựng năm Minh Mệnh thứ 17.

*Trường học phủ Khoái Châu*: ở phía nam phủ thành, dựng năm Minh Mệnh thứ 5.

*Trường học phủ Tiên Hưng*: ở phía nam phủ thành, năm Thiệu Trị thứ 3, rỡ nhà học huyện Phù Cừ lấy vật liệu dựng trường này.

*Trường học huyện Duyên Hà*: ở phía nam huyện lị, năm Tự Đức thứ 2, bỏ trường này và dời sang huyện Hưng Nhân, đến năm thứ 4, lại dựng ở chỗ cũ.

*Trường học huyện Tiên Lữ*: ở phía đông huyện lị, dựng năm Minh Mệnh thứ 5, năm thứ 17, dời đến xã Nễ Châu, năm Tự Đức thứ nhất lại dời về chỗ cũ.

www.thuvien247.net

## HỘ KHẨU

Năm Minh Mệnh thứ 12, số đinh 16.604 người, nay 16.730 người.

## THUẾ RUỘNG

Ruộng đất gồm 200.796 mẫu. Ngạch thuế 145.517 hộp thóc, 119.650 quan tiền, 7.036 lạng bạc.

## NÚI SÔNG

*Núi Bình Đẩu*: núi đất, ở phía nam huyện Tiên Lữ, lớn và tròn như hình cái đấu. Núi này là nơi du thưởng về tiết trùng cửu và chỗ tránh lụt. Theo *Công dư Tiệp kí*[1] thì cuối đời nhà Hồ, người Minh xâm lấn nước ta (1406-1427), đóng quân ở đây, bấy giờ trong xã (Đào Đặng) có người tên là Ả Đào[2] lập mưu nhử quân Minh chui vào túi mà ngủ, rồi nhân lúc chúng ngủ, Ả Đào đem quăng xuống sông. Người Minh thấy số quân ngày một ít dần, bèn đắp đất thành hình cái đấu để ao quân, nên núi này gọi tên là Bình Đẩu.

*Sông Xích Đằng*: ở cách huyện Đông Yên 2 dặm về phía tây, tức là hạ lưu sông Nhị. Nước sông

---

[1] *Công dư Tiệp kí*: tác giả là Vũ Phương Đề, người xã Mộ Trạch (Hải Dương), biên soạn năm Cảnh Hưng thứ 16 (1755).

[2] Ả Đào, có thể hiểu là một người con gái tên hoặc họ là Đào; cũng có thể hiểu là con gái làng Đào Đặng; lại cũng có thể hiểu là một người con gái làm nghề xướng hát

www.thuvien247.net

chảy qua trước mặt tỉnh lị, đổ xuống cửa sông Luộc. Bản triều, năm Tự Đức thứ 3, liệt vào hàng sông lớn, chép vào điển thờ.

*Sông Luộc:* theo *An Nam chí*, thì sông này có tên là sông Phổ Đà, cũng gọi là sông Đà Lỗ, ở cách huyện Hưng Nhân 7 dặm về phía tây bắc, do phân chi sông Xích Đằng chảy về phía đông, qua phía bắc huyện Hưng Nhân và phía nam huyện Tiên Lữ 25 dặm, quanh co qua sông Hải Triều, gọi là cửa Hải Triều, rồi hợp lưu chảy xuống sông Nông Giang. *Sử* chép chỗ này tức là chỗ Trần Khát Chân bắn giết được chúa Chiêm Thành Chế Bồng Nga.

*Sông Nông*: có tên nữa là sông Ngọc Cầu, ở cách huyện Duyên Hà 5 dặm về phía bắc, tức là hạ lưu sông Hải Triều, đến đây thì sông chia thành hai chi: một chi chảy về phía đông qua địa phận hai huyện Duyên Hà và Phù Cừ 5 dặm, đến Kênh Đào lại chia ra một chi là sông Hy Hà, lại chảy 3 dặm đến ngã ba bến Biện, rồi chảy vào sông Thanh Xuyên tỉnh Hải Dương, đó là dòng chính; một chi chảy về phía nam, qua địa phận Duyên Hà 15 dặm, đến xã Hoàng Mĩ chảy qua các kênh Cổ Quán và Nam Lỗ thuộc huyện Thần Khê, gồm 43 dặm, rồi chảy vào địa phận huyện Đông Quan tỉnh Nam Định làm sông Phấn Toái, lại chảy 29 dặm đến xã Trần Hoài huyện Thanh Quan rồi vào sông Côn, đây là

www.thuvien247.net

dòng nhánh của sông Nông. *Xét*: sông này, về địa phận huyện Duyên Hà, gọi tên là sông Đa Cương, lại có tên nữa là Long Khê. Ngày trước, một đêm vua Trần khi chưa làm vua đi đến đây, không có thuyền sang chợt thấy một nhịp cầu bắc ngang, khi đã qua, quay nhìn lại thì không thấy cầu đâu cả, vì thế khi lên làm vua đổi tên làm sông Long Khê, để ghi nhớ. Khúc sông từ Long Khê chảy về phía đông xuống địa phận huyện Đông Quan, thì có một tên gọi là sông Giáng.

*Ngã ba Kênh Đào*: ở cách huyện Duyên Hà 3 dặm về phía đông bắc, từ sông Nông chảy đến đây thì phân lưu, qua các xã Duyên Nông và Hy Hà gồm 10 dặm, rồi quay về phía đông chảy vào địa phận huyện Quỳnh Côi tỉnh Nam Định, gọi là sông Hy Hà.

*Sông Tử Dương*: ở phía đông bắc huyện Đông Yên nguồn từ sông Nghĩa Trụ huyện Văn Giang tỉnh Bắc Ninh chảy vào, nên cũng gọi là sông Nghĩa Trụ. Sông chia làm hai chi: một chi chảy về phía đông vào phía bắc xã Than Khê, huyện Thiên Thi 9 dặm làm sông Hoan Ái, lại chảy 18 dặm làm sông Thổ Hoàng, cũng gọi là sông Quãng Lãng; một chi chảy về phía nam qua địa hạt huyện Kim Động 22 dặm, đến cầu sông Trương Xá huyện Đông Yên, rồi chuyển sang phía đông bắc 19 dặm, hợp với sông

www.thuvien247.net

Thổ Hoàng huyện Thiên Thi, chảy qua các xã Văn Nhuệ và Đa Lộc 27 dặm, đến sông Quang Liệt huyện Phù Cừ, hợp với sông Cửu Yên, đổ vào sông Văn Trương huyện Thanh Miện tỉnh Hải Dương. Sông Quang Liệt chảy về phía nam 20 dặm, đến ngã ba bến Biện hợp với sông Nông, đoạn này gần đây đã thành cạn hẹp.

*Sông Cửu Yên cũ*: ở huyện Đông Yên, nước từ sông Xích Đằng chảy về phía đông, qua các sông Vĩnh Đồng và Bằng Ngang huyện Kim Động, gồm 40 dặm, chảy vào sông Than Khê huyện Thiên Thi, lại đào thẳng 6 dặm hợp với sông Quang Liệt huyện Phù Cừ, đổ vào sông Văn Trương huyện Thanh Miện. Năm Minh Mệnh thứ 16 mới đào sang phía đông để nhẹ bớt thế nước sông Nhị; năm thứ 17 đúc cửu đỉnh, khắc hình tượng vào Nghị đỉnh; từ đấy trở đi riêng các huyện phủ Khoái Châu bị tai hại; năm Thiệu Trị thứ 2, đắp lấp cửa sông nên nước này đã cạn dần.

*Sông Bằng Ngang*: ở huyện Kim Động, nước từ sông Cửu Yên cũ chảy về phía nam 30 dặm, đến các xã Thiện Phiến và Triều Dương huyện Tiên Lữ, có tên nữa là sông Càn Đà, đổ vào sông Luộc; hạ lưu sông này đã cạn hẹp, thành rộng sâu.

*Sông Than Khê*: ở huyện Thiên Thi, có hai chi: một chi chảy về phía bắc 8 dặm đổ vào sông Luộc;

www.thuvien247.net

một chi chảy về phía nam thành khe nhỏ, qua các huyện Phù Cừ và Tiên Lữ 32 dặm, đến cửa kênh Mai Xá rồi đổ vào sông Nông.

*Sông Đông Yên cũ*: nguồn từ sông Kim Ngưu huyện Văn Giang tỉnh Bắc Ninh chảy quanh co vào địa phận các tổng Khoá Nhu, Bình Dân, Yên Cảnh, Yên Lịch và Đại Quan. Trước kia, thông với sông Xích Đằng, nay đã bị bồi lấp.

*Khe huyện Duyên Hà*: một chi từ sông Nông Giang xã Đông Quynh, chia chảy về phía tây 8 dặm, đến kênh Na chảy vào sông Hy Hà; một chi từ sông Nông xã Đan Hội chia chảy về phía nam 30 dặm, đến địa phận xã Tiến Trật huyện Thần Khê, rồi chảy vào sông Nông Giang.

*Kênh Đông Hàn*: ở phía đông nam huyện Duyên Hà chảy qua địa phận xã Thượng Ngạn, rồi hợp với kênh Thái Thư.

*Kênh Thái Thư*: ở phía tây bắc huyện Hưng Nhân, nguồn từ sông Luộc chia ra, chảy qua các xã Hải Triều, Thuỵ Vân, Mĩ Xá, Như Thuỷ và Khuông Phu thuộc huyện hạt, đến xã Phúc Hải chia làm hai chi: một chi chảy qua các xã Đồng Tu và Cổ Sách huyện Duyên Hà xã Thượng Ngạn thì hợp với kênh Đồng Hàn, chảy vào cửa kênh Tỉnh Xuyên huyện Thư Trì tỉnh Nam Định, rồi chảy vào sông Hộ; một

www.thuvien247.net

chi chảy về phía đông làm sông Am Lộng, đến địa phận thôn Đãn Chàng xã Yên Xá, rồi chảy vào Nông Giang, tục gọi là kênh Đại Đế.

*Sông Nam Lỗ*: ở huyện Thần Khê, một đường chảy về phía nam đổ vào sông Hộ thuộc huyện Vũ Tiên tỉnh Nam Định.

*Hồ Bán Nguyệt*: ở phía tây huyện Kim Động, rộng chừng 3 mẫu, như hình cánh cung.

## CỔ TÍCH

*Chằm Nhất Dạ*: ở địa phận huyện Đông Yên, gần bãi Tự Nhiên thuộc huyện Thượng Phúc tỉnh Hà Nội. Chằm này bao bọc địa phận các xã thuộc các tổng Mễ Sở, Khoá Nhu, Bình Dân, Yên Vĩnh, Yên Cảnh, Yên Lịch, Đại Quan và Đông Kết, nay thành ruộng sâu, trong địa bạ đều chép là "xứ Dạ Trạch".

*Xét*: *Lĩnh nam trích quái*: Hùng Vương đem quân đánh Chử Đồng Tử và Tiên Dung, đóng ở bãi Tự Nhiên, bãi này với chỗ Chử Đồng Tử và Tiên Dung ở còn cách con sông Cái, mà trời đã tối nên chưa kịp tiến quân. Nửa đêm chợt có gió to mưa lớn; chỗ Chử Đồng Tử và Tiên Dung ở, nhà cửa dân cư và gà chó trong khoảng chốc lát bay đi hết cả, đất ấy bị xoáy thành chằm lớn. Sau người ta nhân đấy lập đền thờ, gọi là "Dạ Trạch", và gọi bãi ấy là bãi "Mạn Trù". *Việt sử ngoại kỉ* chép chằm

www.thuvien247.net

này ở quận Châu Diên, bao la quanh co không biết bao nhiêu dặm, cây cối um tùm, ở giữa có nền đất có thể ở được, bốn mặt bùn lầy sâu trũng, người ngựa khó qua lại được, chỉ dùng thuyền độc mộc đi trên nước cỏ, nhỡ sa xuống nước thì bị rắn hoặc thuồng luồng làm hại ngay. Trước kia Triệu Việt Vương Quang Phục chống nhau với Trần Bá Tiện, đóng quân trong chằm này, thường đánh bại quân Lương, người trong nước gọi là Dạ Trạch Vương.

*Bãi Đà Mạc*: tức sông Thiên Mạc, là chỗ Chử Đồng Tử, gặp Tiên Dung, bây giờ là bãi Mạn Trù. *Sử* chép đời Trần Nhân Tông, Trần Bình Trọng đánh nhau với quân Nguyên ở đây. Nay huyện Đông Yên có xã Mạn Trù Châu.

*Cung cũ Hiến Nam*: ở địa phận xã Nhân Dục huyện Kim Động, là lị sở trấn Sơn Nam đời Lê, phàm người nước ngoài đến buôn bán thì tụ tập ở đây, gọi là Vạn Lai Triều, phong vật phồn thịnh, nhà ngói như bát úp, Đại đô hội ở Bắc Kì chỉ có Thăng Long và đây mà thôi, cho nên mới có câu "Thứ nhất Kinh kì, thứ nhì Phố Hiến". Nay thì không được như trước nữa.

*Cửa Hàm Tử quan*: ở địa phận xã Hàm Tử huyện Đông Yên: Trần Quang Khải có câu thơ: "Cầm hồ Hàm Tử quan". (Cửa Hàm Tử bắt thù), tức là chỗ này.

www.thuvien247.net

*Luỹ cũ nhà Mạc*: ở phía đông bắc huyện Duyên Hà, trên từ xã Canh Nông, dưới đến xã Đông Quynh. Tương truyền nhà Mạc bị nhà Lê đánh bại, đắp thành để chống cự, một đêm công việc làm xong, nhân dân quá nửa bị què tay gãy chân. Nay còn nền cũ.

## CỬA QUAN VÀ TẤN SỞ

*Cửa quan Mễ Sở*: một cửa quan chính ở địa phận xã Mễ Sở huyện Đông Yên. Trước kia ở địa phận xã Lãnh Trì huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Nội, năm Minh Mệnh thứ 5, mới dời đến chỗ hiện nay. Hai cửa quan phụ, một ở xã Đằng Châu, huyện Kim Động, một ở xã Lạc Tràng huyện Kim Bảng (Hà Nội).

*Bảo Mễ Sở*: ở cách huyện Đông Yên 5 dặm về phía tây, trên giáp địa đầu tỉnh Bắc Ninh, dưới giáp sông Nhị, có lính canh giữ.

## NHÀ TRẠM

*Trạm Yên Xá*: ở địa phận xã Yên Xá, huyện Duyên Hà, phía nam đến trạm Nam Hoàng tỉnh Nam Định 33 dặm, phía đông đến trạm Đông Bổng tỉnh Hải Dương 22 dặm, phía tây bắc đến trạm Hà Xuyên tỉnh Hà Nội 16 dặm.

## CHỢ VÀ PHỐ

*Phố Bắc Hoà thượng và hạ*: đều ở phía tây nam huyện Kim Động. Đời Lê, Vạn Lai Triều và dinh

www.thuvien247.net

Hiến Nam đều ở đây; hai phố này nhà ngói như bát úp, là nơi người Trung Quốc tụ hội buôn bán. Lại có phố Nam Hoà, người Trung Quốc ở, đối diện với phố Bắc Hoà.

*Chợ Nhân Dục*: ở huyện Kim Động, là chợ lớn nhất trong tỉnh hạt. Lại có chợ *Xích Đằng* giáp bờ sông Nhị.

*Chợ Yên Vĩ*: ở gần huyện lị Đông Yên, phần nhiều bán hoá vật. Lại có chợ *Phu Yên*, ở huyện Đông Yên, phố xá đông đúc.

*Chợ Đình Cao*: ở gần huyện lị Phù Cừ. Lại có chợ *Quang Lệ*, giáp huyện Thanh Miện tỉnh Hải Dương.

*Chợ Mão Cầu*: ở lị sở cũ huyện Thiên Thi. Lại có chợ *Dã Cầu*, ở huyện Thiên Thi.

*Chợ Quán Xá*: ở lị sở cũ huyện Thần Khê. Lại có chợ *Đô Cả* ở huyện Thần Khê, buôn bán tấp nập, hoá vật chứa chất, là chợ lớn trong huyện.

*Chợ Hiến Nạp*: ở huyện Duyên Hà, buôn bán tấp nập, là chợ lớn trong huyện.

*Chợ Mĩ Xá*: ở huyện Hưng Nhân.

*Chợ Đào Đặng*: ở gần huyện lị Tiên Lữ. Lại có chợ *Thuỵ Lôi* (tục gọi chợ Xuôi), buôn bán đông đúc, là chợ có tiếng trong tỉnh.

www.thuvien247.net

## CẦU ĐÒ

*Cầu Lực Điền*: còn gọi là cầu Huống ở huyện Đông Yên, giáp xã Đạo Khê huyện Đường Hào tỉnh Hải Dương. Cầu bắc ngang sông nhỏ Tử Dương.

*Cầu Trương Xá*: ở huyện Đông Yên.

*Cầu Bằng Ngang*: ở huyện Kim Động, bắc ngang sông Cửu Yên cũ.

*Cầu Thanh Cù*: ở huyện Kim Động, bắc ngang khe nhỏ Bằng Ngang.

*Cầu Đông Lỗ*: ở huyện Kim Động, còn gọi là cầu Sùng.

*Cầu Lỗi Khê*: ở huyện Kim Động, có chợ.

*Cầu Phú Mĩ*: còn gọi là cầu Tràng, ở huyện Phù Cừ, gần chợ.

*Cầu Quang Lệ*: ở huyện Phù Cừ, gần chợ.

*Cầu Đông Các*: ở huyện Phù Cừ, bắc qua sông Thần Khê.

*Cầu Dã Cầu*: còn gọi là cầu Hầu, ở huyện Thiên Thi, giáp xã Đường Hào Trung huyện Đường Hào tỉnh Hải Dương.

*Cầu Thổ Hoàng*: còn gọi là cầu Bông, ở huyện Thiên Thi.

www.thuvien247.net

*Cầu Đa Lộc*: còn gọi là cầu Bộc, ở huyện Thiên Thi.

*Cầu Đào Đặng*: ở huyện Tiên Lữ.

*Cầu Mai Xá*: ở huyện Tiên Lữ.

*Cầu An Bài*: còn gọi là cầu Bùi, ở huyện Thần Khê.

*Cầu Gia Cấp*: ở huyện Thần Khê, bắc qua kênh Nam Lỗ.

*Cầu Đồng Hàn*: ở huyện Duyên Hà, bắc qua thượng lưu kênh Đồng Hàn.

*Cầu Lập Bái*: ở huyện Duyên Hà, bắc qua kênh Đại Thư.

*Cầu Hiến Nạp*: ở huyện Duyên Hà, bắc qua hạ lưu kênh Đồng Hàn.

*Cầu Đan Hội*: ở huyện Duyên Hà, bắc qua bến kênh Bang.

*Bến Xích Đằng*: có 4 bến đò: đò dọc *Kệ Châu*, đò *Quan Xuyên*, đò *Nhân Dục*, đò *Phương Trà*.

*Bến đò Biện*: ở huyện Phù Cừ.

*Bến Thiên Thi*: ở huyện Thiên Thi.

*Bến Yên Nghiệp*: ở huyện Hưng Nhân.

*Bến Hiệu Vũ*: ở huyện Hưng Nhân.

www.thuvien247.net

*Bến Đan Hội*: ở huyện Duyên Hà.

*Bến Lập Lễ*: ở huyện Duyên Hà.

*Bến Canh Nông*: ở huyện Duyên Hà.

*Bến Tuy Lai*: ở huyện Duyên Hà, có đường quan đi qua.

*Bến Hoành Mĩ*: ở huyện Duyên Hà.

*Bến Cổ Quán*: ở huyện Thần Khê.

*Bến Duyên Tục*: ở huyện Thần Khê.

*Bến Phú Điền*: còn gọi là bến Phan ở huyện Thần Khê.

*Bến Hoàng Nông*: ở huyện Thần Khê.

*Bến Phú Vinh*: còn gọi là bến Cao ở huyện Thần Khê.

*Bến Đô Kì*: ở huyện Thần Khê.

*Bến Tạ Xá*: ở huyện Thần Khê.

*Bến Tiến Trật*: ở huyện Thần Khê.

## ĐƯỜNG ĐÊ

*Đê sông Xích Đằng*: tức hữu ngạn sông Nhị. Đường đê từ bắc sang nam, đi qua địa phận 5 huyện trong tỉnh, dài 13.385 trượng linh. Huyện Đông Yên trước đắp 2.700 trượng, đến đời Gia Long đắp 1.755

www.thuvien247.net

trượng, đời Minh Mệnh đắp 1.485 trượng. Huyện Kim Động trước đắp 2.565 trượng, đến đời Gia Long đắp 810 trượng. Huyện Tiên Lữ trước đắp 1.620 trượng. Huyện Hưng Nhân trước đắp 2.430 trượng. Huyện Duyên Hà trước đắp 17 trượng.

*Đê sông Luộc*: phía nam thuộc địa phận huyện Hưng Nhân, phía bắc thuộc địa phận hai huyện Tiên Lữ và Phù Cừ. Đường đê từ tây sang đông, đi qua địa phận 3 huyện, dài 8.370 trượng. Huyện Tiên Lữ trước đắp 1.315 trượng. Huyện Hưng Nhân trước đắp 3.645 trượng, đến đời Gia Long đắp 207 trượng, đời Minh Mệnh đắp 1.215 trượng. Huyện Phù Cừ đắp 2.025 trượng.

## LĂNG MỘ

*Mộ tổ nhà Trần*: ở xã Thái Đường huyện Hưng Nhân. Nguyên tiên tổ nhà Trần làm nghề chài cá, có thầy địa lí phương Bắc sang nước ta tìm đất để mộ cho tiên tổ Nguyễn Cố, người xã Tây Vệ. Nguyễn Cố đem lòng bội bạc trói thầy địa lí quăng xuống sông, may gặp lúc thuỷ triều xuống, nên thầy không chết. Trần Công đang đánh cá, thấy người kêu gọi, liền đến cởi trói cho và hỏi duyên cớ. Thầy địa lí đem việc bị hãm hại bày tỏ và nói: "Tôi đội ơn cứu vớt được sống lại, xin tìm một cát địa để báo ơn". Do đấy thầy địa lí giúp Trần Công tìm

www.thuvien247.net

đất để mộ tổ ở đây. Kiểu đất là "phấn đại dương giao chiếu, liên hoa đối diện sinh, tha nhật dĩa sắc đắc thiên hạ". Nghĩa là phấn son cùng chiếu dọi, trước mặt nở hoa sen, sau này có người do nhan sắc mà lấy được thiên hạ, quả nhiên cháu ba đời của Trần Công là Trần Cảnh được Lý Chiêu Hoàng truyền ngôi cho. Từ đấy, mỗi khi con cháu thầy địa lí này sang nước ta, đều được vua Trần hậu đãi, nhưng về sau sự đãi ngộ mỗi ngày một kém, họ bèn mượn cớ phong thuỷ đào từ xã Phú Vật quanh đến xã Thái Đường, thành ra cơ nghiệp nhà Trần từ đấy bị suy. Chỗ đất này trước có bia ghi sự việc, loạn Tây Sơn, bia ấy bị phá, chỉ còn lại con rùa đá đội bia mà thôi.

*Lăng Lê Tương Dực Đế*: ở xã Bùi Xá, huyện Hưng Nhân. Bản triều năm Minh Mệnh thứ 21 xây lại và dựng bia.

*Lăng Lê Cung đế*[1]: ở xã Mĩ Xá, huyện Hưng Nhân. *Sử* chép điện Quang Hiếu thờ Tương Dực đế và điện Thừa Hưu thờ Cung đế, đều ở địa phận xã này. Bản triều năm Minh Mệnh thứ 21 đều xây lại và dựng bia.

---

[1] Cung Đế: cũng gọi Cung Hoàng, tức Hoàng Đệ Xuân, niên hiệu Thống Nguyên (1522 – 1527), cuối cùng bị Mạc Đăng Doanh giết.

www.thuvien247.net

## ĐỀN MIẾU

*Đàn Xã Tắc*: ở phía tây bắc tỉnh thành, dựng năm Minh Mệnh thứ 20.

*Văn Miếu*: ở phía tây bắc tỉnh thành, thuộc địa phận xã Xích Đằng. Dựng năm Minh Mệnh thứ 20. Đền Khải Thánh ở bên hữu Văn Miếu.

*Đàn Tiên Nông*: ở phía đông tỉnh thành, dựng năm Minh Mệnh thứ 21.

*Miếu Hội Đồng*: ở phía tây nam tỉnh thành thuộc địa phận thôn Hương Dương, dựng năm Minh Mệnh thứ 20.

*Miếu Thành Hoàng*: ở phía nam tỉnh thành, dựng năm Thiệu Trị thứ nhất.

*Đàn Sơn Xuyên*: ở phía đông tỉnh thành, dựng năm Tự Đức thứ 5.

*Miếu Lê Đại Hành hoàng đế*: ở huyện Thần Khê.

*Miếu Lê Tương Dực đế*: ở huyện Hưng Nhân.

*Miếu các vua đời nhà Trần*: ở huyện Hưng Nhân.

*Miếu Lê Cung Đế*: ở xã Mĩ Xá huyện Hưng Nhân. Có thuyết nói, Cung Đế đặt kinh thành lánh Mạc ở xã này, sau khi trung hưng, lập miếu để thờ.

www.thuvien247.net

*Văn từ Duyên Hà*: ở huyện Duyên Hà. Do Bảng nhãn Lê Quí Đôn và văn thân hàng huyện hội họp xây dựng. Bản triều, năm Minh Mệnh thứ 9, cho lưu lại để thờ.

*Miếu Lạc Long Quân*: ở huyện Kim Động.

*Đền Dạ Trạch vương*: ở huyện Đông Yên, thờ Triệu Việt Vương Quang Phục.

*Đền Lê Trung quốc vương*: ở huyện Tiên Lữ. Lê Đại Hành phong cho con là Kính[1] làm Trung Quốc Vương và cho thực ấp ở đây, sau khi chết dân xã lập miếu thờ.

*Đền Chử linh thần*: ở huyện Đông Yên thờ Chử Đồng Tử và Tiên Dung Công chúa.

*Đền Tiền Ngô vương và Hậu Ngô vương*: ở huyện Tiên Lữ, thờ Tiền Ngô Vương, Hậu Ngô Vương và Thiên Sách Vương[2] ở xứ Kê Lạc, nên lại có tên là đền Kê Lạc. Mộ tổ Ngô Vương táng ở đây, hiện ở trước đền.

---

[1] Theo *Việt sử thông giám cương mục*, thì Kính là con thứ chín của Lê Đại Hành, năm Hưng Thống thứ 4 (992) được phong tước Trung Quốc Vương đóng ở huyện Mạt Liên. Sách ấy lại chua: Mạt Liên tức huyện Tiên Lữ sau này.

[2] Tiền Ngô Vương là Ngô Vương Quyền, Hậu Ngô Vương là Ngô Xương Văn, Thiên Sách Vương là Ngô Xương Ngập, anh Xương Văn.

www.thuvien247.net

*Đền Phạm Sứ quân*: ở huyện Kim Động. Thần họ Phạm, tên là Phòng Ất, một trong mười hai Sứ quân, chiếm cứ Châu Đằng. Sau đem quân đầu hàng nhà Đinh, được phong làm Thân vệ Tướng quân. Sau khi chết hiển linh ở đây, dân sở tại lập đền thờ. Lý Thái Tông đi tuần du, thuyền đến giữa khúc sông Đằng Châu gặp gió to mưa lớn, nhà vua mật đảo, chợt thấy một nửa sông thì mưa, một nửa thì nắng, nhà vua lấy làm lạ, hạ lệnh sửa sang đền để thờ. Đền ở ngoài đê, thường bị nước sông sói vào, người ta thấy như có xe ngựa quân lính phòng hộ, cho nên đoạn đê này tuy thấp mà nước sông không làm hại đến đền. Khoảng năm Thống Nguyên đời Lê Cung Đế, đổi lại dựng đền ở trên đê, lúc sắp dựng xong đền, một đêm huyện lại cùng thợ nằm ở dưới đê, nghe mang máng có tiếng mai cuốc, hình như có việc thổ mộc, sáng ngày ra xem, thì thấy đền đã chuyển vào phía tả đê độ 3 thước.

*Đền Nguyễn Sứ quân*: ở huyện Đông Yên. Thần họ Nguyễn tên là Siêu, một trong hàng mười hai Sứ quân, chiếm cứ Tây Phù Liệt, đánh nhau với Vua Đinh bị thua trận, cỡi ngựa cầm kiếm chết ở giang phận sông Bái, thi thể ba tháng không nát, nhan sắc như lúc còn sống, người ta cho là thần, chôn ở xứ Phù Sa xã này, nhân đấy lập đền thờ.

*Đền Nguyễn Khuông Tín*: ở huyện Đông Yên. Thần họ Nguyễn tên là Văn Lang, khai quốc công

www.thuvien247.net

thần nhà Lý, làm Tổng quản hành dinh đạo Bắc Giang, phong Khuông Tín hầu, sau khi chết, tặng Quận công, nhà Lê phong làm thượng đẳng thần, ban cho bốn chữ "Thiết khoán như tại"[1].

*Đền Lý Thái uý*: ở huyện Kim Động. Thần họ Lý tên là Thường Kiệt.

*Đền Lưu tiết đô sứ*: ở địa phận huyện Hưng Nhân. Thần họ Lưu, tên là Khánh Đàm, người thôn Yên Lãng quận Cửu Chân, đến trú ngụ tại huyện này, làm công thần nhà Lý. Sau khi chết, nhân dân lập đền thờ, có bia chí.

*Đền Tống Trạng nguyên*: ở xã Yên Cầu huyện Phù Cừ. Tương truyền thần họ Tống, tên là Trân, người xã này, không rõ về thời nào. Là người thông tuệ lạ thường, lúc 5, 6 tuổi đã hiểu Thi Thư và lục nghệ, 8 tuổi, thi đỗ Trạng nguyên, phụng mệnh sang sứ Bắc quốc; bị giữ lại 10 năm mới được về. Chết mộ táng ở hương này, được phong làm phúc thần. Các triều đều phong tặng, bản triều năm Thiệu Trị thứ 6 phong là Tuấn lương lượng trực chi thần.

---

[1] *Thiết khoán*: khoán ước khắc vào sắt, đời xưa dùng ban cho bầy tôi có công, để sau này nếu bản thân hoặc con cháu họ có phạm tội, thì họ được quyền đem khoán ước bằng sắt ấy ra để được ân xá. *Thiết khoán như tại*, ý nói dòng dõi Nguyễn Văn Lang vẫn được hưởng quyền lợi ghi trong thiết khoán như trước.

www.thuvien247.net

*Đền Phạm Trạng nguyên*: ở huyện Hưng Nhân. Thần họ Phạm, tên là Đôn Lê.

*Đền Dương Quí Phi nhà Tống*: ở thôn Hương Dương, huyện Kim Động. Tương truyền, khoảng đời Thiệu Bảo[1] có người nội thị ở triều đình Bắc Quốc, theo thuyền buôn của người châu Hoan ra đến khúc sông thuộc xã Xích Đằng lắm nhà ở trên bãi cát lại dựng một gian đền, thờ Dương Thị là Quí phi nhà Tống, cầu đảo thường được linh ứng. Từ đấy người đến tụ họp mỗi ngày một đông thành một thôn xóm, lập thành thôn Hoa Dương, đền miếu được sửa sang thêm rộng rãi đẹp đẽ. Một hôm, người nội thị họp người trong thôn nói rằng: "Tôi là thái giám nhà Tống, năm Tường Hưng thứ nhất (1278) theo Bính hoàng đế nhà Đại Tống chạy ra bãi biển, bị Hoàng Phạm nhà Nguyên đuổi sát, đế Bính cùng thái hậu phi tần đều nhảy xuống biển tự vận. Tôi nhảy sang một chiếc thuyền chài mới được thoát thân, lưu lạc đến bãi biển Chà Bàn[2], hơn một năm trời. Một hôm, tôi nằm mộng thấy Thái hậu Dương Thị cùng em là Quí phi và Mĩ nhân là Kim Thị và Liễu Thị từ trong biển bước ra, tôi đi vội đến trước mặt sụp lạy. Thái hậu bảo tôi rằng:

---

[1] Thiệu Bảo: (1279 – 1284), niên hiệu đời Trần Nhân Tông.

[2] Thuộc tỉnh Bình Định.

www.thuvien247.net

"Chị em ta sau khi nhảy xuống biển, thượng đế khen là người trinh liệt, phong cho làm hải thần các cửa biển ở châu Hoan và Sơn Nam đều thuộc chị em ta quản lãnh. Ông là tôi con bản triều, nay lưu lạc đất khách quê người, nên đến cửa Cờn ở châu Hoan thăm hỏi một lần, rồi lại đến chỗ thượng lưu là Đằng Giang, hạ lưu là Hoàng Giang ở huyện Kim Động thuộc Khoái Châu trấn Sơn Nam mà phụng thờ quí phi, chỗ ấy non nước thanh tú, sau này người nước ta đến đấy tụ họp không phải là ít, nhân vật đông đúc thịnh vượng, hậu thân ông cũng được nương tựa lâu đời". Lúc tội tỉnh giấc, chợt có thuyền buôn đi Hoan Châu buôn bán, nhân đấy tôi đáp thuyền ấy đến cửa Cờn, đã thấy một ngôi đền mới dựng ở phía tây bắc cửa biển. Tôi rảo đến trước cửa đền vừa lạy vừa khóc, người bản thổ nghe tiếng, kéo đến hỏi chuyện, tôi nói rõ lai lịch duyên do, người bản thổ vui lòng cấp cho hành lí và thuê cho một chiếc thuyền cho tôi đến trú ngụ ở đây. Vì thế tôi đặt tên thôn là Hoa Dương. Chữ "Hoa" chỉ người Trung Hoa, chữ "Dương" là họ của quí phi. Nội thị nói xong, người trong thôn đều lấy làm lạ. Sau người nội thị không ốm đau gì mà chết, người thôn dựng ngôi đền riêng để thờ. Còn đền quí phi, thì các triều đều có phong tặng. Thôn Hoa Dương sau đổi tên là Hương Dương.

www.thuvien247.net

*Đền Lý Thái Tông hoàng hậu*: ở huyện Phù Cừ, sự tích xem *Hải Dương tỉnh chí*.

*Đền Tiết Phụ*: ở huyện Kim Động. Tiết Phụ họ Từ tên là Nhị Khanh con gái viên quan tên là Từ Đạt, người xã Phấn Trì huyện ấy, lấy chồng là Trọng Quì, con trai viên Thiêm sự Từ Lập Ngôn, nhà ở phường Đồng Xuân, thành Thăng Long. Nhị Khanh về nhà chồng chưa được bao lâu thì Từ Lập Ngôn bổ đi Thái thú ở Nghệ An, Trọng Quì đi theo, Nhị Khanh thì ở nhà chồng. Sau đó mấy năm, Lập Ngôn chết ở nơi làm quan, Trọng Quì luông tuồng rượu chè cờ bạc, túi rỗng không còn đồng nào, tay trắng trở về. Nhị Khanh hỏi chuyện, Trọng Quì nói rõ nguyên do, Trọng Quì vẫn giữ thói cũ không chừa, hằng ngày cùng Đỗ Tam là lái buôn xã Từ Ô huyện Thanh Miện đánh bạc, Nhị Khanh than khóc can ngăn, Trọng Quì vẫn không nghe. Một hôm, Đỗ Tam đặt tiền hàng trăm vạn, Trọng Quì vì nghèo, không có tiền đặt, bèn đem Nhị Khanh làm vốn đặt cược, Trọng Quì đánh ba tiếng thua cả ba, bèn bắt Nhị Khanh về với Đỗ Tam. Nhị Khanh xin về nhà để cùng các con từ biệt, về đến nhà, xoa lưng hai con và nói: "Cha các con là người bạc tình, không thể trông cậy được, mẹ chết cũng không khó khăn gì, chỉ thương các con mà thôi". Nói xong, bèn thắt cổ tự tử. Sau Trọng Quì về Bắc phủ (nay

www.thuvien247.net

là Hưng Hoá) tìm bạn để vay mượn, giữa đường buồn ngủ, bèn ngủ tạm ở dưới gốc cây đan phòng, nghe như có tiếng ở không trung nói: "Đấy có phải Phùng Lang không? Hôm nào đó đến đền Trưng Vương sẽ hội kiến". Trọng Quì lấy làm lạ, theo như kì hẹn, đến đền Trưng Vương, nằm trên tấm ván nát giường cầu, đến trống canh ba, chợt nghe từ đằng xa có tiếng khóc dần dần đến gần, khi đến trước mặt, nhận kĩ thì là Nhị Khanh. Trọng Quì hỏi đầu đuôi, Nhị Khanh nói: "Sau khi thiếp chết, thượng đế thương là người khổ tiết, hạ chỉ gia ân, hiện nay hầu hạ nghiêm từ, giữ công việc sớ tấu; hôm trước đi làm mưa, tạm thời làm kinh giấc ngủ của chàng, nếu không thế, thì không bao giờ gặp nhau được". Trọng Quì tự nhận tội lỗi, Nhị Khanh nói: "Thiếp thường hầu hạ ở đền, được nghe các vị thần nói, vận mệnh nhà Hồ đã hết, năm Bính Tuất sẽ nổ việc binh đao, có chân nhân họ Lê từ phương tây nam ra dẹp loạn, chàng cố khuyên dạy hai con bền lòng theo họ Lê, thì thiếp dầu chết mà danh tiếng vẫn không nát". Nói xong biến mất. Trọng Quì tỉnh giấc, từ đấy không lấy vợ nữa, nuôi dưỡng hai con trưởng thành, đến lúc Lê Thái Tổ khởi nghĩa ở Lam Sơn, hai người con đem quân đi theo làm quan đến chức thị nội. Nay còn có con cháu ở Khoái Châu (xét tờ tư của tỉnh Hưng Yên thì đến này,

www.thuvien247.net

nay ở thôn Nguyên, xã Bình Lăng, huyện Thiên Thi, có lẽ sau này người ta mới dời đến đây chăng).

## CHÙA QUÁN

*Chùa Chuông*: ở huyện Kim Động, nhà cửa rộng rãi trang nghiêm, có tiếng là nơi danh thắng.

*Chùa Thuỵ Ứng*: ở huyện Tiên Lữ, do Giới Quốc công nhà tiền Lê xây dựng, gần chùa có chợ, nhà cửa liền nhau, hàng hoá la liệt.

*Chùa Báo Quốc*: ở huyện Hưng Nhân. Đời Lý, em Lưu Khánh Đàm là Lưu Ba, đánh tan quân Tống ở sông Phú Lương, khi kéo quân về được thăng Thái phó tước Quốc công. Đến lúc tuổi già, Lưu Ba dựng chùa ở trong xã, vua Lý cho tên là chùa Báo Quốc, có dựng bia, nay vẫn còn.

*Chùa Kim Phụ*: ở huyện Duyên Hà, lại gọi là chùa cổ. Chỗ này bốn mặt bằng phẳng rộng rãi, nổi bật lên nắm đống đất, chùa dựng ở giữa, phong cảnh cũng đẹp.

*Chùa Đế Thích*: ở huyện Thiên Thi. Tục truyền mồng 9 tháng Giêng là ngày Đế Thích đản sinh, hôm ấy trai gái đem hương hoa đến chùa cầu đảo. Kẻ đi người lại lũ lượt, thường được linh ứng, là chùa thiêng nhất trong huyện. Sự tích chép rõ ở *Hải Dương tỉnh chí*.

www.thuvien247.net

## NHÂN VẬT

*ĐỜI TRẦN*

*Nguyễn Trung Ngạn*: tự là Giới Hiên, người Thiên Thi, năm 12 tuổi, sung Thái học sinh, năm 16 tuổi đỗ Hoàng giáp khoa Giáp Thìn đời Hưng Long[1] nhà Trần. Phụng mệnh đi sứ sang nước Nguyên, lại theo (Trần Hiến Tông) đi đánh Ai Lao, mài sườn núi ghi chiến công. Khi về triều, kiêm tri Quốc sử quán, trông nom việc biên soạn *Quốc sử*. Trải thờ năm triều vua, bàn luận tâu bày phần nhiều bổ ích, văn chương sự nghiệp nổi tiếng một thời. Nhiều lần làm Hành khiển kiêm tri Khu Mật viện sự, sung Kinh Diên Đại học sĩ, tước phong Thân Quốc công, hưởng thọ 82 tuổi. Trước tác có *Giới Hiên thi tập*.

*Trần Ngô Lang*: người huyện Đông Yên, làm Thái uý triều Trần Dụ Tông, khi Dụ Tông băng, Dương Nhật Lễ tiếm ngôi, con Minh Tông là Trang Định Vương Phủ sợ bị hoạ chạy tránh lên miền sông Đà, mật giao ước với em là Cung Tuyên Vương Kính dấy quân. Nhật Lễ tin dùng Ngô Lang, không biết rằng Ngô Lang đồng mưu với Trang Định Vương. Mỗi khi Nhật Lễ sai binh sĩ đi bắt Trang Định

[1] Tức năm Hưng Long thứ 12 (1304) triều Trần Anh Tông.

www.thuvien247.net

Vương, Ngô Lang dặn kín binh sĩ đi theo Trang Định Vương đừng trở về, vì thế mấy lần binh sĩ sai đi, đều không người nào trở về. Ngô Lang xin đi, Nhật Lễ không nghe. Trang Định Vương bèn đem quân từ Đà Giang về Kinh; khi xa giá đến Đông Bộ Đầu, Ngô Lang bảo Nhật Lễ mặc thường phục xuống thuyền đón rước. Nhật Lễ triệu Ngô Lang vào mạc phủ, sai người đánh chết. Sau triều đình nghe biết việc này, truy tặng nhập nội tư mã cho thuỵ là Trung Cần Á vương.

*ĐỜI LÊ*

*Đào Công Soạn*: người huyện Tiên Lữ, đầu đời Lê Thái Tổ thi sĩ tử ở Đông Đô, Công Soạn đỗ đầu, trước sau ba lần phụng mệnh đi sứ, đời Thái Hoà[1], làm quan đến Thượng thư Hành khiển; văn học chính sự nổi tiếng trong thời Lê sơ; hưởng thọ 78 tuổi.

*Vũ Lãm*: người huyện Kim Động, đỗ Chánh Tiến sĩ năm Đại Bảo thứ 3 (1442) từng làm Ngự tiền Học sĩ. Đời Lê Thánh Tông phụng mệnh bình thơ ngự chế.

*Phạm Đôn Lễ*: người huyện Hưng Nhân, di cư đến huyện Kim Anh, đỗ Trạng nguyên khoa Tân Sửu (1481) đời Hồng Đức, thi Hương, thi Hội và thi

[1] Thái Hòa: (1443 – 1453) niên hiệu Lê Nhân Tông.

www.thuvien247.net

Đình đều đỗ đầu, làm quan đến Thị lang, phụng mệnh sang sứ Bắc quốc, thấy dân Bắc quốc dệt chiếu, ông học được nghề dệt, về dạy người trong xã và trong tổng, nhiều người nhờ nghề ấy làm kế sinh nhai. Sau khi chết người ta nhớ công ơn, lập đền thờ. Bản triều có phong tặng.

*Nguyễn Nho Tôn*: người huyện Thiên Thi, đỗ đồng Tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1487) đời Hồng Đức. Lúc nhà Mạc tiếm vị, ông không chịu khuất phục.

*Nguyễn Dự*: người huyện Hưng Nhân, đỗ đồng Tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1508) đời Đoan Khánh. Đời Quang Thiệu, Mạc Đăng Dung bắt hiếp Chiêu Tông dời (đi Bảo Châu), Dự cùng Đô Ngự sử Đỗ Nhạc can ngăn, đều bị Đăng Dung giết.

*Nguyễn Đình Bái*: người huyện Đông Yên, đỗ đồng Tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1727) đời Bảo Thái. Đầu đời Cảnh Hưng làm Đốc đồng trấn Lạng Sơn, có thổ phỉ là bọn Yến Lộc và Toản Cơ quấy nhiễu cướp bóc, ông thân hành đốc quân đánh tan được, sau làm Đốc trấn Cao Bằng, rất được lòng dân. Bấy giờ có "giặc răng vàng" ở Thái Nguyên xâm lấn cướp bóc ba châu Quảng Uyên, Thượng Lang và Hạ Lang, ông đem quân tiến đánh, đóng ở chợ Vi Hoa huyện Cảm Hoá thuộc Thái Nguyên bị bệnh chết. Dân Cao Bằng tưởng nhớ công đức, lập đền thờ, nhiều lần được phong trung đẳng thần.

www.thuvien247.net

Đền thờ nay ở phía đông bắc tỉnh Cao Bằng, gọi là đền Thanh Trung. Con là Nguyễn Hương, đỗ đồng Tiến sĩ khoa Kỉ Sửu (1769) đời Cảnh Hưng, làm quan đến Thiên đô Ngự sử, hai lần đi trấn thủ Cao Bằng, khắc đá ghi công nghiệp của bố, bia ấy nay vẫn còn.

*Lê Quý Đôn*: người huyện Duyên Hà, đỗ Bảng nhãn đời Cảnh Hưng từ thi Hương đến thi Đình đều đỗ đầu, làm quan đến Đô ngự sử, sau ra trấn thủ Nghệ An thì chết truy tặng Công bộ Thượng thư. Đôn thông minh hơn đời, xem rộng các sách, trứ thuật rất nhiều, nhưng trải qua loạn lạc, đã mất mát một phần. Chỉ còn lại mấy bộ như *Lê triều thông sử*, *Phủ biên tạp lục*, *Quần thư khảo biện*, *Vân đài loại ngữ*, *Kiến văn tiểu lục*.

## LIỆT NỮ

### *ĐỜI NGUYỄN*

*Nguyễn Thị Quang*: người huyện Tiên Lữ, lúc 17 tuổi, lấy chồng là Nguyễn Châu, người cùng xã, mới được một năm thì chồng phải đi lính thú ở Thái Nguyên, mắc bệnh chết. Thị thân đến nơi chồng chết đem hài cốt về chôn, khi hết tang chồng, cha mẹ chồng cho về nhà để cải giá, thị tự thề giữ tiết đến chết. Có người yêu sắc, nhờ người dạm hỏi, cha mẹ đẻ ép thị cải giá, thị tự thắt cổ, gần chết,

www.thuvien247.net

sau cứu chữa được sống, từ đấy trọn đời giữ tiết, hiếu dưỡng cha mẹ chồng. Năm Tự Đức thứ nhất được biểu dương.

*Đoàn Thị Lưu*: người huyện Tiên Lữ, năm 18 tuổi lấy chồng là Chu Kế Tiến, người cùng xã, chưa được một năm thì chồng mắc bệnh chết, lúc ấy chị mới có mang, sau sinh một con gái. Trong khi để tang chồng, ngày đêm kêu khóc rất thảm, khi hết tang, có người yêu sắc nhờ người dạm hỏi, cha mẹ đẻ và cha mẹ chồng đánh lừa gả chồng cho thị, thị liền lấy móng tay chọc vào mắt, làm một mắt bị mù, trọn đời giữ tiết để thờ cha mẹ hai bên. Năm Tự Đức thứ nhất, được biểu dương.

*Nguyễn Thị Thông*: người huyện Duyên Hà, lấy chồng là Nguyễn Đình Nam, người cùng xã, 20 tuổi, không có con, ở goá cha mẹ bảo cải giá, thị lấy việc giữ tiết đến chết để phản đối. Từ đấy làm ăn siêng năng tằng tiện nên vật dụng đầy đủ. Năm Minh Mệnh thứ 14 gặp mất mùa, thị cúng 100 hộc thóc để chẩn cấp người nghèo, được ơn ban thưởng bốn tấm sa, năm Tự Đức thứ 2 được biểu dương.

## THỔ SẢN

*Bông, vải, mật, đường cát*: sản ở hai phố Bắc Hoà Thượng và Bắc Hoà Hạ huyện Kim Động.

www.thuvien247.net

*Cỏ bấc đèn*: sản ở hai xã Đông Xá và Xuân Lai huyện Đông Yên.

*Quạt lông*: huyện Kim Động sản xuất có văn hoa và khéo hơn tỉnh khác.

*Chiếu trơn*: xã Thanh Trào và xã Hải Trào huyện Hưng Nhân sản xuất tốt hơn cả.

*Cua đá*: ở huyện Kim Động, người làm ruộng đào được, lúc đầy cỏn động đậy, gặp gió và ánh sáng thì liền rắn lại.

*Thiết Lình*: hình như con lình mà mình dẹp và nhỏ.

*Cá xanh, rươi*: ở hai huyện Hưng Nhân và Duyên Hà.

*Quả nhãn, hồng*: ở huyện Đông Yên.

*Cá giống*: mỗi năm đến mùa hạ, ở sông Nhị cá đẻ trứng thành bọt trôi trên mặt nước, dân huyện Kim Động vớt lấy, đem về thả gây giống trong ao, họ biết phân biệt giống cá, không thả lẫn với nhau, sau mấy hôm nở thành cá nhỏ, đem bán làm giống; người ta mua để nuôi.

www.thuvien247.net

# ĐẠI NAM NHẤT THỐNG CHÍ

*QUYỂN XVI*

## TỈNH NAM ĐỊNH

Đông tây cách nhau 112 dặm, nam bắc cách nhau 84 dặm. Phía đông đến sông huyện Vĩnh Lại phủ Ninh Giang tỉnh Hải Dương 68 dặm, phía tây đến sông huyện Gia Viễn phủ Yên Khánh tỉnh Ninh Bình 44 dặm, phía nam đến biển 60 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Bình Lục phủ Lý Nhân tỉnh Hà Nội 24 dặm, phía đông nam đến cửa biển Trà Lý 27 dặm, phía tây nam đến cửa biển 66 dặm, phía đông bắc đến địa giới các huyện Hưng Nhân và Thần Khê phủ Tiên Hưng tỉnh Hưng Yên 12 dặm, phía tây bắc đến địa giới huyện Thanh Liêm tỉnh Hà Nội 38 dặm; từ tỉnh lị đến Kinh thành 1.019 dặm.

### PHÂN DÃ

Theo thiên văn, thuộc khu vực sao Dực, sao Chẩn; về tinh thứ sao Thuần Vĩ.

www.thuvien247.net

## DỰNG ĐẶT VÀ DIÊN CÁCH

Đời Hùng Vương xưa là bộ Lục Hải. Đời Tần thuộc Tượng Quận; đời Hán thuộc quận Giao Chỉ; đời Ngô thuộc châu Giao; đời Lương thuộc quận Ninh Hải; đời Tuỳ thuộc quận Giao Chỉ; đầu đời Đường đặt làm châu Tống, lại lệ châu Giao.

Nước ta đời Thái Bình nhà Đinh là đạo; đầu đời Ứng Thiên nhà Lê là lộ; đầu đời Thuận Thiên nhà Lý cũng theo như thế; đầu đời Thiên Ứng Chính Bình nhà Trần gọi là lộ Thiên Trường, sau lại chia làm 2 lộ Kiến Xương và An Tiên, lại đổi làm lộ Hoàng Giang và lộ Sơn Nam.

Thời thuộc Minh là các phủ Trấn Mạn, Phụng Hoá và Kiến Bình. *Thiên hạ quận quốc lợi bệnh thư* chép: Năm Minh Vĩnh Lạc thứ 5 bắt đầu đặt phủ Trấn Man (nguyên là phủ Tân Hưng đổi ra), lãnh 4 huyện là Tân Hoá (nguyên là huyện Ngự Thiên đổi ra), Duyên Hà, Cổ Lan và Thần Khê; phủ Kiến Bình (nguyên là phủ Kiến Hưng đổi ra) lãnh 4 huyện là Ý Yên, Yên Bản (nguyên là huyện Thiên Bản đổi ra), Đại Loan và Vọng Doanh (châu Tràng An mới đặt, lãnh 4 huyện); phủ Phụng Hoá (nguyên là phủ Thiên Trường đổi ra) lãnh 4 huyện là Mĩ Lộc, Tây Chân, Giao Thuỷ và Thuận Vi. Năm Minh Vĩnh Lạc thứ 13, trích hai huyện Đa Dực và

www.thuvien247.net

Thái Bình thuộc phủ Tân An cho lệ vào phủ Trấn Man, lại gồm huyện Hà Côi vào Đa Dực, huyện Tây Quan vào Thái Bình (hai huyện Hà Côi và Tây Quan là thuộc hạt của phủ Tây An), huyện Tân Hoá vào Duyên Hà, huyện Thần Khê vào Cổ Lan, huyện Bình Lập vào Yên Bản. Năm thứ 17, gồm hai huyện Vọng Doanh và Đại Loan vào Ý Yên, giáng phủ Phụng Hoá làm châu, 4 huyện lệ thuộc là Cổ Lan, Duyên Hà, Mĩ Lộc và Thuận Vi đều gồm vào bản châu, huyện Đa Dực vào Thái Bình, huyện Tây Chân vào Giao Thuỷ.

Đời Lê Thuận Thiên thuộc Nam đạo, năm Quang Thuận thứ 7, đặt làm Thiên Trường thừa tuyên, năm thứ 10 đổi làm Sơn Nam thừa tuyên. Đời Hồng Đức gọi là xứ Sơn Nam.

Đời Mạc lấy các phủ Thái Bình và Kiến Xương thuộc Sơn Nam đổi lệ vào Hải Dương. Đời Lê Quang Hưng trở lại như cũ; năm Cảnh Hưng thứ 2, đứng riêng làm lộ Sơn Nam Hạ lãnh các phủ Thiên Trường, Thái Bình, Nghĩa Hưng, Kiến Xương và Tiên Hưng. Đời Tây Sơn gọi là trấn Sơn Nam Hạ.

Bản triều, đầu đời Gia Long vẫn theo như thế. Năm Minh Mệnh thứ 3 đổi làm trấn Nam Định; năm thứ 10, đặt thêm huyện Tiền Hải; năm thứ 13 chia tỉnh hạt trích lấy các huyện Hưng Nhân, Duyên Hà

www.thuvien247.net

và Thần Khê đổi lệ vào tỉnh Hưng Yên, đem 4 phủ Thiên Trường, Nghĩa Hưng, Kiến Xương và Thái Bình và huyện Thanh Quan thuộc phủ Tiên Hưng làm tỉnh Nam Định, đặt chức Định – Yên tổng đốc coi cả hai tỉnh Nam Định và Hưng Yên, lại đặt hai ti bố chính và án sát ở Nam Định; đặt thêm các phân phủ Kiến Xương, Thái Bình và Thiên Trường; năm thứ 14, chia đất huyện Nam Chân mà đặt huyện Chân Ninh và đặt thêm phân phủ Nghĩa Hưng. Năm Tự Đức thứ 4, bỏ các phân phủ Thiên Trường và Kiến Xương, lại giảm bớt 4 viên huyện, huyện Mĩ Lộc kiêm nhiếp Thượng Nguyên, huyện Kiến Xương kiêm nhiếp Thư Trì, huyện Chân Định kiêm nhiếp Tiền Hải, huyện Thái Bình kiêm nhiếp Thuỵ Anh. Nay lãnh 4 phủ, 2 phân phủ và 18 huyện.

*Phủ Thiên Trường*: ở cách tỉnh thành 34 dặm về phía đông nam. Đông tây cách nhau 47 dặm, nam bắc cách nhau 69 dặm. Phía đông đến sông huyện Vũ Tiên phủ Kiến Xương 8 dặm, phía tây đến biển 39 dặm, phía nam đến cửa biển Ba Lạt 30 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Thiên Bản 39 dặm. Đời Hán, là đất quận Giao Chỉ. Đời Lý gọi là Hải Thanh. Đời Trần Thái Tông đổi là Thiên Thanh (theo *Lĩnh nam trích quái*); Trần Thánh Tông đổi là Thiên Trường (*Sử* chép năm Thiệu Long thứ 5 (1262) đổi hương Tức Mặc làm phủ Thiên

www.thuvien247.net

Trường. Thời thuộc Minh đổi làm Phụng Hoá. Đời Lê trở lại tên hiện nay. Trước kia, lãnh 4 huyện; đến năm Minh Mệnh thứ 13, trích lấy 2 huyện Thượng Nguyên và Mĩ Lộc đặt làm phân phủ; năm thứ 14, chia đất huyện Nam Chân đặt thêm huyện Chân Ninh. Năm Tự Đức thứ 4, bỏ phân phủ. Nay lãnh 5 huyện.

*Huyện Giao Thuỷ*: đông tây cách nhau 15 dặm, nam bắc cách nhau 56 dặm. Phía đông đến sông huyện Vũ Tiên phủ Kiến Xương 8 dặm, phía tây đến địa giới hai huyện Nam Chân và Chân Ninh 7 dặm, phía nam đến cửa biển Ba Lạt 30 dặm, phía bắc đến địa giới hai huyện Thượng Nguyên và Mĩ Lộc 26 dặm. Thời thuộc Minh lệ vào phủ Phụng Hoá. Đời Lê Hồng Đức đổi thuộc phủ Thiên Trường kiêm lí. Nay lãnh 10 tổng, 110 xã thôn phường.

*Huyện Nam Chân*: ở cách phủ 14 dặm về phía tây bắc. Đông tây cách nhau 23 dặm, nam bắc cách nhau 15 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Giao Thuỷ 7 dặm, phía tây đến địa giới huyện Đại An, phủ Nghĩa Hưng 16 dặm, phía nam đến địa giới huyện Chân Ninh 4 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Thượng Nguyên 11 dặm. Thời thuộc Minh gọi là Tây Chân, thuộc phủ Phụng Hoá. Nhà Lê trung hưng, đổi tên hiện nay, thuộc phủ thống hạt. Nay lãnh 6 tổng, 60 xã thôn trang.

www.thuvien247.net

*Huyện Chân Ninh*: ở cách phủ 15 dặm về phía tây nam. Đông tây cách nhau 29 dặm, nam bắc cách nhau 40 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Giao Thuỷ 12 dặm, phía tây đến địa giới huyện Đại An phủ Nghĩa Hưng 17 dặm, phía nam đến biển 27 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Nam Chân 13 dặm. Nguyên là đất huyện Nam Chân, năm Minh Mệnh thứ 14 tách ra đặt huyện này. Lãnh 7 tổng, 62 xã thôn trang.

*Huyện Thượng Nguyên*: ở cách phủ 29 dặm về phía bắc. Đông tây cách nhau 12 dặm, nam bắc cách nhau 38 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Mĩ Lộc 4 dặm, phía tây đến địa giới huyện Thiên Bản phủ Nghĩa Hưng 8 dặm, phía nam đến địa giới huyện Nam Chân 20 dặm, phía bắc đến sông Nhị giáp địa giới 2 huyện Bình Lục và Nam Xang tỉnh Hà Nội 18 dặm. Đời Trần gọi là huyện Thượng Hiền. Nhà Lê trung hưng đổi tên gọi hiện nay. Nguyên do phủ thống hạt, năm Minh Mệnh thứ 13, đứng riêng làm phân phủ kiêm lí; năm Tự Đức thứ 4, bỏ phân phủ, do huyện Mĩ Lộc kiêm nhiếp. Lãnh 5 tổng, 47 xã thôn trang trại.

*Huyện Mĩ Lộc*: ở cách phủ 28 dặm về phía bắc. Đông tây cách nhau 16 dặm, nam bắc cách nhau 27 dặm. Phía đông đến biển giáp địa giới huyện Thư Trì phủ Kiến Xương 9 dặm, phía tây đến địa giới

www.thuvien247.net

huyện Thượng Nguyên 7 dặm, phía nam đến sông Nhị giáp địa giới huyện Thượng Nguyên 5 dặm, phía bắc đến sông Nhị giáp địa giới huyện Thượng Nguyên và địa giới huyện Nam Xang tỉnh Hà Nội 22 dặm. Thời thuộc Minh lệ vào phủ Phụng Hoá. Đời Lê Hồng Đức đổi lệ phủ Thiên Trường. Bản triều năm Minh Mệnh thứ 13 đứng riêng làm phân phủ thống hạt. Năm Tự Đức thứ 4, bỏ phân phủ, lại đặt tri huyện. Lãnh 7 tổng, 51 xã thôn trang.

*Phủ Kiến Xương*[1]: ở cách tỉnh thành 29 dặm về phía đông. Đông tây cách nhau 20 dặm, nam bắc cách nhau 42 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Đông Quan phủ Thái Bình 11 dặm linh, phía tây đến địa giới các huyện Giao Thuỷ, Thượng Nguyên và Mĩ Lộc phủ Thiên Trường 16 dặm, phía nam đến địa giới huyện Giao Thuỷ 20 dặm, phía bắc đến địa giới 2 huyện Duyên Hà và Thần Khê phủ Tiên Hưng tỉnh Hưng Yên 14 dặm. Thời thuộc Hán là đất quận Giao Chỉ. Đời Trần đặt làm phủ, Hồ Hán Thương đổi làm Kiến Ninh. Nhà Lê trở lại tên cũ, lãnh 3 huyện. Năm Minh Mệnh thứ 9 đặt thêm huyện Tiền Hải; năm thứ 12 chia tỉnh hạt, trích lấy huyện Thanh Quan thuộc phủ Tiên Hưng đổi lệ vào phủ này, năm thứ 13 trích lấy huyện Chân Định và Tiền Hải đặt

[1] Sau thuộc tỉnh Thái Bình.

www.thuvien247.net

làm phân phủ. Năm Tự Đức thứ 4 bỏ phân phủ, lại trích huyện Thanh Quan đổi lệ phủ Thái Bình. Nay lãnh 4 huyện.

*Huyện Vũ Tiên*[1]: đông tây cách nhau 10 dặm linh, nam bắc cách nhau 42 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Thanh Quan phủ Thái Bình 1 dặm linh, phía tây đến địa giới huyện Thư Trì 19 dặm, phía nam đến địa giới huyện Giao Thuỷ 38 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Thần Khê tỉnh Hưng Yên 14 dặm. Đặt từ đời Lê Hồng Đức, do phủ kiêm lí. Lãnh 7 tổng, 45 xã, trang, thôn, lí và giáp.

*Huyện Thư Trì*[2]: ở cách phủ 25 dặm về phía tây bắc. Đông tây cách nhau 15 dặm, nam bắc cách nhau 25 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Vũ Tiên 10 dặm, phía tây đến địa giới huyện Mĩ Lộc 5 dặm, phía nam đến địa giới huyện Thượng Nguyên 8 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Duyên Hà tỉnh Hưng Yên 12 dặm. Đời Lê đổi tên gọi hiện nay. Bản triều năm Tự Đức thứ 4, bỏ trị huyện đo phủ kiêm nhiếp. Lãnh 8 tổng, 63 xã thôn trang trại.

*Huyện Chân Định*[3]: ở cách phủ 11 dặm về phía nam. Đông tây cách nhau 34 dặm, nam bắc cách

---

(1) Sau thuộc tỉnh Thái Bình.

(2) Sau thuộc tỉnh Thái Bình.

(3) Sau thuộc tỉnh Thái Bình, do phủ Kiến Xương kiêm lí.

www.thuvien247.net

nhau 33 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Tiền Hải 29 dặm, phía tây đến địa giới huyện Vũ Tiên 5 dặm, phía nam đến địa giới huyện Giao Thuỷ phủ Thiên Trường 18 dặm, phía bắc đến huyện Thanh Quan phủ Thái Bình 15 dặm. Xưa là châu Đặng, sau đổi tên hiện nay. Năm Minh Mệnh thứ 13, đứng làm phân phủ kiêm lí. Năm Tự Đức thứ 4, bỏ phân phủ, đặt tri huyện. Lãnh 8 tổng, 49 xã thôn trang trại.

*Huyện Tiền Hải*[1]: ở cách phủ 29 dặm về phía nam. Đông tây cách nhau 18 dặm, nam bắc cách nhau 23 dặm. Phía đông đến cửa biển Trà Lý 10 dặm, phía tây đến địa giới huyện Chân Định 8 dặm, phía nam đến cửa biển Ba Lạt 18 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Thanh Quan phủ Thái Bình 5 dặm. Nguyên là đất hoang ven biển của hai huyện Chân Định và Giao Thuỷ, năm Minh Mệnh thứ 10 mới đặt huyện; năm thứ 13 đứng làm phân phủ thống hạt. Năm Tự Đức thứ 4 bỏ phân phủ do huyện Chân Định kiêm nhiếp lãnh 7 tổn, 47 ấp lí trại giáp.

*Phủ Nghĩa Hưng*: ở cách tỉnh thành 22 dặm về phía nam. Đông tây cách nhau 32 dặm, nam bắc cách nhau 72 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Mĩ Lộc phủ Thiên Trường 20 dặm, phía tây đến địa giới huyện Ý Yên thuộc phân phủ 12 dặm, phía

[1] Sau thuộc tỉnh Thái Bình.

www.thuvien247.net

nam đến cửa Liêu 45 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Thượng Nguyên phủ Thiên Trường 27 dặm. Đời Hán là đất quận Giao Chỉ. Nguyên trước là huyện Hiển Khánh (nay huyện Thiên Bản còn có tổng Hiển Khánh). Đời Lý đổi là huyện Ứng Phong. Đời Trần vẫn theo như thế, lại gọi là phủ Kiến Hưng. Thời thuộc Minh gọi là phủ Kiến Bình. Đời Lê Hồng Đức đổi tên hiện nay. Bản triều năm Minh Mệnh thứ 14 trích lấy hai huyện Ý Yên và Phong Doanh đặt làm phân phủ. Lãnh 2 huyện.

*Huyện Đại An*: đông tây cách nhau 33 dặm, nam bắc cách nhau 49 dặm. Phía đông đến sông huyện Nam Chân phủ Thiên Trường 16 dặm, phía tây đến địa giới huyện Phong Doanh 17 dặm, phía nam đến cửa Liêu 37 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Thiên Bản 12 dặm. Xưa là huyện Đại Ác, vì có cửa biển Đại Ác nên đặt tên thế, năm Minh Đạo thứ 3 nhà Lý đổi tên hiện nay. Thời thuộc Minh gọi là Đại Loan, thuộc phủ Kiến Bình. Đời Lê, trở lại tên cũ. Năm Gia Long thứ 2 đổi lệ Thanh Hoa ngoại trấn, năm thứ 5 trở lại như cũ, thuộc phủ thống hạt. Đầu đời Tự Đức do phủ kiêm lí. Lãnh 11 tổng, 72 xã thôn phường.

*Huyện Thiên Bản*: ở cách phủ 14 dặm về phía bắc. đông tây cách nhau 32 dặm, nam bắc cách nhau 38 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Mĩ Lộc

www.thuvien247.net

phủ Thiên Trường 20 dặm, phía tây đến địa giới huyện Ý Yên 12 dặm, phía nam đến địa giới huyện Đại An 10 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Thượng Nguyên phủ Thiên Trường 27 dặm. Tên huyện có từ đời xưa, thời thuộc Minh là huyện Yên Bản, thuộc phủ Kiến Bình. Đời Lê trở lại tên cũ. Nay thuộc phủ kiêm lí. Lãnh 10 tổng, 86 xã thôn phường trại.

*Phân phủ Nghĩa Hưng*: cách tỉnh thành 31 dặm về phía tây nam. Đông tây cách nhau 24 dặm, nam bắc cách nhau 31 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Thiên Bản 9 dặm; phía tây đến địa giới huyện Yên Khánh tỉnh Ninh Bình 15 dặm, phía nam đến địa giới huyện Đại An 19 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Thanh Liêm phủ Lý Nhân tỉnh Hà Nội 17 dặm. Phân phủ đặt từ năm Minh Mệnh thứ 14. Lãnh 2 huyện.

*Huyện Ý Yên*: đông tây cách nhau 21 dặm, nam bắc cách nhau 21 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Thiên Bản 9 dặm, phía tây đến sông giáp địa giới huyện Gia Viễn tỉnh Ninh Bình 12 dặm, phía nam đến địa giới huyện Phong Doanh 9 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Thanh Liêm tỉnh Hà Nội 12 dặm. Thời thuộc Minh lệ vào phủ Kiến Bình. Đời Lê Hồng Đức đổi lệ huyện hạt, nay thuộc phân phủ kiêm lí. Lãnh 6 tổng, 36 xã thôn.

www.thuvien247.net

*Huyện Phong Doanh*: ở cách phân phủ 15 dặm về phía nam. Đông tây cách nhau 17 dặm, nam bắc cách nhau 16 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Đại An 9 dặm, phía tây đến địa giới huyện Gia Viễn tỉnh Ninh Bình 8 dặm, phía nam đến địa giới huyện Yên Khánh 7 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Ý Yên 9 dặm. Xưa là huyện Kim Xuyên. Thời thuộc Minh đổi là huyện Vọng Doanh, lệ vào phủ Kiến Bình. Đời Lê Hồng Đức đổi lệ phủ hạt. Năm Gia Long thứ 2, đổi lệ Thanh Hoa ngoại trấn; năm thứ 5, trở lại như cũ. Năm Minh Mệnh thứ 3, đổi tên hiện nay. Lãnh 7 tổng 53 xã thôn trại.

*Phủ Thái Bình*[1]: ở cách tỉnh thành 51 dặm về phía đông bắc. Đông tây cách nhau 55 dặm, nam bắc cách nhau 16 dặm. Phía đông đến cửa biển Thái Bình 53 dặm, phía tây đến địa giới huyện Thần Khê phủ Tiên Hưng tỉnh Hưng Yên 12 dặm, phía nam đến sông huyện Chân Định phủ Kiến Xương 10 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Phụ Dực thuộc phân phủ 6 dặm. Đời Hán là đất quận Giao Chỉ. Đời Lý là hương Thái Bình. Đời Trần là lộ An Tiêm, đều là đất phủ Thái Bình, lệ vào phủ Trấn Man. Đời Lê Hồng Đức thăng làm phủ. Đời Tây Sơn đổi làm Thái Ninh. Bản triều, đầu đời Gia Long trở lại tên cũ

[1] Sau thuộc tỉnh Thái Bình, đổi tên làm Thái Ninh.

www.thuvien247.net

lãnh 4 huyện, năm Minh Mệnh thứ 13 trích lấy các huyện Phụ Dực và Quỳnh Côi đặt làm phân phủ. Năm Tự Đức thứ 4 đem huyện Thanh Quan phủ Kiến Xương lệ vào phủ này. Nay lãnh 3 huyện.

*Huyện Đông Quan*[1]: đông tây cách nhau 23 dặm, nam bắc cách nhau 14 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Thuỵ Anh 12 dặm, phía tây đến địa giới huyện Thần Khê tỉnh Hưng Yên 11 dặm, phía nam đến địa giới huyện Thanh Quan 8 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Phụ Dực 6 dặm. Thời thuộc Minh là huyện Cổ Lan, lệ vào phủ Trấn Man. Đời Lê Hồng Đức, đổi tên hiện nay, thuộc phủ kiêm lí. Lãnh 8 tổng, 55 xã thôn sở.

*Huyện Thuỵ Anh*[2]: ở cách phủ 18 dặm về phía đông. Đông tây cách nhau 30 dặm, nam bắc cách nhau 19 dặm. Phía đông đến cửa biển Thái Bình 18 dặm, phía tây đến địa giới 2 huyện Phụ Dực và Đông Quan 12 dặm, phía nam đến địa giới huyện Thanh Quan 6 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Vĩnh Bảo tỉnh Hải Dương 13 dặm. Huyện đặt từ đời Lê Hồng Đức. Bản triều, năm Tự Đức thứ 4 bỏ tri huyện, do phủ kiêm nhiếp. Lãnh 9 tổng, 59 xã thôn.

*Huyện Thanh Quan*[3]: ở cách phủ 7 dặm về phía nam. Đông tây cách nhau 28 dặm, nam bắc

---

(1), (2), (3) Sau thuộc tỉnh Thái Bình.

www.thuvien247.net

cách nhau 19 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Đông Quan 8 dặm, phía tây đến địa giới huyện Vũ Tiên phủ Kiến Xương và huyện Thần Khê tỉnh Hưng Yên 20 dặm, phía nam đến địa giới huyện Chân Định, phủ Kiến Xương 5 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Thần Khê thuộc tỉnh Hưng Yên 14 dặm. Từ đời Lê về trước gọi là huyện Thanh Lan. Bản triều, đầu đời Gia Long đổi tên hiện nay, thuộc phủ Tiên Hưng; năm Minh Mệnh thứ 13 đổi lệ phủ Kiến Xương; năm Tự Đức thứ 4 lại đổi thuộc phủ này thống hạt. Lãnh 10 tổng, 52 xã thôn trại.

*Phân phủ Thái Bình*[1]: ở cách tỉnh thành Nam Định 63 dặm về phía đông bắc; đông tây cách nhau 29 dặm, nam bắc cách nhau 32 dặm. Phía đông đến sông giáp địa giới huyện Vĩnh Bảo tỉnh Hải Dương 5 dặm, phía tây đến địa giới hai huyện Thần Khê và Duyên Hà tỉnh Hưng Yên 24 dặm, phía nam đến địa giới hai huyện Đông Quan và Thuỵ Anh 16 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Vĩnh Lại tỉnh Hải Dương 16 dặm. Phân phủ này đặt từ năm Minh Mệnh thứ 13, lãnh 2 huyện.

*Huyện Phụ Dực*[2]: đông tây cách nhau 10 dặm, nam bắc cách nhau 32 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Vĩnh Bảo tỉnh Hải Dương 5 dặm; phía tây đến địa giới huyện Quỳnh Côi 5 dặm, phía nam đến

---

(1) (2) Sau thuộc tỉnh Thái Bình.

www.thuvien247.net

địa giới 2 huyện Đông Quan và Thuỵ Anh 16 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Vĩnh Lại tỉnh Hải Dương 16 dặm. Thời thuộc Minh gọi là huyện Đa Dực phủ Trấn Man; đầu đời Lê đổi là Phù Dực; sau trung hưng đổi tên hiện nay. Nay do phân phủ kiêm lí, lãnh 6 tổng, 34 xã và thôn.

*Huyện Quỳnh Côi*[1]: ở cách phân phủ 14 dặm về phía tây. Đông tây cách nhau 19 dặm, nam bắc cách nhau 24 dặm. Phía đông đến địa giới 2 huyện Đông Quan và Phụ Dực 11 dặm, phía tây đến địa giới huyện Duyên Hà tỉnh Hưng Yên 8 dặm, phía nam đến địa giới huyện Thần Khê tỉnh Hưng Yên 11 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Vĩnh Lại tỉnh Hải Dương 13 dặm. Huyện đặt từ đời Lê Hồng Đức. Lãnh 6 tổng, 43 xã thôn.

## HÌNH THẾ

Phía đông sát tỉnh Hải Dương, phía tây sát tỉnh Ninh Bình, phía bắc giáp tỉnh Hà Nội, phía nam liền với biển. Địa thế bằng rộng, đồng ruộng màu mỡ. Núi cao thì núi Bảo Đài, núi Gôi và núi Hổ; sông lớn thì Hoàng Giang, Vị Hoàng, Cửa Liêu, cửa Lác và Bình Hải, có bảo lớn để chặn nơi xung yếu, cửa Ba Lạt, cửa Lận và Diêm hộ, có tấn thủ để giữ

[1] Sau thuộc tỉnh Thái Bình.

www.thuvien247.net

phòng. Còn như nơi đô hội thì ở cửa đông tỉnh thành, hàng chợ liên tiếp, buôn bán giao thông, thuyền bè tấp nập; dân đông mà của nhiều, thực là một khu giàu rộng, một trấn quan trọng của Bắc Kì.

## KHÍ HẬU

Khí hậu đại khái cũng như Hà Nội, khoảng hạ sang thu cũng lo nước lụt, nhưng vì ở vào hạ lưu nên thế lụt đã hoãn. Việc nông thì lúa cũng mỗi năm hai vụ: ruộng mùa cấy ít, cứ đến tiết mang chủng[1] mới gieo mạ, cấy lúa vào tháng 6 thu hoạch vào tháng 9, tháng 10; ruộng vụ chiêm có nhiều, cứ đến tiết sương giáng[2] mới gieo mạ, cấy lúa vào tháng Chạp hoặc đầu mùa xuân, thu hoạch vào tháng 4 tháng 5.

## PHONG TỤC

Trong toàn hạt sĩ nông có nhiều mà công thương cũng nhiều. Phụ nữ làm nghề chăn tằm dệt cửi. Phong tục đại khái cũng như Hà Nội, duy những người buôn bán ở tỉnh thành đều thích xa hoa, những nhà hào phú ở thôn quê, hay chiếm riêng ruộng công, gây nên kiện tụng. Đến như các thôn gần biển

---

[1] Mang chủng: trong vòng tháng 5 âm lịch, phỏng ngày 6, ngày 7 tháng 6 dương lịch.

[2] Sương giáng: trong vòng tháng 9 âm lịch, phỏn ngày 23, 24 tháng 10 dương lịch.

www.thuvien247.net

thì tập tục quê mùa, tiếng nói không được minh bạch, người ta gọi là "tiếng vùng bể"; nhân dân thì chăm chỉ làm ruộng, cũng có người làm nghề buôn bán, chỉ hám lợi mà ít chuộng nghĩa; lại có nhiều người mê tín đồng bóng và tả đạo. Người ta cứ 6, 7 tuổi đi học, lúc lớn thì bỏ học để ganh đua mối lợi, cho nên ít kẻ danh sĩ nổi tiếng và thành đạt. Đấy là phong thổ xui nên vậy.

## THÀNH TRÌ

*Thành tỉnh Nam Định*: chu vi 830 trượng 7 thước 3 tấc, cao 1 trượng 2 thước 2 tấc, mở 4 cửa, hào rộng 6 trượng, sâu 6 thước, ở địa phận 2 xã Tức Mặc và Năng Tĩnh huyện Mĩ Lộc, năm Gia Long thứ 3 đắp bằng đất, năm Minh Mệnh thứ 14 xây bằng gạch.

*Thành phủ Thiên Trường*: chu vi 129 trượng; cao 6 thước, mở 2 cửa, hào rộng 2 trượng 5 tấc, ở địa phận xã Tương Đông, huyện Giao Thuỷ; nguyên ở địa phận huyện Nam Chân, năm Gia Long thứ 7 dời đến địa phận xã Kênh Đào huyện Giao Thuỷ, năm Minh Mệnh thứ 14 dời đến chỗ hiện nay.

*Lị sở huyện Nam Chân*: ở xã Bách Tính.

*Lị sở huyện Chân Ninh*: ở thôn Nội xã Cát Chử.

www.thuvien247.net

*Lị sở huyện Thượng Nguyên*: ở xã Đặng Xá, trước ở xã An Tiêm, năm Minh Mệnh thứ 4, dời đến đây; năm thứ 13 đặt làm lị sở phân phủ, nay bỏ.

*Lị sở huyện Mỹ Lộc*: ở xã Đông Mặc, trước kia ở xã Hữu Bị, năm Gia Long thứ 15 dời đến chỗ hiện nay.

*Thành phủ Kiến Xương*: chu vi 271 trượng, cao 7 thước 2 tấc, mở 3 cửa, hào rộng 2 trượng 5 thước ở xã Kì Bố huyện Vũ Tiên. Trước kia ở huyện Thư Trì, năm Gia Long thứ 7 dời đến địa phận 2 xã Kì Bố và Bồ Xuyên huyện Vũ Tiên, năm Minh Mệnh thứ 11 dời đến chỗ hiện nay.

*Lị sở huyện Thư Trì*: ở xã Thanh Xuân.

*Lị sở huyện Chân Định*: ở xã Động Trung dựng năm Gia Long thứ 7, năm Minh Mệnh thứ 13, đặt làm lị sở của phân phủ, nay lại làm lị sở của huyện.

*Lị sở huyện Tiền Hải*: ở ấp Ngoại Hoàng, đặt năm Thiệu Trị thứ 4, nay bỏ.

*Thành phủ Nghĩa Hưng*: chu vi 271 trượng 2 thước, cao 7 thước 2 tấc, mở 3 cửa, hào rộng 2 trượng 5 thước, ở xã Phù Sa huyện Đại An; trước kia ở 2 xã Mi Khôi và Gôi Sơn, năm Minh Mệnh thứ 11 dời đến địa phận 2 xã Thái La và Châu Bạc, năm Tự Đức thứ 7 dời đến chỗ hiện nay.

www.thuvien247.net

*Lị sở huyện Thiên Bản*: ở địa phận 2 xã Thái La và Châu Bạc, trước là lị sở của phủ, năm Tự Đức thứ 5, đổi làm lị sở của huyện.

*Lị sở phân phủ Nghĩa Hưng*: ở xã Lạc Chính, huyện Ý Yên; trước kia ở xã Vạn Điểm, năm Minh Mệnh thứ 6, dời đến chỗ hiện nay.

*Lị sở huyện Phong Doanh*: ở xã Thượng Động; trước kia ở xã Ngô Xá, năm Gia Long thứ 18, dời đến chỗ hiện nay.

*Thành phủ Thái Bình*: chu vi 271 trượng, cao 7 thước 2 tấc, mở 3 cửa, hào rộng 2 trượng 5 thước ở địa phận xã Kênh Lũ huyện Đông Quan; trước ở địa phận huyện Phụ Dực, năm Gia Long thứ 7 dời đến địa phận xã Đồng Kỉ, năm Minh Mệnh thứ 17 dời đến chỗ hiện nay.

*Lị sở huyện Thụy Anh*: ở xã Bao Hàm, đặt năm Gia Long thứ 10, nay bỏ.

*Lị sở huyện Thanh Quan*: ở xã Cổ Hội.

*Lị sở phân phủ Thái Bình*: ở xã Địa Linh huyện Phụ Dực, dựng năm Minh Mệnh thứ 16.

*Lị sở huyện Quỳnh Côi*: ở xã Lương Cụ.

*Trường thi*: chu vi 214 trượng, cao 5 thước, các viện đều lợp bằng ngói, gồm 21 toà nhà, ở địa

www.thuvien247.net

phận xã Năng Tĩnh về phía tây tỉnh thành, dựng năm Thiệu Trị thứ 5.

## TRƯỜNG HỌC

*Trường học tỉnh Nam Định*: ở phía tây ngoài tỉnh thành, dựng năm Minh Mệnh thứ 14.

*Trường học phủ Thiên Trường*: ở phía tây phủ thành, địa phận xã Tương Đồng, dựng năm Minh Mệnh thứ 18.

*Trường học huyện Chân Ninh*: phía bắc lị sở huyện, ở địa phận xã Cát Chử, dựng năm Minh Mệnh thứ 15.

*Trường học huyện Chân Định*: ở phía đông nam phủ thành, địa phận xã Động Trung, dựng năm Gia Long thứ 7.

*Trường học huyện Thiên* Bản: ở phía đông lị sở huyện, địa phận xã Thái La, năm Tự Đức thứ 7 dời phủ lị, đem trường học của phủ cũ làm trường học của huyện.

*Trường học huyện Nam Chân*: ở phía tây lị sở huyện, dựng năm Minh Mệnh thứ 7.

*Trường học huyện Mỹ Lộc*: ở phía tây lị sở huyện, dựng năm Tự Đức thứ 4.

*Trường học phủ Nghĩa Hưng*: ở phía đông phủ thành địa phận xã Phù Sa, dựng năm Tự Đức thứ 7.

www.thuvien247.net

*Trường học huyện Phong Doanh*: ở phía nam lị sở huyện, địa phận xã Thượng Động.

*Trường học phân phủ Nghĩa Hưng*: ở phía tây lị sở phân phủ, địa phận xã Lạc Chính, dựng năm Minh Mệnh thứ 6.

*Trường học huyện Thanh Quan*: ở phía đông lị sở huyện, địa phận xã Cổ Hội.

*Trường học phủ Kiến Xương*: ở phía nam phủ thành, địa phận xã Kì Bố, dựng năm Minh Mệnh thứ 17.

*Trường học huyện Quỳnh Côi*: ở phía đông lị sở huyện, địa phận xã Quỳnh Ngọc, dựng năm Thiệu Trị thứ 3.

*Trường học phủ Thái Bình*: ở phía đông phủ thành, địa phận xã Kênh Lũ, dựng năm Minh Mệnh thứ 17.

## HỘ KHẨU

Năm Minh Mệnh thứ nhất, có 58.003 người, nay 70.898 người.

## THUẾ RUỘNG

Ruộng đất 515.774 mẫu, ngạch thuế 470.712 hộc thóc, 236.489 quan tiền, 172 lạng bạc.

www.thuvien247.net

## NÚI SÔNG

*Núi Gôi*: ở phía tây nam huyện Thiên Bản, địa phận xã Minh Khôi, núi đất đột khởi, bên cạnh có chùa, có tên nữa là núi Tiên.

chúa nhà Trần.

*Núi Lê Xá*: ở phía tây bắc huyện Thiên Sơn, địa phận xã Lê Xá.

*Núi Kim Bảng*: ở phía tây huyện Thiên Bản, địa phận xã Kim Bảng.

*Núi Yên Thái*: ở phía tây huyện Thiên Bản, địa phận xã Yên Thái.

*Núi Trang Nghiêm*: ở phía bắc huyện Thiên Bản, địa phận xã Trang Nghiêm, tương truyền Lữ Gia bị quân Hán bắt được ở núi này[1].

*Núi Bảo Đài*: ở phía bắc huyện Phong Doanh, địa phận xã Động Mạc, phía hữu có bình phong, cảnh trí u nhã, phía trên có suối chảy quanh co,

---

[1] Lữ Gia: tướng nhà Triệu. Theo sử thì năm 111 trước Công nguyên, Lữ Gia cùng Vệ Dương Vương nhà Triệu giữ thành Phiên Ngu, bị quân nhà Hán đánh phá, Gia cùng Vương chạy ra biển, quân nhà Hán đuổi theo bắt được.

www.thuvien247.net

chảy xuống phía dưới có hồ, gần với chùa Cực Lạc, núi nước ưa nhau.

*Núi Yên Hoà*: ở phía tây nam huyện Ý Yên, địa phận xã Yên Hoà.

*Núi Ngô Xá*: ở phía đông bắc huyện Ý Yên, địa phận xã Ngô Xá.

*Núi Mai Cầu*: ở phía đông bắc huyện Ý Yên, địa phận xã Mai Cầu.

*Núi Phi Lai*: ở phía tây bắc huyện Ý Yên, địa phận xã Tử Mặc. Núi có hai ngọn, rừng núi âm u, có tên nữa là Chương Sơn. Các vua nhà Lý thường đến chơi, dựng chùa Phi Lai, vì thế cũng gọi tên núi là Phi Lai, trên núi có tháp đá, cũng là nơi phong cảnh đẹp

*

* *

*Ngã ba Hoàng Giang*: ở phía đông bắc tỉnh thành, nước từ sông Nhị xuống, đến địa phận xã Đại Hoàng thành ngã ba Hoàng Giang (ngã ba Vường), chảy về phía đông huyện Thư Trì, chia làm sông Hộ, lại chảy 12 dặm, qua địa phận hai huyện Mĩ Lộc và Thư Trì, một chi riêng về phía tây làm sông Vị Hoàng; lại chảy qua phía bắc huyện Giao Thuỷ gồm 28 dặm; lại một chi chảy về phía tây

www.thuvien247.net

nam làm thành sông Lác; lại chảy về phía đông bắc, qua phía nam huyện Chân Định, quanh co 43 dặm, rồi đổ ra cửa biển Ba Lạt - *Xét*: Ngã ba Vường nước sâu đến hơn 15 trượng, so với các sông khác là mực nước sâu hơn cả, bờ phía nam có đền Thuỷ Tiên. Ngạn ngữ có câu: "Nhất cao là núi Tản Viên, nhất sâu là nước Thuỷ Tiên linh từ". Lại chỗ này nước chảy rất xiết, thuyền bè qua đây, thường lo sợ. Ngạn ngữ có câu: "Mười hai cửa bể, phải nể Tuần Vường". Bản triều năm Tự Đức thứ 3, liệt vào hàng sông lớn, chép vào điển thờ.

*Sông Hộ*: ở phía bắc huyện Thư Trì, nước từ sông Hoàng Giang phân lưu chảy về phía đông 56 dặm, qua phía đông huyện Vũ Tiên và phía tây huyện Thanh Quan đến lị sở phủ Kiến Xương, lại chảy 20 dặm đến sông Côi rồi hợp với chi lưu sông Nông tỉnh Hưng Yên, đổ ra cửa biển Trà Lý.

*Sông Côn*: ở phía đông nam huyện Thanh Quan, phía trên nhận nước sông Nông, sông Hộ, chảy 2 dặm, rồi chảy về phía đông, qua phía tây huyện Thanh Quan và phía đông huyện Chân Định, 24 dặm ở sông Trà Lý, lại chảy 14 dặm đổ ra cửa biển Trà Lý.

*Sông Vị Hoàng*: ở phía nam huyện Mĩ Lộc, nước do ngã ba Vường phân lưu chảy về phía tây từ

www.thuvien247.net

cửa kênh Phụ Long qua huyện hạt Mĩ Lộc và hai huyện Thiên Bản và Nam Chân gồm 39 dặm, hợp với sông Non Nước tỉnh Ninh Bình, từ đây thuận dòng chảy xuống phía nam, qua phía nam huyện Yên Khánh và huyện Đại An 13 dặm, đến Lịch Ngang chia thành một chi chảy ra cửa Lác, lại chảy 10 dặm rồi đổ ra cửa Liêu. Tương truyền cửa kênh Phụ Long, tức kênh Phù Lộng, từ chỗ này đến sông Vị Hoàng nguyên trước là đất bằng, chỉ có một con khe nhỏ chảy vào cầu Vĩnh Tế quanh đằng sau hương Tức Mặc, chảy qua cầu Gia Hoà ra cửa kênh Tiểu Cốc, rồi đổ vào sông An Tiêm. Đến cuối đời Trần vì lầm lẫn về địa lí, mới đào từ kênh Phụ Long xuống đến sông Vị Hoàng, dẫn nước đổ thẳng vào sông An Tiêm để chầu vào hương cũ Tức Mặc, làm đứt mất địa mạch, khiến cơ nghiệp nhà Trần suy sụp, cho nên ngạn ngữ nói: "Thử hỏi Tức Mặc, họ Trần mấy vương? Không đào kênh Lộng, ngàn thuở vững vàng!". Ý tiếc cho họ Trần bị thầy địa lý đánh lừa đến nỗi ngôi vua không bền. Sông này khi mới khai vừa nông vừa hẹp, bắc cầu bằng đá để qua, sau vì nước chảy xiết thành sâu rộng, nay vận tải đường biển đều do sông này để ra cửa Liêu.

*Sông Lác*: ở phía tây nam huyện Chân Ninh, nước từ ngã ba Đũng Nhuệ sông Giao Thuỷ chảy về phía nam, qua các sông Phương Để, Bắc Câu và

www.thuvien247.net

Quần Mông gồm 32 dặm, lại chảy 21 dặm hợp với nước ngã ba Trại ở cửa Lác, rồi chảy ra cửa Lác.

*Sông Hi Hà*: ở huyện Quỳnh Côi, từ ngã ba kênh đào sông Nông tỉnh Hưng Yên chia ra chảy qua địa phận 2 huyện Quỳnh Côi và Đông Quan thuộc tỉnh hạt 54 dặm, đến huyện Phụ Dực làm sông Đào Động, lại chảy qua các huyện Phụ Dực, Đông Quan và Thuỵ Anh gồm 64 dặm, rồi đổ ra cửa biển Diêm Hộ.

*Sông Thiên Phái*: ở huyện Ý Yên, nước từ sông Thanh Quyết tỉnh Ninh Bình chảy xuống, qua các sông Kênh Kệ, Dũng Quyết, Hoàng Đơn và Bộc Cô gồm 23 dặm, vào sông Non Nước, lại chảy qua sông Ngô Xá 33 dặm, rồi hợp với sông Độc Bộ đổ ra cửa Liêu, bờ bên hữu đều thuộc địa giới 2 huyện Gia Viễn và Yên Khánh tỉnh Ninh Bình. Xưa Lê Thánh Tông đi chơi Tây Kinh, khi trở về tập thuỷ chiến ở sông này. Tướng nhà Mạc cũng đóng quân ở đấy, chiếm cứ bến đò Đoan Vĩ.

*Sông Độc Bộ*: ở huyện Đại An, tức là hạ lưu của sông Vị Hoàng, hợp với ba ngọn nước tỉnh Ninh Bình rồi đổ ra cửa Liêu.

*Sông Ninh Giang*: ở phía bắc huyện Mĩ Lộc, nước từ sông Nhị chia ra chảy về phía tây, qua phía bắc huyện Thiên Bản 25 dặm, lại chuyển về phía

www.thuvien247.net

tây 18 dặm, đến sông xã Bình Điền huyện Ý Yên, chảy về phía tây 26 dặm, đến phường Thuỷ Cơ xã Dũng Quyết thì hợp với sông Thiên Phái.

*Sông Kênh Đào*: ở phía nam huyện Nam Chân, nước từ sông Giao Thuỷ chia ra chảy về phía tây bắc, bẻ qua các sông Lộ Xuyên, Phù Kim, Diên Lãng và Lạc Chính 36 dặm, vào huyện Đại An, lại chảy 18 dặm về phường Nhân Hậu xã Phù Sa, vào sông Độc Bộ.

## CỔ TÍCH

*Hành cung cũ nhà Trần*: ở xã Tức Mặc huyện Mĩ Lộc. *Sử* chép: Trần Thánh Tông năm Thiệu Long thứ 5 đổi hành cung Tức Mặc làm cung Trùng Quang. Sau các vua nhà Trần đã nhường ngôi thì đều đến ở đây, lại làm riêng một cung để tự quân ngự trong khi đến chầu Thượng hoàng, gọi là cung Trùng Hoa. Ở đây nước chảy quanh cung tường, trên bờ sực nức mùi hương, dưới nước thuyền bè đi lại; người ta cho là cảnh tiên. Nay bỏ.

*Đỉnh cũ Phổ Minh*: Nặng ngàn quân[1], ở chùa Phổ Minh huyện Mĩ Lộc. Tương truyền, đời Lý Thiền sư Dương Không Lộ học được pháp thần thông, sang triều đình Bắc Quốc khuyên giáo đồng

[1] Quân: trọng lượng 30 cân.

www.thuvien247.net

đỏ, vào kho đồng lấy được đầy túi mang về đúc thành đỉnh, nay đặt ở trước cửa chùa, tức là một trong "An Nam tứ khí"[1]. Lúc Lê Thái Tổ khởi binh, Vương Thông nhà Minh, bị thua ở trận Ninh Kiều, binh khí gần hết, bèn huỷ đỉnh này lấy đồng đúc súng đạn. Việc này chép trong Quốc Sử. Lại tháp cổ ở trước chùa Phổ Minh, cao 14 tầng, 2 tầng dưới xây bằng đá, 12 tầng trên xây bằng gạch, tất cả cao 5 trượng 3 thước, chân tháp xây vuông, bốn bề đều một trượng, bên cạnh có cột đá có buộc dây đồng để ràng lấy đỉnh tháp. Bài bia ở chùa Phổ Minh ghi rằng: "Cung điện nguy nga, đỉnh đồng nghìn quân trấn giữ; qui mô lộng lẫy, tháp Phật trăm thước dựng nên", đó là ghi sự thực. Bia dựng từ đời Lê Cảnh Trị[2]. Đến đời nhà Nguỵ Tây, có người xưng là Trấn Tức đem quân triệt hạ để lấy quả hồ lô bằng đồng ở trên đỉnh tháp và dây đồng ràng quanh quả hồ lô; khi phá đến tầng thứ 3, thì bỗng thấy một vật như hình tấm lụa đỏ ở trong cái hòm bằng đá bay vụt lên không, Trấn Túc lấy làm kinh sợ, bắt dân sở tại xây lại như cũ. Tương truyền từ sau khi đào sông Vị Hoàng, tháp này bị nghiêng, mà cơ nghiệp nhà Trần bị suy.

---

[1] An Nam tứ khí: đỉnh chùa Phổ Minh, Phật chùa Quỳnh Lâm, chuông Qui Điền và tháp Báo Chiên.

[2] Cảnh Trị: niên hiệu Lê Huyền Tông (1663-1671).

www.thuvien247.net

*Thành cũ Cổ Lộng*: ở phía tây bắc huyện Ý Yên địa phận hai xã Thọ Cách và Bình Cách, do người Minh đắp. Giản Định Đế nhà Trần đánh phá quân Minh ở bến Bô Cô, Mộc Thạnh phải chạy đến thành Cổ Lộng, hiện nay nền cũ vẫn còn, dân sở tại trồng trọt, thường bắt được kiếm cổ, có lẽ là binh khí của quân Minh còn sót lại. Bài thơ của Lê Quí Đôn có câu: "Hàng độc vũ dư canh cổ kiếm", nghĩa là tạnh mưa cày ruộng được gươm xưa, tức là ý ấy.

*Bến Bô Cô*: ở xã Bô Cô[1] huyện Phong Doanh, lại có tên nữa là sông Bộc Cô, nguyên là hạ lưu sông Thanh Quyết thuộc tỉnh Ninh Bình. *Sử* chép Giản Định Đế năm Hưng Khánh thứ 2, Đặng Tất đánh tan quân Minh ở bến Bô Cô, tức là chỗ này.

## CỬA QUAN VÀ TẤN SỞ

*Cửa quan Vạn Ninh*: một cửa chính ở xã Cam Đường cách huyện Thuỵ Anh 9 dặm về phía bắc một cửa nhánh ở xã Trà Lý cách huyện Chân Định 25 dặm về phía đông.

*Tấn cửa Liêu*: cửa Liêu ở địa phận các xã Quần Liêu và Hải Lãng huyện Đại An rộng 145 trượng, thuỷ triều lên sâu trên dưới 7 thước, thuỷ triều xuống sâu 1 thước 3 tấc, là cửa biển trọng yếu ở

[1] Xã Bô Cô nay đổi làm xã Hiếu Cô.

www.thuvien247.net

Bắc Kì. Theo Sử thì cửa biển này trước có tên là Đại Ác. Lý Thái Tông đổi cho gọi là Đại An, nhà Lê sau khi trung hưng, đặt tấn sở khi thuyền buôn đến đây, sai quan khâm thực rồi mới cho vào cửa. Bản triều, đời Gia Long, thuyền công chở vật hạng nặng đều vào từ đường này, sau vì cát bội lấp, thuyền ghe không thông.

*Tấn cửa Lác*: cửa Lác ở địa phận trại Lác Môn huyện Chân Ninh rộng 201 trượng, thuỷ triều lên sâu 5 thước 5 tấc, thuỷ triều xuống sâu 2 thước 2 tấc, cửa biển nông và hẹp, do viên quản tấn cửa Liêu kiêm lí.

*Tấn Ba Lạt*: cửa Ba Lạt ở địa phận xã Yên Hồi huyện Giao Thuỷ, rộng 146 trượng, thuỷ triều lên sâu 6 thước 5 tấc, thuỷ triều xuống sâu 2 thước 2 tấc. Bảo lợp ngói cũng như bảo Bình Hải, có 50 lính canh giữ.

*Tấn Trà Lý*: cửa Trà Lý ở địa phận xã Trà Lý huyện Chân Định, rộng 38 trượng, thuỷ triều lên sâu trên 5 thước; thuỷ triều xuống sâu 1 trượng 5 tấc; cửa biển nông và hẹp, do dân sở tại canh giữ (ba tấn dưới đây cũng thế).

*Tấn Diêm Hộ*: cửa Diêm Hộ ở địa phận xã Diêm Hộ, huyện Thuỵ Anh, rộng 92 trượng, thuỷ triều lên sâu trên dưới 7 thước, thuỷ triều xuống sâu 3 thước 8 tấc.

www.thuvien247.net

*Tấn cửa Lân*: cửa Lân ở địa phận huyện Giao Thuỷ, giáp giới huyện Tiền Hải rộng 15 trượng, thuỷ triều lên sâu 4 thước 5 tấc, thuỷ triều xuống sâu 9 tấc.

*Tấn cửa Lạn*: cửa Lạn ở địa phận huyện Chân Ninh, rộng 42 trượng, thuỷ triều lên sâu trên dưới 5 thước, thuỷ triều xuống sâu 1 thước 7 tấc.

*Bảo Bình Hải*: ở cửa Liêu địa phận xã Quần Liêu huyện Đại An; đời Gia Long vẫn đặt tấn sở như cũ; năm Minh Mệnh thứ 10 đặt tên bảo hiện nay, phái lính canh giữ; năm Thiệu Trị thứ 4 vì bảo cũ xa cửa biển, nên dời đến chỗ gần cửa biển hơn, cũng ở địa phận xã này, đắp hai bảo lớn, chung quanh đắp luỹ đất 80 trượng, bên trong dựng nhà ở cho quan quân, đều lợp bằng ngói, có một trăm biền binh đóng giữ. Lại ở phía đông và phía tây cửa biển đắp hai đồn bảo nhỏ: một ở phía đông tấn cửa Lác địa phận ấp Lạc Đạo huyện Chân Ninh, gọi là bảo nhánh Bình Hải Đông; một ở địa phận ấp Diên Đức huyện Kim Sơn tỉnh Ninh Bình, gọi là bảo nhánh Bình Hải Tây, mỗi bảo đều có 30 lính đóng và một viên quan quản cơ kiêm giữ việc tuần phòng tấn cửa Lác.

*Bảo Vị Lại*: ở địa phận hai xã Vị Khê và Yên Lại huyện Thư Trì, giáp giới phủ Tiên Hưng tỉnh Hưng Yên.

www.thuvien247.net

*Bảo Bình Cách*: ở huyện Ý Yên giáp giới huyện Thanh Liêm tỉnh Hà Nội.

## NHÀ TRẠM

*Trạm Nam Hoàng*: ở địa phận xã Vị Hoàng huyện Mĩ Lộc, phía đông đến trạm Yên Xá tỉnh Hưng Yên 33 dặm, phía bắc đến tỉnh Hà Nội, phía nam đến trạm Nam Đội 22 dặm linh 130 trượng.

*Trạm Nam Đội*: ở địa phận xã Đồng Đội huyện Thiên Bản; phía nam đến trạm Ninh Đa 24 dặm.

## CHỢ VÀ QUÁN

*Chợ Vị Hoàng*: có một tên nữa là chợ Vị Xuyên, ở phía đông huyện Mĩ Lộc thuộc địa phận xã Vị Hoàng buôn bán tấp nập, là chợ lớn trong tỉnh.

*Phố Vị Hoàng, phố Đồng Mặc, chợ Kim Lũ*: đều ở địa phận huyện Mĩ Lộc.

*Chợ phủ Thiên Trường*: ở lị sở phủ Thiên Trường, là một chợ lớn trong phủ.

*Chợ Lau, chợ Trà Trung, chợ Hà Lạn, chợ Trà Bắc, chợ Lạc Nghiệp, chợ Trà Hải, chợ Phú Yên, chợ Bồng Tiên*: đều ở huyện Giao Thuỷ.

*Chợ Yên, chợ Hành Quần, chợ Bách Tính, chợ Thần Lộ, chợ Quần Anh*: đều ở huyện Nam Chân.

*Chợ Hương Phấn*: ở huyện Thượng Nguyên.

www.thuvien247.net

*Chợ Côi Sơn*: ở lị sở phủ Nghĩa Hưng, địa phận xã Côi Sơn, là một chợ lớn trong phủ.

*Chợ Trần*: ở huyện Thiên Bản.

*Chợ Đồi*: ở huyện Đại An.

*Chợ Chuế Cầu*: *chợ Hoà*, *chợ Thanh Nê*: đều ở huyện Ý Yên.

*Chợ Vũ Xá*, *chợ Đô Quan*, *chợ Cát Đằng*, *chợ Hưng Xá*: đều ở huyện Phong Doanh.

*Chợ Kì Bố*: ở phía đông huyện Vũ Tiên, địa phận xã Kì Bố, là một chợ lớn trong phủ Kiến Xương.

*Chợ Mễ*, *chợ Thuận An*, *chợ Hội Khê*: đều ở huyện Vũ Tiên.

*Chợ Hà Nội*: ở huyện Thanh Quan.

*Chợ Bái*, *chợ Hoàng Quan*: đều ở huyện Đông Quan.

*Chợ Quán*: ở huyện Thư Trì.

*Chợ Trình Phố*, *chợ Sóc*, *chợ Đường Xâm*: đều ở huyện Chân Định.

*Chợ Diêm Hộ*: ở huyện Thuỵ Anh.

*Chợ Địa Linh*: ở huyện Phụ Dực.

*Chợ Yên Vệ*, *chợ Côi Ngọc*: đều ở huyện Quỳnh Côi.

www.thuvien247.net

## CẦU ĐÒ

*Bến Hữu Bị, bến Phong Lộc, bến Năng Tĩnh, bến Vũ Xá*: đều ở huyện Mĩ Lộc.

*Bến Bổng Điền, bến Hương Các*: đều ở huyện Thư Trì.

*Bến Thận Vi*: ở huyện Thượng Nguyên.

*Bến Trà Lý, bến Cổ Dũng, bến Cổ Tiết, bến Đồng Kỉ*: đều ở huyện Đông Quan.

*Bến Kì Bố, bến Minh Giám, bến Trà Vi*: đều ở huyện Vũ Tiên.

*Bến Trường Hoài*: ở huyện Thanh Quan.

*Bến Bất Nạo*: ở huyện Phụ Dực.

*Bến Đễ Đỗ, bến Mĩ Nhuệ, bến Ngọc Quế, bến Phố Trang*: đều ở huyện Quỳnh Côi.

*Bến Thọ Cách*: ở huyện Thuỵ Anh.

*Bến Đồng Kĩ, bến Thượng Nông, bến Đô Liệu*: đều ở huyện Nam Chân.

*Bến Cốc Thành, bến Đông Cao, bến Phù Sa, bến Vĩ Nhuế*: đều ở huyện Đại An.

*Bến Hiếu Cổ*: ở huyện Phong Doanh.

*Bến Bắc Câu, bến Trà Lạn, bến Trà Lũ, bến Hành Hà, bến Ba Lạt*: đều ở huyện Giao Thuỷ.

www.thuvien247.net

*Bến Cát Chử, bến Toàn Đê, bến Kiên Trung*: đều ở huyện Chân Ninh.

*Bến Luật Ngoại*: ở huyện Chân Định.

*Cầu Năng Tĩnh, cầu Vĩnh Tề, cầu Tức Mặc, cầu Địa Thứ, cầu Gia Hoà, cầu Vụ Bản, cầu Vị Phụ, cầu Mặc Linh, cầu Bộc Thôn*: đều ở huyện Mĩ Lộc.

*Cầu Từ Thôn, cầu Trung Quyên, cầu Tiểu Phấn, cầu Yên Nội*: đều ở huyện Thượng Nguyên.

*Cầu Dương Lai, cầu Tổ Cầu*: ở huyện Thiên Bản.

*Cầu Đồi Trung*: ở huyện Đại An.

*Cầu Đông Quan, cầu Ninh Xá, cầu Trịnh Xá*: ở huyện Phong Doanh.

*Cầu Quần Anh*: ở huyện Chân Định.

*Cầu Lương Xá, cầu An Sở*: ở huyện Phụ Dực.

*Cầu Ngọc Chi*: ở huyện Quỳnh Côi.

## ĐÊ ĐẬP

*Đê công sông Cái*: từ bắc sang nam chạy qua 4 huyện, dài 7.163 trượng 3 thước. Huyện Thượng Nguyên trước đắp 518 trượng 2 thước, năm Minh Mệnh thứ 6 đắp 550 trượng. Huyện Mĩ Lộc trước đắp 1.118 trượng, đời Gia Long đắp 1.527 trượng 1 thước, năm Minh Mệnh thứ 5, đắp 485 trượng 4

www.thuvien247.net

thước, năm thứ 6, đắp 455 trượng 8 thước, năm thứ 8, đắp 410 trượng 3 thước, năm thứ 18, đắp riêng đê mới 310 trượng 6 thước, năm Thiệu Trị thứ 4, đắp riêng đê mới 408 trượng, năm thứ 5, đắp riêng đê mới 160 trượng 7 thước. Huyện Thiên Bản đắp 346 trượng 5 thước, đều là đê cũ. Huyện Thư Trì đắp 972 trượng 7 thước, đều là đê cũ.

*Đê tư sông nhỏ*: ở phía bắc tỉnh thành, chạy qua 3 huyện, dài 8.921 trượng 6 thước; huyện Mĩ Lộc 3.199 trượng 2 thước; huyện Thiên Bản 5.100 trượng 2 thước 4 tấc; huyện Thượng Nguyên 620 trượng.

*Đê công ngăn nước mặn*: ở phía đông nam tỉnh thành, chạy qua 6 huyện, dài 12.266 trượng 6 thước. Huyện Vũ Tiên 230 trượng đều là đê cũ; huyện Chân Ninh trước đắp 1.547 trượng 2 thước, năm Minh Mệnh thứ 9 đắp 531 trượng 7 thước; huyện Thanh Quan 511 trượng; huyện Đông Quan 650 trượng 5 thước; huyện Thuỵ Anh 6.873 trượng 9 thước đều là đê cũ; huyện Giao Thuỷ 1.872 trượng 3 thước, đều mới đắp từ năm Thiệu Trị thứ 3.

*Đê tư ngăn nước mặn*: ở phía đông nam tỉnh thành, chạy qua 7 huyện, dài 35.030 trượng 2 thước: huyện Vũ Tiên 6.861 trượng; huyện Chân Định 7.618 trượng; huyện Thanh Quan 6.653 trượng 4 thước; huyện Đông Quan 9.004 trượng 7 thước;

www.thuvien247.net

huyện Quỳnh Côi 61 trượng; huyện Thuỵ Anh 2.384 trượng 9 thước; huyện Đại An 2.507 trượng 5 thước.

*Mỏm kè 5 đường*: đều ở bờ sông phía tả tỉnh thành: một đường dài 1 trượng 6 thước; một đường dài 6 trượng, một đường dài 10 trượng, đều tạo năm Minh Mệnh thứ 15, một đường dài 5 trượng 5 thước một đường dài 7 thước 5 tấc đều tạo năm Minh Mệnh thứ 16.

## ĐỀN MIẾU

*Đàn Tiên Nông*: ở phía nam tỉnh thành, dựng năm Minh Mệnh thứ 16.

*Đàn Sơn Xuyên*: ở phía đông tỉnh thành, dựng năm Tự Đức thứ 5.

*Đàn Xã Tắc*: ở phía tây tỉnh thành, dựng năm Minh Mệnh thứ 16.

*Văn Miếu*: ở phía tây tỉnh thành, dựng năm Minh Mệnh thứ 2 – *Đền Khải Thánh*: ở phía tây Văn Miếu.

*Miếu Hội Đồng*: ở phía bắc tỉnh thành, dựng năm Gia Long thứ 4.

*Miếu Thành Hoàng*: ở phía tây tỉnh thành, dựng năm Thiệu Trị thứ 3.

www.thuvien247.net

*Miếu Kì Phong*: ở bờ sông xã Thụ Ích huyện Đại An, dựng năm Minh Mệnh thứ 3.

*Đền Quan Thánh*: ở cửa nam tỉnh thành, do văn thân và võ biền trong tỉnh xây dựng từ năm Thiệu Trị thứ 2 có dựng bia. Lại có một ngôi đền nữa ở phía đông tỉnh thành, do xã Minh Hương thờ.

*Miếu Triệu Vũ vương*: các xã Thuỵ Lũng, Kim Khê và Mai Chử huyện Chân Định đều có miếu thờ. *Sử* chép vương họ Triệu huý là Đà, người phủ Chân Định[1] cuối đời Tần làm quan lệnh ở Long Xuyên[2] sau làm quan uý ở Nam Hải, nổi quân đánh Thục An Dương vương tự lập làm vua.

*Miếu Triệu Việt vương*: ở xã Độc Bộ thuộc huyện Đại An. 15 xã trong hạt đều có miếu thờ. Sự tích xem Hà Nội tỉnh chí.

*Miếu Tiền Lý Nam đế*: ở xã Hậu Tái huyện Thư Trì và xã Tử Đường huyện Thuỵ Anh đều có miếu thờ.

*Miếu Đinh Tiên Hoàng*: ở xã Dương Hồi huyện Đại An và xã Cát Đằng huyện Phong Doanh, đều có miếu thờ.

---

[1] Chân Định: một huyện ở Trung Quốc về thời nhà Hán vốn ở địa hạt tỉnh Trực Lệ, có lẽ người ta lầm với huyện Chân Định ở đây nên lập đền thờ Triệu Đà.

[2] Long Xuyên: huyện do nhà Tần đặt thuộc quận Nam Hải, bây giờ là huyện thuộc tỉnh Quảng Đông.

www.thuvien247.net

*Miếu Lê Đại Hành*: ở xã Phú Khê huyện Ý Yên.

*Miếu Lý Nhân Tông*: ở xã Hiển Khánh huyện Thiên Bản.

*Miếu Trần Thái Tông*: ở hai xã Trung Phù và Trình Xuyên huyện Thiên Bản.

*Miếu mười hai vua nhà Trần*: ở xã Tức Mặc huyện Mĩ Lộc. Bản triều, năm Minh Mệnh thứ 4, những miếu thờ lịch đại đế vương, như Thái Tông, Nhân Tông và Anh Tông, triều đình ban sắc cho miếu sở tại phụng thờ.

*Miếu Trần Nhân Tông*: ở xã Dưỡng Hối huyện Ý Yên. Trần Nhân Tông lúc tuổi già, nhường ngôi để qui y đạo Phật, dựng chùa ở đây, nên sau dân sở tại lập đền thờ.

*Miếu Trần Anh Tông*: ở xã Tu Cổ huyện Ý Yên.

*Đền Bố Cái đại vương*: ở các huyện Đại An, Thư Trì và Ý Yên đều có đền thờ.

*Đền Trần Minh Công*: ở xã Kì Bố và Bồ Xuyên huyện Vũ Tiên. *Sử* chép: Thần họ Trần, tên Lãm, tự là Minh Công. Cuối đời Ngô, Minh Công dấy binh, chiếm cứ cửa Bố Hải, là một trong hàng Thập nhị sứ quân – *Xét*: địa phận xã Kì Bố từ thời nhà Đinh trở về trước còn là cửa biển. Sử chép "cửa Bố Hải" tức là chỗ này.

www.thuvien247.net

*Đền Kiều Tam Chế*: ở các xã Kì Bố, Bồ Xuyên huyện Vũ Tiên và các xã Hợp Luật, Bái Dương huyện Nam Chân đều có đền thờ. *Sử* chép: Thần họ Kiều tên là Công Hãn, người Phong Châu, cuối đời Ngô chiếm cứ Hào Châu, Tần Châu và Phong Châu, xưng là "tam chế", tức là một trong hàng Thập nhị sứ quân. Sau khi Đinh Tiên Hoàng thống nhất, Kiều Công Hãn lánh về Trường Châu, đến An Lũng (địa phận Bái Dương và Hợp Luật bây giờ) thế bức phải tự tử. Sau đó thường hiển linh, nên người địa phương lập đền thờ. Khi Lê Đại Hành chống cự quân Tống, quân qua dưới đền, đêm mộng thấy thần xin giúp sức, sau đánh tan được quân Tống, hạ lệnh sửa sang đền miếu và ghi vào điển thờ. Đời Thái Ninh nhà Lý và đời Vĩnh Tộ nhà Lê đều có phong, bản triều cũng ban sắc.

*Đền Trần Hưng Đạo đại vương*: các xã Bảo Lộc, Đông Mặc, Thượng Lỗi huyện Mĩ Lộc và An Xuyên, A Sào, Vạn Đường, Hưng Nhượng, Yên Hiệp, Nam Lỗ huyện Phụ Dực, đều có đền thờ.

*Đền Phạm tướng quân*: hai xã Hữu Dụng và Hoàng Lão huyện Thiên Bản cũng thờ. Thần họ Phạm tên là Ngũ Lão.

*Đền Nguyễn Trạng nguyên*: ở xã Dương A huyện Thượng Nguyên. Thần họ Nguyễn, tên là Hiền.

www.thuvien247.net

*Đền Lê Bảng nhãn*: bốn xã Thượng Lao, Xối Tây, Xối Thượng và Xối Trì cùng thờ. Thần họ Lê, tên là Hiến Phủ. Sự tích xem *Hải Dương tỉnh chí*.

*Đền Lương Trạng nguyên*: ở xã Cao Hương, huyện Thiên Bản. Thần họ Lương, tên là Thế Vinh.

*Đền Lương Quận công*: ở xã Đông Biểu, huyện Phong Doanh. Thần họ Bùi, không rõ tên, người Quất Động, huyện Thượng Phúc tỉnh Hà Nội, đỗ khoa Tiến sĩ cuối đời Trần. Khoa thi này chưa kết thúc thì người Minh xâm lược, ông bèn ẩn náu trong rừng, sau theo Lê Thái Tổ khởi nghĩa, tham mưu việc quân. Đến lúc quân nhà Minh bị thua rút về, Lê Thái Tổ dâng biểu cầu phong, nhà Minh cố ý không cho, chỉ viết "Quyền thự An Nam quốc sự", đến đời Thiệu Bình, Lê Thái Tông sai ông đi sứ, nộp thuế công, đến Yên Kinh, viên quan bạn nhà Minh mời ông lên lầu xem Kinh Phật rồi cất thang đi, không cho ăn uống. Trên lầu chỉ có một pho tượng Phật, một bình nước trong và hai cái dù che mưa. Ông nghĩ tượng Phật không phải đặt khống, bèn lấy móng tay cạo xem thì thấy tượng nặn bằng bột mì. Ông liền ăn bột, uống nước, ngồi bình tĩnh xem kinh. Khi bột và nước đã hết, ông bèn mỗi tay cầm một cái dù, nhảy từ trên lầu xuống. Người Minh lấy làm kì, lên lầu hỏi tượng Phật đâu? Ông chỉ tay vào bụng nói: "Tâm tức Phật, Phật tức tâm". Người

www.thuvien247.net

Minh rất khen ngợi, hậu đãi và cho về, bèn phong Lê Thái Tông làm An Nam quốc vương. Vì có công đi sứ, ông được cho quốc tính, trải thăng đến Thị lang Công bộ, chết tặng Thượng thư, Thái bảo, Lương Quận công.

*Đền Đỗ Thượng thư*: ở xã Ngoại Lãng huyện Thư Trì. Thần họ Đỗ, tên là Oánh.

*Đền Quách Thượng thư*: hai xã Thiền Quan và Phú Uyên huyện Thạnh Quan cùng thờ. Thần họ Quách tên là Hữu Nghiêm.

*Đền thần Thuỷ Tế*: ở xã Kim Tung huyện Đại An. Đinh Tiên Hoàng sau khi đã dẹp được mười hai Sứ quân đi thuyền qua bến Kim Tung, thấy thần đứng trên mặt nước nói: "Tôi là Thuỷ Thần, xin hết sức giúp dập", nói xong biến mất. Tiên Hoàng lấy làm lạ, lập miếu thờ và phong thượng đẳng thần. Đến năm Thiệu Khánh thứ 2 đời Trần Nghệ Tông, Đại tướng là Vương Thông đi đánh Chiêm Thành, thần hiển linh giúp sức. Sau khi dẹp được giặc Chiêm Thành, sai sửa sang miếu và gia phong.

*Đền Thiên Hậu*: ở phía đông tỉnh thành, do xã Minh Hương thờ.

*Đền Triệu Vũ vương và Trình Hậu*: ở xã Đường Xâm, huyện Chân Định. Hậu người xã này,

www.thuvien247.net

là sinh mẫu của Trọng Thuỷ, trong huyện Chân Định có 10 nơi thờ[1].

*Đền Đại Càn Thánh Nương*: ở hai xã Diêm Hộ và Vạn Xuân huyện Thuỵ Anh. Sự tích chép ở *Nghệ An tỉnh chí*.

*Đền Liễu Hạnh phu nhân*: ở hai xã An Thái và Vân Cát huyện Vụ Bản. Phu nhân họ Lê, tương truyền là Vân Cát thần nữ, là thiên tiên giáng thế, thường hiển linh, các triều sắc phong thượng đẳng thần. Hàng năm cứ những ngày 7, 8 tháng 3, các xã hội tế đồng cốt các nơi lũ lượt đến dâng lễ, trai gái thôn quê ăn mặt lịch sự đến chơi xem, là thắng hội trong một vùng. Em gái thứ hai là Quỳnh Cung Duy Tiên phu nhân, em gái thứ ba là Quảng Cung Quế Anh phu nhân, đều được phong Trung đẳng thần.

*Đền Thiền Sư Không Lộ*: các xã Hành Thiện, Dũng Nhuệ, Hộ Xá, Tương Đông huyện Giao Thuỷ và xã Lộng Khê huyện Phụ Dực đều có đền thờ Thiền Sư họ Dương, hiệu là Không Lộ.

*Đền Thiền Sư Đạo Hạnh*: năm xã Chân Nguyên (trước là Chân Đàm), Vân Chàng, Kênh Lũng, Cẩm

---

[1] Cũng là do nhầm với huyện Chân Định ở Trung Quốc là quê của Triệu Đà với Chân Định ở đây mà nhiều nơi lập đền thờ Triệu Đà.

www.thuvien247.net

Nang và Gia Cẩm huyện Nam Chân, cùng thờ. Thiền Sư họ Từ tên là Lộ, tự là Đạo Hạnh, người xã Yên Lãng huyện Vĩnh Thuận tỉnh Hà Nội, lúc tuổi còn trẻ, thích đi chơi xa, khi đến xã Chân Nguyên, dựng chùa Đại Bi để trụ trì, sau dân sở tại tôn là tổ sư, nay còn di tượng. Sự tích chép ở *Hà Nội tỉnh chí*.

*Đền Thiền Sư Minh Không*: ở xã Cổ Đam, huyện Ý Yên. Thiền sư họ Nguyễn, tự là Chí Thành, người xã Đàm Xá huyện Gia Viễn tỉnh Ninh Bình. Sự tích chép ở *Ninh Bình tỉnh chí*.

## CHÙA QUÁN

*Chùa Thần Quang*: Trước là Nghiêm Quang, ở xã Dũng Nhuệ huyện Giao Thuỷ, qui mô rộng rãi, là nơi trụ trì của Dương Không Lộ, nay vẫn hiển linh, phàm cầu đảo về việc thuỷ hạn tai thương đều được nghiệm.

*Chùa Phổ Minh*: ở xã Tức Mặc, huyện Mĩ Lộc. *Sử* chép: năm Thiệu Long thứ 5 đời Trần Thánh Tông dựng chùa Phổ Minh ở phía tây cung Trùng Quang - *Lại xét*: Bia đá dựng từ đời Lê Cảnh Trị nói: "Lý gia triệu thuỷ, Trần thị trùng quang", nghĩa là nhà Lý bắt đầu xây dựng, nhà Trần sửa sang thêm. Thế thì chùa này không phải bắt đầu xây dựng từ nhà Trần.

www.thuvien247.net

*Chùa quán Đại Thánh*: ở xã Đệ Tứ huyện Mĩ Lộc, là hành cung thứ tư (đệ tứ hành cung) do nhà Trần xây dựng. Sau dân sở tại dùng chữ "Đệ tứ" làm tên xã, lại dựng chùa ở đây.

*Chùa Phúc Lâm*: ở xã Đồng Đại huyện Thư Trì, dựng từ đời Trần Duệ Tông, có tháp Ứng Thiên, giếng Hoành Hải, phong cảnh cũng đẹp. Nay trong chùa có tượng Phật, cầu ngói và giếng Hoằng Hải vẫn còn.

*Chùa Tiên Sơn*: ở sườn núi, xã Côi Sơn (núi Gôi) huyện Thiên Bản, cây cối um tùm, nhà cửa rộng rãi.

*Chùa Nộn Sơn*: ở xã Hổ Sơn huyện Thiên Bản. Triều Trần gả Huyền Trân Công chúa cho vua nước Chiêm Thành, sau công chúa lại trở về nước, trụ trì ở đây, nhân đấy, dân sở tại phụng thờ.

*Chùa Cực Lạc*: ở núi Bảo Đài xã Đồng Mạc huyện Phong Doanh, cũng là nơi danh thắng.

*Chùa Phi Lai*: ở xã Tử Mặc huyện Ý Yên (xem mục "Núi Phi Lai" ở trên).

*Chùa Trung Liệt*: ở xã Trung Liệt, huyện Thanh Quan. Bảo Anh phu nhân nhà Trần tụ trì ở đây, sau khi chết dân sở tại phụng thờ.

www.thuvien247.net

## NHÂN VẬT

*ĐỜI LÝ*

*Đặng Nghiêm*: người xã Yên Lãng huyện Thư Trì. Ông thông hiểu thi thư, năm Trinh Phù thứ 10 đời Lý Cao Tông được chầu Kinh diên, lại đỗ Thái học sinh, làm quan đến Thị lang Công bộ, là người mở đầu khoa hoạn trong tỉnh.

*ĐỜI TRẦN*

*Trần Quốc Tuấn*: con người anh vua Trần Thái Tông là Yên Sinh Vương Trần Liễu. Lúc ông mới sinh có nhà thuật số xem tướng nói; sau này có thể Kinh bang tế thế. Đến khi lớn, thông minh hơn người, có đủ tài văn võ, hai lần đánh tan quân Nguyên, là bậc nguyên thần một đời. Trước tác lưu truyền có *Vạn kiếp bí thư* và hịch dụ tướng sĩ. Sau khi mất tặng Hưng Đạo Đại Vương. Bản triều, năm Minh Mệnh thứ 4 được thờ phụng ở miếu Lịch đại đế vương, năm thứ 16 được thờ phụng ở Vũ miếu.

*Trần Quang Khải*: con thứ ba Trần Thái Tông, tước Chiêu Minh Đại Vương. Vua Thánh Tông dùng làm tướng quốc; đời Nhân Tông, đánh bại tướng Nguyên là Toa Đô ở bến Chương Dương, công khôi phục đứng hàng đầu, tiến phong Thái sư. Ông là người kiến thức rộng, ham học hay thơ, có *Lạc đạo*

www.thuvien247.net

*thi tập*. Con là Văn Túc Vương Đạo Tái cũng nổi tiếng về văn học, cháu là Uy Túc Vương Văn Bích làm quan đến Thái bảo, chắt là Nguyên Đán, cũng danh tiếng lừng lẫy. Nhà ông đức trạch sâu dày thuỷ chung với cơ nghiệp nhà Trần.

*Trần Nhật Duật*: con thứ sáu Trần Thái Tông. Khi mới sinh, ở trên bả vai có dấu chữ "Chiêu Văn". Ông là người thông minh, nhiều trí lược, thiệp liệp kinh sử, giỏi liệu tình hình địch, có nhiều công về việc chống quân Nguyên, được phong Tá thánh Thái sư Chiêu Văn Vương – *Sử* chép: Duật là quí phái thân vương, trải thờ bốn triều vua, ba lần coi trấn lớn, trong nhà không ngày nào là không đàn địch vui chơi, người ta ví với Quách Tủ Nghi nhà Đường. Bản triều năm Minh Mệnh thứ 4, cho thờ phụng ở miếu Lịch đại đế vương.

*Trần Quang Triều*: có tên nữa là Nguyên Thụ, là cháu Quốc Tuấn, phong tước Văn Huệ Vương, từng đến ở am Bích Động núi Quỳnh Lâm, đón các văn sĩ đến ngâm vịnh, thành lập *Cúc đường di thảo*. Trần Minh Tông cho chức Tư đồ phụ chính, sau theo Trần Nghệ Tông dấy quân (đánh Dương Nhật Lễ).

*Trần Nguyên Đán*: Tằng tôn của Trần Quang Khải, tước phong Chương Túc quốc thượng hầu, làm Tư đồ phụ chính. Đời Xương Phù, Nghệ Tông tin dùng

www.thuvien247.net

ngoại thích Hồ Quí Ly, ông tự biết không can ngăn được, cáo lão về ở Côn Sơn. Có *Băng hồ thi tập*.

*Nguyễn Hiền*: người huyện Thượng Nguyên. Đời Thiên Ứng Chính Bình nhà Trần, thi đỗ Trạng nguyên, mới 12 tuổi. Vì tuổi còn nhỏ, nên vua Trần cho vinh qui 3 năm rồi sẽ bổ dụng. Sau có sứ Bắc quốc sang nước ta làm bốn câu thơ để cho nước ta biện là chữ gì. Thơ rằng: "Lưỡng nhật bình đầu nhật, Tứ sơn điên đảo sơn, Lưỡng vương tranh nhất quốc, Tứ khẩu tại trung gian". (nghĩa là hai chữ "nhật" bằng đầu; bốn chữ "sơn" điên đảo; hai chữ "vương" tranh một nước; bốn chữ "khẩu" ở trong). Cả triều không ai biện được là chữ gì. Nguyễn Hiền phân tích thành chữ "điền", sứ Bắc quốc sợ phục. Ông làm quan đến Thượng thư Công bộ, dựng đền và cấp ruộng thờ.

*Đào Sư Tích*: người huyện Nam Chân (di cư đến xã Hải Lý huyện Yên Lãng), đỗ Trạng nguyên đời Trần Long Khánh, từ thi Hương đến thi Đình đều đỗ đầu, làm đến Nhập nội Hành khiển. Sau vì không hợp ý Hồ Quí Ly, phải giáng Trung thư Thị lang đồng tri Thẩm hình viện sự.

*ĐỜI LÊ*

*Vũ Vĩnh Trinh*: người huyện Thiên Bản, đỗ khoa Minh Kinh đời Thuận Thiên, làm đến Hàn lâm Học sĩ, làm Tuyên chính sứ đạo Hải Tây.

www.thuvien247.net

*Nguyễn Mậu*: người huyện Thuỵ Anh, đỗ Tiến sĩ đời Thái Hoà, làm quan trải năm triều, đến chức Ngự sử, vì dám nói thẳng, nên được khen thưởng; lại giữ việc xét kiện, nổi tiếng là người thanh liêm trung thực.

*Lương Thế Vinh*: người huyện Thiên Bản, đĩnh ngộ hơn người, có khí độ khác thường, đỗ Trạng nguyên đời Quang Thuận, làm quan cứng rắn thẳng thắn, gặp việc dám nói thẳng. Văn thư văng phục về việc bang giao, đều do ông nghĩ soạn; làm đến Hàn lâm Thị thư giữ việc viện.

*Quách Đình Bảo*: người huyện Thanh Quan, đỗ Thám hoa đời Quang Thuận. Đời Hồng Đức đi sứ Bắc Quốc. Cùng Thân Nhân Trung biên soạn bộ *Thiên nam dư hạ*. Làm quan đến Thượng thư Hình bộ. Tương truyền, tiên tổ ông trả lại vàng cho người đánh rơi, nên được hậu báo.

*Quách Hữu Nghiêm*: em Quách Đình Bảo, đỗ Tiến sĩ đời Quang Thuận. Năm Cảnh Thống thứ 5 đi sứ Bắc Quốc, làm văn răn bộ thuộc, người Minh khen là "nhân tài đời tam đại", ban cho mũ giải trãi màu đỏ. Làm quan đến thượng thư Lại bộ, nay làm phúc thần xã Thuyền Quan.

*Nguyễn Bảo*: người xã Chi Nhị huyện Vũ Tiên, đỗ đồng Tiến sĩ đời Hồng Đức; đời Cảnh Thống

www.thuvien247.net

trải làm Thượng thư Lễ bộ. Ông là người rộng rãi, giản dị, trọng hậu. Có *Châu Giang thi tập*.

*Đỗ Oánh*: người huyện Thư Trì, đỗ đồng Tiến sĩ đời Đoan Khánh, làm quan đến Thượng thư Lễ bộ. Sau không chịu làm quan với nhà Mạc.

*Bùi Sĩ Tiêm*: người xã Kênh Lũ huyện Đông Quan, đỗ Tiến sĩ Đình nguyên đời Vĩnh Thịnh. Tính khảng khái cương trực, đời Vĩnh Khánh giữ chức Thái Thường tự khanh, tâu bày mười việc đều có ý nói xấu họ Trịnh, bị bãi chức. Về nhà mở trường dạy học, sĩ tử vùng đông nam nhiều người theo học, họ rất tôn trọng tiết tháo thanh cao của ông. Ông giỏi văn chương, một lòng trung nghĩa, người đời kính mến. Lúc ấy người ta có câu truyền tụng: "Đông Quan Kênh Lũ, văn chương độc bộ", ý nói văn chương ông nghè Kênh Lũ hơn cả mọi người. Đời Cảnh Hưng truy phục chức Tham chính cũ, và cấp cho ruộng thờ.

*Đoàn Nguyễn Thục*: người huyện Quỳnh Côi, đỗ Hoàng giáp đời Cảnh Hưng, phụng mệnh đi sứ, làm quan đến Thiêm đô Ngự sử. Ông là người cương trực, dám nói thẳng, danh giá được người đương thời tôn trọng. Sau kiêm chức thống lãnh Tây Đạo, công đầu trong việc dẹp định động Mãnh Thiên[1]. Ông

[1] Động Mãnh Thiên do cha con Hoàng Công Chất và Hoàng Công Toản chiếm cứ.

www.thuvien247.net

tâu bày 10 điều về công việc xử trí trấn Hưng Hoá, như ước thúc thổ tù, tha thuế cho dân, đều được thi hành. Sau vì bàn việc không hợp ý chúa Trịnh, ông cáo quan về rồi chết ở nhà, tặng Đô ngự sử.

*Nguyễn Lệ*: người huyện Thượng Nguyên. Đời Cảnh Hưng, Trịnh Sâm truất ngôi Thái tử nhà Lê là Duy Vĩ và bắt giam. Bấy giờ có Hương cống Vũ Bá Xưởng cùng mấy người quen thuộc cũ của Thái tử bàn mưu cướp lấy Thái tử nhưng công việc bại lộ, án từ liên can đến Lệ[1]. Khi bị bắt tra hỏi, Lệ nói: "Thái tử là vua dự bị của nước, không có tội gì mà bức nhục, thế thì mưu thoát thái tử, là việc nghĩa, nhưng thực tình tôi không tham dự việc ấy. Chỉ vì tim tôi chưa chết, không thể phụ hoạ với nghịch đảng mà hãm hại thái tử thôi. Bây giờ tôi chỉ có chết, chứ chả biết nói gì cả". Thân thể, không chỗ nào còn nguyên, mà trước sau không thay lời nói, người ta rất khen phục. Rồi bị giết.

*Phạm Trần Thiện:* con Phạm Đình Sĩ, Viêm Quận công đời Lê, người huyện Chân Định. Đầu đời Cảnh Hưng, có chiến công, lúc loạn Tây Sơn,

---

[2] Theo *Việt sử thông giám cương mục*: Nguyễn Lệ người xã Thân Vi huyện Thượng Nguyên, lúc ấy giữ chức điện tiền hiệu điểm quản lãnh cấm quân của thái tử.

www.thuvien247.net

đem nghĩa binh chống đánh, Lê Xuất đế trở về, trao chức Đề lãnh kiêm Hiệp lí Binh bộ, sau lại theo Xuất Đế sang nước Thanh. Bản triều năm Gia Long thứ 14 được cấp tiền gạo.

*Phạm Trọng Huyến*: người huyện Ý Yên, đỗ đồng Tiến sĩ đời Cảnh Hưng, làm quan đến Hữu Thị lang Hộ bộ. Trong loạn Tây Sơn, đem con là Trọng Bình và Trọng Trì đi khắp các xứ Sơn Tây và Hải Dương, chiêu mộ nghĩa binh, thường đánh nhau với giặc không được, rút lui nương náu ở Quảng Yên, sai Trọng Trì sang nước Thanh thăm hỏi đến chỗ ở của vua Chiêu Thống. Sau được tin quân cứu viện không sang nữa, buồn bực rồi chết.

*Phạm Như Tùng*: người huyện Thư Trì, đời Cảnh Hưng lấy địa vị là phủ tường sinh vào chầu Thái tử, sau vì có là cha mẹ già xin về nuôi dưỡng. Năm Chiêu Thống thứ nhất, tuyên triệu vào triều, trao tước Cận Quang hầu, từng theo đi đánh dẹp có công, thăng lãnh Trấn thủ các xứ Sơn Tây, Tuyên Quang, Hưng Hoá, hiệp lí công việc Hộ bộ và Binh bộ. Trong loạn Tây Sơn, sang nước Thanh xin quân cứu viện, đến lúc Xuất Đế bỏ chạy, theo sang nước Thanh. Bản triều năm Gia Long thứ 3 rước Xuất Đế về nước chôn cất. Tùng về nhà dạy học, năm thứ 14 được cấp tiền gạo.

www.thuvien247.net

*ĐỜI NGUYỄN*

*Nguyễn Kim Phẩm*: người huyện Thượng Nguyên có dũng lược, tinh võ nghệ, năm Kỉ Hợi, đầu đời trung hưng, Phẩm cùng anh là bọn Kim Trân, Kim An vượt biển vào Gia Định qui thuận, từng lập chiến công, Phẩm được thăng chức Chưởng cơ Tổng đốc Hữu quân đạo Đại tướng quân, bọn Trân, An làm Cai cơ, năm Quí Mão, Phẩm cùng Trân vào Hà Tiên thu thập binh lính, bị bọn phản binh đạo Hoà Nghĩa[1] giết, còn An theo đi đánh Bình Khang bị chết trận. Đời Gia Long, được liệt thờ ở miếu Trung nghĩa công thần, đầu đời Minh Mệnh, Phẩm được truy tặng Chưởng doanh, Trân và An được truy tặng Khinh xa Đô uý.

*Trần Xuân Trạch*: người huyện Giao Thuỷ, khoẻ mạnh, có tài chiến đấu, tinh thông trận pháp, năm Kỉ Hợi, cùng anh là Xuân Hiệp, Xuân Cách vượt biển vào Gia Định ứng nghĩa, theo đi đánh dẹp, làm Chưởng cơ, Quản việc binh dân Phiên Trấn. Năm Nhâm Dần, Tây Sơn vào cướp Gia Định. Trạch theo Tôn Thất Dụ đem quân vào cứu viện, gặp quân tiền đạo của giặc, liền đánh úp phá tan

---

[1] Hòa Nghĩa: đạo quân người nước Thanh, trước theo Tây Sơn, sau theo Nguyễn Ánh, sau nữa tổng binh đạo ấy là Trần Hưng và Lâm Húc chiếm cứ Hà Tiên để phản lại.

www.thuvien247.net

được, thu phục được Sài Gòn. Sau đánh nhau với giặc thất lợi, cùng bọn Hiệp và Cách mượn đường Cao Miên để sang Xiêm La, xin quân cứu viện, bị người Cao Miên giết, chỉ Hiệp được thoát. Đời Gia Long, Trạch được truy tặng Chưởng doanh, liệt thờ ở đền Hiển Trung và miếu Trung tiết công thần; Cách được một người con tập ấm, Hiệp làm quan đến Cai cơ.

*Đặng Huy Chiêu*: người huyện Thiên Bản, đầu đời trung hưng, thành tâm qui thuận, làm Vũ vệ Tham luận, năm Canh Thân, theo đi đánh Qui Nhơn, đóng quân ở Cù Mông, ốm chết, được tặng Thái bộc tự khanh tham mưu, liệt thờ ở đền Biểu Trung.

*Doãn Uẩn*: người huyện Thư Trì, đỗ cử nhân khoa Mậu Tí, đời Minh Mệnh, làm quan đến Hữu Thị lang Hình bộ. Năm Minh Mệnh thứ 21 quyền sung bang biện đại thần thành Trấn Tây. Đầu đời Thiệu Trị được triệu về triều, trao chức Tham tri, quyền hộ Tổng đốc Thanh Hoá; năm thứ 4, điều đi tuần phủ An Giang, đánh phá Thiết Ấp, bình định Trấn Tây, thăng Thượng thư Binh bộ, sung tham tán đại thần, hội biện công việc giữ yên Trấn Tây, khiến tù trưởng Man dâng cống. Khi đại công xong xuôi, được ban thưởng thẻ bài vàng để chữ "An Tây mưu lược tướng", và phong tước Tuy Tĩnh tử. Chết đầu đời Tự Đức, được tặng Hiệp biện Đại Học sĩ,

www.thuvien247.net

khắc tên vào bia Vũ Công. Ông là người hoà nhã, có văn học, biết binh lược, tuy làm quan mà thanh bạch, nổi tiếng chích tích.

*Nhâm Đình Cát*: người huyện Thanh Quan, làm Cai đội cơ Bắc Thuận, năm Minh Mệnh thứ 15, đánh giặc ở phố Bắc Nẫm tỉnh Thái Nguyên bị tử trận, được tặng Phó Quản cơ.

*Đỗ Sự*: người huyện Thanh Quan, được cấp bằng Đội trưởng cơ Hữu Kiên, đánh giặc người Thanh ở châu Tiên Yên bị tử trận, được tặng Thí sai Chánh đội Chưởng cơ Hữu Kiên.

*Nguyễn Văn Trị*: người huyện Thanh Quan, làm Suất đội, năm Minh Mệnh thứ 15, đánh giặc ở đồn Nhượng Bạn, tỉnh Cao Bằng, bị tử trận, được tặng Chánh đội trưởng suất đội.

*Nguyễn Khắc Tòng*: người huyện Phụ Dực, làm Cai đội cơ Hữu cường thuộc Tiền Quân, năm Minh Mệnh thứ 14, đánh giặc ở Thái Nguyên bị tử trận, được tặng Kiến Công Đô uý.

*Đặng Công Tú*: người huyện Nam Chân, làm Cai đội cơ Hữu Cường thuộc Tiền Quân. Năm Minh Mệnh thứ 14 đánh giặc ở đồn Nhượng Bạn tỉnh Cao Bằng, bị tử trận, được tặng Kiến Công Đô uý.

*Vũ Đình Huỳnh*: người huyện Chân Ninh, làm Chánh đội trưởng Suất đội cơ Hữu Cường thuộc Tiền

www.thuvien247.net

Quân, năm Minh Mệnh thứ 14, đánh giặc ở đồn Nhượng Bạn tỉnh Cao Bằng, bị tử trận, được tặng Kiến Công Đô uý.

*Nguyễn Văn Cẩm*: người huyện Nam Chân, làm Suất đội cơ Hữu Cường thuộc Tiền Quân, năm Minh Mệnh thứ 14, đánh giặc ở huyện Yên Lãng tỉnh Sơn Tây bị tử trận, được tặng Kiến Công Đô uý.

*Trần Đống*: người huyện Chân Định, làm Thí sai Suất đội cơ Hữu Cường, năm Minh Mệnh thứ 15, đánh giặc ở tỉnh Lạng Sơn, bị tử trận, được tặng Cai đội.

*Phạm Nhân*: người huyện Chân Định, làm Suất đội cơ Hữu Thắng, năm Tự Đức thứ 4, đánh giặc người Thanh ở Lạng Sơn, bị tử trận, được tặng Hiệu Trung Đô uý.

*Vũ Đình Quyến*: người huyện Giao Thuỷ, làm Cai đội cơ Tả Cường, năm Minh Mệnh thứ 15, đánh giặc ở đồn Kế Môn tỉnh Cao Bằng, bị tử trận, được tặng Kiến Công Đô uý.

*Trần Quang Chiểu*: người huyện Mỹ Lộc, năm Minh Mệnh thứ 6, giặc cướp phá huyện Mĩ Lương, Chiểu đốc suất dân đinh chống cự, bị giặc giết, chết được tặng hàm Tri huyện.

Năm Tự Đức thứ 11, những người kể trên, đều được liệt thờ ở đền Trung Nghĩa.

www.thuvien247.net

## LIỆT NỮ

*ĐỜI TRẦN*

*Thiều Dương Công chúa*: Sử chép Công chúa là con gái Trần Thái Tông, rất hiếu thảo, lấy chồng là Văn Hưng hầu. Khi Thái Tông ốm, công chúa thường sai người đến thăm hỏi, người đi thăm về đều nói: "Thượng hoàng đã bình phục như thường, không việc gì cả". Đến lúc Thái Tông băng, công chúa đang lúc ở cữ, chợt nghe tiếng chuông[1] liên hồi, công chúa nói: "Đó chẳng phải là tiếng chuông không lành chăng?". Người nhà tìm cách nói dối, công chúa không tin, bèn gào khóc thảm thương một hồi lâu, rồi chết, người ta lấy làm thương xót.

*ĐỜI NGUYỄN*

*Trương Thị Vân*: người huyện Chân Định, năm 20 tuổi, lấy chồng là Vũ Chiêu, sinh một trai, Vũ Chiêu ốm chết, thị vẫn yên phận nghèo, nuôi con. Sau bị một tên cường hào ép lấy, thị không nghe, lấy dao tự rạch mặt. Năm Minh Mệnh thứ 8 được biểu dương.

*Bùi Thị Chính*: người huyện Thiên Bản, năm 16 tuổi lấy chồng là Phạm Danh Hoạt, được 3 năm

[1] Tục nhà Lý, nhà Trần, mỗi khi vua chết, thì trong nội điện đánh chuông liên hồi để báo hiệu.

www.thuvien247.net

chồng chết, chưa có con, thị giữ tiết thờ cha mẹ. Năm Gia Long thứ 7, có tên giặc ưa nhan sắc thị, ép lấy, thị lẻn vào nơi cây cối um tùm thắt cổ, được láng giềng cứu chữa khỏi chết. Năm Minh Mệnh thứ 11 được biểu dương.

*Đinh Thị Lan*: người huyện Đại An, năm 19 tuổi lấy chồng là Đinh Bá Bái, được 3 năm, chồng chết, thị ở goá, nhiều người muốn lấy, thị đập đầu vào đá tự thề. Năm Minh Mệnh thứ 11 được biểu dương.

*Đặng Thị* (không rõ tên): người huyện Chân Định, 16 tuổi lấy chồng là Nguyễn Đình Chức, sinh một trai, chồng chết, ở goá nuôi con, thề không đổi chí. Một tên huyện mục đời Nguỵ Tây ép lấy, thị cắt tóc, bôi nhọ mặt, kêu khóc như người điên, được thoát, sau đó một tên hương hào muốn lấy, thị đem nghĩa lí kiên quyết kháng cự, giữ được trọn tiết. Năm Minh Mệnh thứ 11 được biểu dương.

*Phan Thị Tân*: người huyện Đại An, năm 18 tuổi lấy chồng là Phạm Xuân Kính, được 2 năm, Kính chết, thị ở goá giữ tiết, thờ phụng cha mẹ chồng. Năm Minh Mệnh thứ 17 được biểu dương.

*Phạm Thị Ninh*: người huyện Thiên Bản, năm 15 tuổi lấy chồng là Vũ Nhuệ, mới được 1 năm, cha mẹ chồng đều chết, không bao lâu chồng cũng chết, thị chưa có con, thờ bà tổ mẫu nhà chồng, việc

www.thuvien247.net

tang việc tế theo đúng lễ, suốt đời không cải giá. Năm Minh Mệnh thứ 17 được biểu dương.

*Đỗ Thị Tình*: người huyện Thiên Bản, năm 20 tuổi, lấy chồng là Nguyễn Công Linh, được 3 năm, Linh chết, chưa có con, giữ tiết không cải giá. Năm Minh Mệnh thứ 17 được biểu dương.

*Triệu Thị Quyến*: người huyện Đại An, năm 18 tuổi lấy chồng là Phạm Đức Sảng, được 3 năm Sảng chết, chưa có con, thị giữ tiết ở goá, thờ phụng cha mẹ chồng. Năm Minh Mệnh thứ 17 được biểu dương.

*Ngô Thị Tình*: người huyện Thanh Quan, năm 16 tuổi lấy chồng là Nguyễn Thế Thuần, sinh một trai, Thuần chết, cố chí giữ tiết, thờ mẹ chồng và nuôi con, năm 22 tuổi, bị giặc ép lấy, thị huỷ hoại nhan sắc tự thề giữ tiết. Năm Minh Mệnh thứ 17 được biểu dương.

## TĂNG

*Thiền sư Không Lộ*: Thiền sư họ Dương, hiệu là Không Lộ; người Thanh Hải (*An Nam chí* chép là người huyện Giao Thuỷ). Đời ông cha làm nghề chài lưới, Thiền sư bỏ nghề ấy mà học đạo thiền, làm bạn với Thiền sư Giác Hải, trụ trì chùa Hà Trạch, tinh thông pháp thuật, bay lên không trung, đi trên mặt nước, hàng phục được long hổ, kì quái

www.thuvien247.net

khó lường. Tịch ở đời Hội Tường Đại Khánh triều Lý, vua Lý tha thuế cho 20 hộ để lấy tiền đèn hương phụng thờ (Sự tích chép trong *Lĩnh nam trích quái*).

*Thiền sư Giác Hải*: Thiền sư họ Nguyễn, người Thanh Hải, cùng Thiền sư Không Lộ đều là học trò của vị sa môn ở chùa Hà Trạch, hai người thường so đọ đạo pháp với nhau. Thơ của Lý Nhân Tông có câu "Giác Hải tâm như hải"; nghĩa là thiền sư Giác Hải bụng rộng như biển. Tịch vào đời Lý Thần Tông. Tha thuế cho 30 hộ để phụng thờ (Sự tích chép trong *Lĩnh nam trích quái*).

## THỔ SẢN

*Lúa nếp, lúa tẻ, khoai lang, củ từ, khoai ruộng, đậu*: huyện nào cũng có.

*Củ đậu*: sản ở huyện Quỳnh Côi to bằng quả trứng ngỗng, thịt trắng, vị ngọt, ăn uống và xào nấu với thịt lợn thịt chim đều ngon, lại có tính giải độc rượu; để trên gác bếp hàng tuần hàng tháng, sau ăn càng ngon.

*Vải trắng*: sản ở các xã Tống Thổ, Long Bối, Phúc Khê, Thiền Quan, Đồng Uyên, Kì Nhai huyện Thanh Quan, xã Vân Cát huyện Thiên Bản, các xã Tương Đông, Vũ Lao, Hành Thiện, Hà An huyện Giao Thuỷ. Nổi tiếng nhất là vải Tống Thổ.

www.thuvien247.net

*Sại*: sản ở xã Đường Xâm huyện Chân Định.

*Chiếu*: các xã Trà Lũ, Quần Anh, Đại An, Thụ Ích, An Thịnh, Lạc Hải, huyện Giao Thuỷ đều có dệt chiếu.

*Cói*: có thể dệt chiếu và lợp nhà.

*Thông, liễu, trúc.*

*Quả nhãn, quả vải.*

*Cam:* có lệ tiến

*Mạch môn.*

*Nam sài hồ*: sản ở huyện Phụ Dực, công dụng không kém gì bắc sài hồ.

*Rau quan âm*[1]: sản ở huyện Giao Thuỷ, không có hoa và hạt. Cách trồng: tách lấy cái chánh cắm xuống đất liền mọc mầm, tươi tốt vào giữ mùa đông lá như lá rau cải lớn mà dày, cuộn dần lại thành bắp như bắp chuối mới trổ, bắp chưa nở bổ ra thì thấy sắc trắng vị rất ngon.

*Thuốc lào*: huyện Thuỵ Anh và huyện Nam Chân đều trồng, thuốc ở Bách Tính ngon hơn cả. *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi chép: "Nam Chân, Chân Định hoả dược", nghĩa là huyện Nam Chân và huyện Chân Định trồng thuốc lào.

---

[1] Có lẽ là rau cải bắp.

www.thuvien247.net

*Muối trắng*: các xã Hà Lạn, Cẩm Hà, Thương Điền thuộc huyện Giao Thuỷ và các xã ở ven biển huyện Thuỵ Anh đều làm nghề nấu muối. *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi chép: "Giao Thuỷ, Thuỵ Anh hải diêm duy cam", nghĩa là miền biển thuộc huyện Giao Thuỷ và Thuỵ Anh có muối tốt.

*Rượu*: xã Hào Kiệt huyện Thiên Bản nổi tiếng rượu ngon.

*Gà*: giống gà ở các xã Tô Xuyên, Tô Hồ và Tô Đê thuộc huyện Phụ Dực cao lớn khác thường, dân gian thường mua dùng vào việc tế tự, gọi là "gà tồ".

*Ngỗng trời*: hải phận các huyện đều có.

*Mắm tôm*: sản ở Trà Lý huyện Chân Định.

*Mắm rươi*: xã Quần Liêu huyện Đại An, xã Cao Mại huyện Chân Định, xã Phú Khê huyện Phong Doanh, xã Đồng Cừ và xã Dụ Đại huyện Đông Quan, xã Đồng Bạch và xã Quần Yên huyện Vũ Tiên, xã Đại Đồng và xã Phúc Trung huyện Thư Trì, xã Dũng Quyết, xã Lạc Chính và xã Dưỡng Hối huyện Ý Yên, xã Bồng Tiên, xã Hành Thiện, xã Dũng Nhuệ, xã Hội Khê và xã Trà Hải huyện Giao Thuỷ đều có mắm rươi, có lệ tiến cống.

*Mộc hộc*: Tục gọi là khô mộc, rễ không bám đất, bám vào thân cây khác mà sống, có hoa sắc đỏ.

www.thuvien247.net

# ĐẠI NAM NHẤT THỐNG CHÍ

## *QUYỂN XVII*

## TỈNH HẢI DƯƠNG

Đông tây cách nhau 132 dặm, nam bắc cách nhau 100 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Yên Hưng tỉnh Quảng Yên 74 dặm, phía tây đến địa giới huyện Văn Giang tỉnh Bắc Ninh 58 dặm, phía nam đến địa giới huyện Quỳnh Côi tỉnh Nam Định 53 dặm, phía bắc đến địa giới hai huyện Quế Hương và Phượng Nhãn tỉnh Bắc Ninh 47 dặm, phía đông nam đến cửa Úc huyện Tiên Minh 81 dặm, phía đông bắc đến địa giới huyện Hoành Bồ tỉnh Quảng Yên 113 dặm, phía tây nam đến địa giới huyện Phù Cừ tỉnh Hưng Yên 42 dặm, phía tây bắc đến địa giới huyện Lang Tài tỉnh Bắc Ninh 22 dặm. Từ tỉnh lỵ đi về phía nam đến Kinh đô 1.097 dặm.

### PHÂN DÃ

Theo thiên văn, thuộc khu vực sao Dực sao Chẩn, về tinh thứ sao Thuần Vĩ.

www.thuvien247.net

## DỰNG ĐẶT VÀ DIÊN CÁCH

Đời Hùng Vương xưa, là bộ Dương Tuyền. Đời Tần thuộc Tượng Quận; đời Hán thuộc quận Giao Chỉ.

Nước ta đời Trần là Hồng Lô, lại gọi là lộ Hải Đông, sau chia làm các phủ lộ Hồng Châu và Nam Sách. Thời thuộc Minh là đất hai phủ Lạng Giang và Tân An. *Thiên hạ quận quốc lợi bệnh thư* chép: Năm Vĩnh Lạc thứ 5 mới đặt phủ Lạng Giang, có 3 châu và 15 huyện: châu Nam Sách lãnh 3 huyện Thanh Lâm, Chí Linh và Bình Hà; châu Thượng Hồng lãnh 3 huyện Đường Hào, Đường Yên và Đa Cẩm (còn 1 châu và 9 huyện xem *Bắc Ninh tỉnh chí*); phủ Tân An có 3 châu, 21 huyện; bản phủ lãnh 5 huyện Giáp Sơn, Thái Bình, Đa Dực, Hà Côi và Tây Quan, chấu Đông Triều lãnh 4 huyện Đổng Triều, Cổ Phí (trước là Phí Gia), An Lão và Thuỷ Đường, châu Hạ Hồng lãnh 4 huyện Trường Tân, Tứ Kì, Đồng Lợi và Thanh Miện (còn 1 châu và 8 huyện xem *Quảng Yên tỉnh chí*); năm thứ 6, bỏ các huyện Thanh Lâm, Đường Hào, Đông Triều và Trường Tân, gồm vào bản châu; năm thứ 13, đổi cho châu Nam Sách và huyện Chí Linh lệ vào phủ Tân An, đem các huyện Đa Dực, Thái Bình, Hà Côi (hợp vào Đa Dực) Tây Quan (hợp vào Thái Bình), đổi lệ vào phủ Trấn Man (xem *Nam Định tỉnh chí*); năm thứ 17, gồm các huyện Đa Cẩm và Đường Yên

www.thuvien247.net

vào phủ Lạng Giang, còn các huyện Chí Linh, Thuỷ Đường và Tứ Kì, huyện nào thuộc châu nào thì gồm vào châu ấy, Thanh Miện sáp vào Đồng Lợi).

Đời Lê Thuận Thiên gọi là Đông đạo. Đời Diên Ninh chia làm lộ Nam Sách Thượng và lộ Nam Sách Hạ. Năm Quang Thuận thứ 7 đặt Nam Sách thừa tuyên; năm thứ 10, định bản đồ cả nước gọi là Hải Dương thừa tuyên, lãnh 4 phủ là Thượng Hồng, Hạ Hồng, Nam Sách và Kinh Môn, 18 huyện. Phủ Thượng Hồng có 3 huyện Đường Yên, Đường Hào và Cẩm Giàng. Phủ Hạ Hồng có 4 huyện Trường Tân, Tứ Kì, Vĩnh Lại và Thanh Miện. Phủ Nam Sách có 4 huyện Bình Hà, Tân Minh, Thanh Lâm và Chí Linh. Phủ Kinh Môn có 7 huyện Giáp Sơn, Đông Triều, An Lão, Nghi Dương, Thuỷ Đường, Kim Thành và An Dương; bản đồ năm Hồng Đức thứ 21 gọi là xứ Hải Dương, sau gọi là trấn. Nhà Mạc đặt Nghi Dương làm Dương Kinh, trích lấy phủ Thuận An thuộc trấn Kinh Bắc và các phủ Khoái Châu, Tân Hưng, Kiến Xương, Thái Bình thuộc trấn Sơn Nam cho lệ vào Dương Kinh. Đời Lê Quang Hưng đổi lại theo cũ; năm Cảnh Hưng thứ 2 chia làm 4 đạo Thượng Hồng, Hạ Hồng, Đông Triều và An Lão, đặt chức tuần thủ.

Đời Tây Sơn đem phủ Kinh Môn lệ vào trấn Yên Quảng. Bản triều năm Gia Long thứ nhất lại

www.thuvien247.net

đem Kinh Môn lệ vào trấn Hải Dương như cũ; lãnh 4 phủ, 18 huyện: 4 phủ là Thượng Hồng, Hạ Hồng, Nam Sách và Kinh Môn, 18 huyện là Đường Yên, Đường Hào, Cẩm Giàng, Tứ Kì, Vĩnh Lại, Thanh Miện, Gia Lộc, Chí Linh, Thanh Lâm, Thanh Hà, Tiên Minh, Giáp Sơn, Đông Triều, Kim Thành, Thuỷ Đường, An Lão, An Dương và Nghi Dương, đặt các chức trấn thủ, hiệp trấn, tham hiệp. Năm Minh Mệnh thứ 3, đổi phủ Thượng Hồng làm phủ Bình Giang, phủ Hạ Hồng làm phủ Ninh Giang; năm thứ 12, chia tỉnh hạt, gọi là tỉnh Hải Dương (có tên riêng là tỉnh Đông), đặt tổng đốc Hải - Yên, coi 2 tỉnh Hải Dương và Quảng Yên, một bố chính sứ và một án sát sứ; năm thứ 13, đặt thêm phân phủ Ninh Giang và Nam Sách; năm thứ 14, đặt phân phủ Kinh Môn; năm thứ 18 đặt thêm phủ Kiến Thuỵ và phân phủ Kiến Thuỵ; năm thứ 19 đặt thêm phân phủ Bình Giang. Năm Tự Đức thứ 5, bỏ hết phân phủ, phủ Bình Giang kiêm nhiếp huyện Thanh Miện, phủ Ninh Giang kiêm nhiếp huyện Vĩnh Bảo, phủ Nam Sách kiêm nhiếp huyện Thanh Lâm, huyện Thanh Hà kiêm nhiếp huyện Tiên Minh, phủ Kinh Môn kiêm nhiếp huyện Đông Triều, phủ Kiến Thuỵ kiêm nhiếp huyện An Dương, phủ Kim Thành kiêm nhiếp huyện An Lão; năm thứ 13 lại đặt hai huyện Tiên Minh và Đông

www.thuvien247.net

Triều; năm thứ 16 lại đặt huyện An Dương, huyện An Lão thì đổi giao phủ Kiến Thuỵ kiêm nhiếp. Nay lãnh 5 phủ và 19 huyện[1].

*Phủ Bình Giang*: ở cách tỉnh thành 27 dặm về phía tây nam. Đông tây cách nhau 39 dặm, nam bắc cách nhau 43 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Gia Lộc phủ Ninh Giang 9 dặm, phía tây đến địa giới huyện Phù Cừ tỉnh Hưng Yên 17 dặm, phía nam đến địa giới,... phía bắc đến địa giới huyện Lang Tài tỉnh Bắc Ninh 26 dặm. Xưa gọi là Hồng Châu, cuối đời Trần chia làm châu Thượng Hồng và châu Hạ Hồng, thời thuộc Minh lệ vào phủ Lạng Giang. Đời Lê Quang Thuận đặt làm phủ. Bản triều đời Gia Long vẫn theo như thế; năm Minh Mệnh thứ 3 đổi tên hiện nay. Trước lãnh 3 huyện, năm thứ 19 trích lấy huyện Thanh Miện thuộc phủ Ninh Giang lệ vào phủ này, lại đem huyện Cẩm Giàng và huyện Thanh Miện đặt riêng làm phân phủ; năm Tự Đức thứ 5 bỏ phân phủ. Nay lãnh 4 huyện:

*Huyện Cẩm Giàng*: là huyện phụ quách của tỉnh thành, cách phủ 19 dặm về phía tây bắc. Đông tây cách nhau 40 dặm, nam bắc cách nhau 12 dặm.

---

[1] Năm 1898, lãnh hai huyện An Dương và An Lão của phủ Kiến Thuỵ, huyện Thụy Nguyên của phủ Kinh Môn và huyện Tiên Lãng của phủ Nam Sách làm tỉnh Kiến An.

www.thuvien247.net

Phía đông đến địa giới huyện Thanh Lâm phủ Nam Sách 21 dặm, phía tây đến địa giới huyện Văn Giang tỉnh Bắc Ninh 19 dặm, phía nam đến địa giới huyện Đường Yên 10 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Lang Tài tỉnh Bắc Ninh 2 dặm. Từ đời Trần về trước gọi là Đa Cẩm; nhà Minh cũng theo như thế, thuộc châu Thượng Hồng, lệ vào phủ Lạng Giang; đời Lê Quang Thuận đổi tên hiện nay, lệ vào phủ Thượng Hồng; năm Minh Mệnh thư 3 đổi phủ Thượng Hồng làm phủ Bình Giang; năm thứ 19, trích lấy huyện này đặt làm phân phủ kiêm lí; năm Tự Đức thứ 5 bỏ phân phủ, lại đặt tri huyện. Nay lãnh 14 tổng 85 xã thôn.

*Huyện Đường Yên*: đông tây cách nhau 18 dặm, nam bắc cách nhau 21 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Gia Lộc 9 dặm, phía tây đến địa giới huyện Đường Hào 9 dặm, phía nam đến địa giới huyện Thanh Miện 9 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Cẩm Giàng 12 dặm. Đời Hán thuộc quận Giao Chỉ, đời Đường Hội Xương, Vũ Hồn làm Thứ sử Giao Châu, tinh nghề địa lí, chọn ở đất này, nhân đấy đặt tên huyện là Đường Yên, tên xã là Khả Mộ, lại gọi là Lạp Trạch (nay là Mộ Trạch). Thời thuộc Minh, do châu Thượng Hồng lãnh, lệ vào phủ Lạng Giang. Đời Lê Quang Thuận, đổi lệ phủ Thượng Hồng; nay do phủ kiêm nhiếp. Lãnh 10 tổng, 66 xã thôn.

www.thuvien247.net

*Huyện Đường Hào*: ở cách phủ 21 dặm về phía tây bắc. Đông tây cách nhau 22 dặm, nam bắc cách nhau 33 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Đường Yên 8 dặm, phía tây đến địa giới huyện Văn Giang tỉnh Bắc Ninh 14 dặm, phía nam đến địa giới huyện Đông Yên thuộc tỉnh Hưng Yên 19 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Cẩm Giàng 4 dặm. Từ đời Trần về trước đã có tên huyện; thời thuộc Minh cũng theo như thế, thuộc châu Thượng Hồng; năm Vĩnh Lạc thứ 6 hợp vào với bản châu; đời Lê Quang Thuận, lại tách đặt làm huyện lệ vào phủ Thượng Hồng, nay thuộc phủ Bình Giang. Lãnh 9 tổng, 79 xã, thôn phường giáp.

*Huyện Thanh Miện*: ở cách phủ 17 dặm về phía đông nam. Đông tây cách nhau 18 dặm, nam bắc cách nhau 26 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Gia Lộc phủ Ninh Giang 4 dặm, phía tây đến địa giới huyện Phù Cừ tỉnh Hưng Yên 14 dặm, phía nam đến địa giới tỉnh Hưng Yên 15 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Đường Yên 11 dặm. Từ đời Trần về trước gọi là Thanh Miện; thời thuộc Minh vẫn theo như thế, thuộc châu Hạ Hồng, lệ vào phủ Tân An. Đời Lê Quang Thuận đổi lệ phủ Hạ Hồng. Bản triều năm Minh Mệnh thứ 13 đặt làm phủ Ninh Giang kiêm lí; năm thứ 19, đổi lệ phủ Bình Giang do phân phủ thống hạt. Năm Tự

www.thuvien247.net

Đức thứ 5 bỏ phân phủ và tri huyện, do phủ kiêm nhiếp. Lãnh 8 tổng, 61 xã thôn. Huyện lị trước ở xã Thọ Trương, nay bỏ.

*Phủ Ninh Giang*: ở cách tỉnh thành 41 dặm về phía đông nam. Đông tây cách nhau 46 dặm, nam bắc cách nhau hơn 23 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Tiên Minh phủ Nam Sách 20 dặm, phía tây đến địa giới huyện Thanh Miện phủ Bình Giang 26 dặm, phía nam đến địa giới huyện Phụ Dực tỉnh Nam Định 60 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Thanh Hà thuộc phủ Nam Sách 23 dặm. Xưa gọi là Hồng Châu cuối đời Trần gọi là châu Hạ Hồng. Thời thuộc Minh vẫn theo như thế, thuộc phủ Tân An; đời Lê Quang Thuận đặt làm phủ; năm Minh Mệnh thứ 3 đổi tên hiện nay, lãnh 4 huyện; năm thứ 13, đem huyện Thanh Miện và Gia Lộc đặt làm phân phủ; năm thứ 19, trích lấy huyện Thanh Miện cho đổi lệ vào phủ Bình Giang, đặt thêm huyện Vĩnh Bảo, đem huyện Tứ Kì và Gia Lộc đặt làm phân phủ; năm Tự Đức thứ 5 bỏ phân phủ. Nay lãnh 4 huyện:

*Huyện Vĩnh Lại*: đông tây cách nhau 31 dặm, nam bắc cách nhau 8 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Vĩnh Bảo 5 dặm, phía tây đến địa giới huyện Thanh Miện phủ Bình Giang 26 dặm, phía nam đến địa giới huyện Phụ Dực tỉnh Nam Định 60 trượng, phía bắc đến địa giới huyện Tứ Kì 8 dặm. Từ đời

www.thuvien247.net

Trần về trước gọi là Đồng Lợi; thời thuộc Minh, do châu Hạ Hồng lãnh, lệ vào phủ Tân An; đầu đời Lê đổi làm Đồng Lại; đời Quang Thuận đổi tên hiện nay, lệ vào phủ Hạ Hồng; năm Gia Long thứ 10 đổi do phủ Ninh Giang kiêm lí. Trước lãnh 11 tổng, 108 xã thôn trang trại, năm Minh Mệnh thứ 19 trích lấy 3 tổng cho lệ vào huyện Vĩnh Bảo, nay lãnh 8 tổng, 88 xã thôn trang trại.

*Huyện Vĩnh Bảo*: ở cách phủ 77 dặm về phía đông nam. Đông tây cách nhau 15 dặm, nam bắc cách nhau 30 dặm, phía đông đến địa giới huyện Tiên Minh phủ Nam Sách 5 dặm, phía tây đến địa giới huyện Phụ Dực tỉnh Nam Định 12 dặm, phía nam đến cửa biển Thái Bình 20 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Tứ Kì 10 dặm. Năm Minh Mệnh thứ 19, trích 3 tổng Thượng Am, Đông Am và Ngải Am thuộc huyện Vĩnh Lại và 5 tổng An Bồ, Viên Lang, Đông Tạ, Bắc Tạ, Can Trì thuộc huyện Tứ Kì đặt làm huyện; năm Tự Đức thứ 5, bỏ tri huyện, do phủ kiêm nhiếp. Lãnh 8 tổng, 67 xã, thôn. Huyện lị ở xã Đông Tạ, nay bỏ.

*Huyện Gia Lộc*: ở cách phủ 32 dặm về phía tây bắc. Đông tây cách nhau 50 dặm, nam bắc cách nhau 26 dặm. Phía đông đến địa giới huyện Tứ Kì 6 dặm, phía tây đến địa giới huyện Đường Yên phủ Bình Giang 9 dặm, phía nam đến địa giới huyện

www.thuvien247.net

Vĩnh Lại 17 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Cẩm Giàng phủ Bình Giang 9 dặm. Xưa là huyện Trường Tân; thời thuộc Minh cũng theo như thế, thuộc châu Hạ Hồng, lệ vào phủ Tân An; năm Vĩnh Lạc thứ 6 hợp vào bản châu; đời Lê Quang Thuận đổi lệ vào phủ Hạ Hồng; sau đổi tên là Gia Phúc; đời Tây Sơn đổi tên hiện nay. Năm Minh Mệnh thứ 3, đổi phủ Hạ Hồng làm phủ Ninh Giang, vẫn thống hạt như cũ; năm thứ 13, tách do phân phủ thống hạt; năm thứ 19 đổi do phân phủ kiêm lí. Năm Tự Đức thứ 5, bỏ phân phủ, lại đặt tri huyện. Nay lãnh 9 tổng 85 xã thôn.

*Huyện Tứ Kì*: ở cách phủ 17 dặm về phía bắc; đông tây cách nhau 11 dặm, nam bắc cách nhau 19 dặm, phía đông đến địa giới huyện Thanh Hà phủ Nam Sách 5 dặm linh 105 trượng, phía tây đến địa giới huyện Vĩnh Lại 12 dặm linh 130 trượng, phía nam đến địa giới... phía bắc đến địa giới huyện Thanh Hà 6 dặm. Từ đời Trần về trước vẫn có tên huyện; thời thuộc Minh cũng theo như thế, thuộc châu Hạ Hồng lệ vào phủ Tân An; đời Lê Quang Thuận, đổi do phủ hạ hồng kiêm lí; năm Gia Long thứ 10, đổi do phủ thống hạt. Trước lãnh 13 tổng, 184 xã thôn; năm Minh Mệnh thứ 19, trích lấy 5 tổng cho lệ vào huyện Vĩnh Bảo, huyện hạt thì đổi lệ vào phân phủ; năm Tự Đức thứ 5, bỏ phân

www.thuvien247.net

phủ, cho lệ vào phân phủ; năm Tự Đức thứ 5, bỏ phân phủ, cho lệ vào phủ. Lãnh 8 tổng, 77 xã thôn.

*Phủ Nam Sách*: ở cách tỉnh thành 23 dặm về phía bắc; đông tây cách nhau 21 dặm, nam bắc cách nhau 29 dặm; phía đông đến địa giới huyện Đông Triều phủ Kinh Môn 13 dặm, phía tây đến địa giới huyện Quế Dương và huyện Phượng Nhãn tỉnh Bắc Ninh 8 dặm. Đời tiền Lê là Nam Sách Giang; thời thuộc Minh là châu Nam Sách, trước lệ phủ Lạng Giang, sau lệ phủ Tân An; đời Lê Diên Ninh chia làm lộ Nam Sách Thượng và lộ Nam Sách Hạ; đời Quang Thuận đặt Nam Sách thừa tuyên, sau đổi làm phủ, lãnh 4 huyện; năm Minh Mệnh thứ 13, trích huyện Thanh Hà và huyện Tiên Minh đặt làm phân phủ; năm Tự Đức thứ 5 bỏ phân phủ. Nay lãnh 4 huyện:

*Huyện Chí Linh*: đông tây cách nhau 21 dặm, nam bắc cách nhau 16 dặm; phía đông đến địa giới huyện Đông Triều phủ Kinh Môn 13 dặm, phía tây đến địa giới huyện Quế Dương và huyện Phượng Nhãn tỉnh Bắc Ninh 8 dặm, phía nam đến địa giới huyện Thanh Lâm 8 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Lục Ngạn tỉnh Bắc Ninh 8 dặm. Từ đời Trần về trước gọi là Bàng Châu; thời thuộc Minh mới đặt làm huyện, thuộc châu Nam Sách, lệ vào phủ Lạng Giang, sau đổi lệ phủ Tân An; đời Lê Quang

www.thuvien247.net

Thuận đổi lệ vào phủ Nam Sách, bản triều vẫn theo như thế, do phủ Nam Sách kiêm lí. Lãnh 7 tổng, 65 xã thôn.

*Huyện Thanh Lâm*: ở cách phủ 13 dặm về phía nam; đông tây cách nhau 16 dặm, nam bắc cách nhau 11 dặm, phía đông đến địa giới huyện Chí Linh 7 dặm, phía tây đến địa giới huyện Lang Tài tỉnh Bắc Ninh 9 dặm, phía nam đến địa giới huyện Cẩm Giàng phủ Bình Giang 7 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Chí Linh 4 dặm. Xưa gọi là Bàng Châu; thời thuộc Minh mới đặt làm huyện, thuộc châu Nam Sách, lệ vào phủ Lạng Giang, sau hợp vào bản châu, đổi lệ phủ Tân An; đời Lê Quang Thuận lại đặt huyện phủ Nam Sách; năm Tự Đức thứ 5, bỏ tri huyện, do phủ kiêm nhiếp. Lãnh 10 tổng, 82 xã thôn. Huyện lị tại xã Vạn Tải, nay bỏ.

*Huyện Thanh Hà*: ở cách phủ 35 dặm về phía đông; đông tây cách nhau 17 dặm, nam bắc cách nhau 23 dặm, phía đông đến địa giới huyện Kim Thành phủ Kiến Thuỵ 9 dặm, phía tây đến địa giới huyện Tứ Kì phủ Ninh Giang 9 dặm, phía nam đến..., phía bắc đến địa giới huyện Kim Thành 14 dặm. Từ đời Trần về trước gọi là Bàng Hà; thời thuộc Minh gọi là Bình Hà, thuộc châu Nam Sách, lệ vào phủ Lạng Giang; đời Lê Quang Thuận chia làm hai huyện Bình Hà và Tân Minh, lệ vào phủ Nam Sách; sau

www.thuvien247.net

đổi tên hiện nay. Năm Minh Mệnh thứ 13, đặt riêng làm phân phủ kiêm lí, năm Tự Đức thứ 5, bỏ phân phủ, lại đặt tri huyện. Lãnh 10 tổng, 64 xã thôn.

*Huyện Tiên Minh*: ở cách phủ 64 dặm về phía đông nam; đông tây cách nhau 34 dặm, nam bắc cách nhau 21 dặm; phía đông đến cửa Úc 29 dặm, phía tây đến địa giới huyện Tứ Kì phủ Ninh Giang 5 dặm, phía nam đến địa giới huyện Cẩm Giàng phủ Ninh Giang 17 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Kim Thành phủ Kiến Thuỵ 4 dặm. Xưa là đất huyện Bình Hà; đời Lê Quang Thuận tách ra đặt huyện Tân Minh sau vì tránh tên huý đổi tên hiện nay, năm Minh Mệnh thứ 13, do phân phủ thống hạt; năm Tự Đức thứ 5, bỏ phân phủ, do huyện Thanh Hà kiêm nhiếp. Lãnh 12 tổng, 92 xã thôn. Huyện lị tại xã Thai Công, nay bỏ.

*Phủ Kinh Môn*: ở cách tỉnh thành 30 dặm về phía đông bắc; đông tây cách nhau 51 dặm, nam bắc cách nhau 28 dặm, phía đông đến địa giới huyện Yên Hưng tỉnh Quảng Yên 47 dặm, phía tây đến địa giới huyện Kim Thành phủ Kiến Thuỵ 4 dặm, phía nam đến địa giới huyện Kinh Thành 1 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Lục Ngạn tỉnh Bắc Ninh 27 dặm. Xưa là lộ Hải Đông; thời thuộc Minh là đất phủ Tân An; đời Lê Quang Thuận đặt tên phủ hiện nay, lệ trấn Hải Dương; đời Tây Sơn đổi lệ

www.thuvien247.net

trấn Yên Quảng; năm Gia Long thứ nhất trở lại như cũ. Trước lãnh 7 huyện (nhà Lê gọi là 7 huyện thuộc phủ Kinh Môn, lại gọi là 7 quận); năm Minh Mệnh thứ 14, trích lấy hai huyện An Dương và An Lão đặt riêng làm phân phủ; năm thứ 18, bỏ phân phủ, lại trích lấy 4 huyện Nghi Dương, An Dương, Kim Thành và An Lão, đặt thêm phủ Kiến Thuỵ. Nay lãnh 4 huyện:

*Huyện Giáp*[1] *Sơn*: đông tây cách nhau 16 dặm, nam bắc cách nhau 7 dặm; phía đông đến địa giới huyện Thuỷ Đường 12 dặm, phía tây đến địa giới huyện Kim Thành phủ Kiến Thuỵ 4 dặm, phía nam đến địa giới huyện Kim Thành 1 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Đông Triều 6 dặm. Từ đời Trần về trước gọi là Thiểm Sơn; thời thuộc Minh vẫn theo như thế, lệ vào phủ Tân An; đời Lê Quang Thuận gọi là Giáp Sơn, đổi lệ vào phủ Kinh Môn; bản triều vẫn theo như thế, do phủ kiêm lí. Lãnh 7 tổng, 67 xã thôn phường.

*Huyện Đông Triều*: ở cách phủ 18 dặm về phía đông bắc; đông tây cách nhau 56 dặm, nam bắc cách nhau 29 dặm, phía đông đến địa giới huyện Yên Hưng tỉnh Quảng Yên 34 dặm, phía tây đến

---

[1] Theo từ thư thì chữ này âm là *hiệp* nhưng nay phổ thông gọi tên huyện là *Giáp Sơn*.

www.thuvien247.net

địa giới huyện Chí Linh phủ Nam Sách 22 dặm, phía nam đến địa giới huyện Giáp Sơn 10 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Lục Ngạn tỉnh Bắc Ninh 19 dặm. Từ đời Trần về trước gọi là huyện Đông Triều; thời thuộc Minh vẫn theo như thế, thuộc châu Đông Triều, sau hợp vào bản châu, vẫn lệ vào phủ Tân An; đời Lê Quang Thuận đặt làm huyện, lệ phủ kinh Môn; bản triều vẫn theo như thế; năm Tự Đức thứ 5 bỏ tri huyện, do phủ kiêm nhiếp. Lãnh 11 tổng, 98 xã thôn. Huyện lị ở xã An Lâm, nay bỏ.

*Huyện Thuỷ Đường*: ở cách phủ 30 dặm về phía đông nam; đông tây cách nhau 25 dặm, nam bắc cách nhau 23 dặm, phía đông đến địa giới huyện Giáp Sơn 9 dặm, phía nam đến địa giới huyện An Dương phủ Kiến Thuỵ 3 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Đông Triều 30 dặm. Xưa là Nam Triệu Giang; tên huyện mới thấy từ thời thuộc Minh, thuộc châu Đông Triều, lệ phủ Tân An; đời Lê Quang Thuận, đổi lệ phủ (Kinh Môn), bản triều vẫn theo như thế. Lãnh 12 tổng, 78 xã thôn.

*Phủ Kiến Thuỵ*: ở cách tỉnh thành 75 dặm về phía đông nam; đông tây cách nhau 27 dặm, nam bắc cách nhau 37 dặm, phía đông đến biển giáp địa giới huyện Yên Hưng tỉnh Quảng Yên một dặm, phía tây đến địa giới huyện Tiên Minh phủ Nam

www.thuvien247.net

Sách 23 dặm, phía nam đến cửa Úc địa giới huyện Tiên Minh phủ Nam Sách 13 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Thuỷ Đường phủ Kinh Môn 24 dặm. Nguyên là đất phủ Kinh Môn, năm Minh Mệnh thứ 18, tách ra đặt phủ, lại lấy hai huyện Kim Thành và An Lão đặt riêng làm phân phủ; năm Tự Đức thứ 5 bỏ phân phủ. Nay lãnh 4 huyện:

*Huyện Nghi Dương*: đông tây cách nhau 15 dặm, nam bắc cách nhau 26 dặm, phía đông đến biển giáp địa giới huyện Yên Hưng tỉnh Quảng Yên 1 dặm, phía tây đến địa giới huyện An Lão 14 dặm, phía nam đến cửa Úc địa giới huyện Tiên Minh phủ Nam Sách 13 dặm, phía bắc đến địa giới huyện An Dương 13 dặm. Huyện đặt từ đời Lê Quang Thuận, thuộc phủ Kinh Môn, bản triều năm Minh Mệnh thứ 18 đổi do phủ hiện nay kiêm lí. Lãnh 12 tổng, 57 xã thôn phường.

*Huyện An Dương*: ở cách phủ 24 dặm về phía đông nam, đông tây cách nhau 28 dặm, nam bắc cách nhau 9 dặm; phía đông đến địa giới huyện Yên Hưng tỉnh Quảng Yên 27 dặm, phía tây đến địa giới huyện An Lão 1 dặm, phía nam đến địa giới huyện An Lão 2 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Giáp Sơn phủ Kinh Môn 7 dặm. Huyện đặt từ đời Lê Quang Thuận thuộc phủ Kinh Môn; bản triều năm Minh Mệnh thứ 14 do phủ Kinh Môn kiêm lí; năm

www.thuvien247.net

thứ 18 đổi lệ vào phủ Kiến Thuỵ. Năm Tự Đức thứ 5 bỏ tri huyện do phủ kiêm nhiếp. Lãnh 9 tổng, 63 xã thôn. Huyện lị ở xã Tri Yến, nay bỏ.

*Huyện Kim Thành*: ở cách phủ 41 dặm về phía tây bắc, đông tây cách nhau 16 dặm, nam bắc cách nhau 25 dặm, phía đông đến địa phận huyện Giáp Sơn phủ Kinh Môn 12 dặm, phía tây đến địa giới huyện Thanh Hà phủ Nam Sách 4 dặm, phía nam đến địa giới huyện Thanh Hà 8 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Tứ Kì phủ Ninh Giang 17 dặm. Xưa là đất Phí Gia thuộc Trà Hương; thời thuộc Minh gọi là huyện Cổ Phí, do châu Đông Triều lãnh, lệ phủ Tân An; đời Lê Quang Thuận đổi tên huyện hiện nay; lệ phủ Kinh Môn, bản triều năm Minh Mệnh thứ 14 đổi lệ phủ Kiến Thuỵ; lại đặt do phân phủ kiêm lí; năm Tự Đức thứ 5, bỏ phân phủ, đặt tri huyện. Lãnh 11 tổng, 81 xã phường.

*Huyện An Lão*: ở cách phủ 16 dặm về phía tây; đông tây cách nhau 18 dặm, nam bắc cách nhau 15 dặm; phía đông đến địa giới huyện Nghi Dương 8 dặm, phía tây đến địa giới huyện Tiên Minh phủ Nam Sách 10 dặm, phía nam đến địa giới huyện Tiên Minh 6 dặm, phía bắc đến địa giới huyện An Dương 9 dặm. Từ đời Trần về trước vẫn có tên huyện, thời thuộc Minh cũng theo như thế; thuộc châu Đông Triều, lệ phủ Tân An; đời Lê Quang Thuận, đổi lệ

www.thuvien247.net

phủ Kinh Môn, bản triều năm Minh Mệnh thứ 14, do phủ Kinh Môn thống hạt; năm thứ 18 đổi lệ vào phủ Kiến Thuỵ; năm Tự Đức thứ 5, bỏ tri huyện, do huyện Kim Thành kiêm nhiếp. Lãnh 10 tổng, 62 xã thôn. Huyện lị ở xã Đông Cánh, nay bỏ.

## HÌNH THẾ

Đất ở lệch về một bên xứ Bắc Kì dựa núi bọc biển, hình thế vững vàng; núi cao có Yên Tử, Đông Triều, sông lớn có Hàm Giang, Lục Đầu. Mặt tây nam nội rộng đất bằng, đường sông như mắc cửi, mặt đông bắc núi cao biển rộng, thế rất hiểm trở, về việc phòng bị quan hệ rất nhiều. Đến như Nam Triệu, Đồ Sơn là khu sát biển, phía đông liền với Quảng Yên, khống chế lẫn nhau, thực là đất quan yếu ở bờ cõi mặt biển.

## KHÍ HẬU

Khí hậu cũng như Hà Nội, duy đất gần biển nên những tháng mùa thu, mùa hạ nhiều gió đông nam, mồng 10 tháng 8 thường có gió lớn mưa to, 20 tháng 9 và mồng 5 tháng 10, có rươi, nước sông đầy dẫy, thường nổi gió bão, tục gọi là động rươi. Nước thuỷ triều mỗi tháng hai lần lên xuống (như các tháng Giêng tháng 7 vào những ngày mồng 5 và 19 con nước mới sinh, giờ Thìn lên to và giờ Tị rút xuống v.v... Mỗi khi gặp ngày con nước sinh, thì con

www.thuvien247.net

nước cũ bắt đầu xuống mà con nước mới tiếp sinh, thế nước còn yếu, đến ngày thứ ba nước mới lớn thì con nước cũ rút hết, đến ngày thứ bảy thì nước cường, ngày hôm sau thì kém dần rồi lại 7 ngày nữa thì con nước sẽ sinh) duy tháng 2 và tháng 8 mỗi tháng ba lần (vào những ngày mồng 3, 17 và 29, giờ Tị lên to và giờ Ngọ rút xuống) - *Xét*: Từ Nghệ An trở ra Bắc, những địa phận gần biển, thuỷ triều đều như thế cả.

## PHONG TỤC

Phong tục cũng như Hà Nội, sĩ phu chuộng nghĩa giữ tiết (bài tựa *Hải Dương phong tục kí* của Phạm Quí Thích đại lược nói: "Thượng Hồng, Hạ Hồng và các huyện Chí Linh, Thanh Lâm phủ Nam Sách, phong tục văn nhã gần hợp với lễ, còn 7 huyện khác thì phong tục hung hãn vũ dũng, gần hợp với nghĩa, đấy là nói đại khái phong tục ngày thường. Đến như, qua miếu Phù Ủng mà tưởng nhớ di phong Phạm Ngũ Lão, qua quán Trung Tân mà tưởng nhớ đến di phong Nguyễn Bỉnh Khiêm; di phong Nguyễn Mại xã Ninh Xá có chính tích ở trấn Sơn Tây, di phong Phạm Đình Trọng xã Khinh Dao mưu mô đánh dẹp, lớn tiếng mắng giặc như Trương Phu Duyệt; hết lòng vì nước như Nguyễn Cảnh Tuân; chí khí thanh cao siêu thoát trong lúc hưng vong như Lý Tử Cấu, nay đi qua hương ấp còn nhớ

www.thuvien247.net

di phong". Năm Canh Thân đời Lê Vĩnh Hựu mất mùa, trộm cướp như ong, Nguyễn Trọng Danh, người xã Sài Trang huyện Đường Hào, đem dân 4 xã Sài Trang, Thuỵ Trang, Đường Trang, Nghĩa Trang[1], cố sức giữ làng không chịu theo giặc, được ban biển vàng đề ba chữ "Trung nghĩa dân". Đời Chiêu Thống, vua chạy sang xứ Đông, viên quản binh và viên huấn đạo cũ huyện Thanh Hà xướng nghĩa cần vương, được sĩ dân hưởng ứng. Năm Mậu Thìn đời Gia Long bản triều, giặc Tầu Ô phiến động, dân các huyện Tiên Minh, Nghi Dương, Vĩnh Lại, Thuỷ Đường, người thì đò tình hình giặc báo quan, người thì đem thóc giúp quân, họ chuộng nghĩa, hăng hái việc công, ra trận đánh hăng, bắt được nhiều giặc, được ơn ban thưởng... Năm Nhâm Tuất đời Tự Đức, giặc biển gây việc, đánh phủ vây huyện; quan quân mới tiến đến Bình Giang, sĩ quân huyện Đường An có người nộp tiền thóc để giúp quân, có người đêm đinh tráng ra giết giặc. Các xã trong tổng Sài Trang huyện Đường Hào cùng nhau đoàn kết cố giữ, giặc không dám phạm, triều đình nghe biết, có ban ơn thưởng). Công nghệ cũng tinh xảo (như thợ vàng, thợ thiếc, thợ nhuộm, thợ khắc, thợ cân, thợ giày, thợ sơn v.v...). Duy dân xã Bạch

[1] Bốn xã này sau đều thuộc huyện Yên Mĩ tỉnh Hưng Yên.

www.thuvien247.net

di phong". Năm Canh Thân đời Lê Vĩnh Hựu mất mùa, trộm cướp như ong, Nguyễn Trọng Danh, người xã Sài Trang huyện Đường Hào, đem dân 4 xã Sài Trang, Thuỵ Trang, Đường Trang, Nghĩa Trang[1], cố sức giữ làng không chịu theo giặc, được ban biển vàng đề bà chữ "Trung nghĩa dân". Đời Chiêu Thống, vua chạy sang xứ Đông, viên quản binh và viên huấn đạo cũ huyện Thanh Hà xướng nghĩa cần vương, được sĩ dân hưởng ứng. Năm Mậu Thìn đời Gia Long bản triều, giặc Tầu Ô phiến động, dân các huyện Tiên Minh, Nghi Dương, Vĩnh Lại, Thuỷ Đường, người thì đò tình hình giặc báo quan, người thì đem thóc giúp quân, họ chuộng nghĩa, hăng hái việc công, ra trận đánh hăng, bắt được nhiều giặc, được ơn ban thưởng... Năm Nhâm Tuất đời Tự Đức, giặc biển gây việc, đánh phủ vây huyện; quân quân mới tiến đến Bình Giang, sĩ quân huyện Đường An có người nộp tiền thóc để giúp quân, có người đem đinh tráng ra giết giặc. Các xã trong tổng Sài Trang huyện Đường Hào cũng nhau đoàn kết cố giữ, giặc không dám phạm, triều đình nghe biết, có ban ơn thưởng). Công nghệ cũng tinh xảo (như thợ vàng, thợ thiếc, thợ nhuộm, thợ khắc, thợ cân, thợ giày, thợ sơn v.v...). Duy dân xã Bạch

[1] Bốn xã này sau đều thuộc huyện Yên Mĩ tỉnh Hưng Yên.

www.thuvien247.net

Sam và Dị Sử[1] gián hoặc có thói điêu hoa, dân phủ Kinh Môn và Kiến Thuỵ nhiều người hung hãn, là do tập tục xui nên; tổng Đồ Sơn tế thần có tục chọi trâu, là theo tục Đãn Hộ[2]

## THÀNH TRÌ

*Thành tỉnh Hải Dương*: chu vi 551 trượng 6 thước, cao 1 trượng 1 thước 2 tấc; thân thành có 6 góc, mở 4 cửa, hào rộng 11 trượng, sâu 6 thước; ở địa phận các xã Hàm Giang, Hàm Thượng và Bình Lao huyện Cẩm Giàng; đời Lê Quang Thuận, lị sở của trấn ở xã Mặc Động (tục gọi Dinh Lệ) huyện Chí Linh, sau dời đến xã Mao Điền (tục gọi Dinh Dậu) huyện Cẩm Giàng. Năm Gia Long thứ 3 dời đến chỗ hiện nay (tục gọi trấn Hàm), thành đắp đất; năm Minh Mệnh thứ 5 đổi xây đá ong; năm Tự Đức thứ 19, đắp thêm thành Dương Mã ở cửa nam dài 61 trượng; ở cửa đông dài 63 trượng, ở cửa tây dài 62 trượng và ở cửa bắc dài 10 trượng; đều cao 5 thước 4 tấc, hào rộng 3 trượng 3 thước, sâu 6 thước.

*Thành phủ Bình Giang*: thành đất, chu vi 208 trượng, cao 7 thước 1 tấc, bốn mặt đào hào, có 3 cửa, ở địa phận các xã Hoạch Trạch và Mộ Trạch huyện

---

[1] Hai xã này sau đều thuộc huyện Mĩ Hào, tỉnh Hưng Yên.

[2] Đãn Hộ: chủng tộc Nam man, phần nhiều ở thuyền, chuyên làm nghề chài lưới (xem *Từ Hải*).

www.thuvien247.net

Đường Yên, trước ở đại phận xã Lê Xá tổng Phúc Lâm; năm Minh Mệnh thứ 12, dời đến chỗ hiện nay.

*Lị sở huyện Đường Hào*: ở xã Dị Sử, trước ở xã Phù Vệ, năm Gia Long thứ 17 dời đến chỗ hiện nay.

*Lị sở huyện Cẩm Giàng*: ở xã Kim Quan, trước ở xã Trữ La, năm Minh Mệnh thứ 19 dời đến chỗ hiện nay.

*Thành phủ Ninh Giang*: thành đất, chu vi 171 trượng 6 thước, cao 7 thước 2 tấc, bốn mặt đào hào, có 3 cửa ở xã Chanh Xuyên huyện Vĩnh Lại; trước ở huyện Gia Lộc, có thuyết nói tại địa phận xã Kinh Triều, năm Gia Long thứ 7 dời đến xã Quí Cao huyện Tứ Kì, năm thứ 10, lại dời đến xã Phù Cựu, huyện Vĩnh Lại; năm Minh Mệnh thứ 11 dời đến chỗ hiện nay.

*Lị sở huyện Gia Lộc*: ở xã Hội Xuyên.

*Lị sở huyện Tứ Kì*: ở xã La Tỉnh; xưa ở đại phận xã Tứ Kì, đời Lê Cảnh Hưng dời đến xã Mặc Xá, năm Gia Long thứ 7 đổi làm phủ lị (Ninh Giang), và dời đến xã Quí cao, năm thứ 10 lại làm lị sở huyện Tứ Kì.

*Thành phủ Nam Sách*: thành đất, chu vi 208 trượng, cao 7 thước 2 tấc, bốn mặt đào hào, có 3 cửa, trước ở xã Vạn Tải huyện Thanh Lâm, năm Gia Long thứ 7 dời đến chỗ hiện nay.

www.thuvien247.net

*Lị sở huyện Thanh Hà*: ở xã Hương Đại.

*Thành phủ Kinh Môn*: thành đất, chu vi 271 trượng 6 thước; cao 7 thước 2 tấc, bốn mặt đào hào, có 3 cửa, ở xã Tuấn Trì huyện Giáp Sơn, trước ở xã Cổ Dũng huyện Kim Thành, năm Gia Long thứ 7 dời đến xã Xuyên Đông huyện Giáp Sơn, năm thứ 11 dời đến xã Hà Trường, năm Minh Mệnh thứ 10, dời đến chỗ hiện nay.

*Lị sở huyện Thuỷ Đường*: ở xã Xử Bái.

*Thành phủ Kiến Thuỵ*: thành đất, chu vi 133 trượng, cao 5 thước, bốn mặt đào hào, có 2 cửa, ở xã Minh Liễn huyện Nghi Dương, trước huyện lị ở xã Tú Đôi, năm Minh Mệnh thứ 18, đổi làm phủ, nên dời lị sở đến đây.

*Lị sở huyện Kim Thành*: trước ở xã Hoàng Xá, năm Gia Long thứ nhất; dời đến xã Phù Tải.

*Lị sở huyện Đông Triều*: ở xã Yên Lâm, trước ở xã Đông Triều; năm Tự Đức thứ 5 mới dời đến chỗ hiện nay.

## TRƯỜNG HỌC

*Trường học tỉnh Hải Dương*: ở phía hữu tỉnh thành, thuộc địa phận hai xã Hàm Giang và Bình Lao dựng năm Minh Mệnh thứ 7.

www.thuvien247.net

*Trường học phủ Bình Giang*: ở phía đông phủ lị, dựng năm Minh Mệnh thứ 7.

*Trường học huyện Đường Hào*: ở phía tả phủ lị, dựng năm Minh Mệnh thứ 7.

*Trường học huyền Cẩm Giàng*: ở phía tả huyện lị.

*Trường học phủ Ninh Giang*: ở phía tả phủ thành, dựng năm Minh Mệnh thứ 7.

*Trường học huyện Gia Lộc*: ở trong lị sở của huyện, dựng năm Minh Mệnh thứ 5.

*Trường học huyện Tứ Kì*: ở phía đông huyện lị.

*Trường học phủ Nam Sách*: ở phía tả phủ thành, dựng năm Minh Mệnh thứ 12.

*Trường học huyện Thanh Hà*: ở trước huyện lị.

*Trường học phủ Kinh Môn*: ở phía hữu phủ thành, dựng năm Minh Mệnh thứ 19.

*Trường học huyện Thuỷ Đường*: ở phía tả huyện lị.

*Trường học phủ Kiến Thuỵ*: ở phía hữu phủ thành, dựng năm Minh Mệnh thứ 19.

*Trường học huyện Kim Thành*: ở phía đông huyện lị, dựng năm Minh Mệnh thứ 12.

www.thuvien247.net

## HỘ KHẨU

Năm Gia Long thứ 18, số đinh hơn 23.900 người, nay hơn 43.900 người.

## THUẾ RUỘNG

Ruộng đất 425,547 mẫu, ngạch thuế là 260,319 hộc thóc, 154.417 quan tiền, 2.840 lạng bạc.

## NÚI SÔNG

*Núi Yên Tử*: ở cách huyện Đông Triều 35 dặm về phía đông bắc, có tên nữa là Tượng Sơn, nhánh tả đổ xuống làm tổ sơn các núi miền Hải Đông. Năm Tự Đức thứ 3, liệt vào hàng danh sơn, chép trong điển thờ.

*Xét*: Núi này các vua triều Trần cho là đất danh thắng nên dùng làm chỗ tham thiền; các hoà thượng Pháp Loa và Huyền Quang đều từng tu ở đây. Trên núi có am Tử Tiêu (một bản chép là am Ngoạ Vân) có viện Thạch Thất Mị Ngữ, do Trần Nhân Tông dựng. Khe Giải Oan rộng ước 2 trượng, phát nguyên từ đỉnh núi, sắc nước xanh biếc và giá buốt, cũng gọi là Hổ Khê, thơ của Huyền Quang có câu:

*Dĩ can long đông nhật*[1]

---

[1] Bài thơ này có chép ở *Lịch triều hiến chương loại chí* và *Hoàng Việt địa dư chí*, nhưng có khác đôi chút.

www.thuvien247.net

*Do xích Hổ Khê băng.*
*Báo quốc vô dư sách;*
*Phù suy trượng sấu đẳng*
*Trúc đa túc điểu quá*
*Bán tháp bạn nhàn tăng.*
(*Long động mặt trời cao cây sào,*
*Hổ Khê băng giá còn hàng thước.*
*Báo ơn không sách lược; gậy song đỡ thân già.*
*Trúc nhiều, chim ngủ đậu.*
*Nửa giường bạn sư ta*).

là chỉ vào chỗ này (chùa Long Động ở chân núi, tục gọi chùa Lân).

Từ ngọn núi giữa lên thẳng chùa Giải Oan, ở phía tây chùa có khe, có hàng ngàn cây thông cao, trong ấy có chùa Thanh Vân, núi đá gọi là núi Hạ Kiệu, đặt tên như thế là vì Trần Anh Tông dừng kiệu ở đây. Gần đây có ba am: Am đá ở giữa rất cao lớn, là am để xá lị của Anh Tông; hai am tả hữu là chỗ ở của Pháp Loa và Huyền Quang. Lại có chùa Hoa Yên, tả hữu dựng viện Phù Đổ, lầu trống lầu chuông, nhà dưỡng tăng, nhà nghỉ khách; sườn núi lại có nhà cửa suốt đến xứ Thanh Lương, bên trong rất âm u tịch mịch, triều Trần cứ đến

www.thuvien247.net

mùa xuân thì ngự y lên luyện thuốc ở đây, lại có Long Khê rộng hơn một trượng, nước từ đỉnh núi đổ xuống, chỗ nước giội vào đá lõm xuống sâu đến 5 thước, nước xối xuống mạnh tiếng ầm ầm; khe này chảy xuống đến khe Giải Oan thì hai dòng hợp nhau; lại có chùa Am Tượng, trước chùa trồng nhiều cây mộc tê, hoa nở thơm ngào ngạt, câu thơ của Thái Thuận nói: "Nhất thanh thu tại mộc tê hoa" (Tiếng thu thác ở hoa mộc tê) tức là đây; xế về phía tả có các chùa Thung Am và Dược Am; từ chùa Hoa Yên lên đến gần đỉnh núi, lại có chùa Vân Tiên. Chùa có nhiều dấu linh dị, sơn tăng cứ ngày sóc ngày vọng lên chùa thắp hương xong, liền xuống núi trú ở chùa Hoa Yên. Một lần có một vị sư đêm ngủ trong chùa, mộng thấy sơn thần bảo rằng: "Chỗ này là thiên phủ thanh hư, không phải chỗ nghỉ ngơi của phàm trần". Từ đấy tăng đồ lễ bái dọn dẹp, cứ lấy tiếng chông chiều của Thần Khê làm hạn. Phía tả chùa có một đường nhỏ, đi nửa trống canh đến xứ Chợ Trời, rộng ước 5 mẫu, có hoa trúc che phủ, hai bên có ao sen, khoảng tháng 7 tháng 8, hoa thơm ngào ngạt dáng ưa. Nội nhân họ Trịnh, dựng chùa đồng ở đây, ngói lợp bằng đồng, lại đúc hai pho tượng. Năm Canh Thân đời Lê Cảnh Hưng, kẻ trộm lấy mất ngói đồng, chỉ tượng và rường cột còn lại mà thôi; nền chùa có bàn cờ bằng đá, tục gọi "bàn cờ tiên", con cờ đều

www.thuvien247.net

bằng đá xanh, chữ khắc rất đẹp, không rõ bắt đầu từ đời nào. Đứng cao trông xa cảnh cả trước mắt. Bài kí "Động Thiên phúc địa" của Tôn Quang Đình nhà Đường nói: "Núi Yên Tử là một trong 72 phú địa của nước ta", người ta nói là núi này; *Đại Thanh nhất thống chí* nói: Núi Yên Tử là chỗ đắc đạo của Yên Kì Sinh nhà Hán. Năm Tự Đức thứ 3, liệt vào hàng danh sơn, chép trong điển thờ.

*Núi Quỳnh Lâm*: ở cách huyện Đông Triều 6 dặm lệch về phía đông bắc, một dải Côn Sơn chạy dài kéo đến hai ngọn Yên Tử và Yên Phụ sừng sững đối nhau ở trước và sau; cái gò phẳng ở dưới núi có ngôi chùa. Lại núi Đồn Sơn đứng sững ở bến sông Yên Điền, đối ngạn núi non la liệt như hình voi ngựa nên gọi là "Đồn Sơn"; ở dưới có bến đò là bến "Đồn Sơn". Lại có một quả núi đứng sững giữa dòng, như hình con mèo, nên gọi là "núi Mèo"

*Núi Thiên Kì*: ở địa giới huyện Đông Triều, cũng là danh thắng. Vua Trần từng lên chơi dừng chân ở đấy, Lê Quát có thơ đề vịnh.

*Núi Đông Sơn*: ở xã Bích Nham huyện Đông Triều, có chùa Hàm Long.

*Núi Đầu Hươu*: Lộc Đầu, ở xã Yên Tử thuộc huyện Đông Triều. Tương truyền, xưa vua Trần

www.thuvien247.net

Nhân Tông qua đấy, dân dâng đầu hươu làm cơm, nên gọi tên thế; lại tương truyền lúc ấy dân làm cỗ ngọn dâng vua, nên cho đặt tên là xã Mĩ Cụ.

*Núi Đạm Thuỷ*: ở cách huyện Đông Triều 5 dặm về phía tây, dưới núi có ao Tích Lịch, sét đánh vào đá lõm xuống, nước không bao giờ cạn, nên gọi thế. Lại có chùa Vân Khánh và quán Ngọc Thanh.

*Núi Bác Mã*: ở cách huyện Đông Triều 11 dặm về phía tây bắc. Mạch núi từ núi Yên Tử kéo đến đây thì nổi bật lên các ngọn, như làn sóng xô nhau dồn đến; phía hữu có một ngọn đột ngột nổi lên, cao ngang với núi Bác Mã, bên dưới có ao rộng hơn 50 trượng, nước rất trong mát, trên bờ ao có chùa Phúc Chủ.

*Núi Côn Sơn*: ở cách huyện Chí Linh 21 dặm về phía đông bắc, như hình kì lân, nên lại gọi là núi Kì Lân; trên núi có động Thanh Hư, do tư đồ nhà Trần là Trần Nguyên Đán xây dựng, là chỗ uống rượu vịnh thơ của ông trong buổi về hưu, ông có tập *Băng Hồ*. Nguyễn Trãi nhà Lê về già cũng ở đây; dưới núi có ao gọi là giếng Mắt Rồng, nước khe chảy quanh trước sau, có cầu Thấu Ngọc và am Bạch Vân, trên đỉnh núi có chùa Tư Phúc. Hoà thượng Pháp Loa dựng các am Hồ Thiên, Chân Lạc để ở. Vua Trần Thái Tông từng đến chơi. Tương truyền, Hoà thượng Huyền Quang cũng tu ở đấy. Phong tục

www.thuvien247.net

ở đấy, cứ đầu mùa xuân trai gái đến chùa dâng hương, hàng tuần mới tan, là thắng hội cửa một phương. Đời Trần Minh Tông, trạng nguyên Lý Đạo Tái biệt hiệu Ứng Quang, cáo quan về ở ẩn tại đây. Lê Thái Tông cũng từng đến chơi có thơ đề vịnh.

*Núi Doanh Sơn*: ở cách huyện Chí Linh 13 dặm về phía bắc; núi cao 60 trượng, có tên nữa là núi Sùng Nghiêm, dưới núi cao có chùa cũng gọi là chùa Sùng Nghiêm, trên núi có giếng gọi là giếng Tiên. Sông Lý Dương lượn quanh trước mặt, các núi chầu về đằng sau, phía trên tiếp huyện Phượng Nhãn, suốt đến phủ Lạng Giang, phía dưới liền với huyện Đông Triều, suốt đến tỉnh Quảng Yên, cũng là một nơi quan yếu.

*Núi Nùng Sơn*: ở cách huyện Đông Triều 13 dặm về phía bắc. Triều Trần cho tên là núi Độc Tôn.

*Núi Phao Sơn*: ở cách huyện Chí Linh 14 dặm về phía tây bắc, trước mặt trông ra sông Lục Đầu, phong cảnh đáng yêu.

*Núi Dược Sơn*: ở cách huyện Chí Linh 19 dặm về phía bắc, tiếp với núi Vạn Yên, thuộc huyện Phượng Nhãn tỉnh Bắc Ninh, dưới núi có động Nam Tào, đối diện với động Bắc Đẩu núi Vạn Yên.

*Núi Phượng Hoàng*: ở cách huyện Chí Linh 12 dặm về phía bắc, có tên nữa là núi Kiệt Đặc, ngọn

www.thuvien247.net

giữa cao vót, hai cánh hai bên như hình chim phượng, nên gọi tên thế. Núi có động, đạo sĩ đời Trần là Huyền Quang luyện thuốc ở đấy; dưới núi có giếng, giếng có bùn đỏ, phơi khô thành son, nên gọi là giếng son; bên giếng có ao Rùa, quanh co ôm núi. Nhà Trần có dựng cung Tử Cực và điện Lưu Quang, là chỗ Chu Văn Trinh ở ẩn đi chơi, nền cũ vẫn còn; Nguyễn Trung Ngạn và Trần Nguyên Đán đều có thơ đề vịnh. *An Nam chí* chép: "Núi Kiệt Đặc có suối trong rửa đá, hang thẳm thổi gió, siêu thoát ra ngoài cảnh vật trên đời". Gần đấy có núi Lệ Kì, sườn núi có chùa Lệ Kì - Lại 99 ngọn núi ở cách huyện Đông Triều 6 dặm về phía tây nam, cũng gọi là núi Phượng Hoàng.

*Núi Vọng Nguyệt*: ở cách huyện Chí Linh 11 dặm về phía đông bắc, đèo nhỏ núi non liên tiếp, kéo dài đến núi Yên Phụ huyện Giáp Sơn, sau núi có thác Hàn, tiếng nước vang dội.

*Núi Yên Phụ*: ở cách huyện Giáp Sơn 1 dặm về phía bắc, cao 320 trượng, phía tây bắc la liệt các núi huyện Chí Linh huyện Đông Triều, phía đông nam quanh co các sông huyện Thuỷ Đường huyện Kim Thành. Trên núi có bài minh nói: "Phía tây núi huyện Chí Linh, phía đông bến huyện Thuỷ Đường, phía bắc núi Đông Triều, phía nam huyện Kim Thành". Đời trước người ta cho rằng hình thế núi mà đứng đối với núi Yên Tử, trang trọng thì

www.thuvien247.net

hơn, nhưng cao vót không bằng; giống như cha già đứng trước, con khoẻ đứng sau, nên lại có tên là Phụ Sơn. Trên núi có chùa cổ Tường Vân, đời Lê Hoằng Định, trích lấy bạc công giao Thiền sư Nam Nhạc phụ tu bổ, nay vẫn còn nền cũ. Núi này một đỉnh tròn trĩnh, hai ngọn vút cao, là tổ sơn của các núi huyện, trên núi có trụ Kình Thiên; sườn núi có hai ao, gọi là ao trời, giếng gọi là giếng trời, ao bên trong nước trong, ao bên ngoài nước đục; có đền thờ Yên Sinh Vương Trần Liễu.

*Núi Dương Nham*: ở cách huyện Giáp Sơn 6 dặm về phía bắc, liền tiếp với núi Yên Phụ, cao 160 trượng. Vua Trần Nhân Tông nhà Trần chống cự quân Nguyên đóng quân ở trên núi. Phạm Sư Mạnh, người Giáp Sơn làm nhà ở đây, sau nhân duyệt binh lên núi, đề thơ khắc vào đá, đến nay vẫn còn. Núi có 3 hang, hang giữa dài 16 trượng, rộng 2 trượng. *Hoàng diệp địa dư chí* chép: trong núi có hang sâu, thông lên trời, có tên gọi là Dương Cốc, lại một tên nữa là Thạch Môn. Lại có chùa Dương Nham, sau chùa có một hố sâu không cùng, thông đến sông lớn, hang bên tả dài 4 trượng, rộng 5 trượng, có miếu Minh Không Thiền sư; hang bên hữu dài 7 trượng, rộng 2 trượng, có miếu Lý Thần Tông[1].

---

[1] Phần "Chùa quán" dưới đây lại chép: bên tả thờ tượng Không Lộ, Đạo Hạnh và Huyền Quang, bên hữu thờ tượng vua Trần Anh Tông.

www.thuvien247.net

*Núi Vân Ổ*: ở cách huyện Thuỷ Đường 8 dặm về phía đông bắc, trên núi có chùa Hàm Long.

*Núi Thiếm Khê*: ở cách huyện Thuỷ Đường 12 dặm về phía bắc, đất đá lẫn lộn, tục gọi là thành "Thạch Bích", trước kia nhà Mạc họp quân ở đây.

*Núi Chu Cốc*: (Hang son): ở cách huyện Thuỷ Đường 13 dặm về phía bắc. Có đền thần rất thiêng. Lại Thiếm Khê có sông chảy về phía đông bắc qua đây đổ vào địa phận Quảng Yên, tức là một dòng của sông Bạch Đằng.

*Núi Voi*: (Tượng Sơn), ở cách huyện An Lão 8 dặm về phía tây bắc, hình thế như con voi nằm, núi có hang, trong có nhiều thạch nhũ.

*Núi Mã Yên*: ở xã Xuân Áng huyện An Lão.

*Núi Vụ Sơn*: ở xã Động Tĩnh huyện An Lão.

*Núi Đẩu Sơn*: ở cách huyện An Lão 9 dặm về phía đông bắc, bốn mặt cao vót, ở giữa trũng xuống và bằng phẳng hình như cái đấu. Trước kia nhà Mạc lường quân ở đây.

*Núi Đối Sơn*: ở cách huyện Nghi Dương 5 dặm về phía tây bắc; trên núi nổi lên năm toà đá xanh, người địa phương chạm gọt làm tượng, lập đề thờ.

*Núi Trà Sơn*: ở cách huyện Nghi Dương 7 dặm về phía tây.

www.thuvien247.net

*Núi Đồ Sơn*: ở cách huyện Nghi Dương 15 dặm về phía đông nam, sát biển chu vi 30 dặm, cao 80 trượng, ở giữa có 9 ngọn, nên cũng gọi là núi Cửu Long, trong ấy có một ngọn lớn hơn cả gọi là Mẫu Sơn. Thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm có câu: "Trung lưu nhất để trụ, Chướng đắc bách xuyên đông" (Một cột đá đứng giữa dòng; ngăn phía đông trăm con sông), tức là chỗ này. Dưới núi là dân cư ba xã Đồ Sơn, Đồ Hải và Ngọc Sơn; hai ngọn thứ bảy thứ tám, có nước chảy quanh ôm lấy, tục gọi Vụng Mát, rộng hơn 100 trượng, thuỷ triều lên sâu 1 trượng 5 thước, thuỷ triều xuống sâu 7 thước, thuyền ghe qua lại đậu dừng, duy dưới chân núi có nhiều mầm đá, theo thuỷ triều khi ẩn khi hiện, thuyền không dám đến gần; một ngọn ở đằng sau về phía hữu, đứng sững một mình, nên gọi là Độc Sơn; các núi ở phía tả, đối với đồi Song Ngư ở đằng xa, tục gọi Cồn Dừa. Khoảng năm Canh Thân đời Lê, Nguyễn Hữu Cầu người xã Lôi Động, huyện Thạch Hà hô hào dân chúng tụ họp ở địa đầu phủ Nam Sách, chiếm cứ núi này hơn mười năm, sau Phạm Đình Trọng đem binh các đạo dẹp yên được.

*Sông Lục Đầu*: ở cách huyện Chí Linh 14 dặm về phía nam, bên tả thuộc địa phận xã Phao Sơn trong huyện, bên hữu thuộc địa phận xã Phả Lại huyện Quế Dương tỉnh Bắc Ninh, ở chỗ giáp giới

www.thuvien247.net

tỉnh Đông và tỉnh Bắc. Sông này một chi từ sông huyện Phượng Nhãn tỉnh Bắc Ninh chảy đến, một chi từ sông Thiên Đức chảy đến, một chi từ sông Nguyệt Đức chảy đến, một chi từ sông Nhật Đức chảy đến, họp nhau ở Bình Than, đến xã Lý Dương, xưa gọi là vụng Lão Nhạn, thế nước mênh mông lại chia làm hai chi, một chi từ bến đò Lâu Khê mà chảy về nam, một chi từ sông Linh Hội mà chảy về đông, ấy là sông Lục Đầu; bãi giữa sông gọi là bãi Đại Than, hai chi phân tán ra nhiều ngả dọc ngang chằng chịt ở địa phận hai phủ Kinh Môn và Nam Sách rồi ra biển.

*Sông Hàm Giang*: ở huyện Cẩm Giàng, cách tỉnh thành 1 dặm về phía tây bắc. Sông rộng 177 trượng, sâu 1 trượng, từ sông Lục Đầu chảy đến, có một chi chảy về phía đông nam 4 dặm làm sông Trác Châu, một chi từ xã Nhân Lý huyện Thanh Lâm chảy đến hợp vào làm riêng một dòng về phía đông bắc, hợp ở xã Yên Điền, năm dòng lại chuyển sang phía nam 4 dặm, làm sông Nhuỵ Châu. Có một chi từ sông Bình Lao huyện Cẩm Giàng chảy đến hợp vào, giữa dòng sông nổi một bãi cát làm thành ba ngã Thiên Bồng, qua địa giới huyện Thanh Lâm liên tiếp với nhau chảy qua các huyện Thanh Hà, Gia Lộc và Tứ Kì gồm 62 dặm, đến bến sông Đáy (tục gọi ngã ba Đại Công). Có một chi từ bến Biện

www.thuvien247.net

tỉnh Hưng Yên chảy từ phía đông đến, lại chảy 23 dặm đến huyện Vĩnh Bảo làm thành sông Ngải Am, suốt đến cửa biển Thái Bình. Bản triều năm Tự Đức thứ 3, liệt vào hạng sông lớn, chép trong điển thờ – *Xét*: thuyền công hàng năm vận tải, từ ngã ba Đại Công ngược dòng qua các xã Hà Hải, Tranh Xuyên, Quang Dực, Phù Cực gồm 52 dặm, thông với ngã ba bến Biện huyện Phù Cừ tỉnh Hưng Yên, lại qua sông Canh Nông, đến sông Vị Hoàng tỉnh Nam Định mà ra cửa Liêu.

*Sông Lậu Khê*: ở cách huyện Thanh Lâm 11 dặm về phía bắc, từ sông Lục Đầu chia ra ba nhánh: Một nhánh chảy về phía tây bắc, quanh địa phận ba tổng An Trú, Lại Thượng, Hoàng kênh, quanh co gồm 33 dặm, đến xã Hoàng Kênh làm ngã ba sông; một nhánh chảy về phía nam qua 9 dặm làm sông Uông Thượng, chuyển sang phía tây 9 dặm, phía trên qua các xã Văn Thai, Đạn Trường ở phía đông huyện Cẩm Giàng, có một nhánh nhỏ từ sông Đạo Khê, qua phía đông huyện Cẩm Giàng đổ vào; lại chảy về phía đông 9 dặm làm sông Hàm Giang; ở phía dưới có một khe nhỏ từ xã Dục Kì huyện Thanh Lâm chảy qua lị sở huyện, qua các xã Phù Liễn và Mạc Xá gồm 10 dặm đến đổ vào, chảy 4 dặm đến xã Trác Châu, có một kênh nhỏ từ xã Bạch Di huyện Thanh Lâm, qua hai xã Nhân Lý và Mạn

www.thuvien247.net

Nhuệ gồm 11 dặm đến đổ vào. Lại chia ra một dòng chảy về phía đông bắc qua huyện Chí Linh làm sông An Điền (tục gọi ngã ba Tuần Mây); chảy về phía nam 3 dặm, đến xã Nhuỵ Châu huyện Thanh Lâm, có một chi từ sông Đạo Khê qua xã Bá Thuỷ huyện Cẩm Giàng chảy đến (tục gọi ngã ba Cầu Trớ) qua đò Thạch Khôi, huyện Gia Lộc đến xã Bình Lao huyện Cẩm Giàng gồm 38 dặm, chảy về phía đông đổ vào, làm ngã ba sông Hàm Giang, lại chảy 4 dặm đến ngã ba xã Ngọc Lặc (tục gọi ngã ba Kênh Câu), có một dòng khác, từ phía đông chảy vào sông xã Đại Điền (tục gọi bến Mè), chảy qua bến xã Cập Thượng ở phía tây bắc huyện Thanh Hà gồm 21 dặm, đến xã Tráng Liệt (tục gọi bến Trứng), lại chảy 6 dặm đến ngã ba sông xã Thống Lĩnh (tục gọi ngã ba Kênh Phù); qua bến đò Kiếm Tị (tục gọi Mũi Gươm), rồi lại hợp với giòng chính của sông Hàm Giang, quanh co đến ngã ba Kiên Nhuệ và Cẩm Đường; còn nhánh bên thì chảy suốt đến ngã ba Thuần Mĩ (tục gọi Kênh Mía), lại chảy qua địa giới hai huyện Tiên Minh và An Lão gồm hơn 30 dặm suốt đến cửa biển Văn Úc, chảy về phía nam 7 dặm đến xã Quảng Đạt, lại tách ra mà chảy về phía đông 10 dặm đến ngã ba xã Thiệu Mĩ, (tục gọi ngã ba Kênh Bộc), lại chảy về phía đông qua bến đò Đông Chi huyện Tứ Kì, chuyển sang phía nam 7 dặm đến ngã ba xã Quí Cao (tục

www.thuvien247.net

gọi ngã ba Đồn Thủ), lại chảy về phía đông nam 15 dặm đến xã Nội Đan huyện Vĩnh Bảo, lại chảy 8 dặm đến bến đò xã Ngải Am (tục gọi bến Hàn), lại chảy 16 dặm đến xã Diên Lão huyện Tiên Minh, suốt đến cửa biển Thái Bình. Một nhánh chảy về phía đông bắc quanh thành phủ Nam Sách 8 dặm về phía bắc đến bến đò xã Linh Xá; lại chảy 2 dặm đến xã kênh Trung, có một lạch nhỏ, chảy qua các xã Cù Sơn và Mặc Ngạn gồm 20 dặm, đến bến đò Mặc Động đổ vào (tục gọi bến Vạn thuộc xã Thanh Lương), lại chảy 19 dặm đến ngã ba sông xã Thủ Châu (tục gọi ngã ba Cầu) lại chảy về phía nam 4 dặm đến ngã ba xã An Điền (tục gọi ngã ba Tuần Mây), lại chảy chuyển sang phía đông qua các xã Thượng Đỗ và Lâm Xá ở phía đông nam huyện Kim Thành, gồm 4 dặm, lại chảy về phía đông 34 dặm qua phía nam thành phủ Kinh Môn, đến xã An Thuỷ (tục gọi đò Nông), lại chảy 14 dặm đến xã Tam Đa, lại chảy 8 dặm đến xã Kiền Bái ở phía tây huyện Thuỷ Đường, rồi tách một dòng chảy về phía nam 30 dặm đến ngã ba xã Lang Viên (tục gọi ngã ba Cấm) ở phía đông bắc huyện An Dương, lại chảy chuyển sang phía đông bắc huyện An Dương, lại chảy chuyển sang phía đông 5 dặm đến ngã ba xã Vũ An (tục gọi ngã ba Nam Triệu), lại chảy 20 dặm suốt đến cửa Lò.

www.thuvien247.net

*Xét*: ngã ba Lâu Khê trước kia có đồn bảo và cửa quan, nên tục gọi ngã ba đồn Lâu, lại gọi Tuần Lâu.

*Sông Thủ Chân*: ở cách huyện Chí Linh 11 dặm về phía đông bắc, nước từ sông Lâu Khê đổ xuống, chia làm hai nhánh: Một nhánh làm sông xã An Điền; một nhánh chảy về phía đông nam 4 dặm, qua xã Lũ Động ở phía tây bắc huyện Giáp Sơn, rồi chia ra một dòng nhỏ, chảy qua các xã Tống Xá, Đồng Quan, Bằng Bộ gồm 19 dặm, thông đến bến đò Phương Kiều; lại chảy từ xã Lũ Động, qua phía tây huyện Đông Triều 6 dặm đến xã Đặng Xá, có một lạch nhỏ từ xã Đại Uyên, qua các xã Lê Xá và Ninh Xá đổ vào; lại chảy 10 dặm đến xã An Bài, có một lạch từ xã Bằng Sơn chảy qua các xã Hoàng Kim và Đông Bản gồm 28 dặm đổ vào, lại chảy 5 dặm đến xã Bình Lục, có một lạch từ chân núi chảy ra, qua các xã Hổ Lao và Phúc Đa gồm 39 dặm đổ vào, lại chảy 2 dặm đến xã Đông Triều, lại chảy 14 dặm đến xã Trại Sơn huyện Giáp Sơn, 11 dặm qua ngã ba xã Đồn Sơn huyện Đông Triều (xét xã Đồn Sơn ở giữa dòng có một quả núi như hình con mèo, tục gọi ngã ba kênh Mèo), lại chảy 5 dặm đến ngã ba Thiếm Khê huyện Thuỷ Đường, lại chảy 2 dặm đến xã Quì Khê, có lạch nhỏ từ xã Quế Lạt và Lâm Xá huyện Đông Triều đổ vào, lại qua núi Hang Sơn 5 dặm đến xã Đạo Tú huyện Thuỷ Đường, có lạch

www.thuvien247.net

nhỏ từ xã Hạ Lâu huyện Đông Triều đổ vào, lại chảy 15 dặm đến xã Điền Công, lại có khe nhỏ từ xã Thượng Mộ Công chảy về phía đông 22 dặm đổ vào, lại chảy 4 dặm đến bến đò xã Đoan Lễ huyện Thuỷ Đường, lại chảy 12 dặm đến sông Bạch Đằng, lại chảy 19 dặm rồi đổ ra cửa biển Bạch Đằng.

*Sông An Điền*: ở cách huyện Chí Linh 14 dặm về phía đông nam, nước từ sông Thủ Chân đổ xuống mà chia dòng, một dòng thông đến ngã ba sông xã Tam Đa, một dòng chảy về phía nam 4 dặm đến xã Cổ Pháp. Có một nhánh khác từ sông Hàm Giang đến đổ vào, qua các xã Chu Đồ, Quan Đình và Lâm Xá, gồm 12 dặm đến xã Phụ Vệ có một lạch nhỏ từ xã Phú Khê đến đổ vào lại chảy 2 dặm đến xã Ninh Quan, rồi tách ra mà chảy về phía đông 8 dặm đến xã Cổ Dũng ở phía tây bắc huyện Kim Thành, có một lạch nhỏ từ các xã Lai Khê, Xuân Mang đến đổ vào, lại chảy 4 dặm đến xã Phạm Xá, có một lạch nhỏ từ xã Phương Duệ chảy đổ vào, lại chảy 4 dặm đến xã Dưỡng Mông, có một lạch nhỏ từ xã Dưỡng Thái qua các xã Quỳnh Khê và Thiện Đáp gồm 12 dặm đến đổ vào. Lại tách ra mà chảy về phía nam 3 dặm đến ngã ba sông xã Phù Tải, lại chảy 5 dặm đến xã Chuẩn Thằng, có một lạch nhỏ từ xã Hải Ninh đến đổ vào, lại chảy 5 dặm đến ngã ba xã Nhân Cương huyện Thanh Hà, rồi chảy

www.thuvien247.net

chuyển sang phía đông 2 dặm đến ngã ba xã Đồng Xá (tục gọi sông Hổ Mang) huyện Kim Thành, lại chảy 4 dặm đến ngã ba sông xã Câu Thượng, lại chảy 32 dặm đến bến đò Cát Tiên ở phía tây nam huyện An Lão có một nhánh từ đến xã Lai Thị huyện An Lão chảy về phía nam đổ vào (tục gọi ngã ba La), lại chảy 18 dặm đến xã Mĩ Lộc ở phía đông nam huyện An Lão, đến đây có một kênh nhỏ khác từ xã Yên Tử Hạ chảy về phía đông nam 18 dặm chia ra hai nhánh: Một nhánh chảy qua 7 dặm đến cửa Úc; một nhánh chảy 3 dặm vào xã Mĩ Lộc, lại chảy 5 dặm đến đầm Trà Hương ở phía tây nam huyện Nghi Dương mà đổ vào, lại chảy về phía đông nam 9 dặm qua xã Đa Ngư (tục gọi ngã ba Cát Bạc), mà phóng ra cửa Úc.

*Xét*: ngã ba An Điền, trước có cửa quan và đồn thủ (tục gọi nga ba Tuần Mây, cũng gọi đồn Mây).

*Ngã ba Câu Thượng*: tục gọi nhã ba Nay, ở cách huyện Kim Thành 7 dặm về phía nam. Nước từ ngã ba Đồng Xá đổ xuống, đến đây chia dòng: Một dòng chảy về phía đông nam đến bến đò Cát Tiên; một dòng chuyển về phía đông bắc, dòng nhỏ thông đến huyện An Lão, qua bến đò xã An Luận đến bến xã Lai Thị, gồm 15 dặm, thế nước khuất khúc gọi là sông Cửu Biều, lại tách ra chảy về phía nam 9 dặm, qua xã Cẩm La huyện Tiên Minh, lại

www.thuvien247.net

chuyển sang phía đông qua bến đò Nguyệt Áng thông đến xã Xuân La huyện Nghi Dương, gồm 38 dặm, lại chảy 10 dặm đến xã Cổ Trai, chia làm ba nhánh: Một nhánh chảy về phía nam 9 dặm vào sông Đa Ngư, suốt đến cửa Úc; một nhánh chảy về phía đông nam 10 dặm đến bến đò xã Phụ Lai (tục gọi bến Họng), có một lạch từ xã Đồ Sơn chảy đến đổ vào, suốt đến cửa Riêng; một nhánh chảy về phía đông 11 dặm làm cửa kênh Tân Hợp đổ ra cửa Dao.

*Sông Bạch Đằng*: ở cách huyện Thuỷ Đường 14 dặm về phía đông nam do nước sông Vũ Yên huyện An Dương và sông Thiếm Khê huyện Thuỷ Đường hợp nhau mà đổ ra biển. Sông rộng hơn 2 dặm, phía nam là địa phận huyện Thuỷ Đường, phía bắc là địa giới tỉnh Quảng Yên (xem *Quảng Yên tỉnh chí*).

*Sông Đạo Khê*: ở cách huyện Đường Hào 15 dặm về phía tây. Nước từ sông Nghĩa Trụ huyện Văn Giang tỉnh Bắc Ninh chảy về, đến xã Đạo Khê thì chia ba nhánh: một nhánh chảy ở phía tây huyện Đường Hào qua cầu An Nhân gồm 35 dặm, đến xã An Xá ở phía tây huyện Cẩm Giàng, chia thành hai nhánh nhỏ: Một nhánh chảy qua các xã Kim Quan và Trữ La, lại chảy về phía nam 3 dặm, qua xã Trường Kĩ mà vào sông xã Mao Điền; một nhánh chảy qua cầu các xã An Xá và Bình Lãng vào xã

www.thuvien247.net

Kim Quan, lại tách ra mà chảy về phía đông, qua các xã Thạch Lỗi, Kim Đôi, Nga Hoàng, Trạm Nội, Văn Thai, Đan Trường gồm 40 dặm mà vào xã Uông Thượng huyện Thanh Lâm suốt đến sông Lục Đầu; một nhánh chuyển sang phía tây, qua phía nam huyện Đường Hào 10 dặm đến xã Phần Hà, chia làm hai nhánh nhỏ: Một nhánh chảy về phía tây nam, qua các xã Phù Vệ và An Đạm 32 dặm đến xã Từ Ô huyện Thanh Miện, lại chảy 30 dặm đến xã Văn Thương, lại chảy 22 dặm đến xã Mi Động, đến đây có nước bến Biện tỉnh Hưng Yên chảy đổ vào, lại có một nhánh nhỏ khác chảy vào phía tây huyện Quỳnh Côi tỉnh Nam Định; lại chảy rẽ về phía đông 30 dặm, đến bến đò Phù Cựu phía tây huyện Vĩnh Lại, lại chảy 12 dặm, quanh co vòng lượn như chín khúc rồng, tục gọi sông Cửu Khúc, đến xã Hán Lý thì có một dòng nhỏ khác chảy vào ở phía tây huyện Quỳnh Côi; lại chảy 3 dặm đến bến đò xã Phụ Dực rồi rẽ làm một chi lưu nhỏ, chảy vào phía bắc huyện Quỳnh Côi, qua bến đò xã Đà Bồ 13 dặm đến xã Quang Dực, lại có một dòng nhỏ khác chảy vào ở phía đông huyện Quỳnh Côi. Lại chảy qua bến đò Đà Bồ 13 dặm đến xã Quang Dực, có một dòng nhỏ khác đổ vào ở phía đông huyện Quỳnh Côi; lại chảy 8 dặm đến xã Tĩnh Xuyên, lại chảy 7 dặm đến xã Trúc Hiệp, có một dòng nhỏ khác chảy vào địa giới

www.thuvien247.net

huyện Phụ Dực tỉnh Nam Định. Lại chảy 45 dặm đến bến đò xã Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo, suốt đến cửa biển Thái Bình; một nhánh chảy về phía đông bắc 10 dặm đến cầu xã Chiêu Lai ở phía đông nam huyện Đường Hào, lại chảy 2 dặm đến xã Thị Tranh ở phí tây huyện Đường Hào, lại chảy 12 dặm đến sông xã Mao Điền ở phía đông nam 5 dặm đến xã Trường Kĩ, lại 6 dặm đến xã Bá Thuỷ huyện Gia Lộc, chảy 41 dặm nữa thì tách ra một chi riêng thông với thượng lưu sông Hàm Giang. Lại chảy qua 25 dặm đến bến đò An The, lại tách ra chảy về phía đông 25 dặm đến xã Ngọc Lâm huyện Tứ Kì, lại chuyển về phía đông nam 10 dặm đến xã Đoàn Xá, lại 10 dặm đến xã Hà Hải, lại tách ra chảy về phía đông 4 dặm đến xã Đông Lôi, rồi qua bến đò xã Đan Điền 21 dặm vào hạ lưu sông Hàm Giang.

*Xét*: Các sông tỉnh Hải Dương, chi lưu tản mạn rất nhiều không thể chép hết. Nhưng nói tóm lại, thì có hai đường: Một là sông Lục Đầu; hai là sông Đạo Khê đều từ các sông tỉnh Bắc Ninh mà đến. Nhận kĩ ra thì nước sông Đạo Khê lại hợp với sông Lục Đầu, gồm ba chỗ, một là Uông Thượng[1] huyện Thanh Lâm, hai là ở Bá Thuỷ huyện Gia Lộc, ba là ở Quí Cao huyện Tứ Kì.

---

[1] Có bản chép là Uông Thổ.

www.thuvien247.net

*Vực Yên Sinh*: có tên nữa là vực Sấm, lại có một tên nữa là vực Yên Thạch, ở trong núi Yên Sinh huyện Đông Triều, rộng ước hơn 4 mẫu, nước trong suốt đáy sâu không thể lường, bên cạnh có cửa đá, khi trời sắp mưa, có tiếng kêu như sấm.

*Ác Thuỷ*: *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi chép: nước ta có 29 nơi nước độc, mà Hải Dương chiếm 2, tức Đông Triều và Thuỷ Đường. *Xét*: Đông Triều có hai nơi nước độc là Hoàng Khê ở địa phận xã Đại Doanh và Bàng Khê ở địa phận xã Ninh Dương; Thuỷ Đường có một nơi nước độc ở xã Phi Liệt.

## CỔ TÍCH

*Tháp cũ Đồ Sơn*: ở xã Đồ Sơn huyện Nghi Dương cao trăm thước, dựng từ đời Long Thuỵ Thái Bình triều Lý; năm Gia Long thứ 3, phá tháp lấy gạch đá xây thành trấn Hải Dương.

*Luỹ cũ Yên Nhân*: ở xã Yên Nhân huyện Đường Hào, do Đoàn Thượng đắp trong khi chiếm cứ Hồng Châu cuối triều Lý, nền cũ vẫn còn.

*Tháp cổ Ngoạ Vân*: ở đỉnh núi Yên Tử (có thuyết nói ở Yên Sinh, địa phận xã Nam Mẫu huyện Đông Triều. Lúc Trần Nhân Tông băng, nằm trên tảng đá lớn, nhân đấy gọi là đá Niết Bàn, rước thi

www.thuvien247.net

thể làm hoả táng, khi thiêu xong được xá lị, một nửa tàng ở lăng Qui Đức, một nửa tàng ở tháp này; đời Chính Hoà triều Lê sửa lại, sau này nhà chùa và phòng tăng đổ nát, chỉ còn lại tháp này.

*Điện cũ Lạc Thị*: ở tổng Lạc Thị huyện Gia Lộc. *Sử* chép: đời Thống Nguyên dựng hành điện ở đây.

*Đê cũ Chân Kim*: *Sử* chép năm Thống Nguyên thứ 8 hạ lệnh cho các phủ Thượng Hồng, Hạ Hồng, Kinh Môn, Nam Sách, Thái Bình đắp đê Chân Kim, nay không rõ ở chỗ nào.

*Thành cổ Phao Sơn*: ở xã Phao Sơn, huyện Chí Linh đắp đời Minh Vĩnh Lạc, đến nhà Mạc đắp rộng thêm nền cũ vẫn còn. *Xét Chí Linh phong thổ kí* chép thành Phao Sơn bao bọc núi làm thành, rộng hơn 500 trượng, đời trước giặc cướp hay chiếm cứ, quan quân nhiều năm đánh dẹp, nên chỗ ấy thành đất chiến trường phía nam thành là trị sở ti Thừa Chính đời Lê, có trường thi hương.

Vườn cổ Dược Sơn: ở xã Dược Sơn huyện Chí Linh là chỗ nhà cũ của Trần Hưng Đạo vương, nền cũ vẫn còn

*Nhà cổ Tiều Ẩn*: ở núi Phượng Hoàng xã Kiệt Đặc huyện Chí Linh, là chỗ nhà cũ của Chu Văn Trinh hiệu là Tiều Ẩn, nay dựng đền thờ.

www.thuvien247.net

*Nhà cổ Trạng Nguyên*: ở xã Linh Khê huyện Chí Linh, là giảng đường cũ của Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi, nay người huyện lập đền thờ ở đây, tế vào xuân thu.

*Quán cổ Trung Tân*: ở xã Trung Am huyện Vĩnh Bảo. Nguyễn Bỉnh Khiêm về hưu làm nhà ở bến Tuyết giang, biển đề là "Trung Tân quán", có bài minh và tựa (xem *Hoàng Việt văn tuyển*) đại lược nói: trông sang phía đông là biển, trông sang phía tây là kênh, liếc nhìn về Liêm Khê ở phía nam thì động biếc Trung Am, thấp cao liên tiếp, cúi vốc nước Tuyết Giang ở phía bắc thì ánh trăng Hàn Thị[1], tả hữu long lanh, một giải đường cái nằm ngang ở giữa, tấp nập ngựa xe không biết hàng mấy ngàn dặm.

*Điện cũ Lũng Động*: ở xã Lũng Động huyện Chí Linh. Tiên tổ nhà Mạc vốn là người Lũng Động, sau con cháu dời đến Cổ Trai. Khi đã cướp ngôi, lại về dựng điện Sùng Đức ở đất Lũng Đông để thờ tiên tổ.

*Kinh cũ Nghi Dương*: *An Nam chí* chép thành Cổ Trai ở gần biển, tại địa phận xã Cổ Trai huyện Nghi Dương, nhà Mạc tiếm ngôi gọi là Dương Kinh, nhà Lê trung hưng đánh đổ bia mộ và chặt cây quanh mộ.

---

[1] Tức bến Tiền Am; cũng gọi là bến Hàn.

www.thuvien247.net

*Luỹ cũ Tiên Hội*: ở đỉnh Tượng Sơn (núi Voi) xã Tiên Hội Huyện An Lão, do nhà Mạc đắp, nền cũ vẫn còn. Lại ở động Thiếm Sơn huyện Thuỷ Đường cũng có thành cũ nhà Mạc.

*Đường Thiên Lôi*: ở địa phận hai xã An Dương và Vĩnh Niệm huyện An Dương. Xưa Phạm Tử Nghi người xã Vĩnh Niệm có sức khoẻ, từng đắp con đê dài ước 3 dặm, lại đắp hai đống đất cao 5 thước ở hai đầu trên mặt đê, sau đó, cầm gậy chạy đến chỗ đống đất hết đánh một cái thì quét sạch đất. Đê nay vẫn còn, hàng năm dân sở tại bồi đắp để ngăn nước mặn

## CỬA QUAN VÀ TẤN SỞ

*Cửa quan Thuần Mĩ*: ở phía nam huyện Thanh Miện, cửa nhánh ở ngã ba Canh Nông huyện Duyên Hà tỉnh Hưng Yên, trước ở xã Mĩ Động huyện Thanh Miện, sau dời đến xã An Cầu huyện Phù Cừ tỉnh Hưng Yên; năm Minh Mệnh thứ 18 mới dời đến chỗ hiện nay. Cửa này có 4 nhánh: ở xã Văn Tương huyện Thanh Miện, xã Tranh Xuyên huyện Vĩnh Lại, xã Lâu Khê huyện Thanh Lâm, xã An Điền huyện Chí Linh.

*Tấn Ngải Am*: ở cách huyện Vĩnh Bảo 20 dặm về phía nam, tức cửa biển Thái Bình, rộng 582 trượng, thuỷ triều lên sâu 18 thước, thuỷ triều xuống sâu 12 thước, đường thuỷ cách tỉnh 3 ngày. Bên tả là địa giới huyện Thuỵ Anh phủ Thái Bình tỉnh Nam

www.thuvien247.net

Định, bên hữu là địa giới huyện Tiên Minh; trước có đường đê, thường bị nước biển đập lở, đời Lê Vĩnh Thịnh viên trấn thủ họ Đỗ (không rõ tên) cho dân chở đá ở Hải Triều đắp phụ vào chân đê, dài vài dặm, dân địa phương lấy làm tiện, gọi là đê đá Ngải Am. Hai bên bờ có đồn, có binh đóng giữ. Đời Gia Long quan trấn thủ sai quan sở tại chở đá về đắp thêm, nay rất kiên cố, hàng năm cứ tháng Giêng sai quan tế hải thần.

*Tấn cửa Úc*: ở cách huyện Tiên Minh 29 dặm về phía đông, rộng 340 trượng, thuỷ triều lên sâu 14 thước, thuỷ triều xuống sâu 8 thước; đường thuỷ cách tỉnh 2 ngày; có đặt thủ sở.

*Tấn cửa Họng*: ở cách huyện Nghi Dương 13 dặm về phía đông, rộng 30 trượng, thuỷ triều lên sâu 7 thước, thuỷ triều xuống sâu 1 thước. Lại tấn Riêng cũng ở địa phận huyện này.

*Tấn cửa Dao*: ở cách huyện Nghi Dương 15 dặm về phía đông bắc rộng 80 trượng, thuỷ triều lên sâu 2 trượng 2 thước, thuỷ triều xuống sâu 1 trượng 6 thước.

*Tấn Đồ Sơn*: ở cách huyện Nghi Dương 15 dặm về phía đông nam, rộng 75 trượng, thuỷ triều lên sâu 7 thước 5 tấc, thuỷ triều xuống sâu 1 thước 5 tấc, đường thuỷ cách tỉnh một ngày rưỡi, có đặt thủ sở.

www.thuvien247.net

*Tấn Trực Cát*: ở cách huyện An Dương 25 dặm về phía đông, tức cửa Lò, rộng 90 trượng, thuỷ triều lên sâu 2 trượng 5 thước, thuỷ triều xuống sâu 1 trượng 9 thước; tục gọi ngã ba cửa Cấm, đường thuỷ cách tỉnh một ngày rưỡi; có đặt thủ sở, là địa điểm xung yếu.

*Tấn Nam Triệu*: ở cách huyện An Dương 25 dặm về phía đông bắc, rộng 100 trượng, thuỷ triều lên sâu 1 trượng, thuỷ triều xuống sâu 8 thước, là chỗ qua lại của thuyền công thuyền tư. Năm Gia Long thứ 4 cho quan địa phương hàng năm cứ đến tháng Giêng thì lập đàn ở đây tế để cầu gió thuận.

*Bảo Phù Cựu*: ở cách huyện Vĩnh Lại 25 dặm về phía tây, giáp địa giới huyện Quỳnh Côi tỉnh Nam Định, có 30 lính trú phòng.

*Bảo An Xá*: ở cách huyện Cẩm Giàng 19 dặm, giáp địa giới huyện Văn Giang tỉnh Bắc Ninh, có 50 lính trú phòng.

## NHÀ TRẠM

*Trạm Đồng Mai*: ở xã Song Mai huyện Thuỷ Đường, phía đông đến tỉnh thành Quảng Yên 36 dặm, phía nam đến trạm Đông Khê 29 dặm.

*Trạm Đông Thượng*: ở xã Hàm Thượng huyện Cẩm Giàng, phía nam đến trạm Đông Bổng 36 dặm.

www.thuvien247.net

*Trạm Đông Bổng*: ở Hậu Bổng huyện Gia Lộc, phía nam đến xã An Xá tỉnh Hưng Yên 22 dặm linh.

## CHỢ

*Chợ Bình Lao; chợ Hàm Giang, chợ Văn Thai, chợ Thạch Lỗi, chợ Mao Điền*: đều thuộc huyện Cẩm Giàng.

*Chợ Tráng Liệt, chợ Đường*: đều thuộc huyện Đường Yên.

*Chợ Dị Sử*: ở huyện Đường Hào.

*Chợ Phù Tải*: ở huyện Thanh Miện.

*Chợ Đông Am*: ở huyện Vĩnh Bảo.

*Chợ Phạm Lâm, chợ Hậu Bổng, chợ Hội Xuyên*: đều ở huyện Gia Lộc. Tương truyền chợ Hội Xuyên là Đoàn Như Hài người xã ấy lập, sau khi Như Hài chết, Trần Anh Tông cho lấy thuế chợ làm hương hoả, nay người làng vẫn còn phụng thờ (có thuyết nói, chợ này do Nguyễn Chế Nghĩa, người xã ấy, là phò mã đô uý triều Trần lập ra, lại để 3 mẫu 5 sào ruộng lập chùa quán, sau khi Nghĩa chết, dân Hội Xuyên và Phương Trạm cùng thờ).

*Chợ Toại An* (có bản chép chợ *An Nhân*), *chợ Hàm Hy, chợ Trúc Lâm*: đều ở huyện Tứ Kì.

*Chợ Lạc Sơn*: ở huyện Chí Linh.

*Chợ Nhân Lý*: ở huyện Thanh Lâm.

www.thuvien247.net

*Chợ Nhân Lư, chợ Hương Đại*: đều ở huyện Thanh Hà.

*Chợ Đại Công*: ở huyện Giáp Sơn.

*Chợ An Lâm*: ở huyện Đông Triều.

*Chợ Mĩ Giang*: ở huyện Thuỷ Đường.

*Chợ Cổ Trai*: ở huyện Nghi Dương.

*Chợ Da Viên, chợ Đông Khê*: đều ở huyện An Dương.

*Chợ Hoàng Xá, chợ Đồng Xá*: đều ở huyện Kim Thành.

*Chợ Trung Thanh Long, chợ An Luận, chợ Qui Ân*: đều ở huyện An Lão.

## ĐÒ VÀ CẦU

*Bến sông Phao*: ở huyện Chí Linh gồm 21 bến[1]: 1) *Lí Dương* (có tên nữa là bến Lục Đầu), 2) *Lâu Khê* (có cửa quan ải, cũng gọi là bến Tuần Lâu), 3) *Hoàng Kênh*, 4) *Uông Thượng*, 5) *Hàm Giang*, 6) *Mạn Nhuế*, 7) *Trúc Khê, 8) Xác Khê*, 9) *Cập Nhất*, 10) *Mĩ Xá* (có tên nữa là bến Câu), 11) *Phượng Đầu*, 12) *Tráng Liệt*, 13) *Phù Cựu*, 14) *Thiệu Mĩ*, 15) *An Dương*, 16) *Đại Công* (có tên nữa là bến Mi), *17)*

[1] Ở đây chép 21 bến, mà trình bày chỉ có 19 bến, không rõ sai lầm ở đâu.

www.thuvien247.net

*Tiền Am* (có tên nữa là bến Hàn), 18) *Ngải Am*, 19) *Văn Úc*. Riêng bến Mạn Nhuế, lại có đò dọc.

*Bến sông Thủ Chân*: ở huyện Chí Linh, sông có ngã ba, gồm 10 bến đò: 1) *Mặc Đông* (có tên nữa là bến Vạn), 2) *Lộc Sơn*, 3) *Đông Mai*, 4) *Đông Triều*, 5) *Đông Lĩnh*, 6) *Nhất Sơn*, 7) *Câu Tử*, 8) *Đồn Sơn*, 9) *Mĩ Giang*, 10) *Đoan Lễ* (tức bến sông Bạch Đằng). Riêng hai bến Lộc Sơn và Mĩ Giang lại có bến đò dọc (có tên nữa là bến Chợ Trời và bến Chợ Giá).

*Bến sông An Điền*: ở huyện Chí Linh, sông có ngã ba, gồm 8 bến đò: 1) *Ninh Quan*, 2) *Cổ Dũng*, 3) *Quảng Đạt*, 4) *Phù Tải*, 5) *Nhân Cương*, 6) *Quan Trang*, 7) *Cát Tiên*, 8) *Tuân Lộc*. Sông này rộng 16 trượng nên lại gọi là bến Thập Lục.

*Bến sông Ninh Quan*: ở huyện Chí Linh, sông có ngã ba, gồm 4 bến đò: 1) *Đại Điền* (có tên nữa là bến Mè), 2) *Lôi Động*, 3) *Hương Đại*, 4) *Lại Xá*.

*Bến sông Lâu Khê*: ở huyện Thanh Lâm, sông có ngã ba, gồm 12 bến đò: 1) *Ninh Xá*, 2) *Hà Liễu*, 3) *An Điền* (có cửa quan, nên có một tên nữa là bến Tuần), 4) *Thượng Đỗ*, 5) *Lâm Xá*, 6) *Bằng Bộ*, 7) *Phương Quất*, 8) *Phú Thái*, 9) *An Vĩnh* (có tên nữa là bến Nông), 10) *Song Mai*, 11) *Kiền Bái*, 12) *Hạ Lí*.

*Bến sông Đông Triều*: ở huyện Đông Triều, sông có ngã ba, gồm 5 bến: 1) *An Lâm*, 2) *La*

www.thuvien247.net

*Dương*, 3) *Nhuệ Hổ*, 4) *Thượng Chiếu*, 5) *Hoàng Thạch*. Riêng bến An Lâm lại có đò dọc.

*Bến sông Phù tải*: ở huyện Kim Thành, sông có ngã ba, gồm 4 bến: 1) *Bằng Lai*, 2) *Thiên Đông*, 3) *Kì Khôi*, 4) *Đồng Giới*.

*Bến sông Đồng Xá*: ở huyện Kim Thành, gồm 3 bến: 1)*Kiện Lạo*, 2) *Đông Xuyên*, 3) *Tiểu Trà*.

*Bến sông Câu Thượng*: ở huyện Kim Thành, sông có ngã ba, gồm 5 bến: 1)*Yên Luận*, 2) *Lai Thị*, 3) *Nguyệt Áng*, 4) *Xuân La*, 5) *Cổ Trai*.

Lại thuộc huyện Yên Dương có 4 bến là: 1) *bến Đạt*, 2) *bến Dong*, 3) *bến Thượng*, 4) *bến Cấm*; thuộc huyện Nghi Dương có hai bến là: 1) *bến Song*, 2) *bến Đức*.

*Bến sông Thị Tranh*: ở huyện Đường Yên, sông có ngã ba, gồm 9 bến: 1) *Mao Điền*, 2) *Bá Thuỷ*, 3) *Hạ Bì*, 4) *Lạc Thuỵ*, 5) *An Thư*, 6) *Báo Đáp*, 7) *Đoàn Xá*, 8) *Hà Lộ*, 9) *Đan Điền*.

*Bến sông Bá Thuỷ*: ở huyện Gia Lộc, gồm 2 bến: 1) *Thạch Lôi*, 2) *Bình Lao*.

*Bến sông Phù Cựu*: ở huyện Vĩnh Lại, gồm 7 bến: 1) *Phụ Dực*, 2) *Đà Bồ*, 3) *Quang Dực*, 4) *Tranh Xuyên*, 5) *Nội Tạ*, 6) *Phần Thượng*, 7) *Cổ Am*.

www.thuvien247.net

*Bến sông Văn Khê*: ở huyện Thanh Miện, sông có ngã ba, gồm 5 bến: 1) *Bất Nạo*, 2) *Phượng Hoàng*, 3) *Phù Nội*, 4) *Đông Cao*, 5) *Đông Trạch*.

*Cầu Trường Kĩ, cầu Bình Lãng, cầu Văn Thai*: đều ở huyện Cẩm Giàng.

*Cầu Hà Xá*: ở huyện Đường yên.

*Cầu Kim Lũ, cầu An Nhân* (có tên nữa là cầu Bầu, mái cầu lợp ngói); đều ở huyện Đường Hào.

*Cầu Cao Dương*: ở huyện Gia Lộc.

*Cầu Bằng Bộ*: ở huyện Thanh Miện.

*Cầu Đào Lãng*: ở huyện Vĩnh Bảo.

*Cầu Tứ Kì, cầu Toại An, cầu Hàm Lư*: đều ở huyện Tứ Kì.

*Cầu Khánh Sơn*: ở huyện Chí Linh.

*Cầu Cúc Hương, cầu Vạn Tải*: đều ở huyện Thanh Lâm.

*Cầu Lang Can, cầu Cam Lộ*: đều ở huyện Thanh Hà.

*Cầu Thượng Mộ Công, cầu Gia Ý*: đều ở huyện Đông Triều.

*Cầu An Lư, cầu Trịnh Xá*: đều ở huyện Thuỷ Đường.

www.thuvien247.net

*Cầu Ngạc Đông*, *cầu Hạ Đỗ*: đều ở huyện Kim Thành.

*Cầu Gặp*: ở xã Đông Triều huyện Đông Triều. Tương truyền vua Trần Nhân Tông cải trang để xuất gia, bầy tôi đi tìm, đến cầu này thì gặp nhà vua, vì thế nên gọi là cầu Gặp (Ngộ Kiều).

## ĐÊ ĐẬP

*Đê bối sông nhỏ*: năm huyện có đê thông tính dài 26.730 trượng, đều đắp từ năm Minh Mệnh thứ 19: huyện Đường Yên 2.835 trượng; huyện Đường Hào 10.260 trượng; huyện Thanh Miện 10.665 trượng; huyện Vĩnh Lại 1.450 trượng; huyện Gia Lộc 1.620 trượng.

*Xét*: năm huyện này đều ở hạ lưu sông Cửu An nên đắp đê để ngăn nước lụt; nhưng từ ngày sông Cửu An bồi lấp, thì thuỷ thế không đi đến các địa phương này nữa.

*Đê bối ngăn nước mặn*: mười huyện có đê, thông tính dài 78.925 trượng; huyện Vĩnh Bảo 9.585 trượng; huyện Vĩnh Lại 3.510 trượng; huyện Tứ Kì 2.565 trượng; huyện Tiên Minh 13.770 trượng, huyện Thuỷ Đường 23.085 trượng; huyện Thanh Hà 810 trượng; huyện Giáp Sơn 3.105 trượng; huyện Đông Triều 135 trượng; huyện An Dương 3.780 trượng; huyện An Lão 18.090 trượng.

www.thuvien247.net

## LĂNG MỘ

*Lăng Tư Phức nhà Trần*: ở xã Yên Sinh, huyện Đông Triều. Lăng tẩm Trần Thái Tông, Thánh Tông và Giản Định đế đều ở đây. Các đời Hồng Thuận và Hoằng Định triều Lê đều có tu bổ; lâu ngày đổ nát, nền cũ vẫn còn; năm Minh Mệnh thứ 21 sửa đắp lại và dựng bia (các lăng sau đây cũng thế). *Xét sử* chép (Kỉ Trần Anh Tông) bia thần đạo ở Yên Sinh nói rằng tiên tổ nhà Trần vốn là người Yên Sinh huyện Đông Triều dời đến ở hương Tức Mặc phủ Thiên Trường, cho nên các vua Trần đều táng ở Yên Sinh, mà khi nhường ngôi xuất gia cũng lấy Yên Sinh làm nơi tu ẩn.

*Lăng Đồng Thái*: lăng Trần Anh Tông, phụ táng Bảo Từ Hoàng hậu, ở trên đỉnh núi nhỏ xã Yên Sinh, nay vẫn còn rồng đá, kì lân đá và bậc đá.

*Lăng Đồng Mục*: lăng Trần Minh Tông, ở chân núi xã Yên Sinh, tẩm điện cũ rồng đá, kì lân đá vẫn còn.

*Lăng Ngải Sơn*: lăng Trần Hiến Tông, ở dưới núi xã Yên Sinh, người đá và voi đá, ngựa đá, hổ đá, dê đá, trâu đá nay vẫn còn.

*Lăng Phụ Sơn*: lăng Trần Dụ Tông, ở chân núi xã Yên Sinh, tẩm điện và rồng đá, kì lân đá vẫn còn.

www.thuvien247.net

*Lăng Đồng Hi*: lăng Trần Nghệ Tông và Thuận Tông, ở núi Ngọc Thanh xã Đạm Thuỷ huyện Đông Triều, có bia chí. Đời Xương Phù dựng chùa quán, dấu cũ vẫn còn. *Hoàng Việt thi tuyển* chép: Trần Duệ Tông đi đánh Chiêm Thành tử trận, táng mộ giả ở Hi Lăng.

## ĐỀN MIẾU

*Đàn Xã Tắc*: ở địa phận xã Hàm Giang huyện Cẩm Giàng, về phía tây bắc tỉnh thành, dựng năm Minh Mệnh thứ 13.

*Đàn Tiên Nông*: ở xã Hàm Thượng huyện Cẩm Giàng về phía đông tỉnh thành, dựng năm Minh Mệnh thứ 13.

*Đàn Sơn Xuyên*: ở phía tây nam ngoài tỉnh thành, dựng năm Tự Đức thứ 6.

*Văn Miếu*: ở xã Mao Điền huyện Cẩm Giàng, về phía tây nam tỉnh thành, dựng năm Minh Mệnh thứ 4.

*Đền Khải Thánh*: ở phía nam Văn Miếu.

*Miếu Hội Đồng*: ở xã Hàm Thượng huyện Cẩm Giàng về phía bắc tỉnh thành, dựng năm Gia Long thứ 4.

*Miếu Thành Hoàng*: ở xã Hàm Thượng huyện Cẩm Giàng, về phía tây bắc tỉnh thành, dựng năm Thiệu Trị thứ 2.

www.thuvien247.net

*Miếu Lý Thần Tông*: ở xã Hàm Hi huyện Tứ Kì.

*Miếu Trần Minh Tông*: ở xã Yên Sinh, huyện Đông Triều.

*Miếu Trần Nhân Tông*: ở xã Diên Lão, huyện Tiên Minh.

*Miếu Trần (...) Tông*: ở xã An Lão, huyện Thanh Hà.

*Đền Trần (...) Tông*: ở xã Trang Kênh, huyện Thuỷ Đường, tên thần là Quốc Bảo, cháu vua Trần, đánh Phạm Bá Linh ở sông Bạch Đằng, đóng quân ở tại xã này, sau khi chết táng ở chân núi, thường hiển linh, nên người bản thổ lập đền thờ, gọi là núi Trần Tông, lại gọi là núi Hoàng Phái.

*Đền Huệ Vũ Vương nhà Trần*: ở xã Kiệt Đặc huyện Chí Linh, tên thần là Quốc Điền, là tôn thất nhà Trần, đời Trần Minh Tông làm Nhập nội Hành khiển, sau bị gian thần Trần Khắc Chung (người Giáp Sơn) gièm mà chết, người làng lập đền ngay chỗ nhà cũ để thờ. *Kiến văn tiểu lục* của Lê Quí Đôn nói; " Trần Công nhà ở gần sông Cái, tương truyền ông có thuật lạ, cứ 3 ngày một lần vào triều, tối còn ở nhà, sáng hôm sau đã ở kinh sư rồi. Bởi vì lúc ấy đường thuỷ sông Thiên Đức thường thông, ông dùng thuyền nhỏ chèo mau, cho nên một đêm có thể đến kinh sư được". Nay cầu đảo vẫn linh

www.thuvien247.net

ứng. Tương truyền, có năm đại hạn người xã Kiệt Đặc bàn với người xã Quảng Tân ở tổng khác cùng nhau cầu đảo, người xã Quảng Tân lấy cớ rằng ở khác khúc sông nên không nhận lời, sau đó cầu đảo được mưa thì chỉ mưa ở bờ phía bắc sông Cái, còn một giải về phía nam sông vẫn nắng, người ta sợ về linh dị.

*Đền Hoàng thân nhà Trần*: ở đỉnh núi Yên Phụ huyện Giáp Sơn, tên thần là Liễu, khi đi đánh miền Đông, chết ở núi này, hiển linh, phong thượng đẳng thần.

*Đền Tôn thất công nhà Trần*: ở xã Hà Đái huyện Tiên Minh, tên thần là Quốc Thành, theo Hưng Đạo vương phá quân Nguyên ở đò Chương Dương và cửa Hàm Tử. Sau khi chết, người làng lập đền thờ ngay tại chỗ nhà cũ.

*Đền Nhân Huệ vương nhà Trần*: ở xã Linh Giang huyện Chí Linh, rất anh linh. *Sử* chép, vương là tôn thất nhà Trần, tự là Khánh Dư, từng bị quở trách phải về ở nhà. Khi quân Nguyên xâm lược nước ta, vua Nhân Tông lánh ra Chí Linh, gặp vương lại cho khởi phục và dùng vào việc lớn. Người sau lập đền thờ. Sau địa phương này trải qua loạn lạc, đền miếu phần nhiều bị giặc cướp triệt hạ đem bán, đền vương ở ngay bến sông, có bọn giặc muốn triệt

www.thuvien247.net

hạ, vừa trèo lên mái đền liền tối tăm mắt lại và ngã xuống, một người nữa trèo lên cũng như vậy, chúng dùng súng bắn nhưng không nổ, đến nay vẫn còn. Có phiến đá dài 2 thước, rất anh linh, không ai dám đến gần.

*Đền thần Cao Sơn*: ở xã Lang Giản huyện Chí Linh. *Công dư tiệp kí* của Vũ Phương Đề chép: tương truyền thần lành nghề là thuốc, thường hiện thân làm thầy thuốc để chữa bệnh, rất tài về môn chẩn đậu. Ở Sơn Tây, một người có con bị chẩn đậu, khi đi đường gặp một ông già, tự nói có thể chữa khỏi, người ấy mời về nhà, chữa bệnh cho con quả nhiên kiến hiệu; khi hỏi họ tên và chỗ ở thì ông già nói: "Tôi tên là Cao Sơn, nhà ở xứ Đầu Hổ, xã Lang Giản, huyện Chí Linh". Người ấy theo địa chỉ đến tạ ơn, khi đến nơi, thì chỉ thấy trơ trọi một ngôi đền thần, cây cối xanh tốt, lền chiêm ngưỡng lạy tạ rồi trở về, sau này nổi tiếng thần y, nếu ai có mắc bệnh, thì trai giới đem trầu cau và một bình nước trong đến đền thành tâm cầu đảo, xin cho thuốc thần, rồi lấy nước trong ấy mà uống, thì thường khỏi bệnh. Đền nay vẫn còn. Theo *Chí Linh phong thổ kí*, thì hiệu thần là Tế Giang Cư Sĩ.

*Đền Bắc Phương Trấn Vũ*: ở xã Yên Cư, huyện Gia Lộc. (Sự tích xem *Bắc Ninh tỉnh chí*).

www.thuvien247.net

*Đền Đế Thích*: ở xã Liêu Hạ[1] huyện Đường Hào. Tương truyền, triều Lý, năm Long Thuỵ Thái Bình thứ 2, có người tên Trương Ba, người Liêu Hạ (có thuyết là người hương Cổ Liêu), ba đời làm việc thiện, rất cao cờ, trong nước không ai địch nổi, bèn sang Trung Quốc, gặp một ông già tên là Kị Như cũng nổi tiếng cao cờ, hai người kết bạn, cùng nhau về Liêu Hương, dựng một cái am để ở. Một hôm nói chuyện với nhau rằng: "Nghe nói ở thượng giới có Đế Thích cao cờ, nếu được gặp sẽ đấu trí với nhau mấy ngày!". Một hôm chợt thấy một ông già, áo rách, non nan, chống gậy đi đến, xin vào dự cuộc, rồi cùng Trương Ba đấu cờ, mới đi có năm ba nước thì đầu thắng cả. Trương Ba sợ hãi hỏi họ tên, ông già nói: "Tôi là Đế Thích ở tầng trời thứ ba mươi ba trên Thượng giới". Hai người liền quỳ xuống thềm sụp lạy, dâng mía và chuối, Đế Thích bèn lấy ba nén trầm hương, đàn hương và giáng hương ở tay áo trao cho, mà dặn rằng: "Sau này nếu có hoạn nạn thì đốt hương này, ta se đến cứu". Nói xong, liền bay lên không. Hai người đem hương cất vào một chỗ, lâu ngày quên bẵng đi. Sau khi chết, người nhà quét dọn, thấy mấy nén hương còn sót liền đem đốt; thần liền giáng hạ, thì hai người đã chết rồi. Thần liền triệu Tam phủ công đồng để hoàn hồn,

---

[1] Xã Liêu Hạ sau thuộc huyện Yên Mĩ, tỉnh Hưng Yên.

www.thuvien247.net

hai người được sống lại, bèn lập miếu thờ. Thường tỏ linh ứng. Sau Mạc Ngọc Liễu nhà Mạc sửa lại đền miếu; năm thứ 6 đời Lê Hoằng Định, Thái tổ Hoàng Đình Ái ốm, cầu đảo liền khỏi, mới sai vệ uý Nguyễn Bá Lý đốc công sửa miếu và lập bia. Việc này chép rõ trong *Công dư tiệp kí* của Vũ Phương Đề; *Kiến văn tiểu lục* của Lê Quí Đôn cũng chép như thế.

*Đền Thuỷ Thần Đồ Sơn*: ở chân núi xã Đồ Sơn, huyện Nghi Dương có đền Thuỷ Thần. Tương truyền có người bản thổ đêm đi qua dưới đền, thấy hai con trâu chọi nhau, nên hàng năm đến ngày 10 tháng 8 có tục chọi trâu để tế thần. Lịch triều phong tặng Điểm Tước Đại vương.

*Đền thần Cao Vương*: ở xã Kim Loan, huyện Đường Yên. Vượng là người Bảo Sơn thuộc quận Quảng Nam ở Trung Quốc, họ Cao tên Hiển, tự là Văn Trường đỗ Tiến sĩ đời Khánh Lịch làm quan đến thừa tướng. Gặp lúc Đông Di làm phản, Cao Vương phụng mệnh đem quân phá tan, được gia phong Đại Thừa tướng rồi xin về hưu, khi chết được tặng Đại vương, khiến các chư hầu đều lập đền thờ. Cầu đảo linh ứng, các triều đều có phong tặng – Nay xét quan chế triều Tống không có chức đại thừa tướng, mà danh thần liệt truyện trong Sử cũng không có người nào họ Cao tên Hiển. Vả lại Khánh

www.thuvien247.net

Lịch là niên hiệu Tống Chân Tông, ngang với đời Lý Thái Tông nước ta. Nếu Cao Vương có công với nhà Tống thì thờ là đáng, cớ gì mệnh lệnh lập miếu lại sang cả đến nước ta? Duy Cao Biền nhà Đường phong làm Bột Hải Quận vương, từng làm tiết độ sứ ở nước ta, hoặc giải trước kia, tướng tá có lập đền, rồi dân sở tại nhân đấy mà thờ, bèn truyền sai đi mà thôi. Nhưng việc này vẫn chưa khảo cứu được, vậy chép ra đây, để chờ đính chính.

*Đền Khúc Tiên Chúa*: ở xã Lỗ Xá huyện Cẩm Giàng[1]. *Kiến văn tiểu lục* của Lê Quí Đôn chép: tương truyền Tiết độ sứ Khúc Thừa Dụ quê quán ở đây, nay xã này có nhiều họ Khúc.

*Đền Phò mã họ Trần*: ở xã Kim Độ, huyện Thanh Lâm. Thần họ Trần, tự là Kim Tiên, người xã này, nổi tiếng học hạnh, đời Lê Đại Hành, vì có văn từ được vua yêu quí, tuyển làm phò mã, lấy hai công chúa thứ bảy và thứ tám. Đến lúc nhà Lý thay nhà Lê, thần lui về làng, nhà Lý nhiều lần triệu, nhưng không chịu ra, lại ép giao cho ấn tín, thần bèn uống thuốc độc chết; hai công chúa cũng đều tự vẫn. Người ta trọng khí tiết thờ làm phúc thần.

---

[1] Xã Lỗ Xá nay thuộc huyện Mĩ Hào tỉnh Hưng Yên.

www.thuvien247.net

*Đền Triều nghị họ Đỗ*: ở xã Liêu Xuyên huyện Đường Hào[1]. *Kiến văn tiểu lục* của Lê Quí Đôn chép: Thần tên là Đỗ Thế Diên, đỗ Trạng nguyên đời Trinh Phù Lý Cao Tông, làm quan đến chức Triều nghị Đại phu. Khi đã quí hiển, dùng nhà ở làm chùa, làm đền ở bên hữu chùa, bên hữu đền là mộ, đất rộng ước 3 mẫu, cây cối um tùm, nhiều loại chim đến làm tổ, nếu ai đánh lưới, thì sinh tai nạn. Phía ngoài có một cây đa to, có rắn lớn ở dưới, người ta cho là rắn thần. Trong đền, có tô thần tường, đội mũ phác đầu, đeo Kim ngư đại, cầu đảo thường linh ứng. Phía trước đền có bia đá, đục chạm tinh khéo, chữ phần nhiều mờ, chỉ còn 5, 6 hàng chữ, đầu bia đề "Cổ Liêu hương Chúc Thánh báo ân tự bi", cuối bia đề "Triều nghị đại phu thủ Nội thị sảnh, đồng tri Quảng Từ cung sự, kiêm phán Hình viện sự, tứ tử kim ngư đái, Đỗ Thế Diên lập" (Bia chùa Chúc Thánh báo ân tại hương Cổ Liêu - Người lập bia là Đỗ Thế Diên, làm triều nghị đại phu giữ công việc Nội thị sảnh và Quảng Từ cung, kiêm phán đoán công việc Hình viện, ân ban Kim ngư đại màu tía.

*Đền Thống Lãnh họ Ngô*: ở xã Cẩm Khê, huyện Tiên Minh. Thần họ Ngô, tên là Lý Tín, làm quan ở triều Lý Cao Tông, được phong Thượng

[1] Xã Liêu Xuyên nay thuộc huyện Yên Mĩ tỉnh Hưng Yên.

www.thuvien247.net

Tướng quân đem quân thuỷ, quân bộ đi tuần bắt giặc, lại làm Đốc tướng đem quân đi đánh Ai Lao, được thăng Thái phó, lãnh Hậu Thống hải đạo. Khi thuyền đi đến xã Cẩm Khê thì chết, người trong xã lập đền thờ. Thuyền bè đi lại cầu đảo thường được linh ứng.

*Đền thần Đông Hải*: ở xã Yên Nhân huyện Đường Hào. Thần họ Đoàn, tên là Thượng, người xã Xuân Độ, huyện Gia Lộc. Nhà Lý suy yếu, bị họ Trần ức hiếp, Đoàn Thượng giữ nghĩa lớn không thần phục nhà Trần đắp luỹ Yên Nhân ở Hồng Châu, đánh nhau với nhà Trần bị chết trận, người địa phương lập đền thờ, ở xã Bái Giang huyện Cẩm Giàng và xã Đông Am huyện Vĩnh Bảo cũng có đền thờ. Tương truyền Đoàn Thượng cùng Nguyễn Nộn (người xã Phù Đổng, Bắc Ninh, lúc ấy chiếm cứ Bắc Giang) đánh nhau ở xứ Đồng Đao (nay thuộc xã Yên Nhân và Yên Phú tỉnh Bắc Ninh cùng là một tổng, trước gọi là tổng Yên Bần), Đoàn Thượng bị thua, vừa đi vừa chạy, gặp một mụ già bảo rằng: "Nhà ngươi còn oán hận gì nữa, lòng trung nghĩa nhà ngươi đã được thượng đế xét thấu rồi, xã này có một cái gò hình rồng, đấy là ngôi đất muôn đời huyết thực đấy, thượng đế cho nhà ngươi đất ấy". Đoàn Thượng đến chỗ ấy gối giáo để nằm, được một lát thì mối tha đất đắp kín. *Kiến văn tiểu lục*

www.thuvien247.net

của Lê Quí Đôn nói: "Đoàn Thượng thấy họ Trần nắm hết chính quyền, vận nhà Lý sắp mất, bèn chiếm cứ Hồng Châu, nghĩ cách khôi phục nhà Lý. Mấy trăm năm sau, chính khí vẫn nhơn nhơn như sống, thế mà sử nhà Trần chép Đoàn Thượng là bầy tôi bọn nghịch, thì không đúng".

*Đền Kinh lược sứ họ Nguyễn*: thần họ Nguyễn, huý là Xuân, tự là Kiều, biệt hiệu là Phúc Lộc, người xã Vụ Bản, huyện Giáp Sơn, làm Kinh lược sứ triều Trần, theo Hưng Đạo Vương đánh quân Nguyên ở sông Bạch Đằng, có công, khi về đến bản xã thì chết. Trần Nhân Tông thương là người có công, cho lập đền thờ.

*Đền thần Hiển linh*: ở xã Chung Mĩ, huyện Thuỷ Đường, thần tự là Hưng Trí, con thứ năm của Hưng Đạo Vương, theo Hưng Đạo Vương đánh quân Nguyên ở sông Bạch Đằng, về đến xã này thì chiêu tập dân lưu tán; sau khi chết, người địa phương lập đền thờ, các đời đều có phong sắc.

*Đền thần Yết Kiêu*: người xã Hạ Bì huyện Gia Lộc. *Sử* chép: lúc sinh thời là môn hạ của Hưng Đạo Vương, là một danh tướng. Trước Yên Sinh

---

(1) Tức Trần Liễu, là sinh phụ của Hưng Đạo vương và là anh ruột của Trần Thái Tông, vì Trần Thái Tông lấy cướp vợ của Liễu, nên Liễu vẫn để lòng oán giận

www.thuvien247.net

Vương[1] có hiềm khích với Trần Thái Tông, khi Yên Sinh vương sắp chết, trối lại con là Hưng Đạo Vương rằng: "Nếu con không vì ta lấy được nước, thì ta dầu chết cũng không nhắm mắt được". Hưng Đạo Vương để bụng, nhưng cho làm như thế là không đúng. Một hôm Hưng Đạo Vương đem lời trối ấy thử hỏi ý Yết Kiêu, Yết Kiêu thưa lại rằng: "Làm như thế dầu được giàu sang một lúc, nhưng tiếng nhơ nhuốc đến ngàn năm. Tôi tình nguyệt chết già làm nô, không muốn làm quan bất trung", Hưng Đạo Vương khen. Sau đó đánh Ô Mã Nhi và Toa Đô, nhiều lần có công. Sau khi mất, triều Trần lập đền thờ ở bờ sông Hạ Bì, cầu đảo thường được linh ứng.

*Đền Chu Văn Trinh*: ở núi Phượng Hoàng xã Kiệt Đặc huyện Chí Linh. Năm Giáp Thìn đời Lê Cảnh Hưng, Hiến sát sứ Hải Dương là Lê Đản dựng bia ngay tại chỗ ở cũ, khắc chữ "Chu Văn Trinh tiên sinh ẩn cư xứ" (Chỗ ở ẩn của Chu Văn Trinh tiên sinh), nay vẫn còn. Năm Minh Mệnh thứ 18 cho thờ phụng ở Văn Miếu; năm Thiệu Trị thứ nhất, Án sát sứ Hải Dương là Nguyên Thu, nhân cơ chỉ cũ, sửa chữa đền miếu, đồ thờ vẫn theo như cũ.

*Đền Thượng thư họ Phạm*: ở xã Khinh Dao huyện Giáp Sơn. Thần họ Phạm huý là Đình

www.thuvien247.net

Trọng. Khinh Dao là làng cũ ở xã Thanh Lang huyện An Lão cũng có đền thờ (xem sự tích ở phần "Nhân vật").

*Đền Tướng quân họ Phạm*: ở xã Ngư Uyên huyện Giáp Sơn, thần họ Phạm, huý là Luận. Lúc giặc Minh xâm lược nước ta, ông cùng 6 người nữa theo Lê Thái Tổ khởi nghĩa ở Lam Sơn, có công được phong Ngọc Thanh tướng quân; sau đánh nhau với giặc ở Giáp Sơn, thế không địch nổi, ông cùng 6 người em đều tử trận. Lê Thái Tổ thương có công, sai lập đền thờ, 6 người đều được thờ phụng.

*Đền Phạm Tử Nghi*: ở hai xã An Dương và Vĩnh Niệm huyện An Dương. Thần người xã Vĩnh Niệm, làm quan triều Mạc đến chức Thái uý, tước Tứ dương hầu. Sau phò Mạc Chính Trung chạy ra chiếm cứ Yên Quang, lại trốn sang đất nước Minh, thả quân xâm lấn Quảng Tây và Quảng Đông, người Minh không kềm chế được. Sau khi mất, người thôn lập đền thờ. Nay từ Nam Quan ven sông xuống đến các bến sông thuộc Hải Dương và Sơn Nam, nhiều nơi có đền thờ. Các triều đều phong tặng. Đời Lê Chính Hoà lập bi kí.

*Đền Nguyễn Công*: ở xã Phạm Xá huyện Tứ Kì. Nguyễn Công tự là Minh Biện, làm quan triều Lê được phong Đặc tiến Phụ quốc Thượng Tướng quân

www.thuvien247.net

Thự vệ sự, là cha của Tĩnh Hoàng hậu[1] bản triều, họ Trịnh nhận Nguyễn Công là họ ngoại[2], lập đền ở bản hương để 30 mẫu ruộng tự điền, miễn binh đao cho dân để trông coi việc thờ tự. Năm Minh Mệnh thứ 4, cho sửa chữa đền miếu, phong trung đẳng thần.

*Đền Minh Không Thiền sư*: ở xã Hán Lý huyện Vĩnh Lại. Thiền sư họ Nguyễn, tự là Chí Thành, người huyện Gia Viễn. Lúc trẻ kết bạn với Từ Đạo Hạnh, thụ giới ở chùa Vân Mộng. Sau làm tăng ở triều Lý Nhân Tông, Thần Tông mắc bệnh, nhà sư chữa khỏi, vua phong làm Quốc sư. Tương truyền, nhà sư siêu hoá ở núi Tam Viên xã Hán Lý, dấu cũ vẫn còn.

*Đền Hoàng thái hậu nhà Lý*: ở hai xã Cẩm Cầu và Cẩm Đái huyện Gia Lộc. Trước kia Lý Thánh Tông cầu tự, đi khắp các chùa, khi đến hương Thổ Lỗi (sau đổi là hương Siêu Loại, nay thuộc tỉnh Bắc Ninh, xem "Lý Thánh Tông kỉ"), thấy một người con gái hái dâu, đứng trong bụi cỏ lan, cho triệu vào hậu cung, lập làm Y Lan Phu nhân, sinh hoàng thái tử là Kiền Đức. Kiền Đức sau lên ngôi vua, là vua thịnh trị của nhà Lý, tôn mẹ làm Hoàng Thái hậu; sau khi bà mất, hai xã lập đền thờ.

---

(1) (2) Tức vợ Nguyễn Kim. Nguyễn Kim sau được con cháu truy tôn là Triệu tổ Tĩnh Hoàng đế và vợ là Tĩnh hoàng hậu, vợ chồng Nguyễn Kim có con gái là Ngọc Bảo gả cho Trịnh Kiên, tiên tổ họ Trịnh, nên họ Trịnh nhận Nguyễn Minh Biện (bố vợ Nguyễn Kim) là họ ngoại.

www.thuvien247.net

*Đền Hoàng Thái hậu nhà Tống*: ở xã Ngải Am, huyện Vĩnh Bảo. Hậu là mẹ Đế Bính nhà Tống, bị quân Nguyên đuổi sát, hậu gieo mình xuống biển tự vẫn, sau hiển linh ở đây, người địa phương lập đền thờ.

*Đền Liễu Hạnh Công chúa*: ở xã Thượng Đoạn huyện An Dương. Thần họ Trần, người huyện Thiên Bản (xem *Nam Định tỉnh chí*).

*Đền thần Phi Bồng*: ở xã Yên Mô, huyện Chí Linh. Địa đầu xã này có một quả núi, hình núi như bình phong, trong có một chỗ rộng bằng hai chiếc chiếu trong đá nứt một lỗ rộng chừng một thước. Tương truyền ngày trước trẻ chăn trâu tụ hội nghe trên núi có tiếng trẻ khóc, đến nơi, thì thấy một em bé ngồi khóc ở chỗ đá nứt, tiếng như chuông lớn, chúng lấy nón che và ẵm về, bỗng nhiên nổi mưa to gió lớn, em bé ấy bay thẳng lên không, nghe có tiếng nói: "Ta là thần Phi Bồng đây". Người địa phương lấy làm kinh dị, lập đền để thờ (việc này chép trong *Lĩnh nam trích quái*).

## CHÙA QUÁN

*Chùa Bảo Sơn*: ở xã Phù Ủng, huyện Đường Hào. *Sử* chép, chùa này do Phạm Ngũ Lão dựng. Phạm Ngũ Lão có người con gái hiệu là Tĩnh Huệ tức là thứ phi vua Trần Anh Tông. Về làng được 2 ngày thì

www.thuvien247.net

lên chùa than rằng: "Chùa này do tiên quân lập, nay ta tuổi đã cao, làm nhà ở đây, có thể cầu đảo cho thánh thượng, lại có thể phụng thờ tổ tiên, trọn vẹn được cả trung lẫn hiếu, đấy là nguyện vọng của ta". Do đấy, Tĩnh Huệ sửa sang lại; phía đông chùa, dựng nhà làm chỗ thờ tổ tiên. Sau Trần Minh Tông đến chơi, ban cho biển ngạch để tỏ lòng hiếu kính.

*Chùa Minh Khánh*: ở xã Hương Đạc huyện Thanh Hà, do triều Lý xây dựng; đời Lê Hồng Đức tay lấy máu. Sau người ta dựng tháp để tàng trữ máu này. Nay ở trước chùa có tháp "Huyết thư", thường tỏ linh ứng.

*Chùa Hương Hải*: ở xã Phụ Vệ huyện Chí Linh, là nơi sinh Thiền sư Pháp Loa. Sau khi nhà sư tịch, tỏ rõ anh linh, người làng lập đền thờ.

*Chùa Lệ Kì*: có tên nữa là chùa Lễ Kệ, xem mục "núi Phượng Hoàng" ở trên.

*Chùa Từ Phúc*: xem mục 'Núi Côn Sơn" ở trên.

*Chùa Phao Sơn*: xem mục "Núi Phao Sơn" ở trên.

*Chùa Dương Nham*: ở động núi xã Dương Nham, huyện Giáp Sơn, gian giữa thờ Phật, bên tả

www.thuvien247.net

thờ tượng Không Lộ, Đạo Hạnh và Huyền Quang, bên hữu thờ tượng Trần Anh Tông. Phong cảnh trong động âm u đẹp đẽ, bài thơ của Lê Thánh Tông khắc vào đá, nay vẫn còn.

*Chùa Tường Vân*: xem mục "Núi Yên Phụ" ở trên.

*Chùa Quang Khánh*: ở xã Dưỡng Mông, huyện Kim Thành. Sư Ong Mộng, đời Trần trụ trì ở đây, tu luyện đắc đạo, pháp thuật tinh thông. Vua Trần Minh Tông đau mắt, thầy thuốc điều trị không khỏi, đêm mộng thấy một thầy thuốc tự xưng là Ong Mộng, khi tỉnh dậy, không cần thuốc thang, mà mắt tự khỏi, bèn lấy tên người trong mộng, hỏi khắp các châu huyện, khi đến chùa này mới thấy, nhà vua sắc phong là Từ Giác Quốc sư, lại phát tiền kho, tu bổ chùa quán cho tên là chùa Quang Kháng. Đời Lê Hồng Đức Thánh Tông đề thơ khắc vào đá, nay vẫn còn.

*Chùa Hưng Long*: ở xã Hán Lý huyện Vĩnh Lại. Trước chùa có sông Cửu Khúc. Tương truyền quê mẹ Thiền sư Không Lộ ở đây, nhân dựng chùa ở đấy. Thiền sư Không Lộ với hai Thiền sư Đạt Man và Đạo Hạnh đồng thời kết nghĩa anh em, ba người cùng ở với nhau, tu hành ở đây. Sau khi các thiền sư tịch, tỏ rõ pháp lực, có thể đạp mây cỡi gió, cầu đảo thường được linh ứng, dân xã tô ba pho tượng để thờ.

www.thuvien247.net

*Chùa Quang Minh*: ở xã Hậu Bổng huyện Gia Lộc, ngàn cây xanh biếc, bốn mặt nước trong, đằng trước có đường cái chạy qua, phía trước có nước sông bao bọc, thật là một thắng cảnh của thiền lâm. *Lĩnh nam trích quái* chép: xưa Thiền sư Huyền Chân trụ trì ở đây, người ta khen là cao tăng trong thiền uyển. Khi thiền sư tuổi già, mộng thấy Phật Di Đà bảo rằng: "Người có công với Phật giáo đã lâu năm, tấm lòng từ thiện đã được soi xét, kiếp sau sẽ được làm đại đế ở Bắc quốc". Khi tỉnh dậy, dặn bảo đệ tử rằng: "Sau khi thầy siêu tịch, các con nên dùng son viết mười chữ vào vai là "An Nam quốc Quang Minh tự Sa Việt tỉ khâu". Đến lúc thiền sư hoá, tăng đồ theo lời dặn làm lễ hoả táng, cấp xá lị trong tháp đá. Đời Lê Hoằng Định, Nguyễn Tự Cường, người xã Tiền Liệt, huyện Vĩnh Lại, phụng mệnh sang sứ Trung Quốc, vua Minh Thế Tông triệu vào triều hỏi rằng: "Nhà ngươi có biết chùa Quang Minh ở trong nước không?". Tự Cường tâu là chưa biết. Nhà vua nói: "Lúc trẫm mới sinh ra, trên vai có chữ viết bằng son, dấu vết rõ ràng, có lẽ tiền thân trẫm là sư ở chùa ấy, nay muốn rửa sạch vết chữ ấy thì dùng cách nào?". Tự Cường tâu rằng: "Thần nghe nói nhà Phật có nước công đức để tẩy trần, nếu bệ hạ đã là hậu kiếp của thiền sư chùa ấy, thì nên dùng nước ở giếng chùa ấy mà rửa". Nhà vua

www.thuvien247.net

nói: "Khi nhà ngươi trở về nước, nếu dò hỏi được thì lấy tiến dâng". Tự Cường trở về, đem việc này tâu lên triều đình, nhân đấy, tìm hỏi các châu huyện mới thấy được chùa Quang Minh, đem nước tiến dâng, vua nhà Minh lấy nước ấy rửa, quả nhiên vết chữ tiêu hết. Nhà vua khen thưởng, ban cho 300 lạng vàng, đem về sửa chữa chùa quán, để tỏ rõ sự anh linh ở nước Nam.

*Chùa Quỳnh Lâm*: ở một quả gò bằng trong núi Quỳnh Lâm, xã Hà Lôi, huyện Đông Triều, do thiền sư đời Lý là Nguyễn Minh Không lập, đúc tượng đồng để trong chùa (tượng này là một trong tứ khí của An Nam). Trần Thái Tông và Trần Nhân Tông thường đến thăm, Thiền sư Pháp Loa và Thiền sư Huyền Quang cũng trụ trì ở đấy; có viện Quỳnh Lâm, am Bích Động, thắng cảnh linh tích đứng đầu các chùa trong tỉnh Hải Dương. Năm Vĩnh Khánh triều Lê sửa lại, bắt dân các huyện Đông Triều, Chí Linh và Thuỷ Đường làm việc, đầu đời Vĩnh Hựu lại bắt dân các huyện Giáp Sơn, Thuỷ Đường, Đông Triều, Kim Thành và Thanh Hà sửa chữa.

*Chùa Hoa Yên*: *Lĩnh nam trích quái* chép: vốn tên là chùa Vân Yên, Lê Thánh Tông đến thăm, thấy sắc hoa tươi đẹp, cho đổi tên là chùa Hoa Yên.

www.thuvien247.net

*Chùa Vân Tiên, chùa Đồng, chùa Long Đồng*: đều ở núi Yên Tử (xem phần "Sơn xuyên" ở trên).

*Chùa Vân Khánh* xem mục "Núi Đam Thuỷ" ở trên.

*Chùa Trung Tiết*: ở xã Yên Sinh huyện Đông Triều. Đời Trần Minh Tông bọn thái học sinh Đặng Tảo và Lê Chung chầu chực ở lăng tẩm Yên Sinh, dựng chùa để ở suốt đời. Sau Nghệ Tông tưởng nhớ hai người này, sai sửa lại chùa cấp cho ruộng thờ và cho tên là chùa Trung Tiết.

*Chùa Hồ Thiên*: ở xã Phú Ninh huyện Đông Triều dựng từ triều Trần, lâu ngày đổ nát, nay vẫn còn dấu vết cũ. Trước chùa có hồ sen, lại có đôi chim hạc thường bay đi bay về. *Lĩnh nam trích quái* chép: ở Đông Triều có hai con hạc, hàng năm sinh con, rồi lại bay đi. Sau người ta có câu thơ rằng: "Đóa hóa kim liên khai lạc cổ; Song song bạch hạc khứ qui gian" (Hoa sen lúc nở lúc tàn, đôi chim hạc trắng thanh nhàn tiêu dao).

---

(1) Phần "Núi sông", mục "Núi Bác Mã" lại chép là chùa Phúc Chủ.

www.thuvien247.net

## NHÂN VẬT

*ĐỜI NGÔ*

*Phạm Lệnh Công*: người Trà Hương, tức huyện Kim Thành. *Việt sử ngoại kỉ* chép: khi Tiền Ngô vương bị bệnh nặng, trối lại cho Dương Tam Kha giúp con mình là Xương Ngập, đến lúc Ngô vương mất, Tam Kha cướp ngôi, Xương Ngập sợ, chạy đến nhà Phạm Lệnh Công. Tam Kha sai hai đại tướng đem quân đi đòi về, ba lần đều không được. Lệnh Công đem Xương Ngập giấu trong núi, Tam Kha biết, lại sai đòi như trước, chung qui không được. Đến lúc Xương Văn phế Tam Kha, lên ngôi vua thì rước Xương Ngập về Kinh, cùng làm việc nước. *Sử* khen trí mưu tiết nghĩa của Lệnh Công vượt hơn người, ví với việc Trình Anh và Chử Cữu[1].

*ĐỜI TIỀN LÊ*

*Phạm Cự Lạng*: người huyện Nam Sách. Ông tổ tên là Chiêm, làm Đồng Giáp Tướng quân dưới triều Ngô Vương (Quyền) cha tên là Mạn làm Tham chính

[1] Trình Anh là bạn và Chử Cữu là gia khách Triệu Sóc, Triệu Sóc làm quan đại phu nước Tấn thời Xuân Thu, bị Đỗ Ngạn Giả giết, Sóc có một con bé mới sinh, Chử Cữu bèn đem đứa con người khác giấu vào trong núi để Trình Anh ra tố giác với Ngạn Giả, Giả liền vào trong núi tìm giết đứa con giả ấy; do đấy Trình Anh ẩm đứa con thật của Triệu Sóc vào nuôi trong núi, sau đứa con ấy nối dòng dõi họ Triệu, tức là Triệu Vũ, nối nghiệp làm đại phu nước Tấn.

www.thuvien247.net

Đô đốc dưới triều Nam Tấn Vương; anh tên là Quả làm Thị vệ triều Đinh, Cự Lạng làm Đại Tướng quân triều Đinh; dưới triều Lê Đại Hành được thăng Thái úy (việc chép rõ trong *Sử kí*) - Đời Thống Thụy (Lý Thái Tông), ở phủ Đô Hộ có nhiều án đáng ngờ, quan sĩ sư không thể xử đoán được, Thái Tông muốn được quỉ thần tỏ sự anh linh để ngăn lấp đường gian trá, bèn tắm gội và thắp hương cầu thượng đế. Đêm mộng thấy người sứ giả mặc áo trắng mang sắc thư của Thượng đế cho Cự Lạng làm minh chủ việc kiện trong phủ Đô Hộ. Vua hỏi người ấy là ai và giữ chức gì. Sứ giả: đấy là Thái úy triều Lê Đại Hành. Nói xong thì biến mất. Khi Thái Tông tỉnh giấc phong Cự Lạng tước vương, lập đền Huyền Thánh để thờ ở phía tây Kinh thành (Việc này chép trong *Lĩnh nam trích quái*).

*ĐỜI LÝ*

*Trần Đăng Nguyên*: người huyện Chí Linh, lúc bé đã có tài văn chương, từ phú kí tụng, cầm bút viết luôn, người ta khen là thần đồng; đến khi lớn, các sách tam giáo bách gia, không gì là không thông hiểu. Năm Chính Long Bảo Ứng thứ 3 triều Lý Anh Tông, Đăng Nguyên đỗ đầu khoa thi Thái học sinh, ở trong thì chầu chực Kinh diên, ở ngoài thì tham tán quân vụ làm quan đến Thượng thư, tước công; chết tặng Tư không, thụy là Trung Hiếu. Con là Như Thính đỗ Hoàng giáp đời Trần Kiến Trung.

www.thuvien247.net

*ĐỜI TRẦN*

*Nguyễn Thuyên*: người huyện Thanh Lâm đỗ Thái học sinh đời Trần, làm quan đến Thượng thư Hình bộ. Bấy giờ có cá sấu vào sông Lô, Trần Nhân Tông sai ông làm bài văn ném xuống sông, cá sấu tự bỏ đi nơi khác, nhà vua cho việc ấy giống việc của Hàn Dũ (nhà Đường), nên cho đổi họ là Hàn. Nguyễn Thuyên lại giỏi thơ quốc âm, nước ta dùng quốc âm làm thơ là bắt đầu từ ông.

*Phạm Ngũ Lão*: người huyện Đường Hào, tài trí hơn người, trải thờ mấy triều, đánh Ai Lao và Chiêm Thành, lập nhiều chiến công, là một danh tướng, làm quan đến Chưởng ngũ phủ Thượng Tướng quân. Ông xuất thân ở hàng quân ngũ, mà thích đọc sách ngâm thơ. Bài thơ Thuật Hoài rằng:

*Hoành sáo giang san kỉ thu,*
*Tam quân kì hổ khí thôn ngưu.*
*Nam nhi vị liễu công danh trái,*
*Tu thích nhân gian thuyết Vũ hầu.*
*(Ngang giáo non sông trót mấy thu,*
*Ba quân hùm sói khí nhai trâu.*
*Nam nhi chưa trọn công danh nợ,*
*Thẹn lắng tai nghe chuyện Vũ Hầu).*

www.thuvien247.net

Sau khi chết, người địa phương lập đền thờ, năm Minh Mệnh thứ 4, cho thờ phụng ở miếu Lịch đại đế vương.

*Đoàn Như Hài*: người huyện Gia Lộc. Khoảng đời Hưng Long Trần Anh Tông, vì thảo thay biểu văn để nhà vua Trần tạ Thượng Hoàng, Thượng Hoàng vừa ý, được bổ Ngự sử Trung tán; sau đi sứ sang Bắc Quốc được thăng Tham tri chính sự coi việc Khu Mật, Minh Tông đi đánh Ai Lao, Như Hài làm Đốc tướng, chết trận. Dân các xã Hội Xuyên và Phương Điếm lập đền thờ.

*Mạc Đĩnh Chi*: người huyện Chí Linh, đỗ Trạng nguyên đời Hưng Long Trần Anh Tông. Sang sứ nước Nguyên, vì văn tài được người Nguyên trọng, Trần Minh Tông lại càng yêu quí. Đời Hiến Tông, làm Nhập nội Hành khiển, thăng Tả bộc xạ, sang mà vẫn ưa nghèo, nổi tiếng liêm khiết. Sau con cháu dời đến ở xã Quan Khê huyện Thanh Hà, lại dời đến xã Cổ Trai huyện Nghi Dương - Mạc Đăng Dung là cháu đời thứ bảy. Sách *Giao Châu lục* của Chu Sáu người Trung Quốc xem Mạc Đĩnh Chi là kinh tế bực nhất.

*Trần Thì Kiến*: người huyện Đông Triều; làm An phủ sứ phủ Thiên Trường đời Trần Anh Tông, làm quan liêm khiết. Một lần có người đưa biếu

www.thuvien247.net

mâm cỗ, rồi chưa được bao lâu người ấy đem việc đến thỉnh thác, ông bèn móc họng thổ hết thức ăn ra. Sau đó, được thăng chức quan kiểm pháp, kiện tụng đến thì dùng lí để phán đoán, công việc đến thì dùng phương để ứng đối, người ta khen là người biết xử kiện. Lúc làm gián nghị đại phu, Anh Tông ban cho cái hốt, ngự chế bài minh khắc vào hốt rằng: "Thái sơn trinh cao, tượng hốt trinh liệt; linh trãi tiến dốc, vi hốt nam chiết". (Ý nói núi Thái Sơn vững mà cao, hốt ngà bền mà sáng, trãi thiệng dâng sừng làm hốt khó gãi). Ông làm quan triều Minh Tông, cuối cùng làm đến Bộc xạ.

*Phạm Sư Mạnh*: người huyện Giáp Sơn, đỗ Thái học sinh đời Trần. Triều Dụ Tông, làm Tham tri chính sự, coi việc Khu mật, kén duyệt quân năm lộ, tài khí hào hùng. Phụng mệnh đi sứ, người Minh thấy tên là "Sư Mạnh", bèn hỏi nghĩa sách *Mạnh Tử*, ông liền ám tả 7 thiên sách *Mạnh Tử* để đáp. Ông từng dạo chơi non sông, ngâm vịnh hào phóng, có *Giáp Sơn thi tập* lưu hành.

*Phạm Mại*: người huyện Giáp Sơn; nguyên họ Chúc, Trần Nhân Tông cho họ Phạm. Đầu đời Minh Tông, ông đi sứ sang nước Nguyên, trở về được trao chức Ngự sử Trung tá; là người cứng rắn, dám nói thẳng, có phong độ người tôi can gián đời cổ; sau thăng dần đến chức Môn hạ sảnh. Em

www.thuvien247.net

là Phạm Ngộ coi việc Thẩm Hình dưới triều Minh Tông, thăng dần đến Thượng thư Tả thị lang trung, có tiếng thanh liêm cẩn thận, thơ Phạm Mại thanh tao phóng khoáng. Thơ đề bức bình phong vẽ thủy mặc rằng:

*Hồng thụ nhất khê lưu thủy.*
*Thanh sơn thiên lí tà dương.*
*Dục hoán biển châu qui khứ,*
*Vị bốc thử sinh hành tàng.*
*(Cây đỏ một khe nước chảy.*
*Núi xanh ngàn dặm bóng tà.*
*Muốn gọi thuyền con về quách,*
*Chưa hay xuất xử đời này).*

Về sau con cháu dời đến ở huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh, nay là một họ lớn ở Kim Đôi.

*Lê Hiến Phủ*: người huyện Đông Triều, có thuyết nói người huyện Đông Yên, đỗ Bản nhãn đời Long Khánh triều Trần, làm quan đến Trung đại phu. Quí Ly ngầm chứa lòng bất thần, ông từng ngồi trên nghế chéo ở chính sự đường bắt bẻ ngay trước mặt, Quí Ly dùng phú quí dụ dỗ, ông không chịu, sau bị hại, vua Trần truy phong làm phúc thần. Nay các xã Thượng Lao huyện Nam Chân đều có đền thờ (xem *Nam Định tỉnh chí*).

www.thuvien247.net

*Trương Đỗ*: người huyện Vĩnh Lại, đỗ Tiến sĩ đời Thiệu Khánh triều Trần, là người có tiếng, làm quan thanh liêm cứng rắn, sau thăng đến chức Ngự sử. Đời Long Khánh, Duệ Tông đi đánh Chiêm Thành Trương Đỗ ba lần dâng sớ can, Duệ Tông không nghe, bèn treo mũ mà đi. Sau khi Duệ tông thua trận ở Ỷ Mang, triều đình lại triệu ra dùng, thăng dần đến chức Tư lệ Hiệu úy. Về sau con cháu nối đời vinh hiển, cũng nổi tiếng là quan lại thanh liêm.

*Bùi Bá Kì*: người huyện Thanh Miện, đỗ Thái học sinh đời Trần. Lúc Hồ Quí Ly tiếm ngôi, Kì sang nước Minh xin đem quân đánh nhà Hồ và lập con cháu nhà Trần là vua. Sau khi nhà Minh đánh bại nhà Hồ, đổi đặt nước ta làm quận huyện, trao cho Kì chức Tham nghị, Bá Kì bèn liên kết thu hào kiệt, ngầm lo việc khôi phục nhà Trần; người Minh biết, bắt đem về Bắc. Người sau khen Bá Kì là trung nghĩa lập đền thờ.

*Lý Tử Cấu*: người Hồng Châu, lúc còn trẻ đã nổi tiếng. Đời Nhuận Hồ, bổ Thái tự hữu dụ đức, ông cố từ không nhận. Đầu đời Lê, có chiếu cầu hiền, Nguyễn Mộng Tuân tiến cử, Lý Tử Cấu vẫn từ chối không ra, tiết tháo cao siêu, phong độ thanh khiết, là bậc cao sĩ ẩn dật hồi Lê sơ.

*Trần Đình Sâm*: người huyện Đông Triều, đỗ Thám hoa đời Long Khánh, từng làm Ngự sử Trung

www.thuvien247.net

tán giám tu *Quốc sử*. Khi Duệ Tông băng ở Đông Ỷ Mang, Sâm phụng mệnh sang cáo phó với nhà Minh, người Minh từ chối, lấy cớ rằng theo lễ có ba điều không phúng điếu, là chết vì sợ hãi, chết vì có vật đè phải và chết đuối. Sâm tranh luận rằng: "người Chiêm Thành trái lẽ thuận, phạm biên cương, Duệ Tông có công chống nạn, cứu dân, vì cớ gì mà không phúng viếng". Người Minh bèn sai sứ sang phúng. Đến lúc họ Hồ cướp ngôi, Sâm giả vờ là điếc không ra làm quan.

*Lê Cảnh Tuân*: người huyện Đường Yên, tiên tổ là người xã Lão Lạt, huyện Thuần Lộc, Ái Châu (tức huyện Hậu Lộc tỉnh Thanh Hóa bây giờ); lúc trẻ có chí khí, đỗ Thái học sinh triều Trần, có viết bức thư muôn lời (vạn ngôn thư) khuyên Bùi Bá Kì xin nhà Minh lập con cháu nhà Trần, người Minh dò biết, bắt đưa về Yên Kinh, vua Minh hỏi: "Vì cớ gì mà ngươi khuyên Bá Kì âm mưu phi pháp?" Cảnh Tuân đáp rằng: "Người nước Nam muốn giữ nước Nam, cũng như con chó cắn người không phải là chủ nó, cần gì phải hỏi?". Vua Minh giận, đem giam vào nhà ngục ở Kim Lăng, được 5 năm, ốm chết. Đầu đời Lê con là Lê Thiếu Dĩnh, Lê Thúc Hiển và cháu là Lê Nại nối tiếp nhau làm quan sang.

www.thuvien247.net

*ĐỜI LÊ*

*Lương Như Hộc*: người huyện Gia Lộc, đỗ Thám hoa đời Đại Bảo triều Lê, trải làm quan Đô Ngự sử, hai lần phụng mệnh đi sứ, khi về, đem nghề khắc bản in dạy người hai xã Hồng Lục và Liễu Chàng, đến nay dân xã thờ làm tiên sư; có biên chép tập *Cổ kim chế từ*.

*Vũ Dự*: người huyện Đường Yên, có sức mạnh hơn người làm điển binh triều Lê Nhân Tông. Sau cùng với Cương Quốc công (Nguyên Xí) giết bọn phản nghịch là Phạm Đồn, Phan Bàn và Lạng Sơn vương Nghi Dân, rước Thánh Tông lên ngôi, được tiến phong minh nghĩa công thần tước Tri Lễ Bá.

*Nguyễn Phục*: người huyện Gia Lộc, đỗ Hoàng giáp đời Lê Thái Hòa, làm Hàn Lâm viện kiêm chức Sư phó dạy thân vương. Khi Thánh Tông đi đánh Chiêm Thành, làm việc đốc vận quân lương, vì bị bão, sai kì phải chịu quân pháp. Sau vua biết là oan, truy phong phúc thần. Nay dân ở ben biển đều thờ, gọi là đền Tùng Giang; cũng có đền thờ ở xã Phương Bằng bản huyện. Con là Nguyễn Đạm đỗ Tiến sĩ đời Hồng Thuận.

*Trần Ích Phát*: người huyện Chí Linh, học rộng các sách, đỗ Giải ngyên khoa thi Hương. Đời Thái Hòa, thi ở sảnh đường luôn mấy khoa đều không

www.thuvien247.net

trúng, lui về dạy học. Học trò ông 3 người đỗ Trạng nguyên, 4 người đỗ Bảng nhãn, 6 người đỗ Thám hoa, 10 người đỗ Hoàng giáp, 51 người đỗ đồng Tiến sĩ. Đời Hồng Đức, học trò của ông quá nửa làm quan ở triều. Thánh Tông vốn biết tiếng, cho được bổ dụng như Tiến sĩ, dùng làm Giám sát Ngự sử, thăng Hiến sát sứ, sau thăng dần đến Đông Các Học sĩ, về hưu hưởng thọ 100 tuổi.

*Nguyễn Đức Trinh*: người huyện Thanh Lâm, đỗ Bảng nhãn đời Lê Quang Thuận, làm quan đến Phó đô Ngự sử. Đi sứ, chết vì việc nước, tặng Thượng thư. Những người cùng bảng với ông là Lương Thế Vinh và Quách Đình Bảo, đều là người danh vọng, khi vinh qui, Thuần Hoàng (Thánh Tông) ban cho ngự liễn rằng "Trạng nguyên Lương Thế Vinh, Bảng nhãn Nguyễn Đức Trinh, Thám hoa Quách Đình Bảo, thiên hạ công tri danh".

*Vũ Hữu*: người huyện Đường Yên, đỗ Tiến sĩ đời Lê Quang Thuận, từng làm Thượng thư năm bộ, tính tình thanh cao cứng rắn, rất sành toán học, vua Lê khen là "thần toán", ban cho 100 mẫu ruộng; khi 70 tuổi lấy chức Thượng thư về hưu. Chết tặng Thái bảo. Tác phẩm của ông có sách *Đại thành toán pháp*. Cháu xa đời là Vũ Phương Đề đỗ Tiến sĩ đời Lê Vĩnh Hựu, làm đến Tham tri, có sách *Công dư tiệp kí* lưu hành.

www.thuvien247.net

*Lê Nghĩa*: người huyện Thanh Hà, đỗ Tiến sĩ đời Lê Quang Thuận, giữ chức Sử quan. Thánh Tông muốn xem quốc sử, sai nội thần bảo kín rằng: "Ngày xưa Phòng Huyền Linh làm sử quan, không cho Đường Thái Tông xem *Thực lục*, ngươi so với Huyền Linh ai giỏi hơn?" Nghĩa nói: "Về việc Huyền Vũ môn[1], Huyền Linh không chép thẳng, vì Đường Thái Tông bảo rồi mới chép, như thế e chưa phải là giỏi". Nội quan nói: "Nhà vua muốn xem nhật lịch từ năm Quang Thuận thứ nhất đến năm thứ 8" Nghĩa nói: "Nhà vua nên cố sức làm điều lành là đủ rồi, hà tất phải xem quốc sử?". Nội quan bảo hai ba lần, Nghĩa nói: "Bệ hạ thực hay đổi lỗi là phúc cho Xã tắc", rồi dâng *nhật lịch*[2]. Bài tựa *Đại Việt thông sử*, Lê Quí Đôn nói: "Đời Hồng Đức, tuyển dụng sử quan rất thận trọng, như bọn Lê Nghĩa, chép việc thẳng thắn, giữ lòng chính trực, có tiết tháo người đời xưa". *Nhật lịch* do Lê Nghĩa biên chép, nay không thấy lưu truyền.

*Vũ Quỳnh*: người huyện Đường Yên, đỗ Tiến sĩ đời Lê Hồng Đức, ở Ngự sử đài, không e sợ bọn

---

[1] Đường Thái Tông tên là Thế Dân, sau khi cha là Cao Tổ chết, Thế Dân đem quân phục ở cửa Huyền Vũ, giết hai người anh là Kiến Thành và Nguyên Cát để giành lấy ngôi vua.

[2] *Nhật lịch*: một quyển sách của Sử quan ghi ngôn ngữ, hành động hàng ngày của vua, để sau này chép vào quốc sử.

www.thuvien247.net

quyền thế. Ra làm quan ở Đông Hải, tỏ rõ ấn tín; trải làm đến Thượng thư Binh bộ, kiêm tổng tài sử quán, làm sách *Việt giám thông khảo*.

*Nguyễn Thẩm Lộc*: người huyện Thanh Lâm, đỗ Tiến sĩ đời Hồng Đức, làm đến Tham chính. Khi nhà Mạc tiếm ngôi, không làm quan; sau nhà Lê tặng hàm Đô Ngự sử.

*Nguyễn Huyên Cần*: người huyện Thanh Lâm, đỗ đồng Tiến sĩ khoa Đinh Mùi đời Hồng Đức, làm quan đến Hữu Thị lang Hình bộ. Đời Hồng Thuận Tương Dực đế, chết về việc nghĩa, tặng Thượng thư Lễ bộ.

*Ngô Hoán*: người huyện Thanh Lâm, đỗ Bảng nhãn đời Hồng Đức, làm đến Thượng thư Lại bộ, dự hàng nhị thập bát tú trong Tao Đàn. Đời Quang Thiệu theo Chiêu Tông sang Ai Lao, chết vì tiết; sau khi trung hưng, phong làm Phúc thần, lập đền thờ ở chỗ nhà cũ.

*Vũ Dương*: người huyện Thanh Lâm, đỗ Trạng nguyên đời Hồng Đức, thi Hương, thi Đình đều đỗ đầu, làm đến Thượng thư Công bộ dự hàng nhị thập bát tú trong Tao Đàn, có thơ được truyền.

*Trần Năng*: người huyện Thanh Lâm, đỗ Hoàng giáp, đời Hồng Đức, làm đến Tả Thị lang Lại bộ. Đời Đoan Khánh cùng bọn Lê Võ và Phạm

www.thuvien247.net

Thịnh đánh nhau với Giản Tụ Công Oánh ở xứ Đồng Lạc, thế không địch nổi nên tử trận ở Châu Cầu, người ta khen là tiết nghĩa.

*Vũ Tụ*: người huyện Đường Yên, đỗ Hoàng giáp đời Hồng Đức, làm quan thanh liêm cứng rắn. Có người đưa biếu lụa, ông cự tuyệt, Thánh Tông khen là có khí tiết như người đêm tối không nhận vàng[1], bèn cho hai chữ "Liêm tiết", mỗi khi vào triều được đính hai chữ ấy ở cổ áo để biểu dương. Ông làm quan đến Tả Thị lang Hình bộ, nếp nhà thanh bạch, người đời kính mến.

*Lê Nại*: người huyện Đường Yên, bé học tập cần cù, đỗ Trạng nguyên đời Đoan Khánh, từ thi Hương đến thi Đình đều đỗ đầu, làm đến Tả Thị lang Hộ bộ. Ông có bài tự tán rằng: "Mộ Trạch tiên sinh, dĩ thực vi danh: thập bát bát phạn, thập nhị bát canh. Khôi nguyên cập đệ, danh quán quần anh. Sức chi dã cự, phát chi dã hoành" (Mộ Trạch tiên sinh, về ăn nổi danh: Mười tám bát cơm, mười hai bát canh. Khôi nguyên thi đậu, danh trùm quần anh. Chứa vào to lớn, phát ra rộng thênh).

---

[1] Tức Dương Chấn, người thời Đông Hán. Khi Dương Chấn làm Thứ sử Kinh Châu, có cất nhắc Vương Mật làm quan lệnh ở Xương Ấp. Một đêm, Vương Mật đem vàng đến tạ ơn, Chấn từ chối không nhận, Mật nói: "Đêm tối không ai biết". Chấn nói: "anh biết, tôi biết, trời biết, đất biết, sao lại nói là không ai biết". Mật hổ thẹn đem vàng về.

www.thuvien247.net

*Nguyễn Dữ*: người huyện Gia Lộc, là con Thượng thư Nguyễn Tường Phiêu, đỗ Hương tiến đời Lê, làm Tri huyện Thanh Tuyền, được mười năm thì từ quan về nuôi mẹ, không bước chân ra đến thành thị. Có sách *Truyền kì mạn lục*.

*Trương Phu Duyệt*: người huyện Thanh Miện, đỗ Hoàng giáp đời Đoan Khánh, làm đến Thượng thư Lại bộ. Đời Thống Nguyên nhà Mạc cướp ngôi, bắt ông thảo tờ chiếu truyền ngôi, ông trừng mắt mắng lại rằng: "Thế là nghĩa lí gì?" Nhà Mạc bèn giáng chức làm Thừa chính An Bang, ông không nhận, bỏ quan về quê. Sau khi nhà Lê trung hưng, được chép khen là tiết nghĩa.

*Nguyễn Văn Vận*: người huyện Cẩm Giàng, đỗ đồng Tiến sĩ đời Đoan Khánh, làm quan đến Thừa chính sứ; cuối đời Quang-Thiệu, chết vì tiết, tặng Thị lang.

*Hoàng Minh Tá*: người huyện Cẩm Giàng, đỗ Tiến sĩ đời Hồng Thuận. Vì giận họ Mạc cướp ngôi, mưu cùng Nguyễn Thái Bạt dấy quân khôi phục, đến khi Bạt chết. Tá tập hợp vài trăm binh, độc lực đánh nhau với địch, binh vỡ, ông mặc triều phục, hướng mặt về phía tây để lạy, rồi tự vẫn ở sông Bình Lãng.

*Lại Kim Bảng, Nguyễn Thái Bạt*: đều người huyện Cẩm Giàng. Kim Bảng đỗ Tiến sĩ đời Quang

www.thuvien247.net

Thiệu, làm đến Giám sát Ngự sử; Thái Bạt đỗ Hoàng giáp đời Quang Thiệu làm Hàn Lâm viện. Khi nhà Mạc cướp ngôi, Bảng lánh về quê hương, nhiều lần nhà Mạc cho triệu, đều không đến, sau bức gọi, khi qua giữa sông Nhị, ông mặc áo mũ tề chỉnh vọng bái về Lam Sơn, lớn tiếng mắng giặc, rồi nhảy xuống sông tự tử. Bạt bị nhà Mạc bắt ép vào triều khi đến kinh đô, ông giả vờ bị chứng thong manh, xin đến gần để tâu bày, ông liền nhổ vào mặt Đăng Dung và mắng nhiếc thậm tệ, bèn bị hại (việc này chép rõ ở "Nhân vật chí" trong *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú). Đến lúc nhà Lê trung hưng biểu dương đền thờ hai ông là "tiết nghĩa song từ". Đời Thiệu Trị và Tự Đức đều có phong tặng.

*ĐỜI MẠC*

*Nguyễn Bỉnh Khiêm*: người huyện Vĩnh Lại, đỗ Trạng nguyên đời Đại Chính nhà Mạc, làm quan đến Thượng thư Lại bộ, Thái phó, tước Trình Quốc công, ở trong triều 8 năm, rồi về hưu, dựng Bạch Vân am để ở, lập quán Trung Tân ở bến Tuyết Giang (xem phần "Cổ tích") học trò nhiều người thành đạt, như Phùng Khắc Hoan, Lương Hữu Khánh, Nguyễn Dữ và Trương Cử đều là học trò, họ gọi ông là Tuyết Giang phu tử. Có *Bạch Vân am thi tập* lưu hành. Nhà Mạc từng hỏi về việc nước, ông nói: "Ngày kia nếu có biến, đất Cao Bằng dầu nhỏ cũng có thể duy trì

www.thuvien247.net

được vài đời". Sau này đúng như lời ông nói. Khiêm tuy làm quan triều Mạc, mà nhà Lê có bàn luận mưu lớn thường sai người đến hỏi. Lúc Lê Trung Tông, không có con nối ngôi, đại thần bàn luận, chưa quyết định được nên lập người nào, sai người đến hỏi, ông không trả lời, chỉ bảo người nhà rằng: "Năm nay không được mùa, sao không tìm ngay giống thóc cũ mà cấy cho kịp thời". Bấy tôi nhà Lê bèn quyết định rước Anh Tông. Khi Trịnh Tùng lăng loàn có dị chí, mật sai người hỏi về phúc nhà Lê dài ngắn thế nào, ông cũng không trả lời, chỉ ra chơi chùa, giả vờ giận nhà sư bất cẩn mà trách rằng: "Ngạn ngữ nói: "Thờ Phật ăn oản, không biết thờ Phật, thì mong gì được ăn oản!"." Trịnh Tùng bèn thôi. Thái Tổ Hoàng Đế[1] bản triều bị họ Trịnh bức, muốn tránh đi nơi khác, sai người đến hỏi, ông có câu trả lời "Hoành sơn nhất đái, vạn đại dung thân"[2]. Sau bản triều ở nam gây dựng được cơ nghiệp, quả đúng như lời của ông, vì ông tinh về môn học lí số. Sứ thần nước Thanh Chu Xán có câu khen ông rằng: "An Nam lí học hữu Trình Tuyền"[3]. Sau khi mất, người làng lập đền thờ.

---

[1] Tức Nguyễn Hoàng, sau con cháu truy tôn là Thái Tổ Gia Dụ Hoàng Đế.

[2] *Đại nam thực lục tiền biên*, chép rằng lúc ấy Nguyễn Bỉnh Khiêm trông núi non bộ ở trước sân, đọc câu "Hoành sơn nhất đái, vạn đại dung thân". (Một dải đèo Ngang, dung thân muôn đời).

[3] Nhà Mạc phong Nguyễn Bỉnh Khiêm tước Trình Tuyền hầu.

www.thuvien247.net

*ĐỜI HẬU LÊ*

*Vũ Văn Uyên, Vũ Văn Mật*: người huyện Gia Lộc, đời Quang Thiệu ở đất Đại Đồng trấn Tuyên Quang. Văn Uyên ứng mộ theo đi đánh đẹp có công, được thăng Đô tổng binh sứ, rồi giữ thành giữ cõi, khống chế nhà Mạc. Uy thế nhà Lê lại nổi là nhờ sức Văn Uyên. Không được bao lâu thì chết, em là Văn Mật lên thay. Lê Quí Đôn khen: "Lòng trung nghĩa của Văn Uyên ngang với Trương Quĩ nhà Tấn và Lý Khắc Dụng nhà Đường". Mật giúp nhà Lê chống nhà Mạc, nhân dân trong cõi được yên, vì có công được phong tước Gia Quốc công, cho con cháu được thế tập giữ chức trấn thủ Tuyên Quang (công việc chép rõ ở *Tuyên Quang tỉnh chí*). Năm Gia Long thứ nhất, Mật được liệt vào hàng công thần trung hưng nhà Lê bậc thứ nhì, và miễn lao dịch cho một người cháu để giữ việc thờ tự.

*Phạm Công Trứ*: người huyện Đường Hào, đỗ Tiến sĩ đời Vĩnh Hựu, thường làm Thượng thư lục bộ, thăng Thiếu bảo, Quốc lão Quận công. Ông là người thâm trầm giản trọng, giữ chính sự trong nước 19 năm, ức chế bọn hãnh thần nhũng lạm, giữ gìn phong hoá tiết nghĩa, đời khen là bậc danh tướng. Ông thích sách, ham học, đến già không mỏi. Đời Cảnh Trị soạn bộ *Quốc sử Ngoại kỉ* và *Bản kỉ tục biên* gồm 23 quyển. Đức vọng, công nghiệp, đứng đầu hiền thần sau trung hưng. Khi chết, tặng Thái tể.

www.thuvien247.net

*Nguyễn Minh Triết*: người huyện Chí Linh, đỗ Thám hoa đời Đức Long, làm đến Thượng thư Binh bộ, tước Cẩm Quận công, hưởng thọ 96 tuổi; học rộng, văn hay, đời rất tôn kính.

*Đồng Tồn Trạch*: người huyện Chí Linh, đỗ đồng Tiến sĩ đời Phúc Thái, làm đến Thượng thư Hộ bộ, tước Nghĩa Trạch hầu. Ông là người liêm khiết, trong nhà không được dư vật, được khen thanh bạch. Chết, tặng Thượng thư Lại bộ, Thái bảo, Nghĩa Quận công.

*Vũ Công Đạo*: người huyện Đường Yên, đỗ Tiến sĩ đời Vĩnh Thọ, làm đến Đô Ngự sử, Thượng thư. Lúc ấy, Vũ Duy Đoán phụng mệnh đến Nam Quan tiếp nhận từ họ Mạc, (trong công văn), Trịnh Căn đem tên nội thần Hán quận[1] đứng trên, Duy Đoán không chịu kí tên, Đạo cũng dâng sớ kháng nghị và đập đầu vào cột, người ta khen là viên ngự sử chân chính. Đạo bị bãi về, sau lại được triệu dụng làm đến Thượng thư Công bộ. Đạo là người thuần cẩn, chất phác, cứng rắn, thẳng thắn, trước làm Đốc đồng trấn Sơn Nam, có người dẫn đến một kĩ nữ đẹp, ông cự tuyệt rất nghiêm khắc. Từng nói: "Tôi đầu không bằng người xưa, nhưng không bao giờ phạm lời răn hiếu sắc". Đấy là việc mà người ta khó theo kịp.

---

[1] *Việt sử thông giám cương mục* chép là người hoạn quan Thân Đức Tài.

www.thuvien247.net

*Vũ Duy Đoán*: người huyện Đường Yên, nổi tiếng văn chương, thi Hương đỗ Giải nguyên, đỗ Hội nguyên đời Cảnh Trị; làm đến Thượng thư Công bộ; dâng bài "Kim giám lục", khuyên (chúa Trịnh) chính tâm thuật, hậu phong tục, biết người hiền, bỏ người nịnh. Sau vì nói thẳng (xem việc Vũ Công Đạo ở trên) trái ý chúa, bị bãi chức. Ông có bài phú "Phạm Lãi du ngũ hồ", và bài "Mộ Trạch thôn phong cảnh"[1] bài "Nông gia khảo lịch"[2] và bài "Dị văn kí"[3]. Người đời khen: "Trước đời tung hưng có Vịnh Kiều hầu[4] sau đời trung hưng có Đường Xuyên tử[5]". Ý nói văn thể thanh cao.

*Trần Thọ*: người huyện Chí Linh, đỗ Tiến sĩ đời Cảnh Trị, làm quan đến Tả Thị lang Hộ bộ, tước Phương Trạch hầu. Con là Trần Cảnh đỗ Tiến sĩ khoa Mậu Tuất đời Vĩnh Thịnh, làm đến Thượng Lễ bộ, thống lãnh Bình Khấu Đại Tướng quân, có nhiều công trạng, được thăng tước Quận công. Cháu là Trần Tiến, đỗ Tiến sĩ khoa Mậu Thìn đời Cảnh

---

(1) Phong cảnh thôn Mộ Trạch.
(2) Xét thành tích nhà nông.
(3) Nghi việc lạ.
(4) Tức Hoàng Sĩ Khải, người xã Lại Xá, huyện Lang Tài, Bắc Ninh, làm quan triều nhà Mạc.
(5) Tức Vũ Duy Đoán, vì Duy Đoán là người huyện Đường Yên, nên gọi là Đường Xuyên tử.

www.thuvien247.net

Hưng, làm đến Phó Đô ngự sử tước Sách Huân bá. Chất là Trần Đĩnh, Trần Khôi, đều đỗ Hương cống, do thế ấm đều được bổ quan. Đến loạn Tây Sơn, bọn Trần Đĩnh cùng nghĩa sĩ đắp luỹ ở Hộ Xá, khởi nghĩa ở Phao Sơn, lo toan báo ơn nước, vẫn phong thái trung nghĩa của cố gia.

*Nguyễn Danh Nho*: người huyện Cẩm Giàng, tài văn nhanh đẹp, cầm bút viết ngay, người ta gọi là "dật tiên"(1), cũng gọi là "quyển long"(2), đỗ Tiến sĩ đời Vĩnh Trị thi khoa Đông các, dự thưởng thứ nhất, được cất lên chức Tả Ti giám. Gặp việc dám nói thẳng, sau lần lượt thăng Hiến sát sứ, Thượng bảo tự khanh, có công về việc đốc chiến đánh giặc Nùng ở Tuyên Quang, Hưng Hoá, thăng Hữu Thị lang Công bộ; phụng mệnh đi sứ, ốm chết, tặng Hữu Thị lang Hộ bộ.

*Vũ Thạnh*: người huyện Đường Yên, đỗ Thám hoa đời Chính Hoà, làm đến Thiêm độ Ngự sử, vì nói việc trái ý chúa, phải bãi chức, về nhà dạy học, học trò hơn 70 người đều đỗ giáp bảng; cũng nhiều học trò đỗ thi võ, là bậc sư biểu đời bấy giờ.

*Nguyễn Mại*: người huyện Chí Linh, đỗ Hoàng giáp đời Chính Hoà, có sức khoẻ, có mưu lược, làm

(1) Ông tiên có cao siêu.

(2) Con rồng cuộn khúc.

www.thuvien247.net

quan Thị lang Lễ bộ, ra trấn thủ Sơn Tây, có chính tích đặc biệt, trộm cướp phải nín hơi, xét kiện sáng suốt, danh vọng rất cao. Sau Trần Hiền, Tiến sĩ xã Vân Canh huyện Từ Liêm, có làm bài kí "Sơn Tây đức chinh" để ca tụng. Chết tặng hàm Thượng thư, tước Đông Quận công và phong làm phúc thần.

*Lê Hữu Kiều*: người huyện Đường Hào, đỗ đồng Tiến sĩ đời Vĩnh Thịnh, làm đến Thượng thư Lễ bộ, ra làm tướng võ, vào làm tướng văn, hơn 40 năm, công nghiệp đức vọng lừng lẫy, là bậc tôi giỏi đời bấy giờ.

*Nhữ Đình Toản*: người huyện Đường Yên, đỗ Hội nguyên đời Vĩnh Trị, làm đến Thượng thư Binh bộ, hơn 10 năm giữ chính quyền, chỉ chủ trương khoan hồng, người đời khen là danh thần. Về hưu đặc ân cho hiệu quốc lão, chết tặng Thái bảo.

*Phạm Đình Trọng*: người huyện Giáp Sơn, đỗ Tiến sĩ đời Vĩnh Trị, có tài cán mưu lược cả văn lẫn võ, làm Thị lang, cầm quân dẹp giặc Đông Hải Nguyễn Hữu Cầu, được thăng Thượng thư, tước Quận công, trấn thủ Nghệ An, trong cõi được yên tĩnh, người địa phương lập sinh từ; kiêm giữ việc châu Bố Chính, có bài kí "tượng đầu đoán tụng" (Cỡi voi xét kiện) (xem *Hoàng Việt văn tuyển*). Sau khi chết, vua Hiển Tông tặng tước vương, sau lập đền thờ ở làng.

www.thuvien247.net

*Vũ Khâm Thận*: người huyện Tứ Kì, đỗ Tiến sĩ đời Bảo Thái, tính tình hào mại, gặp việc nói thẳng, làm đến Đô ngự sử, ở trong thì dự bàn chính sự, ở ngoài thì tham tán quân cơ, lập nhiều công lao. Chết tặng Thượng thư Binh bộ. Con là Vũ Ki, đỗ Tiến sĩ đời Cảnh Hưng, làm trấn thủ Lạng Sơn.

*Phạm Quí Thích*: người huyện Đường Yên, đỗ Tiến sĩ đời Cảnh Hưng, làm thiêm sai, tri Công Phiên. Sau khi loạn, về ở ẩn. Năm Gia Long thứ nhất bị triệu vào triều yết kiến, được khen là người khí tiết thanh cao, trao chức Thị trung Học sĩ, vẫn được làm Đốc học phủ Phụng Thiên ở Bắc Thành; sau khi ốm từ chức về nhà. Văn thơ nổi tiếng, học giả suy tôn.

*Lê Hữu Luân*: người huyện Đường Hào, là con Thượng thư Lễ bộ Lê Hữu Kiều. Cuối đời Lê họ Trịnh chuyên quyền, bèn tránh vào ở xã Phúc Lộc huyện Hương Sơn trấn Nghệ An, tài trí dồi dào, tính tình hào mại. Ông có câu thơ rằng: "Thiện diệc lãn vi hà huông ác; quí do bất nguyện khởi ưu bần". (Lành cũng biếng làm chi kể dữ; sang còn chẳng thích há lo nghèo). Tự đặt hiệu là Hải Thượng Lãn Ông (vốn người Thượng Hồng trấn Hải Dương, nên đặt hiệu thế). Rất giỏi y học, tác phẩm có bộ *Lãn Ông y án*. Người đời sau chỉ biết ông là tay danh y, mà không biết là bậc cao sĩ.

www.thuvien247.net

*Vũ (Bá) Xưởng*: người huyện Đường Yên, đỗ Hương cống triều Lê. Năm Tân Mão, Lê Cảnh Hưng thứ 32, Trịnh Sâm truất thái tử nhà Lê là Duy Vĩ, bắt giam vào ngục, các viên quan thuộc của thái tử đều tan rã. Xưởng cùng Đinh An tự thừa là Lương Giản Định mưu dấy quân cướp lấy thái tử ra ngục, nhưng việc bại lộ, bị Trịnh Sâm giết.

*Nguyễn Huy Giáp*: người huyện Gia Lộc, nho sinh trúng thức[1] khoa Tân Mão đời Cảnh Hưng. Năm Chiêu Thống thứ 2, do thị nội văn chức được bổ làm Đốc đồng trấn Tuyên Quang; năm thứ 3 Chiêu Thống đế chạy sang phương Bắc, ông cùng bọn Binh chính Lê Huy Lâm và Viện nạp Ngôn Viện Xuất nạp Lê Doãn Tuấn, đều theo đi; năm Nhâm Tí phụng mệnh lẻn về nước, chiêu dụ hào kiệt, mưu tính việc khôi phục. Về đến Lạng Sơn, bị Tây Sơn bắt, đưa về thành Thăng Long. Giặc dùng quan tước dụ dỗ, Giáp cùng bọn Lân và Tuấn khẳng khái không chịu khuất, đều bị giết. Lê Huy Lâm là người huyện Thanh Hà, nho sinh trúng thức đời Cảnh Hưng; năm Chiêu Thống thứ nhất, làm cung thừa sứ hành binh chính trong viện Nội Hàn, Lê Doãn Tuấn là người huyện Siêu Loại (Bắc Ninh), là con tiến sĩ Lê Doãn Thân và là em họ Lê Quýnh.

---

[1] Chế độ khoa cử triều Lê, hương cống vào thi hội dự trúng được ba kì, gọi là nho sinh trúng thức.

www.thuvien247.net

*Trần Đĩnh*: người huyện Chí Linh, là con tiến sĩ triều Lê Trần Tấn. Năm Bính Ngọ, quân Tây Sơn đến, ông tự đem em và cháu hơn 10 người cùng với thủ hạ và thổ binh đánh nhau với Tây Sơn, theo hầu Chiêu Thống để về trú tại bản huyện. Quân Thanh sang viện, đều được cất nhắc bổ dụng. Đến lúc quân Tây Sơn trở lại vua Lê chạy sang Kinh Bắc, ông đi sau vén quân không theo kịp, bèn trở về, hội họp hào mục, thủ hạ và thổ binh đắp luỹ chống nhau với Tây Sơn, vì thế lực không địch nổi, em là Trần Lang và cháu là Trần Đăng, đều bị chết, còn thì đều tản vào núi rừng, Tây Sơn chiêu dụ, không chịu khuất. Năm Canh Tuất, ông lại cùng bọn Lê Duy Đản Tiến sĩ và Hoàng Xuân Tú nguyên Hiệp trấn Kinh Bắc khởi nghĩa ở Phao Sơn, chém giết nguỵ binh hơn 10 ngày, quân Tây Sơn bốn mặt đến vây sát, Đĩnh cùng Vũ Trọng Dật (con rể người anh của Đĩnh là Trần Luyện) và Trần Dần, Trần Hạc (con nuôi người em của Đĩnh là Trần Khuê) đều bị chết. Năm Gia Long thứ nhất được ơn cho Trần Khôi là em của Đĩnh bổ Tri phủ Đoan Hùng; năm Tự Đức thứ 12, được thờ ở đền Tiết Nghĩa nhà Lê. Em là Trần Lang, Trần Đăng và con rể nhà anh là Vũ Trọng Dật, con nuôi nhà em là Trần Dần, Trần Hạc đều được thờ phụng.

*Nguyễn Hữu Tế*: người huyện Thanh Hà, là con Quả Nghị Tướng quân triều Lê là Nguyễn Viết

www.thuvien247.net

Phượng; do tập ấm được trao chức Đô chỉ huy sứ. Năm Bính Ngọ, quân Tây Sơn đến, Tế cùng người đồng huyện là Nguyễn Thế Hiến đem nghĩa binh rước vua Lê trú ở nhà Thế Hiến, chia quân đóng giữ. Giặc đến đánh sát, hai người đều đem binh hết sức đánh. Vì vội vàng không có viện binh, thế lực không địch nổi, phải hộ vệ xa giá theo đường Kinh Bắc chạy trốn, quân Tây Sơn đón đánh chặn đường, hai người đều đốc binh chống đánh mà bị giết. Năm Tự Đức thứ 12 đều được thờ ở đền Tiết Nghĩa nhà Lê.

*ĐỜI NGUYỄN*

*Phạm Đình Trạc*: người huyện Đường Hào, là dòng dõi Thái tể Phạm Công Trứ, đỗ Cử nhân khoa Tân Tị đời Minh Mệnh, làm Án sát tỉnh Cao Bằng. Năm Minh Mệnh thứ 14, nghịch vẫn vây tỉnh thành hơn một tháng, đường tiếp viện bên ngoài bị cắt đứt, Trạc bèn cùng Bố chính Bùi Tăng Huy, và Lãnh binh Phạm Văn Lưu tỉnh Lạng Sơn, hội họp sĩ tốt mà nói: "Thà chết để bảo toàn tính mạng quan quân cả thành". Rồi mặc triều phục đặt hương án, lạy vọng về cửa khuyết, cởi triều phục và đem sắc bằng đốt đi, nằm xuống huyệt đã đào sẵn, sai người đậy ván và lấp đất mà chết. Triều đình được tin, ban thưởng 100 lạng bạc, liệt thờ ở đền Tam Trung. Năm Tự Đức thứ 11 lại liệt thờ ở đền Trung Nghĩa.

www.thuvien247.net

*Phan Trước*: người huyện Đường Hào, đỗ Đình nguyên nhị giáp Tiến sĩ, khoa Nhâm Thìn đời Minh Mệnh, làm Bố chính tỉnh Bắc Ninh; đầu đời Tự Đức, thăng Tuần phủ Thuận - Khánh, chết ở quan, trước làm quan thanh liêm cần mẫn, lại được dân tin yêu.

*Lương Đình Kiên*: người huyện Đường Hào, Thí sai Suất đội ở cơ Trung Kiên. Năm Minh Mệnh thứ 15, đánh thổ phỉ ở trạm Lạng Chỉ tỉnh Lạng Sơn, bị chết trận, tặng Cai đội.

*Nguyễn Dĩnh*: người huyện Cẩm Giàng, đỗ Cử nhân khoa Ất Dậu đời Minh Mệnh, làm Tri phủ Hoà An, giặc vây phủ thành, Dĩnh không chống cự nổi, bị giặc giết, tặng Viên ngoại lang Lễ bộ.

*Nguyễn Văn Thịnh*: người huyện Thanh Hà, làm Chánh đội trưởng cơ Trung Thắng; năm Minh Mệnh thứ 19, đi dẹp giặc biển ở huyện Hoành Bồ, bị chết trận, tặng Kiến Công Đô uý.

*Bùi Văn Thuý*: người huyện Gia Lộc, đỗ Cử nhân khoa Nhâm Dần đời Thiệu Trị; năm Tự Đức thứ 3 quyền nhiếp ấn vụ châu Vạn Ninh, lúc ấy giặc người Thanh tràn sang, Thuý không chống cự nổi, bị giặc giết, tặng Tri châu.

*Nguyễn Lãng*: người huyện Thanh Lâm, làm Cai đội cơ Tả Tiệp, năm Tự Đức thứ 4, đánh nhau

www.thuvien247.net

với giặc người Thanh ở Hàng Dầu ải Lạng Sơn, bị chết trận, tặng Kiến Công Đô uý; năm Tự Đức thứ 11, được liệt thờ ở đền Trung Nghĩa.

*Đỗ Khắc Thư*: người huyện Cẩm Giàng, đỗ Cử nhân khoa Kỉ Mão năm Gia Long thứ 18, làm Tham tri Binh bộ. Thánh Tổ khen là người nghiêm trang trọng hậu, sau thăng tuần phủ Nam - Ngãi, lại đổi đi Tuần phủ Thuận - Khánh, chết ở quan.

## HIẾU TỬ

*Hoàng Văn Hoàn*: người huyện Nghi Dương. Cha là Triêm đỗ Hương cống triều Lê, dời đến ngụ ở An Dương. Hoàn để tang cha mẹ, đều làm lều ở cạnh mộ 3 năm, đối với làng xóm không hề tranh cạnh, người ta khen có hiếu. Năm Minh Mệnh thứ 8 được biểu dương.

## LIỆT NỮ

*Phạm Thị Viên*: người huyện Đường Hào, thông minh biết chữ, có nhan sắc, lấy chồng là Giám sinh họ Lê người cùng làng, có con trai con gái 4 người. Cuối đời Trần, quân Minh xâm lược, chồng thị ốm chết, thị nuôi nấng con côi, thề không cải giá. Đến lúc Lê Thái Tổ bình yên cả nước, bọn quan lại hào hữu thường muốn cưỡng ép, thị đều lấy đại tiết chống cự. Đầu đời Thái Hoà Lê Nhân Tông, có

www.thuvien247.net

chiếu tìm người trinh liệt, quan đem tên thị tâu lên, được nêu ở cửa mấy chữ "Tiết phụ môn". Thị hưởng thọ 80 tuổi. Sau con cháu nối đời làm quan, là một họ lớn trong vùng. Đời Hồng Đức, Thân Nhân Trung soạn văn bia khắc vào đá, nay vẫn còn (việc chép ở *Công dư tiệp kí*).

*Nguyễn Thị Duệ*: người huyện Chí Linh, thông minh hơn người, học rộng văn hay; năm mới hơn 10 tuổi, cải trang làm con trai để đi học; khi lớn, ứng thí khoa thi Hội đời Mạc, đỗ Tiến sĩ. Vua Mạc thấy dung mạo giống con gái, hỏi ra mới biết, lấy làm lạ. Đến khi nhà Mạc mất, ẩn ở dân gian, vua Lê nghe tiếng, cho triệu vào cung để dạy cung nữ, cho hiệu là Nghi Ái quan, dùng văn chương hầu hạ, không rời tả hữu; mỗi khi vua hỏi việc gì, thị liền dùng sự tích xưa nay chép trong kinh sử để đáp, vua Lê khen ngợi, cấp cho các thuế ở bản xã làm ngụ lộc. Đến năm 70 tuổi xin về làng, dựng am Đàm Hoa để ở. Nay xã Kiệt Đặc thờ làm thần, vẫn còn bi kí (việc chép trong *Chí Linh phong thổ kí*).

*ĐỜI NGUYỄN*

*Phạm Thị Tuân*: người huyện Cẩm Giàng, năm 18 tuổi, lấy chồng người cùng làng là Hà Văn Thọ sinh một trai, một gái, năm 23 tuổi, ở goá hưởng thọ 101 tuổi. Năm Minh Mệnh thứ 6 được biểu dương.

www.thuvien247.net

*Bùi Thị Tư*: người huyện Thanh Hà. Lúc chồng chết thị mới 20 tuổi, chưa có con, bèn tự thắt cổ chết theo. Năm Minh Mệnh thứ 9 Tri huyện là Nguyễn Du lập bia ở mộ để ghi.

*Vụ Thị Lựu*: người huyện Gia Lộc, là vợ Phạm Huy, năm 14 tuổi về nhà chồng, sinh một con gái, năm 29 tuổi goá chồng, để tang chồng giữ chí, cha mẹ bắt ép cải giá không chịu. Năm Minh Mệnh thứ 17 được biểu dương.

*Nguyễn Thị Bình*: người huyện Giáp Sơn, là vợ Mạc Thế Viêm, năm 18 tuổi về nhà chồng, cha mẹ chồng muốn chia của cho ở riêng, thị khẩn khoản xin được ở chung để tiện cho chồng theo học. Lấy chồng mới được 6 tháng, chồng mắc bệnh, thị chặt khăn đội đầu làm ba đoạn, khóc lóc thề chết theo chồng, sau khi chồng chết, thị ôm áo quan gào khóc, xin được cùng chôn một huyệt, họ hàng làng xóm hết sức khuyên giải. Ngay ngày hôm ấy thị về buồng mẹ đẻ tự thắt cổ chết. Năm Thiệu Trị thứ 3 được biểu dương.

*Nguyễn Thị Thường*: người huyện Gia Lộc, là vợ Phạm Công Nghĩa, tuổi trẻ về nhà chồng, sinh một con trai, năm 26 tuổi goá chồng, người cha biết chí con, không ép cải giá. Năm Thiệu Trị thứ 6 được biểu dương.

*Nguyễn Thị Uyên*: người huyện An Dương, năm 16 tuổi, lấy chồng là Lê Học Giáp, người ở Lũng

www.thuvien247.net

Bắc, năm 24 tuổi goá chồng, cha mẹ ép cải giá, thị không chịu, trước sau trọn tiết. Năm Tự Đức thứ 2 được biểu dương.

*Đỗ Thị Tư*: người huyện Cẩm Giàng, năm 18 tuổi lấy chồng là Phạm Văn Huy, người cùng xã, sinh một trai một gái, năm 26 tuổi, chồng chết, con trai con gái và cha mẹ chồng cũng kế tiếp nhau mà chết; sau khi đoạn tang cha mẹ để ép tái giá, thị không chịu, được 6 năm thì chết. Năm Tự Đức thứ 2 được biểu dương.

## TIÊN VÀ TĂNG

*Yên Kì Sinh*: theo *An Nam chí* là người nhà Hán, đắc đạo ở núi Yên Tử, huyện Đông Triều. Sau từ núi này bay đi.

*Trần Đạo Căn*: người huyện Chí Linh, không ăn ngũ cốc, thường lập đàn cúng giúp người ta, lấy giấy phủ vào mặt lặn xuống nước, đợi hương tàn mới lên.

### *ĐỜI TRẦN*

*Pháp Loa*: họ Đồng, tên là Kiên Cương, sinh năm Trần Thiệu Phong[1] thứ 6 ở thôn Đồng Hoà

[1] Trong sách này cũng như *Kiến văn tiểu lục* của Lê Quí Đôn đều chép Pháp Loa sinh năm Thiệu Phong thứ 6 triều Trần, nhưng chắc chắn là chép lầm, bởi vì Pháp Loa là người thời Trần Nhân Tông, mà Thiệu Phong là một hiệu của Trần Dụ Tông, còn ở sau thời Trần Nhân Tông hàng nửa thế kỉ; hẳn là Thiệu Long (Trần Thánh Tông), chép lầm.

www.thuvien247.net

(tức thôn Đồng Hoa xã Phụ Vệ bây giờ), hương Cửu La thuộc Nam Sách Giang. Mẹ đêm mộng thấy dị nhân cho thanh thần kiếm, mừng rỡ ôm vào bụng, do đấy có mang. Khi sinh mùi hương lạ đầy nhà. Lúc bé, thông minh đĩnh ngộ, không nói bậy, không ăn thịt cá, năm 21 tuổi, Trần Nhân Tông ra chợ Nam Sách Giang trông thấy, lấy làm lạ, nói: "Người này có đạo căn, sau này tất có đạo pháp". Lại mừng được người ấy đến, nên cho gọi tên là Hỉ Lai. Sau thụ giới ở chùa Kì Lân xã Kiệt Đặc, cho hiệu là Pháp Loa. Năm Hưng Long thứ 16, cho làm Trúc Lâm đệ nhị tổ sư tông, cho tên là Phổ Tri Tôn Giả. Gặp năm đại hạn, phụng chiếu đảo vũ, thường được ứng nghiệm. Pháp Loa dựng viện Quỳnh Lâm và các am Hồ Thiên, Chân Lạc; có *Đoán sách lục* lưu hành ở đời; lại giỏi thơ. Chùa Hương Hải ở xã Phụ Vệ thường tỏ dấu anh linh.

*Huyền Vân*: người huyện Chí Linh, đỗ Tiến sĩ triều Trần, luyện thuốc ở trong động Phượng Hoàng, tịch năm Đại Trị thứ 10 đời Trần Dụ Tông. Lại *An Nam chí* chép: Từ quan huệ thông đại sư cũng là người huyện Chí Linh, năm 12 tuổi xuất gia, trai giới tinh khiết, năm 84 tuổi, lúc sắp tịch, chim muông kêu thê thảm, trên không tiếng nhạc nổi vang, mây trắng bao bọc am viên, mùi hương lạ đầy nhà.

www.thuvien247.net

## THỔ SẢN

*Cam đường*: có một tên nữa là cam nhũ, sản ở các xã Vũ Xá, Nhũ Tỉnh, Đồng Quang huyện Tứ Kì và Lực Đáp, Hoà Ung huyện Vĩnh Lại, quả nhỏ, vị ngọt và thơm, có lệ cống.

*Long nhãn*: sản nhiều ở các xã Minh Quyết, Ngọc Trực, Tế Bình, Nghĩa Trạch, Bằng Lãng và Thu Lãng huyện Cẩm Giàng.

*Dứa*: sản ở các xã Đồng Bào, Chân Lại, Toại An huyện Tứ Kì.

*Dừa*: sản ở các xã Dược Sơn huyện Chí Linh, Nghĩ Lộ và Hoàng Thạch huyện Đông Triều, Hạ Khôi và Cổ Pháp huyện Thuỷ Đường.

*Vải*: xã Hoà Nhuệ huyện Tứ Kì và xã Tử Nham huyện Đông Triều đều có; vải ngon thì ở xã Yên Nhân huyện Đường Hào. *Vân đài loại ngữ* của Lê Quí Đôn nói: "Nước Nam có rất nhiều vải tốt, vải ở xã Yên Nhân huyện Đường Hào vị ngọt và thơm".

*Thuốc lào*: các huyện Thanh Lâm, Tiên Minh và Vĩnh Bảo đều có, thuốc lào Tiên Minh ngon hơn.

*Chàm*: sản ở các xã Sài Trang, Đường Trang, Nghĩa Trang và Thuỵ Trang huyện Đường Hào[1].

---

[1] Các xã này sau đều thuộc huyện Yên Mĩ tỉnh Hưng Yên.

www.thuvien247.net

*Chè*: sản ở Phao Sơn huyện Chí Linh.

*Tùng, bách*: sản ở núi Yên Tử. *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi nói: "gỗ có tùng, bách".

*Hoè, liễu*: sản ở huyện Chí Linh.

*Nứa*: sản ở huyện Đông Triều.

*Đá xanh*: sản ở núi Hoa Triều huyện Đông Triều và núi Dương Nham huyện Giáp Sơn. Lời chua trong *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi nói: "Đá ở hai hòn núi này có dáng như mây, phẩm chất có thể làm khánh". *Sử* chép: "năm Thiệu Bình thứ 4, sai thợ đục đá ở Giáp Sơn, đục đá núi Dương Nham làm khánh".

*Đá son*: ở núi Phượng Hoàng xã Kiệt Đặc, huyện Chí Linh. Theo *Chí Linh phong thổ kí*: tương truyền trên núi có giếng, sắc nước đỏ như son, người ta dùng ống tre cắm xuống đáy giếng, lấy được son nhão như bùn, đem phơi nắng thì rắn chắc đẹp đẽ, vào hạng tốt nhất. Trung gian, Quí phi là Phạm Thị e chỗ ấy sẽ thành lệ thuế, nên đem người trong xã lấy đá lấp đi từ đấy mất tung tích giếng ấy. Gần đây, nhiều lần sai quan đi khám, nhưng không tìm thấy dấu tích đâu cả, nay son lấy được, đều là son nổi lên trên, không phải thứ son cũ. Thơ của Thái Thuận có câu: "Tăng hộ thường quan nhân uý hổ. Thanh nham đa quật vị tầm châu" (vì sợ cọp, cửa chiền vẫn đóng; muốn tìm châu hang đá đào tung), tức là chỗ này.

www.thuvien247.net

*Kẽm trắng*: có mỏ ở An Lãng, năm Gia Long thứ 9 khai lấy.

*Đất trắng*: sản ở xã Mạn Khê huyện Đông Triều.

*Đất đỏ*: sản ở xã An Lãng huyện Đông Triều.

*Than đất*: sản ở xã An Khánh huyện Đông Triều.

*Sơn đất*: sản ở huyện Thanh Miện.

*Vỏ gió*: sản ở xã Tứ Trang huyện Đông Triều.

*Đồi mồi*: sản ở xã Diên Dương huyện Nghi Dương.

*Sại nam*: sản ở xã Phạm Xá huyện Tứ Kì.

*Vải nhỏ trắng*: xã Bất Bế huyện Vĩnh Lại, xã Hội Am huyện Vĩnh Bảo và xã Mao Điền huyện Cẩm Giàng, ba xã này sản vải nhỏ trắng rất tốt. *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi nói: "vải nhỏ ở Mao Điền, Bất Bế và Hội Am".

*Vải hoa*: sản ở xã Triều Dương huyện Thanh Miện và xã Xạ Sơn huyện Giáp Sơn.

*Mật mía*: sản ở huyện Cẩm Giàng.

*Nước mắm thơm*: sản ở xã Đông Giang huyện Thanh lâm.

*Muối*: sản ở xã Nội Hoàng huyện Đông Triều và xã Vũ Yên huyện An Dương.

www.thuvien247.net

*Gạch và bát*: sản ở xã Hương Giản, Kệ Giản huyện Đường Yên; lại sản xuất các loại đĩa chén nam.

*Đồ mã*: sản ở xã Dương Điền, huyện Đường Hào.

*Quạt đồi mồi, quạt tre*: sản ở xã Đào Xá huyện Đường Yên và xã Tiên Cầu huyện Đường Hào.

*Lược dày*: sản ở Hoạch Trạch huyện Đường Yên.

*Hương nén*: sản ở xã Phong Ốc, huyện Đường Hào.

*Hương đen*: sản ở xã Quang Anh huyện Gia Lộc và xã Lang Giản huyện Chí Linh.

*Giày (dép)*: sản ở xã Phong Lâm và xã Trúc Lâm huyện Tứ Kì.

*Lưới*: sản ở các xã Dị Sử, Ngọc Lập và Trung Lập huyện Đường Hào.

*Chiếu dệt*: xã Nga Hoàng huyện Cẩm Giàng, xã Quảng Xuyên, xã Chu Uyên huyện Tứ Kì, xã Thượng Trật huyện Thanh Lâm, xã Hạ Vĩnh, xã Lập Lễ huyện Thanh Hà, xã Lật Dương, xã Dư Đồng huyện Tiên Minh đều làm nghề dệt chiếu.

*Chiếu cói*: sản ở các xã Uông Thượng, Uông Hạ, Chu Đỗ, Mạc Xá, Đặng Xá huyện Thanh Lâm.

*Trứng tằm*: sản ở các xã Đoàn Lâm, Đào Lâm, Phạm Lâm huyện Gia Lộc.

Gà chọi: sản ở huyện An Dương, An Lão.

www.thuvien247.net

*Hươu nai*: sản ở huyện Đông Triều và huyện Nghi Dương.

*Trâu chọi*: ở Đồ Sơn huyện Nghi Dương.

*Cá lình, cá đối*: sản ở sông huyện Đường Hào. *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi nói: "Cá đối huyện Đường Hào có độc, không thể ăn được".

*Cua biển, sò biển, tôm biển.*

*Mã đao*: có vỏ, như hình lưỡi đao, vị thanh đạm, huyện Thanh Hà có.

*Rươi*: chữ Hán là đại hoả trùng nấu và làm mắm đều ngon.

*Con ruốc*: chữ Hán là thuỷ thần, ở xã Đồng Tải huyện Gia Lộc ngon hơn cả.

www.thuvien247.net

# MỤC LỤC

## ĐẠI NAM NHẤT THỐNG CHÍ
## Tập III


| | | | |
|---|---|---|---|
| *Quyển IX* | : | TỈNH BÌNH ĐỊNH | 5 |
| *Quyển X* | : | ĐẠO PHÚ YÊN | 73 |
| *Quyển XI* | : | TỈNH KHÁNH HÒA | 100 |
| *Quyển XII* | : | TỈNH BÌNH THUẬN | 143 |
| *Quyển XIII* | : | TỈNH HÀ NỘI | 182 |
| *Quyển XIV* | : | TỈNH NINH BÌNH | 273 |
| *Quyển XV* | : | TỈNH HƯNG YÊN | 330 |
| *Quyển XVI* | : | TỈNH NAM ĐỊNH | 372 |
| *Quyển XVII* | : | TỈNH HẢI DƯƠNG | 434 |

www.thuvien247.net

700 ans de Thuan Hoa
Phu Xuan Thua Thien Hue

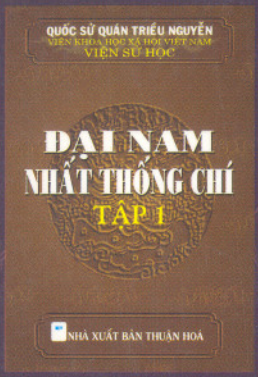


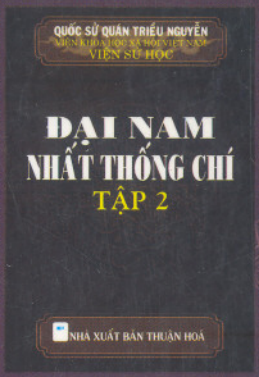


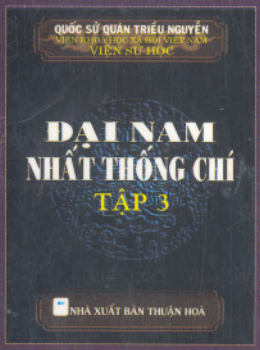


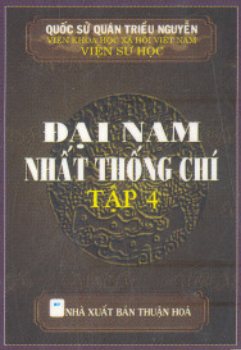


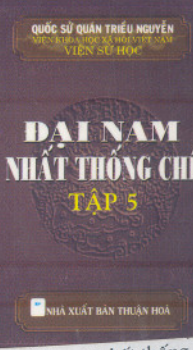


T1 27 đại nam nhất thống
1 007060 500067
273.000 VNĐ

DN SÁCH THÀNH NGHĨA TP HỒ CHÍ MINH
NHÀ SÁCH NGUYỄN VĂN CỪ
288B AN DƯƠNG VƯƠNG, Q.5, TP HCM- ĐT: 8392516

GIÁ: 50.000Đ